

Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã Ba-la-mật

Đại Chánh (Taisho) vol. 8, no. 231

Hán dịch: Nguyệt-bà-thủ-na
Phiên âm & Lược dịch: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến
Việt dịch: Hải Phước



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và
Lược Dịch Sun Apr 30 19:23:18 2006

=====

Bản dịch tiếng Việt của Chùa Châu Lâm

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 231 勝天王般若波羅蜜經

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 231 thắng Thiên vương bát nhã ba la mật
Kinh

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 231 Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã Ba-la-mật

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.21 (UTF-8) Normalized Version,
Release Date: 2004/12/18

No. 231 [No. 220(6)]

231-001

勝天王般若波羅蜜經

thắng Thiên vương bát nhã ba la mật Kinh

Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã ba-la-mật

卷第一

quyển đệ nhất

Quyển I

陳優禪尼國王子月婆首那譯

Trần ưu Thiên ni Quốc Vương tử nguyệt bà thủ na dịch

Đời Trần, Vương tử Nguyệt-bà-thủ-na nước Ưu-thiên-ni dịch

通達品第一

thông đạt phẩm đệ nhất

Phẩm 1: Thông Đạt.

如是我聞。一時婆伽婆。

như thị ngã văn 。 nhất thời Bà-già-bà 。

Tôi nghe như vậy: Một thời, Thế Tôn

在王舍大城耆闍崛山。與大比丘眾四萬二千人俱。皆是阿羅漢。

tại Vương Xá Đại thành Kì-xà-Quật sơn 。 dĩ Đại bỉ khâu chúng tứ vạn nhị thiên nhân câu 。 giai thị A-La-Hán 。

tại thành Vương xá, núi Kì-xà-quật, cùng chúng Đại Tỷ-khưu bốn vạn hai ngàn người đều là A-la-hán,

諸漏永盡所作已辦。捨諸重擔速得己利。

chư lậu vĩnh tận sở tác dĩ辦 。 xả chư trọng đān đāi đắc kỷ lợi 。

các lậu đã hết, việc làm đã xong, bỏ các gánh nặng, đạt được lợi mình,

盡諸有結心善解脫。善得自在猶如大龍。

tận chư hữu kết tâm thiện giải thoát 。 thiện đắc tự-tại do như Đại long 。

hết các kết sử, tâm khéo giải thoát, khéo được tự tại, giống như Rồng lớn;

唯阿難在學地須陀洹果。

duy A-Nan tại học địa Tu-đà-hoàn quả 。

chỉ còn A-nan ở quả Tu-đà-hoàn thuộc địa Hữu học.

其名曰淨命阿若憍陳如。

kỳ danh viết tịnh mạng A-nhã Kiêu-trần-như 。

Tên các vị đó là: Tịnh Mạng A-nhã Kiêu-trần-như,

摩訶迦葉憍梵波提薄拘羅離波多畢陵伽婆蹉大智舍利弗摩訶目乾連須菩

Ma-ha Ca Diếp Kiều-Phạm-Ba-Đề Bạc câu la ly ba đa tất lãng dà
bà tha Đại trí Xá lợi Phát Ma-Ha Mục-Kiền-Liên tu bồ
Ma-ha Ca-diếp, Kiều-phạm-ba-đề, Bạc-câu-la, Ly-ba-đa, Tất-lãng-dà-bà-tha, Đại
Trí Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, Tu-bồ-

提富樓那彌多羅尼子阿尼樓陀摩訶迦栴
Phú Lô Na, Di Đa La Ni Tử, A Ni Lô Đà, Ma-ha Ca Chiên
đề, Phú-lâu-na, Di-đa-la-ni-tử, A-ni-lâu-đà, Ma-ha Ca-chiên-

延優波離羅睺羅如是等四萬二千人俱。
Duyên ưu ba li ,la hầu la, như thị đẵng tứ vạn nhị thiên nhân câu 。
diên, Ưu-ba-ly, La-hầu-la, bốn vạn hai ngàn người như thế.

菩薩摩訶薩七萬二千人俱。
Bồ-tát Ma-Ha tát thất vạn nhị thiên nhân câu 。
Cùng với bảy vạn hai ngàn Bồ-tát Ma-ha-tát,

悉已通達甚深法性。調順易化善行平等。
tất dĩ thông đạt thậm thâm Pháp tính 。 điều thuận dịch hóa
thiện hành bình đẵng 。
đều đã thông đạt Pháp tính sâu xa, điều thuận, dễ chuyển hóa, khéo hành bình
đẵng,

一切眾生真善知識。得無礙陀羅尼。能轉不退法輪已。
nhất thiết chúng sinh chân thiện tri thức 。 đắc vô ngại Đà-La-Ni 。 năng
chuyển bất thoái Pháp luân dĩ 。
là thiện tri thức chân chính của tất cả chúng sinh, được đà-la-ni Vô ngại, đã có
thể chuyển pháp luân Bất thoái,

曾供養無量諸佛。從他佛土為法來集一生補處。

tăng cung dưỡng vô lượng chư Phật 。 tòng tha Phật thổ vi Pháp lai tập Nhất-sinh-bổ-xứ 。

tùng cúng dường vô lượng chư Phật; từ cõi Phật kia, vì pháp đến đây, đời này được bổ xứ,

護持法藏不斷三寶種法王真子。紹佛轉法輪。

hộ trì Pháp tạng bất đoạn Tam Bảo chủng Pháp Vương chân tử 。

thiệu Phật chuyển Pháp luân 。

hộ trì Pháp tạng, không đoạn giống Tam bảo, là con đích thực của đấng Pháp vương, tiếp nối đức Phật chuyển Pháp luân,

通達如來甚深境界。雖現世間世法不染。

thông đạt Như Lai thậm thâm cảnh giới 。

tuy hiện thế gian thế Pháp bất nhiễm 。

thông đạt cảnh giới sâu xa của Như Lai, tuy ở thế gian nhưng không nhiễm pháp thế gian.

其名曰寶相菩薩寶掌菩薩寶印菩薩寶冠菩

kỳ danh viết Bảo-Tướng Bồ-tát bảo chưởng Bồ-tát bảo ấn Bồ-tát bảo quan bồ

Tên các vị đó là Bồ-tát Bảo Tướng, Bồ-tát Bảo Chưởng, Bồ-tát Bảo Ấn, Bồ-tát Bảo Quang,

薩寶髻菩薩寶積菩薩寶海菩薩寶焰菩

tát bảo kế Bồ-tát Bảo Tích Bồ-tát bảo hải Bồ-tát bảo diệm bồ

Bồ-tát Bảo Kế, Bồ-tát Bảo Tích, Bồ-tát Bảo Hải, Bồ-tát Bảo Diệm,

薩寶幢菩薩金剛藏菩薩金藏菩薩寶

tát bảo tràng Bồ-tát kim cương tạng Bồ-tát kim tạng Bồ-tát bảo

Bồ-tát Bảo Tràng, Bồ-tát Kim Cương Tạng, Bồ-tát Kim Tạng, Bồ-tát Bảo

藏菩薩德藏菩薩淨藏菩薩。

tạng Bồ-tát. Đức tạng Bồ-tát, Tịnh Tạng Bồ-tát 。

[Tạng, Bồ-tát Đức Tạng, Bồ-tát Tịnh Tạng,](#)

如來藏菩薩智藏菩薩日藏菩薩定藏菩薩蓮華藏菩

Như Lai tạng Bồ-tát Trí Tạng Bồ-tát nhật tạng Bồ-tát định tạng Bồ-tát
liên hoa tạng bồ

[Bồ-tát Như Lai Tạng, Bồ-tát Trí Tạng, Bồ-tát Nhật Tạng, Bồ-tát Định Tạng, Bồ-tát
Liên Hoa Tạng,](#)

薩解脫月菩薩普賢菩薩觀世音菩薩觀

tát giải thoát nguyệt Bồ-tát Phổ Hiền Bồ-tát Quán Thế Âm Bồ-tát quán
[Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt, Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Quán](#)

月菩薩普音菩薩普眼菩薩蓮華眼菩薩。

nguyệt Bồ-tát phổ âm Bồ-tát phổ nhãn Bồ-tát liên hoa nhãn Bồ-tát
。

[Nguyệt, Bồ-tát Phổ Âm, Bồ-tát Phổ Nhãn, Bồ-tát Liên Hoa Nhãn,](#)

廣眼菩薩普行菩薩普戒菩薩智意菩薩蓮花

quảng nhãn Bồ-tát phổ hành Bồ-tát phổ giới Bồ-tát trí ý Bồ-tát
liên hoa

[Bồ-tát Quảng Nhãn, Bồ-tát Phổ Hành, Bồ-tát Phổ Giới, Bồ-tát Trí Ý, Bồ-tát Liên
Hoa](#)

意菩薩勝意菩薩上意菩薩金剛意菩薩

ý Bồ-tát thắng ý Bồ-tát thượng ý Bồ-tát Kim cương ý Bồ-tát
[Ý, Bồ-tát Thắng Ý, Bồ-tát Thượng Ý, Bồ-tát Kim Cương Ý,](#)

師子遊戲菩薩師子吼菩薩大音王菩薩妙

Sư-tử du hí Bồ-tát Sư-tử hống Bồ-tát Đại âm Vương Bồ-tát diệu

Bồ-tát Sư Tử Du hí, Bồ-tát Sư Tử Hống, Bồ-tát Đại Âm Vương, Bồ-tát Diệu

音菩薩無染菩薩月光菩薩日光菩薩智光

âm Bồ-tát, vô nhiễm Bồ-tát nguyệt quang Bồ-tát nhật quang Bồ-tát trí quang

Âm, Bồ-tát Vô Nhiễm, Bồ-tát Nguyệt Quang, Bồ-tát Nhật Quang, Bồ-tát Trí Quang,

菩薩智德菩薩賢德菩薩華德菩薩文殊

Bồ-tát trí đức Bồ-tát hiền đức Bồ-tát hoa đức Bồ-tát Văn Thù

Bồ-tát Trí Đức, Bồ-tát Hiền Đức, Bồ-tát Hoa Đức, Bồ-tát Văn-thù-

師利菩薩。十六賢士跋陀婆羅菩薩為上首。

sư lợi Bồ-tát 。thập lục hiền sĩ bạt đà bà la Bồ-tát vi thượng thủ 。

sư-lợi. Bồ-tát Bạt-đà-bà-la đứng đầu mười sáu vị hiền sĩ.

賢劫菩薩彌勒菩薩為上首。

hiền kiếp Bồ-tát Di Lạc Bồ-tát vi thượng thủ 。

Bồ-tát Di-lạc đứng đầu chúng Bồ-tát trong Hiền kiếp.

四天王天四王為上首。三十三天帝釋為上首。

tứ Thiên vương Thiên tứ Vương vi thượng thủ 。

Trời bốn Thiên vương thiên do bốn Thiên vương đứng đầu. Cõi Tam thập tam thiên do Đế Thích đứng đầu.

夜摩諸天須夜摩王為上首。

Dạ-Ma chư Thiên tu dạ Ma Vương vi thượng thủ 。

Chư thiên Dạ-ma do Tu-dạ-ma vương đứng đầu.

兜率陀天[月*冊]兜率陀王為上首。化樂天善化王為上首。

Đâu-Xuất-Đà Thiên [nguyệt *sách]Đâu-Xuất-Đà Vương vi thượng thủ 。
hóa lạc Thiên thiện hóa Vương vi thượng thủ 。

Trời Đâu-suất-đà do Tan-đâu-suất-đà vương đứng đầu. Trời Hóa Lạc do Thiên Hóa vương đứng đầu.

他化自在天自在王為上首。諸梵天大梵王為上首。

Tha-Hoá Tự-Tại Thiên tự tại Vương vi thượng thủ 。 chư Phạm Thiên Đại Phạm Vương vi thượng thủ 。

Trời Tha Hóa Tự Tại do Tự Tại vương đứng đầu. Các cõi Phạm thiên do Đại Phạm vương đứng đầu.

首陀婆娑天摩醯首羅為上首。復有諸阿修羅王。

Thủ đà bà sa Thiên Ma hề thủ la vi thượng thủ 。 phục hữu chư A-tu-La Vương 。

Trời Thủ-đà-bà-sa do Ma-hê-thủ-la đứng đầu. Lại có các A-tu-la vương:

娑利阿修羅王羅睺阿修羅王。

sa lợi A-tu-La Vương la hầu A-tu-La Vương 。

Sa-lợi A-tu-la vương, La-hầu A-tu-la vương;

如是等無量百千諸大阿修羅王復有諸龍王。

như thị đẳng vô lượng bách thiên chư Đại A-tu-La Vương phục hữu chư long Vương 。

vô lượng trăm ngàn các đại A-tu-la vương như thế. Lại có các Long vương:

阿耨大池龍王摩那斯龍王娑伽羅龍王婆修吉

a nậu Đại trì long Vương Ma na tư long Vương Sa dà la long Vương bà tu cát

Long vương A-nậu-đại-trì, Long vương Ma-na-tư, Long vương Sa-dà-la, Long vương Bà-tu-cát,

龍王德又迦龍王各將眷屬無量百千耆

long Vương đức xoa ca long Vương các tướng quyến chúc vô lượng bách thiên kì

Long vương Đức-xoa-ca, đều dẫn theo vô lượng trăm ngàn quyến thuộc.

閻崛山縱廣四十由旬地。及虛空靡有間隙。

đồ quật sơn túng quảng tứ thập do-tuần địa 。 cập hư không mĩ hữu gian khích 。

Núi Ki-xà-quật cao rộng bốn mươi do-tuần, và cả hư không cũng không còn chỗ trống.

天龍夜叉乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅

Thiên Long dạ xoa Càn-thát-bà A-tu-La ca lâu la khẩn na la

Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la,

摩睺羅伽人非人等。一心合掌恭敬如來。

Ma hầu la dà nhân phi nhân đẳng 。 nhất tâm hợp chưởng cung kính Như Lai 。

Ma-hầu-la-dà, người, loài phi nhân, vân vân, đều nhất tâm chấp tay cung kính Như Lai.

爾時世尊百千大眾前後圍遶。

nĩ thời Thế Tôn bách thiên Đại chúng tiền hậu vi nhiều 。

Bấy giờ, trăm ngàn đại chúng theo nhau đi quanh,

供養恭敬尊重讚歎。如來面門放大光明。

cung dưỡng cung kính tôn trọng tán thán 。 Như Lai diện môn phóng Đại quang-minh 。

cúng dưỡng, cung kính, tôn trọng, tán thán. Gương mặt Như Lai phóng Đại quang minh,

遍照十方無量世界。還至佛所右邊三匝從面門入。

biển chiếu thập phương vô lượng thế giới 。 hoàn chí Phật sở hữu nhiều tam tạp tông diện môn nhập 。

soi khắp vô lượng thế giới ở mười phương, quay về chỗ Phật, vòng quanh ba vòng từ phía phải, rồi nhập vào gương mặt Như Lai.

東方去此過十恒河沙佛世界。有佛國土名曰莊嚴。

Đông phương khứ thử quá thập hằng hà sa Phật thế giới 。 hữu Phật quốc thổ danh viết trang nghiêm 。

Cách đây về phía Đông, quá mười hằng hà sa thế giới Phật, có cõi Phật tên Trang Nghiêm.

佛號普光如來應供正遍知明行足善逝世間解

Phật hiệu phổ quang Như Lai Ứng-Cúng Chính-biến-Tri Minh-hạnh-Túc thiện thệ thế gian giải

Phật hiệu Phổ Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri Minh Hạnh Túc
Thiện Thệ Thế Gian Giải

無上士調御丈夫天人師佛世尊。

Vô-thượng-Sĩ điều ngự trượng phu Thiên Nhơn Sư Phật Thế Tôn 。

Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn,

今現在世為諸菩薩摩訶薩說一乘正法。

kim hiện tại thế vi chư Bồ-tát Ma-Ha tát thuyết nhất thừa chính Pháp nay đang vì các Bồ-tát Ma-ha-tát thuyết Chính pháp Nhất thừa.

彼佛國土尚無聲聞辟支佛名。況復修其法者。

bỉ Phật quốc thổ thượng vô thanh văn Bích chi Phật danh 。

Ở cõi Phật kia, danh tự Thanh Văn, Phật Bích-chi còn không có huống là người tu các Pháp đó.

諸菩薩眾皆不退轉阿耨多羅三藐三菩提。

chư Bồ-tát chúng giai bất thoái chuyển a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề
Các Bồ-tát ở đó đều không thối lui đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

其土眾生不因飲食但資禪定。日月星光皆悉不現。

kỳ độ chúng sinh bất nhân ẩm thực đăn tư Thiền định 。 nhật nguyệt tinh quang giai tất bất hiện 。

Chúng sinh nước đó không nhờ ăn uống, chỉ có Thiền định. Ánh sáng mặt trời, mặt trăng, sao, đều không xuất hiện.

唯佛光明照耀其國。無諸山陵。地平如掌。

duy Phật quang-minh chiếu diệu kỳ quốc 。 vô chư sơn lǎng 。 địa bình như chưởng 。

Chỉ ánh sáng của Phật chiếu tỏ nước đó, không có gò đồi, đất phẳng như lòng bàn tay.

有一菩薩名曰離障。與百千菩薩至其佛所。

hữu nhất Bồ-tát danh viết ly chướng 。 dữ bách thiên Bồ-tát chí kỳ Phật sở 。

Có một Bồ-tát tên là Ly Chướng, cùng trăm ngàn Bồ-tát đến chỗ Phật,

偏袒右肩右膝著地。合掌向佛頭面作禮。

Thiên đản hữu kiên hữu tất trú địa 。 hợp chưởng hướng Phật đầu diện tác lễ 。

trần vai bên phải, gối phải sát đất, chắp tay hướng Phật, đầu mặt đánh lễ,

而白佛言。世尊。以何因緣有斯光明照此國土。

nhi bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。 dĩ hà nhân duyên hữu tư quang-minh chiếu thử quốc thổ 。

rồi bạch Phật: Thế Tôn, vì nhân duyên gì có ánh sáng chiếu nước này?

時普光如來告離障菩薩摩訶薩言。善男子。

thời phổ quang Như Lai cáo ly chướng Bồ-tát Ma-Ha tát ngôn 。
thiện nam tử 。

Lúc đó, Như Lai Phổ Quang bảo Bồ-tát Ma-ha-tát Ly Chướng: Thiện nam tử,

西方去此過十恒河沙世界。有佛國土名曰娑婆。

Tây phương khứ thử quá thập hằng hà sa thế giới 。 hữu Phật quốc
thổ danh viết Sa Bà 。

cách đây về phía Tây, quá mười hằng hà sa thế giới, có nước Phật tên Ta-bà.

佛號釋迦牟尼如來應供正遍知明行足善逝

Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng-Cúng Chính-biến-Tri Minh-hạnh-Túc
thiện thế

Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri Minh Hạnh Túc
Thiện Thế

世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

thế gian giải Vô-thượng-Sĩ điều ngự trượng phu Thiên Nhơn Sư Phật Thế Tôn
。

Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhân Sư Phật Thế
Tôn,

今欲為諸菩薩說摩訶般若波羅蜜。

kim dục vì chư Bồ-tát thuyết Ma-ha Bát nhã ba la mật 。

nay muốn vì các Bồ-tát nói kinh Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật.

以是因緣放此光明。時離障菩薩白彼佛言。

dĩ thị nhân duyên phóng thử quang-minh 。 thời ly chướng Bồ-tát bạch
bỉ Phật ngôn 。

Vì nhân duyên đó mà phóng ánh sáng này. Lúc đó, Bồ-tát Ly Chương bạch Phật đó:

我今欲往娑婆世界禮敬供養釋迦如來聽受正法。

ngã kim dục vãng Sa Bà thế giới lễ kính cung dưỡng Thích Ca Như Lai thỉnh thọ chính Pháp 。

Con muốn đến thế giới Ta-bà, kính lễ, cúng dường Như Lai Thích-ca, nghe nhận Chính pháp.

彼佛告言。善。男子。今正是時。

bỉ Phật cáo ngôn 。

Phật đó bảo: Thiện nam tử, nay đã đúng lúc.

爾時離障菩薩蒙佛聽許。即與無量菩薩眷屬來娑婆世界。

nhĩ thời ly chướng Bồ-tát môn Phật thỉnh hứa 。

Lúc đó Bồ-tát Ly Chương được Phật nhận lời, liền cùng vô lượng Bồ-tát quyến thuộc đến thế giới Ta-bà.

至耆闍崛山頂。禮佛足右遶三匝退坐一面。

chí Kì đồ Quạt sơn đỉnh 。

Đến đỉnh núi Kì-xà-quật, lễ chân Phật, đi quanh Phật ba vòng, lui ngồi một bên.

南方去此過十恒河沙世界。

Nam phương khứ thử quá thập hằng hà sa thế giới 。

Cách đây về phía Nam, quá mười hằng hà sa thế giới,

有佛國土名清淨華。佛名日光十號具足。菩薩名日藏。

hữu Phật quốc thổ danh thanh tịnh hoa 。

có cõi Phật, tên Thanh Tịnh Hoa, Phật hiệu là Nhật Quang, đầy đủ mười hiệu. Bồ-tát tên Nhật Tạng.

西方去此過十恒河沙世界國名寶華。

Tây phương khứ thử quá thập hằng hà sa thế giới quốc danh bảo hoa 。

Cách đây về phía Tây, quá mười hằng hà sa thế giới, có nước tên là Bảo Hoa,

佛名功德光明十號具足。菩薩名功德藏。

Phật danh công đức quang-minh thập hiệu cụ túc 。

Bồ-tát danh công đức tạng 。

北方去此過十恒河沙世界國名清淨。佛號自在王。

Bắc phương khứ thử quá thập hằng hà sa thế giới quốc danh thanh tịnh 。

Phật hiệu tự tại Vương 。

菩薩名廣聞。

Bồ-tát danh quảng văn 。

Bồ-tát tên là Quảng Văn。

東南方去此過十恒河沙世界國名火焰。佛號甘露王。菩薩名不退轉。

Đông Nam phương khứ thử quá thập hằng hà sa thế giới quốc danh hỏa diệm 。

Phật hiệu cam lộ Vương 。

西南方去此過十恒河沙世界。國名功德清淨。

Tây Nam phương khứ thử quá thập hằng hà sa thế giới 。 quốc danh công đức thanh tịnh 。

Cách đây về phía Tây nam, quá mười hằng hà sa thế giới, có nước tên Công Đức Thanh Tịnh.

佛號智炬。菩薩名大慧。

Phật hiệu trí cự 。

Bồ-tát danh Đại Huệ 。

西北方去此過十恒河沙世界國名悅意。佛號妙音王。菩薩名功德聚。

Tây Bắc phương khứ thử quá thập hằng hà sa thế giới quốc danh duyệt ý 。

Phật hiệu Diệu Âm Vương 。

Bồ-tát danh công đức tụ 。

東北方去此過十恒河沙世界。

Đông Bắc phương khứ thử quá thập hằng hà sa thế giới 。

Về phía Đông Bắc, quá mười hằng hà sa thế giới,

國名慧莊嚴佛名智上。菩薩名常喜。

quốc danh tuệ trang nghiêm Phật danh trí thượng 。

Bồ-tát danh thường hỉ 。

上方去此過十恒河沙世界國名不動。佛號金剛相。菩薩名寶幢。

thượng phương khứ thử quá thập hằng hà sa thế giới quốc danh bất động 。

Phật hiệu Kim cương tướng 。

Bồ-tát danh bảo tràng 。

Ở phương trên, quá mười hằng hà sa thế giới, có nước tên Bất Động. Phật hiệu Kim Cương Tướng. Bồ-tát tên Bảo Tràng.

hạ phương khứ thử quá thập hằng hà sa thế giới 。 quốc danh nguyệt quang-minh 。

Ở phương dưới, quá mười hằng hà sa thế giới, có cõi nước tên Nguyệt Quang Minh.

佛號金剛寶莊嚴王。菩薩名寶信。皆亦如是。

Phật hiệu Kim cương bảo trang nghiêm Vương 。 Bồ-tát danh bảo tín 。 giai diệc như thị 。

Phật hiệu Kim Cương Bảo Trang Nghiêm Vương. Bồ-tát tên là Bảo Tín. Tất cả đều cũng thế.

爾時眾中有一天王名鉢婆羅。

nhĩ thời chúng trung hữu nhất Thiên vương danh bát bà la 。

Bấy giờ, trong chúng có một Thiên vương tên Bát-bà-la,

即從座起偏袒右肩右膝著地。

tức tùng toạ khởi Thiên đản hữu kiên hữu tất trú địa 。

từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải, gối phải sát đất,

合掌向佛頭面作禮而白佛言。世尊。我今欲問。若蒙佛許乃敢陳疑。

hợp chưởng hướng Phật đầu diện tác lễ nhi bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。 ngã kim dục vấn 。

nhược mônng Phật hứa nãi cảm trần nghi 。

chấp tay hướng Phật, đầu mặt đánh lễ, bạch Phật: Thế Tôn, con nay muốn hỏi, nếu được Thế Tôn chấp nhận, con mới dám trình bày chỗ nghi.

爾時佛告勝天王言。大王。

nhĩ thời Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。

Đại vương 。

Bấy giờ, Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương,

如來應供正遍知隨所疑問當為解說。

Như Lai Ứng-Cúng Chính-biến-Tri tùy sở nghi vấn đương vi giải thuyết
。

Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri tùy theo nghi vấn sẽ giải, nói.

爾時勝天王歡喜踊躍得未曾有。即白佛言。世尊。

nhĩ thời thắng Thiên vương hoan hỉ dũng được đắc vị tăng hữu 。 tức
bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

Bấy giờ, Thắng Thiên Vương hoan hỷ, sung sướng, được việc chưa từng có, liền
bạch Phật: Thế Tôn,

云何菩薩摩訶薩修學一法通達一切法。佛告勝天王言。大王。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát tu học nhất Pháp thông đạt nhất thiết
Pháp 。

Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。

Đại vương 。

làm sao Bồ-tát Ma-ha-tát tu học một pháp mà thông đạt tất cả pháp? Phật bảo
Thắng Thiên Vương: Đại vương,

善哉善哉。快問諦聽諦聽善思念之。

Thiện tai Thiện tai 。

khoái vấn đế thính đế thính thiện tư niệm chi
。

lành thay! lành thay! Thật khéo hỏi, hãy lắng nghe, lắng nghe, suy nghĩ cho kỹ.

如王所問當分別釋。善哉世尊。唯然願聞。

như Vương sở vấn đương phân biệt thích 。

Thiện tai Thế Tôn 。

duy
nhiên nguyện văn 。

Sẽ phân biệt, giải thích như Đại vương hỏi. Lành thay, Thế Tôn. Con nguyện
được nghe.

佛告勝天王言。大王。

Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。

Đại vương 。

Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương,

菩薩摩訶薩修學一法通達一切法者。所謂般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu học nhất Pháp thông đạt nhất thiết Pháp giả
。 sở vị bát nhã ba la mật 。

[Pháp Bồ-tát Ma-ha-tát tu học mà có thể thông đạt tất cả các pháp là Bát-nhã ba-la-mật.](#)

菩薩摩訶薩修學般若波羅蜜。則能通達檀那波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu học bát nhã ba la mật 。

tắc năng thông đạt
Bố thí ba la mật 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật thì có thể thông đạt Bố thí ba-la-mật,](#)

尸羅波羅蜜。羼提波羅蜜。毘梨耶波羅蜜。禪那波羅蜜。

Thi-La ba la mật 。

Sạn-Đề ba la mật 。

Bì-lê-Da ba la mật 。

Thiền định
ba la mật 。

[Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật,](#)

般若波羅蜜。優波憍舍羅波羅蜜。

bát nhã ba la mật 。

ưu ba kiêu xá la ba la mật 。

[Bát-nhã ba-la-mật, Phương tiện ba-la-mật,](#)

尼坻波羅蜜。婆羅波羅蜜。闍那波羅蜜。大王。

ni chì ba la mật 。

bà la ba la mật 。

đồ na ba la mật 。

Đại
vương 。

[Nguyện ba-la-mật, Lực ba-la-mật, Trí ba-la-mật. Đại vương,](#)

云何菩薩摩訶薩學般若波羅蜜行檀波羅蜜。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật hành đàn ba-la-mật
。

[Làm thế nào Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Bố thí ba-la-mật?](#)

菩薩摩訶薩以清淨心無所希望。

Bồ-tát Ma-Ha tát dĩ thanh tịnh tâm vô sở hy vọng 。

Bồ-tát Ma-ha-tát dùng tâm thanh tịnh, không có mong cầu,

為他說法不求名利但令滅苦。不見我說不見聽者。

vi tha thuyết pháp bất cầu danh lợi đăn lệnh diệt khổ 。

bất kiến ngã thuyết bất kiến thính giả 。

nói pháp vì người, chẳng cầu danh lợi, chỉ khiến diệt khổ; không thấy mình nói, chẳng thấy người nghe,

無二無別自性離故。

vô nhị vô biệt tự tính ly cố 。

không hai, không khác, vì lia tự tính.

是名菩薩摩訶薩學般若波羅蜜行法檀波羅蜜。

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật hành Pháp đàn ba-la-mật 。

Đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Pháp Bồ thí ba-la-mật.

菩薩摩訶薩學般若波羅蜜行無畏檀波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật hành vô úy đàn ba-la-mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Bồ thí Vô úy ba-la-mật,

觀諸眾生猶如父母兄弟親戚令一切眾咸親附我。何以故。

quán chư chúng sinh do như phụ mẫu huynh đệ thân thích lệnh nhất thiết chúng hàm thân phụ ngã 。

hà dĩ cố 。

quán tất cả chúng sinh giống như cha mẹ, anh em, thân thuộc, làm cho tất cả đều gần gũi, giúp đỡ mình. Vì sao?

無始世來流轉六道皆為親戚。若有眾生在怖畏難。

vô thủy thể lai lưu chuyển lục đạo giai vi thân thích 。 nhược hữu chúng sinh tại bố úy nan 。

Từ thời vô thủy, trôi lăn sáu đường đều là quyến thuộc. Nếu có chúng sinh gặp nạn sợ hãi,

菩薩摩訶薩尚以身命而救拔之。況應加惱。

Bồ-tát Ma-Ha tát thượng dĩ thân mạng nhi cứu bạt chi 。 huống ứng gia não 。

Bồ-tát Ma-ha-tát còn dùng thân mạng để cứu thoát, huống là lo lắng;

不見我施無畏。不見受者。

bất kiến ngã thí vô úy 。 bất kiến thọ giả 。

không thấy mình bố thí vô úy, không thấy người nhận,

無二無別自性離故。

vô nhị vô biệt tự tính ly cố 。

không hai, không khác, vì lia tự tính.

菩薩摩訶薩學般若波羅蜜行資生檀波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật hành tư sinh đàn ba-la-mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Bồ thí Tư sinh ba-la-mật,

隨諸眾生資養之物種種布施令受十善。不見我施善及他受施。

tùy chư chúng sinh tư dưỡng chi vật chủng chủng bố thí lệnh thọ Thập thiện 。 bất kiến ngã thí thiện cập tha thọ thí 。

tùy theo các thứ nuôi sống chúng sinh mà bố thí đủ loại, khiến nhận mười Thiện.

Không thấy mình bố thí Thiện và người nhận bố thí;

無二無別自性離故。

vô nhị vô biệt tự tính ly cố 。

không hai, không khác, vì lia tự tính.

菩薩摩訶薩學般若波羅蜜行不望報檀波羅蜜。凡行施時不望果報。Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật hành bất vọng báo đàn ba-la-mật 。 phàm hành thí thời bất vọng quả báo 。

Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Bồ thí Bất vọng báo ba-la-mật. Vào lúc hành bồ thí, không mong báo đáp.

菩薩法爾自應布施。不見我行不見施報。

Bồ-tát Pháp nhĩ tự ứng bồ thí 。 bất kiến ngã hành bất kiến thí báo 。

Bồ-tát bồ thí tự nhiên như thế, không thấy mình bồ thí, không thấy báo đáp sự bồ thí;

無二無別自性離故。

vô nhị vô biệt tự tính ly cố 。

không hai, không khác, vì lia tự tính.

菩薩摩訶薩學般若波羅蜜行大悲檀波羅蜜。見諸眾生貧窮老疾無救濟者。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật hành Đại bi đàn ba-la-mật 。 kiến chư chúng sinh bần cùng lão tật vô cứu tế giả 。

Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Bồ thí Đại bi ba-la-mật, thấy chúng sinh nghèo nàn, già, bệnh, không người cứu giúp,

起大悲心而發誓願。我得阿耨多羅三藐三菩提。

khởi Đại bi tâm nhi phát thệ nguyện 。 ngã đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Bồ-tát liền khởi tâm Đại bi mà phát nguyện: Ta được quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

為諸眾生作歸依處。

vi chử chúng sinh tác quy y xử 。
làm nơi nương tựa cho chúng sinh,

以少善根迴向菩提為眾生故亦不分別。我能救濟及受救者。
dĩ thiểu thiện căn hồi hướng bồ đề vi chúng sinh cố diệc bất phân biệt
。 ngã năng cứu tế cập thọ cứu giả 。
vì chúng sinh mà dùng chút thiện căn hồi hướng Bồ-đề. Cũng không phân biệt
mình có khả năng cứu tế và người được cứu tế;

無二無別自性離故。
vô nhị vô biệt tự tính ly cố 。
không hai, không khác, vì là tự tính.

菩薩摩訶薩學般若波羅蜜行恭敬檀波羅蜜。隨他所須。
Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật hành cung kính đàn ba-la-
mật 。 tùy tha sở tu 。
Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Bồ thí Cung kính ba-la-mật. Tùy
theo nhu cầu của người,

菩薩摩訶薩身自取物。不令彼勸敬心授與。
Bồ-tát Ma-Ha tát thân tự thủ vật 。 bất lệnh bỉ 勸 kính tâm thụ
dữ 。
Bồ-tát Ma-ha-tát tự thân cầm vật, không để họ mệt, tâm cung kính trao cho.

不見我能敬不見彼受敬。無二無別自性離故。
bất kiến ngã năng kính bất kiến bỉ thọ kính 。 vô nhị vô biệt tự tính
ly cố 。
Không thấy mình cung kính, không thấy người nhận sự cung kính; không hai,
không khác, vì là tự tính.

菩薩摩訶薩學般若波羅蜜行尊重檀波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật hành tôn trọng đàn ba-la-mật 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Bồ thí Tôn trọng ba-la-mật,](#)

於諸眾生悉起師僧及父母想。以尊重心合掌恭敬。

ư chư chúng sinh tất khởi sư tăng cập phụ mẫu tưởng 。

dĩ tôn trọng tâm hợp chưởng cung kính 。

[đối với các chúng sinh, xem như sư tăng, cha mẹ, lấy tâm tôn trọng mà chấp tay cung kính.](#)

若無財物惠以善言。不見我能尊重他可重者。

nhược vô tài vật huệ dĩ thiện ngôn 。

bất kiến ngã năng tôn trọng tha khả trọng giả 。

[Nếu không có tiền của, thì dùng lời thiện. Không thấy mình tôn trọng, người được tôn trọng;](#)

無二無別自性離故。

vô nhị vô biệt tự tính ly cố 。

[không hai, không khác, vì là tự tính.](#)

菩薩摩訶薩學般若波羅蜜行供養檀波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật hành cung dưỡng đàn ba-la-mật 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Bồ thí Cúng dưỡng ba-la-mật,](#)

若見寺塔則應香華燈油掃灑供養。

nhược kiến tự tháp tắc ứng hương hoa đăng du tẩy sái cung dưỡng 。

[nếu thấy chùa tháp, tức dùng hương, hoa, đèn, dầu, quét tẩy cúng dưỡng.](#)

若見尊像毀壞正法缺損則應治葺。若見眾僧四事供養。

nhược kiến tôn tượng hủy hoại chính Pháp khuyết tổn tác ứng
trì tập 。nhược kiến chúng tăng tứ sự cung dưỡng 。

Nếu thấy tôn tượng hư hoại, Chính pháp khuyết tổn, thì nên tu sửa, biên tập. Nếu
thấy chúng Tăng, cúng dường bốn sự.

不見我能供養彼可供者。無二無別自性離故。

bất kiến ngã năng cung dưỡng bỉ khả cung giả 。 vô nhị vô biệt tự
tính ly cố 。

Không thấy mình cúng dường, người đáng cúng dường; không hai, không khác,
vì là tự tính.

菩薩摩訶薩學般若波羅蜜行無依止檀波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật hành vô y chỉ đàn ba-la-mật
。

Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Bồ thí Vô y chỉ ba-la-mật,

不作是念。以此布施願得生天或求天王。

không khởi niệm thế này: Lấy sự bố thí này, nguyện được sinh Thiên hoặc cầu
làm Thiên vương;

願得生人若求人王。乃至阿耨多羅三藐三菩提。

nguyện đắc sinh nhân nhược cầu nhân Vương 。 nãi chí a nậu đa
la tam miểu tam Bồ-đề 。

nguyện sinh làm người, hoặc cầu làm vua loài người; cho đến Vô thượng Chính
đẳng Chính giác

亦不希取無所得故。

diệc bất hy thủ vô sở đắc cố 。

cũng không mong được, vì không có cái để đắc.

是名菩薩摩訶薩學般若波羅蜜通達檀那波羅蜜。大王。

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật thông đạt Bồ thí ba la mật 。 Đại vương 。

[Đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thông đạt Bồ thí Ba-la-mật. Đại vương,](#)

菩薩摩訶薩學般若波羅蜜行尸羅波羅蜜。作是思惟。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật hành Thi-La ba la mật 。 tác thị tư duy 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Trì giới ba-la-mật, nên suy nghĩ thế này:](#)

佛阿含教及毘尼中。說波羅提木叉

Phật a hàm giáo cập tỉ ni trung 。 thuyết ba la đề mộc xoa 。

[Trong kinh A-hàm và Tỳ-ni, Phật thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa.](#)

菩薩摩訶薩應學不見戒相。及我能持不著戒。

Bồ-tát Ma-Ha tát ứng học bất kiến giới tướng 。 cập ngã năng trì bất trú giới 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát nên học mà không thấy tướng của giới, và mình có thể trì giới mà không dính mắc;](#)

不著見不著我。菩薩摩訶薩學般若波羅蜜。

bất trú kiến bất trú ngã 。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật 。

[không dính mắc cái thấy, không dính mắc ngã. Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật,](#)

作是思惟。阿耨多羅三藐三菩提不止以持戒得。

tác thị tư duy 。

a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề bất chỉ dĩ trì giới đắc 。

suy nghĩ thế này: Vô thượng Chính đẳng Chính giác không dừng lại chỗ giữ được giới,

應當遍學菩薩戒行。戒性清涼寂靜不生。

ứng đương biến học Bồ-tát giới hành 。 giới tính thanh lương tịch tĩnh bất sinh 。

mà phải học hết giới hành của Bồ-tát. Giới tính trong mát, tịch tĩnh, không sinh,

自性離故。菩薩摩訶薩學般若波羅蜜。

tự tính ly cố 。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật 。

作是思惟。云何持戒能斷煩惱。煩惱三種貪恚愚癡。

tác thị tư duy 。

vân hà trì giới năng đoạn phiền não 。

又各三品謂上中下。須知對治。

tác thị tư duy 。

vân hà trì giới năng đoạn phiền não 。

貪欲重者修不淨觀。具足觀身三十六物。

tham dục trọng giả tu bất tịnh quán 。

cụ túc quán thân tam thập lục vật 。

瞋恚多者修慈悲觀。多愚癡者修因緣觀。

sân khuể đa giả tu từ bi quán 。

đa ngu si giả tu nhân duyên quán 。

不見能觀及所觀法。無二無別自性離故。

bất kiến năng quán cập sở quán Pháp 。 vô nhị vô biệt tự tính ly cố
。

Không thấy người quán và pháp được quán; không hai, không khác, vì là tự tính.

菩薩摩訶薩學般若波羅蜜。復作是念。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật 。 phục tác thị niệm 。

Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, lại nghĩ thế này:

云何菩薩摩訶薩離不正思惟。菩薩摩訶薩不生是心。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát ly bất chính tư duy 。

Bồ-tát Ma-Ha tát bất sinh
thị tâm 。

Bồ-tát Ma-ha-tát là Tư duy bất chính như thế nào? Bồ-tát không sinh tâm thế
này:

我行寂靜行離行空。諸餘沙門婆羅門在喧撓中不樂空行。

ngã hành tịch tĩnh hành ly hành không 。

chư dư Sa Môn Bà-la-
môn tại huyên náo trung bất lạc không hành 。

Ta hành Tịch tĩnh, hành Xả ly, hành Không. Các Sa-môn, Bà-la-môn khác ở nơi
huyên náo, không thích hành Không.

見不二別知自性離即滅邪念。

kiến bất nhị biệt tri tự tính ly tức diệt tà niệm 。

Thấy không hai, khác; biết là tự tính, tức diệt tà niệm.

菩薩摩訶薩學般若波羅蜜。雖知諸法離而深畏罪業。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật 。

tuy tri chư Pháp ly nhi
thâm úy tội nghiệp 。

Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, dầu biết là các pháp nhưng rất sợ tội
nghiệp.

如佛所說應持淨戒。

như Phật sở thuyết ứng trì tịnh giới 。

Nên trì tịnh giới như Phật đã thuyết,

修習功德乃至般若波羅蜜。少不善法不與共居。世尊所說。

tu tập công đức乃至 bát nhã ba la mật 。

thiểu bất thiện Pháp bất dữ cộng cư 。

Thế Tôn sở thuyết 。

tu tập công đức cho đến Bát-nhã ba-la-mật; dù bất thiện nhỏ, không cùng ở chung. Thế Tôn có nói,

譬如毒藥多少皆害。菩薩摩訶薩學般若波羅蜜。

thí như độc dược đa thiểu giai hại 。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật 。

ví như thuốc độc, nhiều ít đều hại; Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật,

常生怖畏信行相應。

thường sinh bố úy tín hành tương ứng 。

thường sinh sợ hãi, tương ứng tín, hành.

菩薩摩訶薩於空曠處獨行無侶。或有沙門婆羅門等。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư không khoáng xử độc hành vô lữ 。

hoặc hữu Sa Môn Bà-la-môn đẳng 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi trống vắng, đi một mình không có bạn; hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, vân vân,

齎持金銀琉璃真珠瑪瑙虎珀珊瑚車磔白玉。以寄菩薩。

tê trì kim ngân lưu ly chân châu mã não hổ phách san hô xa cừ bạch ngọc 。

đĩ kí Bồ-tát 。

đem theo vàng, bạc, lưu ly, chân châu, mã não, hổ phách, san hô, xa cừ, bạch ngọc, gởi cho Bồ-tát,

不起貪著無有取心。作是思惟。

bất khởi tham trước vô hữu thủ tâm 。 tác thị tư duy 。

thì không khởi tham trước, không có tâm chiếm đoạt, suy nghĩ thế này:

世尊所說寧自割身取肉而食。於他之財不與弗取。

Thế Tôn sở thuyết ninh tự cắt thân thủ nhục nhi thực 。

ư tha chi tài bất dữ phát thủ 。

Thế Tôn có nói thà tự cắt thân, lấy thịt mà ăn; đối với tài sản của người, không cho không được lấy.

菩薩摩訶薩學般若波羅蜜持戒堅固。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật trì giới kiên cố 。

Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, giữ giới chắc chắn.

若魔及魔眷屬以妙色形逼試菩薩。心不動搖作是思惟。

nhược Ma cập Ma quyến chúc dĩ diệu sắc hình bức thí Bồ-tát 。

tâm bất động dao tác thị tư duy 。

Nếu Ma và quyến thuộc của Ma dùng sắc đẹp thử thách Bồ-tát, thì tâm không dao động, nghĩ thế này:

世尊所說一切諸法如夢幻化。

Thế Tôn sở thuyết nhất thiết chư Pháp như mộng huyễn hóa 。

Thế Tôn có nói cả các pháp như mộng, huyễn hóa,

無二無別自性離故。菩薩摩訶薩學般若波羅蜜。

vô nhị vô biệt tự tính ly cố 。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật 。

không hai, không khác, vì lia tự tính. Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật,

雖勤持戒不求生人若作人王。不求生天若作天王。

tuy cần trì giới bất cầu sinh nhân nhược tác nhân Vương 。 bất cầu sinh Thiên nhược tác Thiên vương 。

tuy siêng giữ giới, không cầu sinh làm người hoặc làm vua người, không cầu sinh cõi Trời hoặc làm vua trời,

身離三失。無口四過。意免三愆。

thân ly tam thất 。 vô khẩu tứ quá 。 ý miễn tam khiên 。

thân rời ba lỗi, không có bốn lỗi của miệng, ba lỗi của ý.

如此持戒不見我能持不見戒相。無二無別自性離故。

như thử trì giới bất kiến ngã năng trì bất kiến giới tướng 。 vô nhị vô biệt tự tính ly cố 。

Giữ giới như vậy, không thấy mình giữ, không thấy giới tướng, không hai, không khác, vì là tự tính.

是名菩薩摩訶薩學般若波羅蜜通達尸羅波羅

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật thông đạt Thi-La ba la

Như thế gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thông đạt Trì giới ba-la-mật.

蜜。大王。

mật 。 Đại vương 。

Đại vương,

菩薩摩訶薩學般若波羅蜜行羸提波羅蜜。菩薩摩訶薩於其內心常能生忍。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật hành Sạn-Đề ba la mật 。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư kỳ nội tâm thường năng sinh nhẫn 。

Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Nhẫn Nhục ba-la-mật. Ở trong tâm mình, Bồ-tát Ma-ha-tát thường sinh nhẫn;

憂悲苦惱皆悉不隨。亦學外忍。

ưu bi khổ não giai tất bất tùy 。 diệc học ngoại nhẫn 。
buồn, thương, khổ, não đều không nương theo. Cũng học nhẫn đối với bên ngoài;

若他打罵終不生瞋。亦學法忍。

nhược tha đả mạ chung bất sinh sân 。 diệc học Pháp nhẫn 。
nếu người đánh, chửi vẫn không khởi sân. Lại học nhẫn đối với pháp.

如世尊說甚深實性無人無法。不生寂靜即是涅槃。

như Thế Tôn thuyết thậm thâm thực tính vô nhân vô Pháp 。
bất sinh tịch tĩnh tức thị Niết-bàn 。

Như Thế Tôn nói thực tính sâu xa, vô nhân, vô pháp, không sinh, vắng lặng, chính là Niết-bàn.

聞如此說心不驚怖。作是思惟。

văn như thử thuyết tâm bất kinh phố 。 tác thị tư duy 。

Nghe nói như vậy, tâm không sợ hãi, nghĩ thế này:

不學是法云何能得阿耨多羅三藐三菩提。深觀三毒如是貪瞋於何處起。

bất học thị Pháp vân hà năng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

thâm quán tam độc như thị tham sân ư hà xử khởi 。

Không học Pháp như thế làm sao có thể được Vô thượng Chính đẳng Chính Giác; thấy rõ ba độc, tham, sân như thế khởi ở chỗ nào,

何因緣生何因緣滅。

hà nhân duyên sinh hà nhân duyên diệt 。

từ nhân duyên nào sinh, từ nhân duyên nào diệt.

作是觀察不見有生及可生法。不見能滅及所滅法。

tác thị quan sát bất kiến hữu sinh cập khả sinh Pháp 。 bất kiến năng diệt cập sở diệt Pháp 。

Quán sát như vậy, không thấy có pháp sinh và có thể sinh, không thấy pháp năng diệt và bị diệt.

如是忍心相續不斷。於六時中無有間隙不擇境界。

như thị nhẫn tâm tương tục bất đoạn 。 ư lục thời trung vô hữu gian khích bất trạch cảnh giới 。

Tâm nhẫn như vậy tương tục không dứt, trong sáu thời không có cách, hở, không chọn cảnh giới.

父母國王我則須忍。餘可以威即便加惡。

phụ mẫu Quốc Vương ngã tắc tu nhẫn 。 dư khả dĩ uy tức tiệt gia ác 。

Cha, Mẹ, Quốc Vương, tức ta phải nhẫn; những người khác có thể dùng uy, tức tăng thêm ác.

菩薩行忍不為報恩。名利仁義慚耻怖畏。

Bồ-tát hành nhẫn bất vi báo ân 。 danh lợi nhân nghĩa tàm sĩ bố úy 。

Bồ-tát hành nhẫn không vì trả ơn, danh, lợi, nhân, nghĩa, hổ thẹn, sợ hãi.

菩薩摩訶薩法應行忍。若人加害搥打罵辱心不傾動。

Bồ-tát Ma-Ha tát Pháp ứng hành nhẫn 。 nhược nhân gia hại qua đá mạ nhục tâm bất khuynh động 。

Pháp Bồ-tát Ma-ha-tát nên hành nhẫn. Nếu người gia hại, đánh đập, nhục mạ, tâm không lay động.

菩薩摩訶薩若作國王王等。

Bồ-tát Ma-Ha tát nhược tác Quốc Vương Vương đẳng 。

Bồ-tát Ma-ha-tát nếu làm Quốc vương, Vương, vân vân,

有貧賤人罵詈耻辱。不示威刑云我是王法應治剪。

hữu bần tiện nhân mạ li sỉ nhục 。 bất kì uy hình vân ngã
thị Vương Pháp ứng trì tiển 。

có người nghèo hèn mắng chửi, sỉ nhục, không dùng uy quyền, hình phạt nói
rằng ta là vua, theo pháp phải trừng trị, cắt xẻo,

即作是念。我於往昔諸世尊前發大誓願。

tức tác thị niệm 。 ngã ư vãng tích chư Thế Tôn tiền phát Đại thệ
nguyện 。

mà nghĩ thế này: Xưa, ta đã phát thệ nguyện lớn trước các Thế Tôn,

一切眾生我皆濟拔。令得阿耨多羅三藐三菩提。

nhất thiết chúng sinh ngã giai tế bạt 。 lệnh đắc a nậu đa la tam miểu
tam Bồ-đề 。

tất cả chúng sinh ta đều cứu độ, khiến được Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

今若起瞋則違本誓。譬如良醫發如是誓。

kim nhược khởi sân tắc vi bổn thệ 。 thí như lương y phát
như thị thệ 。

Nay nếu khởi sân, tức trái thề cũ. Ví như lương y, phát thệ thế này:

世間盲[目*壹]我悉治愈。若自失明豈療他疾。

thế gian Manh [mục *nhất]ngã tất trì dĩ 。 nhược tự thất minh
khởi liệu tha tật 。

Người mù trên đời ta đều chữa khỏi. Nếu mình bị mù làm sao chữa bệnh cho
người.

如是菩薩為除眾生無明黑闇。自起瞋恚安能救彼。

như thị Bồ-tát vi trừ chúng sinh vô minh hắc ám 。 tự khởi sân khuyển
an năng cứu bỉ 。

Bồ-tát như thế, vì trừ vô minh, hắc ám của chúng sinh, nếu tự khởi sân hận, làm sao có thể cứu họ.

不見我能忍不見可忍。無二無別自性離故。

bất kiến ngã năng nhẫn bất kiến khả nhẫn 。 vô nhị vô biệt tự tính ly cố 。

Không thấy mình có thể nhẫn, không thấy điều đáng nhẫn, không hai, không khác, vì lìa tự tính.

是名菩薩摩訶薩學般若波羅蜜通達羸提波

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật thông đạt Sạn-Đề ba

Đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thông đạt Nhẫn nhục ba-

羅蜜。大王。

la mật 。 Đại vương 。

la-mật. Đại vương,

菩薩摩訶薩學般若波羅蜜行毘梨耶波羅蜜。未滅令滅未度令度。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật hành Bì-lê-Da ba la mật 。

vị diệt lệnh diệt vị độ lệnh độ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Tinh tấn ba-la-mật, chưa diệt khiến diệt, chưa độ khiến độ,

未脫令脫未安令安未學令學。菩薩如是行精進時。

vị thoát lệnh thoát vị an lệnh an vị học lệnh học 。

Bồ-tát như thị hành tinh tấn thời 。

chưa giải thoát khiến giải thoát, chưa yên khiến yên, chưa học khiến học. Lúc Bồ-tát hành tinh tấn như vậy,

有諸惡魔為作留難。謂菩薩言。善男子。

hữu chư ác Ma vi tác lưu nan 。 vị Bồ-tát ngôn 。 thiện nam tử
。

[có các Ác ma muốn làm đình trệ, nói với Bồ-tát: Thiện nam tử,](#)

莫修此法。空受勤苦。何以故。

mạc tu thử Pháp 。 không thọ tinh cần khổ 。 hà dĩ cố 。

[đừng tu Pháp này; cố gắng, chịu khổ mà chẳng được gì. Vì sao?](#)

我往昔時曾修此法。未滅令滅未度令度。

ngã vãng tích thời tăng tu thử Pháp 。 vị diệt lệnh diệt vị độ
lệnh độ 。

[Xưa ta đã từng tu Pháp này: chưa diệt khiến diệt, chưa độ khiến độ,](#)

未脫令脫未安令安未學令學。空受勤苦都無實利。

vị thoát lệnh thoát vị an lệnh an vị học lệnh học 。 không thọ
tinh cần khổ đô vô thực lợi 。

[chưa giải thoát khiến giải thoát, chưa yên khiến yên, chưa học khiến học; cố
gắng, chịu khổ mà chẳng được gì, đều không thực lợi.](#)

我從昔來多見菩薩。修學此行並皆退轉。

ngã tông tích lai đa kiến Bồ-tát 。 tu học thử hành tịnh giai
thoái chuyển 。

[Xưa nay ta đã thấy nhiều Bồ-tát, tu học hạnh này đều đã thối lui.](#)

汝可迴心以取聲聞辟支佛乘而自滅度。

nhữ khả hồi tâm dĩ thủ thanh văn Bích chi Phật thừa nhi tự diệt độ
。

[Ông có thể hồi tâm, lấy thừa Thanh Văn, Phật Bích-chi mà tự diệt độ.](#)

菩薩摩訶薩即便覺知告言。惡魔。

Bồ-tát Ma-Ha tát tức tiện giác tri cáo ngôn 。 ác Ma 。

Bồ-tát Ma-ha-tát liền biết rõ, bảo: Ác ma,

汝復道去我心如金剛非汝能壞。汝若作障礙自得長夜苦魔即不現。

nhữ phục đạo khứ ngã tâm như Kim cương phi nhữ năng hoại
。 nhữ nhược tác chướng ngại tự đắc trường dạ khổ Ma tức bất
hiện 。

người đi đi, tâm ta như kim cương, người không thể hoại. Nếu người gây chướng
ngại thì tự mình gặp khổ triền miên. Ma liền biến mất.

若餘菩薩修五波羅蜜。未得般若波羅蜜者。

nhược dư Bồ-tát tu ngũ ba la mật 。

vị đắc bát nhã ba la mật
giả 。

Nếu có Bồ-tát khác tu năm Ba-la-mật, chưa được Bát-nhã ba-la-mật.

菩薩摩訶薩如是精進。設百千劫亦能超過。

Bồ-tát Ma-Ha tát như thị tinh tấn 。

thiết bách thiên kiếp diệc năng
siêu quá 。

Bồ-tát Ma-ha-tát tinh tấn như thế, giả sử trăm ngàn kiếp cũng có thể vượt qua;

況復聲聞辟支佛乘。

huống phục thanh văn Bích chi Phật thừa 。

huống là thừa Thanh Văn, Phật Bích-chi.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。成就佛法眾惡悉離。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

thành tựu Phật Pháp chúng
ác tất ly 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, thành tựu Phật pháp, tất lìa các ác.

雖行精進不疾不遲而發大願。使我得身與世尊等。

tuy hành tinh tấn bất tật bất trì nhi phát Đại nguyện 。

sử ngã
đắc thân dữ Thế Tôn đẳng 。

Tuy hành tinh tấn, không nhanh không chậm, mà phát nguyện lớn: mong ta được thân giống như Thế Tôn,

眉間白毫頂上肉髻。佛轉法輪我亦如是。

my gian bạch hào đỉnh thượng nhục kế 。 Phật chuyển Pháp luân ngã diệc như thị 。

lông trắng giữa mày, nhục kế trên đầu; Phật chuyển Pháp luân, ta cũng thế.

譬如真金眾寶瑩飾則為嚴淨。

thí như chân kim chúng bảo oánh sức tặc vi nghiêm tịnh 。

Ví như trang sức bằng vàng thật, các loại đá quý tức được thanh tịnh, trang nghiêm.

菩薩精進亦復如是遠離垢穢。所謂懶惰懈怠疲極。

Bồ-tát tinh tấn diệc phục như thị viễn li cấu uế 。

Bồ-tát tinh tấn cũng thế, xa lìa cấu uế, tức lười biếng, uể oải, mỗi mệt,

不自覺知不正思惟。離此垢穢即獲清淨智慧功德而共莊嚴。

bất tự giác tri bất chính tư duy 。

không tự hiểu, biết, không tư duy đúng. Lìa cấu uế này tức được công đức trí huệ, thanh tịnh, mà cùng trang nghiêm;

身不疲勞心無厭怠。

thân bất bì lao tâm vô yếm đãi 。

thân không mỗi mệt, tâm không chán mệt;

障道惡法一切不善皆悉滅除。其有助道向涅槃法悉令增長。

chướng đạo ác Pháp nhất thiết bất thiện giai tất diệt trừ 。

pháp ác chướng đạo, tất cả bất thiện, thầy đều diệt trừ; các pháp trợ đạo hướng đến Niết-bàn, đều khiến tăng trưởng.

少惡不起何況其多。

thiểu ác bất khởi hà huống kỳ đa 。

Các pháp ác, ít cũng không khởi huống là nhiều.

假使十方恒沙世界滿中大火如阿鼻獄。此世界外有一眾生可度脫者。

giả sử thập phương hằng sa thế giới mãn trung Đại hỏa như A-tì ngục 。

Giả sử lửa lớn như ngục Vô gián đầy khắp mười phương hằng hà sa thế giới; ngoài thế giới này có một chúng sinh có thể độ thoát,

菩薩摩訶薩能從中過況多眾生。可作是念。

Bồ-tát Ma-Ha tát năng tòng trung quá huống đa chúng sinh 。

Bồ-tát Ma-ha-tát cũng có thể vào đó, huống là nhiều chúng sinh. Có thể nghĩ thế này:

無上菩提不易可得。菩薩修行如救頭燃。

vô thượng bồ đề bất dịch khả đắc 。

Bồ-đề Vô thượng không dễ được, Bồ-tát tu hành như cứu lửa cháy trên đầu,

百千萬劫如此重擔難可荷負。作是思惟。

bách thiên vạn kiếp như thử trọng đấm nan khả hà phụ 。

trăm ngàn vạn kiếp, gánh nặng như thế, khó thể mang nổi. Suy nghĩ thế này:

過現諸佛皆修此行。成阿耨多羅三藐三菩提。

quá hiện chư Phật giai tu thử hành 。 thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Chư Phật quá khứ, hiện tại đều tu hạnh này, thành Vô thượng Chính đẳng Chính Giác;

我亦如是正應修習。

ngã diệc như thị chính ứng tu tập 。

ta cũng thế, phải nên tu tập.

寧百千劫處地獄中使眾生度。終不棄捨速取涅槃。

ninh bách thiên kiếp xử Địa-ngục trung sử chúng sinh độ 。

chung bất khí xả tốc thủ Niết-bàn 。

Dù trăm ngàn kiếp sống trong địa ngục để độ chúng sinh, không bao giờ bỏ mà vội nhập Niết-bàn.

如是精進心不自高於他不下。不見我能行及所行法。

như thị tinh tấn tâm bất tự cao ư tha bất hạ 。

bất kiến ngã năng hành cập sở hạnh Pháp 。

Tinh tấn như vậy, tâm không tự cao, không xem nhẹ người, không thấy mình hành và pháp được hành,

無二無別自性離故。

vô nhị vô biệt tự tính ly cố 。

không hai, không khác, vì là tự tính.

是名菩薩摩訶薩學般若波羅蜜通達毘梨耶波羅蜜。大王。

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật thông đạt Bi-lê-Da ba la mật 。

Đại vương 。

Đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thông đạt Tinh tấn ba-la-mật. Đại vương,

菩薩摩訶薩學般若波羅蜜行禪波羅蜜深種善根。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật hành Thiền ba la mật thâm chủng thiện căn 。

Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Thiền ba-la-mật, trồng sâu căn lành,

於大乘中世生生多習妙行近善知識不生貧賤。

ư Đại thừa trung thế thế sinh sinh đa tập diệu hành cận thiện tri thức bất sinh bần tiện 。

đối với Đại thừa, nhiều đời nhiều kiếp, tu tập diệu hành, thân cận thiện tri thức, không sinh vào cảnh nghèo hen,

常在婆羅門刹利大姓。正信三寶增長善法。

thường tại Bà-la-môn sát lợi Đại tính 。

chính tín Tam Bảo tăng trưởng thiện Pháp 。

thường sinh dòng tộc lớn Bà-la-môn, Sát-lợi, chính tín Tam bảo, tăng trưởng pháp lành,

因宿善根作如是念。眾生長夜流轉六道。

nhân tú thiện căn tác như thị niệm 。

chúng sinh trường dạ lưu chuyển lục đạo 。

nhờ căn lành đời trước, suy nghĩ thế này: Chúng sinh suốt dòng sinh tử trôi nổi sáu đường,

苦輪不息皆由貪愛。菩薩摩訶薩起厭離心。

khổ luân bất tức giai do tham ái 。

Bồ-tát Ma-Ha tát khởi yếm ly tâm 。

vòng khổ không ngừng, đều do tham ái. Bồ-tát Ma-ha-tát khởi tâm chán bỏ,

知從虛妄分別而有。

tri tòng hư vọng phân biệt nhi hữu 。

biết từ hư vọng phân biệt mà có.

修多羅中方便種種說欲過患。如槩如[矛*重]如刀如蛇如泡。

tu đa-la trung phương tiện chủng chủng thuyết dục quá hoạn 。 như sóc như [mâu *trọng]như đao như xà như phao 。

Trong Kinh, đủ loại phương tiện nói về sai lầm, tai họa của dục: như ngọn giáo, như cây mâu ngắn, như cây dao, như con rắn, như bọt nước,

臭穢不淨無常。云何智人貪著此法。即剃鬚髮出家修道。

xú uế bất tịnh vô thường 。 vân hà trí nhân tham trước thử Pháp 。

hôi hám, không sạch, vô thường, làm sao người trí lại tham dính pháp này. Liền cạo râu tóc, xuất gia, tu đạo,

未見令見未得令得未證令證。

vị kiến lệnh kiến vị đắc lệnh đắc vị chứng lệnh chứng 。

chưa thấy khiến thấy, chưa đắc khiến đắc, chưa chứng khiến chứng;

聞說受持若世諦第一義諦。如實修行如法觀察。

văn thuyết thọ trì nhược thế đế đệ nhất nghĩa đế 。

nghe, nói thọ trì, dù Thế đế hay Đệ nhất nghĩa đế, như thực tu hành, quán sát như pháp,

所謂正見正分別正精進正語正業正命正念正定。

sở vị chính kiến chính phân biệt chính tinh tấn chính ngữ chính nghiệp chính mạng chính niệm chính định 。

tức là Chính kiến, Chính phân biệt, Chính tinh tấn, Chính ngữ, Chính nghiệp, Chính mạng, Chính niệm, Chính định;

遠離喧雜不求名聞。

viễn li huyên tạp bất cầu Danh-Văn 。
xa lìa huyên tạp, chẳng cầu danh vọng,

供養恭敬身心精進常無休息。思惟此心多行何境。

cung dưỡng cung kính thân tâm tinh tấn thường vô hữu tức 。 tư duy
thử tâm đa hành hà cảnh 。

cúng dường, cung kính, thân tâm tinh tấn, thường không ngừng nghỉ; suy nghĩ
tâm này thường hành cảnh nào:

若善若惡無記境界。若行善境則勤精進增長善根。

nhược thiện nhược ác vô kí cảnh giới 。 nhược hành thiện cảnh tác
tinh cần tinh tấn tăng trưởng thiện căn 。

là cảnh giới thiện, hay ác, hay vô ký. Nếu hành cảnh giới thiện tức siêng năng
tinh tấn, tăng trưởng căn lành;

三十七品以治諸惡不善之法。惡不善者貪恚愚癡。

tam thập thất phẩm dĩ trị chư ác bất thiện chi Pháp 。

ba mươi bảy phẩm để đối trị các pháp ác, bất thiện. Pháp ác, bất thiện là tham,
sân, si.

貪欲三品謂上中下。其上品者若聞。

tham dục tam phẩm vị thượng trung hạ 。

Ba phẩm của tham dục là thượng, trung, hạ. Phẩm Thượng là nếu nghe

欲名遍身戰動。心踊歡悅不觀欲過厭離不生。

dục danh biến thân chiến động 。

tên của dục mà toàn thân rung động, tâm khởi vui thích, không quán xét lỗi của
dục, không sinh chán bỏ,

無慚無愧。何謂無慚。

vô tà̃m vô quí 。 hà vị vô tà̃m 。

vô tà̃m, vô quí. Sao gọi là vô tà̃m?

經遊獨行恒思欲境心心相續。唯見妙好不知過患。

Kinh du độc hành hằng tư dục cảnh tâm tâm tương tục 。 duy kiến diệ̃u hảo bất tri quá hoạn 。

Du hành một mình, thường nghĩ cảnh dục, niệm niệm nối nhau, chỉ thấy tốt đẹp, chẳng biết lỗi lầm.

若其父母及餘尊長呵彼所欲。於所尊前不覺起諍是名無慚。

nhược kỳ phụ mẫu cập dư tôn trường ha bỉ sở dục 。

ư sở tôn tiền bất giác khởi tránh thị danh vô tà̃m 。

Nếu cha mẹ, các bậc tôn trường, la mắng ham muốn của mình mà đối trước các bậc tôn kính lại u mê tranh cãi, thì gọi là Vô tà̃m;

此人命終當生惡趣。中品欲者。

thử nhân mạng chung đương sinh ác thú 。

trung phẩm dục giả 。

người này chết đi sẽ sinh vào đường ác. Phẩm Trung của dục là,

若離境界不恒生心。下品欲者。但共言笑欲情即歇。

nhược ly cảnh giới bất hằng sinh tâm 。

hạ phẩm dục giả 。

đãn cộng ngôn tiếu dục tình tức hiết 。

nếu lìa cảnh giới, không thường sinh tâm. Phẩm Hạ của dục là chỉ cùng cười nói, dục tình liền hết.

瞋亦三品。上品瞋者憤恚若發心昏目亂。

sân diệc tam phẩm 。

thượng phẩm sân giả phẫn khuể nhược phát tâm hôn mục loạn 。

Sân cũng có ba phẩm. Phẩm Thượng của sân là nếu nổi giận thì tâm mê, mất loạn;

或造五逆若謗正法。及大重罪五逆之惡。

hoặc tạo ngũ nghịch nhược báng chính Pháp 。 cập Đại trọng tội ngũ nghịch chi ác 。

hoặc tạo năm nghịch như bác bỏ Chính pháp, và các ác pháp thuộc năm nghịch đại trọng tội,

於百分中不及其中一品瞋者。

ư bách phân trung bất cập kỳ nhất trung phẩm sân giả 。

thì trong trăm phần không bằng một phần. Phẩm Trung của sân là,

以瞋恚故而造諸惡即生悔心。下品瞋者。心無嫌恨。

dĩ sân khuể cố nhi tạo chư ác tức sinh hối tâm 。

hạ phẩm sân giả 。

tâm vô hiềm hận 。

vì giận dữ mà tạo các ác, liền sinh tâm hối hận. Phẩm Hạ của sân là tâm không hiềm khích, oán hận,

但口呵毀隨生悔過。癡亦如是。雖作是觀。

đãn khẩu ha hủy tùy sinh hối quá 。

si diệc như thị 。

tuy tác thị quán 。

chỉ miệng la mắng, phỉ báng, rồi sinh hối lỗi. Si cũng thế. Tuy quán sát như thế,

知一切法如幻夢響乾闥婆城。虛妄不實顛倒故見。

tri nhất thiết Pháp như huyễn mộng hưởng Càn-thát-bà thành 。

hư vọng bất thực điên đảo cố kiến 。

biết tất cả các pháp như mộng, huyễn, tiếng vang, thành Càn-thát-bà, hư vọng, không thực; nhưng vì điên đảo nên thấy.

滅外境界內心寂靜。不見我能行及所行法。

diệt ngoại cảnh giới nội tâm tịch tĩnh 。 bất kiến ngã năng hành
cập sở hạnh Pháp 。

Diệt cảnh ở ngoài, trong tâm vắng lặng, không thấy mình hành và pháp được
hành,

無二無別自性離故。

vô nhị vô biệt tự tính ly cố 。

không hai, không khác, vì lìa tự tính;

是名菩薩摩訶薩學般若波羅蜜通達禪波羅蜜。大王。

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật thông đạt Thiền
ba la mật 。

thì gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thông đạt Thiền ba-la-mật. Đại
vương,

菩薩摩訶薩學般若波羅蜜行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Bát-nhã ba-la-mật,

正智觀色受想行識。不見色生不見色集。不見色滅。

chính trí quán sắc thọ tưởng hành thức 。

dùng chính trí quán sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không thấy sắc sinh, không thấy
sắc tụ, không thấy sắc diệt;

受想行識亦復如是。何以故。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

thọ, tưởng, hành, thức cũng thế. Vì sao?

自性皆空無有真實但虛名字。而行般若波羅蜜。

tự tính giai không vô hữu chân thực dẫn hư danh tự 。 nhi hành bát
nhã ba la mật 。

tự tính đều Không, không có chân thực, chỉ là danh tự, mà hành Bát-nhã ba-la-
mật.

化諸眾生終不為說無業果報。一切諸法如夢如幻。

hóa chư chúng sinh chung bất vi thuyết vô nghiệp quả báo 。 nhất
thiết chư Pháp như mộng như huyễn 。

Hóa độ chúng sinh, mà không hề nói không có nghiệp, quả báo. Tất cả các pháp
như mộng, huyễn,

無我無人無眾生無壽者無養育。而說有業果報。

vô ngã vô nhân vô chúng sinh vô thọ giả vô dưỡng dục 。 nhi thuyết
hữu nghiệp quả báo 。

vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả, vô dưỡng dục mà vẫn nói có nghiệp,
quả báo.

菩薩摩訶薩如是修行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát như thị tu hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy,

惡魔不能得便。何以故。近善知識成助菩提離世間法。

ác Ma bất năng đắc tiện 。 hà dĩ cố 。 cận thiện tri thức thành trợ
bồ đề ly thế gian Pháp 。

Ác ma không thể hơn được. Vì sao? Gần gũi Thiện tri thức, thành tựu pháp trợ
Bồ-đề, xa lìa pháp thế gian,

於諸如來甚深正法歡喜讚歎。

ư chư Như Lai thậm thâm chính Pháp hoan hỉ tán thán 。

hoan hỉ tán thán đối với Chính pháp sâu xa của các Như Lai.

若天若魔沙門婆羅門。除佛正智無及菩薩。

nhược Thiên nhược Ma Sa Môn Bà-la-môn 。 trừ Phật chính trí vô cập Bồ-tát 。

[Dù Thiên, Ma, Sa-môn, Bà-la-môn, trừ Chính trí Phật, không ai bằng Bồ-tát.](#)

不見我能行及所行法。無二無別自性離故。

bất kiến ngã năng hành cập sở hạnh Pháp 。

[Vì không thấy mình hành và pháp được hành, không hai, không khác, vì lia tự tính;](#)

是名菩薩摩訶薩學般若波羅蜜通達般若波羅蜜。大王。

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật thông đạt bát nhã ba la mật 。

[Đại vương 。](#)
[đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật. Đại vương,](#)

菩薩摩訶薩學般若波羅蜜行優波憍舍羅波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật hành ưu ba kiêu xá la ba la mật

[Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Phương tiện thiện xảo ba-la-mật,](#)

菩薩摩訶薩善巧迴向阿耨多羅三藐三菩提。

Bồ-tát Ma-Ha tát thiện xảo hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát khéo hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác.](#)

若見華果日夜六時供養諸佛及菩薩眾。以此善根迴向菩提華樹果樹亦復如是。

nhược kiến hoa quả nhật dạ lục thời cung dưỡng chư Phật cập Bồ-tát chúng 。

[Nếu thấy hoa quả, ngày đêm sáu thời, cúng dường chư Phật, cùng chúng Bồ-tát; đem thiện căn này hồi hướng cây hoa, cây trái Bồ-đề cũng thế.](#)

若聞如來修多羅中說甚深義。

nhược văn Như Lai tu đa-la trung thuyết thậm thâm nghĩa 。

Nếu nghe trong kinh Như Lai nói nghĩa sâu xa,

信樂受持為眾生說以此善根迴向菩提。

tín lạc thọ trì vì chúng sinh thuyết dĩ thử thiện căn hồi hướng bồ đề 。

tin vui thọ trì, vì chúng sinh nói, dùng thiện căn này hồi hướng Bồ-đề.

若見如來塔廟形像香華供養。

nhược kiến Như Lai tháp miếu hình tượng hương hoa cung dưỡng

。

Nếu thấy tháp miếu, hình tượng của Như Lai thì cúng dường hương hoa,

令諸眾生離破戒香獲得如來清淨戒香。

lệnh chư chúng sinh ly phá giới hương hoạch đắc Như Lai thanh tịnh giới hương 。

khiến chúng sinh không phá hương Giới, thu được hương Giới thanh tịnh Như Lai.

掃灑塗地令諸眾生威儀齊整華蓋覆罩。令諸眾生皆離惱熱。

tảo sái đồ địa lệnh chư chúng sinh uy nghi tề chỉnh hoa cái phúc tráo 。

Quét tưới nền đất khiến cho chúng sinh uy nghi chỉnh tề, lọng hoa che phủ; khiến các chúng sinh đều lìa buồn bực.

入僧伽藍願諸眾生。悉入涅槃。

nhập tăng dà lam nguyện chư chúng sinh 。

Vào Tăng-già-lam, nguyện cho chúng sinh đều vào Niết-bàn.

若出伽藍願諸眾生出魔境界。開伽藍門作如是願。

nhược xuất dà lam nguyện chư chúng sinh xuất Ma cảnh giới 。
khai dà lam môn tác như thị nguyện 。

Nếu rời Tăng-già-lam, nguyện cho chúng sinh ra khỏi cảnh Ma. Mở cửa già-lam
thì nguyện thế này:

以出世智為諸眾生啟未開門。若見關閉。

dĩ xuất thế trí vi chư chúng sinh khai vị khai môn 。

nhược kiến
quan bế 。

Đem Trí xuất thế, vì các chúng sinh, mở cánh cửa chưa mở. Nếu thấy đóng kín,

願為眾生關閉惡趣及以三有。坐時念言。願諸眾生坐菩提座。

nguyện vi chúng sinh quan bế ác thú cập dĩ tam hữu 。

tọa thời
niệm ngôn 。

nguyện chư chúng sinh tọa bồ đề tọa 。

nguyện vì chúng sinh, đóng kín đường ác cho đến ba cõi. Lúc ngồi thì nghĩ:
nguyện các chúng sinh ngồi tòa Bồ-đề.

若右脇臥願諸眾生皆得涅槃。起時念言。

nhược hữu hiệp ngọa nguyện chư chúng sinh giai đắc Niết-bàn 。

khởi thời niệm ngôn 。

Nếu nằm nghiêng bên phải, nguyện các chúng sinh đều được Niết-bàn. Lúc dậy
thì nghĩ:

願諸眾生起離諸惑。

nguyện chư chúng sinh khởi ly chư hoặc 。

nguyện các chúng sinh xa lìa mê lầm.

若洗腳足願諸眾生遠離塵垢。禮佛旋塔願諸眾生成天人師。

nhược tẩy cước túc nguyện chư chúng sinh viễn li trần cấu 。

lễ
Phật toàn tháp nguyện chư chúng sinh thành Thiên Nhơn Sư 。

Nếu rửa chân, nguyện các chúng sinh xa lìa trần cấu. Lễ Phật, nhiễu tháp,
nguyện các chúng sinh thành Thầy của Trời, người.

若有外道邪見難化。即自念言。我為彼師必不肯信。

nhược hữu ngoại đạo tà kiến nan hóa 。 tức tự niệm ngôn 。 ngã vi
bỉ sư tất bất khăng tín 。

Nếu có ngoại đạo, tà kiến khó dạy, thì tự nghĩ rằng: nếu mình là thầy họ, họ
chẳng chịu tin;

且作同學或為弟子。

thả tác đồng học hoặc vi đệ-tử 。

hãy làm người cùng học, hoặc làm đệ tử.

雖處彼眾戒行多聞勝諸外道。因爾降伏尊重為師言必信受。

tuy xử bỉ chúng giới hành đa văn thắng chư ngoại đạo 。 nhân
nhĩ hàng phục tôn trọng vi sư ngôn tất tín thọ 。

Tuy ở cùng họ, giới hạnh, nghe nhiều hơn hẳn ngoại đạo. Nhờ hàng phục như
thế, mà tôn làm thầy, nói tất tin, nhận;

毀其邪法為說涅槃。令入正教精修梵行。

hủy kỳ tà Pháp vi thuyết Niết-bàn 。 lệnh nhập chính giáo tinh tu
phạm hành 。

hủy bỏ tà pháp của họ, để nói Niết-bàn, khiến nhập Chính giáo, chuyên tu Phạm
hạnh,

禪定三昧得諸神通。見多欲者化為女人第一端正。

Thiền định tam-muội đắc chư Thần thông 。 kiến đa dục giả hóa vi
nữ nhân đệ nhất đoan chính 。

thiền định tam-muội, được các Thần thông. Thấy người đa dục, hóa làm người
nữ, đoan chính bậc nhất,

令彼愛著倏忽之頃示現無常。

lệnh bỉ ái trú 倏 hốt chi khoảnh thị hiện vô thường 。

khiến họ say đắm, rồi trong chớp mắt, bày hiện vô thường:

色變臃脹爛壞臭處。使其增惡起厭離心。

sắc biến臃 trương lạn hoại xú xử 。 sử kỳ tăng ác khởi yếm ly tâm 。

sắc thân biến đổi, thành chỗ sinh thối, nhầy nát, hôi hám, khiến họ ghét bỏ, khởi tâm chán, lìa.

即復本形為菩薩像而為說法。

tức phục bản hình vi Bồ-tát tượng nhi vi thuyết pháp 。

Rồi hiện lại nguyên hình Bồ-tát, vì họ thuyết pháp,

令發阿耨多羅三藐三菩提心成無上果。見大乘人離善知識。

lệnh phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm thành vô thượng quả 。

kiến Đại thừa nhân ly thiện tri thức 。

khiến phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thành quả Vô thượng. Thấy người Đại thừa rời Thiện tri thức,

學二乘道不得其果唐失大乘。

học Nhị thừa đạo bất đắc kỳ quả đường thất Đại thừa 。

học đạo Nhị thừa, không đắc được quả, đánh mất Đại thừa;

觀彼根性即為說法入無上道。未發心者化令發心。

quán bỉ căn tính tức vi thuyết pháp nhập vô thượng đạo 。

quán căn tính họ, vì họ thuyết pháp, nhập đạo Vô thượng. Người chưa phát tâm, dạy họ phát tâm.

已發心者教使堅固。見持戒人犯少輕罪。

dĩ phát tâm giả giáo sử kiên cố 。

Người đã phát tâm, dạy cho kiên cố. Thấy người giữ giới, phạm chút tội nhẹ,

不解懺悔懈怠憂愁不復修道。即為說法對治懺除令道勝進。

bất giải sám hối giải thoát ưu sầu bất phục tu đạo 。 tức vì thuyết pháp đối trị sám trừ lệnh đạo thắng tiến 。

không biết sám hối, biếng nhác buồn rầu, không muốn tu đạo, liền vì họ nói pháp đối trị, sám hối, diệt trừ, khiến đạo thắng tiến.

菩薩摩訶薩少欲知足唯求法利。

Bồ-tát Ma-Ha tát thiểu dục tri túc duy cầu Pháp lợi 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ít dục, biết đủ, chỉ cầu Pháp lợi,

為眾生說供養。如來。成就六波羅蜜說法供養。

vì chúng sinh thuyết cúng dưỡng 。 Như Lai 。 thành tựu lục ba-la-mật thuyết pháp cúng dưỡng 。

vì chúng sinh mà nói cúng dường Như Lai, thành tựu sáu Ba-la-mật. Nói pháp cúng dường,

是為檀波羅蜜行不違言。

thị vi đàn ba-la-mật hành bất vi ngôn 。

chính là Bố thí ba-la-mật. Làm không trái lời

是尸波羅蜜若天若魔不能壞亂。是羸提波羅蜜心心相續不覺疲倦。

thị thi ba la mật nhược Thiên nhược Ma bất năng hoại loạn 。

thị Sạn-Đề ba la mật tâm tâm tương tục bất giác bì quyện 。

là Trì giới ba-la-mật. Dù Trời dù Ma không thể hủy hoại, làm tán loạn là Nhẫn nhục ba-la-mật. Niệm niệm tương tục, không biết mệt mỏi

是毘梨耶波羅蜜專心一念不緣異境。

thị Bi-lê-Da ba la mật chuyên tâm nhất niệm bất duyên dị cảnh 。

là Tinh tấn ba-la-mật. Chuyên tâm nhất niệm, không vin cảnh khác

是禪波羅蜜說法供養不見我我所。

thị Thiên ba la mật thuyết pháp cúng dường bất kiến ngã ngã sở 。
là Thiên định ba-la-mật. Thuyết pháp cúng dường, không thấy ngã, ngã sở

是般若波羅蜜不見我能行及所行法。無二無別自性離故。

thị bát nhã ba la mật bất kiến ngã năng hành cập sở hạnh Pháp 。
vô nhị vô biệt tự tính ly cố 。

là Bát-nhã ba-la-mật. Không thấy người hành cùng pháp được hành, không hai,
không khác, vì là tự tính;

是名菩薩摩訶薩學般若波羅蜜通達方便波

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật thông đạt
phương tiện ba

đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thông đạt Phương tiện ba-la-
mật.

羅蜜。大王。

la mật 。 Đại vương 。

Đại vương,

菩薩摩訶薩學般若波羅蜜行尼坻波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật hành ni chì ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Nguyện ba-la-mật.

菩薩發願不為有樂出離三界求二乘道。作大願言。

Bồ-tát phát nguyện bất vi hữu lạc xuất ly tam giới cầu Nhị thừa đạo
。 tác Đại nguyện ngôn 。

Bồ-tát phát nguyện: không vì có lạc mà ra khỏi ba cõi, cầu đạo Nhị thừa; mà phát
nguyện lớn:

一切眾生眾生所攝皆入涅槃。然後我身乃成正覺。

nhất thiết chúng sinh chúng sinh sở nhiếp giai nhập Niết-bàn 。 nhiên hậu ngã thân nãi thành chính giác 。

tất cả chúng sinh, thuộc về chúng sinh, đều nhập Niết-bàn, sau đó thân ta mới thành Chính giác;

未發心者即令發心。已發心者令其修行。已修行者令得菩提。

vị phát tâm giả tức lệnh phát tâm 。 dĩ phát tâm giả lệnh kỳ tu hành 。 dĩ tu hành giả lệnh đắc bồ đề 。

người chưa phát tâm khiến cho phát tâm, người đã phát tâm khiến họ tu hành, người đã tu hành, khiến được Bồ-đề;

得菩提者請轉法輪。

đắc bồ đề giả thỉnh chuyển Pháp luân 。

người được Bồ-đề, thỉnh chuyển Pháp luân;

乃至分身舍利起塔供養。復作願言。若有世界諸佛成道悉無天魔。

nãi chí phân thân xá-lợi khởi tháp cung dưỡng 。

phục tác nguyện ngôn 。

nhược hữu thế giới chư Phật thành đạo tất vô Thiên Ma 。

cho đến xá-lợi phân thân, xây tháp cúng dường. Lại nguyện: Nếu có thế giới, chư Phật thành đạo, thì sẽ không có Thiên ma;

願自智慧發無上心不由外緣。

nguyện tự trí tuệ phát vô thượng tâm bất do ngoại duyên 。

nguyện trí tuệ mình phát tâm Vô thượng, không do duyên ngoài.

又願我身常在世間。一切眾生悉令成就。

hựu nguyện ngã thân thường tại thế gian 。

nhất thiết chúng sinh tất lệnh thành tựu 。

Lại nguyện thân mình thường ở thế gian, tất cả chúng sinh đều khiến thành tựu.

願新發意諸菩薩等。若聞如來說甚深法心不驚怖。

nguyện tân phát ý chư Bồ-tát đẳng 。 nhược văn Như Lai thuyết
thậm thâm Pháp tâm bất kinh phố 。

Nguyện các Bồ-tát mới phát tâm, nếu nghe Như Lai nói pháp sâu xa, tâm không
sợ hãi.

無邊佛道。無邊佛境。無邊大悲。願諸眾生皆悉通達。

vô biên Phật đạo 。 vô biên Phật cảnh 。 vô biên Đại bi 。 nguyện chư
chúng sinh giai tất thông đạt 。

Vô biên Phật đạo, vô biên Phật cảnh, vô biên Đại bi, nguyện các chúng sinh đều
được thông đạt.

又願我身常生穢國不生淨土。何以故。

hựu nguyện ngã thân thường sinh uế quốc bất sinh tịnh độ 。 hà
dĩ cố 。

Lại nguyện thân mình thường sinh vào cõi uế trước, không sinh cõi thanh tịnh. Vì
sao?

譬如病人乃須醫藥無疾不須。

thí như bệnh nhân nãi tu y dược vô tật bất tu 。

Ví như người có bệnh mới cần thuốc chữa, không bệnh thì không cần.

不見我能行及所行法。無二無別自性離故。

bất kiến ngã năng hành cập sở hạnh Pháp 。 vô nhị vô biệt tự tính ly
cố 。

Không thấy mình hành cùng pháp được hành, không hai, không khác, vì lia tự
tính.

是名菩薩摩訶薩學般若波羅蜜通達願波羅蜜。大王。

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật thông đạt
nguyện ba la mật 。 Đại vương 。

Đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thông đạt Nguyện ba-la-mật.
Đại vương,

菩薩摩訶薩學般若波羅蜜行婆羅波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật hành bà la ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật hành mật, hành Lực ba-la-mật;

菩薩摩訶薩能伏天魔摧諸外道。

Bồ-tát Ma-Ha tát năng phục Thiên Ma tồi chư ngoại đạo 。

Bồ-tát Ma-ha-tát có thể hàng phục Thiên ma, bẻ gãy ngoại đạo,

具足功德智慧力故。一切佛法無不修行無不證見。

cụ túc công đức trí tuệ lực cố 。

nhất thiết Phật Pháp vô bất tu hành vô
bất chứng kiến 。

vì đầy đủ công đức, lực trí tuệ. Tất cả Phật pháp, không pháp nào không tu,
hành, không pháp nào không chứng, thấy.

以神通力用一毛髮。

Thần thông lực dụng nhất Mao phát 。

Dùng lực thần thông, dùng một sợi lông, sợi tóc,

能舉閻浮提乃至四天下三千大千世界。乃至無量百千世界。

năng cử Diêm-phù-đề nãi chí tứ Thiên hạ tam Thiên Đại Thiên thế giới
。 nãi chí vô lượng bách thiên thế giới 。

có thể nâng Diêm-phù-đề cho đến bốn Đại châu, Tam thiên đại thiên thế giới cho
đến vô lượng trăm ngàn thế giới;

能於空中取種種寶施諸眾生。

năng ư không trung thủ chủng chủng bảo thí chư chúng sinh 。

có thể ở giữa hư không, lấy đủ loại báu, bố thí chúng sinh.

十方無量無邊世界諸佛說法無不聞持。不見我能行及所行法。

thập phương vô lượng vô biên thế giới chư Phật thuyết pháp vô bất văn trì 。
bất kiến ngã năng hành cập sở hạnh Pháp 。

Mười phương vô lượng vô biên thế giới, chư Phật thuyết pháp, không nơi nào không nghe, giữ. Không thấy mình hành cùng pháp được hành,

無二無別自性離故。

vô nhị vô biệt tự tính ly cố 。

không hai, không khác, vì lia tự tính;

是名菩薩摩訶薩學般若波羅蜜通達力波羅蜜。大王。

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật thông đạt lực
ba la mật 。

đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thông đạt Lực ba-la-mật. Đại
vương,

菩薩摩訶薩學般若波羅蜜行闍那波羅蜜。菩薩摩訶薩觀五陰。

Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật hành đồ na ba la mật 。

Bồ-tát Ma-Ha tát quán ngũ uẩn 。

Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Trí ba-la-mật. Bồ-tát Ma-ha-tát
quán năm uẩn;

生不見實生滅非實滅。作是思惟。

sinh bất kiến thực sinh diệt phi thực diệt 。

tác thị tư duy 。

此五陰空無我無人無眾生無壽者無養育。

thử ngũ uẩn không vô ngã vô nhân vô chúng sinh vô thọ giả vô dưỡng
dục 。

năm uẩn này là Không, Vô ngã, Vô nhân, Vô chúng sinh, Vô thọ giả, Vô dưỡng dục.

凡夫眾生虛妄著我。五陰非我陰中無我。

phàm phu chúng sinh hư vọng trú ngã 。 ngũ uẩn phi ngã uẩn trung vô ngã 。

Phàm phu, chúng sinh sai lầm chấp ngã. Năm uẩn không phải là ngã, trong uẩn không có ngã.

我非五陰我中無陰。

ngã phi ngũ uẩn ngã trung vô uẩn 。

Ngã không phải là năm uẩn, trong ngã không có uẩn.

凡夫愚惑不如實知流轉生死如旋火輪。一切諸法自性本空無生無滅。

phàm phu ngu hoặc bất như thực tri lưu chuyển sinh tử như toàn hỏa luân 。 nhất thiết chư Pháp tự tính bản không vô sinh vô diệt 。

Phàm phu ngu muội không như thật biết lăn lóc sinh tử như vòng lửa quay. Tất cả các pháp, tự tính vốn Không, không sinh, không diệt;

緣合謂生緣散為滅。自性非無是故不生。

duyên hợp vị sinh duyên tán vị diệt 。 tự tính phi vô thị cố bất sinh 。

duyên hợp là sinh, duyên tan là diệt. Tự tính không phải không, vì vậy không sinh.

自性非有是故無滅。

tự tính phi hữu thị cố vô diệt 。

Tự tính không phải có, vì vậy không diệt.

菩薩摩訶薩一切境界無有一法不通達者。修行如是智波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát nhất thiết cảnh giới vô hữu nhất Pháp bất thông đạt giả 。 tu hành như thị trí ba la mật 。

Tất cả cảnh giới, không một pháp nào Bồ-tát Ma-ha-tát không thông đạt. Tu hành Trí ba-la-mật như vậy,

二乘外道不能掩蔽。

Nhị thừa ngoại đạo bất năng yếm tế 。

Nhị thừa, ngoại đạo không thể ngăn che.

以智觀察從初發心至入涅槃皆悉明了。能以一法知一切境。

dĩ trí quan sát tòng sơ phát tâm chí nhập Niết-bàn giai tất minh liễu 。 năng dĩ nhất Pháp tri nhất thiết cảnh 。

Dùng trí quán sát, khi mới phát tâm đến nhập Niết-bàn, đều hiểu rõ tất cả. Có thể lấy một pháp để biết tất cả các cảnh;

一切境界即是一法。何以故。如如一故。

nhất thiết cảnh giới tức thị nhất Pháp 。 hà dĩ cố 。 như như nhất cố 。

tất cả cảnh giới đều là một pháp. Vì sao? Vì Như Như là một.

不見我能修及所修法。無二無別自性離故。

bất kiến ngã năng tu cập sở tu Pháp 。 vô nhị vô biệt tự tính ly cố 。

Không thấy mình có tu và pháp được tu, không hai, không khác, vì lìa tự tính;

是名菩薩摩訶薩行般若波羅蜜通達智波羅蜜。

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật thông đạt trí ba la mật 。

đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, thông đạt Trí ba-la-mật.

勝天王般若波羅蜜經

thắng Thiên vương bát nhã ba la mật Kinh
Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã ba-la-mật

顯相品第二

hiển tướng phẩm đệ nhị

Phẩm 2: Hiển Tướng

爾時勝天王。即從座起偏袒右肩右膝著地。

nhĩ thời thắng Thiên vương 。 tức tùng toạ khởi Thiên đản hữu kiên hữu
tất trú địa 。

Bấy giờ, Thắng Thiên Vương từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải, gối phải
sát đất,

合掌向佛頭面作禮而白佛言。世尊。

hợp chưởng hướng Phật đầu diện tác lễ nhi bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn
。

chấp tay hướng Phật, đầu mặt làm lễ, bạch Phật: Thế Tôn,

是般若波羅蜜甚深。何者是般若波羅蜜相。

thị bát nhã ba la mật thậm thâm 。 hà giả thị bát nhã ba la mật
tướng 。

Bát-nhã ba-la-mật này thì sâu xa. Tướng của Bát-nhã ba-la-mật là gì?

佛告勝天王言。如地水火風相。

Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。 như địa thủy hỏa phong tướng
。

Phật bảo Thắng Thiên Vương: Giống như tướng của đất, nước, gió, lửa,

般若波羅蜜相亦復如是。世尊云何地相。佛言。

bát nhã ba la mật tướng diệc phục như thị 。 Thế Tôn vân hà địa tướng
。 Phật ngôn 。

tướng của Bát-nhã ba-la-mật cũng thế. Thế Tôn, thế nào là tướng của đất? Phật
dạy:

普遍廣大難可度量是為地相。般若波羅蜜相亦復如是。

phổ biến quảng Đại nan khả độ lượng thị vi địa tướng 。 bát nhã ba
la mật tướng diệc phục như thị 。

Rộng lớn, cùng khắp, khó thể đo lường, là tướng của đất; tướng của Bát-nhã ba-
la-mật cũng thế.

何以故。如如普遍廣大難思量故。大王。

hà dĩ cố 。 như như phổ biến quảng Đại nan tư lượng cố 。

Vì sao? Vì rộng lớn, cùng khắp như thế nên khó suy lường. Đại vương,

一切藥草皆依地生。

nhất thiết dược thảo giai y địa sinh 。

tất cả cây thuốc đều nương đất sinh;

一切善法皆依般若波羅蜜生。又如土地增之不喜減之不瞋。

nhất thiết thiện Pháp giai y bát nhã ba la mật sinh 。

tất cả pháp lành đều nương Bát-nhã ba-la-mật sinh. Lại giống như đất, tăng thêm
không vui, giảm bớt không giận,

離我我所無二相故。般若波羅蜜亦復如是。

ly ngã ngã sở vô nhị tướng cố 。

vì lìa ngã, ngã sở, không có hai tướng; Bát-nhã ba-la-mật cũng thế,

讚歎不增毀皆不減。離我我所無二相故。

tán tán bất tăng hủy giai bất giảm 。 ly ngã ngã sở vô nhị tướng cố
。

khen ngợi không tăng, chê bai không giảm, vì lia ngã, ngã sở, không có hai tướng.

世間行來舉足下足悉依於地。若求善道趣向涅槃。

thế gian hành lai cử túc hạ túc tất y ư địa 。 nhược cầu thiện đạo thú hướng Niết-bàn 。

Thế gian đi lại, đặt chân, cất bước đều nương vào đất; nếu cầu thiện đạo, hướng đến Niết-bàn,

應當依是般若波羅蜜。又如大地出種種寶。

ứng đương y thị bát nhã ba la mật 。 hựu như Đại địa xuất chủng chủng bảo 。

phải nương Bát-nhã ba-la-mật này. Lại như đất liền có đủ loại báu;

般若波羅蜜亦復如是。生出世間種種功德。

bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。 sinh xuất thế gian chủng chủng công đức 。

Bát-nhã ba-la-mật cũng vậy, sinh đủ loại công đức xuất thế gian.

又如大地蟲蟻蚊虻種種諸苦不能傾動。

hựu như Đại địa trùng nghĩ văn 虻 chủng chủng chư khổ bất năng khuynh động 。

Lại như đất liền, côn trùng, kiến, muỗi, ruồi, đủ loại khổ, chẳng lay động được;

般若波羅蜜亦復如是。離我我所不可傾動。

bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。 ly ngã ngã sở bất khả khuynh động 。

Bát-nhã ba-la-mật cũng vậy, lia ngã, ngã sở, không bị lay động.

又如大地若聞師子龍象之聲終無驚怖。

hựu như Đại địa nhược văn Sư-tử long tượng chi thanh chung vô kinh phổ 。

Lại như đất liền, nếu nghe tiếng sư tử, rồng, voi, không khi nào kinh sợ;

般若波羅蜜亦復如是。天魔外道不能恐懼。何以故。

bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。

Thiên Ma ngoại đạo bất năng khủng cụ 。

hà dĩ cố 。

Bát-nhã ba-la-mật cũng vậy, Thiên ma, ngoại đạo không thể làm cho sợ hãi. Vì sao?

不見有人不見有法自性空故。

bất kiến hữu nhân bất kiến hữu Pháp tự tính không cố 。

Không thấy có người, không thấy có pháp, vì tự tính Không.

又如水大從高赴下。一切善法皆向般若波羅蜜。

hựu như thủy Đại tòng cao phó hạ 。

nhất thiết thiện Pháp giai hướng bát nhã ba la mật 。

Lại như nước, từ cao chảy xuống, tất cả pháp lành đều hướng đến Bát-nhã ba-la-mật.

又如水大能潤草木得生華果。般若波羅蜜亦復如是。

hựu như thủy Đại năng nhuận thảo mộc đắc sinh hoa quả 。

bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。

Lại như nước, thường thấm ướt cỏ cây, mới ra hoa trái; Bát-nhã ba-la-mật cũng thế,

潤諸三昧生助道法。

nhuận chư tam-muội sinh trợ đạo Pháp 。

thấm các tam-muội, sinh pháp trợ đạo,

成一切智樹得佛法果利益眾生。又如水大漬草木根。

thành nhất thiết trí thụ đắc Phật Pháp quả lợi ích chúng sinh 。 hựu như thủy Đại tí thảo mộc căn 。

thành cây Nhất thiết trí, được quả Phật pháp, lợi ích chúng sinh. Lại như nước, bứt rễ cỏ cây,

能使傾拔隨流而去。般若波羅蜜亦復如是。

năng sử khuynh bạt tùy lưu nhi khứ 。

bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。

làm cho nghiêng đổ, trôi theo dòng nước; Bát-nhã ba-la-mật cũng thế,

一切諸見煩惱習氣。根本悉滅永不復生。

nhất thiết chư kiến phiền não tập khí 。

căn bản tất diệt vĩnh bất phục sinh 。

tất cả các kiến, phiền não, tập khí, đều diệt tận gốc, vĩnh viễn không sinh trở lại.

又如水大性本清淨無垢不濁。般若波羅蜜亦復如是。

hựu như thủy Đại tính bản thanh tịnh vô cấu bất trược 。

bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。

Lại như nước, tính vốn trong sạch, không bẩn, không đục; Bát-nhã ba-la-mật cũng thế.

體無煩惱故名清淨。離諸惑故名為無垢。

thể vô phiền não cố danh thanh tịnh 。

ly chư hoặc cố danh vi vô cấu 。

Vì thể không phiền não nên gọi là trong sạch; vì lìa các mê lầm nên gọi là không bẩn;

一相非異故名不濁。如人夏熱遇水清涼。

nhất tướng phi dị cố danh bất trược 。 như nhân hạ nhiệt ngộ thủy thanh lương 。

vì chỉ một tướng, không có tướng khác, nên gọi là không đục. Như người gặp nước trong mát giữa cái nóng mùa hè,

熱惱眾生聞般若波羅蜜亦即清涼。

niệt não chúng sinh văn bát nhã ba la mật diệc tức thanh lương 。

chúng sinh chịu cái nóng phiền não mà nghe được Bát-nhã ba-la-mật liền được tươi mát.

如人患渴得水乃止。求出世法得般若波羅蜜思願亦止。

như nhân hoạn khát đắc thủy nãi chỉ 。

cầu xuất thế Pháp đắc bát nhã ba la mật tư nguyện diệc chỉ 。

Như người bị nước, uống nước mới hết; cầu pháp xuất thế, được Bát-nhã ba-la-mật, mới hết mong, nguyện.

又如水泉甚深難入。般若波羅蜜亦復如是。

hựu như thủy tuyền thậm thâm nan nhập 。

bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。

Lại như suối nước rất sâu khó vào; Bát-nhã ba-la-mật cũng thế,

諸佛境界甚深難入。又如坑坎之處水悉平等。

chư Phật cảnh giới thậm thâm nan nhập 。

hựu như khanh khảm chi xử thủy tất bình đẳng 。

cảnh giới chư Phật sâu xa khó vào. Lại như ở trong hầm hố, nước đều ngang nhau;

般若波羅蜜亦復如是。

bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。

Bát-nhã ba-la-mật cũng thế,

一切聲聞辟支佛及諸凡夫皆悉平等。又如水能洗地悉得清淨。

nhất thiết thanh văn Bích chi Phật cập chư phàm phu giai tất bình đẳng
。 hựu như thủy năng tẩy địa tất đắc thanh tịnh 。

tất cả Thanh Văn, Phật Bích-chi, và các phàm phu đều bình đẳng. Lại như nước
rửa sạch đất đai làm cho thanh tịnh,

菩薩摩訶薩通達般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát thông đạt bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát thông đạt Bát-nhã ba-la-mật,

離諸煩惱即得清淨。何以故。自性清淨離諸惑故。

ly chư phiền não tức đắc thanh tịnh 。

hà dĩ cố 。

tự tính thanh tịnh ly
chư hoặc cố 。

lìa các phiền não, tức được thanh tịnh. Vì sao? Vì tự tính thanh tịnh, lìa các mê
hoặc.

又如火大能燒一切樹木藥草。不作是念我能燒物。

hựu như hỏa Đại năng thiêu nhất thiết thụ mộc dược thảo 。

bất
tác thị niệm ngã năng thiêu vật 。

Lại như lửa, có thể đốt tất cả cây cối, dược thảo mà không nghĩ rằng mình có thể
đốt mọi vật;

般若波羅蜜亦復如是。能滅一切煩惱習氣。

bát nhã ba la mật diệt phục như thị 。

năng diệt nhất thiết phiền não tập
khí 。

Bát-nhã ba-la-mật cũng thế, có thể diệt trừ tất cả tập khí phiền não,

亦不作念我能除滅。

diệt bất tác niệm ngã năng trừ diệt 。

mà cũng không nghĩ mình có thể diệt trừ.

又譬如火悉能成熟一切諸物。般若波羅蜜亦能成就一切佛法。

hựu thí như hỏa tất năng thành thực nhất thiết chư vật 。 bát
nhã ba la mật diệc năng thành tựu nhất thiết Phật Pháp 。

Lại ví như lửa có thể nấu chín tất cả các vật, Bát-nhã ba-la-mật cũng có khả
năng thành tựu tất cả Phật pháp.

又譬如火悉能乾竭一切濕物。

hựu thí như hỏa tất năng kiên kiệt nhất thiết thấp vật 。

Lại ví như lửa có thể làm khô tất cả vật ướt,

般若波羅蜜亦復如是。竭諸漏流永不復起。

bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。 kiệt chư lậu lưu vĩnh bất
phục khởi 。

Bát-nhã ba-la-mật cũng thế, làm khô cạn các dòng lậu, vĩnh viễn không khởi lại.

假使火聚在雪山頂。若一由旬至十由旬皆悉能照。

giả sử hỏa tụ tại tuyết sơn đỉnh 。 nhược nhất do-tuần chí thập
do-tuần giai tất năng chiếu 。

Giả sử lửa tụ ở đỉnh Tuyết sơn, dù một do-tuần đến mười do-tuần đều có thể
chiếu tỏ,

而無是念我能照遠。般若波羅蜜亦復如是。

nhi vô thị niệm ngã năng chiếu viễn 。 bát nhã ba la mật diệc
phục như thị 。

mà không nghĩ mình có thể chiếu xa; Bát-nhã ba-la-mật cũng thế,

皆悉能照聲聞緣覺及以菩薩。亦不作念我能照彼。

giai tất năng chiếu thanh văn duyên giác cập dĩ Bồ-tát 。 diệc bất tác
niệm ngã năng chiếu bỉ 。

đều có thể soi sáng Thanh Văn, Duyên Giác, cho đến Bồ-tát mà không nghĩ mình có thể soi sáng họ.

又如禽獸夜見火光恐怖遠避。

hựu như cầm thú dạ kiến hỏa quang khủng phố viễn tị 。

Lại như chim, thú, ban đêm thấy ánh lửa thì sợ hãi lánh xa;

薄福凡夫及以二乘。若聞般若波羅蜜恐懼捨離。

bạc phúc phàm phu cập dĩ Nhị thừa 。

nhược văn bát nhã ba la mật khủng cụ xả ly 。

phàm phu bạc phước, cho đến Nhị thừa, nếu nghe Bát-nhã ba-la-mật thì sợ hãi, xa lìa.

般若波羅蜜聞名尚難況復修學。如夜遠行迷失道路。

bát nhã ba la mật văn danh thượng nan hướng phục tu học 。

như dạ viễn hành mê thất đạo lộ 。

Nghe tên Bát-nhã ba-la-mật còn khó hướng là tu học. Như người đi xa, ban đêm bị lạc đường,

若見火光即生歡喜。知有聚落疾往投趣。

nhược kiến hỏa quang tức sinh hoan hỷ 。

tri hữu tụ lạc tậ vãng đầu thú 。

nếu thấy ánh lửa tức vui mừng, biết có xóm làng, nhanh chóng chạy đến;

至則安隱永無怖畏。生死曠野有福德人。

chí tắc an ổn vĩnh vô bố úy 。

sinh tử khoáng dã hữu phúc đức nhân 。

đến được tức yên ổn, không còn sợ hãi. Chốn sinh tử mênh mông, người có phước đức,

若聞般若波羅蜜。生大歡喜歸趣受持。

nhược văn bát nhã ba la mật 。 sinh Đại hoan hỉ quy thú thọ trì 。
nếu nghe Bát-nhã ba-la-mật thì rất vui mừng, theo đó mà nhận giữ,

永離煩惱心得安樂。如世間火貴賤共同。

vĩnh ly phiền não tâm đắc an lạc 。 như thế gian hỏa quý tiện
cộng đồng 。

vĩnh viễn xa lìa phiền não, tâm được an lạc. Như lửa ở thế gian, sang hèn đều
như nhau;

般若波羅蜜亦復如是凡聖等有。

bát nhã ba la mật diệc phục như thị phàm Thánh đẳng hữu 。

Bát-nhã ba-la-mật cũng thế, phàm, thánh đều có.

又如婆羅門剎利咸供養火。諸佛菩薩咸皆供養般若波羅蜜。

hựu như Bà-la-môn sát lợi hàm cung dưỡng hỏa 。

Lại như Bà-la-môn, Sát-lợi đều cúng dường lửa; chư Phật, Bồ-tát đều cúng
dường Bát-nhã ba-la-mật.

又如小火能燒三千大千世界。

hựu như tiểu hỏa năng thiêu tam Thiên Đại Thiên thế giới 。

Lại như lửa nhỏ có thể đốt Tam thiên đại thiên thế giới;

般若波羅蜜亦復如是。若聞一句則能焚燒無量煩惱。大王。

bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。

Bát-nhã ba-la-mật cũng thế. Nếu nghe một câu tức có thể đốt cháy vô lượng
phiền não. Đại vương,

般若波羅蜜離垢無著寂靜無邊。

bát nhã ba la mật ly cấu Vô trứ tịch tĩnh vô biên 。

Bát-nhã ba-la-mật lia cấu uế, không dính mắc, vắng lặng, vô biên,

無邊智慧等達法性。猶如虛空性無所住。

vô biên trí tuệ đẳng đạt Pháp tính 。 do như hư không tính vô sở trụ 。

trí tuệ vô biên, đẳng đạt Pháp tính. Giống như hư không, tính không chỗ trụ;

離相境界過諸覺觀。心心數法無有分別。

ly tướng cảnh giới quá chư giác quán 。 tâm tâm số Pháp vô hữu phân biệt 。

cảnh giới lia tướng, vượt mọi giác quán. Tâm, tâm số pháp, không có phân biệt,

無生無滅自性離故。大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

vô sinh vô diệt tự tính ly cố 。

Đại vương 。 Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

世間希有利益眾生。猶如日月一切受用。

thế gian hi hữu lợi ích chúng sinh 。

do như nhật nguyệt nhất thiết thọ dụng 。

又譬如月能除熱惱。般若波羅蜜亦復如是。

hựu thí như nguyệt năng trừ nhiệt não 。

bát nhã ba la mật diệt phục như thị 。

能除一切煩惱熱毒。又譬如月世間樂見。

năng trừ nhất thiết phiền não nhiệt độc 。

có thể trừ tất cả phiền não nhiệt độ. Lại ví như thể gian thích nhìn mặt trăng;

般若波羅蜜亦復如是。一切聖人之所樂見。

bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。 nhất thiết Thánh nhân chi sở lạc kiến 。

Bát-nhã ba-la-mật cũng vậy, tất cả Thánh nhân đều muốn nhìn thấy.

又如初月日日增長。菩薩摩訶薩親近般若波羅蜜。

hựu như sơ nguyệt nhật nhật tăng trường 。 Bồ-tát Ma-Ha tát thân cận bát nhã ba la mật 。

Lại như trăng non, mỗi ngày sáng thêm; Bồ-tát Ma-ha-tát gần gũi Bát-nhã ba-la-mật,

從初發心乃至菩提漸次增長。

tòng sơ phát tâm nãi chí bồ đề tiệm thứ tăng trường 。

từ mới phát tâm cho đến Bồ-đề, lần lần tăng trưởng.

如黑分月日日漸盡。菩薩摩訶薩修行般若波羅蜜。

như hắc phân nguyệt nhật nhật tiệm tận 。

Như trăng hạ tuần, ngày ngày dần hết; Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật,

煩惱結使次第滅盡。如世間月婆羅門剎利咸所讚歎。

phiền não kết sử thứ đệ diệt tận 。

phiền não, kết sử lần lượt diệt hết. Như trăng thế gian, Bà-la-môn, Sát-lợi đều ca ngợi;

若善男子善女人親近般若波羅蜜。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân thân cận bát nhã ba la mật 。

nếu Thiên nam tử, Thiên nữ nhân gần gũi Bát-nhã ba-la-mật,

一切世間天人阿修羅皆所讚歎。

nhất thiết thế gian Thiên Nhơn A-tu-La giai sở tán thán 。

tất cả thế gian, Trời, người, A-tu-la đều tán thán.

如月遊行遍四天下。般若波羅蜜亦復如是。

như nguyệt du hành biến tứ Thiên hạ 。

bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。

Như mặt trăng di chuyển khắp bốn Đại châu; Bát-nhã ba-la-mật cũng vậy,

若色若心無處不遍。如世間月常自莊嚴。

nhược sắc nhược tâm vô xử bất biến 。

như thế gian nguyệt thường tự trang nghiêm 。

dù sắc, dù tâm không nơi nào không cùng khắp. Như mặt trăng thế gian thường tự trang nghiêm;

般若波羅蜜亦復如是性自莊嚴。何以故。不生不滅性本清淨。

bát nhã ba la mật diệc phục như thị tính tự trang nghiêm 。

hà dĩ cố 。

bất sinh bất diệt tính bản thanh tịnh 。

Bát-nhã ba-la-mật cũng vậy, tính tự trang nghiêm. Vì sao? Vì không sinh, không diệt, tính vốn thanh tịnh,

遍一切法自性離故。如世間日破一切暗。

biến nhất thiết Pháp tự tính ly cố 。

như thế gian nhật phá nhất thiết ám 。

cùng khắp tất cả các pháp, là tự tính. Như mặt trời thế gian phá tất cả tối tăm,

而不作念我能破暗。般若波羅蜜亦復如是。

nhì bất tác niệm ngã năng phá ám 。

bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。

mà không khởi niệm ta có thể phá sự tối tăm; Bát-nhã ba-la-mật cũng vậy,

能破無始一切煩惱。亦不作念我破煩惱。

năng phá vô thủy nhất thiết phiền não 。 diệt bất tác niệm ngã phá phiền não 。

[có thể phá tất cả phiền não từ vô thủy, nhưng cũng không khởi niệm ta phá phiền não.](#)

又譬如日開敷蓮華。而不作念我開蓮花。

hựu thí như nhật khai phu liên hoa 。 nhi bất tác niệm ngã khai liên hoa 。

[Lại ví như mặt trời khiến hoa sen nở mà không khởi niệm ta làm cho hoa sen nở;](#)

般若波羅蜜亦復如是。能開菩薩亦無是念。

bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。 năng khai Bồ-tát diệc vô thị niệm 。

[Bát-nhã ba-la-mật cũng vậy, có thể khai mở Bồ-tát mà không khởi niệm như thế.](#)

又譬如日遍照十方。不作是念我能遍照。

hựu thí như nhật biến chiếu thập phương 。 bất tác thị niệm ngã năng biến chiếu 。

[Lại ví như mặt trời chiếu khắp mười phương mà không khởi niệm ta có thể chiếu khắp,](#)

般若波羅蜜亦復如是。能照無邊而無照相。

bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。 năng chiếu vô biên nhi vô chiếu tướng 。

[Bát-nhã ba-la-mật cũng vậy, có thể chiếu sáng vô biên mà không có tướng chiếu sáng.](#)

又如見東方赤則知日出不久。若聞般若波羅蜜。

hựu như kiến Đông phương xích tắc tri nhật xuất bất cửu 。
nhược văn bát nhã ba la mật 。

Lại như thấy đò ở phương Đông tức biết không lâu mặt trời sẽ mọc; nếu nghe Bát-nhã ba-la-mật,

當知去佛不遠。如閻浮提人若見日出生大歡喜。

đương tri khứ Phật bất viễn 。 như Diêm-phù-đề nhân nhược kiến nhật
xuất sinh Đại hoan hỉ 。

nên biết cách Phật không xa. Như người ở Diêm-phù-đề, thấy mặt trời mọc thì rất
vui mừng;

若世間中有般若波羅蜜名字。

nhược thế gian trung hữu bát nhã ba la mật danh tự 。

nếu trên thế gian có tên Bát-nhã ba-la-mật,

一切聖人皆大歡喜。又如日出月及星宿光悉不現。

nhất thiết Thánh nhân giai Đại hoan hỉ 。 hựu như nhật xuất nguyệt
cập tinh tú quang tất bất hiện 。

tất cả thánh nhân đều rất hoan hỉ. Lại như mặt trời mọc thì ánh sáng mặt trăng
cùng tinh tú không hiện,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。二乘外道德亦不現。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, thì đức của Nhị thừa, ngoại đạo cũng
không xuất hiện.

又如日出方見坑坎高下之處。

hựu như nhật xuất phương kiến khanh khám cao hạ chi xử 。

Lại như mặt trời mọc mới thấy chỗ cao, thấp, hằm, hố;

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。世間乃知邪正之道。何以故。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 thế gian nãi tri tà chính chi đạo 。 hà dĩ cố 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, thế gian mới biết tà đạo, chính đạo. Vì sao?

般若波羅蜜自相平等不生不滅性是離故。

bát nhã ba la mật tự tướng bình đẳng bất sinh bất diệt tính thị ly cố 。

Vi tự tướng của Bát-nhã ba-la-mật bình đẳng, không sinh, không diệt, tính là xả ly.

大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Đại vương 。 Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

多修空行無所住著修道離障。遠惡知識親近諸佛。

đa tu không hành vô sở trụ trú tu đạo ly chướng 。 viễn ác tri thức thân cận chư Phật 。

thường tu hạnh Không, không chỗ dính mắc, tu đạo lìa chướng, xa tri thức ác, gần gũi chư Phật,

心心相續念佛不斷。通達平等隨順法界。

tâm tâm tương tục niệm Phật bất đoạn 。 thông đạt bình đẳng tùy thuận Pháp giới 。

tâm tâm tương tục, niệm Phật không dứt, thông đạt, bình đẳng, tùy thuận Pháp giới,

神通遊戲十方國土。於其本處都不動搖。

Thần thông du hí thập phương quốc thổ 。 ư kỳ bản xứ đô bất động dao 。

thần thông du hí mười phương quốc độ, ở các xứ đó đều không dao động,

見諸佛法猶如現前。雖處世間世法不染。

kiến chư Phật Pháp do như hiện tiền 。 tuy xử thế gian thế Pháp bất nhiễm 。

thấy các pháp Phật, vẫn như hiện tiền; dầu ở thế gian, không nhiễm pháp đời.

猶如蓮花生在淤泥菩薩摩訶薩雖處生死以般若波羅

do như liên hoa sinh tại ử nê Bồ-tát Ma-Ha tát tuy xử sinh tử dĩ bát nhã ba la

Giống như hoa sen, sinh ở nơi bùn, Bồ-tát Ma-ha-tát tuy ở sinh tử, nhờ lực phương tiện Bát-nhã ba-la-mật

蜜方便力故而不染著。何以故。

mật phương tiện lực cố nhi bất nhiễm trú 。

nên không nhiễm trước. Vì sao?

般若波羅蜜不生不滅自相平等。不見不著性是離故。

bát nhã ba la mật bất sinh bất diệt tự tướng bình đẳng 。

Bát-nhã ba-la-mật không sinh, không diệt, tự tướng bình đẳng, không thấy, không vướng, vì tính xả ly.

又如蓮華不停水滴。

hựu như liên hoa bất đình thủy tích 。

Lại như hoa sen không giữ giọt nước,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。一不善法不得暫住。又如蓮華所在悉香。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, một pháp bất thiện cũng không vương mắc. Lại như chỗ có hoa sen tức thơm,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜若在城邑聚落。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật nương tại thành ấp tụ lạc 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, nếu ở thành ấp, xóm làng,

人間天上悉具戒香。又如蓮華體性清淨。

nhân gian Thiên thượng tất cụ giới hương 。

hựu như liên hoa thể tính thanh tịnh 。

nhân gian, cõi trời, đều đầy đủ hương Giới. Lại như hoa sen, thể tính thanh tịnh,

婆羅門刹利長者居士之所愛重。

Bà-la-môn sát lợi Trưởng-Giả Cư-sĩ chi sở ái trọng 。

được Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, trưởng giả, cư sĩ yêu kính;

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật

天龍夜叉乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽人非人等菩薩諸佛咸

Thiên Long dạ xoa Càn-thát-bà A-tu-La ca lâu la khẩn na la Ma hầu la dà nhân phi nhân đẳng Bồ-tát chư Phật hàm

được Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, người, loài phi nhân, vân vân, Bồ-tát, chư Phật đều

所愛敬。又如蓮華始欲敷啟能悅眾心。

sở ái kính 。

hựu như liên hoa thủy dục phu khả năng duyệt chúng tâm 。

yêu kính. Lại như hoa sen vừa mới nở đã có thể làm tâm mọi người vui sướng;

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

面門常笑曾無嘖蹙能悅眾生。又如世人夢見蓮花亦是吉相。

diện môn thường tiếu tăng vô tần túc năng duyệt chúng sinh 。

hựu như thể nhân mộng kiến liên hoa diệp thị cát tướng 。

mặt thường vui cười, chưa hề nhăn nhó, khiến chúng sinh vui. Lại như người đời
mộng thấy hoa sen cũng là điềm lành;

一切人天乃至夢中。聞見菩薩行般若波羅蜜。

nhất thiết nhân Thiên nãi chí mộng trung 。

văn kiến Bồ-tát hành bát
nhã ba la mật 。

tất cả Trời, người cho đến trong mộng, nghe, thấy Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật

亦是吉祥況當真見。又如蓮華初始生時。

diệp thị cát tướng hướng đương chân kiến 。

hựu như liên hoa sơ
thủy sinh thời 。

cũng là điềm lành, hướng là thấy thực. Lại như lúc hoa sen mới nở,

若人非人之所愛護。

nhược nhân phi nhân chi sở ái hộ 。

được người, loài phi nhân yêu quý, giữ gìn;

菩薩摩訶薩始學般若波羅蜜。諸佛菩薩釋梵諸天之所衛護。

Bồ-tát Ma-Ha tát thủy học bát nhã ba la mật 。

chư Phật Bồ-tát thích
phạm chư Thiên chi sở vệ hộ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát mới học Bát-nhã ba-la-mật được chư Phật, Bồ-tát, chư Thiên
Thích, Phạm hộ vệ.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

興如是心如理通達諸波羅蜜。滿足佛法教化眾生坐菩提樹。

hưng như thị tâm như lý thông đạt chư ba la mật 。

mãn túc Phật Pháp giáo hóa chúng sinh tọa bồ đề thụ 。

phát tâm như vậy, thông đạt đúng lý các Ba-la-mật, đầy đủ pháp Phật, giáo hóa chúng sinh, ngồi cội Bồ-đề,

成就阿耨多羅三藐三菩提轉正法輪。

thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề chuyển chính Pháp luân 。

thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác, chuyển bánh xe Chính pháp

世間沙門婆羅門。天魔釋梵所不能轉。

thế gian Sa Môn Bà-la-môn 。

Thiên Ma thích phạm sở bất năng chuyển 。

mà thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên ma, Thích, Phạm không thể chuyển;

化度十方無邊世界一切眾生。平等濟拔於生死海。

hóa độ thập phương vô biên thế giới nhất thiết chúng sinh 。

bình đẳng tế bạt ư sinh tử hải 。

hóa độ tất cả chúng sinh ở mười phương vô biên thế giới, bình đẳng cứu độ, khỏi biển sinh tử,

皆悉安置般若波羅蜜中。

giai tất an trí bát nhã ba la mật trung 。

thảy đều an ổn trong Bát-nhã ba-la-mật.

無歸無依無救護者為作救護。欲見佛者即為示之作師子吼。

vô quy vô y vô cứu hộ giả vi tác cứu hộ 。 dục kiến Phật giả
tức vi kì chi tác Sư-tử hống 。

Người không chổ về, không nơi nương tựa, không được cứu hộ liền được cứu hộ;
người muốn thấy Phật, tức chỉ cho họ, rống tiếng Sư tử,

神通遊戲歎佛功德令眾渴仰。其心清淨而不轉移。

Thần thông du hí tán Phật công đức lệnh chúng khát ngưỡng 。 kỳ tâm
thanh tịnh nhi bất chuyển di 。

thần thông du hí, khen công đức Phật, khiến cho chúng sinh kính ngưỡng, tâm
được thanh tịnh, không bị đổi thay,

意無諂曲遠離邪念。

ý vô siểm khúc viễn li tà niệm 。

ý không nịnh hót, xa lìa niệm tà.

所謂不念聲聞辟支佛法。盡諸垢穢無復煩惱。身無偽行離邪威儀。

sở vị bất niệm thanh văn Bích chi Phật Pháp 。 tận chư cấu uế vô
phục phiền não 。 thân vô 偽 hành ly tà uy nghi 。

Nghĩa là không nghĩ pháp Thanh Văn, Phật Bích-chi; hết các cấu uế, không còn
phiền não, thân không tà hạnh, lìa oai nghi bất chính,

口無巧言如實而說。受恩常感輕恩重報。

khẩu vô xảo ngôn như thực nhi thuyết 。 thọ ân thường cảm
khinh ân trọng báo 。

miệng không xảo trá, ngôn thuyết như thực, thọ ân thường cảm, ơn nhẹ trả
nhiều,

心不懷憾口恒軟語。如是修習清淨之心。

tâm bất hoài hám khẩu hằng nhuyễn ngữ 。 như thị tu tập thanh tịnh
chi tâm 。

tâm không nuôi hận, miệng luôn mềm mỏng. Tu tập tâm thanh tịnh như thế,

不見能污不見可染。無二無別自性離故。大王。

bất kiến năng 汚 bất kiến khả nhiễm 。 vô nhị vô biệt tự tính ly cố 。

Đại vương 。

không thấy cái làm bẩn, không thấy cái bị nhiễm, không hai, không khác, vì lìa tự tính. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

能信如來三種清淨。作是思惟。修多羅說如來法身。寂靜身。

năng tín Như Lai tam chủng thanh tịnh 。 tác thị tư duy 。 tu đa-la

thuyết Như Lai Pháp thân 。 tịch tĩnh thân 。

thường tin ba loại thanh tịnh của Như Lai, suy nghĩ thế này: Kinh nói Pháp thân

Như Lai là thân vắng lặng,

無等等身。無量身。不共身。金剛身。

vô đẳng đẳng thân 。 vô lượng thân 。 bất-cộng thân 。 Kim cương thân 。

thân không gì bằng, thân vô lượng, thân bất cộng, thân Kim cương;

於此決定心無疑惑。是名能信如來身淨。復次思惟。

ư thử quyết định tâm vô nghi hoặc 。 thị danh năng tín Như Lai

thân tịnh 。

phục thứ tư duy 。

tin chắc điều đó, lòng không nghi ngờ. Đó gọi là thường tin thân Như Lai thanh

tịnh. Lại suy nghĩ:

修多羅說如來口淨如為凡夫受作佛記。

tu đa-la thuyết Như Lai khẩu tịnh như vì phạm phu thọ tác Phật kí

。

Kinh nói kim khẩu Như Lai thanh tịnh; như vì phạm phu, thọ ký làm Phật,

亦為菩薩授記成佛。信如是言不相違背。

diệc vì Bồ-tát thọ kí thành Phật 。 tín như thị ngôn bất tương vi bối
。

cũng vì Bồ-tát, thọ kí thành Phật, tin lời như thế, không trái nghịch lại.

何以故。如來永離一切過失無諸垢穢。

hà dĩ cố 。 Như Lai vĩnh ly nhất thiết quá thất vô chư cấu uế 。

Vì sao? Như Lai vĩnh viễn xa lìa tất cả lỗi lầm, không còn cấu uế,

無有煩惱寂靜清淨。若天若魔沙門婆羅門若梵。

vô hữu phiền não tịch tĩnh thanh tịnh 。 nhược Thiên nhược Ma Sa Môn
Bà-la-môn nhược phạm 。

không còn phiền não, vắng lặng, trong sạch. Nếu Trời, nếu Ma, Sa-môn, Bà-la-
môn, nếu Phạm thiên

能得如來口業失者無有是處。

năng đắc Như Lai khẩu nghiệp thất giả vô hữu thị xứ 。

có thể thấy lỗi trong lời nói Như Lai thì không có chuyện đó.

是名能信如來口淨。復次修多羅說如來意淨。

thị danh năng tín Như Lai khẩu tịnh 。

phục thứ tu đa-la thuyết Như
Lai ý tịnh 。

Đó gọi là tin miệng Như Lai thanh tịnh. Lại nữa, Kinh nói ý Như Lai thanh tịnh.

諸佛世尊心所思事。

chư Phật Thế Tôn tâm sở tư sự 。

Việc được tâm chư Phật Thế Tôn suy nghĩ,

若聲聞辟支佛菩薩一切天人無能知者。何以故。如來之心甚深難入。

nhược thanh văn Bích chi Phật Bồ-tát nhất thiết Thiên Nhơn vô năng tri giả 。 hà dĩ cố 。 Như Lai chi tâm thậm thâm nan nhập 。

dù Thanh Văn, Phật Bích-chi, Bồ-tát, tất cả Trời, người, không thể nào biết. Vì sao? Tâm Như Lai sâu xa, khó vào,

非諸覺觀離思量境。無有邊量同虛空界。

phi chư giác quán ly tư lượng cảnh 。 vô hữu biên lượng đồng hư không giới 。

không phải cảnh của giác quán, lia cảnh tư lường, không có ngăn mé, giống như hư không.

如是信知心不疑惑。是名能信如來意淨。

như thị tín tri tâm bất nghi hoặc 。

thị danh năng tín Như Lai ý tịnh 。

Tin biết như vậy, tâm không nghi hoặc, gọi là tin ý Như Lai thanh tịnh.

復次菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。作是思惟。

phục thứ Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

tác thị tư duy 。

Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, suy nghĩ thế này:

如佛所說菩薩摩訶薩為諸眾生不怖不疲。

như Phật sở thuyết Bồ-tát Ma-Ha tát vi chư chúng sinh bất phố bất bì 。

Như Phật có nói, Bồ-tát Ma-ha-tát, vì các chúng sinh, không sợ, không mệt,

荷負重擔其心堅固曾無退轉。次第修習諸波羅蜜。

hà phụ trọng đấm kỳ tâm kiên cố tăng vô thoái chuyển 。

thứ đệ tu tập chư ba la mật 。

mang vác gánh nặng, mà tâm kiên cố, chưa từng thối lui. Lần lượt tu tập các Ba-la-mật,

成就佛法無有障礙。無邊無等不共之法。

thành tựu Phật Pháp vô hữu chướng ngại 。 vô biên vô đẳng bất-cộng chi Pháp 。

thành tựu pháp Phật, không có ngăn ngại, là pháp vô biên, vô đẳng, bất cộng.

所言決定其性勇猛。成就如來廣大之事。

sở ngôn quyết định kỳ tính dũng mãnh 。 thành tựu Như Lai quảng Đại chi sự 。

Lời nói quyết định, tính chất mạnh mẽ, thành tựu việc lớn của Như Lai.

菩薩摩訶薩於是事中。不疑不惑深心信受。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư thị sự trung 。 bất nghi bất hoặc thâm tâm tín thọ 。

Đối với việc này, Bồ-tát Ma-ha-tát không nghi, không ngờ, trong lòng tin nhận.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜作是思惟。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật tác thị tư duy 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, suy nghĩ thế này:

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

坐道場時能得無礙清淨天眼天耳他心智宿命智漏盡智。

tọa đạo trường thời năng đắc vô ngại thanh tịnh Thiên nhãn Thiên nhĩ tha tâm trí túc mạng trí lậu tận trí 。

lúc ngồi đạo tràng, thường được Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Lậu tận trí trong sạch, không ngại;

於一念中通達三世平等智。如實觀察一切世間。

ư nhất niệm trung thông đạt tam thể bình đẳng trí 。 như thực
quan sát nhất thiết thể gian 。

trong vòng một niệm, thông đạt Tam thể bình đẳng trí, quán sát như thực tất cả
thể gian.

如是眾生具身惡行口惡行意惡行。

như thị chúng sinh cụ thân ác hành khẩu ác hành ý ác hành 。

Chúng sinh như thế có các hạnh ác của thân, miệng, ý,

毀謗聖人邪見造邪業。身壞命終當墮惡道。

hủy báng Thánh nhân tà kiến tạo tà nghiệp 。

thân hoại mạng
chung đương đọa ác đạo 。

hủy báng Thánh nhân, tà kiến, tạo tà nghiệp, thân hoại, mạng hết sẽ rơi vào
đường ác.

如是眾生具身善行口善行意善行。不謗聖人正見正業。

như thị chúng sinh cụ thân thiện hành khẩu thiện hành ý thiện hành
。 bất báng Thánh nhân chính kiến chính nghiệp 。

Chúng sinh như thế, có đủ hạnh lành của thân, miệng, ý, không chê Thánh nhân,
thấy đúng, làm đúng,

身壞命終當生善道。如實觀察眾生界已作如是念。

thân hoại mạng chung đương sinh thiện đạo 。

như thực quan sát
chúng sinh giới dĩ tác như thị niệm 。

thân hoại mạng hết sẽ sinh đường lành. Quan sát như thực cảnh giới chúng sinh
rồi, nghĩ thế này:

我昔發願行菩薩道。自覺覺他此願應滿。

ngã tích phát nguyện hành Bồ-tát đạo 。

tự giác giác tha thử
nguyện ứng mãn 。

Ta xưa phát nguyện hành đạo Bồ-tát, tự mình giác ngộ, giúp người giác ngộ, nguyện này nên đủ.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

於如是事不疑不惑如實信受。大王。菩薩成佛所名為覺處。

ư như thị sự bất nghi bất hoặc như thực tín thọ 。

Đại vương 。

Bồ-tát thành Phật sở danh vi giác xử 。

đối với việc như thế, không nghi, không ngờ, như thực tin, nhận. Đại vương, chỗ Bồ-tát thành Phật gọi là Giác Xứ;

自覺名正覺。成就眾生名正遍覺。大王。

tự Giác danh chính giác 。

thành tựu chúng sinh danh chính biến giác 。

Đại vương 。

tự giác gọi là Chính Giác, thành tựu chúng sinh gọi là Chính Biến Giác. Đại vương,

如是菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

như thị Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật như thế,

信知如來出興於世。大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

tín tri Như Lai xuất hưng ở đời 。

Đại vương 。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

tin biết Như Lai xuất hiện ở đời. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

聞說一乘即便信受。何以故。

văn thuyết nhất thừa tức tiện tín thọ 。

hà dĩ cố 。

nghe nói Nhất thừa tức liền tin nhận. Vì sao?

諸佛所說真實不虛。種種餘乘皆佛乘出。

chư Phật sở thuyết chân thực bất hư 。 chúng chúng dư thừa giai Phật thừa xuất 。

Lời nói chư Phật, chân thực, không dối. Các loại thừa khác, từ Phật thừa ra.

如閻浮提種種城邑聚落。別名並屬此洲。

như Diêm-phù-đề chúng chúng thành ấp tụ lạc 。 biệt danh tịnh chúc thử châu 。

Như đủ loại thành ấp, thôn xóm ở Diêm-phù-đề, tên gọi khác nhau nhưng đều thuộc châu này;

如是諸乘種種名說皆屬佛乘。復作是念。如來世尊善巧方便。

như thị chư thừa chúng chúng danh thuyết giai chúc Phật thừa 。

phục tác thị niệm 。 như lai thế tôn thiện xảo phương tiện 。

các thừa như thế, đủ loại tên gọi, đều thuộc Phật thừa. Lại nghĩ thế này: Như Lai Thế Tôn, phương tiện thiện xảo,

種種說法皆實不虛。何以故。

chúng chúng thuyết pháp giai thực bất hư 。 hà dĩ cố 。

đủ loại thuyết pháp, đều thật, không dối. Vì sao?

世尊說法隨眾根性。是故分別說有三乘其實一道。

Thế Tôn thuyết pháp tùy chúng căn tính 。 thị cố phân biệt thuyết hữu tam thừa kỳ thực nhất đạo 。

Thế Tôn thuyết pháp tùy căn tính chúng sinh, vì thế phân biệt nói có ba thừa nhưng thực là một Đạo.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜復作是念。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật phục tác thị niệm 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, nghĩ thế này:

如來說法深遠音聲真實不虛。何以故。釋梵天等以少功德。

Như Lai thuyết pháp thâm viển âm thanh chân thực bất hư 。 hà dĩ cố 。
thích Phạm Thiên đẳng dĩ thiểu công đức 。

Như Lai thuyết pháp, âm thanh sâu xa, chân thực không dối. Vì sao? Chư Thiên
Thích, Phạm, dù ít công đức

尚復能有深遠音聲。

thượng phục năng hữu thâm viển âm thanh 。
còn có thể có âm thanh sâu xa,

何況如來無量億劫積習功德。

hà huống Như Lai vô lượng ức kiếp tích tập công đức 。

huống là Như Lai vô lượng ức kiếp tích tập công đức.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜作如是念。如來說法不違眾根。若上中下皆使成就。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật tác như thị niệm 。

Như Lai thuyết pháp bất vi chúng căn 。

nhược thượng trung hạ giai sử thành tựu 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, suy nghĩ thế này: Như Lai thuyết pháp,
không trái năng lực chúng sinh; dù cao, vừa, thấp, đều khiến thành tựu.

眾生各謂獨為我說。諸佛本來無說無示。

chúng sinh các vị độc vi ngã thuyết 。

chư Phật bản lai vô thuyết vô kì 。

Mỗi chúng sinh nói chỉ thuyết cho ta, nhưng chư Phật xưa nay không nói, không bày.

菩薩摩訶薩於如此事不疑信解。大王。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư như thử sự bất nghi tín giải 。

Đại vương 。

Bồ-tát Ma-ha-tát đối với việc như thế, tin, hiểu, không nghi. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。得心微細作是思惟。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 đắc tâm vi tế tác thị tư duy 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, được tâm vi tế, suy nghĩ thế này:

世間熾然大火之聚。所謂貪欲火。瞋恚烟。

thế gian sí nhiên Đại hỏa chi tụ 。 sở vị tham dục hỏa 。 sân khüễ yên 。

Thế gian bốc cháy, là đồng lửa lớn; đó là lửa tham dục, khói sân hận,

愚癡暗。云何當令一切眾生皆得出離。

ngu si ám 。 vân hà đương lệnh nhất thiết chúng sinh giai đắc xuất ly 。

bồ hóng ngu si. Làm sao khiến tất cả chúng sinh đều được ra khỏi?

若能通達諸法平等名為出離。如實知法猶如幻相。

nhược năng thông đạt chư Pháp bình đẳng danh vi xuất ly 。 như thực tri Pháp do như huyễn tướng 。

Nếu có thể thông đạt các pháp bình đẳng thì gọi là ra khỏi; như thực biết pháp giống như tướng ảo,

善觀因緣而不分別。

thiện quán nhân duyên nhi bất phân biệt 。

khéo soi nhân duyên, mà không phân biệt.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜作是思惟。諸法無本而有業報。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật tác thị tư duy 。

chư Pháp vô bản nhi hữu nghiệp báo 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, suy nghĩ thế này: Các pháp không gốc, nhưng có nghiệp báo.

諸佛菩薩凡所發言我知其意。既知意已即思量義。

chư Phật Bồ-tát phàm sở phát ngôn ngã tri kỳ ý 。 kỳ tri ý dĩ tức tư lượng nghĩa 。

Chư Phật Bồ-tát nói ra, ta liền biết ý. Đã biết được ý, tức suy lường nghĩa;

思量義已即見真實。見真實已濟度眾生。

tư lượng nghĩa dĩ tức kiến chân thực 。

kiến chân thực dĩ tế độ chúng sinh 。

đã suy lường nghĩa, tức thấy chân thực; đã thấy chân thực, tức cứu chúng sinh.

大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Đại vương 。 Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

善巧方便為眾說法。所謂一切諸法皆悉無我。無眾生。

thiện xảo phương tiện vi chúng thuyết pháp 。

sở vị nhất thiết chư Pháp giai tất vô ngã 。

vô chúng sinh 。

phương tiện thiện xảo, vì chúng sinh thuyết pháp. Đó là tất cả các pháp thầy đều không có ngã, không chúng sinh,

無養育。無人。無作者。無覺者。無生者。

vô dưỡng dục 。

vô nhân 。

vô tác giả 。

vô giác giả 。

vô sinh giả 。

không nuôi nấng, không người, không người làm, không người biết, không người sinh,

無見者。空無所有非自在性虛妄分別因和合生。

vô kiến giả 。

không vô sở hữu phi tự-tại tính hư vọng phân biệt nhân hòa hợp sinh 。

không người thấy, chẳng có gì cả, tính chẳng tự tại, sai lầm phân biệt, do hòa hợp sinh.

大王。若說諸法皆悉無我乃至無見者。

Đại vương 。 nhược thuyết chư Pháp giai tất vô ngã nãi chí vô kiến giả 。
Đại vương, nếu nói các pháp đều không có ngã cho đến không có người thấy,

為稱理說空無所有。乃至生緣亦復如是。大王。

vi xưng lý thuyết không vô sở hữu 。 nãi chí sinh duyên diệc phục như thị 。 Đại vương 。

là nói xứng lý, chẳng có gì cả, cho đến duyên sinh cũng thế. Đại vương,

夫其說法隨順法相是名稱理。

phu kỳ thuyết pháp tùy thuận Pháp tướng thị danh xưng lý 。

thông thường thuyết pháp, tùy thuận tướng pháp gọi là xứng lý;

不違法相與法相應得入平等。顯現義理名巧說法。大王。

bất vi Pháp tướng dĩ Pháp tướng ứng đắc nhập bình đẳng 。

hiển hiện nghĩa lý danh xảo thuyết pháp 。

Đại vương 。

không trái tướng pháp, cùng pháp tương ứng, vào được bình đẳng, hiện rõ nghĩa lý, gọi là khéo thuyết pháp. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜得無礙辯才。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật đắc vô ngại biện tài 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, được biện tài vô ngại;

所謂無著辯才。無盡辯才。相續辯才。不斷辯才。

sở vị Vô trú biện tài 。

vô tận biện tài 。

tương tục biện tài 。

bất đoạn biện tài 。

。

đó là biện tài không vướng mắc, biện tài không cùng tận, biện tài tương tục, biện tài không đứt đoạn,

不怯弱辯才。不驚怖辯才。不共辯才。

bất khiếp nhược biện tài 。 bất kinh phổ biện tài 。 bất-cộng biện tài 。
biện tài không khiếp nhược, biện tài không kinh sợ, biện tài riêng biệt,

天人所重辯才。無邊辯才。

Thiên Nhơn sở trọng biện tài 。 vô biên biện tài 。
biện tài trời người kính trọng, biện tài không ngăn mé.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜得清淨辯才。所謂不嘶喝辯才。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật đặc thanh tịnh biện tài 。 sở vị
bất tê hát biện tài 。

Bồ-tát Ma-ha-tát Tát hành Bát-nhã ba-la-mật, được biện tài thanh tịnh; đó là biện
tài không quát mắng,

不迷亂辯才。不怖畏辯才。不高慢辯才。

bất mê loạn biện tài 。 bất bố úy biện tài 。 bất cao mạn biện tài 。

biện tài không mê loạn, biện tài không sợ hãi, biện tài không ngạo mạn,

義具足辯才。味具足辯才。不拙澁辯才。

nghĩa cụ túc biện tài 。 vị cụ túc biện tài 。 bất chuyết sáp biện tài 。

biện tài nghĩa đầy đủ, biện tài vị đầy đủ, biện tài không trắc trở,

應時節辯才。大王。

ứng thời tiết biện tài 。 Đại vương 。

biện tài hợp thời tiết. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。離大眾威德畏故不嘶喝。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

ly Đại chúng uy đức úy

cố bất tê hát 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, vì lìa sự sợ hãi đối với oai đức của đại chúng nên không quát mắng.

堅住不怯智故不迷亂。菩薩處眾如師子王故無怖畏。

kiên trụ bất khiếp trí cố bất mê loạn 。 Bồ-tát xử chúng như Sư-tử Vương cố vô bố úy 。

Vì trí kiên trụ không khiếp nhược nên không mê loạn. Bồ-tát ở giữa chúng sinh như Sư tử chúa nên không sợ hãi.

離諸煩惱故不高慢。

ly chư phiền não cố bất cao mạn 。

Vì lìa các phiền não nên không cao mạn.

不說無義通達法相故義具足。善解書論文字世智故味具足。

bất thuyết vô nghĩa thông đạt Pháp tướng cố nghĩa cụ túc 。

thiện giải thư luận văn tự thể trí cố vị cụ túc 。

Không nói vô nghĩa, thông đạt Pháp tướng, nên nghĩa đầy đủ. Khéo hiểu sách, luận, văn tự, trí thể gian, nên vị đầy đủ.

無量劫來習巧便語故不拙澁。如是說法隨順四時。

vô lượng kiếp lai tập xảo tiện ngữ cố bất chuyết sáp 。

như thị thuyết pháp tùy thuận tứ thời 。

Từ vô lượng kiếp, luyện tập ngôn ngữ, phương tiện khéo léo nên không trắc trở. Thuyết pháp như thế, tùy thuận bốn mùa.

春如春說秋冬亦爾。應前說者不中後說。

xuân như xuân thuyết thu Đông diệc nhĩ 。

ứng tiền thuyết giả bất trung hậu thuyết 。

Xuân nói như xuân, thu Đông cũng vậy. Với người nên nói phần đầu, không nói phần giữa, cuối;

應後說者不前中說。應中說者不前後說。

ứng hậu thuyết giả bất tiền trung thuyết 。 ứng trung thuyết giả bất tiền hậu thuyết 。

với người nên nói phần cuối, không nói phần giữa, đầu; với người nên nói phần giữa, không nói phần đầu, cuối;

善知時故。大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

thiện tri thời cố 。 Đại vương 。 Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

vì khéo biết thời. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

所得辯才令眾歡喜。

sở đắc biện tài lệnh chúng hoan hỷ 。

biện tài có được, làm chúng sinh vui nể;

所謂愛語面門常笑不曾嗔蹙。發辭有義。

sở vị ái ngữ diện môn thường tiếu bất tăng tàn túc 。 phát từ hữu nghĩa 。

đó là lời nói dịu dàng, mặt thường tươi cười, chưa từng nhăn mày, nói lời có nghĩa,

能稱如實所說決定不欺侮人。種種樂說以柔軟言令眾歡喜。

năng xưng như thực sở thuyết quyết định bất khi vũ nhân 。 chúng chủng lạc thuyết dĩ nhu nhuễn ngôn lệnh chúng hoan hỷ 。

thường hợp sự thực, lời nói quyết định, không khinh khi người, đủ loại vui nói, dùng lời mềm mỏng, khiến chúng sinh vui vẻ,

顏色寬和使他親附。隨義而說聞者悟解。

nhân sắc khoan hòa sử tha thân phụ 。 tùy nghĩa nhi thuyết văn giả ngộ giải 。

nhan sắc khoan hòa, khiến người gần gũi, tùy nghĩa mà nói, người nghe thấu hiểu.

稱法相說為利益故。平等為說心無偏黨。

xưng Pháp tướng thuyết vi lợi ích cố 。 bình đẳng vi thuyết tâm vô Thiên đảng 。

Vì nói hợp tướng pháp nên lợi ích; bình đẳng mà nói, tâm không thiên lệch;

作決定說無虛妄言。種種樂說隨眾根性令得歡喜。大王。

tác quyết định thuyết vô hư vọng ngôn 。 chủng chủng lạc thuyết tùy chúng căn tính lệnh đắc hoan hỉ 。 Đại vương 。

nói lời quyết định, không có hư dối; đủ loại vui nói, tùy căn tính chúng sinh, khiến được vui vẻ. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜成大威德。何以故。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật thành Đại uy đức 。 hà dĩ cố 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, được oai đức lớn. Vì sao?

非器不聞故。爾時勝天王即白佛言。世尊。

phi khí bất văn cố 。 nhĩ thời thắng Thiên vương tức bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

Không phải người có khả năng thì không nghe được. Bấy giờ, Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜其心平等。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật kỳ tâm bình đẳng 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tâm đã bình đẳng,

云何不為非器者說。佛告勝天王言。大王。

vân hà bất vi phi khí giả thuyết 。 Phật cáo thẳng Thiên vương ngôn 。
Đại vương 。

vì sao không nói cho người không có khả năng. Phật bảo Thẳng Thiên Vương:
Đại vương,

般若波羅蜜性自平等。不見器不見非器。

bát nhã ba la mật tính tự bình đẳng 。 bất kiến khí bất kiến phi khí
。

Bát-nhã ba-la-mật tính tự bình đẳng, không thấy người có khả năng, không thấy
người không có khả năng,

不見能說及以所說。眾生虛妄見說不說。何以故。

bất kiến năng thuyết cập dĩ sở thuyết 。 chúng sinh hư vọng kiến
thuyết bất thuyết 。 hà dĩ cố 。

không thấy người nói và pháp được nói; chúng sinh sai lầm thấy nói, không nói.
Vì sao?

般若波羅蜜不生不滅無相分別。

bát nhã ba la mật bất sinh bất diệt vô tướng phân biệt 。

Bát-nhã ba-la-mật không sinh, không diệt, không tướng phân biệt,

猶如虛空一切遍滿。眾生亦爾不生不滅。

do như hư không nhất thiết biến mãn 。 chúng sinh diệt nhĩ bất sinh bất
diệt 。

giống như hư không, cùng khắp tất cả. Chúng sinh cũng vậy, không sinh, không
diệt;

聲聞辟支佛菩薩及佛亦復如是。無名字法假立名字。

thanh văn Bích chi Phật Bồ-tát cập Phật diệt phục như thị 。 vô danh tự
Pháp giả lập danh tự 。

Thanh Văn, Phật Bích-chi, Bồ-tát và Phật cũng thế. Pháp không danh tự, giả lập danh tự.

云是眾生云是般若。

vân thị chúng sinh vân thị bát nhã 。

Cái gọi là chúng sinh, cái gọi là Bát-nhã,

云有能說云有所說云有聽者。第一義中同是一相。所謂無相。

vân hữu năng thuyết vân hữu sở thuyết vân hữu thính giả 。

đệ nhất nghĩa trung đồng thị nhất tướng 。

sở vị vô tướng 。

cái gọi là người nói, cái gọi là pháp được nói, cái gọi là có người nghe, đều cùng một tướng trong Đệ nhất nghĩa, đó là Vô tướng.

菩薩摩訶薩行是甚深般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành thị thậm thâm bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này,

威德重故非器不聞。大王。般若波羅蜜不為非器眾生說。

uy đức trọng cố phi khí bất văn 。

Đại vương 。

bát nhã ba la mật bất vi phi khí chúng sinh thuyết 。

vì oai đức lớn, người không có khả năng không thể nghe. Đại vương, Bát-nhã ba-la-mật không nói cho chúng sinh không có khả năng,

不為外道說。不為不尊重者說。

bất vi ngoại đạo thuyết 。

bất vi bất tôn trọng giả thuyết 。

không nói cho ngoại đạo, không nói cho người không tôn trọng,

不為不正信者說。不為求法貿易者說。不為貪利養者說。

bất vi bất chính tín giả thuyết 。

bất vi cầu Pháp mậu dịch giả thuyết 。

。bất vi tham lợi dưỡng giả thuyết 。

không nói cho người không có chính tín, không nói cho người cầu pháp vì buôn bán, không nói cho người tham lợi dưỡng,

不為嫉妬者說。不為盲聾瘖者說。何以故。

bất vi tật đố giả thuyết 。 bất vi Manh lung 瘖 giả thuyết 。 hà dĩ cố 。
không nói cho người ganh ghét, đố kỵ, không nói cho người đui, điếc, câm. Vì sao?

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜時。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật thời 。

Lúc Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

心無慳慳不祕深法。非於眾生無大慈悲不捨眾生。

tâm vô khan 慳 bất bí thâm Pháp 。 phi ư chúng sinh vô Đại từ bi bất xả chúng sinh 。

tâm không keo kiệt, không giấu Pháp sâu, không phải không có đại từ bi đối với chúng sinh, không bỏ chúng sinh.

眾生宿世善根。得見如來及聞正法。

chúng sinh tú thể thiện căn 。

đắc kiến Như Lai cập văn chính Pháp 。

諸佛如來本無說心為此為彼。

chư Phật như lai bản vô thuyết tâm vi thử vi bỉ 。

Chư Phật Như Lai vốn không nói tâm là thể này, là thể kia;

但障重者雖復在近而不見聞。爾時勝天王白佛言。世尊。

đãn chướng trọng giả tuy phục tại cận nhi bất kiến văn 。

nhĩ thời thắng Thiên vương bạch Phật ngôn 。

chỉ người nghiệp chướng nặng, tuy ở gần mà không thấy, nghe. Bấy giờ, Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn,

何等眾生堪聞諸佛菩薩說法。佛告勝天王言。大王。

hà đẳng chúng sinh kham văn chư Phật Bồ-tát thuyết pháp 。 Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。 Đại vương 。

những chúng sinh nào có thể nghe được chư Phật, Bồ-tát thuyết pháp? Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương,

具正信者諸佛菩薩即為說法。

cụ chính tín giả chư Phật Bồ-tát tức vi thuyết pháp 。

người đủ chính tín, chư Phật, Bồ-tát liền vì họ thuyết pháp;

根性純熟堪為法器。於過去佛曾種善根。

căn tính thuần thực kham vi Pháp khí 。

ư quá khứ Phật tăng chủng thiện căn 。

căn tính thuần thực có thể là bậc Pháp khí, đối với Phật quá khứ đã từng trồng thiện căn,

心無諂曲威儀齊整。不求名利親近善友。利根性人說文知義。

tâm vô siểm khúc uy nghi tề chỉnh 。

bất cầu danh lợi thân cận thiện hữu 。

lợi căn tính nhân thuyết văn tri nghĩa 。

tâm không siểm nịnh, cong queo, uy nghi tề chỉnh, không cầu danh lợi, gần gũi bạn lành, căn tính lanh lợi, nói văn biết nghĩa,

為法精進不違佛旨。大王。

vi Pháp tinh tấn bất vi Phật chỉ 。

Đại vương 。

vì Pháp mà tinh tấn, không trái ý chỉ của Phật. Đại vương,

諸佛菩薩為如是等眾生說法大王。

chư Phật Bồ-tát vi như thị đẳng chúng sinh thuyết pháp Đại vương 。
chư Phật, Bồ-tát vì những chúng sinh như vậy mà nói pháp. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。能作法師善巧說法。云何巧說說法。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 năng tác Pháp sư thiện
xảo thuyết pháp 。 vân hà xảo thuyết thuyết pháp 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật có thể làm Pháp sư, thiện xảo thuyết
pháp. Thế nào là thiện xảo thuyết pháp?

為利益佛法而說佛法竟不可見。

vi lợi ích Phật Pháp nhi thuyết Phật Pháp cánh bất khả kiến 。

Vì lợi ích Phật Pháp mà nói Phật Pháp rất ráo không thể thấy;

雖說波羅蜜而波羅蜜竟不可得。

tuy thuyết ba la mật nhi ba la mật cánh bất khả đắc 。

tuy nói Ba-la-mật nhưng Ba-la-mật rất ráo không thể đắc;

雖說菩提而說菩提竟不可得。雖斷煩惱而說煩惱竟不可得。

tuy thuyết bồ đề nhi thuyết bồ đề cánh bất khả đắc 。

tuy đoạn phiền não nhi thuyết phiền não cánh bất khả đắc 。

tuy nói Bồ-đề nhưng nói Bồ-đề rất ráo không thể đắc; tuy đoạn phiền não nhưng
nói phiền não rất ráo không thể đắc;

雖為涅槃而說涅槃竟不可得。

tuy vi Niết-bàn nhi thuyết Niết-bàn cánh bất khả đắc 。

tuy vì Niết-bàn nhưng nói Niết-bàn rất ráo không thể đắc;

雖為須陀洹向須陀洹果乃至阿羅漢向阿羅漢果。

tuy vi Tu-đà-hoàn hướng Tu-đà-hoàn quả nãi chí A La Hán hướng A la
hán quả 。

tuy là Tu-đà-hoàn hương, Tu-đà-hoàn quả, cho đến A-la-hán hương, A-la-hán quả

而四果向竟不可得。雖為辟支佛果。

nhi tứ quả hương cánh bất khả đắc 。 tuy vì tích chi Phật quả 。
nhưng bốn quả, bốn hương rất ráo không thể đắc; tuy là quả Phật Bích-chi

而辟支佛果竟不可得。斷除我見而說我見竟不可得。

nhi tích chi Phật quả cánh bất khả đắc 。 đoạn trừ ngã kiến nhi
thuyết ngã kiến cánh bất khả đắc 。

nhưng quả Phật Bích-chi rất ráo không thể đắc; đoạn trừ ngã kiến nhưng nói ngã
kiến rất ráo không thể đắc;

說有業報而說業報竟不可得。何以故。

thuyết hữu nghiệp báo nhi thuyết nghiệp báo cánh bất khả đắc
。 hà dĩ cố 。

nói có nghiệp báo nhưng nói nghiệp báo rất ráo không thể đắc. Vì sao?

名字所得非是實法。法非名字非言境界。

danh tự sở đắc phi thị thực Pháp 。 Pháp phi danh tự phi ngôn
cảnh giới 。

Vì danh tự đắc được không phải Pháp thật. Pháp không phải danh tự, không phải
cảnh giới của ngôn ngữ.

法非可議非心所量。名字非法法非名字。

Pháp phi khả nghị phi tâm sở lượng 。 danh tự phi Pháp Pháp
phi danh tự 。

Pháp không thể luận bàn, không phải là cái được tâm suy lường. Danh tự không
phải Pháp, Pháp không phải danh tự.

但以世諦虛妄假名有說。無名字法說為名字。

đãn dĩ thế đế hư vọng giả danh hữu thuyết 。 vô danh tự Pháp thuyết vi danh tự 。

Chỉ vì Thế đế hư vọng, tạm gọi là có nói; Pháp không danh tự, nói là danh tự;

名字是空空無所有。無所有者非第一義。

danh tự thị không không vô sở hữu 。

vô sở hữu giả phi đệ nhất nghĩa 。

danh tự là Không, không có gì cả. Không có gì cả không phải là Đệ nhất nghĩa;

非第一義即是虛妄凡夫之法。大王。是名菩薩摩訶薩善巧說法。

phi đệ nhất nghĩa tức thị hư vọng phàm phu chi Pháp 。

Đại vương 。

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát thiện xảo thuyết pháp 。

không phải Đệ nhất nghĩa tức Pháp phàm phu hư vọng. Đại vương, đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát thiện xảo thuyết pháp.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật

以方便力得無礙辯才。隨眾生根性說是甚深般若波羅蜜。

dĩ phương tiện lực đắc vô ngại biện tài 。

tùy chúng sinh căn tính thuyết thị thậm thâm bát nhã ba la mật 。

dùng lực phương tiện, được biện tài vô ngại, tùy căn tính chúng sinh nói Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này.

231-002

勝天王般若波羅蜜經

thắng Thiên vương bát nhã ba la mật Kinh

Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã ba-la-mật

卷第二

quyển đệ nhị

Quyển II

法界品第三

Pháp giới phẩm đệ tam

Phẩm 3: Pháp Giới

爾時勝天王即從座起。偏袒右肩右膝著地。

nhĩ thời thắng Thiên vương tức tùng toạ khởi 。 Thiên đản hữu kiên hữu tất trú địa 。

Bấy giờ, Thắng Thiên Vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải, gối phải sát đất,

合掌向佛頭面作禮而白佛言。世尊。

hợp chưởng hướng Phật đầu diện tác lễ nhi bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

chấp tay hướng Phật, đầu mặt đánh lễ, bạch Phật: Thế Tôn,

云何菩薩摩訶薩學般若波羅蜜通達甚深法界。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát học bát nhã ba la mật thông đạt thậm thâm Pháp giới 。

Bồ-tát Ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thông đạt Pháp giới sâu xa như thế nào?

爾時佛讚勝天王言。善哉大王。諦聽諦聽。

nhĩ thời Phật tán thắng Thiên vương ngôn 。 Thiện tai Đại vương 。 đế thính đế thính 。

Bấy giờ, Phật khen Thắng Thiên Vương: Lành thay, Đại vương. Lắng nghe, lắng nghe,

善思念之。勝天王白佛言。世尊。唯然願聞。

thiện tư niệm chi 。 thắng Thiên vương bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。 duy
nhiên nguyện văn 。

[hãy khéo suy nghĩ. Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn, xin nguyện được
nghe.](#)

佛告勝天王言。大王。

Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。

[Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương,](#)

菩薩摩訶薩有般若故近善知識勤修精進。

Bồ-tát Ma-Ha tát hữu bát nhã cố cận thiện tri thức tinh siêng tu
tinh tấn 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát, vì có Bát-nhã, nên gần gũi Thiện tri thức, siêng tu, tinh tấn,](#)

離諸障惑心得清淨恭敬尊重。樂習空行遠離諸見。修如實道能達法界。

ly chư chướng hoặc tâm đắc thanh tịnh cung kính tôn trọng 。

tập không hành viễn li chư kiến 。

tu như thực đạo năng đạt
Pháp giới 。

[lìa các chướng, mê, tâm được thanh tịnh, cung kính, tôn trọng, vui tập hạnh
Không, xa lìa các kiến, tu đạo như thật, có thể đạt được Pháp giới.](#)

大王。菩薩摩訶薩有般若故近善知識。

Đại vương 。

[Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát, vì có Bát-nhã, nên gần gũi Thiện tri thức,](#)

歡喜恭敬猶如佛想。以親近故不得懈怠。

hoan hỷ cung kính do như Phật tưởng 。

dĩ thân cận cố bất đắc giải đãi
。

[hoan hỷ cung kính, giống như nghĩ tới Phật; vì gần gũi nên không biếng nhác,](#)

滅一切惡諸不善法生長善根。既滅煩惱遠離障法。

diệt nhất thiết ác chư bất thiện Pháp sinh trường thiện căn 。 ký diệt
phiền não viễn li chướng Pháp 。

diệt tất cả pháp ác, bất thiện, sinh trường căn lành. Đã diệt phiền não, xa lìa
chướng pháp,

即得身口意業清淨。由清淨故即生敬重。

tức đắc thân khẩu ý nghiệp thanh tịnh 。 do thanh tịnh cố tức
sinh kính trọng 。

tức được nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh. Vì thanh tịnh nên sinh kính trọng,

以敬重心修習空行。修空行故遠離諸見。

dĩ kính trọng tâm tu tập không hành 。 tu không hành cố viễn li chư
kiến 。

dùng tâm kính trọng tu tập hạnh Không; vì tu hạnh Không nên xa lìa các kiến;

離諸見故修行正道。修正道故能見法界。

ly chư kiến cố tu hành chính đạo 。 tu chính đạo cố năng kiến
Pháp giới 。

vì lìa các kiến nên tu hành Chính đạo; vì tu Chính đạo nên thấy được Pháp giới.

勝天王白佛。世尊。何等為法界。佛告勝天王言。

thắng Thiên vương bạch Phật 。 Thế Tôn 。 hà đẳng vi Pháp giới 。 Phật
cáo thắng Thiên vương ngôn 。

Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn, Thế nào là Pháp giới? Phật bảo Thắng
Thiên Vương:

大王。即是如實。世尊。云何如實。大王。

Đại vương 。 tức thị như thực 。 Thế Tôn 。 vân hà như thực 。 Đại
vương 。

Đại vương, đó là Như thực. Thế Tôn, thế nào là Như thực? Đại vương,

即不變異。世尊。云何不異。大王。所謂如如。世尊。

tức bất biến dị 。 Thế Tôn 。 vân hà bất dị 。 Đại vương 。 sở vị như như
。 Thế Tôn 。

tức không đổi khác. Thế Tôn, không đổi khác là thế nào? Đại vương, đó là Như
Như. Thế Tôn,

云何如如。大王。此可智知非言能說。何以故。

vân hà như như 。 Đại vương 。 thử khả trí tri phi ngôn năng
thuyết 。 hà dĩ cố 。

Như Như là thế nào? Đại vương, điều này trí mới có thể biết, lời lẽ không thể nói.
Vì sao?

過諸文字離語境界口境界故。

quá chư văn tự ly ngữ cảnh giới khẩu cảnh giới cố 。

Vì vượt mọi văn tự, lìa cảnh giới ngôn ngữ, cảnh giới của miệng,

無諸戲論無此無彼。離相無相遠離思量。

vô chư hí luận vô thử vô bỉ 。

ly tướng vô tướng viễn li tư lượng 。

không có các hí luận, không này, không kia, lìa tướng, không tướng, xa lìa suy
lường,

過覺觀境無想無相。過二境界過諸凡夫。

quá giác quán cảnh vô tướng vô tướng 。

quá nhị cảnh giới quá chư
phàm phu 。

vượt cảnh giác quán, không tướng, không tướng, vượt hai cảnh giới, vượt các
phàm phu,

離凡境界過諸魔事。能離障惑非識所知。住無處所寂靜聖智。

ly phàm cảnh giới quá chư ma sự 。

liạ cảnh giới phàm, vượt các việc Ma, thường liạ mê chướng, thức không thể biết, không nơi đình trụ, Thánh trí tịch tĩnh,

後無分別智慧境界。無我我所求不可得。

hậu vô phân biệt trí tuệ cảnh giới 。 vô ngã ngã sở cầu bất khả đắc 。
cảnh giới của Hậu vô phân biệt trí tuệ, không có ngã, ngã sở, cầu không thể được,

無取無捨無染無穢清淨離垢。

vô thủ vô xả vô nhiễm vô uế thanh tịnh ly cấu 。
không nắm, không bỏ, không nhiễm, không uế, thanh tịnh, liạ cấu,

最勝第一性常不變。若佛出世及不出世性相常住。大王。

tối thắng đệ nhất tính thường bất biến 。 nhược Phật xuất thế cập bất xuất thế tính tướng thường trụ 。 Đại vương 。

Đệ nhất tối thắng, tính thường, bất biến. Dù Phật xuất thế hay không xuất thế, tính tướng thường trụ. Đại vương,

是為法界。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

thị vi Pháp giới 。 Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

đó là Pháp giới. Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

修此法界百種苦行。令諸眾生皆悉通達。大王。

tu thử Pháp giới bách chủng khổ hành 。 lệnh chư chúng sinh giai tất thông đạt 。

tu Pháp giới này, trăm loại khổ hạnh, khiến các chúng sinh đều được thông đạt. Đại vương,

是名般若波羅蜜如如實際。

thị danh bát nhã ba la mật như như thực tế 。

đó gọi là Thật tế Như như của Bát-nhã ba-la-mật,

無分別相不可思議界真空。一切智一切種智不二界。

vô phân biệt tướng bất khả tư nghị giới chân không 。 nhất thiết trí nhất thiết chủng trí bất nhị giới 。

không tướng phân biệt, cảnh giới không thể nghĩ bàn, chân Không; Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, không phải hai giới.

爾時勝天王白佛言。世尊。云何能證至此法界。

nhĩ thời thắng Thiên vương bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。 vân hà năng chứng chí thử Pháp giới 。

Bấy giờ, Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn, làm sao có thể chứng đến Pháp giới này?

佛告勝天王言。大王。

Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。 Đại vương 。

Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương,

以出世般若波羅蜜證後無分別智至。勝天王白佛言。世尊。

dĩ xuất thế bát nhã ba la mật chứng hậu vô phân biệt trí chí 。

thắng Thiên vương bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

lấy Bát-nhã ba-la-mật xuất thế để chứng, lấy Hậu Vô phân biệt trí để đến. Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn,

證與至有何差別。佛告勝天王言。大王。

chứng dĩ chí hữu hà sai biệt 。

Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。

Đại vương 。

chứng và đến có gì khác nhau? Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương,

以般若波羅蜜如實見名為證。以智通達名為至。

dùng Bát-nhã ba-la-mật để thấy như thực gọi là chứng, dùng Trí để thông đạt gọi là đến.

勝天王白佛言。世尊。

thắng Thiên vương bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn,

如佛所說聞思修慧通達般若波羅蜜。非是出世後無分別智。佛告勝天王言。

như Phật sở thuyết văn tư tu huệ thông đạt bát nhã ba la mật 。

phi thị xuất thế hậu vô phân biệt trí 。

Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。

như Phật có nói tuệ của Văn, Tư, Tu thông đạt Bát-nhã ba-la-mật, chẳng phải Xuất thế hậu vô phân biệt trí. Phật bảo Thắng Thiên Vương:

不爾大王。何以故。

bất nhĩ Đại vương 。 hà dĩ cố 。

Không phải, Đại vương. Vì sao?

般若波羅蜜甚深微妙聞慧麁淺不能得見第一義故思不能量。

bát nhã ba la mật thậm thâm vi diệu văn tuệ thô thiển bất năng đắc kiến đệ nhất nghĩa cố tư bất năng lượng 。

Bát-nhã ba-la-mật sâu xa vi diệu, Văn tuệ thô cạn không thể thấy; vì là Đệ nhất nghĩa nên Tư không thể lường;

出世法故修不能行。大王。般若波羅蜜如是甚深。

xuất thế Pháp cố tu bất năng hành 。

Đại vương 。

bát nhã ba la mật như thị thậm thâm 。

vì là pháp Xuất thế nên Tu không thể hành. Đại vương, Bát-nhã ba-la-mật sâu xa như vậy,

凡夫二乘所不能見。何以故。

phàm phu nhị thừa sở bất năng kiến 。 hà dĩ cố 。

phàm phu, Nhị thừa không thể thấy được. Vì sao?

譬如生盲不見眾色。七日嬰兒不見日輪。

thí như sinh manh bất kiến chúng sắc 。 thất nhật anh nhi bất kiến nhật luân 。

Ví như sinh ra đã mù không thấy các sắc, đứa trẻ mới bảy ngày không thấy được mặt trời;

尚不能見況復修行。大王。譬如夏熱有人西行在於曠野。

thượng bất năng kiến hướng phục tu hành 。 Đại vương 。 thí như hạ nhiệt hữu nhân Tây hành tại ư khoáng dã 。

thấy còn không thể, hướng là tu hành. Đại vương, ví như cái nóng mùa hè, có người đi về phía Tây, ở nơi đồng rộng;

復有一人從西往東。問前人言。

phục hữu nhất nhân tòng Tây vãng Đông 。 vấn tiền nhân ngôn 。

lại có một người từ hướng Tây sang Đông, hỏi người trước mặt rằng:

我今熱渴何處有水清涼樹蔭。彼人答言。善男子。

ngã kim nhiệt khát hà xử hữu thủy thanh lương thụ ấm 。 bỉ nhân đáp ngôn 。 thiện nam tử 。

Tôi đang nóng khát, nơi nào có nước mát, bóng râm? Người kia đáp rằng: Thiện nam tử,

從此東行則有二路。一左一右當從右路。

tòng thử Đông hành tắc hữu nhị lộ 。 nhất tả nhất hữu đương tòng hữu lộ 。

từ đây về hướng Đông có hai đường, một trái, một phải; nên theo đường bên phải

有清泉水及樹蔭涼。大王。於意云何。

hữu thanh tuyền thủy cập thụ âm lương 。 Đại vương 。 ư ý vân hà
。

thì có nước suối trong, có bóng mát. Đại vương, ý ông thế nào?

雖聞此名思惟往趣。能除熱渴得水味不。不也世尊。

tuy văn thử danh tư duy vãng thú 。 năng trừ nhiệt khát đắc
thủy vị bất 。 bất dã Thế Tôn 。

Tuy nghe tên này, suy nghĩ nơi đến, nhưng có trừ được nóng khát, có được vị
của nước chẳng? Không, Thế Tôn.

此人至彼入池洗浴飲水息樹。

thử nhân chí bỉ nhập trì tẩy dục ẩm thủy tức thụ 。

Người này phải đến đó, xuống ao tắm rửa, uống nước, nghỉ lại dưới cây,

方離熱渴得知水味。佛言。如是如是。大王。

phương ly nhiệt khát đắc tri thủy vị 。 Phật ngôn 。 như thị như
thị 。 Đại vương 。

mới trừ được nóng khát, biết được vị của nước. Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy.
Đại vương,

不可以三慧通達真實般若波羅蜜。大王。

bất khả dĩ tam tuệ thông đạt chân thực bát nhã ba la mật 。

không thể dùng ba Tuệ để thông đạt Bát-nhã ba-la-mật chân thực. Đại vương,

所言曠野即是生死人謂眾生。熱名煩惱渴是貪愛。

sở ngôn khoáng dã tức thị sinh tử nhân vị chúng sinh 。

phiền não khát thị tham ái 。

nói đồng rộng tức là sinh tử, người là chúng sinh, nóng gọi là phiền não, khát là tham ái,

東來人者即是菩薩。其右路者薩婆若道。

Đông lai nhân giả tức thị Bồ-tát 。 kỳ hữu lộ giả tát bà nhược đạo 。

người đến từ phía Đông tức là chỉ Bồ-tát, con đường bên phải là đạo Nhất thiết trí.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。善知生死及出世路。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 thiện tri sinh tử cập xuất thế lộ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, khéo biết sinh tử và con đường xuất thế.

清冷水者所謂般若波羅蜜。樹蔭涼者即是大悲。

thanh lãnh thủy giả sở vị bát nhã ba la mật 。 thụ ấm lương giả tức thị Đại bi 。

Nước trong mát là Bát-nhã ba-la-mật; bóng cây mát tức là Đại bi.

菩薩摩訶薩行二法故。遠離凡夫及二乘道。大王。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành nhị Pháp cố 。 viễn li phàm phu cập nhị thừa đạo 。 Đại vương 。

Vì Bồ-tát Ma-ha-tát hành hai Pháp, nên lìa xa đạo phàm phu và Nhị thừa. Đại vương,

如是甚深般若波羅蜜無形無相。

như thị thậm thâm bát nhã ba la mật vô hình vô tướng 。

Bát-nhã ba-la-mật sâu xa như thế, không hình, không tướng,

種種巧說令諸眾生得入其中。大王。

chúng chúng xảo thuyết lệnh chư chúng sinh đắc nhập kỳ trung 。
Đại vương 。

đủ loại khéo nói làm cho chúng sinh vào được trong đó. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。如實知力空。無畏空。不共法空。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 như thực tri lực
không 。 vô úy không 。 bất-cộng Pháp không 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, biết như thực pháp Không của Lực,
của Vô úy, của pháp Bất cộng,

戒聚空。定聚慧聚解脫聚解脫知見聚空。空空。

giới tụ không 。 định tụ tuệ tụ giải thoát tụ giải thoát tri kiến tụ
không 。 không không 。

của Giới tụ, của Định tụ, của Tuệ tụ, của Giải thoát tụ, của Giải thoát Tri kiến tụ,
của Không,

第一義空。而空相不可得。

đệ nhất nghĩa không 。 nhi không tướng bất khả đắc 。

của Đệ nhất nghĩa, mà tướng của Không thì chẳng thể đắc,

不取空相不起空見。不執空相不依止空。

bất thủ không tướng bất khởi không kiến 。 bất chấp không tướng
bất y chỉ không 。

không nắm bắt tướng Không, không khởi cái thấy Không, không chấp tướng
Không, không nương vào Không.

如是不取著故於空不墮。大王。

như thị bất thủ trú cố ư không bất đọa 。

Vì không nắm, dính như thế nên không rơi vào Không. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜遠離諸相。不見內外相。離戲論相。離分別相。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật viễn li chư tướng 。 bất kiến nội ngoại tướng 。 ly hí luận tướng 。 ly phân biệt tướng 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, xa lìa các tướng, không thấy tướng trong ngoài, lìa tướng hí luận, lìa tướng phân biệt,

離求覓相。離貪著相。離境界相。離攀緣相。

ly cầu mịch tướng 。 ly tham trước tướng 。 ly cảnh giới tướng 。 ly phàn duyên tướng 。

lìa tướng tìm cầu, lìa tướng tham đắm, lìa tướng cảnh giới, lìa tướng đeo níu,

離能知所知相。勝天王白佛言。世尊。

ly năng tri sở tri tướng 。 thắng Thiên vương bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

lìa tướng biết, pháp được biết. Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn,

菩薩摩訶薩般若波羅蜜如是觀無相。諸佛世尊。

Bồ-tát Ma-Ha tát bát nhã ba la mật như thị quán vô tướng 。 chư Phật Thế Tôn 。

Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát Ma-ha-tát quán vô tướng như thế; chư Phật, Thế Tôn,

復云何觀。佛告勝天王言。大王。

phục vân hà quán 。 Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。 Đại vương 。

lại quán thế nào? Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại Vương,

諸佛境界不可思議。何以故。離境界故。

chư Phật cảnh giới bất khả tư nghị 。 hà dĩ cố 。 ly cảnh giới cố 。

cảnh giới chư Phật không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì lìa cảnh giới.

一切眾生思量佛境。心則狂亂不知此彼。何以故。

nhất thiết chúng sinh tư lượng Phật cảnh 。 tâm tắc cuồng loạn bất tri
thử bỉ 。 hà dĩ cố 。

Tất cả chúng sinh nghĩ về cảnh Phật, tâm tức cuồng loạn, không biết này, kia. Vì
sao?

同虛空性不可思量求不可得離覺觀境。

đồng hư không tính bất khả tư lượng cầu bất khả đắc ly giác quán
cảnh 。

Giống tính hư không, không thể suy lường, cầu không thể được, lia cảnh giác
quán.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

尚不見有凡夫境界可得思量。況佛境界亦不依止一切諸願。

thượng bất kiến hữu phàm phu cảnh giới khả đắc tư lượng 。 huống Phật
cảnh giới diệc bất y chỉ nhất thiết chư nguyện 。

còn không thấy có cảnh giới phàm phu có thể suy lường, huống là cảnh giới
Phật; cũng không nương vào tất cả các nguyện.

雖行布施不著施報持戒忍辱精進定慧亦復如是

tuy hành bố thí bất trú thí báo trì giới nhẫn nhục tinh tấn định tuệ
diệc phục như thị

Tuy hành bố thí, không vướng quả báo bố thí; trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, định,
tuệ cũng thế.

一切功德乃至涅槃亦不依著。何以故。

nhất thiết công đức nãi chí Niết-Bàn diệc bất y trú 。 hà dĩ cố 。

Tất cả công đức cho đến Niết-bàn cũng không nương, dính. Vì sao?

離我我所無二無別自性離故。

ly ngã ngã sở vô nhị vô biệt tự tính ly cố 。

Vì rời ngã, ngã sở, không hai, không khác, là tự tính.

說是般若波羅蜜法門時。三千大千世界六種震動。須彌山王。

thuyết thị bát nhã ba la mật Pháp môn thời 。

tam Thiên Đại Thiên thế giới lục chủng chấn động 。

Tu-Di sơn Vương 。

Lúc nói pháp môn Bát-nhã ba-la-mật này, Tam thiên đại thiên thế giới có sáu loại chấn động. Tu-di sơn vương,

目真隣陀山。鐵圍山。大鐵圍山。寶山。黑山。

mục chân lân đà sơn 。

thiết vi sơn 。

Đại thiết vi sơn 。

bảo sơn 。

hắc sơn 。

Mục-chân-lân-đà sơn, Thiết vi sơn, Đại thiết vi sơn, Bảo sơn, Hắc sơn,

大黑山。皆悉震動。

Đại hắc sơn 。

giai tất chấn động 。

Đại hắc sơn, thầy đều chấn động.

無量百千億諸菩薩摩訶薩脫上分衣為佛敷座高如須彌。

vô lượng bách thiên ức chư Bồ-tát Ma-Ha tát thoát thượng phân y vi Phật phu tọa cao như Tu-Di 。

Vô lượng trăm ngàn ức Bồ-tát Ma-ha-tát cởi y ngoài, trải làm tòa Phật, cao như Tu-di.

無量百千釋梵護世諸天王等。

vô lượng bách thiên thích phạm hộ thế chư Thiên vương đẳng 。

Vô lượng trăm ngàn Thích, Phạm, các Thiên vương hộ thế, vân vân,

合掌恭敬散諸妙華曼陀羅華摩訶曼陀羅華。

hợp chường cung kính tán chư diệu hoa Mạn-đà-la hoa Ma-Ha Mạn-đà-la hoa 。

chấp tay cung kính, tung các hoa đẹp, hoa mạn-đà-la, hoa ma-ha mạn-đà-la,

曼殊沙華摩訶曼殊沙華。白蓮華赤蓮華。紅蓮華青蓮華。

mạn thù sa hoa Ma-Ha mạn thù sa hoa 。

bạch liên hoa xích liên hoa 。

hồng liên hoa thanh liên hoa 。

hoa mạn-thù-sa, hoa ma-ha mạn-thù-sa, hoa sen trắng, hoa sen đỏ, hoa sen hồng, hoa sen xanh.

耆闍崛山縱廣四十由旬。積華遍滿至于佛膝。

Kì đồ Quật sơn túng quảng tứ thập do-tuần 。

tích hoa biến mãn chí vu Phật tất 。

Núi Kì-xà-quật cao rộng bốn mươi do-tuần, khắp nơi đầy hoa cho đến gối Phật.

無量天子作諸天樂不鼓自鳴。空中歎言。

vô lượng Thiên tử tác chư Thiên nhạc bất cổ tự minh 。

không trung thán ngôn 。

Vô lượng Thiên tử thổi các loại nhạc trời, không đánh mà tự vang, ở trên không trung khen rằng:

再覩佛興世再見轉法輪。善哉闍浮提一切眾生。

tái đố Phật hưng thế tái kiến chuyển Pháp luân 。

Thiện tai Diêm-phù-đề nhất thiết chúng sinh 。

Lại thấy Phật xuất thế, lại thấy chuyển Pháp luân. Lành thay, tất cả chúng sinh Diêm-phù-đề,

勤修功德多種善根。

tinh siêng tu công đức đa chủng thiện căn 。

siêng tu công đức, thường trồng căn lành,

得聞如是甚深般若波羅蜜。況復來世有能信者。

đắc văn như thị thậm thâm bát nhã ba la mật 。 huống phục lai
thế hữu năng tín giả 。

được nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa như thế; huống là đời sau có người thường
tin.

如是眾生悉行諸佛如來境界。復有無量百千諸大龍王。

như thị chúng sinh tất hành chư Phật như lai cảnh giới 。 phục hữu vô
lượng bách thiên chư Đại long Vương 。

Chúng sinh như thế nhất định hành cảnh giới chư Phật Như Lai. Lại có vô lượng
trăm ngàn các Đại Long vương,

即以神力普興大雲。

tức dĩ Thần lực phổ hưng Đại vân 。

dùng thần lực kéo vàng mây lớn,

降注香雨灑耆闍崛山及三千大千世界。諸聽法者唯覺香潤不見霑濡。

hàng chú hương vũ sai Kì đồ Quạt sơn cập tam Thiên Đại Thiên thế
giới 。 chư thính Pháp giả duy giác hương nhuận bất kiến triêm
nhu 。

rưới xuống mưa thơm trên núi Kì-xà-quạt và Tam thiên đại thiên thế giới. Những
người nghe pháp chỉ thấy thấm hương, không thấy ẩm ướt.

無量龍女悉於佛前合掌讚歎。

vô lượng Long nữ tất ư Phật tiền hợp chưởng tán tán 。

Vô lượng Long nữ đều ở trước Phật, chấp tay ca ngợi.

無量乾闥婆以妙音樂而供養佛。其夜叉眾散諸妙華。

vô lượng Càn-thát-bà dĩ Diệu-Âm lạc nhi cung dưỡng Phật 。

kỳ Dạ-xoa chúng tán chư diệu hoa 。

Vô lượng Càn-thát-bà dùng âm nhạc vi diệu cúng dường Phật; các Dạ-xoa của chúng rắc các hoa đẹp.

十方無量無邊國土諸佛世尊。皆放眉間白毫。

thập phương vô lượng vô biên quốc thổ chư Phật Thế Tôn 。 giai phóng my gian bạch hào 。

Chư Phật ở mười phương vô lượng vô biên quốc độ đều phóng ánh sáng từ sợi lông trắng giữa hai hàng lông mày,

光明。照此娑婆世界耆闍崛山。

quang-minh 。 chiếu thử Sa Bà thế giới Kì đồ Quạt sơn 。

soi chiếu núi Kì-xà-quật ở thế giới Ta-bà này;

其三千大千世界幽暗之處。日月不照悉蒙光明。

kỳ tam Thiên Đại Thiên thế giới u ám chi xứ 。

các nơi tối tăm trong Tam thiên đại thiên thế giới, mặt trời mặt trăng không chiếu, đều nhận được ánh sáng;

照世界已還至佛所。右邊三匝從佛頂入。

chiếu thế giới dĩ hoàn chí Phật sở 。

chiếu thế giới xong, lại quay về chỗ Phật, vòng bên phải ba lần, rồi nhập vào đàn của Phật.

無量百千婆羅門刹利居士長者。

vô lượng bách thiên Bà-la-môn sát lợi Cư-sĩ Trưởng-Già 。

Vô lượng trăm ngàn Bà-la-môn, Sát-lợi, cư sĩ, trưởng giả,

以塗香末香幡華幢蓋而供養佛。

dĩ đồ hương mặt hương phiên hoa tràng cái ni cung dưỡng Phật 。

dùng hương thoa, hương bột, cò, hoa, phướn, lọng mà cúng dường Phật.

爾時眾中七十二億菩薩摩訶薩得無生法忍。

nhĩ thời chúng trung thất thập nhị ức Bồ-tát Ma-Ha tát đắc vô sinh Pháp nhẫn 。

Lúc đó, trong chúng có bảy mươi hai ức Bồ-tát Ma-ha-tát được Vô sinh pháp nhẫn.

無量百千萬億眾生得遠塵垢法眼淨。

vô lượng bách thiên vạn ức chúng sinh đắc viễn trần cấu Pháp nhãn tịnh 。

Vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh được mắt Pháp thanh tịnh, lìa các trần cấu.

無量百千萬億眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。爾時勝天王白佛言。世尊。

vô lượng bách thiên vạn ức chúng sinh phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

nhĩ thời thắng Thiên vương bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

Vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Bấy giờ, Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn,

般若波羅蜜離文字無語言。

bát nhã ba la mật ly văn tự vô ngữ ngôn 。

Bát-nhã ba-la-mật lìa văn tự, không ngữ ngôn,

云何菩薩摩訶薩行般若波羅蜜為眾生說法。佛告勝天王言。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật vi chúng sinh thuyết Pháp 。

Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。

thì Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật làm thế nào có thể vì chúng sinh thuyết pháp? Phật bảo Thắng Thiên Vương:

大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Đại vương 。 Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

[Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật](#)

如是說法為修習佛法故。而說佛法畢竟不可得。

như thị thuyết Pháp vi tu tập Phật Pháp cố 。

nhi thuyết Phật Pháp tất cánh bất khả đắc 。

[thuyết pháp thế này: Vi tu tập Phật pháp nên nói Phật pháp rốt ráo không thể đắc;](#)

為成熟諸波羅蜜。而波羅蜜畢竟不可得。

vi thành thực chư ba la mật 。

nhi ba la mật tất cánh bất khả đắc 。

[là thành thực các Ba-la-mật nhưng Ba-la-mật rốt ráo không thể đắc;](#)

為清淨菩提而菩提畢竟不可得。

vi thanh tịnh bồ đề nhi bồ đề tất cánh bất khả đắc 。

[là Bồ-đề thanh tịnh nhưng Bồ-đề rốt ráo không thể đắc;](#)

為涅槃離欲滅而涅槃離欲滅畢竟不可得。

vi Niết-Bàn ly dục diệt nhi Niết-Bàn ly dục diệt tất cánh bất khả đắc 。

[là Niết-bàn ly dục, diệt nhưng Niết-bàn ly dục, diệt rốt ráo không thể đắc;](#)

為須陀洹斯陀含阿那含阿羅漢果。

vi Tu-đà-hoàn Tư đà hàm A-na-hàm A la hán quả 。

[là quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán](#)

而須陀洹乃至阿羅漢畢竟不可得。為辟支佛而辟支佛畢竟不可得。

nhi Tu-đà-hoàn nãi chí A-la-hán tất cánh bất khả đắc 。

vi ích chi Phật nhi Bích chi Phật tất cánh bất khả đắc 。

nhưng Tu-đà-hoàn, cho đến A-la-hán, rốt ráo không thể đắc; là Phật Bích-chi nhưng Phật Bích-chi rốt ráo không thể đắc;

為斷除我取而我及取畢竟不可得。

vi đoạn trừ ngã thủ nhi ngã cập thủ tất cánh bất khả đắc 。

là đoạn trừ ngã thủ nhưng ngã và thủ rốt ráo không thể đắc.

菩薩摩訶薩如是行甚深般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát như thị hành thậm thâm bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa như vậy,

心不分別一切諸相。我能分別及所分別悉不可得。

tâm bất phân biệt nhất thiết chư tướng 。

ngã năng phân biệt cập sở phân biệt tất bất khả đắc 。

tâm không phân biệt tất cả các tướng: cái ta phân biệt và cái được phân biệt đều không thể đắc;

隨順般若波羅蜜不違生死。

tùy thuận bát nhã ba la mật bất vi sinh tử 。

tùy thuận Bát-nhã ba-la-mật, không trái sinh tử;

雖在生死不逆般若波羅蜜隨順法相。勝天王白佛言。

tuy tại sinh tử bất nghịch bát nhã ba la mật tùy thuận Pháp tướng 。

thắng Thiên vương bạch Phật ngôn 。

tuy tại sinh tử mà không nghịch Bát-nhã ba-la-mật, tùy thuận Pháp tướng. Thắng Thiên Vương bạch Phật:

世尊菩薩摩訶薩云何隨順法相不違世諦。

Thế Tôn Bồ-tát Ma-Ha tát vân hà tùy thuận Pháp tướng bất vi thế đế 。

Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát làm thế nào để tùy thuận Pháp tướng mà không đi ngược lại thế đế?

佛告勝天王言。大王。菩薩摩訶薩隨順甚深般若波羅蜜。

Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。 Đại vương 。 Bồ-tát Ma-Ha tát tùy thuận thâm thâm bát nhã ba la mật 。

Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát tùy thuận Bát-nhã ba-la-mật sâu xa,

不遠離色受想行識。

bất viễn li sắc thọ tưởng hành thức 。

không xa lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức,

不遠離欲界色界無色界。不遠離法。而不著般若波羅蜜。不遠離道。

bất viễn ly dục giới sắc giới vô sắc giới 。 bất viễn li Pháp 。 nhi bất trú bát nhã ba la mật 。

không xa lìa Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, không xa lìa Pháp, mà không dính mắc Bát-nhã ba-la-mật, không xa rời đạo.

何以故。具巧方便故。勝天王白佛言。世尊。

hà dĩ cố 。 cụ xảo phương tiện cố 。

Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn,

何者是菩薩摩訶薩善巧方便。佛告勝天王言。

hà giả thị Bồ-tát Ma-Ha tát thiện xảo phương tiện 。

Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。

大王。

Đại vương 。

Đại vương,

所謂無量菩薩摩訶薩具慈悲喜捨不捨眾生常能利益。大王。

sở vị vô lượng Bồ-tát Ma-Ha tát cụ từ bi hỷ xả bất xả chúng sinh thường năng lợi ích 。 Đại vương 。

đó là vô lượng Bồ-tát Ma-ha-tát đầy đủ từ bi hỷ xả, không bỏ chúng sinh, thường làm lợi ích. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜具無邊慈。無分別慈。法慈。不息慈。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật cụ vô biên từ 。 vô phân biệt từ 。 Pháp từ 。 bất tức từ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, có đủ Vô biên từ, Vô phân biệt từ, Pháp từ, Bất tức từ,

不惱慈。利益慈。平等慈。遍益慈。出世慈。

bất nảo từ 。 lợi ích từ 。 bình đẳng từ 。 biến ích từ 。 xuất thế từ 。

Bất nảo từ, Lợi ích từ, Bình đẳng từ, Biến ích từ, Xuất thế từ,

成就如是等大慈。世尊。云何大悲。佛言。大王。

thành tựu như thị đẳng Đại từ 。 Thế Tôn 。 vân hà Đại bi 。 Phật ngôn 。

thành tựu các Đại từ như thế. Thế Tôn, Đại bi là thế nào? Phật dạy: Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

眾生苦惱無歸依處。即為濟拔發菩提心勤求正法。

chúng sinh khổ nảo vô quy y xử 。 tức vì tế bạt phát bồ đề tâm tinh cần cầu chính Pháp 。

chúng sinh khổ não, không nơi nương tựa, vì để cứu tế, phát tâm Bồ-đề, siêng cầu Chính pháp;

既自得已為眾生說其慳貪者教行布施。

ký tự đắc dĩ vì chúng sinh thuyết kỳ khan tham giả giáo hành bố thí 。

tự mình đắc được, mới vì chúng sinh thuyết pháp. Những người tham lam bòn xén, thì dạy thực hành bố thí;

無戒破戒教令持戒。惡性之人教行忍辱。

vô giới phá giới giáo lệnh trì giới 。

ác tính chi nhân giáo hành nhẫn nhục 。

không có giới, phá giới thì dạy giữ giới; người có tính ác thì dạy hành nhẫn nhục;

懶惰懈怠教令精進。散亂之人教行禪定。

lại nọa giải đãi giáo lệnh tinh tấn 。

tán loạn chi nhân giáo hành Thiền định 。

biếng nhác, giải đãi thì dạy hãy tinh tấn; người bị tán loạn thì dạy hành thiền định;

愚癡之人教行般若。為度眾生雖遭苦惱。終不捨離菩提之心。

ngu si chi nhân giáo hành bát nhã 。

vì độ chúng sinh tuy tao khổ não 。

chung bất xả ly bồ đề chi tâm 。

người ngu si thì dạy hành Bát-nhã. Vì độ chúng sinh, dù gặp khổ não vẫn không rời bỏ tâm Bồ-đề.

是名大悲。世尊。云何大喜。佛言。

thị danh Đại bi 。

Thế Tôn 。

vân hà Đại hỷ 。

Phật ngôn 。

Đó gọi là Đại bi. Thế Tôn, Đại hỷ là gì? Phật dạy:

大王菩薩摩訶薩行般若波羅蜜作是思惟。

Đại vương Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật tác thị tư duy 。

Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, suy nghĩ thế này:

三界熾然我已出離故生歡喜。久相繫著生死之繩。

tam giới sí nhiên ngã dĩ xuất ly cố sinh hoan hỷ 。 cửu tướng hệ
trứ sinh tử chi thằng 。

Ba cõi bốc cháy, ta đã ra khỏi nên sinh hoan hỷ. Sợi dây sinh tử trói buộc lâu
ngày,

我已割斷故生歡喜。種種覺觀及諸取相。

ngã dĩ cát đoạn cố sinh hoan hỷ 。 chủng chủng giác quán cập chư
thủ tướng 。

ta đã cắt đứt nên sinh hoan hỷ. Đủ loại giác quán và các tướng chấp thủ

於生死海我已得出故生歡喜。

ư sinh tử hải ngã dĩ đắc xuất cố sinh hoan hỷ 。

nơi biển sinh tử, ta đã ra khỏi nên sinh hoan hỷ.

無始豎立我慢之幢。我今已摧故生歡喜。

vô thủy thọ lập ngã mạn chi tràng 。

Lá cờ ngã mạn cắm từ vô thủy, ta nay xô ngã nên sinh hoan hỷ.

以金剛智壞煩惱山永不復立故生歡喜。我自安隱又令他安。

dĩ Kim cương trí hoại phiền não sơn vĩnh bất phục lập cố sinh hoan
hỷ 。

Dùng trí Kim cương phá núi phiền não, vĩnh viễn không còn, nên sinh hoan hỷ.

Ta đã an ổn, lại khiến người an ổn;

愚癡黑暗貪愛繫縛久寐世間。

ngu si hắc ám tham ái hệ phọc cửu寐 thế gian 。

thế gian đen tối, ngu si, tham ái, trói buộc, mê muội lâu ngày,

今始得覺故生歡喜。我今已離一切惡趣。

kim thủy đắc giác cố sinh hoan hỷ 。 ngã kim dĩ ly nhất thiết ác thú 。

[nay mới hiểu biết, nên sinh hoan hỷ. Ta nay đã rời tất cả đường ác,](#)

又拔眾生令出惡道。眾生久於生死迷亂不知出道。

hựu bạt chúng sinh lệnh xuất ác đạo 。 chúng sinh cửu ư sinh tử mê loạn bất tri xuất đạo 。

[lại cứu chúng sinh ra khỏi đường ác; chúng sinh lâu ngày sống trong sinh tử mê loạn, không biết đường ra,](#)

我今濟拔開示正路。悉令得至薩婆若城故生歡喜。

ngã kim tế bạt khai kì chính lộ 。

tất lệnh đắc chí tát bà
nhược thành cố sinh hoan hỷ 。

[ta nay cứu giúp, khai mở đường chính, khiến cho tất cả đều đến thành Nhất thiết trí, nên sinh hoan hỷ.](#)

是名大喜。大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

thị danh Đại hỷ 。

Đại vương 。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

[Đó gọi là Đại hỷ. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,](#)

眼所見色不著不離而起捨心。

nhãn sở kiến sắc bất trú bất ly nhi khởi xả tâm 。

[mắt thấy sắc không dính, không lìa mà khởi tâm xả;](#)

耳聲鼻香舌味身觸意法亦爾。大王。

nhĩ thanh tỷ hương thiệt vị thân xúc ý Pháp diệc nhĩ 。

Đại vương 。

tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân đối xúc, ý thấy pháp cũng thế. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜成就如是四無量心。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật thành tựu như thị tứ vô lượng tâm 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, thành tựu bốn tâm Vô lượng như vậy.

爾時勝天王白佛言。世尊。

nhi thời thắng Thiên vương bạch Phật ngôn 。

Bấy giờ, Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn,

云何菩薩摩訶薩行般若波羅蜜為度眾生示現諸相。佛告勝天王言大王。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật vi độ chúng sinh thị hiện chư tướng 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, vì độ chúng sinh mà thị hiện các tướng như thế nào? Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương,

般若波羅蜜相不可得。菩薩摩訶薩相亦不可得。

bát nhã ba la mật tướng bất khả đắc 。

tướng của Bát-nhã ba-la-mật không thể đắc, tướng của Bồ-tát Ma-ha-tát cũng không thể đắc;

但方便力教化眾生。示現處胎乃至涅槃。

đãn phương tiện lực giáo hóa chúng sinh 。

chỉ dùng lực phương tiện giáo hóa chúng sinh, thị hiện ở thai cho đến Niết-bàn.

何以故。諸天計常謂無墮落。

hà dĩ cố 。

Vì sao? Vì chư Thiên chấp thường, cho rằng không có đọa lạc.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。以方便力破此執故示現處胎。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 dĩ phương tiện lực phá thử chấp cố thị hiện xử thai 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, vì dùng lực phương tiện để phá chấp này nên thị hiện nơi thai,

因令彼天起無常念。

nhân lệnh bỉ Thiên khởi vô thường niệm 。

nhân đó khiến chúng Thiên kia khởi niệm vô thường.

世間最勝最高無等不著五欲。欲不能污尚有墮落。況復餘天。

thế gian tối thắng tối cao vô đẳng bất trú ngũ dục 。 dục bất năng 汚 thượng hữu đọa lạc 。 huống phục dư Thiên 。

Ở thế gian, những người tối thắng, tối cao, không ai bằng, không đắm năm dục, dục không thể làm nhiễm ô, mà còn bị đọa lạc huống là cõi trời.

是故咸應勿復放逸。勤加精進一心修道。

thị cố hàm ứng vật phục phóng dật 。 tinh cần gia tinh tấn nhất tâm tu đạo 。

Vì vậy tất cả chớ nên buông thả, siêng thêm tinh tấn, một lòng tu đạo.

譬如見日尚有隱沒。則知螢火不得久住。大王。

thí như kiến nhật thượng hữu ẩn một 。 tắc tri huỳnh hỏa bất đắc cửu trụ 。

Ví như mặt trời, còn thấy có lúc khuất, tức biết được ánh sáng đom đóm không thể lâu dài. Đại vương,

復有放逸諸天貪著樂故不修正法。

phục hữu phóng dật chư Thiên tham trước lạc cố bất tu chính Pháp
。

lại có chư Thiên buông thả, vì tham đắm lạc, không tu Chính pháp.

雖與菩薩同在天宮。不往禮拜不諮受法。而作是意。

tuy dữ Bồ-tát đồng tại Thiên cung 。 bất vãng lễ bái bất ti thọ Pháp
。 nhi tác thị ý 。

Tuy cùng Bồ-tát ở chung cung trời, không đến lễ bái, không cầu thọ pháp, mà suy nghĩ thế này:

今且遊戲朋詣菩薩。

kim thả du hí bằng nghệ Bồ-tát 。

Nay hãy đi chơi, cùng nhau đến chỗ Bồ-tát.

各相謂言菩薩與我常共在此修行何晚。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

các tướng vị ngôn Bồ-tát dữ ngã thường cộng tại thử tu hành hà
văn 。

Chúng bảo nhau rằng: Bồ-tát và chúng ta, thường cùng ở nơi này, thì tu hành
đâu có muộn. Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật 。

勤修精進如救頭然。破彼放逸示現墮落。

tinh siêng tu tinh tấn như cứu đầu nhiên 。

siêng tu, tinh tấn như cứu lửa cháy trên đầu, vì phá sự buông thả của chúng nên
thị hiện đọa lạc 。

如是示現有二因緣。一令諸天離放逸故。

như thị thị hiện hữu nhị nhân duyên 。

Thị hiện như thế có hai nhân duyên: Thứ nhất là vì khiến chư Thiên lìa sự buông
thả;

二令眾生咸得見故。大王。世間復有下劣眾生。

nhị lệnh chúng sinh hàm đắc kiến cố 。 Đại vương 。 thế gian phục hữu hạ liệt chúng sinh 。

thứ hai là vì khiến cho tất cả chúng sinh đều được nhìn thấy. Đại vương, thế gian còn có chúng sinh thấp kém,

不堪見佛成無上道及轉法輪。

bất kham kiến Phật thành vô thượng đạo cập chuyển Pháp luân 。

không thể thấy Phật thành Đạo vô thượng và chuyển Pháp luân.

菩薩摩訶薩為此眾生。是故示現嬰兒童子後宮遊戲。

Bồ-tát Ma-Ha tát vì thử chúng sinh 。 thị cố thị hiện anh nhi Đồng tử hậu cung du hí 。

Bồ-tát Ma-ha-tát vì chúng sinh này, vì thế thị hiện đưa trẻ chơi đùa ở hậu cung.

菩薩若作餘像說法。後宮女人則不信樂。

Bồ-tát nhược tác dư tượng thuyết Pháp 。 hậu cung nữ nhân tắc bất tín lạc 。

Bồ-tát dùng các hình tượng khác để thuyết pháp tức các người nữ ở hậu cung không tin vui;

是故示現嬰兒童子。大王。有高行者常能離俗。

thị cố thị hiện anh nhi Đồng tử 。 Đại vương 。 hữu cao hành giả thường năng ly tục 。

vì thế thị hiện đưa trẻ. Đại vương, có bậc hạnh cao, thường xa lìa tục,

菩薩摩訶薩。為化彼故示現出家。大王。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。 vi hóa bỉ cố thị hiện xuất gia 。 Đại vương 。

Bồ-tát Ma-ha-tát vì giáo hóa người đó nên thị hiện xuất gia. Đại vương,

復有天人作如是念。若以端坐受人天樂而得聖道。

phục hữu Thiên Nhơn tác như thị niệm 。 nhược dĩ đoan tọa thọ nhân Thiên nhạc nhi đắc Thánh đạo 。

lại có Trời, người suy nghĩ thế này: Nếu ngồi ngay ngắn, thọ lạc cõi người, trời, thì đắc Thánh đạo.

菩薩摩訶薩。為化此故示現苦行。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。 vì hóa thử cố thị hiện khổ hạnh 。

Bồ-tát Ma-ha-tát, vì giáo hóa hạng này mà thị hiện khổ hạnh;

亦為降伏諸外道故示現苦行。大王。復有天人長夜發願。

diệc vì hàng phục chư ngoại đạo cố thị hiện khổ hạnh 。

Đại vương 。 phục hữu Thiên Nhơn trường dạ phát nguyện 。

cũng vì hàng phục các ngoại đạo nên thị hiện khổ hạnh. Đại vương, lại có Trời, người từ lâu phát nguyện:

菩薩摩訶薩行詣道場。我等諸天常獻供養。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành nghệ đạo trường 。

ngã đẳng chư Thiên thường hiến cung dưỡng 。

Bồ-tát Ma-ha-tát đi đến đạo tràng, chư Thiên chúng ta thường dâng cúng dưỡng.

菩薩為化此眾生故示詣道場。

Bồ-tát vì hóa thử chúng sinh cố kì nghệ đạo trường 。

Bồ-tát vì hóa độ chúng sinh này nên thị hiện đến đạo tràng;

一切人眾皆悉獲得菩提因緣。大王。復有天人作如是念。

nhất thiết nhân chúng giai tất hoạch đắc bồ đề nhân duyên 。

Đại vương 。 phục hữu Thiên Nhơn tác như thị niệm 。

tất cả mọi người đều được nhân duyên Bồ-đề. Đại vương, lại có Trời, người suy nghĩ thế này:

惡魔外道障礙正法。願得菩薩坐於道場。

ác ma ngoại đạo chướng ngại chính Pháp 。 nguyện đấng Bồ-tát tọa
ư đạo trường 。

Ác ma, ngoại đạo ngăn trở Chính pháp, nguyện được Bồ-tát ngồi ở đạo tràng,

降伏惡魔及諸外道。正信之人悉令見法。

hàng phục ác ma cập chư ngoại đạo 。 chính tín chi nhân tất lệnh
kiến Pháp 。

hàng phục Ác ma cùng các ngoại đạo, những người chính tín khiến đều thấy
pháp.

菩薩摩訶薩既成道已。三千大千世界於虛空中。

Bồ-tát Ma-Ha tát ký thành đạo dĩ 。

tam Thiên Đại Thiên thể giới ư hư
không trung 。

Bồ-tát Ma-ha-tát khi thành đạo rồi, Tam thiên đại thiên thể giới, ở giữa không
trung,

種種音聲而讚歎曰。佛日出世螢火隱沒。

chủng chủng âm thanh nhi tán tán viết 。

Phật nhật xuất thế huỳnh hỏa
ẩn một 。

đủ loại âm thanh ca ngợi rằng: Mặt trời Phật ra đời, ánh sáng đom đóm khuất
mất.

此等天人悉發是言。

thử đẳng Thiên Nhơn tất phát thị ngôn 。

Các Trời, người này đều phát ra lời nói thế này:

願我來世皆得阿耨多羅三藐三菩提。如今菩薩摩訶薩。

nguyện ngã lai thế giai đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

nư
kim Bồ-tát Ma-Ha tát 。

Nguyện đời sau chúng ta đều được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, giống như Bồ-tát Ma-ha-tát ngày nay.

為是眾生現坐道場。大王。又有天人作如是言。

vi thị chúng sinh hiện tọa đạo trường 。 Đại vương 。 hựu hữu Thiên Nhơn tác như thị ngôn 。

Vì chúng sinh này, thị hiện ngồi ở đạo tràng. Đại vương, lại có Trời, người nói lời thế này:

願見大師成就一切智無師智自然智。

nguyện kiến Đại sư thành tựu nhất thiết trí vô sư trí tự nhiên trí 。

Nguyện thấy Đại sư thành tựu Nhất thiết trí, Vô sư trí, Tự nhiên trí,

不求出離根性純熟是深法器。

bất cầu xuất ly căn tính thuần thực thị thâm Pháp khí 。

không cầu xuất ly, căn tính thuần thực, là Pháp khí sâu xa.

為是眾生示現三轉十二種法輪。大王。復有天人樂聞涅槃。

vi thị chúng sinh thị hiện tam chuyển thập nhị chủng Pháp luân 。

Vì chúng sinh này thị hiện mười hai loại trong ba lần chuyển Pháp luân. Đại vương, lại có Trời, người vui nghe Niết-bàn.

菩薩為化彼眾生故示現涅槃。大王。

Bồ-tát vi hóa bỉ chúng sinh cố thị hiện Niết-Bàn 。

Bồ-tát vì giáo hóa chúng sinh đó nên thị hiện Niết-bàn. Đại vương,

菩薩摩訶薩修行般若波羅蜜。能現如是種種之相。大王。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, có thể thị hiện đủ loại hình tướng như vậy. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜不生難處。何以故。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật bất sinh nan xử 。 hà dĩ cố 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật không sinh chỗ hoạn nạn. Vì sao?

無福德人不聞般若波羅蜜名字故。

vô phúc đức nhân bất văn bát nhã ba la mật danh tự cố 。

Vì người không có phước đức không nghe được tên của Bát-nhã ba-la-mật.

又復常離一切惡業。佛所說戒悉不毀犯心無嫉妬。

hựu phục thường ly nhất thiết ác nghiệp 。 Phật sở thuyết giới tất bất hủy phạm tâm vô tật đố 。

Lại thường xa lìa tất cả nghiệp ác, các giới Phật dạy đều không hủy phạm, tâm không ganh ghét đố kỵ,

已於過去無數佛所。多種善根具足功德。

dĩ ư quá khứ vô số Phật sở 。 đa chủng thiện căn cụ túc công đức 。

đã ở nơi vô số Phật quá khứ, trồng nhiều căn lành, đầy đủ công đức,

智慧方便成就大願。心樂寂靜勤行精進。大王。

trí tuệ phương tiện thành tựu Đại nguyện 。 tâm lạc tịch tĩnh tinh cần hành tinh tấn 。

phương tiện trí tuệ, thành tựu đại nguyện, tâm vui tịch tĩnh, siêng tu, tinh tấn. Đại vương,

菩薩摩訶薩。無有惡業牽墮地獄。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。 vô hữu ác nghiệp khiên đọa Địa-ngục 。

Bồ-tát Ma-ha-tát không còn nghiệp ác khiến đọa địa ngục,

性行十善故。菩薩摩訶薩。無有破戒牽墮畜生。

tính hành Thập thiện cố 。 Bồ-tát Ma-Ha tát 。 vô hữu phá giới khiên
đọa súc sinh 。

vì tính hành mười Thiện. Bồ-tát Ma-ha-tát không có phá giới khiến đọa súc sinh,

性持戒故。菩薩摩訶薩。無有嫉妬不牽墮餓鬼。

tính trì giới cố 。 Bồ-tát Ma-Ha tát 。 vô hữu tật đố bất khiên đọa nga
quỷ 。

vì tính trì giới. Bồ-tát Ma-ha-tát không có hiềm khích khiến đọa quỷ đói,

不生邪見家常值善知識。何以故。

bất sinh tà kiến gia thường trị thiện tri thức 。 hà dĩ cố 。

không sinh vào nhà tà kiến, thường gặp Thiện tri thức. Vì sao?

已於過去無數佛所深種善根。是故生處皆悉正見。

dĩ ư quá khứ vô số Phật sở thâm chủng thiện căn 。 thị cố sinh xử
giai tất chính kiến 。

Vì đã ở nơi vô số Phật quá khứ, trồng căn lành sâu dày, vì thế nơi sinh đều là
chính kiến.

菩薩受生諸根不缺成佛法器。何以故。

Bồ-tát thọ sinh chư căn bất khuyết thành Phật Pháp khí 。 hà dĩ cố 。

Bồ-tát thọ sinh, các căn không thiếu, trở thành Phật pháp khí. Vì sao?

於過去世供養諸佛聽聞正法禮敬大眾。

ư quá khứ thể cung dưỡng chư Phật thánh văn chính Pháp lễ kính
Đại chúng 。

Ở đời quá khứ, cúng dường chư Phật, nghe hiểu Chính pháp, kính lễ đại chúng;

是故根具相貌端圓成佛法器。大王。菩薩不生邊地。

thị cố căn cụ tướng mạo đoan viên thành Phật Pháp khí 。 Đại vương
。 Bồ-tát bất sinh biên địa 。

vì thế các căn đầy đủ, tướng mạo đoan nghiêm, trở thành Phật pháp khí. Đại
vương, Bồ-tát không sinh vùng biên giới,

鈍根愚癡不知善惡。語言義趣非佛法器。

độn căn ngu si bất tri thiện ác 。 ngữ ngôn nghĩa thú phi Phật Pháp
khí 。

độn căn ngu si, không biết thiện ác, nghĩa lý ngôn ngữ, không phải là Phật pháp
khí,

不識沙門婆羅門。何以故。菩薩受生必在中國。

bất thức Sa Môn Bà-la-môn 。 hà dĩ cố 。

Bồ-tát thọ sinh tất tại Trung
Quốc 。

không biết Sa-môn, Bà-la-môn. Vì sao? Bồ-tát thọ sinh tất ở trung tâm quốc độ,

利根智慧言辭辯了。善知語義。是佛法器。

lợi căn trí tuệ ngôn từ biện liễu 。

thiện tri ngữ nghĩa 。

thị Phật
Pháp khí 。

căn tính lanh lợi, trí tuệ, ngôn từ lưu loát, khéo biết ngữ nghĩa, là Phật pháp khí,

善知沙門及婆羅門。何以故。菩薩摩訶薩。

thiện tri Sa Môn cập Bà-la-môn 。

hà dĩ cố 。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。

khéo biết Sa-môn và Bà-la-môn. Vì sao? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát
。

khéo biết Sa-môn và Bà-la-môn. Vì sao? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát

宿世智慧力故。大王。菩薩不生長壽天。

tú thế trí tuệ lực cố 。

Đại vương 。

Bồ-tát bất sinh cõi Trường thọ thiên
。

có lực trí tuệ đời trước. Đại vương, Bồ-tát không sinh cõi Trường thọ thiên

不見諸佛不利眾生故。菩薩所以生在欲界。

bất kiến chư Phật bất lợi chúng sinh cố 。 Bồ-tát sở dĩ sinh tại dục giới
。

vì không thấy chư Phật, không lợi lạc chúng sinh. Sở dĩ Bồ-tát sinh ở Dục giới,

示現出世利益眾生。何以故。善方便故。大王。

thị hiện xuất thế lợi ích chúng sinh 。 hà dĩ cố 。 thiện phương tiện cố 。

Đại vương 。

菩薩不生空世界中。

Bồ-tát bất sinh không thế giới trung 。

Bồ-tát không sinh vào thế giới trống rỗng,

此處無佛不聞正法不供養僧。何以故。菩薩生處必具三寶宿願強故。

thử xứ vô Phật bất văn chính Pháp bất cung dưỡng tăng 。

Bồ-tát sinh xử tất cụ Tam Bảo tú nguyện cường cố 。

nơi này không có Phật, không nghe Chính pháp, không cúng dường Tăng. Vì sao? Nơi Bồ-tát sinh tức đủ Tam bảo vì nguyện đời trước mạnh.

菩薩若聞惡世界名即生厭離。

Bồ-tát nhược văn ác thế giới danh tức sinh yếm ly 。

Nếu Bồ-tát nghe tên của thế giới ác liền sinh chán ghét,

修行寂靜心不懈怠。以一切善滅諸惡法。大王。

tu hành tịch tĩnh tâm bất giải đãi 。

dĩ nhất thiết thiện diệt chư ác Pháp 。

Đại vương 。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu hành bát nhã ba la mật 。 dĩ thị nhân duyên bất sinh nan xử 。 Đại vương 。

Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, vì nhân duyên này không sinh vào nơi hoạn nạn. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜乃至夢中尚不忘

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật nãi chí mộng trung thượng bất vong

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, cho đến trong mộng cũng không quên

失菩提之心。況復覺時何以故。

thất bồ đề chi tâm 。 huống phục giác thời hà dĩ cố 。

mất tâm Bồ-đề, huống là lúc thức. Vì sao?

一切菩薩生於此心即是阿耨多羅三藐三菩提心。

nhất thiết Bồ-tát sinh ư thử tâm tức thị a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

Vì tất cả Bồ-tát sinh khởi tâm này tức là tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

若無此心則無有佛。無佛無法無法無僧。

nhược vô thử tâm tắc vô hữu Phật 。 vô Phật vô Pháp vô Pháp vô tăng 。

Nếu không có tâm này thì không có Phật; không Phật, không Pháp, không Pháp, không Tăng.

由此心故得有三寶及以天人。

do thử tâm cố đắc hữu Tam Bảo cập dĩ Thiên Nhơn 。

Do tâm này mà có Tam bảo, cho đến Trời, người.

菩薩摩訶薩常離諂曲質直柔和。其心清淨不疑佛法。

Bồ-tát Ma-Ha tát thường ly siểm khúc chất trực nhu hòa 。 kỳ tâm thanh tịnh bất nghi Phật Pháp 。

Bồ-tát Ma-ha-tát thường lia siểm nịnh, thẳng thắn, hiền hòa; tâm thanh tịnh, không nghi ngờ pháp Phật;

欲聽受者不祕深義。離法嫉妬遠三塗業。

đục thính thọ giả bất bí thâm nghĩa 。 ly Pháp tật đố viễn tam đồ nghiệp 。

người muốn nghe nhận, không giấu nghĩa sâu; lia đố kỵ pháp, xa nghiệp ba đường ác;

於初中後無有異相。行不違言護持大乘。

ư sơ trung hậu vô hữu dị tướng 。 hành bất vi ngôn hộ trì Đại thừa 。

ở trước, giữa, sau không có tướng khác; hành không trái lời, gìn giữ Đại thừa;

見同學者則生恭敬。勸他修習讚歎大乘。

kiến đồng học giả tắc sinh cung kính 。 khuyến tha tu tập tán thán Đại thừa 。

thấy người cùng học, liền sinh cung kính, khuyến họ tu tập, ca ngợi Đại thừa;

於說法師常生佛想。近善知識遠離惡友。大王。菩薩摩訶薩。

ư thuyết Pháp sư thường sinh Phật tưởng 。 cận thiện tri thức viễn li ác hữu 。 Đại vương 。 Bồ-tát Ma-Ha tát 。

đối với Pháp sư, thường xem như Phật; gần Thiện tri thức, xa lia bạn ác. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát

修般若波羅蜜。如是成就菩提之心。

tu bát nhã ba la mật 。 như thị thành tựu bồ đề chi tâm 。

tu Bát-nhã ba-la-mật, thành tựu tâm Bồ-đề như thế;

因由此心得宿命智。何以故。已曾供養無量諸佛。

nhân do thử tâm đắc tú mạng trí 。 hà dĩ cố 。 dĩ tăng cung
dưỡng vô lượng chư Phật 。

do tâm này được Túc mạng trí. Vì sao? Đã từng cúng dường vô số chư Phật,

護持正法修清淨戒。遠離惡業障礙永無。

hộ trì chính Pháp tu thanh tịnh giới 。 viễn li ác nghiệp chướng ngại
vĩnh vô 。

gìn giữ Chính pháp, tu giới thanh tịnh, rời xa nghiệp ác, không còn chướng ngại,

心常歡喜心勤修學。心不散亂心智不失。

tâm thường hoan hỷ tâm tinh siêng tu học 。 tâm bất tán loạn tâm
trí bất thất 。

tâm thường hoan hỷ, tâm siêng tu học, tâm không tán loạn, tâm trí không lằm.

何以故。大王。若菩薩摩訶薩。

hà dĩ cố 。 Đại vương 。 nhưc Bồ-tát Ma-Ha tát 。

Vì sao? Đại vương, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát

已曾供養無量諸佛則尊重正法。由重法故廣為人說。

dĩ tăng cung dưỡng vô lượng chư Phật tắc tôn trọng chính Pháp 。

do trọng Pháp cố quảng vi nhân thuyết 。

đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, tức tôn trọng Chính pháp. Vì tôn trọng
Pháp nên rộng nói cho người;

為護正法不惜身命。身口意業三種清淨。

vi hộ chính Pháp bất tích thân mạng 。 thân khẩu ý nghiệp tam
chủng thanh tịnh 。

vì giữ gìn Chính pháp nên không tiếc thân mạng; ba nghiệp thân, miệng, ý đều
thanh tịnh.

業清淨已得離障礙。離障礙故心常歡喜。

ngiệp thanh tịnh dĩ đắc ly chướng ngại 。 ly chướng ngại cố tâm thường hoan hỷ 。

Nghiệp đã thanh tịnh tức lìa chướng ngại. Vì lìa chướng ngại, tâm thường hoan hỷ.

心歡喜故則勤精進。心性正直念智具足。

tâm hoan hỷ cố tắc tinh cần tinh tấn 。 tâm tính chính trực niệm trí cụ túc 。

Vì tâm hoan hỷ nên siêng năng, tinh tấn; tâm tính ngay thẳng; niệm, trí đầy đủ.

由念智故知過去生。一十百千乃至無數。大王。

do niệm trí cố tri quá khứ sinh 。 nhất thập bách thiên nãi chí vô số 。

Do niệm, trí nên biết đời quá khứ, một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp cho đến vô số. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

如是了知過去生處既了宿命。近善知識由善知識。

như thị liễu tri quá khứ sinh xử ký liễu tú mạng 。

biết rõ chỗ sinh trong quá khứ như vậy, lại biết đời trước gần Thiện tri thức. Nhờ Thiện tri thức,

於諸佛所不失三事。謂見聞念常聽正法。供養僧寶無空過時。

ư chư Phật sở bất thất tam sự 。

ở chỗ chư Phật, không mất ba việc là Thấy, Nghe, Niệm. Thường nghe Chính pháp, cúng dường Tăng bảo, không để thời gian qua không;

諸佛菩薩所恒恭敬禮拜尊重。

chư Phật Bồ-tát sở hằng cung kính lễ bái tôn trọng 。
thường cung kính, lễ bái, tôn trọng chư Phật, Bồ-tát;

行住坐臥不離多聞。大王。

hành trụ tọa ngọa bất ly đa văn 。 Đại vương 。
đi đứng nằm ngồi, không rời sự nghe nhiều. Đại vương,

持淨戒者耳根常聞般若波羅蜜名字。恒勤修習助道之法。

trì tịnh giới giả nhĩ căn thường văn bát nhã ba la mật danh tự 。
hằng tinh siêng tu tập trợ đạo chi Pháp 。
người giữ tịnh giới, nhĩ căn thường nghe danh tự Bát-nhã ba-la-mật, thường siêng
tu tập các pháp Trợ đạo,

曾不遠離三解脫門。修四無量。常聞薩婆若名。大王。

tằng bất viễn li tam giải thoát môn 。 tu tứ vô lượng 。 thường văn tát
bà nhược danh 。 Đại vương 。
chưa từng xa rời ba cửa Giải thoát, tu bốn tâm Vô lượng, thường nghe tên Nhất
thiết trí. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。以是因緣近善知識。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 dĩ thị nhân duyên cận
thiện tri thức 。
Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, vì nhân duyên này, gần gũi Thiện tri
thức.

大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Đại vương 。 Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。
Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

乃至夢中不近惡友。何況覺時。何以故。菩薩摩訶薩。

nãi chí mộng trung bất cận ác hữu 。 hà hướng giác thời 。 hà dĩ cố 。
Bồ-tát Ma-Ha tát 。

cho đến trong mộng, không gần bạn ác, hướng là khi thức. Vì sao? Vì Bồ-tát Ma-
ha-tát

不與破戒人共住。邪見人。無威儀人。

bất dữ phá giới nhân cộng trụ 。 tà kiến nhân 。 vô uy nghi nhân
。

không ở chung với người phá giới, người tà kiến, người không có oai nghi,

邪命人無義語人。懶惰人。樂住生死人。

tà mạng nhân vô nghĩa ngữ nhân 。 lại nọa nhân 。 lạc trụ sinh
 tử nhân 。

người tà mạng, người không có ngữ nghĩa, người biếng nhác, người ưa ở sinh tử,

背菩提人。樂俗務人。不與共住。大王。

bối bồ đề nhân 。 lạc tục vụ nhân 。 bất dữ cộng trụ 。 Đại vương
。

người quay lưng với Bồ-đề, người thích việc đời, đều không ở chung. Đại vương,

菩薩摩訶薩行如是法離惡知識。大王。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành như thị Pháp ly ác tri thức 。 Đại vương 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành pháp như vậy, lìa Ác tri thức. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。能得如來清淨之身。所謂平等身。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 năng đắc Như Lai thanh
 tịnh chi thân 。 sở vị bình đẳng thân 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, có thể được thân thanh tịnh Như Lai,
tức là thân Bình đẳng,

清淨身。無盡身。善修得身。法身。

thanh tịnh thân 。 vô tận thân 。 thiện tu đắc thân 。 Pháp thân 。
[thân Thanh tịnh, thân Vô tận, thân Thiện tu đắc, thân Pháp,](#)

不可覺知身。不思議身。寂靜身。虛空等身。智身。

bất khả giác tri thân 。 bất tư nghị thân 。 tịch tĩnh thân 。 hư không đẳng
thân 。 trí thân 。

[thân Bất khả giác tri, thân Bất tư nghị, thân Tịch tĩnh, thân Hư không đẳng, thân Trí.](#)

勝天王白佛言。世尊。菩薩摩訶薩在何位中。

thắng Thiên vương bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。 Bồ-tát Ma-Ha tát tại hà
vị trung 。

[Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát ở giai vị nào](#)

能得如來十種之身。佛告勝天王言。

năng đắc Như Lai thập chủng chi thân 。 Phật cáo thắng Thiên vương
ngôn 。

[có thể được mười loại thân Như Lai? Phật bảo Thắng Thiên Vương:](#)

菩薩初地得平等身。何以故。

Bồ-tát sơ địa đắc bình đẳng thân 。 hà dĩ cố 。

[Bồ-tát ở địa thứ nhất được thân Bình đẳng. Vì sao?](#)

離諸邪曲通達法性見平等故。於第二地得清淨身。何以故。

ly chư tà khúc thông đạt Pháp tính kiến bình đẳng cố 。 ư đệ
nhị địa đắc thanh tịnh thân 。 hà dĩ cố 。

[Vì lià tà vậy, thông đạt Pháp tính, thấy được bình đẳng. Ở địa thứ hai được thân Thanh tịnh. Vì sao?](#)

清淨戒故。住第三地得無盡身。何以故。離瞋恚故。

thanh tịnh giới cố 。 trụ đệ tam địa đắc vô tận thân 。 hà dĩ cố 。 ly
sân khuể cố 。

Vì giới thanh tịnh. Trụ địa thứ ba được thân Vô tận. Vì sao? Vì lìa sân giận.

第四地中得善修身。何以故。

đệ tứ địa trung đắc thiện tu thân 。 hà dĩ cố 。

Ở địa thứ tư được thân Thiện tu. Vì sao?

常勤精進修佛法故。住第五地則得法身。何以故。

thường tinh cần tinh tấn tu Phật Pháp cố 。 trụ đệ ngũ địa tắc đắc
Pháp thân 。 hà dĩ cố 。

Vì thường siêng năng tinh tấn tu pháp Phật. Trụ địa thứ năm được thân Pháp. Vì
sao?

見諸諦理故。住第六地得離覺觀身。何以故。

kiến chư đế lý cố 。 trụ đệ lục địa đắc ly giác quán thân 。 hà
dĩ cố 。

Vì thấy lý các Đế. Trụ địa thứ sáu được thân Ly giác quán. Vì sao?

觀因緣理非覺觀所知故。住第七地得不思議身。

quán nhân duyên lý phi giác quán sở tri cố 。 trụ đệ thất địa
đắc bất tư nghị thân 。

Vì quán lý nhân duyên không phải được tri nhận bởi giác quán. Trụ địa thứ bảy
được thân Bất tư nghị.

何以故。具足方便故。於第八地得寂靜身。

hà dĩ cố 。 cụ túc phương tiện cố 。 ư đệ bát địa đắc tịch tĩnh thân 。

Vì sao? Vì đầy đủ phương tiện. Ở địa thứ tám được thân Tịch tĩnh.

何以故。離一切戲論無煩惱故。

hà dĩ cố 。 ly nhất thiết hí luận vô phiền não cố 。

Vì sao? Vì lià tất cả hý luận, không còn phiền não.

住第九地得等虛空身。何以故。身相不可量遍一切處故。

trụ đệ cửu địa đắc đẳng hư không thân 。 hà dĩ cố 。 thân tướng bất khả lượng biến nhất thiết xử cố 。

Trụ địa thứ chín được thân Đẳng hư không. Vì sao? Vì thân tướng không thể suy lường, cùng khắp mọi nơi.

住第十地則得智身。

trụ đệ thập địa tắc đắc trí thân 。

Trụ địa thứ mười được thân Trí.

何以故成就一切種智故。勝天王白佛言。

hà dĩ cố thành tựu nhất thiết chủng trí cố 。

thắng Thiên vương bạch Phật ngôn 。

Vì sao? Vì thành tựu Nhất thiết chủng trí. Thắng Thiên Vương bạch Phật:

如來之身與菩薩身無差別乎。佛告勝天王言。身無差別但功德異。

Như Lai chi thân dữ Bồ-tát thân vô sai biệt hồ 。

Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。

thân vô sai biệt đãn công đức dị 。

Thân Như Lai và thân Bồ-tát không sai khác sao? Phật bảo Thắng Thiên Vương: Thân không sai khác, chỉ khác công đức.

勝天王言。其義云何。大王。

thắng Thiên vương ngôn 。

kỳ nghĩa vân hà 。

Đại vương 。

Thắng Thiên Vương hỏi: Nghĩa này thế nào? Đại vương,

佛菩薩身無有差別。何以故。一切諸法同一性相。

Phật Bồ-tát thân vô hữu sai biệt 。

hà dĩ cố 。

nhất thiết chư Pháp đồng nhất tính tướng 。

thân Phật, Bồ-tát không có khác biệt. Vì sao? Vì tất cả các pháp, tính tướng đồng nhất,

功德差別。世尊。云何功德而有差別。佛言大王。

công đức sai biệt 。 Thế Tôn 。 vân hà công đức nhi hữu sai biệt 。 Phật ngôn Đại vương 。

công đức khác biệt. Thế Tôn, vì sao công đức có khác biệt? Phật dạy: Đại vương,

今當為王譬喻顯了。

kim đương vi Vương thí dụ hiển liễu 。

nay sẽ vì Đại vương, thí dụ để rõ.

譬如寶珠若有裝飾或不裝飾其珠何異。

thí như bảo châu nhược hữu trang sức hoặc bất trang sức kỳ châu hà dị 。

Ví như châu báu, nếu có trang sức hoặc không trang sức, châu báu này có gì khác đâu.

佛與菩薩功德有差法身無別。何以故。如來功德一切圓滿。

Phật dữ Bồ-tát công đức hữu sai Pháp thân vô biệt 。

Phật cùng Bồ-tát, công đức có khác, nhưng thân Pháp không khác. Vì sao? Công đức Như Lai, tất cả đều tròn đầy,

盡于十方遍眾生界。清淨離垢障礙永無。

tận vu thập phương biến chúng sinh giới 。

tận cùng mười phương, khắp chúng sinh giới, thanh tịnh không uế, không còn ngăn ngại.

菩薩之身功德未滿有餘障故。譬如初月十五日。

Bồ-tát chi thân công đức vị mãn hữu dư chướng cố 。 thí như sơ nguyệt thập ngũ nhật 。

Thân của Bồ-tát, công đức chưa đầy, vẫn còn chướng khác. Ví như trăng đầu tháng và ngày rằm,

月虧盈有異月性無差。此等諸身皆悉堅固。

nguyệt khuy doanh hữu dị nguyệt tính vô sai 。 thử đẳng chư thân giai tất kiên cố 。

tuy khuyết, đầy khác nhau, nhưng tính của trăng không khác. Các thân như thế thủy đều kiên cố,

猶如金剛不可破壞。何以故。三毒不破世法不染。

do như Kim cương bất khả phá hoại 。 hà dĩ cố 。 tam độc bất phá thế Pháp bất nhiễm 。

giống như Kim cương, không thể hủy hoại. Vì sao? Ba độc không phá được, pháp thế gian không nhiễm được,

惡趣人間苦不能逼。悉已遠離生老病死。

ác thú nhân gian khổ bất năng bức 。 tất dĩ viễn li sinh lão bệnh tử 。

khổ của đường ác, nhân gian không thể bức bách, đều đã xa lìa sinh, lão, bệnh, tử,

能伏外道過魔境界。不向聲聞辟支佛乘。

năng phục ngoại đạo quá ma cảnh giới 。 bất hướng thanh văn Bích chi Phật thừa 。

có thể hàng phục ngoại đạo, vượt khỏi cảnh giới của ma, không hướng đến thừa Thanh Văn, Phật Bích-chi.

以是因緣不可破壞。大王。

dĩ thị nhân duyên bất khả phá hoại 。 Đại vương 。
Vì nhân duyên này, không thể hủy hoại. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。善能將導一切世間天人阿修羅。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 thiện năng tướng đạo
nhất thiết thế gian Thiên Nhơn A-tu-La 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, có thể khéo dẫn dắt tất cả Trời, người,
A-tu-la, trên thế gian.

譬如有人善為將導。

thí như hữu nhân thiện vi tướng đạo 。

Ví như người dẫn đường giỏi

若國王等長者居士意咸用之。菩薩亦爾。聲聞緣覺菩薩諸佛。

nhược Quốc Vương đẳng Trưởng-Giả Cư-sĩ ý hàm dụng chi 。

Bồ-tát
diệc nhĩ 。

thanh văn duyên giác Bồ-tát chư Phật 。

thì quốc vương, vân vân, trưởng giả, cư sĩ đều có ý dùng người đó. Bồ-tát cũng
vậy; Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát, chư Phật

咸同用為將導。又如善將導者。

hàm đồng dụng vi tướng đạo 。

hựu như thiện tướng đạo giả 。

đều dùng làm người dẫn đường. Lại như người dẫn đường giỏi,

世間國王婆羅門長者居士咸共尊重。菩薩亦爾。

thế gian Quốc Vương Bà-la-môn Trưởng-Giả Cư-sĩ hàm cộng tôn trọng 。

Bồ-tát diệc nhĩ 。

tất cả Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ trên thế gian đều tôn trọng. Bồ-tát cũng thế,

天龍夜叉有學無學之所供養。

Thiên Long Dạ-xoa hữu học vô học chi sở cung dưỡng 。

được Trời, Rồng, Dạ-xoa, hàng Hữu học, Vô học cúng dường.

又如曠野險難怖畏行人疲倦。遇善將導能令安隱。菩薩亦爾。

hựu như khoáng dã hiểm nan bố úy hành nhân bì quyện 。 ngô
thiện tướng đạo năng lệnh an ổn 。 Bồ-tát diệc nhĩ 。

Lại như có người đi đường mệt mỏi, sợ hãi nơi đồng vắng hiểm nạn, gặp người
dẫn đường giỏi dẫn đến nơi yên ổn. Bồ-tát cũng thế;

以方便力於彼生死煩惱賊難。

dĩ phương tiện lực ư bỉ sinh tử phiền não tặc nan 。

dùng lực phương tiện, ở nơi có nạn giặc phiền não, sinh tử kia,

將導眾生安隱得出。又如貧人依富長者方出險難。

tướng đạo chúng sinh an ổn đắc xuất 。

hựu như bần nhân y phú
Trưởng-Giả phương xuất hiểm nan 。

dẫn dắt chúng sinh yên ổn ra khỏi. Lại như người nghèo nương vào trưởng giả
giàu có mới ra khỏi hiểm nạn;

梵志尼乾及餘外道。

phạm chí ni kiền cập dư ngoại đạo 。

Phạm chí, Ni-kiền và ngoại đạo khác,

於生死中依行般若波羅蜜菩薩。

ư sinh tử trung y hành bát nhã ba la mật Bồ-tát 。

ở trong sinh tử, nương vào vị Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật

爾乃出離又如大富長者無量貲財為一切人之所受用。

nhĩ nãi xuất ly hựu như Đại phú Trưởng-Giả vô lượng ti tài vi
nhất thiết nhân chi sở thọ dụng 。

mới được ra khỏi. Lại như đại trưởng giả giàu có, tiền của vô lượng, làm nơi thọ
dụng cho mọi người;

行般若波羅蜜菩薩亦復如是。於生死中六道眾生之所受用。

hành bát nhã ba la mật Bồ-tát diệc phục như thị 。 ư sinh tử trung lục đạo chúng sinh chi sở thọ dụng 。

Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật cũng thế, trong biển sinh tử làm nơi thọ dụng cho chúng sinh sáu đường.

又如大富長者欲過險難必要多伴。

hựu như Đại phú Trưởng-Giả dục quá hiểm nan tất yếu đa bạn 。

Lại như đại trưởng giả giàu có, muốn qua nơi hiểm nạn cần có nhiều bạn,

飲食資糧皆悉具足爾乃得過。菩薩亦爾。

ẩm thực tư lương giai tất cụ túc nhĩ nãi đắc quá 。

Bồ-tát diệc nhĩ 。

lương thực, đồ dùng đều phải đầy đủ mới qua khỏi được; Bồ-tát cũng vậy;

欲出世間以功德智慧。攝一切眾生度生死難至薩婆若。

dục xuất thế gian dĩ công đức trí tuệ 。

niếp nhất thiết chúng sinh độ sinh tử nan chí tát bà nhược 。

muốn ra khỏi thế gian, phải dùng công đức trí tuệ, nhiếp hóa tất cả chúng sinh vượt nạn sinh tử, đến Nhất thiết trí.

又如人遠行多齎寶物。為得利故。菩薩亦爾。

hựu như nhân viễn hành đa tê bảo vật 。

vi đắc lợi cố 。

Bồ-tát diệc nhĩ 。

Lại như người đi xa mang nhiều vật quý để được lợi ích; Bồ-tát cũng vậy;

從生死海至薩婆若。廣修功德智慧。

tòng sinh tử hải chí tát bà nhược 。

quảng tu công đức trí tuệ 。

từ biển sinh tử đến Nhất thiết trí, rộng tu công đức, trí tuệ,

為得一切智故。又如世人求財無厭。菩薩樂法亦無厭心。

vi đặc nhất thiết trí cố 。 hựu như thể nhân cầu tài vô yếm 。
Bồ-tát lạc Pháp diệc vô yếm tâm 。

để được Nhất thiết trí. Lại như người đòi cầu tiền của không chán; Bồ-tát vui pháp, cũng không khởi tâm chán nản.

又如將導。四事勝他。所謂財富最勝。

hựu như tướng đạo 。 tứ sự thắng tha 。 sở vị tài phú tối thắng 。

Lại như người dẫn đường, có bốn điều hơn người. Đó là giàu có bậc nhất,

位高語用。菩薩亦爾。

vị cao ngữ dụng 。 Bồ-tát diệc nhĩ 。

địa vị cao, lời nói có tác dụng. Bồ-tát cũng vậy;

富功德位最勝法自在無異言。又如人善導至於大城。菩薩亦爾。

phú công đức vị tối thắng Pháp tự-tại vô dị ngôn 。 hựu như nhân thiện đạo chí ư Đại thành 。

Bồ-tát diệc nhĩ 。

giàu có công đức, địa vị cao nhất, được pháp tự tại, lời nói chân thực. Lại như người khéo dẫn đường đến nơi thành lớn. Bồ-tát cũng vậy;

善能將導至薩婆若城。大王。

thiện năng tướng đạo chí tát bà nhược thành 。

Đại vương 。

có thể khéo dẫn đến thành Nhất thiết trí. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。善知行路不可行路邪正安善。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

thiện tri hành lộ bất khả hành lộ tà chính an thiện 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, khéo biết đường đi, đường không thể đi, tà, chính, yên ổn, tốt lành,

有水無水相貌曲直。出離之道皆悉通達。大王。

hữu thủy vô thủy tướng mạo khúc trực 。 xuất ly chi đạo giai tất thông đạt 。 Đại vương 。

[có nước, không có nước, đường cong, đường thẳng, thông đạt các đạo xuất ly. Đại vương,](#)

菩薩摩訶薩知不倒路。凡所示道不違眾根。

Bồ-tát Ma-Ha tát tri bất đảo lộ 。 phạm sở kì đạo bất vi chúng căn 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát biết được con đường không sai lệch; hễ đường nào đã được chỉ ra đều không trái căn tính chúng sinh.](#)

為大乘人示無上道。不說聲聞辟支佛路。

vi Đại thừa nhân kì vô thượng đạo 。 bất thuyết thanh văn Bích chi Phật lộ 。

[Vì người Đại thừa chỉ đạo Vô thượng, không nói con đường Thanh Văn, Phật Bích-chi;](#)

為小乘人示聲聞道不說大乘。

vi Tiểu thừa nhân kì thanh văn đạo bất thuyết Đại thừa 。

[vì người Tiểu thừa chỉ đạo Thanh Văn, không nói Đại thừa;](#)

辟支佛根示緣覺路。不說薩婆若道。為著我見說無我道。

Bích chi Phật căn kì duyên giác lộ 。 bất thuyết tát bà nhược đạo 。 vi trú ngã kiến thuyết vô ngã đạo 。

[người có căn tính Phật Bích-chi thì chỉ đường Duyên Giác, không nói đạo Nhất thiết trí. Vì người chấp Ngã kiến, nói đạo Vô ngã;](#)

著法眾生為說空道。著二邊者為說中道。

trú Pháp chúng sinh vi thuyết không đạo 。 trú nhị biên giả vi thuyết trung đạo 。

[vì chúng sinh chấp Pháp, nói đạo Không; vì người chấp Nhị biên, nói Trung đạo;](#)

為散亂者說奢摩他毘婆舍那不說散亂。

vi tán loạn giả thuyết xa ma tha ti bà xá na bất thuyết tán loạn 。
vì người tán loạn, nói Chỉ Quán, không nói tán loạn;

戲論眾生示如如道不說言語。

hí luận chúng sinh kì như như đạo bất thuyết ngôn ngữ 。
chúng sinh hí luận thì chỉ đạo Như Như, không nói đến ngôn ngữ;

著生死者示涅槃道不說世間。為迷塗者而說正道。大王。

trú sinh tử giả kì Niết-Bàn đạo bất thuyết thế gian 。 vi mê đồ giả nhi
thuyết chính đạo 。 Đại vương 。
người chấp sinh tử, chỉ đạo Niết-bàn, không nói đạo thế gian; vì người lầm lạc thì
nói Chính đạo. Đại vương,

是名菩薩知邪正路。

thị danh Bồ-tát tri tà chính lộ 。
đó gọi là Bồ-tát biết đường tà, chính.

勝天王般若波羅蜜經

thắng Thiên vương bát nhã ba la mật Kinh

Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã ba-la-mật

念處品第四

niệm xử phẩm đệ tứ

Phẩm 4: Niệm xử.

爾時勝天王。即從座起偏袒右肩右膝著地。

nhi thời thắng Thiên vương 。 tức tùng toạ khởi Thiên đản hữu kiên hữu
tất trú địa 。

Bấy giờ, Thắng Thiên Vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải, gối
phải sát đất,

合掌向佛頭面作禮。而白佛言。世尊。

hợp chưởng hướng Phật đầu diện tác lễ 。 nhi bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn
。

[chấp tay hướng Phật, đầu mặt đảnh lễ, rồi bạch Phật: Thế Tôn,](#)

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,](#)

能如是知路非路者心緣何住。佛告勝天王言。大王。

năng như thị tri lộ phi lộ giả tâm duyên hà trụ 。

Phật cáo thắng
Thiên vương ngôn 。

Đại vương 。

[có thể biết được đường đi, không phải đường đi, như thế, thì tâm vin vào đâu để
trụ? Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương,](#)

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜心正不亂。何以故。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật tâm chính bất loạn 。

hà dĩ
cố 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tâm chính, không loạn. Vì sao?](#)

善念身念受念心念法。菩薩摩訶薩。

thiện niệm thân niệm thọ niệm tâm niệm Pháp 。

Bồ-tát Ma-Ha tát
。

[Vì khéo niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp. Bồ-tát Ma-ha-tát,](#)

凡所遊行城邑聚落聞利養名。

phàm sở du hành thành ấp tụ lạc văn lợi dưỡng danh 。

[hễ đi đến thành ấp, xóm làng, nghe điều lợi dưỡng,](#)

如佛戒說煩惱繫縛善自憶念。大王。

như Phật giới thuyết thiền não hệ phọc thiện tự ức niệm 。 Đại vương 。

thì giống như Phật răn dạy, khéo tự ghi nhớ sự trói buộc của thiền não. Đại vương,

云何菩薩摩訶薩行般若波羅蜜念身。與身相應惡不善法。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật niệm thân 。 dữ thân tương ứng ác bất thiện Pháp 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, niệm thân như thế nào? Pháp ác, bất thiện tương ứng với thân,

以如實智悉遠離之觀身過失。始自足底乃至頭頂。

dĩ như thực trí tất viễn li chi quán thân quá thất 。 thủy tự túc để nãi chí đầu đỉnh 。

dùng Như thực trí tất được xa lìa. Xét lỗi của thân, bắt đầu từ dưới chân cho đến đỉnh đầu.

此身無我無常敗壞。但以筋脈共相連持。

thử thân vô ngã vô thường bại hoại 。

Thân này không ngã, không thường, hư hoại; chỉ là gân, mạch gìn giữ lẫn nhau;

腥臊臭穢色惡可惡所不喜見。

tinh tao xú uế sắc ác khả ác sở bất hỉ kiến 。

tanh hôi, xú uế, sắc ố, đáng ghét, không muốn nhìn thấy.

如是觀己身中貪欲悉不復生不起身我。以是因緣相應善法皆悉隨順。

như thị quán kỷ thân trung tham dục tất bất phục sinh bất khởi thân ngã 。

Xét tham dục trong thân mình như thế nhất định không còn sinh khởi lại ngã của thân. Nhờ nhân duyên này, các pháp lành tương ứng đều được tùy thuận.

云何菩薩摩訶薩行般若波羅蜜念受。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật niệm thọ 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, niệm thọ như thế nào?](#)

作是思惟。諸受皆苦。顛倒眾生妄起樂相。

tác thị tư duy 。

chư thọ giai khổ 。

điên đảo chúng sinh vọng khởi lạc tướng 。

[Suy nghĩ thế này: Các thọ đều khổ, chúng sinh điên đảo, lầm khởi tướng vui.](#)

凡夫愚癡以苦為樂。聖人但說一切皆苦。

phàm phu ngu si dĩ khổ vi lạc 。

Thánh nhân đản thuyết nhất thiết giai khổ 。

[Phàm phu ngu si cho khổ là vui. Thánh nhân chỉ nói tất cả đều khổ;](#)

勤修精進為斷滅故。亦教餘人修學此法。

tinh siêng tu tinh tấn vi đoạn diệt cố 。

diệc giáo dư nhân tu học thử Pháp 。

[siêng tu, tinh tấn để diệt trừ, cũng còn dạy người khác tu học pháp này.](#)

作是觀已恒自念受。不隨受行修行斷受亦令他學。

tác thị quán dĩ hằng tự niệm thọ 。

bất tùy thọ hành tu hành đoạn thọ diệc lệnh tha học 。

[Quán như vậy xong, luôn tự niệm thọ, không hành theo thọ, tu hành đoạn thọ, cũng khiến người khác học.](#)

云何菩薩摩訶薩行般若波羅蜜念心。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật niệm tâm 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, niệm tâm như thế nào?](#)

作是思惟。此心無常而謂常住。於苦謂樂。

tác thị tư duy 。 thử tâm vô thường nhi vị thường trụ 。 ư khổ vị lạc 。

Suy nghĩ thế này: Tâm này không thường mà cho là thường trụ; với khổ, cho là vui;

無我謂我不淨謂淨。數動不住速疾轉易。

vô ngã vị ngã bất tịnh vị tịnh 。

sổ động bất trụ tốc tạt chuyển dịch 。

vô ngã, cho là ngã; bất tịnh, cho là tịnh; thường động, không yên, thay đổi nhanh chóng;

結使根本諸惡趣門。煩惱因緣壞滅善道。

kết sử căn bản chư ác thú môn 。

phiền não nhân duyên hoại diệt thiện đạo 。

căn bản các kết sử là cửa của các đường ác; phiền não là nhân duyên hoại diệt đường lành.

是不可信貪瞋癡主。一切法中心為上首。

thị bất khả tín tham sân si chủ 。

nhất thiết Pháp trung tâm vi thượng thủ 。

Vì thế không thể tin tham, sân, si là chủ. Trong tất cả các pháp, tâm đứng đầu.

若善知心悉解眾法。種種世間皆由心造。心不自見。

nhược thiện tri tâm tất giải chúng Pháp 。

chủng chủng thế gian giai do tâm tạo 。

tâm bất tự kiến 。

Nếu khéo biết tâm, tất hiểu các pháp, đủ loại thế gian đều do tâm tạo. Tâm không tự thấy.

若善若惡悉由心起。心性迴轉如旋火輪。

nhược thiện nhược ác tất do tâm khởi 。

tâm tính hồi chuyển như toàn hỏa luân 。

Dù thiện dù ác, đều do tâm khởi. Tâm tính quay tròn giống như vòng lửa,

易轉如馬能燒如火暴起如水。作如是觀於念不動。

dịch chuyển như mã năng thiêu như hỏa bạo khởi như thủy
。 tác như thị quán ư niệm bất động 。

di chuyển như ngựa, thiêu đốt như lửa, bộc khởi như nước. Quán sát như vậy,
không động ở niệm,

不隨心行。令心隨己。若能伏心則伏眾法。

bất tùy tâm hành 。

lệnh tâm tùy kỷ 。

nhược năng phục tâm tác
phục chúng Pháp 。

không hành theo tâm, khiến tâm theo mình. Nếu có thể điều phục tâm tức điều
phục được các pháp.

云何菩薩摩訶薩行般若波羅蜜念法。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật niệm Pháp 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, niệm pháp như thế nào?

惡不善法能如實知。

ác bất thiện Pháp năng như thực tri 。

Thường biết như thực pháp ác, bất thiện,

所謂貪欲瞋恚愚癡及餘煩惱而修對治。貪欲對治。瞋恚對治。

sở vị tham dục sân khuể ngu si cập dư phiền não nhi tu đối trị 。

tham dục đối trị 。

sân khuể đối trị 。

tức tham dục, sân giận, ngu si và các phiền não khác, để tu đối trị. Đối trị tham
dục, đối trị sân giận,

愚癡對治如是知己。即迴起念不行彼法亦令他離。

ngu si đối trị như thị tri dĩ 。

tức hồi khởi niệm bất hành bỉ Pháp
diệc lệnh tha ly 。

đối trị ngu si, biết như thế rồi, thì lại khởi niệm: không hành pháp kia, cũng khiến người khác xa rời.

云何菩薩摩訶薩行般若波羅蜜於境起念。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật ư cảnh khởi niệm
。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, khởi niệm đối với cảnh như thế nào?

若見色聲香味觸作是思惟。

nhược kiến sắc thanh hương vị xúc tác thị tư duy 。

Nếu thấy sắc, thanh, hương, vị, xúc thì suy nghĩ thế này:

云何於彼不真實法而生貪愛。

vân hà ư bỉ bất chân thực Pháp nhi sinh tham ái 。

Đối với pháp không chân thực kia sao lại sinh tham ái?

此乃凡夫愚癡所著即是不善。如世尊說愛即生著著即迷惑。

thử nãi phàm phu ngu si sở trú tức thị bất thiện 。

như Thế Tôn thuyết ái tức sinh trú trú tức mê hoặc 。

Đây là cái phàm phu ngu si đeo bám, tức là bất thiện. Như Thế Tôn nói, ái tức sinh đeo bám, đeo bám tức sinh mê mờ.

迷故不知善法惡法。以是因緣生於惡趣。菩薩摩訶薩。

mê cố bất tri thiện Pháp ác Pháp 。

dĩ thị nhân duyên sinh ư ác thú 。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。

Vì mê nên không biết pháp lành, pháp ác. Vì nhân duyên này nên sinh vào đường ác. Bồ-tát Ma-ha-tát,

自不漏失不著境界令他亦爾。大王。

tự bất lậu thất bất trú cảnh giới lệnh tha diệc nhĩ 。

Đại vương 。

tự mình không để thất thoát, không đeo bám cảnh giới, cũng làm cho người khác như thế. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜阿蘭若念。作是思惟。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật a lan nhược niệm 。 tác thị tư duy 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, niệm A-lan-nhã, suy nghĩ thế này:

阿蘭若者。是無諍人之所住處寂靜住處。

a lan nhược giả 。 thị vô tránh nhân chi sở trụ xử tịch tĩnh trụ xử 。

A-lan-nhã là chỗ ở vắng lặng của người không thích chuyện hơn thua.

於此處中。天龍夜叉他心智人。

ư thử xử trung 。 Thiên Long Dạ-xoa tha tâm trí nhân 。

Ở nơi này, Trời, rồng, Dạ-xoa, người có Tha tâm trí,

悉能知我心心數法。不應於此起邪思惟。

tất năng tri ngã tâm tâm số Pháp 。 bất ứng ư thử khởi tà tư duy 。

tất cả đều biết rõ tâm, tâm số pháp của mình. Không nên ở nơi này khởi suy nghĩ tà vậy;

即得捨離於法正憶勤修行之。大王。

tức đắc xả ly ư Pháp chính ức tinh siêng tu hành chi 。

liền được lìa bỏ, nhớ nghĩ đúng đắn các pháp mà siêng năng tu hành. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜作是思惟。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật tác thị tư duy 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, suy nghĩ thế này:

城邑聚落非出家人所可行處則不應往。所謂酤酒姪女。

thành ấp tụ lạc phi xuất gia nhân sở khả hành xứ tắc bất ứng
vãng 。 sở vị cô tửu dâm nữ 。

Thành ấp, xóm làng không phải là nơi người xuất gia có thể tu hành, tức không
nên đến; đó là nơi bán rượu, dâm nữ,

王城博弈歌舞之處悉遠離之。大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Vương thành bách dịch ca vũ chi xứ tất viễn li chi 。 Đại vương 。 Bồ-
tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

king thành, đánh bạc, ca múa, đều phải tránh xa. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát

聞利養名起正憶念作是思惟。

văn lợi dưỡng danh khởi chính ức niệm tác thị tư duy 。

nghe điều lợi dưỡng thì khởi niệm nhớ tưởng chân chính, suy nghĩ thế này:

為生施福故受此財。不由貪愛受。不出內生長子息。

vi sinh thí phúc cố thọ thử tài 。 bất do tham ái thọ 。 bất xuất
nội sinh trường tử tức 。

Vì tạo phước bố thí nên nhận tiền của này, không nhận vì tham ái, không dùng
để nuôi nấng con cái trong nhà,

不言我財。一切貧窮普皆周給。

bất ngôn ngã tài 。 nhất thiết bản cùng phổ giai châu cấp 。

không bảo là tiền của ta, tất cả những người bản cùng đều chu cấp hết.

如是行者人所讚歎。終不計我及以我所。復作是念。

như thị hành giả nhân sở tán thán 。 chung bất kế ngã cập dĩ ngã sở
。 phục tác thị niệm 。

Người thực hành như vậy được người khen ngợi, không bao giờ nghĩ đến mình,
đến cái của mình. Lại suy nghĩ thế này:

人皆稱我惠施名聞。世間無常須臾磨滅。

nhân giai xưng ngã huệ thí Danh-Văn 。 thế gian vô thường tu du ma diệt 。

Người đời đều cho ta nổi tiếng thi ơn; nhưng thế gian vô thường, mất trong phút chốc.

云何智人無常無實不恒無主。

vân hà trí nhân vô thường vô thực bất hằng vô chủ 。

Làm sao người trí, đối với cái không thường, không thực, không lâu dài, không chủ,

隨彼而行起我我所大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

tùy bỉ nhi hành khởi ngã ngã sở Đại vương 。 Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

lại nương theo đó mà hành, mà khởi ngã, ngã sở. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

於佛世尊所說念戒作是思惟。過去諸佛皆學此戒。

ư Phật Thế Tôn sở thuyết niệm giới tác thị tư duy 。 quá khứ chư Phật giai học thủ giới 。

đối với niệm Giới mà Phật Thế Tôn thuyết, suy nghĩ thế này: Chư Phật quá khứ đều học giới này,

成無上道得至涅槃。當來諸佛現在亦爾。

thành vô thượng đạo đắc chí Niết-Bàn 。 đương lai chư Phật hiện tại diệt nhĩ 。

thành đạo Vô thượng, đạt đến Niết-bàn; chư Phật hiện tại, vị lai cũng vậy.

如是知己精進勤修。大王。

như thị tri dĩ tinh tấn tinh siêng tu 。

Biết như vậy rồi, cố gắng, siêng tu. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。為化眾生及以自身。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 vì hóa chúng sinh cập dĩ tự thân 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, vì hóa độ chúng sinh cho đến chính mình,

少欲知足著糞掃衣。心常清潔信力堅固。寧失身命於戒不犯。

thiểu dục tri túc trú phẩn tảo y 。 tâm thường thanh khiết tín lực kiên cố 。 nình thất thân mạng ư giới bất phạm 。

ít muốn, biết đủ, mặc y phẩn tảo, tâm thường trong sạch, sức tin kiên cố, thà mất thân mạng chứ không phạm giới,

心離高慢遊行城邑不恥弊衣。

tâm ly cao mạn du hành thành ấp bất sỉ tệ y 。

tâm lìa cao mạn, đi nơi phố, làng, không thẹn vì áo rách;

遠離懈怠常修精進。所作未辦終不中息。

viễn li giải đãi thường tu tinh tấn 。 sở tác vị辦 chung bất trung tức 。

xa rời biếng nhác, thường tu tinh tấn, việc làm chưa xong, không bao giờ dừng lại nửa chừng.

於糞掃衣不見過患。朽故弊壞終無輕鄙但取其德。

ư phẩn tảo y bất kiến quá hoạn 。 hủ cố tệ hoại chung vô khinh bỉ đãn thủ kỳ đức 。

Đối với y phẩn tảo, không thấy lỗi lầm, lo lắng; vì cũ nên hư rách, vẫn không chê bỏ, chỉ giữ gìn đức của mình.

夫離欲者乃服此衣。如來所讚息慳貪著。

phu ly dục giả nãi phục thử y 。 Như Lai sở tán tức khan tham trước 。

Thường người ly dục mà mặc y này, được Như Lai tán thán, dứt được keo kiệt, tham đắm;

亦不自讚我能服此。於他不服終無毀言。

diệc bất tự tán ngã năng phục thử y 。 ư tha bất phục chung vô hủy ngôn 。

cũng không tự khen mình có thể mặc y này; đối với người không mặc, vẫn không có lời hủy báng.

如此行人諸天禮敬。佛所讚歎菩薩護持。

như thử hành nhân chư Thiên lễ kính 。

Người hành như vậy, chư Thiên kính lễ, được Phật khen ngợi, Bồ-tát hộ trì,

婆羅門刹利皆悉禮敬。大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bà-la-môn sát lợi giai tất lễ kính 。

Bà-la-môn, Sát-lợi, thầy đều kính lễ. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

如是修清淨行。爾時勝天王白佛言。世尊。

như thị tu thanh tịnh hành 。

tu hạnh thanh tịnh như thế. Bấy giờ, Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn,

高行菩薩能行般若波羅蜜。何用著糞掃衣。

cao hành Bồ-tát năng hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Cao hành có thể hành Bát-nhã ba-la-mật, sao còn dùng y phần tảo?

佛告勝天王言。諸大菩薩將護世人。何以故。

Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。 chư Đại Bồ-tát tướng hộ thế nhân 。 hà dĩ cố 。

[Phật bảo Thắng Thiên Vương: Chư Bồ-tát muốn hộ trì thế gian. Vì sao?](#)

世間眾生樂見不同。大王。於意云何。

thế gian chúng sinh lạc kiến bất đồng 。 Đại vương 。 ư ý vân hà 。

[Vì cái thấy của chúng sinh thế gian về lạc không giống nhau. Đại vương, ý ông thế nào?](#)

菩薩高行何如世尊。勝天王言。

Bồ-tát cao hành hà như Thế Tôn 。 thắng Thiên vương ngôn 。

[Bồ-tát Cao hành giống với Thế Tôn như thế nào? Thắng Thiên Vương nói:](#)

百千萬億恒河沙分算數譬喻不及其一。何以故。如來世尊。

bách thiên vạn ức hằng hà sa phân toán số thí dụ bất cập kỳ nhất 。 hà dĩ cố 。 như lai thế tôn 。

[Trăm ngàn vạn ức hằng hà sa phần, tính toán, ví dụ không bằng một phần. Vì sao? Như Lai Thế Tôn](#)

是大法王一切種智。無有一法而不照了。大王。

thị Đại Pháp Vương nhất thiết chủng trí 。 vô hữu nhất Pháp nhi bất chiếu liễu 。

[là Đại Pháp vương, Nhất thiết chủng trí, không một pháp nào không chiếu suốt. Đại vương,](#)

於意云何。諸佛如來於四天下。

ư ý vân hà 。 chư Phật như lai ư tứ Thiên hạ 。

[ý ông thế nào? Chư Phật Như Lai, đối với](#)

天龍夜叉人非人中示現苦行。

Thiên Long Dạ-xoa nhân phi nhân trung thị hiện khổ hành 。

Trời, rồng, Dạ-xoa, người, phi nhân ở bốn Đại châu, thị hiện khổ hạnh

及以讚歎頭陀功德此何所為。王言世尊。為欲教化可度眾生。

cập dĩ tán thán Đầu-đà công đức thử hà sở vi 。

Vương ngôn Thế Tôn 。

vi dục giáo hóa khả độ chúng sinh 。

cho đến tán thán công đức Đầu-đà, việc này để làm gì? Vương nói: Thế Tôn, vì muốn giáo hóa những chúng sinh có thể độ,

及初發意諸菩薩等。未斷煩惱為說對治。佛言。

cập sơ phát ý chư Bồ-tát đẳng 。

vì đoạn phiền não vi thuyết đối trị 。

Phật ngôn 。

và các Bồ-tát mới phát tâm, vẫn vẫn; vì người chưa dứt phiền não, nói pháp đối trị. Phật dạy:

如是如是。大王。高行菩薩著糞掃衣亦復如是。

như thị như thị 。

Đại vương 。

cao hành Bồ-tát trú phần tảo y diệp phục như thị 。

Đúng vậy, đúng vậy. Đại vương, Bồ-tát Cao hành mặc y phần tảo cũng lại như thế.

是故菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

thị cố Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Cho nên Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

多有方便利益眾生。大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

đa hữu phương tiện lợi ích chúng sinh 。

Đại vương 。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

có nhiều phương tiện, lợi ích chúng sinh. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

示現世間但畜三衣。何以故。

thị hiện thế gian đăn súc tam y 。 hà dĩ cố 。

thị hiện ở thế gian, chỉ dùng ba y. Vì sao?

心知足故更不多求即是少欲。不求索故無所積聚。

tâm tri túc cố canh bất đa cầu tức thị thiếu dục 。 bất cầu tác cố vô sở tích tụ 。

Vì tâm biết đủ, lại không cầu nhiều, đó là thiếu dục; vì không tìm cầu nên không tích tụ.

既不積聚則無喪失。無喪失故則不生苦。

ký bất tích tụ tắc vô tang thất 。 vô tang thất cố tắc bất sinh khổ 。

Đã không tích tụ thì không có mất, vì không mất nên không sinh khổ.

苦不生故即離諸惱。離諸惱故則無所著。

khổ bất sinh cố tức ly chư não 。 ly chư não cố tắc vô sở trú 。

Vì khổ không sinh nên lìa các phiền não; vì lìa các phiền não nên không dính mắc;

無所著故是為漏盡。大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

vô sở trú cố thị vi lậu tận 。 Đại vương 。 Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

vì không dính mắc nên hết lậu hoặc. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

利益眾生故。入城邑聚落持鉢乞食。何以故。

lợi ích chúng sinh cố 。 nhập thành ấp tụ lạc trì bát khát thực 。 hà dĩ cố 。

vì làm lợi ích chúng sinh cho nên trì bát vào thành, ấp, xóm, làng xin ăn. Vì sao?

菩薩摩訶薩大悲熏心。如實觀察貧苦眾生。

Bồ-tát Ma-Ha tát Đại bi huân tâm 。 như thực quan sát bần khổ chúng sinh 。

Vì Bồ-tát Ma-ha-tát tâm ướp Đại bi, quán sát như thực chúng sinh nghèo khổ,

令得富樂受彼供養。

lệnh đắc phú lạc thọ bĩ cung dưỡng 。

khiến được giàu vui, nên nhận sự cúng dường của họ.

若入邑聚威儀齊整心正不亂。善攝諸根前視六尺。

nhược nhập ấp tụ uy nghi tề chỉnh tâm chính bất loạn 。

thiền nhiếp chư căn tiền thị lục xích 。

Nếu vào làng xóm, oai nghi chỉnh tề, tâm chính, không loạn, khéo nhiếp các căn, chỉ nhìn phía trước sáu thước,

雙犁輓地如法乞食。次第而往不越貧家。

song lê ách địa như Pháp khát thực 。

thứ đệ nhi vãng bất việt bần gia 。

bước thẳng như đường cày, khát thực đúng pháp, lần lượt đi qua, không bỏ nhà nghèo,

以量受食終不長取。於所得中更開一分擬施供養。何以故。

dĩ lượng thọ thực chung bất trường thủ 。

ư sở đắc trung canh khai nhất phân nghĩ thí cung dưỡng 。

hà dĩ cố 。

thọ thực đúng lượng, không hề giữ lâu. Các thứ nhận được, lại lấy một phần, bố thí cúng dường. Vì sao?

信施難銷為生福故。大王。

tín thí nan tiêu vi sinh phúc cố 。

Đại vương 。

Tín thí khó tiêu vì sinh phước đức. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。但一坐食而不移動。何以故。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 đăn nhất tọa thực nhi bất di động 。 hà dĩ cố 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, chỉ ăn một chỗ, mà không di chuyển.
Vì sao?

一坐道場魔來惱亂亦不移動。出世禪定般若闍那。

nhất tọa đạo trường ma lai não loạn diệc bất di động 。 xuất thế Thiền định bát nhã đồ na 。

Khi đã ngồi vào đạo trường, Ma đến não loạn, cũng không di động. Thiền định xuất thế, Trí Bát-nhã,

空一切法如實聖道。實際如如一切種智。

không nhất thiết Pháp như thực Thánh đạo 。 thực tế như như nhất thiết chủng trí 。

Nhất thiết pháp Không, Thánh đạo như thực, Thật tế, Như như, Nhất thiết chủng trí;

於此諸法悉不移動。何以故。

ư thử chư Pháp tất bất di động 。 hà dĩ cố 。

với các pháp này, đều không di động. Vì sao?

薩婆若法是一坐得。是故行一坐食。大王。

tát bà nhược Pháp thị nhất tọa đắc 。 thị cố hành nhất tọa thực 。

Pháp Nhất thiết trí đắc được ở cùng một chỗ; vì thế, thực hành chỉ ăn một chỗ.
Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。以方便力如是示現乞食。大王。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 dĩ phương tiện lực như thị thị hiện khát thực 。 Đại vương 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng lực phương tiện, thị hiện khát thực như thế. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。學阿蘭若行。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 học a lan nhược hành 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, học hạnh A-lan-nhã;

所謂常修梵行。於諸根中不起過失。

sở vị thường tu phạm hành 。 ở chư căn trung bất khởi quá thất 。

tức là thường tu phạm hạnh, ở nơi các căn, không khởi làm lỗi,

深樂多聞力堪修行離我怖畏。不計著身常行寂靜。

thâm lạc đa văn lực kham tu hành ly ngã bố úy 。 bất kế trú thân thường hành tịch tĩnh 。

rất thích nghe nhiều, sức chịu được sự tu hành, lìa ngã, bố úy, không kể đến thân, thường hành tịch tĩnh.

菩薩摩訶薩。正法中出家。持三輪淨戒善知法相。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。 chính Pháp trung xuất gia 。 trì tam luân tịnh giới thiện tri Pháp tướng 。

Bồ-tát Ma-ha-tát, xuất gia trong Chính pháp, giữ Tam luân tịnh giới, biết rõ Pháp tướng;

如來所說為少壯老。三種人戒悉能了達。

Như Lai sở thuyết vi thiếu tráng lão 。 tam chủng nhân giới tất năng liễu đạt 。

giới được Như Lai thuyết cho ba hạng người thiếu niên, trung niên, lão niên, đều có thể liễu đạt;

不隨外緣自心思量。訶毀世法讚歎出世。

bất tùy ngoại duyên tự tâm tư lường 。 ha hủy thế Pháp tán thán xuất thế 。

không theo ngoại duyên, tự tâm suy lường, hủy bỏ thế pháp, tán thán xuất thế,

調伏諸根不緣惡境。於阿蘭若居無難處。

điều phục chư căn bất duyên ác cảnh 。 ở a lan nhược cư vô nan xử 。

điều phục các căn, không duyên cảnh ác, ở A-lan-nhã, sống nơi không có hiểm nạn;

聚落乞食不遠不近。

tụ lạc khát thực bất viễn bất cận 。

làng xóm khát thực, không xa, không gần,

有清泉水盥洗便易林木華果。無惡禽獸巖穴寂靜。

hữu thanh thủy quán tẩy tiện dịch lâm mộc hoa quả 。

vô ác cầm thú nham huyết tịch tĩnh 。

có nước suối trong, rửa ráy tiện lợi, hoa trái cây rừng, không có cầm thú dữ, hang động vắng lặng,

空閑罕人而為居止。所曾聞法日夜三時勤加讀誦。

không nhàn hãn nhân nhi vi cư chỉ 。

sở tăng văn Pháp nhật dạ tam thời tinh cần gia độc tụng 。

không tịch ít người, mà làm nơi ở. Pháp từng được nghe, ngày đêm ba thời, chuyên cần đọc tụng,

tiếng không quá cao, cũng không quá thấp, tâm không duyên ngoài, nhất niệm trì tụng, thường để trong lòng.

若婆羅門剎利來至阿蘭若處當喚令坐。

nhược Bà-la-môn sát lợi lai chí a lan nhược xử đương hoán lệnh tọa 。

Nếu Bà-la-môn, Sát-lợi, đến A-lan-nhã, thì nên mời ngồi.

彼或不肯慫懃加勸。

bỉ hoặc bất khảng ân cần Gia khuyến 。

Nếu họ không chịu thì ân cần khuyến khích,

觀此眾生隨其根性即為說法。令得歡喜信受修行。

quán thử chúng sinh tùy kỳ căn tính tức vi thuyết Pháp 。

lệnh đắc hoan hỷ tín thọ tu hành 。

quán chúng sinh này, tùy theo căn tính, vì họ nói pháp, khiến được hoan hỷ, tín thọ, tu hành.

如是具足善巧方便即離我心。以無我故於阿蘭若不生怖畏。

như thị cụ túc thiện xảo phương tiện tức ly ngã tâm 。

dĩ vô ngã cố ư a lan nhược bất sinh bố úy 。

Có đầy đủ phương tiện thiện xảo như vậy, tức là Ngã tâm. Vì vô ngã nên sống ở A-lan-nhã mà không sinh lo sợ.

離怖畏故樂行寂靜。菩薩摩訶薩。 。

Li Bố Úy úy cố lạc hành tịch tĩnh 。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。

Vì lìa lo sợ nên vui hành tịch tĩnh. Bồ-tát Ma-ha-tát,

如是以方便力示阿蘭若行。大王。

như thị dĩ phương tiện lực kì a lan nhược hành 。

Đại vương 。

dùng lực phương tiện để thị hiện hạnh A-lan-nhã như thế. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。善能觀行作是思惟。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 thiện năng quán hành tác thị tư duy 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, thường khéo hành Quán, suy nghĩ thể này:

世間之中一切飲食清淨香潔。

thế gian chi trung nhất thiết ẩm thực thanh tịnh hương khiết 。

Ở thế gian, tất cả đồ ăn uống sạch sẽ, thơm tho,

身火所觸即成不淨爛壞臭處。一切凡夫愚癡無智。愛著此身及以飲食。

thân hỏa sở xúc tức thành bất tịnh lạn hoại xú xử 。

nhất thiết phàm phu ngu si vô trí 。

ái trú thử thân cập dĩ ẩm thực 。

thân nhiệt chạm vào, tức thành hư thối bất tịnh; tất cả phàm phu ngu si vô trí, yêu đắm thân này, mới dùng đồ ăn, thức uống.

若依聖智如實觀察。即生穢惡不可樂著。

nhược y Thánh trí như thực quan sát 。

tức sinh uế ác bất khả lạc trú 。

Nếu theo Thánh trí, quán sát như thực, tức sinh chán ghét, không thể ưa đắm.

大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。作是思惟。

Đại vương 。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

tác thị tư duy 。

Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, suy nghĩ thể này:

多行瞋恚則起惡業。我今當離直心趣道。

đa hành sân khuể tác khởi ác nghiệp 。

ngã kim đương ly trực tâm thú đạo 。

Hành nhiều sân giận, tức khởi nghiệp ác. Ta nay nên liả bỏ, tâm thẳng hướng đến đạo,

真實思惟非徒口說。大王。

chân thực tư duy phi đồ khẩu thuyết 。 Đại vương 。
suy nghĩ chân thực, không chỉ nói suông. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜作是思惟。若法有生即是因緣。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật tác thị tư duy 。 nhược Pháp hữu sinh tức thị nhân duyên 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, suy nghĩ thế này; nếu pháp có sinh, tức là nhân duyên.

法之因緣又從緣起。

Pháp chi nhân duyên hữu tòng duyên khởi 。

Nhân duyên của pháp lại từ duyên khởi.

云何智人於此虛妄因緣生法而作罪失。菩薩身中有障善法即自斷除。

vân hà trí nhân ư thử hư vọng nhân duyên sinh Pháp nhi tác tội thất 。

Bồ-tát thân trung hữu chướng thiện Pháp tức tự đoạn trừ 。

Làm sao người trí vì pháp duyên sinh hư vọng mà tạo tội lỗi. Trong thân Bồ-tát nếu có chướng ngại thiện pháp tức tự đoạn trừ.

若不能斷他障善法。心即生捨不起無明。

nhược bất năng đoạn tha chướng thiện Pháp 。

tâm tức sinh xả bất khởi vô minh 。

Nếu không thể đoạn chướng ngại thiện pháp đó, tâm liền sinh xả, không khởi vô minh.

云何名障善法。不恭敬佛法僧淨戒不敬同學。

vân hà danh chướng thiện Pháp 。 bất cung kính Phật Pháp tăng tịnh
giới bất kính đồng học 。

Thế nào gọi là chướng ngại thiện pháp? Không cung kính Phật Pháp Tăng,
không kính người cùng học,

老少幼小自高降彼。趣向五欲背捨涅槃。

lão thiếu ấu tiểu tự cao hàng bỉ 。 thú hướng ngũ dục bối xả
Niết-Bàn 。

đối với già trẻ nhỏ bé, tự cao khinh họ, hướng đến năm dục, quay lưng Niết-bàn,

而起我見眾生見命見人見。

nhi khởi ngã kiến chúng sinh kiến mạng kiến nhân kiến 。

mà khởi ngã kiến, chúng sinh kiến, mạng kiến, nhân kiến;

執空起斷見執有起常見。遠離賢聖親近凡夫。

chấp không khởi đoạn kiến chấp hữu khởi thường kiến 。

viễn li
hiền Thánh thân cận phàm phu 。

chấp không nên khởi đoạn kiến, chấp có nên khởi thường kiến. Xa rời hiền thánh,
gần gũi phàm phu,

捨持戒人依破禁者。親附惡友遠善知識。

xả trì giới nhân y phá cấm giả 。

thân phụ ác hữu viễn thiện tri
thức 。

bỏ người giữ giới, nương người phá giới, thân gần bạn ác, xa Thiện tri thức.

聞甚深法即生毀謗。威儀不整口無辯說。

văn thậm thâm Pháp tức sinh hủy báng 。

uy nghi bất chỉnh khẩu
vô biện thuyết 。

Nghe pháp sâu xa liền sinh hủy báng, oai nghi không tề chỉnh, miệng nói không
rõ ràng,

煩惱覆心具足諂曲。貪著利養生五種慢。一姓貴。二種族。

phiền não phúc tâm cụ túc siểm khúc 。 tham trước lợi dưỡng sinh
ngũ chủng mạn 。 nhất tính quý 。 nhị chủng tộc 。

phiền não che tâm, đầy đầy nịnh hót, tham đắm lợi dưỡng, sinh năm thứ mạn:
một là dòng họ cao quý, hai là chủng tộc,

三見勝。四國土。五徒眾。見惡則助遇善而捨。

tam kiến thắng 。 tứ quốc thổ 。 ngũ đồ chúng 。 kiến ác tắc trợ
ngộ thiện nhi xả 。

ba là kiến thức rộng, bốn là quốc độ, năm là đồ chúng. Thấy ác liền giúp, gặp
thiện thì tránh,

讚歎女人童稚外道。不樂阿蘭若行。

tán tán nữ nhân đồng trĩ ngoại đạo 。 bất lạc a lan nhược hành 。

tán tán nữ nhân, đồng ấu, ngoại đạo, không thích hạnh A-lan-nhã,

不解節食不親近師。雖復讀誦不知時節。

bất giải tiết thực bất thân cận sư 。

tuy phục độ tụng bất tri thời tiết
。 không biết ăn uống điều độ, không gần gũi thầy, tuy có đọc tụng nhưng không
biết giờ giấc.

若見善法亦復不生少尊重心。

nhược kiến thiện Pháp diệc phục bất sinh thiểu tôn trọng tâm 。

Nếu thấy thiện pháp cũng không hề sinh tâm tôn trọng.

見惡不怖如象無鉤馬無轡勒放逸不制。喜起瞋忿不生慈心。

kiến ác bất phở như tượng vô câu mã vô bí lạc phóng dật bất
chế 。

hĩ khởi sân phẫn bất sinh từ tâm 。

Thấy ác không sợ, như voi không móc, ngựa không cương, buông thả không kèm
chế, thích khởi sân giận, không sinh tâm Từ.

見苦不悲遇病不視於死不怖。

kiến khổ bất bi ngộ bệnh bất thị ư tử bất phố 。

Thấy khổ không thương, gặp bệnh chẳng nhìn, thấy chết không sợ.

在火聚中不求免出。應作不作不能量忖。難思而察非望而求。

tại hỏa tụ trung bất cầu miễn xuất 。

Ở trong đống lửa, không cầu ra khỏi, việc nên làm không làm, không thể nghĩ suy; điều khó nghĩ lại quán sát, không đáng mong lại tìm cầu.

不出謂出非路謂路。未得謂得遠大善法。

bất xuất vị xuất phi lộ vị lộ 。

Không ra khỏi cho là ra khỏi, không phải đường đi cho là đường đi, chưa đắc cho là đắc, xa thiện pháp lớn,

毀訾大乘讚歎小道。毀大乘人讚彼小學。

hủy 訾 Đại thừa tán thán tiểu đạo 。

hủy báng Đại thừa, tán thán Tiểu đạo, chê người Đại thừa, khen người học Tiểu đạo kia,

多樂鬪亂惡口麤言。心無慈悲令他怖畏。

đa lạc đấu loạn ác khẩu thô ngôn 。

vui thích tranh loạn, nói lời thô ác, tâm không từ bi, khiến người sợ hãi,

出言麤鄙語無一實。樂著戲論而不捨離。大王。

xuất ngôn thô bỉ ngữ vô nhất thực 。

xuất ngôn thô bỉ, không một lời thật, tham trước hý luận không chịu lìa bỏ. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。如是等事名障善法。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 như thị đẳng sự danh chương thiện Pháp 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, những việc như vậy gọi là chương ngại thiện pháp.

大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Đại vương 。 Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

滅諸戲論修習空行。作是思惟。所觀境界皆悉空無。

diệt chư hí luận tu tập không hành 。 tác thị tư duy 。 sở quán cảnh giới giai tất không vô 。

diệt các hý luận, tu tập hạnh Không, suy nghĩ thế này: Cảnh giới quán sát, tất cả đều Không;

能觀之心亦復如是。無能所觀二種之異。

năng quán chi tâm diệc phục như thị 。 vô năng sở quán nhị chủng chi dị 。

tâm năng quán cũng thế, không có hai loại năng quán, sở quán khác nhau.

諸法一相所謂無相。如是思惟遣內外相。

chư Pháp nhất tướng sở vị vô tướng 。 như thị tư duy khiển nội ngoại tướng 。

Chư pháp một tướng, đó là Vô tướng. Suy nghĩ như vậy, trừ tướng trong, ngoài,

不見身不見心不見法。

bất kiến thân bất kiến tâm bất kiến Pháp 。

không thấy thân, không thấy tâm, không thấy pháp.

次第相續修奢摩他毘婆舍那。毘婆舍那如實見法。

thứ đệ tương tục tu xa ma tha ù bà xá na 。 ù bà xá na như thực kiến Pháp 。

Lần lượt tương tục tu tập Chỉ Quán. Quán là thấy pháp như thực;

奢摩他者一心不亂。菩薩如是修觀行已即得淨戒。

xa ma tha giả nhất tâm bất loạn 。

Bồ-tát như thị tu quán hành dĩ tức đắc tịnh giới 。

Chỉ là nhất tâm bất loạn. Bồ-tát tu Quán hành như vậy xong, tức được giới thanh tịnh.

戒清淨故行亦如是。

giới thanh tịnh cố hành diệc như thị 。

Vì giới thanh tịnh nên hành cũng thế.

是名菩薩摩訶薩行般若波羅蜜觀行清淨。大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật quán hành thanh tịnh 。

Đại vương 。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, hành Quán thanh tịnh. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

護持如來正法之藏聽受正法。

hộ trì Như Lai chính Pháp chi tạng thính thọ chính Pháp 。

hộ trì kho tàng Chính pháp của Như Lai, nghe nhận Chính pháp.

為守護故不為利養。為三寶種不斷故不為恭敬。

vi thủ hộ cố bất vi lợi dưỡng 。

vi Tam Bảo chủng bất đoạn cố bất vi cung kính 。

Vì gìn giữ, chứ không vì lợi dưỡng; vì không để đứt giống Tam bảo, chứ không vì được cung kính;

為擁護大乘行故不為名聞。

vi ủng hộ Đại thừa hành cố bất vi Danh-Văn 。

vì ủng hộ hạnh Đại thừa, chứ không vì tiếng tăm;

為無歸依眾生令得濟拔與安樂故。無慧眼者令得慧眼。

vi vô quy y chúng sinh lệnh đắc tế bạt dữ an lạc cố 。

vô tuệ nhãn giả lệnh đắc tuệ nhãn 。

vì khiến cho chúng sinh không nơi nương tựa được cứu giúp, an lạc; khiến cho người không có mắt Tuệ được mắt Tuệ;

修小乘人示聲聞道。欲行大乘示現大道。

tu Tiểu thừa nhân kì thanh văn đạo 。

dục hành Đại thừa thị hiện Đại đạo 。

vì người tu Tiểu thừa mà chỉ rõ đạo Thanh Văn, người muốn hành Đại thừa mà chỉ rõ đạo lớn.

如是聽法為無上智。終不為得下劣之乘。大王。

như thị thính Pháp vi vô thượng trí 。

chung bất vi đắc hạ liệt chi thừa 。

Đại vương 。

Nghe pháp như vậy là Vô thượng trí, suốt đời không nhằm được Thừa thấp kém. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜善知毘尼。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật thiện tri tỉ ni 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, biết rõ Tỳ-ni.

所謂毘尼及毘尼行。毘尼甚深毘尼微細。

sở vị tỉ ni cập tỉ ni hành 。

tỉ ni thậm thâm tỉ ni vi tế 。

Đó là Tỳ-ni và hạnh Tỳ-ni, Tỳ-ni sâu xa, Tỳ-ni vi tế,

淨與不淨有失無失波羅提木叉。聲聞毘尼菩薩毘尼。大王。

tịnh dữ bất tịnh hữu thất vô thất ba la đề mộc xoa 。 thanh văn
tì ni Bồ-tát tì ni 。 Đại vương 。

thanh tịnh, không thanh tịnh, có mất, không mất, Ba-la-đề-mộc-xoa, Tỳ-ni Thanh
Văn, Tỳ-ni Bồ-tát. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

如是等毘尼皆悉善知。大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

như thị đẳng tì ni giai tất thiện tri 。

những Tỳ-ni như thế đều biết rõ ràng. Đại vương,

善知一切威儀戒行。

thiện tri nhất thiết uy nghi giới hành 。

khéo biết tất cả Giới hành oai nghi,

善學聲聞戒辟支佛戒菩薩戒。既修戒行。若見威儀不稱眾者。

thiện học thanh văn giới Bích chi Phật giới Bồ-tát giới 。

khéo học giới Thanh Văn, giới Phật Bích-chi, giới Bồ-tát; đã tu Giới hành, nếu
thấy những người không xứng oai nghi,

即應遠離非處不行。

tức ứng viễn li phi xử bất hành 。

liền nên tránh xa, chỗ không đúng thì không đến.

若有沙門戒行威儀則應親近。若婆羅門異學餘行勸修毘尼。

nhược hữu Sa Môn giới hành uy nghi tác ứng thân cận 。 nhược Bà-la-môn dị học dư hành khuyến tu tì ni 。

Nếu có Sa-môn, hành Giới oai nghi thì nên thân cận. Nếu Bà-la-môn, học khác, hành khác, thì khuyến tu Tỳ-ni.

如是戒行修之真實。心無巧偽嫉妬即滅。

như thị giới hành tu chi chân thực 。 tâm vô xảo 偽 tật đố tức diệt 。

Tu Giới hành chân thực như vậy, tâm không xảo ngy, đố kỵ tức diệt;

自行布施亦勸他行讚歎布施。見他布施心生隨喜。

tự hành bố thí diệc khuyến tha hành tán thán bố thí 。 kiến tha bố thí tâm sinh tùy hỉ 。

tự hành bố thí, còn khuyến người hành, tán thán bố thí. Thấy người bố thí, tâm sinh hoan hỷ,

不作是念。唯當施我勿與他人。但應思惟。

bất tác thị niệm 。 duy đương thí ngã vật dữ tha nhân 。 đản ứng tư duy 。

không nghĩ rằng: chỉ thí cho ta, đừng cho người khác; mà nên nghĩ rằng:

一切眾生多有所乏飢寒困苦。

nhất thiết chúng sinh đa hữu sở phạp cơ hàn khổn khổ 。

tất cả chúng sinh có nhiều đói lạnh khổn khổ,

願其得財現世安樂。以聞法故後世安樂。

nguyện kỳ đắc tài hiện thế an lạc 。 dĩ văn Pháp cố hậu thế an lạc 。

nguyện cho họ có tiền của, đời này an lạc, nhờ nghe được pháp, đời sau an lạc;

我今應當精進修道。與諸眾生同得出世。是名菩薩無嫉妬心。

ngã kim ứng đương tinh tấn tu đạo 。 dĩ chư chúng sinh đồng đắc xuất thế 。 thị danh Bồ-tát vô tật đố tâm 。

ta nay nguyện sẽ tinh tấn tu đạo, cùng các chúng sinh đều được ra khỏi thế gian.
Như thế gọi là Bồ-tát không có tâm đố kỵ,

於諸眾生皆得平等。若行布施普為眾生。

ư chư chúng sinh giai đắc bình đẳng 。 nhưc hành bố thí phổ vi chúng sinh 。

đối với các chúng sinh đều bình đẳng. Nếu hành bố thí là vì tất cả chúng sinh;

戒忍精進禪定般若。乃至一切種智。無二心修。

giới nhẫn tinh tấn Thiền định bát nhã 。 nãi chí nhất thiết chủng trí 。 vô nhị tâm tu 。

trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, cho đến Nhất thiết chủng trí, không tu hai tâm.

何以故。

hà dĩ cố 。

Vì sao?

所修之法與眾生共念為境界令速成道。於生死火自既出離亦使他出。

sở tu chi Pháp dĩ chúng sinh cộng niệm vi cảnh giới lệnh tốc thành đạo 。 ư sinh tử hỏa tự ký xuất ly diệc sử tha xuất 。

Pháp được tu là cảnh giới của cộng niệm chúng sinh, khiến mau chóng thành đạo. Trong lửa sinh tử, nếu đã tự ra khỏi thì cũng khiến người khác ra khỏi.

譬如長者而有六子。並皆幼稚愛念無偏。

thí như Trưởng-Giả nhi hữu lục tử 。 tịnh giai ấu trĩ ái niệm vô Thiên 。

Ví như trưởng giả, có sáu người con. Tất cả đều trẻ dại, thương nhớ không thiên lệch.

長者在外其宅火起。大王。於意云何。

Trưởng-Giả tại ngoại kỳ trạch hỏa khởi 。 Đại vương 。 ư ý vân hà 。
Trưởng giả ra ngoài, nhà ông bị cháy. Đại vương, ý ông thế nào?

長者作念於此六子先後救不。不也世尊。何以故。

Trưởng-Giả tác niệm ư tử lục tử tiên hậu cứu bất 。 bất dã Thế Tôn 。 hà dĩ cố 。

Trưởng giả có khởi niệm cứu ai trước ai sau trong sáu người con này không?
Không , Thế Tôn. Vì sao?

其父於子心平等故。大王。

kỳ phụ ư tử tâm bình đẳng cố 。 Đại vương 。

Vì người cha này có tâm bình đẳng đối với con. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜亦復如是。凡夫貪著處在六道。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。 phạm phu tham trước xử tại lục đạo 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng thế. Phạm phu tham đắm, sống trong sáu đường,

生死火宅不知出離。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

sinh tử hỏa trạch bất tri xuất ly 。 Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

nhà lửa sinh tử, không biết ra khỏi. Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

以平等心種種方便。誘化令出皆悉安置寂靜界中。

dĩ ình đẳng tâm chủng chủng phương tiện 。 dụ hóa lệnh xuất giai tất an trí tịch tĩnh giới trung 。

dùng tâm bình đẳng, đủ loại phương tiện, giáo hóa, dẫn dắt khiến được ra khỏi, đều được an ổn trong cảnh giới tịch tĩnh.

大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜於法亦等。

Đại vương 。 Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật ư Pháp diệc đẳng 。

Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, đối với pháp cũng bình đẳng.

所謂以法供養如來。種種供具供養如來。

sở vị dĩ Pháp cúng dưỡng Như Lai 。 chủng chủng cung cụ cúng dưỡng Như Lai 。

Đó là dùng Pháp cúng dường Như Lai, đủ loại cúng phẩm, cúng dường Như Lai.

如實修行供養如來。利益安樂一切眾生。

như thực tu hành cúng dưỡng Như Lai 。 lợi ích an lạc nhất thiết chúng sinh 。

Tu hành như thực, cúng dường Như Lai, làm lợi ích an lạc tất cả chúng sinh,

守護一切眾生善法。隨順眾生善能教化。

thủ hộ nhất thiết chúng sinh thiện Pháp 。 tùy thuận chúng sinh thiện năng giáo hóa 。

giữ gìn, hộ trì tất cả thiện pháp của chúng sinh, tùy thuận chúng sinh mà khéo giáo hóa.

行菩薩道行不違言。

hành Bồ-tát đạo hành bất vi ngôn 。

Hành Bồ-tát đạo, hành không trái lời,

心無疲倦求阿耨多羅三藐三菩提。若能如是乃得名為供養諸佛。

tâm vô bì quyện cầu a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 nhược năng như thị nãi đắc danh vi cung dưỡng chư Phật 。

tâm không mệt mỏi, cầu Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Nếu có thể như vậy mới được gọi là cúng dường chư Phật.

不以資生而為供養。何以故。大王。法是佛身。

bất dĩ tư sinh nhi vi cung dưỡng 。 hà dĩ cố 。 Đại vương 。 Pháp thị Phật thân 。

Không lấy tư sinh để mà cúng dường. Vì sao? Đại vương, Pháp là thân Phật.

若供養法即供養佛。大王。諸佛世尊。

nhược cung dưỡng Pháp tức cung dưỡng Phật 。

Nếu cúng dường Pháp tức cúng dường Phật. Đại vương, chư Phật Thế Tôn

皆從如實修行而來。悉為利益安樂眾生。

giai tòng như thực tu hành nhi lai 。 tất vi lợi ích an lạc chúng sinh 。

đều từ tu hành như thực mà đến, đều vì lợi ích an lạc chúng sinh,

護其善法隨順眾生。若不爾者違本誓願。

hộ kỳ thiện Pháp tùy thuận chúng sinh 。 nhược bất nhĩ giả vi bổn thệ nguyện 。

hộ trì thiện pháp của họ, tùy thuận chúng sinh. Nếu không như thế tức trái với thệ nguyện gốc.

懈怠懶惰不能成就菩提之心。何以故。菩薩摩訶薩。

giải đãi lười nọa bất năng thành tựu bồ đề chi tâm 。 hà dĩ cố 。 Bồ-tát Ma-Ha tát 。

Giải đãi, biếng nhác không thể thành tựu tâm Bồ-đề. Vì sao? Vô thượng Chính đẳng Chính giác

阿耨多羅三藐三菩提與眾生共。

a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề dữ chúng sinh cộng 。
của Bồ-tát Ma-ha-tát là của chung chúng sinh.

若無眾生菩薩云何能得菩提。大王。

nhược vô chúng sinh Bồ-tát vân hà năng đắc bồ đề 。 Đại vương 。
Nếu không có chúng sinh, Bồ-tát làm thế nào có thể đắc Bồ-đề. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。
Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

以法供養如來名真供養如是供養拔除我慢。

dĩ Pháp cúng dưỡng Như Lai danh chân cúng dưỡng như thị cúng
dưỡng bạt trừ ngã mạn 。
dùng pháp cúng dường Như Lai, gọi là cúng dường chân thực. Cúng dường như
vậy trừ được ngã mạn.

遠離俗務剃落鬚髮於其父母兄弟親戚。不復相關猶如已死。

viễn li tục vụ thể lạc tu phát ư kỳ phụ mẫu huynh đệ thân
thích 。 bất phục tướng quan do như dĩ tử 。
Xa lìa việc đời, cạo bỏ râu tóc. Đối với cha mẹ, anh em, thân thích, không còn
liên hệ, xem như đã chết.

形狀衣服相貌異常。執持鉢器遊入城郭。

hình trạng y phục tướng mạo dị thường 。 chấp trì bát khí du
nhập thành quách 。
Hình trạng, y phục, tướng mạo khác thường. Cầm bát đi vào thành quách,

至其親里若旃陀羅家。下意乞食作是思念。

chí kỳ thân lý nhược chiên đà la gia 。 hạ ý khát thực tác thị tư
niệm 。

khi đến làng cũ, nếu là nhà Chiên-đà-la thì hạ ý khát thực, suy nghĩ thế này:

我命屬他由彼食活。以是因緣能除我慢。復作念言。

ngã mạng chúc tha do bỉ thực hoạt 。 dĩ thị nhân duyên năng trừ
ngã mạn 。 phục tác niệm ngôn 。

mạng ta thuộc người khác, nhờ thức ăn của họ mới sống được. Nhờ nhân duyên
này, có thể trừ được ngã mạn. Lại khởi niệm rằng:

我今應取師僧尊長。及同學意令彼歡喜。

ngã kim ứng thủ sư tăng tôn trường 。 cập đồng học ý lệnh
bỉ hoan hỉ 。

ta nay nên theo ý của sư tăng, tôn trường, và đồng học, khiến họ hoan hỷ,

昔未聞法為得聞故。若見他人瞋恚鬪諍。

tích vị văn Pháp vi đắc văn cố 。 nhược kiến tha nhân sân khuể
đấu tránh 。

vì xưa chưa nghe pháp nay mới được nghe. Nếu thấy người khác giận dữ, tranh
cãi,

即應忍辱下意避之。大王。菩薩摩訶薩。

tức ứng nhẫn nhục hạ ý tị chi 。 Đại vương 。 Bồ-tát Ma-Ha tát 。

thì nên nhẫn nhục, hạ ý tránh họ. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát,

如是行般若波羅蜜拔除我慢。大王。

như thị hành bát nhã ba la mật bạt trừ ngã mạn 。 Đại vương 。

hành Bát-nhã ba-la-mật, trừ được ngã mạn như thế. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜生堅正信。何以故。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật sinh kiên chính tín 。 hà dĩ cố 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, sinh chính tín bền chắc. Vì sao?

多諸功德宿世所種。善根力強具足善因。正見成就不信外道。

đa chư công đức tú thế sở chủng 。 thiện căn lực cường cụ túc thiện nhân 。 chính kiến thành tựu bất tín ngoại đạo 。

Vì đời trước đã trồng nhiều công đức, sức căn lành mạnh mẽ, đầy đủ nhân duyên, thành tựu chính kiến, không tin ngoại đạo,

內心清淨不依餘師。心行調直遠離諂曲。

nội tâm thanh tịnh bất y dư sư 。 tâm hành điều trực viễn li siểm khúc 。

nội tâm thanh tịnh, không nương thầy khác, tâm hành hòa hợp chính trực, xa rời siểm nịnh quanh co,

諸根聰利具足般若。離諸蓋障其心清淨。

chư căn thông lợi cụ túc bát nhã 。 ly chư cái chướng kỳ tâm thanh tịnh 。

các căn thông lợi, trí tuệ đầy đủ, không bị chướng ngại che lấp, tâm được thanh tịnh,

遠惡知識親近善友。尋求善言不生懈怠。

viễn ác tri thức thân cận thiện hữu 。 tầm cầu thiện ngôn bất sinh giải đãi 。

xa ác tri thức, gần gũi bạn lành, tìm cầu lời thiện, không sinh biếng nhác,

所聞說法知佛功德。勝天王白佛言。世尊。唯願大慈。

sở văn thuyết Pháp tri Phật công đức 。 thắng Thiên vương bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。 duy nguyện Đại từ 。

được nghe thuyết pháp, biết công đức Phật. Thắng Thiên Vương bạch Phật:
Nguyện đức Đại từ,

哀愍為說如來功德大威神力。

ai mãi vì thuyết Như Lai công đức Đại uy Thần lực 。
thương xót mà nói đại oai thần lực của công đức Như Lai.

佛告勝天王言。大王。諦聽諦聽。善思念之。

Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。 Đại vương 。 để thính để thính 。
thiện tư niệm chi 。

Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương, lắng nghe, lắng nghe. Hãy khéo suy
nghĩ, ghi nhớ.

我當為王宣說如來神德少分。善哉世尊。唯然願聞。

ngã đương vì Vương tuyên thuyết Như Lai Thần đức thiểu phân 。

Thiện tai Thế Tôn 。 duy nhiên nguyện văn 。

Ta sẽ vì Đại vương tuyên thuyết một phần nhỏ của thần đức Như Lai.

佛言大王。如來具足無邊大慈遍照眾生。

Phật ngôn Đại vương 。 Như Lai cụ túc vô biên Đại từ biến chiếu chúng sinh
。

Phật nói: Đại vương, Như Lai đầy đủ Vô biên đại từ, chiếu khắp chúng sinh,

眾生所攝乃至十方盡虛空界。亦皆遍照不可測量。

chúng sinh sở nhiếp nãi chí thập phương tận hư không giới 。

diệc giai biến chiếu bất khả trắc lượng 。

chúng sinh có được, cho đến mười phương tận hư không giới, cũng đều chiếu
khắp, không thể đo lường.

如來大悲聲聞緣覺菩薩所無。何以故。

Như Lai Đại bi thanh văn duyên giác Bồ-tát sở vô 。

Đại bi của Như Lai, hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát không có. Vì sao?

不共法故。十方世界無一眾生大悲不照。

bất-cộng Pháp cố 。 thập phương thế giới vô nhất chúng sinh Đại bi bất chiếu 。

Vì là pháp Bất cộng. Không một chúng sinh nào ở mười phương thế giới mà Đại bi không soi chiếu.

復次如來說法無盡。普為十方一切眾生。

phục thứ Như Lai thuyết Pháp vô tận 。 phổ vi thập phương nhất thiết chúng sinh 。

Lại nữa Như Lai thuyết pháp, không có cùng tận, khắp vì tất cả chúng sinh mười phương,

一劫百劫千劫若無量劫。種種因緣說法無盡。

nhất kiếp bách kiếp thiên kiếp nhược vô lượng kiếp 。

trong một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp hoặc vô lượng kiếp, đủ loại nhân duyên mà thuyết pháp không cùng tận.

若眾生界種種言辭。一切句義諮問如來。

nhuợc chúng sinh giới chủng chủng ngôn từ 。

Nếu cảnh giới chúng sinh có đủ loại ngôn từ, tất cả các câu, các nghĩa để hỏi Như Lai,

一彈指頃一一眾生。各為分別無能壞者。

nhất đạn chỉ khoảnh nhất nhất chúng sinh 。

thì trong khoảng gảy móng tay, mỗi một chúng sinh, đều phân biệt được, không ai phải bỏ.

復次如來即是無礙禪定境界。假使一切世界眾生。

phục thứ Như Lai tức thị vô ngại Thiền định cảnh giới 。 giả sử nhất thiết thế giới chúng sinh 。

Lại nữa, Như Lai tức là Cảnh giới thiền định vô ngại. Giả sử chúng sinh trong tất cả thế giới,

皆住十地入諸三昧百千億劫。

giai trụ thập địa nhập chư tam muội bách thiên ức kiếp 。

đều trụ Thập địa, nhập các Tam-muội, trong trăm ngàn ức kiếp,

觀如來定不能測量。復次如來身無邊量。何以故。

quán Như Lai định bất năng trắc lượng 。

phục thứ Như Lai thân vô biên lượng 。

hà dĩ cố 。

quán sát Định của Như Lai, thì cũng không thể đo lường. Lại nữa, thân của Như Lai là vô biên lượng. Vì sao?

隨所樂見能於一念示現種種如來。又有清淨天眼。

tùy sở lạc kiến năng ư nhất niệm thị hiện chủng chủng Như Lai 。

hữu thanh tịnh Thiên nhãn 。

Tùy nơi muốn thấy mà Như Lai có thể trong một niệm thị hiện vô số Như Lai. Lại có Thiên nhãn thanh tịnh;

一切世界無量眾生。一一眾生一一世界。

nhất thiết thế giới vô lượng chúng sinh 。

nhất nhất chúng sinh nhất nhất thế giới 。

tất cả thế giới, vô lượng chúng sinh, mỗi một chúng sinh, mỗi một thế giới,

如是一切世界中事。如來悉見如觀掌中阿摩勒果。

như thị nhất thiết thế giới trung sự 。

Như Lai tất kiến như quán chưởng trung a ma lạc quả 。

những việc trong tất cả thế giới như thế, Như Lai đều thấy như thấy quả a-ma-lặc trong lòng bàn tay;

諸天人眼所不能見。如來復有清淨天耳。

chư Thiên nhân nhãn sở bất năng kiến 。 Như Lai phục hữu thanh tịnh Thiên nhĩ 。

mắt của trời người không thể thấy được. Như Lai lại có Thiên nhĩ thanh tịnh.

一切眾生隨其種類音聲不同。

nhất thiết chúng sinh tùy kỳ chủng loại âm thanh bất đồng 。

Tất cả chúng sinh, tùy theo chủng loại âm thanh khác nhau,

如來悉聞解了其義。如來復有淨他心智。

Như Lai tất văn giải liễu kỳ nghĩa 。

Như Lai đều nghe, hiểu rõ nghĩa của chúng. Như Lai lại có Tha tâm trí thanh tịnh.

一切世界有諸眾生。作業思想若所得報。如來世尊行立坐臥。

nhất thiết thế giới hữu chư chúng sinh 。

Tất cả thế giới có các chúng sinh, suy nghĩ tác nghiệp, nếu bị quả báo, thì Như Lai Thế Tôn đi, đứng, nằm, ngồi,

於一念頃皆悉了知。何以故。

ư nhất niệm khoảnh giai tất liễu tri 。

trong khoảng một niệm, đều biết tất cả. Vì sao?

如來常定無散亂故。大王。諸佛如來無有失念。

Như Lai thường định vô tán loạn cố 。

Vì Như Lai thường định, không tán loạn. Đại vương, chư Phật Như Lai không có mất niệm,

心不散亂根無異緣。何以故。

tâm bất tán loạn căn vô dị duyên 。 hà dĩ cố 。

tâm không tán loạn, căn không duyên khác. Vì sao?

離煩惱習最為清淨寂靜無垢。有煩惱者其心散亂則異攀緣。

ly phiền não tập tối vi thanh tịnh tịch tĩnh vô cấu 。 hữu phiền não giả kỳ tâm tán loạn tác dị phàn duyên 。

Không còn tạo phiền não, tuyệt đối thanh tịnh, vắng lặng, không cấu uế. Người có phiền não, tâm họ tán loạn, tức vin cảnh khác nhau.

如來世尊無漏離垢。得一切法自在平等。

như lai thế tôn vô lậu ly cấu 。 đắc nhất thiết Pháp tự-tại bình đẳng 。

Như Lai Thế Tôn vô lậu, ly cấu, đắc tất cả pháp, tự tại bình đẳng,

常在三昧三摩跋提故。大王。

thường tại tam muội tam ma Bạt đề cố 。

vì thường ở trong tam-muội tam-ma-bạt-đề. Đại vương,

如來以一威儀三昧遊行乃至涅槃。無有天人能得知者。

Như Lai dĩ nhất uy nghi tam muội du hành nãi chí Niết-Bàn 。 vô hữu Thiên Nhơn năng đắc tri giả 。

Như Lai chỉ dùng một tam-muội Oai nghi đi đến Niết-bàn, mà không Trời, người nào có thể biết được;

況復如來於無量劫修習無量無邊萬億三昧。何以故。

huống phục Như Lai ư vô lượng kiếp tu tập vô lượng vô biên vạn ức tam muội 。

huống là Như Lai, trong vô lượng kiếp, đã tu tập vô lượng vô biên vạn ức tam-muội. Vì sao?

如來不可量不可思不可觀故。

Như Lai bất khả lượng bất khả tư bất khả quán cố 。

Vì không thể lường, không thể suy, không thể quán Như Lai.

爾時勝天王白佛言。世尊。我聞如來三阿僧祇劫修行成佛。

nhĩ thời thắng Thiên vương bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

ngã văn Như Lai tam a tăng kì kiếp tu hành thành Phật 。

Bấy giờ, Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn, con nghe Như Lai trong ba a-tăng-kỳ kiếp tu hành thành Phật.

云何而說無量劫修。佛言。不也大王。何以故。

vân hà nhi thuyết vô lượng kiếp tu 。

Phật ngôn 。

bất dã Đại vương 。

hà dĩ cố 。

Vì sao lại nói tu vô lượng kiếp? Phật dạy: Không phải, Đại vương. Vì sao?

菩薩摩訶薩。修阿耨多羅三藐三菩提。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。

tu a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Bồ-tát Ma-ha-tát tu Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

無量功力之所能辦。

vô lượng công lực chi sở năng辦 。

vô lượng công lực mới có thể xong.

非爾許劫時始得入法平等理稱為成佛。勝天王白佛言。世尊。善哉善哉。

phi nhĩ hứa kiếp thời thủy đắc nhập Pháp bình đẳng lý xưng vi thành Phật 。

thắng Thiên vương bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

Thiện tai Thiện tai 。

Không phải qua bao nhiêu kiếp như thế mới vào được lý Pháp bình đẳng để gọi là thành Phật. Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn, lành thay, lành thay.

一切眾生常行諸善遠離障業。

nhất thiết chúng sinh thường hành chư thiện viễn li chương nghiệp 。
Tất cả chúng sinh, thường hành các thiện, xa lìa nghiệp chướng,

喜樂佛果修菩薩行。世尊。若有眾生得聞如來大神通力。

thiện lạc Phật quả tu Bồ-tát hành 。 Thế Tôn 。 nưộc hữu chúng sinh đắc văn Như Lai Đại Thần thông lực 。

vui thích quả Phật, tu hạnh Bồ-tát. Thế Tôn, nếu có chúng sinh nghe được lực đại thần thông của Như Lai,

心生歡喜信受讚歎。

tâm sinh hoan hỷ tín thọ tán thán 。

tâm sinh hoan hỷ, tin, nhận, ca ngợi;

當知是人不久得成此神通器。況復有人受持讀誦書寫宣說。

đương tri thị nhân bất cửu đắc thành thử Thần thông khí 。

huống phục hữu nhân thọ trì đọc tụng thư tả tuyên thuyết 。

nhên biết người này, không lâu sẽ được thần thông này; huống lại có người thọ trì, đọc tụng, biên chép, tuyên thuyết.

如是人等不可思量。佛言。如是大王。

như thị nhân đẳng bất khả tư lượng 。

Phật ngôn 。

như thị Đại vương 。

Những người như vậy, không thể suy lường. Phật dạy: Đúng vậy, Đại vương.

Những chúng sinh này, được Như Lai ủng hộ, đã trồng được thiện căn, trong quá khứ cúng dường vô số chư Phật,

乃能得聞如來世尊大神通力。

nãi năng đắc văn như lai thế tôn Đại Thần thông lực 。
thì mới có thể nghe được lực Đại thần thông của Như Lai. Thế Tôn,

是善男女心不疑惑。於七日中澡浴清淨著新潔衣。

thị thiện nam nữ tâm bất nghi hoặc 。 ư thất nhật trung tảo dục
thanh tịnh trú tâm khiết y 。

Thiện nam, Thiện nữ này, tâm không nghi ngờ. Trong bảy ngày, tắm rửa thanh tịnh, mặc y sạch mới,

香華供養一心正憶。爾時如來即為現身便得見佛。

hương hoa cung dưỡng nhất tâm chính ức 。 nhĩ thời Như Lai tức vi
hiện thân tiện đắc kiến Phật 。

cúng dường hương hoa, nhất tâm ghi nhớ rõ ràng. Bấy giờ Như Lai, vì họ hiện thân, liền được thấy Phật.

其供養具或有闕少但一心念。

kỳ cung dưỡng cụ hoặc hữu khuyết thiếu đản nhất tâm niệm 。

Họ cúng dường đầy đủ, hoặc có thiếu sót, chỉ cần nhất tâm nhớ tưởng,

於命將盡見佛在前。勝天王白佛言。世尊。

ư mạng tương tận kiến Phật tại tiền 。

Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn,

頗有眾生聞說如來神通功德。不起信心而謗毀不。佛言。

pha hữu chúng sinh văn thuyết Như Lai Thần thông công đức 。 bất khởi
tín tâm nhi báng hủy bất 。 Phật ngôn 。

[có chúng sinh nghe nói công đức thần thông của Như Lai, không khởi tín tâm,
mà lại hủy báng không? Phật nói:](#)

有是眾生。若聞如來神通法門。

hữu thị chúng sinh 。 nhược văn Như Lai Thần thông Pháp môn 。

[Có chúng sinh đó. Nếu nghe pháp môn Thần thông của Như Lai](#)

即起瞋毒不善之心。於說法師惡知識想。

tức khởi sân độc bất thiện chi tâm 。

ư thuyết Pháp sư ác tri thức
tưởng 。

[mà khởi tâm bất thiện, hiểm độc, sân hận; đối với vị thầy thuyết pháp lại xem như
ác tri thức;](#)

此人捨壽生泥犁中。若聞如來大神通力能生信受。

thử nhân xả thọ sinh nê lê trung 。

nhược văn Như Lai Đại Thần
thông lực năng sinh tín thọ 。

[người này khi chết, sinh vào địa ngục. Nếu nghe lực Đại thần thông của Như Lai
mà có thể sinh tin nhận;](#)

於說法師善知識想。即得人天乃至成佛。爾時世尊。

ư thuyết Pháp sư thiện tri thức tưởng 。

tức đắc nhân Thiên nãi
chí thành Phật 。

nhĩ thời Thế Tôn 。

[đối với vị thầy thuyết pháp lại xem như Thiện tri thức, tức được làm người, Trời,
cho đến thành Phật. Bấy giờ, Thế Tôn](#)

出廣長舌相自覆面門。

xuất quảng trường thiết tướng tự phúc diện môn 。

[hiện tướng lưỡi rộng dài, che từ kim diện,](#)

次至頭頂次覆遍身次覆師子座。次覆菩薩眾次覆聲聞眾。

thứ chí đầu đỉnh thứ phúc biến thân thứ phúc Sư-tử tọa 。 thứ phúc Bồ-tát chúng thứ phúc thanh văn chúng 。

tiếp đến đỉnh đầu, toàn thân, tòa Sư tử, chúng Bồ-tát, chúng Thanh Văn;

然後乃覆釋梵護世一切大眾還收舌相。

nhiên hậu nãi phúc thích phạm hộ thể nhất thiết Đại chúng hoàn thu thiệt tướng 。

sau cùng mới che Thích, Phạm hộ thể, tất cả đại chúng, rồi thu tướng lưỡi,

告大眾言。如來世尊有是舌相豈當妄語。

cáo Đại chúng ngôn 。 như lai thế tôn hữu thị thiệt tướng khởi đương vọng ngữ 。

bảo đại chúng rằng: Như Lai Thế Tôn có tướng lưỡi như thế há có thể nói sai.

汝等大眾皆應信受長夜安樂。

nhữ đẳng Đại chúng giai ứng tín thọ trường dạ an lạc 。

Đại chúng các ông đều nên tin nhận, an lạc lâu dài.

說是法時眾中八萬四千菩薩得無生法忍。無量百千眾生。

thuyết thị Pháp thời chúng trung bát vạn tứ thiên Bồ-tát đắc vô sinh Pháp nhẫn 。

Lúc nói pháp đó, trong chúng có tám vạn bốn ngàn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn; vô lượng trăm ngàn chúng sinh

得遠塵離垢法眼淨。無量無邊眾生。

đắc viễn trần ly cấu Pháp nhãn tịnh 。

được mắt Pháp thanh tịnh, xa rời trần cấu; vô lượng vô biên chúng sinh

發阿耨多羅三藐三菩提心。

phát a nậu đa la tam miếu tam Bồ-đề tâm 。

phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

231-003

勝天王般若波羅蜜經

thắng Thiên vương bát nhã ba la mật Kinh

Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã ba-la-mật

卷第三

quyển đệ tam

Quyển III

法性品第五

Pháp tính phẩm đệ ngũ

Phẩm 5: Pháp Tính

爾時勝天王。即從坐起偏袒右肩右膝著地。

nhĩ thời thắng Thiên vương 。 tức tùng tọa khởi Thiên đản hữu kiên
hữu tất trú địa 。

Bấy giờ, Thắng Thiên Vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải, gối
phải sát đất,

合掌向佛頭面作禮。而白佛言。希有世尊。

hợp chưởng hướng Phật đầu diện tác lễ 。 nhi bạch Phật ngôn 。 hi hữu
Thế Tôn 。

chấp tay hướng Phật, đầu mặt đảnh lễ, bạch Phật: Hiếm có, Thế Tôn.

如來應供正遍知。快說微妙大神通力。

Như Lai Ứng-Cúng Chính-biến-Tri 。 khoái thuyết vi diệu Đại Thần thông lực
。

Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri hoan hỷ thuyết lực đại thần thông vi diệu;

諸佛如來因何得此。唯願世尊分別解說。

chư Phật như lai nhân hà đắc thử 。 duy nguyện Thế Tôn phân biệt giải thuyết 。

[chư Phật Như Lai do nhân nào được pháp này? Mong Thế Tôn phân biệt nói rõ.](#)

佛告勝天王言。大王。諸佛如來所行甚深不可思議。

Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。 Đại Vương 。 chư Phật như lai sở hạnh thậm thâm bất khả tư nghị 。

[Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương, sở hạnh của chư Phật Như Lai sâu xa, không thể nghĩ bàn;](#)

得果亦爾。勝天王白佛言。世尊。

đắc quả diệc nhĩ 。 thắng Thiên vương bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

[đắc quả cũng thế. Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn,](#)

諸佛如來行何等法。名為甚深不可思議。佛告勝天王言。

chư Phật như lai hành hà đẳng Pháp 。 danh vi thậm thâm bất khả tư nghị 。

Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。

[chư Phật Như Lai hành những pháp gì gọi là sâu xa không thể nghĩ bàn? Phật bảo Thắng Thiên Vương:](#)

大王。諸佛如來法性因果不可思議。

Đại Vương 。 chư Phật như lai Pháp tính nhân quả bất khả tư nghị 。

[Đại vương, nhân quả, pháp tính của chư Phật Thế Tôn không thể nghĩ bàn;](#)

功德及法利益眾生亦復如是。勝天王白佛言。世尊。

công đức cập Pháp lợi ích chúng sinh diệc phục như thị 。

thắng Thiên vương bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

[công đức và pháp làm lợi ích chúng sinh cũng thế. Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn,](#)

云何法性不可思議。佛言大王。

vân hà Pháp tính bất khả tư nghị 。 Phật ngôn Đại Vương 。
thế nào là Pháp tính không thể nghĩ bàn? Phật dạy: Đại vương,

在諸眾生陰界入中無始相續。所不能染法性體淨。

tại chư chúng sinh uẩn giới nhập trung vô thủy tương tục 。 sở bất
năng nhiễm Pháp tính thể tịnh 。

nơi Ấm, Giới, Nhập của các chúng sinh, vô thủy tương tục, thể của Pháp tính
thanh tịnh, không thể bị nhiễm ô,

一切心識不能緣起。諸餘覺觀不能分別。

nhất thiết tâm thức bất năng duyên khởi 。 chư dư giác quán bất năng
phân biệt 。

tất cả tâm thức không thể duyên khởi, các giác quán khác không thể phân biệt,

邪念思惟亦不能緣。法離邪念無明不起。

tà niệm tư duy diệc bất năng duyên 。 Pháp ly tà niệm vô minh
bất khởi 。

tà niệm, tư duy cũng không thể duyên, Pháp lìa tà niệm, vô minh không khởi.

是故不從十二緣生。名為無相。則非作法。

thị cố bất tòng thập nhị duyên sinh 。 danh vi vô tướng 。 tác phi tác
Pháp 。

Vì thế, không sinh từ mười hai Duyên, có tên là Vô tướng, tức Pháp không tạo
tác,

無生無滅無邊無盡自相常住。大王。

vô sinh vô diệt vô biên vô tận tự tướng thường trụ 。 Đại Vương 。

không sinh, không diệt, không giới hạn, không cùng tận, tự tướng thường trụ. Đại
vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。能知法性清淨。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 năng tri Pháp tính thanh tịnh 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật có thể biết Pháp tính thanh tịnh;

如是無染無著遠離垢穢。從諸煩惱超得解脫。

như thị vô nhiễm Vô trú viễn li cấu ế 。 tòng chư phiền não siêu đắc giải thoát 。

không nhiễm, không dính, xa rời cấu ế như thế; từ các phiền não vượt lên đắc giải thoát.

此性即是諸佛法本。功德智慧因之而生。

thử tính tức thị chư Phật Pháp bản 。 công đức trí tuệ nhân chi nhi sinh 。

Tính này là gốc của các pháp Phật; công đức, trí tuệ nhờ đó mà sinh;

體性明淨不可思量。大王。我今喻說汝善諦聽。王言世尊。

thể tính minh tịnh bất khả tư lượng 。 Đại Vương 。 ngã kim dụ thuyết nhữ thiện đế thính 。 Vương ngôn Thế Tôn 。

thể tính sáng trong, không thể nghĩ bàn. Đại vương, Ta nay nói ví dụ, ông khéo lắng nghe. Vương thưa: Thế Tôn,

唯然願聞。佛告勝天王言。

duy nhiên nguyện văn 。 Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。

xin nguyện được nghe. Phật bảo Thắng Thiên Vương:

譬如無價如意寶珠。裝飾瑩治皎潔可愛。

thí như vô giá như ý bảo châu 。 trang sức oánh trì kiêu khiết khả ái 。

Ví như châu báu Như ý vô giá, trang sức rực rỡ, trong suốt khả ái,

體圓極淨無有垢濁。

thể viên cực tịnh vô hữu cấu trược 。

thể tròn đầy, hết sức trong sạch, không có cấu trược,

墮在淤泥已經多時有人撿得取而守護不令墮落。法性亦爾。

đọa tại ứ nê dĩ Kinh đa thời hữu nhân kiểm đắc thủ nhi thủ
hộ bất lệnh đọa lạc 。

bị rơi trong bùn một thời gian dài; có người nhặt được, lại còn giữ gìn không để rơi
mất. Pháp tính cũng thế.

雖在煩惱不為所染後復顯現。大王。

tuy tại phiền não bất vi sở nhiễm hậu phục hiển hiện 。

Tuy trong phiền não nhưng không bị nhiễm, sau lại hiển bày. Đại vương,

諸佛如來悉知眾生自性清淨。客塵煩惱之所覆蔽不入自性。

chư Phật như lai tất tri chúng sinh tự tính thanh tịnh 。

chư Phật Như Lai đều biết tự tính chúng sinh thanh tịnh, bị che phủ bởi khách
trần phiền não nên không vào được tự tính.

是故菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。應作是念。

thị cố Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Vì vậy Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, suy nghĩ thế này:

我當勇猛勤修精進。

ngã đương dũng mãnh tinh siêng tu tinh tấn 。

Ta nên dũng mãnh, siêng tu, cố gắng,

為諸眾生說是甚深般若波羅蜜除其煩惱。一切眾生皆有性淨。

vi chur chúng sinh thuyết thị thậm thâm bát nhã ba la mật trừ kỳ
phiền não 。 nhất thiết chúng sinh giai hữu tính tịnh 。

vì các chúng sinh thuyết Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này để trừ phiền não của họ.
Tất cả chúng sinh đều có tính thanh tịnh;

是故於彼勿生下劣應當尊重。彼即我師如法恭敬。

thị cố ư bỉ vật sinh hạ liệt ứng đương tôn trọng 。

vì vậy, đối với họ chớ cho là thấp kém, phải nên tôn trọng. Họ là thầy ta, phải
cung kính như pháp.

菩薩摩訶薩。作如是心即生般若闍那大悲。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。

Bồ-tát Ma-ha-tát khởi tâm như vậy, liền sinh Bát-nhã trí đại bi.

大王。菩薩摩訶薩。如是行般若波羅蜜。

Đại Vương 。

Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật như thế,

能入阿鞞跋致地。大王。

năng nhập a tỳ bạt trí địa 。

có thể vào địa Bất thoái chuyển. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜復作是念。此諸煩惱無力無能。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật phục tác thị niệm 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, suy nghĩ thế này: Các phiền não này
vô lực, vô năng,

自體虛妄與淨相違。何以故。背薩婆若故。

tự thể hư vọng dữ tịnh tướng vi 。 hà dĩ cố 。 bối tát bà nhược cố
。

tự thể hư vọng, trái với thanh tịnh. Vì sao? Vì trái với Nhất thiết trí.

清淨法性為諸法本。

thanh tịnh Pháp tính vi chư Pháp bản 。

Pháp tính thanh tịnh là gốc các pháp.

自性無本虛妄煩惱皆從邪念顛倒而生。大王。譬如四大依虛空立空更無依。

tự tính vô bản hư vọng phiền não giai tòng tà niệm điên đảo nhi sinh
。 Đại Vương 。 thí như tứ Đại y hư không lập không canh vô y 。

Tự tính không gốc, phiền não hư vọng đều từ tà niệm, điên đảo mà sinh. Đại
vương, thí như bốn Đại, nương vào hư không để tồn tại nhưng hư không lại
không có chỗ nương tựa.

煩惱亦爾。依此法性法性無依。大王。

phiền não diệc nhĩ 。 y thử Pháp tính Pháp tính vô y 。 Đại
Vương 。

Phiền não cũng vậy, nương vào Pháp tính này nhưng Pháp tính lại không có chỗ
nương tựa. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。如實觀知不起違逆。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

nư thực quán tri bất
khởi vi nghịch 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, quán sát như thực, không khởi trái
nghịch;

以隨順故煩惱不生。大王。菩薩摩訶薩。

dĩ tùy thuận cố phiền não bất sinh 。

Đại Vương 。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。

vì tùy thuận nên phiền não không sinh. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát

觀察煩惱不生染著。若自染著云何說法令他出離。

quan sát phiền não bất sinh nhiễm trứ 。 nhược tự nhiễm trứ vân hà thuyết Pháp lệnh tha xuất ly 。

quan sát phiền não, không sinh nhiễm trước. Nếu tự nhiễm trước làm sao thuyết pháp, khiến người xuất ly.

是故菩薩斷滅著心。如實說教解眾生縛。

thị cố Bồ-tát đoạn diệt trứ tâm 。 như thực thuyết giáo giải chúng sinh phược 。

Vì vậy Bồ-tát đoạn diệt tâm tham đắm, như thực thuyết giáo, cởi trói cho chúng sinh.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜復作是念。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật phục tác thị niệm 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, lại nghĩ thế này:

若生死中有一煩惱。利益眾生我則攝受。

nhược sinh tử trung hữu nhất phiền não 。 lợi ích chúng sinh ngã tắc nhiếp thọ 。

Nếu trong sinh tử có một phiền não, vì lợi ích chúng sinh ta liền thọ nhận.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜復作是念。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật phục tác thị niệm 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, lại nghĩ thế này:

如昔諸佛行般若波羅蜜應如是行。何以故。

như tích chư Phật hành bát nhã ba la mật ứng như thị hành 。

Như xưa, chư Phật hành Bát-nhã ba-la-mật, nên hành như vậy. Vì sao?

諸佛如來昔在因地亦如是學。成菩提故以此二緣。

chư Phật như lai tích tại nhân địa diệc như thị học 。 thành bồ đề cố dĩ thử nhị duyên 。

Vì chư Phật Như Lai, lúc mới bắt đầu, cũng học như vậy. Vì thành Bồ-đề, dùng hai duyên này.

是故菩薩種種方便知此法性。大王。

thị cố Bồ-tát chủng chủng phương tiện tri thử Pháp tính 。

Vì thế, Bồ-tát dùng vô số phương tiện, biết Pháp tính này. Đại vương.

如是法性無量無邊。為諸煩惱之所隱覆。

như thị Pháp tính vô lượng vô biên 。

Pháp tính như vậy, vô lượng, vô biên. Vì bị các phiền não che lấp,

隨生死流沈沒六道長夜輪轉隨眾生故名眾生性。

tùy sinh tử lưu trầm một lục đạo trường dạ luân chuyển tùy chúng sinh cố danh chúng sinh tính 。

trôi theo sinh tử, chìm nổi sáu đường, suốt dòng sinh tử luân chuyển theo chúng sinh, nên gọi là tính chúng sinh.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

起厭離心除五塵欲修無上道。是時此性名為出離。

khởi yếm ly tâm trừ ngũ trần dục tu vô thượng đạo 。

khởi tâm ghét bỏ, dứt trừ năm dục, tu đạo Vô thượng; lúc đó tính này gọi là xuất ly.

過一切苦故名寂靜為究竟法。一切世間之所樂求。

quá nhất thiết khổ cố danh tịch tĩnh vì cứu cánh Pháp 。 nhất thiết thế gian chi sở lạc cầu 。

Vì vượt tất cả khổ nên gọi là tịch tĩnh, là Pháp cứu cánh, là điều mong cầu của tất cả thế gian;

一切種智常住微妙。因此法性能得自在受法王位。大王。

nhất thiết chủng trí thường trụ vi diệu 。 nhân thừa Pháp tính năng đắc tự-tại thọ Pháp Vương vị 。

Nhất thiết chủng trí thường trụ, vi diệu. Nương Pháp tính này có thể được tự tại, nhận quả vị Pháp vương. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

初中上位觀察法性。一切平等本來寂靜悉無罣礙。

sơ trung thượng vị quan sát Pháp tính 。

quan sát Pháp tính ở giai vị trước, giữa, sau; tất cả bình đẳng, xưa nay tịch tĩnh, đều không ngăn ngại;

猶如眾色不能滿空。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

do như chúng sắc bất năng mãn không 。

giống như các sắc, không thể làm đầy hư không. Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

如實而知諸佛所說一切眾行如量修行。

như thực nhi tri chư Phật sở thuyết nhất thiết chúng hành như lượng tu hành。

biết như thực tất cả các hành được chư Phật dạy, theo lượng tu hành.

法性功德不可具說。無有二相過一異境。

Pháp tính công đức bất khả cụ thuyết。 vô hữu nhị tướng quá nhất dị cảnh。

Công đức Pháp tính không thể nói hết, không có hai tướng, vượt khỏi cảnh đồng nhất và dị biệt,

平等一相覺觀不行。

bình đẳng nhất tướng giác quán bất hành。

một tướng bình đẳng, không hành giác quán.

菩薩摩訶薩如是行般若波羅蜜。能除二相人相法相一切凡夫為執所縛。

Bồ-tát Ma-Ha tát như thị hành bát nhã ba la mật。 năng trừ nhị tướng nhân tướng Pháp tướng nhất thiết phàm phu vi chấp sở phược。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật như thế, có thể trừ hai tướng: nhân tướng, pháp tướng. Tất cả Phàm phu bị chấp trước trói buộc,

不識不見不得法性。

bất thức bất kiến bất đắc Pháp tính。

không biết, không thấy, không đắc Pháp tính.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。則能通達如此法性。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật。 tức năng thông đạt như thử Pháp tính。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tức có thể thông đạt Pháp tính như thế;

若在眾生無二無別。何以故。如如不異故。大王。

nhược tại chúng sinh vô nhị vô biệt 。 hà dĩ cố 。 như như bất dị cố
。 Đại Vương 。

nếu ở chúng sinh, không hai, không khác. Vì sao? Vì Như Như không khác. Đại
vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。依此法性修諸善根。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 y thử Pháp tính tu
chư thiện căn 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, nương Pháp tính này, tu các thiện căn,

來入三有利益眾生。雖現無常而非真實。何以故。

lai nhập tam hữu lợi ích chúng sinh 。 tuy hiện vô thường nhi phi
chân thực 。

vào trong Tam giới, lợi ích chúng sinh; tuy hiện vô thường nhưng không chân
thực. Vì sao?

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。如實見法性故。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 như thực kiến Pháp
tính cố 。

Vì Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, thấy Pháp tính như thực,

具足方便大悲願力不捨眾生。

cụ túc phương tiện Đại bi nguyện lực bất xả chúng sinh 。

đầy đủ phương tiện, nguyện lực Đại bi, không bỏ chúng sinh.

二乘凡夫無有如此大悲本願。是故不見圓淨法性。大王。

nhị thừa phàm phu vô hữu như thị Đại bi Bản Nguyện 。

Nhị thừa, Phàm phu không có bản nguyện Đại bi như vậy; vì thế, không thấy
Pháp tính viên tịnh. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜如是觀法性一切聖

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật như thị quán Pháp tính nhất thiết Thánh

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, quán Pháp tính như thế. Tất cả Thánh

人無能修者無所修法。無能行者無所行法。

nhân vô năng tu giả vô sở tu Pháp 。 vô năng hành giả vô sở hạnh Pháp 。

nhân, không có người tu, không có pháp được tu, không có người hành, không có pháp được hành,

無心無心法無業無果報無苦無樂。

vô tâm vô tâm Pháp vô nghiệp vô quả báo vô khổ vô lạc 。

không tâm, không có pháp thuộc tâm, không nghiệp, không quả báo, không khổ, không vui.

如是觀者名得平等。不異遠離隨順廣大。

như thị quán giả danh đắc bình đẳng 。 bất dị viễn li tùy thuận quảng Đại 。

Quán như thế gọi là được bình đẳng, không sai khác, xa lìa, tùy thuận, rộng lớn,

無我我所無高無下。真實無盡常住明淨。何以故。

vô ngã ngã sở vô cao vô hạ 。 chân thực vô tận thường trụ minh tịnh 。

không ngã, ngã sở, không cao, không thấp, chân thực, không cùng tận, thường trụ, trong sáng. Vì sao?

一切聖法由此成就。因是性故顯現聖人。大王。

nhất thiết Thánh Pháp do thử thành tựu 。 nhân thị tính cố hiển hiện Thánh nhân 。 Đại Vương 。

Tất cả Thánh pháp nhờ đây mà thành tựu. Nhờ tính này mà hiển lộ Thánh nhân.
Đại vương,

諸佛如來無邊功德不共之法。

chư Phật như lai vô biên công đức bất-cộng chi Pháp 。
pháp Bất cộng, công đức vô biên, của chư Phật Như Lai

從此性生由是性出。大王。一切聖人戒定慧品從此性生。

tòng thử tính sinh do thị tính xuất 。 Đại Vương 。 nhất thiết Thánh
nhân giới định tuệ phẩm tòng thử tính sinh 。

sinh từ tính này, xuất phát từ tính này. Đại vương, tất cả các phẩm Giới, Định,
Tuệ của Thánh nhân đều sinh từ tính này.

諸佛菩薩般若波羅蜜從此性出。

chư Phật Bồ-tát bát nhã ba la mật tòng thử tính xuất 。

Bát-nhã ba-la-mật của chư Phật, Bồ-tát xuất phát từ tính này.

是性寂靜過諸名相。性是真實則離顛倒。

thị tính tịch tĩnh quá chư danh tướng 。 tính thị chân thực tắc ly
điên đảo 。

Tính này vắng lặng, nằm ngoài danh tướng. Tính này chân thực, tức là yên đảo.

性不變異故稱為如聖智境界名第一義。

tính bất biến dị cố xưng vi như Thánh trí cảnh giới danh đệ nhất
nghĩa 。

Vì tính không đổi khác nên xưng là cảnh giới của Như thánh trí, gọi là Đệ nhất
nghĩa;

非有非無非常非斷。非生死非涅槃非染非淨。

phi hữu phi vô phi thường phi đoạn 。 phi sinh tử phi Niết-Bàn
phi nhiễm phi tịnh 。

chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, chẳng
phải sinh tử, chẳng phải Niết-bàn, chẳng phải nhiễm, chẳng phải tịnh,

離一離異無名無相。大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

ly nhất ly dị vô danh vô tướng 。 Đại Vương 。 Bồ-tát Ma-Ha tát
hành bát nhã ba la mật 。

lia đồng nhất, lia dị biệt, không danh, không tướng. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát
hành Bát-nhã ba-la-mật,

復作是念。法性離相。一切法離相無二無別。

phục tác thị niệm 。 Pháp tính ly tướng 。 nhất thiết Pháp ly tướng vô
nhị vô biệt 。

lại nghĩ thế này: Pháp tính lia tướng, tất cả pháp lia tướng, không hai, không
khác.

何以故。一切法離相即法性離相。

hà dĩ cố 。 nhất thiết Pháp ly tướng tức Pháp tính ly tướng 。

Vì sao? Vì tất cả pháp lia tướng, tức Pháp tính lia tướng.

法性離相一切眾生離相同法界離相。

Pháp tính ly tướng nhất thiết chúng sinh ly tướng đồng Pháp giới ly
tướng 。

Pháp tính lia tướng, tất cả chúng sinh lia tướng, đồng với Pháp giới lia tướng.

法界離相一切法離相。如是離相求不可得。

Pháp giới ly tướng nhất thiết Pháp ly tướng 。 như thị ly tướng cầu bất khả đắc 。

Pháp giới lìa tướng, tất cả pháp lìa tướng. Lìa tướng như vậy, cầu không thể đắc.

法性如如眾生如如同一無二。眾生如如法性如如同一無二。

Pháp tính như như chúng sinh như như đồng nhất vô nhị 。

chúng sinh như như Pháp tính như như đồng nhất vô nhị 。

Pháp tính như như, chúng sinh như như, đồng nhất, không hai. Chúng sinh như như, Pháp tính như như, đồng nhất không hai.

法性如如一切法如如無二無別。

Pháp tính như như nhất thiết Pháp như như vô nhị vô biệt 。

Pháp tính như như, tất cả pháp như như, không hai, không khác.

一切法如如諸佛如如無二無別。

nhất thiết Pháp như như chư Phật như như vô nhị vô biệt 。

Tất cả pháp như như, chư Phật như như, không hai, không khác.

法性如如過去未來現在如如不相違逆。

Pháp tính như như quá khứ vị lai hiện tại như như bất tương vi nghịch 。

Pháp tính như như, quá khứ vị lai hiện tại như như, không trái nghịch nhau.

過去如如未來如如亦不相違。

quá khứ như như vị lai như như diệc bất tương vi 。

Quá khứ như như, vị lai như như, cũng không trái nhau.

過去未來現在如如即是陰界入如如。陰界入如如即是染淨如如。

quá khứ vị lai hiện tại như như tức thị uẩn giới nhập như như 。

uẩn giới nhập như như tức thị nhiễm tịnh như như 。

Quá khứ, vị lai, hiện tại như như, tức Ấm, Giới, Nhập như như. Ấm, Giới, Nhập như như, tức nhiễm tịnh như như.

染淨如如即是生死涅槃如如。

nhiễm tịnh như như tức thị sinh tử Niết-Bàn như như 。

Nhiễm tịnh như như, tức sinh tử, Niết-bàn như như.

生死涅槃如如即是一切法如如。大王。所言如者名為不異。

sinh tử Niết-Bàn như như tức thị nhất thiết Pháp như như 。

Đại Vương 。

sở ngôn như giả danh vi bất dị 。

Sinh tử, Niết-bàn như như, tức tất cả pháp như như. Đại vương, nói Như chính là Bất dị;

無變不生無諍真實。以無諍故說名如如。

vô biến bất sinh vô tranh chân thực 。

dĩ vô tranh cố thuyết danh như như 。

không đổi, không sinh, không tranh, chân thực. Vì không tranh nên gọi là Như Như,

如實知見諸法不生。諸法雖生如如不動。

như thực tri kiến chư Pháp bất sinh 。

chư Pháp tuy sinh như như bất động 。

thấy biết như thực các pháp không sinh. Các pháp tuy sinh, nhưng Như Như bất động.

如如雖生一切諸法如如不生。

như như tuy sinh nhất thiết chư Pháp như như bất sinh 。

Như Như tuy sinh tất cả pháp, nhưng Như Như không sinh.

是名法身清淨不變猶如虛空無等等。一切三界無有一法所能及者。

thị danh Pháp thân thanh tịnh bất biến do như hư không vô đẳng đẳng
。 nhất thiết tam giới vô hữu nhất Pháp sở năng cập giả 。

Đó gọi là Pháp thân thanh tịnh, bất biến, giống như hư không, không gì so sánh;
tất cả Tam giới không có pháp nào có thể bằng;

遍眾生身無與似者。清淨離垢本來不染。

biến chúng sinh thân vô dữ tự giả 。

thanh tịnh ly cấu bổn lai bất nhiễm
。

Khắp thân chúng sinh, không có cái tương tự; thanh tịnh lia cấu, xưa nay không
nhiễm;

自性明淨自性不生自性不起。

tự tính minh tịnh tự tính bất sinh tự tính bất khởi 。

tự tính trong sáng, thanh tịnh; tự tính không sinh; tự tính không khởi.

在心意識非心意識性。即是空無相無願。

tại tâm ý thức phi tâm ý thức tính 。

tức thị không vô tướng vô
nguyện 。

Ở tâm, ý, thức mà không phải tính của tâm, ý, thức; tức là Không, Vô tướng, Vô
nguyện.

遍虛空界諸眾生處。一切平等無邊無量不異不別。

biến hư không giới chư chúng sinh xử 。

nhất thiết bình đẳng vô biên vô
lượng bất dị bất biệt 。

Khắp giới hư không, các xứ chúng sinh; tất cả bình đẳng, không giới hạn, không
kích cỡ, không riêng, không khác,

非色不離色。非受想行識不離受想行識。

phi sắc bất ly sắc 。

phi thọ tưởng hành thức bất ly thọ tưởng
hành thức 。

chẳng phải sắc, chẳng lìa sắc, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức, chẳng lìa thọ, tưởng, hành, thức;

非地大水火風大。不離地大水火風大。無生離生。

phi địa Đại thủy hỏa phong Đại 。 bất ly địa Đại thủy hỏa phong Đại 。 vô sinh ly sinh 。

chẳng phải các Đại đất, nước, lửa, gió; không rời các Đại đất, nước, lửa, gió; không sinh, không lìa sinh;

雖逆生死不順涅槃眼不能見耳不能聞。

tuy nghịch sinh tử bất thuận Niết-Bàn nhãn bất năng kiến nhĩ bất năng văn 。

tuy ngược sinh tử, không thuận Niết-bàn; mắt không thể thấy, tai không thể nghe,

鼻不能嗅舌不能嘗。身不能覺意不能知。

tỳ bất năng khứu thiệt bất năng 嘗。 thân bất năng giác ý bất năng tri 。

mũi không thể ngửi, lưỡi không thể nếm, thân không thể cảm giác, ý không thể biết;

不在心意識不離心意識。大王。是名法性。

bất tại tâm ý thức bất ly tâm ý thức 。

không ở nơi tâm, ý, thức, không rời tâm, ý, thức. Đại vương, đó gọi là Pháp tính.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。通達此法修行清淨。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, thông đạt pháp này, tu hành thanh tịnh;

三千大千世界若闍浮提城邑聚落。

tam Thiên Đại Thiên thế giới nhược Diêm-phù-đề thành ấp tụ lạc 。
thì Tam thiên đại thiên thế giới, như xóm làng, thành ấp ở Diêm-phù-đề,

菩薩悉能示現色身。所現身者。

Bồ-tát tất năng thị hiện sắc thân 。 sở hiện thân giả 。
Bồ-tát đều có thể thị hiện sắc thân. Sắc thân thị hiện đó,

非色非相而現色相非六根境。而化眾生常無休息。

phi sắc phi tướng nhi hiện sắc tướng phi lục căn cảnh 。 nhi
hóa chúng sinh thường vô hữu tức 。
chẳng phải sắc, chẳng phải tướng, mà hiện sắc tướng, chẳng phải cảnh của sáu
căn, mà hóa độ chúng sinh thường không ngừng nghỉ,

為說此身無常無我苦不淨法。了知眾生有寂靜性。

vi thuyết thử thân vô thường vô ngã khổ bất tịnh Pháp 。 liễu tri chúng
sinh hữu tịch tĩnh tính 。
để nói thân này là vô thường, vô ngã, khổ, là pháp bất tịnh; biết rõ chúng sinh có
tính tịch tĩnh,

能為示現無量種身。善巧方便令彼受化知一切身。

năng vi thị hiện vô lượng chủng thân 。 thiện xảo phương tiện lệnh bỉ
thọ hóa tri nhất thiết thân 。
để có thể thị hiện vô lượng loại thân, phương tiện thiện xảo làm cho họ nhận
được giáo hóa; biết tất cả thân,

無有作者亦無受者猶如木石。

vô hữu tác giả diệc thị cố giả do như mộc thạch 。
không có người làm, cũng không người nhận, giống như cây, đá,

而為眾生說清淨行。大王。菩薩摩訶薩如是行般若波羅蜜。

nhi vi chúng sinh thuyết thanh tịnh hành 。 Đại Vương 。 Bồ-tát Ma-Ha tát như thị hành bát nhã ba la mật 。

để vì chúng sinh nói hạnh Thanh tịnh. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

通達法性即得自在。無有移動而起智業。

thông đạt Pháp tính tức đắc tự-tại 。 vô hữu di động nhi khởi trí nghiệp 。

thông đạt Pháp tính, liền được tự tại; không có di chuyển mà khởi nghiệp trí,

遊戲神通種種示現安住自在。

du hí Thần thông chủng chủng thị hiện an trú tự-tại 。

thần thông du hí, thị hiện đủ loại, an trú tự tại,

而能示現種種威儀。自在能趣一切種智。

nhi năng thị hiện chủng chủng uy nghi 。 tự-tại năng thú nhất thiết chủng trí 。

mà có thể thị hiện vô số oai nghi, tự tại hướng đến Nhất thiết chủng trí;

皆悉通達一切諸法。大王。般若波羅蜜如是自在。

giai tất thông đạt nhất thiết chư Pháp 。 Đại Vương 。 bát nhã ba la mật như thị tự-tại 。

tất cả các pháp, thầy đều thông đạt. Đại vương, Bát-nhã ba-la-mật tự tại như vậy,

是無盡相遍一切處。無色現色自在遍觀諸眾生心。

thị vô tận tướng biến nhất thiết xử 。 vô sắc hiện sắc tự-tại biến quán chư chúng sinh tâm 。

là tướng không cùng tận, khắp tất cả xứ; không sắc, hiện sắc; tự tại quán sát cùng khắp tâm các chúng sinh,

見如實心性自在憶念。無邊數劫相續不斷。

kiến như thực tâm tính tự-tại ức niệm 。 vô biên số kiếp tương tục
bất đoạn 。

thấy tâm tính như thực, nhớ nghĩ tự tại, vô biên số kiếp, tương tục không đoạn,

自在變化住解脫相。

tự-tại biến hoá trụ giải thoát tướng 。

biến hóa tự tại, trụ tướng giải thoát;

自在盡漏為眾生故不證漏盡自在出世。是聖智境自在甚深。

tự-tại tận lậu vì chúng sinh cố bất chứng lậu tận tự-tại xuất thế 。

thị Thánh trí cảnh tự-tại thậm thâm 。

tự tại tận tận, nhưng vì chúng sinh, không chứng Lậu tận tự tại xuất thế. Cảnh
Thánh trí này, tự tại sâu xa,

聲聞緣覺所不能測。自在堅牢魔不能壞。

thanh văn duyên giác sở bất năng trắc 。

tự-tại kiên lao ma bất năng hoại 。

Thanh Văn, Duyên Giác không thể đo lường; tự tại vững chắc, Ma không thể
phá;

能至道場成就佛法最為第一。自在隨順轉大法輪。

năng chí đạo trường thành tựu Phật Pháp tối vi đệ nhất 。

tự-tại tùy thuận chuyển Đại Pháp luân 。

có thể đến được đạo tràng, thành tựu Phật pháp tối thắng đệ nhất; tự tại tùy
thuận chuyển Đại pháp luân;

自在調化一切眾生。自在受位得法自在。大王。

tự-tại điều hóa nhất thiết chúng sinh 。

tự-tại thọ vị đắc Pháp tự-tại 。

Đại Vương 。

tự tại điều phục, giáo hóa tất cả chúng sinh; tự tại thọ vị Đắc pháp tự tại. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜如實通達甚深法性得是自在

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật như thực thông đạt thậm thâm Pháp tính đắc thị tự-tại。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, thông đạt như thực Pháp tính sâu xa, được Tự tại như thế.

。菩薩摩訶薩。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。

Bồ-tát Ma-ha-tát

修是自在即得諸禪解脫三昧三摩跋提。不繫欲界色無色界。

tu thị tự-tại tức đắc chư Thiền giải thoát tam muội tam ma Bạt đề 。

tu Tự tại này tức được các Thiền, tam-muội tam-ma-bạt-đề Giải thoát, không hệ thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới。

何以故。遠離一切虛妄分別。煩惱繫縛。

hà dĩ cố 。

Vì sao? Vì xa lìa tất cả phân biệt hư vọng, phiền não trói buộc,

顛倒執相。若其受生於生自在無有繫縛。

điên đảo chấp tướng 。

chấp tướng điên đảo. Nếu Bồ-tát thọ sinh, thì tự tại đối với sinh, không có trói buộc。

若欲現滅亦復自在。隨其生處恒攝大乘成就佛法。

nhược dục hiện diệt diệt phục tự-tại 。 tùy kỳ sinh xử hằng
nhiếp Đại thừa thành tựu Phật Pháp 。

Nếu muốn thị hiện diệt độ thì cũng tự tại. Tùy nơi sinh ra, thường nhiếp Đại thừa,
thành tựu Phật pháp,

而於十方推求佛法竟不可得。

nhì ư thập phương thôi cầu Phật Pháp cánh bất khả đắc 。

mà ở mười phương, suy cầu Phật pháp, rốt ráo không thể đắc.

一切諸法同一佛法非常非斷。何以故。

nhất thiết chư Pháp đồng nhất Phật Pháp phi thường phi đoạn 。

hà dĩ cố 。

Tất cả các pháp đều là Phật pháp, không thường, không đoạn Vì sao?

推求此法不可得故。以如實理求不可得。

thôi cầu thử Pháp bất khả đắc cố 。

dĩ như thực lý cầu bất khả đắc 。

Vì suy cầu pháp này không thể đắc, vì lý như thực cầu không thể đắc.

是法不可說有說無說亦無名相。

thị Pháp bất khả thuyết hữu thuyết vô thuyết diệt vô danh tướng 。

Pháp này không thể nói là có thuyết hay không thuyết, cũng không có danh tướng,

過此境界若離名相即是平等。若法平等即無執著。無可著者是法真實。

quá thử cảnh giới nhược ly danh tướng tức thị bình đẳng 。

nhược Pháp bình đẳng tức vô chấp trước 。

vô khả trước giả thị Pháp chân thực 。

ngoài cảnh giới này; nếu lìa danh tướng, tức là bình đẳng. Nếu pháp bình đẳng tức không chấp trước; cái không thể chấp trước là pháp chân thực.

若著真實即是虛妄。以不著故即非虛妄。

nhược trừ chân thực tức thị hư vọng 。 dĩ bất trừ cố tức phi hư vọng 。

Nếu chấp trước chân thực tức là hư vọng; vì không chấp trước, tức chẳng phải hư vọng.

無所滯著心即無礙。

vô sở trệ trừ tâm tức vô ngại 。

Không có cái đeo bám, tâm tức vô ngại.

無礙即無障無障即無諍無諍即同虛空。

vô ngại tức Vô chướng Vô chướng tức vô tránh vô tránh tức đồng hư không 。

Vô ngại tức không chướng. Không chướng tức không tranh. Không tranh tức đồng với hư không.

是法不繫欲界不繫色界不繫無色界。若一切處無所繫屬。

thị Pháp bất hệ dục giới bất hệ sắc giới bất hệ vô sắc giới 。

nhược nhất thiết xử vô sở hệ chúc 。

Pháp này không hệ thuộc Dục giới, không hệ thuộc Sắc giới, không hệ thuộc Vô sắc giới. Nếu pháp không hệ thuộc tất cả xứ,

thị Pháp vô sắc vô tướng vô hình 。

thì pháp này không sắc, không tướng, không hình. Nếu pháp không sắc, không tướng, không hình, thì nên biết Pháp đó như thế này:

隨彼境界而離能知亦離所知。

tùy bỉ cảnh giới nhi ly năng tri diệc ly sở tri 。

tùy cảnh giới kia mà lìa năng tri, cũng lìa sở tri.

何以故是中無有少法可覺少法能覺。

hà dĩ cố thị trung vô hữu thiểu Pháp khả giác thiểu Pháp năng giác
。

Vì sao? Trong đó không có pháp nào được biết, không có pháp nào có thể biết.

是名菩薩摩訶薩行般若波羅蜜通達平等。大王。

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật thông đạt bình
đẳng 。 Đại Vương 。

Đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, thông đạt bình đẳng. Đại
vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。觀大慈大悲大喜大捨。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 quán Đại từ Đại bi
Đại hỷ Đại xả 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, quán Đại từ, Đại bi, Đại hỷ, Đại xả,

不見我不見眾生。不見命不見人。

bất kiến ngã bất kiến chúng sinh 。 bất kiến mạng bất kiến nhân 。

không thấy ngã, không thấy chúng sinh, không thấy thọ mạng, không thấy người.

雖行布施而調伏心離戒相心而淨持戒。

tuy hành bố thí nhi điều phục tâm ly giới tướng tâm nhi tịnh
trì giới 。

Tuy hành bố thí mà điều phục tâm; tâm lìa giới tướng mà thanh tịnh trì giới;

以無盡心修行忍辱。離心精進。以寂靜心修習禪定。

dĩ vô tận tâm tu hành nhẫn nhục 。

ly tâm tinh tấn 。

dĩ tịch tĩnh tâm tu tập Thiền định 。

lấy tâm vô tận tu hành nhẫn nhục, lìa tâm tinh tấn; lấy tâm tịch tĩnh tu tập thiền
định;

心無所緣修行般若心念四處。以平等心修習正勤。

tâm vô sở duyên tu hành bát nhã tâm niệm tứ xứ 。 dĩ ình đẳng tâm tu tập chính tinh cần 。

tâm không sở duyên, tu hành Bát nhã, tâm niệm bốn Xứ; lấy tâm bình đẳng tu tập Chính cần;

離戲論心修諸神足。分別眾生觀察諸根。

ly hí luận tâm tu chư Thần túc 。 phân biệt chúng sinh quan sát chư căn 。

lia tâm hí luận, tu các Thần túc, phân biệt chúng sinh, quán sát các căn;

離愆失心修諸根力。以分別心觀察覺分。

ly khiên thất tâm tu chư căn lực 。 dĩ phân biệt tâm quan sát giác phần 。

lia tâm tội lỗi tu các Căn lực, dùng tâm phân biệt, quán sát Giác phần;

無功用心修習正道。心無所著而有淨信。

vô công dụng tâm tu tập chính đạo 。 tâm vô sở trú nhi hữu tịnh tín 。

tâm không công dụng tu tập Chính đạo, tâm không chấp trước mà có tịnh tín;

自然智慧憶念諸法。平等智心修諸三昧。

tự nhiên trí tuệ ức niệm chư Pháp 。 bình đẳng trí tâm tu chư tam muội 。

trí tuệ tự nhiên, nhớ nghĩ các pháp, tâm trí bình đẳng tu các tam muội;

不分別心觀般若波羅蜜。以止息心修奢摩他。

bất phân biệt tâm quán bát nhã ba la mật 。 dĩ chỉ tức tâm tu xa ma tha 。

tâm không phân biệt quán Bát-nhã ba-la-mật, lấy tâm ngừng lắng tu Thiền chỉ tha;

無所見心修毘婆舍那。無所念心而修念佛。

vô sở kiến tâm tu ùi bà xá na 。 vô sở niệm tâm nhi tu niệm Phật 。

tâm không sở kiến mà tu Thiền quán; tâm không có niệm mà tu Niệm Phật;

通達法界平等之心而修念法。

thông đạt Pháp giới bình đẳng chi tâm nhi tu niệm Pháp 。

tâm thông đạt Pháp giới bình đẳng mà tu Niệm Pháp;

無所住心而修念僧本心清淨。教化眾生。

vô sở trụ tâm nhi tu niệm Tăng bản tâm thanh tịnh 。

giáo hóa chúng sinh 。

tâm không chỗ trú mà tu Niệm Tăng; bản tâm thanh tịnh, giáo hóa chúng sinh;

不起分別法界之心攝一切法。如虛空心淨佛國土。

bất khởi phân biệt Pháp giới chi tâm nhiếp nhất thiết Pháp 。

như hư không tâm tịnh Phật quốc thổ 。

tâm không khởi phân biệt Pháp giới bao hàm tất cả pháp, tâm như hư không, tịnh quốc độ Phật;

無所得心得無生法忍。無進退心得阿鞞跋致。

vô sở đắc tâm đắc vô sinh Pháp nhẫn 。

vô tiến thoái tâm đắc a tỳ bạt trí 。

tâm không sở đắc, được Vô sinh pháp nhẫn; tâm không tiến thoái, được Bất thoái chuyển;

遠離相心不見有相。三界平等心莊嚴道場。

viễn li tướng tâm bất kiến hữu tướng 。

tam giới bình đẳng tâm trang nghiêm đạo trường 。

tâm xa lìa tướng không thấy có tướng; tâm Tam giới bình đẳng, trang nghiêm đạo tràng;

心能覺知一切諸法。

tâm năng giác tri nhất thiết chư Pháp 。

tâm có thể thấy biết tất cả pháp.

轉於法輪不見聽說示現涅槃而知生死本性平等。大王。

chuyển ư Pháp luân bất kiến tánh thuyết thị hiện Niết-Bàn nhi tri sinh tử bản tính bình đẳng 。

Pháp luân được chuyển nhưng không thấy nghe, nói; thị hiện Niết-bàn nhưng biết tính của sinh tử vốn bình đẳng. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。如是觀諸法不見能觀不見所觀。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, quán các pháp như vậy mà không thấy người quán, không thấy cái được quán,

即時能得遊戲自在。何以故。

tức thời năng đắc du hí tự-tại 。

liền có thể được Du hí tự tại. Vì sao?

自心清淨能見一切眾生淨故。大王。譬如虛空遍滿一切。

tự tâm thanh tịnh năng kiến nhất thiết chúng sinh tịnh cố 。

Vì tự tâm thanh tịnh có thể thấy tất cả chúng sinh thanh tịnh. Đại vương, ví như hư không đầy khắp tất cả,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜心亦如是。說此法時。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật tâm diệc như thị 。 thuyết
thử Pháp thời 。

tâm Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng thế. Lúc nói Pháp này,

眾中八萬四千人天發阿耨多羅三藐三菩提心

chúng trung bát vạn tứ thiên nhân Thiên phát a nậu đa la tam
miểu tam Bồ-đề tâm

trong chúng có tám vạn bốn ngàn người, Trời phát tâm Vô thượng Chính đẳng
Chính giác,

。三萬二千菩薩得無生法忍。

。 tam vạn nhị thiên Bồ-tát đắc vô sinh Pháp nhẫn 。

ba vạn hai ngàn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn;

八萬四千眾生得遠塵離垢法眼淨。

bát vạn tứ thiên chúng sinh đắc viễn trần ly cấu Pháp nhãn tịnh
。

tám vạn bốn ngàn chúng sinh được mắt Pháp thanh tịnh, xa lìa trần cấu;

一萬二千比丘皆得漏盡。佛告勝天王言。大王。

nhất vạn nhị thiên bì khâu giai đắc lậu tận 。

Phật cáo thắng Thiên
vương ngôn 。

Đại Vương 。

một vạn hai ngàn Tỷ-kheo đều được Lậu tận. Phật bảo Thắng Thiên Vương:

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。心得清淨深大如海。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

tâm đắc thanh tịnh thâm
Đại như hải 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tâm được thanh tịnh, sâu lớn như biển,

功德智慧不可測量。菩薩摩訶薩能現出世。

công đức trí tuệ bất khả trắc lượng 。 Bồ-tát Ma-Ha tát năng hiện xuất thế 。

công đức trí tuệ không thể đo lường. Bồ-tát Ma-ha-tát có thể thị hiện xuất thế,

諸功德寶眾生用之。乃至菩提無有盡竭。

chư công đức bảo chúng sinh dụng chi 。 nãi chí bồ đề vô hữu tận kiệt 。

các châu báu công đức chúng sinh lấy dùng, cho đến Bồ-đề, không có cạn kiệt.

菩薩功德亦復不滅。猶如大海多出眾寶。

Bồ-tát công đức diệt phục bất diệt 。

Công đức Bồ-tát cũng lại không diệt, giống như biển lớn cho nhiều vật báu.

菩薩智慧甚深難入。聲聞緣覺無能涉者。

Bồ-tát trí tuệ thậm thâm nan nhập 。

Trí tuệ Bồ-tát sâu thẳm khó vào, Thanh Văn, Duyên Giác không thể bước đến;

亦如大海小獸不入。菩薩智慧廣大無邊。何以故。

diệt như Đại hải tiểu thú bất nhập 。

cũng như biển lớn, thú nhỏ không thể vào. Trí tuệ Bồ-tát rộng lớn, vô biên. Vì sao?

無著無住無色無相。菩薩智慧從初至後次第轉深。

Vô trú vô trụ vô sắc vô tướng 。

Không dính, không trụ, không sắc, không tướng. Trí tuệ Bồ-tát, từ đầu đến cuối, dần dần thêm sâu.

初菩提心後薩婆若菩薩法爾。

sơ bồ đề tâm hậu tát bà nhược Bồ-tát Pháp nhĩ 。

Tâm Bồ-đề lúc đầu, Nhất thiết trí về sau, Bồ-tát vẫn như thế;

不與煩惱及惡知識而共止住。

bất dĩ phiền não cập ác tri thức nhi cộng chỉ trụ 。

không cùng ở chung với phiền não và ác tri thức.

世間智慧若入菩薩智慧之中一相一味。所謂無相薩婆若無分別味。

thế gian trí tuệ nhược nhập Bồ-tát trí tuệ chi trung nhất tướng nhất vị 。

Trí tuệ thế gian nếu nhập vào trí tuệ Bồ-tát thì có cùng một tướng, một vị; nghĩa là, Vô tướng Nhất thiết trí có vị không phân biệt.

菩薩摩訶薩觀一切法。不見法增不見法減。

Bồ-tát Ma-Ha tát quán nhất thiết Pháp 。

Bồ-tát Ma-ha-tát quán tất cả pháp, không thấy pháp tăng, không thấy pháp giảm.

何以故。通達平等深法性故。菩薩摩訶薩。

hà dĩ cố 。

Vì sao? Vì thông đạt Pháp tính bình đẳng sâu xa. Lực Đại từ bi của Bồ-tát Ma-ha-tát

大慈悲力不違本願。一切聖人之所依處。

Đại từ bi lực bất vi Bản Nguyện 。

không trái bản nguyện, làm nơi nương tựa cho tất cả thánh nhân,

為諸眾生永劫說法無有窮盡。大王。

vi chử chúng sinh vĩnh kiếp thuyết Pháp vô hữu cùng tận 。 Đại Vương
。

vì các chúng sinh, thuyết pháp suốt đời, không có cùng tận. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。通達如是甚深法性。大王。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 thông đạt như thị thậm
thâm Pháp tính 。 Đại Vương 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, thông đạt Pháp tính sâu thẳm như vậy.
Đại vương,

菩薩摩訶薩。善能通達世諦眾法。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。 thiện năng thông đạt thế đế chúng Pháp 。

Bồ-tát Ma-ha-tát có thể khéo thông đạt các pháp Thế đế.

雖說諸色而非實有。推求此色終不取著。

tuy thuyết chử sắc nhi phi thực hữu 。 thôi cầu thủ sắc
chung bất thủ trú 。

Tuy thuyết các sắc nhưng không thực có; suy cầu sắc này nhưng không bao giờ
nắm giữ;

受想行識亦復如是。雖說地大而非真實。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。 tuy thuyết địa Đại nhi phi
chân thực 。

thọ, tưởng, hành, thức cũng thế. Tuy nói đại chủng đất nhưng chẳng phải chân
thực;

推求地大終不取著。水火風空識亦復如是。

thôi cầu địa Đại chung bất thủ trú 。 thủy hỏa phong không
thức diệc phục như thị 。

suy cầu đại chủng đất mà không bao giờ nắm giữ; nước, lửa, gió, không, thức
cũng thế.

雖說眼入而非真實。推求眼入終不取著。

tuy thuyết nhãn nhập nhi phi chân thực 。thôi cầu nhãn nhập chung bất thủ trú 。

Tuy nói mắt nhập mà chẳng phải chân thực; suy cầu mắt nhập mà không bao giờ nắm bắt;

耳鼻舌身意亦復如是。雖復說我而非真實。推求覓我終不取著。

nhĩ tỳ thiệt thân ý diệc phục như thị 。tuy phục thuyết ngã nhi phi chân thực 。thôi cầu mịch ngã chung bất thủ trú 。

tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng thế. Tuy nói ngã mà chẳng phải chân thực; suy cầu tìm ngã mà không bao giờ nắm bắt.

眾生命養育人。作者壽者。知者見者。

chúng sinh mạng dưỡng dục nhân 。 tác giả thọ giả 。 tri giả kiến giả 。

Chúng sinh, mạng, người dưỡng dục, người làm, người sống, người biết, người thấy,

亦復如是。雖說世間而非真實。推求世間終不取著。

diệc phục như thị 。tuy thuyết thế gian nhi phi chân thực 。thôi cầu thế gian chung bất thủ trú 。

cũng thế. Tuy nói thế gian mà chẳng chân thực; suy cầu thế gian mà không bao giờ nắm bắt.

雖說世法而非真實。推求世法終不取著。

tuy thuyết thế Pháp nhi phi chân thực 。thôi cầu thế Pháp chung bất thủ trú 。

Tuy nói thế pháp nhưng chẳng chân thực; suy cầu thế pháp mà không bao giờ nắm bắt.

雖說佛法而非真實。推求佛法終不取著。

tuy thuyết Phật Pháp nhi phi chân thực 。 thôi cầu Phật Pháp chung bắt thủ trứ 。

Tuy nói Phật pháp mà chẳng chân thực; suy cầu Phật pháp mà không bao giờ nắm bắt.

雖說菩提而非真實。推求菩提終不取著。大王。

tuy thuyết bồ đề nhi phi chân thực 。 thôi cầu bồ đề chung bắt thủ trứ 。

Tuy nói Bồ-đề nhưng chẳng chân thực; suy cầu Bồ-đề mà không bao giờ nắm bắt.

凡有言說名為世諦此非真實。

phàm hữu ngôn thuyết danh vi thế đế thử phi chân thực 。

Phàm có ngôn thuyết, gọi là Thế đế, chẳng phải chân thực.

若無世諦第一義諦則不可說。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

nhược vô thế đế đệ nhất nghĩa đế tắc bất khả thuyết 。

Nếu không có Thế đế thì không thể thuyết Đệ nhất nghĩa đế. Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

通達世諦不違第一義諦。即通達之。

thông đạt thế đế bất vi đệ nhất nghĩa đế 。

thông đạt Thế đế, không trái Đệ nhất nghĩa đế. Tức thông đạt điều đó,

知法無生無滅無壞無此無彼。悉離語言文字戲論。

tri Pháp vô sinh vô diệt vô hoại vô thử vô bỉ 。

biết pháp không sinh, không diệt, không hoại, không này, không kia, xa lìa ngôn ngữ, văn tự, hý luận.

大王。第一義者離言寂靜。

Đại Vương 。 đệ nhất nghĩa giả ly ngôn tịch tĩnh 。

Đại vương, Đệ nhất nghĩa thì vắng lặng, lìa ngôn ngữ,

聖智境界無變壞法。若佛出世若不出世性相常住。

Thánh trí cảnh giới vô biến hoại Pháp 。

nhược Phật xuất thế nhược bất xuất thế tính tướng thường trụ 。

là cảnh giới của Thánh trí, là Pháp không biến hoại. Nếu Phật xuất thế hay không xuất thế thì tính, tướng vẫn thường trụ.

是名菩薩通達第一義諦。爾時勝天王白佛言。世尊。

thị danh Bồ-tát thông đạt đệ nhất nghĩa đế 。

nhĩ thời thắng Thiên vương bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

Đó gọi là Bồ-tát thông đạt Đệ nhất nghĩa đế. Bấy giờ, Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn,

若一切諸法不生不滅自性空離。

nhược nhất thiết chư Pháp bất sinh bất diệt tự tính không ly 。

nếu tất cả các pháp không sinh, không diệt, tự tính Không, xa lìa,

云何有佛出世及轉法輪。云何菩薩於無生法而見有生。

vân hà hữu Phật xuất thế cập chuyển Pháp luân 。

vân hà Bồ-tát ư vô sinh Pháp nhi kiến hữu sinh 。

vì sao có Phật xuất thế và chuyển Pháp luân? Vì sao Bồ-tát đối với pháp Vô sinh lại thấy có sinh?

佛告勝天王言。大王。法不滅故不生。

Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。

Đại Vương 。

Pháp bất diệt cố bất sinh 。

Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương, pháp không diệt nên không sinh.

何以故。性不變異故。但以世諦因緣見有生滅。

hà dĩ cố 。 tính bất biến dị cố 。 đãn dĩ thế đế nhân duyên kiến hữu sinh diệt 。

Vì sao? Vì tính không đổi khác. Chỉ vì nhân duyên Thế đế nên thấy có sinh diệt.

皆是虛妄非真實有。

giai thị hư vọng phi chân thực hữu 。

Tất cả đều là hư vọng, chẳng phải thật có.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。善巧方便見因緣法。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

thiện xảo phương tiện kiến nhân duyên Pháp 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, phương tiện thiện xảo thấy pháp nhân duyên,

即知世諦悉空無有不見堅實。似有如影。如炎響幻。

tức tri thế đế tất không vô hữu bất kiến kiên thực 。

tự hữu như ảnh 。

như viêm hưởng huyễn 。

tức biết Thế đế đều Không, không có, không thấy có chắc thực, có tự như ảnh, như hơi nóng, như tiếng vang, như huyễn,

不安搖動從因緣生。菩薩摩訶薩以般若波羅蜜。

bất an diêu động tòng nhân duyên sinh 。

Bồ-tát Ma-Ha tát dĩ bát nhã ba la mật 。

bất an, dao động, từ nhân duyên sinh. Bồ-tát Ma-ha-tát dùng Bát-nhã ba-la-mật,

觀諸法空乃至從因緣生。作是思惟。

quán chư Pháp không nãi chí tòng nhân duyên sinh 。

tác thị tư duy 。

quán các pháp là Không cho đến từ nhân duyên sinh, suy nghĩ thế này:

此等諸法今見有生有住有滅。何因緣生何因緣滅。

thử đấng chư Pháp kim kiến hữu sinh hữu trụ hữu diệt 。 hà nhân duyên sinh hà nhân duyên diệt 。

Các pháp này, nay thấy có sinh, có trụ, có diệt. Do nhân duyên nào sinh? Do nhân duyên nào diệt?

即作是知。無明因緣故生諸行。依行生識。

tức tác thị tri 。 vô minh nhân duyên cố sinh chư hành 。 y hành sinh thức 。

Liên biết thế này: Vì nhân duyên Vô minh nên sinh các Hành, nương Hành sinh Thức,

識生名色。名色生六入。六入生觸。觸生受故。

thức sinh danh sắc 。 danh sắc sinh lục nhập 。 lục nhập sinh xúc 。 xúc sinh thọ cố 。

Thức sinh Danh Sắc, Danh Sắc sinh sáu Nhập, sáu Nhập sinh Xúc, Xúc sinh Thọ.

凡夫起愛。渴愛生取。以因取故則相續有。

phàm phu khởi ái 。 khát ái sinh thủ 。 dĩ nhân thủ cố tác tướng tục hữu 。

Phàm phu khởi Ái, khát ái sinh Thủ, vì nhân là Thủ nên tiếp theo là Hữu;

由有故生。生則有老。老故有死憂悲苦惱。

do hữu cố sinh 。 sinh tắc hữu lão 。 lão cố hữu tử ưu bi khổ não 。

do Hữu nên có Sinh, có Sinh tức có Lão, vì có Lão nên có Tử, Ưu, Bi, Khổ, Não.

是故修行為斷無明。

thị cố tu hành vi đoạn vô minh 。

Vì thế tu hành để đoạn Vô minh.

無明若斷餘十一分則亦復滅。譬如人身若斷命根餘根靡用。大王。

vô minh nhược đoạn dư thập nhất phân tắc diệt phục diệt 。 thí như nhân thân nhược đoạn mạng căn dư căn mĩ dụng 。 Đại Vương
Nếu Vô minh đoạn thì mười một phần khác cũng diệt. Ví như thân người, nếu đoạn mạng căn thì các căn khác không còn tác dụng. Đại vương,

邪見外道為求解脫。但欲斷死不知斷生。

tà kiến ngoại đạo vi cầu giải thoát 。 đăn dục đoạn tử bất tri đoạn sinh 。

ngoại đạo tà kiến, vì cầu giải thoát, chỉ muốn đoạn Tử, không biết đoạn Sinh.

若法不生則無有滅。譬如有人塊擲師子。

nhược Pháp bất sinh tắc vô hữu diệt 。 thí như hữu nhân khối trịch Sư-tử 。

Nếu pháp không sinh thì không có diệt. Ví như có người lấy đá ném sư tử;

師子逐人而塊自息。菩薩亦爾。

Sư-tử trục nhân nhi khối tự tức 。

Bồ-tát diệt nhĩ 。

但斷其生而死自滅。犬唯逐塊不知逐人塊終不息。

đăn đoạn kỳ sinh nhi tử tự diệt 。

khuyến duy trục khối bất tri trục nhân khối chung bất tức 。

chỉ đoạn Sinh thì Tử tự diệt. Con chó chỉ đuổi đá mà không biết đuổi người, nên việc ném đá mãi mãi không dừng.

外道亦爾不知斷生終不離死。大王。

ngoại đạo diệt nhĩ bất tri đoạn sinh chung bất ly tử 。

。 Đại Vương

Ngoại đạo cũng thế, không biết đoạn Sinh cuối cùng không lia được Tử. Đại vương,

菩薩摩訶薩如是行般若波羅蜜。善知因緣諸法生滅。

Bồ-tát Ma-Ha tát như thị hành bát nhã ba la mật 。 thiện tri nhân duyên chư Pháp sinh diệt 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật như thế, khéo biết nhân duyên sinh diệt các pháp.

大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Đại Vương 。 Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

知緣生法空無實有不起我慢。

tri duyên sinh Pháp không vô thực hữu bất khởi ngã mạn 。

biết pháp Duyên sinh là Không, không thực có, không khởi ngã mạn.

若生婆羅門刹利居士長者之家。不起二慢尊貴豪富。

nhược sinh Bà-la-môn sát lợi Cư-sĩ Trưởng-Giả chi gia 。

bất khởi nhị mạn tôn quý hào phú 。

Nếu sinh vào nhà Bà-la-môn, Sát-lợi, cư sĩ, trưởng giả, thì không khởi hai mạn tôn quý, hào phú.

若生貧賤自知宿業不甚清淨得報下劣。

nhược sinh bần tiện tự tri tú nghiệp bất thậm thanh tịnh đắc báo hạ liệt 。

Nếu sinh vào nơi bần tiện thì tự biết nghiệp đời trước không được thanh tịnh nên có quả báo thấp kém;

心起厭離即求出家。作是思惟。如我此身雜業所得。

tâm khởi yếm ly tức cầu xuất gia 。 tác thị tư duy 。 như ngã thử thân tạp nghiệp sở đắc 。

khởi tâm ghét bỏ, tức cầu xuất gia; suy nghĩ thế này: như thân ta đây, do nghiệp tạp loạn mà có;

更修淨業令自清淨使他亦爾。自既求度亦復度他。

canh tu tịnh nghiệp lệnh tự thanh tịnh sử tha diệc nhĩ 。

tự ký cầu độ diệc phục độ tha 。

liền tu tịnh nghiệp, khiến tự thanh tịnh, khiến người khác cũng được như vậy. Tự mình cầu độ, cũng lại độ người;

自求脫離亦解他縛。

tự cầu thoát ly diệc giải tha phược 。

tự cầu thoát ly, cũng lại cởi trói cho người.

以是因緣即生精進不墮懈怠。障道惡法皆為斷除。

dĩ thị nhân duyên tức sinh tinh tấn bất đọa giải đãi 。

chướng đạo ác Pháp giai vi đoạn trừ 。

Vì nhân duyên này tức sinh tinh tấn, không bị biếng nhác. Pháp ác chướng đạo đều được đoạn trừ,

助道善法悉應增長勤修精進。作是思惟我負重擔。

trợ đạo thiện Pháp tất ứng tăng trưởng tinh siêng tu tinh tấn 。

tác thị tư duy ngã phụ trọng đư 。

pháp lành trợ đạo đều nên tăng trưởng, siêng tu, tinh tấn, suy nghĩ thế này: ta mang gánh nặng,

應當自滅一切煩惱。度脫眾生不得懈怠。

ứng đương tự diệt nhất thiết phiền não 。

độ thoát chúng sinh bất đắc giải đãi 。

nên tự mình diệt tất cả phiền não, độ thoát chúng sinh, không được biếng nhác.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

親近師僧多聞寡聞有知無知持戒破戒。

thân cận sư tăng đa văn quả văn hữu tri vô tri trì giới phá giới
。

gần gũi sư tăng, nghe ít, nghe nhiều, có biết, không biết, trì giới, phá giới,

但生佛想恭敬同學思惟我今依師學習。修善未滿悉令滿足。

đãn sinh Phật tưởng cung kính đồng học tư duy ngã kim y sư
học tập 。

chỉ tưởng nhớ Phật, cung kính đồng học; suy nghĩ: ta nay nương thầy học tập, tu
thiện chưa đầy nhất định phải làm cho đầy đủ,

煩惱未盡斷之令盡。擁護善法捨離不善。

phiền não vị tận đoạn chi lệnh tận 。

phiền não chưa đoạn hết thì làm cho hết; ủng hộ thiện pháp, rời bỏ bất thiện.

一切種智憐愍世間。大悲福田寂靜天人師。

nhất thiết chủng trí liên mẫn thế gian 。

Nhất thiết chủng trí thương xót thế gian, Phước điền Đại bi, Thiên nhân sư tịch
tĩnh,

是我大師善得吉利。一切天人皆事法王以為大師。

thị ngã Đại sư thiện đắc cát lợi 。

là Đại sư của ta, khéo được lợi lành, tất cả Trời, người thờ làm Pháp vương, làm Đại sư.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜作是思惟。佛說淨戒。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật tác thị tư duy 。 Phật thuyết tịnh giới 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, suy nghĩ thế này: Phật thuyết tịnh giới,

設為身命亦不毀犯。

thiết vì thân mạng diệc bất hủy phạm 。

nếu vì thân mạng, cũng không hủy phạm.

如世尊說隨順佛教即供養佛。若婆羅門刹利居士長者。

như Thế Tôn thuyết tùy thuận Phật giáo tức cung dưỡng Phật 。 nhược Bà-la-môn sát lợi Cư-sĩ Trưởng-Giả 。

Như Thế Tôn nói, tùy thuận lời Phật dạy tức cúng dường Phật. Nếu Bà-la-môn, Sát-lợi, cư sĩ, trưởng giả,

種種飲食信心施與。如法受用不令彼人空失果報。

chủng chủng ẩm thực tín tâm thí dữ 。 như Pháp thọ dụng bất lệnh bỉ nhân không thất quả báo 。

tín tâm bố thí đủ loại đồ ăn thức uống, thì thọ dụng như pháp, đừng để họ bị mất quả báo.

食者施者俱得利益。婆羅門刹利居士長者。

thực giả thí giả câu đắc lợi ích 。

Người ăn, người thí đều có lợi ích. Bà-la-môn, Sát-lợi, cư sĩ, trưởng giả,

以沙門名而召菩薩作福田想。

dĩ Sa Môn danh nhi triệu Bồ-tát tác phúc điền tưởng 。

lấy danh tự Sa-môn mà kêu gọi Bồ-tát nghĩ đến việc tạo ruộng phước.

菩薩應當如理如量修行正法。

Bồ-tát ứng đương như lý như lượng tu hành chính Pháp 。

Bồ-tát nên phải như lý, như lượng tu hành Chính pháp,

即令顯現沙門功德福田功德。菩薩如是自行化他不曾休廢。

tức lệnh hiển hiện Sa Môn công đức phúc điền công đức 。

Bồ-tát như thị tự hành hóa tha bất tăng hữu phế 。

tức khiến hiện rõ công đức Sa-môn, công đức Phước điền. Bồ-tát tự hành, giáo hóa người khác như thế mà chưa từng bỏ phế.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

如是修行則能隨順一切世間。見瞋恚者生下劣心。

như thị tu hành tắc năng tùy thuận nhất thiết thế gian 。

kiến sân khú giả sinh hạ liệt tâm 。

tu hành như vậy, có thể tùy thuận tất cả thế gian. Thấy người sân giận thì sinh tâm nhường nhịn,

見高慢人起無我想。見邪曲人起正直想。見妄語人起如實言。

kiến cao mạn nhân khởi vô ngã tưởng 。

kiến tà khúc nhân khởi chính trực tưởng 。

kiến vọng ngữ nhân khởi như thực ngôn 。

thấy người cao mạn thì khởi tưởng vô ngã, thấy người tà vạy thì khởi tưởng chính trực, thấy người vọng ngữ thì nói lời chân thực,

於惡口人常說愛語。見剛強者示現柔和。

ư ác khẩu nhân thường thuyết ái ngữ 。 kiến cương cường giả thị hiện nhu hòa 。

với người ác khẩu thì thường nói ái ngữ, thấy người cương cường thì thị hiện nhu hòa,

見慘毒人則行慈忍。見邪法人則生大慈。

kiến thảm độc nhân tắc hành từ nhẫn 。

thấy người thảm độc thì hành từ, nhẫn, thấy người tà pháp thì sinh Đại từ,

見苦眾生則起大悲。見慳嫉人則行布施。大王。

kiến khổ chúng sinh tắc khởi Đại bi 。

thấy chúng sinh khổ thì khởi Đại bi; thấy người keo kiệt, đố kỵ thì hành bố thí. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

如是隨順世智生淨佛國。何以故。持戒無缺離諸雜穢。

như thị tùy thuận thế trí sinh tịnh Phật quốc 。

tùy thuận thế trí như vậy, sinh vào Phật quốc thanh tịnh. Vì sao? Vì trì giới không mất, lìa các ế tạp,

修平等心。於眾生所具大善根不著名利。

tu bình đẳng tâm 。

tu tâm bình đẳng, đối với chúng sinh, có đủ căn lành lớn, không vướng danh lợi,

清淨之信無所望報。勤行精進不生懈怠。

thanh tịnh chi tín vô sở vọng báo 。 tinh cần hành tinh tấn bất sinh giải đãi 。

[lòng tin thanh tịnh, không mong báo đáp, siêng tu tinh tấn, không sinh biếng nhác,](#)

修諸禪定離散亂法。以微妙慧而習多聞。

tu chư Thiền định ly tán loạn Pháp 。 dĩ vi diệu tuệ nhi tập đa văn 。

[tu các thiền định, lìa pháp tán loạn, dùng tuệ vi diệu mà luyện đa văn,](#)

諸根不缺具足利智。常修大慈遠離瞋惱。

chư căn bất khuyết cụ túc lợi trí 。 thường tu Đại từ viễn li sân não 。

[các căn không thiếu, đầy đủ trí tuệ lanh lợi, thường tu Đại bi, lìa xa phiền não.](#)

以是因緣生淨佛國。爾時勝天王白佛言。世尊。如佛所說。

dĩ thị nhân duyên sinh tịnh Phật quốc 。 nhĩ thời thắng Thiên vương bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。 như Phật sở thuyết 。

[Vì nhân duyên này nên sinh vào Phật quốc thanh tịnh. Bây giờ, Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn, như lời Phật dạy,](#)

修戒等法生佛國土。為修行一行亦生。

tu giới đẳng Pháp sinh Phật quốc thổ 。 vì tu hành nhất hành diệc sinh 。

tu các pháp Giới, vân vân, được sinh vào nước Phật; tu hành một Hạnh cũng được sinh.

佛告勝天王言。大王。

Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。 Đại Vương 。

Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương,

若有菩薩摩訶薩於前所說種種法中。淨修一行即修眾法。

nhược hữu Bồ-tát Ma-Ha tát ư tiền sở thuyết chủng chủng Pháp trung 。 tịnh tu nhất hành tức tu chúng Pháp 。

nếu có Bồ-tát Ma-ha-tát, trong các loại pháp đã nói, nếu tịnh tu một Hạnh tức tu tất cả pháp.

如是一行得生淨土。何以故。一一行中具眾行故。

như thị nhất hành đắc sinh tịnh độ 。 hà dĩ cố 。 nhất nhất hành trung cụ chúng hành cố 。

Một hạnh như vậy được sinh tịnh độ. Vì sao? Vì trong mỗi một hạnh có đủ tất cả hạnh.

大王。

Đại Vương 。

Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜如是行生淨土不為胎汚。何以故。菩薩摩訶薩。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật như thị hành sinh tịnh độ bất vi thai 汚。 hà dĩ cố 。 Bồ-tát Ma-Ha tát 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, hành như thế thì sinh Tịnh độ, không bị thai làm ô ướ. Vì sao? Bồ-tát Ma-ha-tát

造作佛像修葺伽藍。如來塔前香泥塗地燒香供養。

tạo tác Phật tượng tu tập đà lam 。 Như Lai tháp tiền hương nê
đồ địa thiêu hương cung dưỡng 。

tạo dựng tượng Phật, tu sửa già-lam; trước tháp Như Lai, đất thơm trải nền, đốt
hương cúng dường,

或以香湯浴洗佛像。於伽藍內掃灑泥塗。

hoặc dĩ hương thang dục tẩy Phật tượng 。 ư đà lam nội tảo sái
nê đồ 。

hoặc lấy nước thơm tắm rửa tượng Phật, ở trong già-lam thì quét, rửa, tô đắp.

菩薩摩訶薩。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。

Bồ-tát Ma-ha-tát,

供養瞻省父母之身師僧同學及諸沙門。以平等心皆悉供養。

cung dưỡng chiêm tỉnh phụ mẫu chi thân sư tăng đồng học cập
chư Sa Môn 。 dĩ ình đẳng tâm giai tất cung dưỡng 。

cúng dường, chăm sóc thân thể cha mẹ, Sư tăng, đồng học và các Sa-môn, lấy
tâm bình đẳng, cúng dường tất cả;

迴此善根為一切眾生。

hồi thử thiện căn vi nhất thiết chúng sinh 。

hồi hướng căn lành này vì tất cả chúng sinh;

迴向阿耨多羅三藐三菩提令得清淨。

hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề lệnh đắc thanh tịnh 。

hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, khiến được thanh tịnh.

菩薩摩訶薩如是行般若波羅蜜即得離俗。何以故。心無取著不染朋黨背諸境界。

Bồ-tát Ma-Ha tát như thị hành bát nhã ba la mật tức đắc ly tục
。 hà dĩ cố 。 tâm vô thủ trú bất nhiễm bằng đảng bối chư cảnh
giới 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật như thế tức được lìa tục.Vì sao?

遠離愛緣境界不染。世尊說戒如實修行。

viễn ái duyên cảnh giới bất nhiễm 。

Thế Tôn thuyết giới như thực
tu hành 。

Vì lìa xa duyên ái, cảnh giới không nhiễm. Thế Tôn thuyết giới, tu hành như thực,

少欲知足隨宜四事。

thiểu dục tri túc tùy nghi tứ sự 。

biết đủ, ít muốn, tùy nghi bốn sự,

趣足過時心常怖畏樂寂靜離。大王。如是菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

thú túc quá thời tâm thường bố úy lạc tịch tĩnh ly 。

Đại Vương 。

nư thị Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

lúc quá đầy đủ tâm thường lo sợ, vui với tịch tĩnh, xả ly. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật như thế,

不著俗法即得淨命。無偽威儀口意欺詐。

bất trú tục Pháp tức đắc tịnh mạng 。

vô 偽 uy nghi khẩu ý khi
trá 。

không dính pháp tục, tức được tịnh mạng, không có oai nghi hư ngụy, khẩu ý
khinh mạn, lừa dối.

於施主前終不詐偽現身威儀。

ư thí chủ tiền chung bất trá 偽 hiện thân uy nghi 。

Trước mặt thí chủ, trọn đời không được giả dối hiện thân uy nghi,

安祥徐步視前六尺。若背檀越即便縱誕。

an tường từ bộ thị tiền lục xích 。 nhược bối đàn việt tức tiện túng đản 。

an lành rãi bước, nhìn trước sáu thước; sau lưng đàn-việt thì lại phóng đả, lừa dối.

於施主前不為利養下聲細語軟美之言順彼意語。

ư thí chủ tiền bất vi lợi dưỡng hạ thanh tế ngữ nhuễn mỹ chi ngôn thuận bỉ ý ngữ 。

Trước mặt thí chủ không vì lợi dưỡng mà hạ giọng nhỏ lời, ngôn từ mềm mỏng, lời thuận ý người;

若背檀越則便自縱。

nhược bối đàn việt tắc tiện tự túng 。

sau lưng đàn-việt thì lại tùy tiện, phóng túng.

見他行施口言不用心實欲須如是名為內心熱惱。口現少欲心貪利養。大王。

kiến tha hành thí khẩu ngôn bất dụng tâm thực dục tu như thị danh vi nội tâm nhiệt não 。

khẩu hiện thiểu dục tâm tham lợi dưỡng 。

Đại Vương 。

Thấy người hành thí, miệng nói không cần, tâm thực muốn có. Như thế gọi là nội tâm nhiệt não, miệng nói ít muốn, tâm ham lợi dưỡng. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

悉無此偽離求利相。若見檀越不得發言。

tất vô thử 偽 ly cầu lợi tướng 。

nhược kiến đàn việt bất đắc phát ngôn 。

thầy đều không có sự hư ngại này, xa lìa tướng cầu lợi. Nếu thấy đàn-việt, không được nói rằng:

三衣弊壞鉢器闕無或須湯藥。於施主前不得發言。

tam y tệ hoại bát khí khuyết vô hoặc tu thang dược 。 ư thí chủ tiền bất đắc phát ngôn

Ba y xấu nát, bình bát không có, hoặc cần thuốc thang. Trước mặt thí chủ không được nói rằng:

某甲檀越施我此物。彼人謂我持戒多聞大悲心淨。

mỗ giáp đàn việt thí ngã thử vật 。 bỉ nhân vị ngã trì giới đa văn Đại bi tâm tịnh 。

Đàn-việt kia cho tôi vật này. Người đó nói rằng tôi trì giới, đa văn, đại bi, tâm tịnh.

雖爾讚歎我無此德。唯當修行報施主恩。

tuy nhĩ tán thán ngã vô thử đức 。 duy đương tu hành báo thí chủ ân 。

Tuy tán thán như vậy nhưng tôi không có đức này, chỉ nên tu hành báo ân thí chủ.

菩薩摩訶薩。不應如是自讚毀他。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。 bất ứng như thị tự tán hủy tha 。

Bồ-tát Ma-ha-tát không nên tự khen, chê người như thế,

隨順白衣而求利養。若施餘人勿生瞋惱。不作諂曲而以取財。

tùy thuận bạch y nhi cầu lợi dưỡng 。 nhược thí dư nhân vật sinh sân não 。 bất tác siểm khúc nhi dĩ thủ tài 。

tùy thuận Bạch y mà cầu lợi dưỡng. Nếu bố thí cho người khác chớ sinh sân não.

Không siểm nịnh, quanh co để lấy được tiền của;

不詐親善害他取物。不為他人戲弄取財。

bất trá thân thiện hại tha thủ vật 。 bất vi tha nhân hí lộng thủ tài
。

không giả thân thiện để hại người lấy vật; không vì người khác, đùa giỡn để lấy tiền của.

檀越擬施或讚歎人。若說法者或擬大眾。

đàn việt nghĩ thí hoặc tán thán nhân 。 nhược thuyết Pháp giả hoặc nghĩ Đại chúng 。

Đàn-việt định bố thí hoặc tán thán người; nếu người thuyết pháp, hoặc nghĩ đến đại chúng,

或復未擬或施未決。菩薩不得入中取分。

hoặc phục vị nghĩ hoặc thí vị quyết 。 Bồ-tát bất đắc nhập trung thủ phân 。

hoặc chưa có ý định, hoặc chưa quyết định bố thí, thì Bồ-tát không được vào đó lấy phần.

若受施財不應執著。此是我有此是我物。

nhược thọ thí tài bất ứng chấp trú 。 thử thị ngã hữu thử thị ngã vật 。

Nếu nhận tiền của bố thí, không nên chấp trước: ta có cái này, ta có vật này;

即當迴施沙門師僧父母。及餘貧乏平等受用。

tức đương hồi thí Sa Môn sư tăng phụ mẫu 。 cập dư bần phạp bình đẳng thọ dụng 。

tức nên bố thí lại cho Sa-môn, Sư tăng, cha mẹ, và những người nghèo khổ khác, thọ dụng như nhau.

若財物盡不以生憂。少日不得心無苦惱。大王。

nhược tài vật tận bất dĩ sinh ưu 。 thiểu nhật bất đắc tâm vô khổ não 。

Nếu hết tiền của, không vì thế mà sinh buồn; vài ngày không có, tâm không khổ não. Đại vương,

菩薩摩訶薩。受施迴與二俱清淨。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。 thọ thí hồi dũ nhị câu thanh tịnh 。

Bồ-tát Ma-ha-tát nhận bố thí và bố thí lại, cả hai đều thanh tịnh.

行清淨故心不疲勞。何以故。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

hành thanh tịnh cố tâm bất bì lao 。 hà dĩ cố 。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Vì hành thanh tịnh nên tâm không mỏi mệt. Vì sao? Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

為利眾生久處生死而不厭患。

vi lợi chúng sinh cửu xử sinh tử nhi bất yếm hoạn 。

vì lợi ích chúng sinh nên ở lâu trong sinh tử mà không lo lắng, chán ghét.

若有魔事眾苦逼切心無退轉。若人欲行二乘之道。

nhược hữu ma sự chúng khổ bức thiết tâm vô thoái chuyển 。

nhược nhân dục hành nhị thừa chi đạo 。

Nếu có Ma sự, các khổ bức thiết, tâm không thoái chuyển. Nếu người muốn hành đạo Nhị thừa,

即為說法不憚疲勞。菩薩自修助菩提法無有厭倦。

tức vi thuyết Pháp bất đạn bì lao 。

Bồ-tát tự tu trợ bồ đề Pháp vô hữu yếm quyện 。

liền vì thuyết pháp, không sợ mệt mỏi. Bồ-tát tự tu pháp trợ Bồ-đề, không có chán mệt.

大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Đại Vương 。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

如是精進則能隨順佛正教行。何以故。

như thị tinh tấn tác năng tùy thuận Phật chính giáo hành 。 hà dĩ cố 。
tinh tấn như thế, tức có thể hành theo Chính giáo của Phật. Vì sao?

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。離諸放逸心常謹慎。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 ly chư phóng dật tâm
thường cẩn 慎。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, lia các buông thả, tâm thường cẩn
thận,

善攝自身不作諸惡不善之法。口意亦爾。

thiện nhiếp tự thân bất tác chư ác bất thiện chi Pháp 。 khẩu ý diệc
nhĩ 。

khéo nhiếp tự thân, không làm pháp ác, bất thiện; miệng, ý cũng vậy.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

雖處現在恒懼未來一切諸惡不善之法斷之不生。言必附理常說法教。

tuy xử hiện tại hằng cụ vị lai nhất thiết chư ác bất thiện chi Pháp đoạn
chi bất sinh 。 ngôn tất phụ lý thường thuyết Pháp giáo 。

tuy ở hiện tại nhưng vẫn sợ tất cả các pháp ác, bất thiện ở vị lai, nên đoạn trừ
không để sinh khởi. Thường thuyết giáo pháp, lời nói tất dựa vào lý;

非法不言悉棄穢業。純修淨行不毀佛教。

phi Pháp bất ngôn tất khí uế nghiệp 。 thuần tu tịnh hạnh bất hủy
Phật giáo 。

không nói lời phi pháp, tức bỏ được nghiệp uế, thuần tu tịnh hạnh, không chê lời Phật,

遠離煩惱不淨之法。是名擁護如來正教。

viễn li phiền não bất tịnh chi Pháp 。 thị danh ủng hộ Như Lai chính giáo 。

xa lìa pháp bất tịnh phiền não; đó gọi là ủng hộ Chính giáo Như Lai.

一切諸惡不善之法悉斷離之。大王。

nhất thiết chư ác bất thiện chi Pháp tất đoạn ly chi 。 Đại Vương 。

Tất cả các pháp ác, bất thiện đều đoạn, lìa. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。如是隨順佛清淨教。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 như thị tùy thuận Phật thanh tịnh giáo 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tùy thuận giáo pháp thanh tịnh của Phật như thế,

視諸眾生面門先笑曾無嚔蹙。所以然者。

thị chư chúng sinh diện môn tiên tiếu tăng vô tảo súc 。 sở dĩ nhiên giả 。

nhìn các chúng sinh, mặt mỉm cười trước, chưa từng nhăn mày; đó là lẽ tự nhiên vậy.

心離穢濁諸根清淨不染離垢。心不瞋恚內無恨結。

tâm ly uế trước chư căn thanh tịnh bất nhiễm ly cấu 。 tâm bất sân khuể nội vô hận kết 。

Tâm xa lìa uế trước, các căn thanh tịnh, không nhiễm, lìa cấu; tâm không sân nhuế, bên trong không kết hận.

菩薩摩訶薩。如是行般若波羅蜜即得多聞。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。 như thị hành bát nhã ba la mật tức đắc đa văn
。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật như thế tức được đa văn,

觀察生死能如實知。欲火熾然瞋火焚燒。

quan sát sinh tử năng như thực tri 。 dục hỏa sí nhiên sân hỏa
phần thiêu 。

quan sát sinh tử có thể biết như thực: lửa dục bùng cháy, lửa sân thiêu đốt,

愚癡之火常所迷亂。亦如實知有為無常。

ngu si chi hỏa thường sở mê loạn 。 diệc như thực tri hữu vi vô
thường 。

lửa ngu si thường làm mê loạn. Cũng biết như thực pháp hữu vi là vô thường,

一切行苦諸法無我。世間眾生耽著戲論。

nhất thiết hành khổ chư Pháp vô ngã 。 thế gian chúng sinh đam trú hí
luận 。

tất cả các hành là khổ, các pháp là vô ngã; chúng sinh thế gian đắm mắc hí
luận;

一切法中唯有涅槃乃為寂靜。若聞他說即思惟義。

nhất thiết Pháp trung duy hữu Niết-Bàn nãi vi tịch tĩnh 。 nhược văn
tha thuyết tức tư duy nghĩa 。

trong tất cả pháp chỉ có Niết-bàn là tịch tĩnh. Nếu nghe người nói, tức suy nghĩ
nghĩa,

傳以授人。發大慈悲起堅固意。

truyện dĩ thụ nhân 。 phát Đại từ bi khởi kiên cố ý 。

truyền thọ cho người, phát Đại từ bi, khởi ý kiên cố.

若不聞法則無思修。是故聞慧猶如字本。

nhược bất văn Pháp tắc vô tư tu 。 thị cố văn tuệ do như tự bốn
。

Nếu không nghe pháp thì không có Tư, Tu. Vì thế Văn tuệ giống như chữ gốc;

一切智慧因之而生。既得多聞則護正法。大王。

nhất thiết trí tuệ nhân chi nhi sinh 。 kỳ đắc đa văn tắc hộ
chính Pháp 。 Đại Vương 。

tất cả trí tuệ nhân đó mà sinh; đã được đa văn liền hộ Chính pháp. Đại vương,

未來末世正法滅時。其有眾生樂勤修行。

vị lai mạt thế chính Pháp diệt thời 。 kỳ hữu chúng sinh lạc tinh siêng tu
hành 。

thời mạt thế ở vị lai lúc Chính pháp diệt, có chúng sinh lạc vui, siêng tu hành,

不值法炬無人為說甚深之法。爾時菩薩。

bất trị Pháp Cự vô nhân vi thuyết thậm thâm chi Pháp 。 nhĩ thời Bồ-
tát 。

không gặp đèn pháp, không được người nói Pháp sâu xa. Bấy giờ Bồ-tát

即為演暢甚深妙法。所謂般若波羅蜜。令諸眾生得戒定慧。

tức vi diễn sướng thậm thâm diệu Pháp 。 sở vị bát nhã ba la mạt
。 lệnh chư chúng sinh đắc giới định tuệ 。

liền vì họ nói rõ pháp vi diệu, sâu xa; đó là Bát-nhã ba-la-mật, khiến cho chúng
sinh được giới, định, tuệ.

又讚之言。善男子。如是末世正法滅時。

hựu tán chi ngôn 。 thiện nam tử 。 như thị mạt thế chính Pháp diệt
thời 。

Lại nói lời khen ngợi: Thiện nam tử, lúc Chính pháp diệt vào thời mạt thế như thế,

汝等能發菩薩之心。

nhữ đẳng năng phát Bồ-tát chi tâm 。

[các người có thể phát tâm Bồ-tát,](#)

求阿耨多羅三藐三菩提利益眾生。此般若波羅蜜。三世諸佛之所行者。

cầu a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề lợi ích chúng sinh 。

thử bát nhã ba la mật 。

tam thể chư Phật chi sở hành giả 。

[cầu Vô thượng Chính đẳng Chính giác, làm lợi ích chúng sinh. Bát-nhã ba-la-mật này là sở hành của chư Phật ba đời.](#)

汝若勤修。則去阿耨多羅三藐三菩提不遠。

nhữ nhưc tinh siêng tu 。

tắc khứ a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề bất viễn 。

[Nếu các người siêng tu, tức cách Vô thượng Chính đẳng Chính giác không xa.](#)

何以故。般若波羅蜜不離菩提。

hà dĩ cố 。

bát nhã ba la mật bất ly bồ đề 。

[Vì sao? Bát-nhã ba-la-mật không lìa Bồ-đề.](#)

譬如有人種穀已秀。當知收穫必在不久。菩薩亦爾。

thí như hữu nhân chủng cốc dĩ tú 。

đương tri thu hoạch tất tại bất cửu 。

Bồ-tát diệc nhĩ 。

[Ví như có người trồng lúa đã trở bông, nên biết không còn lâu nữa sẽ thu hoạch. Bồ-tát cũng vậy,](#)

求阿耨多羅三藐三菩提。得聞般若波羅蜜。

cầu a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

đắc văn bát nhã ba la mật 。

[cầu Vô thượng Chính đẳng Chính giác, được nghe Bát-nhã ba-la-mật,](#)

當知決定去佛不遠。大王。若善男子善女人。

đương tri quyết định khứ Phật bất viễn 。

Đại Vương 。

nhưc thiện nam tử

Thiện Nữ Nhân 。

nên biết nhất định cách Phật không xa. Đại vương, nếu Thiện nam tử, thiện nữ nhân,

捨離般若波羅蜜。

xả ly bát nhã ba la mật 。

lìa bỏ Bát-nhã ba-la-mật,

更依餘法求阿耨多羅三藐三菩提無有是處。猶如王子捨其父王。

canh y dư Pháp cầu a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề vô hữu thị xử 。

do như Vương tử xả kỳ phụ Vương 。

lại nương pháp khác mà cầu Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thì không có việc đó. Giống như Vương tử bỏ phụ vương của mình,

更就餘人求為太子決不可得。菩薩亦爾。

canh tựu dư nhân cầu vi Thái-Tử quyết bất khả đắc 。

Bồ-tát diệc nhĩ 。

đến gặp người khác để xin làm thái tử, thì nhất định không thể được. Bồ-tát cũng thế,

求薩婆若必因般若波羅蜜得。

cầu tát bà nhược tất nhân bát nhã ba la mật đắc 。

cầu Nhất thiết trí tất nương vào Bát-nhã ba-la-mật mới có.

譬如犢子若欲須乳必依其母。若就餘牛則不可得。大王。

thí như độc tử nhược dục tu nhũ tất y kỳ mẫu 。

nhược tựu dư ngưu tắc bất khả đắc 。

Đại Vương 。

Ví như trâu con, nếu muốn có sữa, tất nương mẹ nó; nếu đến với trâu khác thì không thể có. Đại vương,

菩薩摩訶薩。親近般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。

thân cận bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát gần gũi Bát-nhã ba-la-mật,

常為法王子相莊嚴身。以好為華嚴飾身相諸根不缺。

thường vi Pháp-Vương-Tử tướng trang nghiêm thân 。 dĩ hảo vi hoa nghiêm sức thân tướng chư căn bất khuyết 。

thường lấy tướng Pháp vương tử để trang nghiêm thân, lấy cái tốt làm hoa để trang sức thân tướng, các căn không thiếu;

如來行處常所遊行。所行之道隨佛如來所覺而覺。

Như Lai hành xứ thường sở du hành 。 sở hạnh chi đạo tùy Phật như lai sở giác nhi giác 。

thường đi đến những nơi Như Lai đi; trên đường đi, nương theo cái biết của Phật Như Lai để biết;

救護世間苦惱眾生。善能通達佛所說教。

cứu hộ thế gian khổ não chúng sinh 。 thiện năng thông đạt Phật sở thuyết giáo 。

cứu giúp chúng sinh khổ não ở thế gian, có thể khéo thông đạt giáo thuyết của Phật;

常修梵行守護如來薩婆若城。大王。

thường tu phạm hạnh thủ hộ Như Lai tát bà nhược thành 。 Đại Vương 。

thường tu phạm hạnh, gìn giữ thành Nhất thiết trí của Như Lai. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。為法王子。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 vi Pháp-Vương-Tử 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật là Pháp vương tử,

釋梵護世之所尊重。何以故。行菩薩道阿鞞跋致。

thích phạm hộ thế chi sở tôn trọng 。 hà dĩ cố 。 hành Bồ-tát đạo a tỳ bạt trí 。

được Thích, Phạm hộ thể tôn trọng. Vì sao? Hành đạo Bồ-tát bất thoái chuyển

一切諸魔所不能動。

nhất thiết chư ma sở bất năng động 。

thì tất cả các loài Ma không thể lay động;

安住佛法通達一切空平等理不信外緣。如是安住佛法智慧。

an trú Phật Pháp thông đạt nhất thiết không bình đẳng lý bất tín ngoại duyên 。

an trú Phật pháp, thông đạt lý tất cả đều Không, bình đẳng, không tin ngoại duyên. An trú trí tuệ Phật pháp như vậy

不與聲聞辟支佛共。超過世間住無生法忍。大王。

bất dữ thanh văn Bích chi Phật cộng 。

thì không cùng chung với Thanh Văn, Phật Bích-chi, vượt qua thế gian, trụ Vô sinh pháp nhẫn. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

能如實知一切眾生心貪欲瞋癡上中下品。

năng như thực tri nhất thiết chúng sinh tâm tham dục sân si thượng trung hạ phẩm 。

có thể biết như thực tâm tham, dục, sân, si thuộc các phẩm thượng, trung, hạ của tất cả chúng sinh;

亦如實知善心堅固心。如實知己。各各為說諸對治法。

diệc như thực tri thiện tâm kiên cố tâm 。

cũng biết như thực tâm thiện, tâm kiên cố. Biết như thực rồi, nói pháp đối trị đối với từng người.

如是則能善化眾生。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

như thị tắc năng thiện hóa chúng sinh 。 Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Như vậy thì có thể khéo giáo hóa chúng sinh. Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

若有眾生應見佛身受化度者。

nhược hữu chúng sinh ứng kiến Phật thân thọ hóa độ giả 。

nếu có chúng sinh phải thấy thân Phật mới được hóa độ,

菩薩摩訶薩即現佛身而為說法。

Bồ-tát Ma-Ha tát tức hiện Phật thân nhi vi thuyết Pháp 。

Bồ-tát Ma-ha-tát liền hiện thân Phật vì họ thuyết pháp;

應以菩薩身化度者現菩薩身。

ứng dĩ Bồ-tát thân hóa độ giả hiện Bồ-tát thân 。

phải dùng thân Bồ-tát để hóa độ, thì hiện thân bồ tát;

應以辟支佛身而受化者即現辟支佛身。應以聲聞身受教化者。即現聲聞身。

ứng dĩ tích chi Phật thân nhi thọ hóa giả tức hiện tích chi Phật thân 。

ứng dĩ thanh văn thân thọ giáo hóa giả 。

tức hiện thanh văn thân 。

phải dùng thân Phật Bích-chi để giáo hóa, thì hiện thân Phật Bích-chi; phải dùng thân Thanh Văn để giáo hóa, thì hiện thân Thanh Văn;

應以帝釋梵王婆羅門剎利長者居士身受教化

ứng dĩ đế thích Phạm Vương Bà-la-môn sát lợi Trưởng-Giả Cư-sĩ thân thọ giáo hóa

phải dùng thân Đế Thích, Phạm vương, Bà-la-môn, Sát-lợi, trưởng giả, cư sĩ để
giáo hóa,

者。皆為示現而度脫之。大王。

giả 。 giai vi thị hiện nhi độ thoát chi 。 Đại Vương 。
thì đều vì họ thị hiện để độ thoát. Đại vương,

菩薩摩訶薩如是行般若波羅蜜教化眾生。

Bồ-tát Ma-Ha tát như thị hành bát nhã ba la mật giáo hóa chúng sinh
。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh như thế.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。心性慈和正直軟善。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 tâm tính từ hòa chính
trực nhuẫn thiện 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tâm tính hiền hoà, ngay thẳng, khéo
léo, mềm mỏng,

無諸諂曲嫉妬垢穢心常清淨。

vô chư siểm khúc tật đố cấu uế tâm thường thanh tịnh 。

không có siểm nịnh, ganh tỵ, ô uế, tâm thường thanh tịnh,

言語不羸遠離惡口。多行忍辱親狎眾生。大王。

ngôn ngữ bất thô viễn li ác khẩu 。

đa hành nhẫn nhục thân hiệp chúng sinh 。

菩薩摩訶薩如是行般若波羅蜜則在處安樂。所以然者。

Bồ-tát Ma-Ha tát như thị hành bát nhã ba la mật tắc tại xử an lạc
。 sở dĩ nhiên giả 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật như thế, ở chỗ hiện tại được an ổn, đó là điều tự nhiên;

具足正見及清淨見。

cụ túc chính kiến cập thanh tịnh kiến 。

đầy đủ Chính kiến và Thanh tịnh kiến,

清淨之行所行境界與心相應。若心相違惡不善法。

thanh tịnh chi hành sở hạnh cảnh giới dữ tâm tương ứng 。

tương vi ác bất thiện Pháp 。

hành thanh tịnh, cảnh giới của hành tương ứng với tâm. Nếu là pháp ác bất thiện, trái ngược với tâm,

如是境界及染穢處斯則不行。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

như thị cảnh giới cập nhiễm uế xử tư tác bất hành 。

Bồ-tát Ma-Ha-tát hành bát nhã ba la mật 。

thì cảnh giới như thế và nơi nhiễm uế tức không thể hành. Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

見同學人心生歡喜。若財若法與他共用。

kiến đồng học nhân tâm sinh hoan hỷ 。

nhược tài nhược Pháp dữ tha cộng dụng 。

thấy người cùng học, tâm sinh hoan hỷ; hoặc tiền của, hoặc pháp, đều cùng họ dùng chung.

唯行一道。所謂佛道。唯佛為師不尊餘人。

duy hành nhất đạo 。

sở vị Phật đạo 。

duy Phật vi sư bất tôn dư nhân 。

Chỉ hành một đạo, đó là Phật đạo; chỉ Phật là thầy, không tôn người khác.

大王。

Đại Vương 。

Đại Vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜如是在處安樂。具諸攝法而攝眾生。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật như thị tại xử an lạc 。 cụ
chư' nhiếp Pháp nhi nhiếp chúng sinh 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật như thế, ở chỗ hiện tại được an lạc, đầy
đủ các Nhiếp pháp để nhiếp phục chúng sinh;

以利益施安樂施無盡施攝取眾生。

dĩ lợi ích thí an lạc thí vô tận thí nhiếp thủ chúng sinh 。

dùng Lợi ích thí, An lạc thí, Vô tận thí để nhiếp thủ chúng sinh;

利益語有義語如法語不異語攝取眾生。以財利益平等。身利益平等。

lợi ích ngữ hữu nghĩa ngữ như Pháp ngữ bất dị ngữ nhiếp thủ chúng
sinh 。 dĩ tài lợi ích bình đẳng 。 thân lợi ích bình đẳng 。

Lợi ích ngữ, Hữu nghĩa ngữ, Như pháp ngữ, Bất dị ngữ để nhiếp thủ chúng sinh;
dùng Tài lợi ích bình đẳng, Thân lợi ích bình đẳng,

命利益平等。資具利益平等。攝取眾生。大王。

mạng lợi ích bình đẳng 。 tư cụ lợi ích bình đẳng 。 nhiếp thủ chúng sinh
。 Đại Vương 。

Mạng lợi ích bình đẳng, Tư cụ lợi ích bình đẳng để nhiếp thủ chúng sinh. Đại
vương,

利益施者即是法施。安樂施者即資生施。

lợi ích thí giả tức thị Pháp thí 。 an lạc thí giả tức tư sinh thí 。

Lợi ích thí tức là thí Pháp. An lạc thí tức thí các nhu cầu sinh sống.

無盡施者即示現道。利益語者令彼生善。

vô tận thí giả tức thị hiện đạo 。 lợi ích ngữ giả lệnh bỉ sinh thiện 。

Vô tận thí tức thí hiện Đạo. An lạc thí là khiến người sinh thiện.

有義語者令彼見理。如法語者隨順佛教。

hữu nghĩa ngữ giả lệnh bỉ kiến lý 。 như Pháp ngữ giả tùy thuận Phật giáo 。

Hữu nghĩa ngữ là khiến người thấy lý. Như pháp ngữ là tùy thuận giáo pháp của Phật.

不異語者說如實法。財利益平等者。

bất dị ngữ giả thuyết như thực Pháp 。 tài lợi ích bình đẳng giả 。

Bất dị ngữ là thuyết Pháp như thực. Tài lợi ích bình đẳng

可食可噉可飲可嗽可舐及衣服等。身利益平等者。

khả thực khả đạm khả ẩm khả thấu khả thì cập y phục đẳng 。

thân lợi ích bình đẳng giả 。

là cái có thể ăn, có thể nuốt, có thể uống, có thể nếm, có thể liếm và y phục, vân vân. Thân lợi ích bình đẳng

如以攝衛利益己身令他亦爾。命利益平等者。

như dĩ nhiếp vệ lợi ích kỷ thân lệnh tha diệc nhĩ 。

mạng lợi ích bình đẳng giả 。

là những gì cần để thu nhiếp, phòng vệ, lợi ích thân mình, khiến người cũng thế. Mạng lợi ích bình đẳng

真珠琉璃珊瑚瑪瑙多為外命。資具利益平等者。

chân châu lưu ly san hô mã não đa vi ngoại mạng 。

tư cụ lợi ích bình đẳng giả 。

là chân châu, lưu ly, san hô, mã não, đa phần là ngoại mạng. Tư cụ lợi ích bình đẳng

象馬車乘一切淨財。

tượng mã xa thừa nhất thiết tịnh tài 。

là voi, ngựa, xe, tất cả tiền của chính đáng.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。自行與他皆悉共同。大王。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

tự hành dữ tha giai tất
cộng đồng 。

Đại Vương 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tự mình hành và người khác hành đều
như nhau. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。受生端正。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

thọ sinh đoan chính 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, thọ sinh đoan chính,

常能修習寂靜威儀。不偽威儀。清淨威儀。

thường năng tu tập tịch tĩnh uy nghi 。

bất 偽 uy nghi 。

thanh tịnh uy nghi 。

thường có thể tu tập oai nghi Tịch tĩnh, oai nghi Bất ngụy, oai nghi Thanh tịnh;

人所樂見內外溫善。觀者無厭能悅人意。

nhân sở lạc kiến nội ngoại ôn thiện 。

quán giả vô yếm năng
duyệt nhân ý 。

được người thích nhìn, trong ngoài hiền hòa; người nhìn không chán, có thể làm
vui ý người;

一切眾生之所愛重。其有見者皆發善心。瞋恚者見心即得解。

nhất thiết chúng sinh chi sở ái trọng 。

kỳ hữu kiến giả giai phát thiện
tâm 。

sân khuể giả kiến tâm tức đắc giải 。

được tất cả chúng sinh yêu quý; nếu người nhìn thấy tức phát tâm lành; người
sân hận nhìn thấy, tâm liền được cởi mở.

大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Đại Vương 。 Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

如是端正則堪依止。守護眾生令煩惱滅。

như thị đoan chính tắc kham y chỉ 。 thủ hộ chúng sinh lệnh phiền não
diệt 。

đoan chính như thế thì có thể làm nơi nương tựa, thủ hộ chúng sinh, khiến phiền
não diệt,

能將眾生出離生死無邊曠野。能度眾生世間險難。

năng tướng chúng sinh xuất ly sinh tử vô biên khoáng dã 。 năng độ
chúng sinh thế gian hiểm nan 。

có thể dẫn chúng sinh ra khỏi đồng rộng sinh tử vô biên, có thể đưa chúng sinh
qua khỏi hiểm nạn thế gian;

為無眷屬而作親友。為煩惱疾而作良醫。

vi vô quyến chúc nhi tác thân hữu 。

vi phiền não tật nhi tác lương y 。

vì người không có quyến thuộc mà làm bạn thân; vì người tật bệnh phiền não mà
làm thầy thuốc giỏi;

無救護者為之救護。無歸依者為作歸依。

vô cứu hộ giả vi chi cứu hộ 。

vô quy y giả vi tác quy y 。

cứu giúp người không được cứu giúp; làm nơi nương tựa cho người không nơi
nương tựa;

無明眾生為作法炬。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

vô minh chúng sinh vi tác Pháp Cự。Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật。

vì chúng sinh vô minh mà làm ngọn đèn pháp. Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

為諸眾生而作依止。治諸疾病如藥樹王。

vi chư chúng sinh nhi tác y chỉ。trì chư tật bệnh như dược thụ Vương。

vì chúng sinh mà làm nơi nương tựa; trị các tật bệnh giống như Dược thọ vương.

譬如善見大樹。根莖枝葉華果色香味觸。

thí như thiện kiến Đại thụ。căn hành chi diệp hoa quả sắc hương vị xúc。

Ví như rễ, cành, hoa, lá, sắc, hương, vị, xúc của cây Thiện kiến lớn,

悉為眾生療治眾病。大王。

tất vi chúng sinh liệu trì chúng bệnh。Đại Vương。

đều trị lành các bệnh của chúng sinh. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜亦復如是。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật diệc phục như thị。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, cũng thế.

從初發心為諸眾生治種種疾諸煩惱病。菩薩摩訶薩功德智慧。

tòng sơ phát tâm vi chư chúng sinh trì chủng chủng tật chư phiền não bệnh。Bồ-tát Ma-Ha tát công đức trí tuệ。

Từ khi mới phát tâm, vì các chúng sinh trị đủ loại tật, các bệnh phiền não. Công đức trí tuệ của Bồ-tát Ma-ha-tát,

有疾病者見聞皆差。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

hữu tật bệnh giả kiến văn giai sai 。 Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát
nhã ba la mật 。

người có tật bệnh, thấy nghe đều thuyên giảm. Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã
ba-la-mật,

常與功德相應。隨力所堪供養三寶。

thường dữ công đức tương ứng 。 tùy lực sở kham cung dưỡng Tam
Bảo 。

thường tương ứng với công đức, tùy theo lực có được mà cúng dường Tam bảo.

若有疾病即施湯藥若見飢渴即施食飲。

nhược hữu tật bệnh tức thí thang dược nhược kiến cơ khát tức
thí thực ẩm 。

Nếu có tật bệnh tức cho thuốc thang; nếu thấy đói khát tức cho ăn uống;

若見寒凍即施衣服。師僧和上盡心承奉。同學法人合掌恭敬。

nhược kiến hàn đông tức thí y phục 。 sư tăng hòa thượng tận
tâm thừa phụng 。

nếu thấy cóng lạnh tức cho quần áo; hết lòng phụng sự cộng đồng sư tăng; chấp
tay cung kính người cùng học pháp;

造立伽藍布施田園。

tạo lập đà lam bố thí điền viên 。

tạo lập già-lam, bố thí ruộng vườn;

時時隨有捨與眾僧下使隸役如法料理。

thời thời tùy hữu xả dữ chúng tăng hạ sử lệ dịch như Pháp
liêu lý 。

thường có được gì đều cúng dường chúng tăng, nếu được sai bảo tất lo liệu như
Pháp;

聞有名德沙門婆羅門修道行者時時往詣。大王。

văn hữu danh đức Sa Môn Bà-la-môn tu đạo hành giả thời thời vãng
nghệ 。 Đại Vương 。

nghe có Sa-môn, Bà-la-môn, người tu tập đạo hạnh, danh đức thì thường đến đó.
Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜能生諸善。有巧方便教化眾生。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật năng sinh chư thiện 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, có thể sinh các thiện, dùng phương
tiện thiện xảo để giáo hóa chúng sinh.

於此佛國身不移動。

ư thử Phật quốc thân bất di động 。

Ở nước Phật này, thân không di động

而遊無量諸佛世界諮問正法。於此佛國身不移動。

nhi du vô lượng chư Phật thế giới ti vấn chính Pháp 。

mà đến vô lượng thế giới chư Phật để hỏi Chính pháp. Ở nước Phật này thân
không di động

而遊無量諸佛世界聽受正法。於此佛土身不移動。

nhi du vô lượng chư Phật thế giới thính thọ chính Pháp 。

mà đến vô lượng thế giới chư Phật nghe nhận Chính pháp. Ở nước Phật này thân
không di động

示現無量諸佛國土供養如來。於此佛土身不移動。

thị hiện vô lượng chư Phật quốc thổ cung dưỡng Như Lai 。

mà thị hiện nơi vô lượng quốc độ chư Phật, cúng dường Như Lai. Ở nước Phật này, thân không di động

而遊無量諸佛世界。成就無上菩提資糧。

nhi du vô lượng chư Phật thế giới 。 thành tựu vô thượng bồ đề tư lương 。
mà đến vô lượng thế giới chư Phật, thành tựu tư lương Bồ-đề vô thượng.

於此佛土身不移動而遊無量諸佛世界。

ư thử Phật thổ thân bất di động nhi du vô lượng chư Phật thế giới 。
Ở nước Phật này, thân không di động mà đến vô lượng thế giới chư Phật;

若有菩薩成佛道者供養恭敬於此佛土身不移動。

nhược hữu Bồ-tát thành Phật đạo giả cung dưỡng cung kính ư thử Phật
thổ thân bất di động 。

nếu có Bồ-tát thành Phật đạo thì cúng dường cung kính. Ở nước Phật này, thân
không di động

無量世界示現成道。於此佛土身不移動。

vô lượng thế giới thị hiện thành đạo 。 ư thử Phật thổ thân bất di động 。

mà thị hiện thành đạo ở vô lượng thế giới. Ở nước Phật này, thân không di động

無量佛國現轉法輪。於此佛土身不動移。

vô lượng Phật quốc hiện chuyển Pháp luân 。 ư thử Phật thổ thân bất
động di 。

mà hiện chuyển Pháp luân ở vô lượng nước Phật. Ở nước Phật này, thân không
di động

無量佛國示現涅槃於此佛土身不移動。

vô lượng Phật quốc thị hiện Niết-Bàn ư thử Phật thổ thân bất di động 。

mà thị hiện Niết-bàn ở vô lượng nước Phật. Ở nước Phật này, thân không di động

無量佛國應得度者。為示化身皆悉令見。

vô lượng Phật quốc ứng đắc độ giả 。 vì kì hóa thân giai tất lệnh kiến
。

mà, vì những người đáng được độ ở vô lượng nước Phật, thị hiện hóa thân, khiến họ đều nhìn thấy;

亦無分別有所作意。爾時勝天王白佛言。世尊。

diệc vô phân biệt hữu sở tác ý 。 nhĩ thời thắng Thiên vương bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

cũng không có tác ý phân biệt. Bấy giờ, Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn,

云何菩薩摩訶薩。作種種化無分別心。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát 。 tác chủng chủng hóa vô phân biệt tâm 。

làm thế nào Bồ-tát Ma-ha-tát hóa hiện đủ loại mà tâm không phân biệt?

佛告勝天王言。大王。譬如日月照四天下而無分別。

Phật cáo thắng Thiên vương ngôn 。 Đại Vương 。 thí như nhật nguyệt chiếu tứ Thiên hạ nhi vô phân biệt 。

Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương, ví như mặt trời, mặt trăng chiếu bốn Đại châu mà không phân biệt,

我照天下為作光明。

ngã chiếu Thiên hạ vì tác quang-minh 。

Ta chiếu sáng thiên hạ nên hiện quang minh.

眾生業報自感日月光照天下。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜亦復如是。

chúng sinh nghiệp báo tự cảm nhật nguyệt quang chiếu Thiên hạ 。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。

Nghiệp báo của chúng sinh tự cảm lấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng chiếu bốn Đại châu; Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng thế.

雖現化身而無分別。何以故。

tuy hiện hóa thân nhi vô phân biệt 。 hà dĩ cố 。

Tuy hiện hóa thân nhưng không phân biệt. Vì sao?

眾生各有宿世善業。菩薩摩訶薩。

chúng sinh các hữu tú thế thiện nghiệp 。 Bồ-tát Ma-Ha tát 。

Chúng sinh đều có nghiệp lành đời trước. Bồ-tát Ma-ha-tát,

昔從因地修行發願為度眾生。以此願力隨其所念。

tích tòng nhân địa tu hành phát nguyện vi độ chúng sinh 。 dĩ thử
nguyện lực tùy kỳ sở niệm 。

xưa từ nhân địa tu hành, phát nguyện độ chúng sinh; do nguyện lực này mà tùy
niệm của chúng sinh,

皆悉應現無分別心。大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

giai tất ứng hiện vô phân biệt tâm 。 Đại Vương 。 Bồ-tát Ma-Ha tát
hành bát nhã ba la mật 。

đều ứng hiện tất cả, tâm không phân biệt. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-
nhã ba-la-mật,

如是方便善巧教化。速向阿耨多羅三藐三菩提。

như thị phương tiện thiện xảo giáo hóa 。 tốc hướng a nậu đa la tam
miểu tam Bồ-đề 。

phương tiện thiện xảo giáo hóa như thế, thì nhanh chóng hướng đến Vô thượng
Chính đẳng Chính giác.

何以故。菩薩摩訶薩。行檀具足持戒清淨。

hà dĩ cố 。

Vi sao? Bồ-tát Ma-ha-tát hành thí đầy đủ, trì giới thanh tịnh,

無穿缺雜戒聚清淨。過諸聲聞辟支佛境。

vô xuyên khuyết tạp giới tụ thanh tịnh 。 quá chư thanh văn Bích chi Phật cảnh 。

không bị khuyết, tạp; nhóm giới thanh tịnh, vượt quá cảnh giới Thanh Văn, Phật Bích-chi.

具足忍辱精進禪定般若方便願力智。

cụ túc nhẫn nhục tinh tấn Thiền định bát nhã phương tiện nguyện lực trí 。

Đầy đủ Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát-nhã, Phương tiện, Nguyện, Lực, Trí,

如來世尊不共功德。一切具足已過聲聞辟支佛地。大王。

như lai thế tôn bất-cộng công đức 。 nhất thiết cụ túc dĩ quá thanh văn tích chi Phật địa 。

Đại Vương 。

công đức Bất cộng của Như Lai Thế Tôn. Đã đầy đủ tất cả rồi tức vượt quá địa vị Thanh Văn, Phật Bích-chi. Đại vương,

菩薩初地乃至十地。行般若波羅蜜。

Bồ-tát sơ địa nãi chí thập địa 。

hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát từ Sơ địa cho đến Thập địa hành Bát-nhã ba-la-mật,

修如是行得阿耨多羅三藐三菩提。說是法門時。

tu như thị hành đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

thuyết thị Pháp môn thời 。

tu các hạnh như thế, được Vô thượng Chính Đẳng Chính Giác. Lúc nói Pháp môn này,

眾中二萬天子得遠塵離垢法眼淨。

chúng trung nhị vạn Thiên tử đắc viễn trần ly cấu Pháp nhãn tịnh 。

trong chúng có hai vạn Thiên tử được Mắt pháp thanh tịnh, xa lìa trần cấu;

三萬菩薩摩訶薩得無生法忍。

tam vạn Bồ-tát Ma-Ha tát đắc vô sinh Pháp nhẫn 。

ba vạn Bồ-tát Ma-ha-tát được Vô sinh pháp nhẫn;

八萬四千天人發阿耨多羅三藐三菩提心。

bát vạn tứ thiên Thiên Nhơn phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

tám vạn bốn ngàn Trời, người phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác;

無量百千億乾闥婆緊那羅皆悉合掌。讚歎如來遶耆闍崛山。

vô lượng bách thiên ức Càn-thát-bà khẩn na la giai tất hợp chưởng 。

vô lượng trăm ngàn ức Càn-thát-bà, Khẩn-na-la đều chấp tay, tán thán Như Lai, đi quanh núi Kỳ-xà-quật;

無量百千億夜叉眾。雨諸蓮華遶耆闍崛山。

vô lượng bách thiên ức dạ xoa chúng 。

vô lượng trăm ngàn ức chúng Dạ-xoa làm mưa hoa sen, nhiều quanh núi Kỳ-xà-quật;

十方無量恒河沙世界菩薩。

thập phương vô lượng hằng hà sa thế giới Bồ-tát 。

mười phương vô lượng hằng hà sa thế giới Bồ-tát

來集讚歎如來世尊快說甚深般若波羅蜜為諸菩薩。世尊。

lai tập tán thán như lai thế tôn khoái thuyết thậm thâm bát nhã ba la mật vi chư Bồ-tát 。

đều đến tán thán Như Lai Thế Tôn vì chư Bồ-tát vui thuyết Bát-nhã ba-la-mật sâu xa. Thế Tôn,

因此般若波羅蜜。得有人天。須陀洹向須陀洹果。

nhân thừa bát nhã ba la mật 。 đắc hữu nhân Thiên 。 Tu-đà-hoàn hướng Tu-đà-hoàn quả 。

nhờ Bát-nhã ba-la-mật này mới có Trời, người, Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả,

乃至阿羅漢向阿羅漢果。辟支佛道。

nãi chí A La Hán hướng A la hán quả 。 Bích chi Phật đạo 。

cho đến A-la-hán hướng, A-la-hán quả, Phật Bích-chi đạo,

菩薩十地。十波羅蜜。如來十力。四無所畏。

Bồ-tát thập địa 。 thập ba la mật 。 Như Lai thập lực 。 tứ vô sở úy 。

mười địa Bồ-tát, mười Ba-la-mật, mười Lực Như Lai, bốn Vô sở úy,

十八不共法。一切種智。皆從般若波羅蜜中出。世尊。

thập bát bất cộng Pháp 。 nhất thiết chủng trí 。 giai tông bát nhã ba la mật trung xuất 。 Thế Tôn 。

mười tám pháp Bất cộng, Nhất thiết chủng trí; tất cả đều từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra. Thế Tôn,

譬如世間一切眾生悉依虛空而空無依。

thí như thế gian nhất thiết chúng sinh tất y hư không nhi không vô y 。

ví như tất cả chúng sinh trong thế gian đều nương hư không nhưng hư không thì lại không có chỗ nương;

般若波羅蜜亦復如是。一切法本而自無依。

bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。 nhất thiết Pháp bản nhi tự vô y 。

Bát-nhã ba-la-mật cũng thế, là gốc của tất cả pháp nhưng tự nó lại không có chỗ nương.

願令我等於未來世。

nguyện lệnh ngã đấng ư vị lai thế 。

[Nguyện cho chúng con, ở đời vị lai,](#)

為諸菩薩摩訶薩說般若波羅蜜如今佛說。又以種種香華散如來上。

vi chư Bồ-tát Ma-Ha tát thuyết bát nhã ba la mật như kim Phật thuyết 。

[hựu dĩ chủng chủng hương hoa tán Như Lai thượng 。](#)
[được các Bồ-tát Ma-ha-tát thuyết Bát-nhã ba-la-mật, như Phật đang thuyết. Lại](#)
[lấy đủ loại hương hoa rắc lên Như Lai.](#)

爾時耆闍崛山天神及餘集者空中讚言。

nhi thời Kỳ đồ Quạt sơn Thiên Thần cập dư tập giả không trung tán ngôn 。

[Bấy giờ, Thiên thần ở núi Kỳ-xà-quật và các chúng sinh tập hội khác ở trên không](#)
[trung tán thán rằng:](#)

我等憶念過去之世。

ngã đấng ức niệm quá khứ chi thế 。

[Chúng con nhớ nghĩ, ở đời quá khứ,](#)

無量諸佛於此耆闍崛山中。說是般若波羅蜜法亦如今日。

vô lượng chư Phật ư thử Kỳ đồ Quạt sơn trung 。

[thuyết thị bát nhã ba la mật Pháp diệc như kim nhật 。](#)
[vô lượng chư Phật ở núi Kỳ-xà-quật này, thuyết pháp Bát-nhã ba-la-mật này cũng](#)
[như ngày nay.](#)

爾時勝天王白佛言。世尊。空中諸天云何得知。

nhi thời thắng Thiên vương bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

[không trung chư Thiên vân hà đắc tri 。](#)

Bấy giờ, Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn, chư Thiên trên không trung, làm sao biết được

如來境界久遠世。佛說是般若波羅蜜事。佛言。

Như Lai cảnh giới cứu viễn thế 。 Phật thuyết thị bát nhã ba la mật sự 。 Phật ngôn 。

cảnh giới của Như Lai từ thời xa xôi và việc Phật thuyết Bát-nhã ba-la-mật này?
Phật dạy:

大王。此諸天等皆住不可思議解脫。

Đại Vương 。 thử chư Thiên đẳng giai trụ bất khả tư nghị giải thoát 。

Đại vương, chư Thiên, vân vân, này đều trụ Giải thoát bất khả tư nghị,

是故能知過去遠事。大王。我昔為菩薩時。

thị cố năng tri quá khứ viễn sự 。

Đại Vương 。 ngã tích vi Bồ-tát thời 。

亦經生彼天神之道。見無量佛成道說法乃至涅槃。

diệc Kinh sinh bỉ Thiên Thần chi đạo 。

cũng từng sinh vào cõi của Thiên thần kia, thấy vô lượng Phật thành đạo, thuyết pháp, cho đến Niết-bàn.

我常讚歎合掌禮拜。何以故。

ngã thường tán thán hợp chưởng lễ bái 。

Ta thường tán thán, chấp tay lễ bái. Vì sao?

彼天神道壽命長故。爾時眾中有一天子。名曰光德。

bỉ Thiên Thần đạo thọ mạng trường cố 。

Vì cõi Thiên thần kia thọ mạng lâu dài. Bấy giờ, trong chúng có một Thiên tử tên là Quang Đức,

即從坐起偏袒右肩右膝著地。合掌向佛頭面作禮。

tức từng tọa khởi Thiên đản hữu kiên hữu tất trú địa 。 hợp chưởng hướng Phật đầu diện tác lễ 。

từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải, gối phải sát đất, chắp tay hướng Phật, đầu mặt đánh lễ,

白佛言。世尊。諸佛菩薩應遊淨土。

bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。 chư Phật Bồ-tát ứng du tịnh độ 。

bạch Phật: Thế Tôn, chư Phật, Bồ-tát lễ ra phải đến Tịnh độ.

娑婆世界是不清淨。云何世尊出現此土。

Sa Bà thế giới thị bất thanh tịnh 。 vân hà Thế Tôn xuất hiện thử độ 。

Thế giới Ta-bà là nơi không thanh tịnh, vì sao Thế Tôn xuất hiện cõi này?

爾時佛告光德天子。諸佛如來所居之處無有穢土。

nhi thời Phật cáo quang đức Thiên tử 。 chư Phật như lai sở cư chi xứ vô hữu uế thổ 。

Bấy giờ, Phật bảo Thiên tử Quang Đức: Nơi chư Phật Như Lai ở không có cõi uế.

於是世尊。即以神力現此三千大千世界。

ư thị Thế Tôn 。 tức dĩ Thần lực hiện thử tam Thiên Đại Thiên thế giới 。

Lúc đó, Thế Tôn liền dùng thần lực thị hiện Tam thiên đại thiên thế giới này,

地平如掌琉璃所成。無諸山陵堆阜荊棘。

địa bình như chưởng lưu ly sở thành 。 vô chư sơn lăng đồi phụ kinh 棘。

đất làm bằng lưu ly, phẳng như lòng bàn tay, không có núi non, gò đồi, gai góc.

處處寶聚香華軟草。流泉浴池八功德水。

xứ xứ bảo tụ hương hoa nhuyễn thảo 。 lưu tuyến dục trì bát công đức thủy 。

Nơi nơi kết tụ châu báu, hương hoa, cỏ mềm, sông suối, ao hồ, nước có tám loại công đức,

七寶階砌樹木華果。咸說菩薩不退法輪。無有凡夫。

thất bảo giai thể thụ mộc hoa quả 。 hàm thuyết Bồ-tát bất thối Pháp luân 。 vô hữu phàm phu 。

thềm làm bằng bảy báu, cây cối, hoa trái đều thuyết Pháp luân bất thoái chuyển của Bồ-tát, không có Phàm phu,

唯見十方諸大菩薩。不聞餘音。

duy kiến thập phương chư Đại Bồ-tát 。 bất văn dư âm 。

chỉ thấy mười phương chư đại Bồ-tát; không nghe âm thanh khác,

唯聞般若波羅蜜聲。處處蓮華大如車輪青紅赤白。

duy văn bát nhã ba la mật thanh 。 xứ xứ liên hoa Đại như xa luân thanh hồng xích bạch 。

chỉ nghe âm thanh Bát-nhã ba-la-mật. Nơi nơi đều có hoa sen xanh, hồng, đỏ, trắng lớn như bánh xe,

一一華中。皆有菩薩結加趺坐。

nhất nhất hoa trung 。 giai hữu Bồ-tát kết gia phu tọa 。

trong mỗi đóa hoa đều có Bồ-tát ngồi kiết-già.

即見如來於大眾中。為諸菩薩說甚深法。無量百千釋梵護世。

tức kiến Như Lai ư Đại chúng trung 。 vì chư Bồ-tát thuyết thậm thâm Pháp 。 vô lượng bách thiên thích phạm hộ thể 。

Tức thấy Như Lai ở trong đại chúng, vì chư Bồ-tát thuyết Pháp sâu xa; vô lượng
trăm ngàn Thích, Phạm hộ thế,

前後圍遶。供養恭敬尊重讚歎。希有世尊。

tiền hậu vi nhiều 。 cung dưỡng cung kính tôn trọng tán thán 。 hi hữu
Thế Tôn 。

vây quanh trước sau, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán: Hiếm có, Thế
Tôn!

希有世尊。所說無虛真實不二。

hi hữu Thế Tôn 。 sở thuyết vô hư chân thực bất nhị 。

Hiếm có, Thế Tôn! Nói điều chân thực, không dối, không hai.

如世尊說諸佛住處實無穢土。眾生薄福而見不淨。世尊。

như Thế Tôn thuyết chư Phật trụ xử thực vô uế thổ 。 chúng sinh bạc
phúc nhi kiến bất tịnh 。

Như Thế Tôn nói, chỗ ở chư Phật đúng là cõi không có uế tạp; chúng sinh phước
mỏng nên thấy không trong sạch. Thế Tôn,

若有善男子善女人。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân

得聞般若波羅蜜名字甚為希有。況復書寫受持讀誦為他演說。佛言。

đắc văn bát nhã ba la mật danh tự thậm vi hi hữu 。 huống phục
thư tả thọ trì đọc tụng vi tha diễn thuyết 。

được nghe danh tự Bát-nhã ba-la-mật, thực là hiếm có; huống còn biên chép, thọ
trì, đọc tụng, vì người diễn nói. Phật dạy:

若善男子善女人。無量百千劫。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân trong vô lượng trăm ngàn kiếp,

以無礙心施他財物。若復有人以淨信心。

dĩ vô ngại tâm thí tha tài vật 。 nhược phục hữu nhân dĩ tịnh tín tâm 。

dùng tâm không ngăn ngại bố thí tiền của cho người. Nếu lại có người dùng tín tâm thanh tịnh,

書寫此經傳受與人。功德多彼。何以故。財施有竭。

thư tả thữ Kinh truyện thọ dữ nhân 。 công đức đa bỉ 。 hà dĩ cố 。

tài thí hữu kiệt 。

biên chép kinh này, truyền trao cho người thì công đức nhiều hơn người kia. Vì sao? Bố thí tiền của còn có lúc hết,

法施無盡。何以故。施財但能得世間果。

Pháp thí vô tận 。 hà dĩ cố 。

thí tài đãn năng đắc thế gian quả 。

nhưng Pháp thí thì vô tận. Vì sao? Bố thí tiền của chỉ có thể được quả thế gian.

若人若天昔已曾得。得已墮落今還復得。

nhược nhân nhược Thiên tích dĩ tăng đắc 。

đắc dĩ đọa lạc kim hoàn phục đắc 。

Hoặc người, hoặc trời, xưa đã từng được, được rồi đọa lạc, nay mới được trở lại;

若以法施昔來未得。今始能得所謂涅槃。

nhược dĩ Pháp thí tích lai vị đắc 。

kim thủy năng đắc sở vị Niết-Bàn 。

nếu lấy Pháp mà bố thí, xưa chưa được, nay mới có thể được; đó chính là Niết-bàn.

若三千大千世界一切眾生。

nhược tam Thiên Đại Thiên thế giới nhất thiết chúng sinh 。

Nếu tất cả chúng sinh trong Tam thiên đại thiên thế giới,

有人教化悉令安住十善道中。若善男子善女人。

hữu nhân giáo hóa tất lệnh an trú Thập thiện đạo trung 。 nhược
thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

có người giáo hóa khiến an trú trong mười Thiện đạo; nếu Thiện nam tử, Thiện
nữ nhân,

以淨信心受持讀誦般若波羅蜜為他人說。功德勝彼。何以故。

dĩ tịnh tín tâm thọ trì độc tụng bát nhã ba la mật vi tha nhân thuyết 。

công đức thắng bỉ 。

dùng tín tâm thanh tịnh, thọ trì độc tụng Bát-nhã ba-la-mật, nói cho người khác
thì công đức hơn người kia. Vì sao?

一切善法皆從般若波羅蜜生故。

nhất thiết thiện Pháp giai tòng bát nhã ba la mật sinh cố 。

Vì tất cả pháp lành đều sinh từ Bát-nhã ba-la-mật.

若三千大千世界一切眾生。有人教化。

nhược tam Thiên Đại Thiên thế giới nhất thiết chúng sinh 。

hữu nhân giáo hóa 。

Nếu chúng sinh trong Tam thiên đại thiên thế giới, có người giáo hóa,

皆得須陀洹斯陀含阿那含阿羅漢果辟支佛道。

giai đắc Tu-đà-hoàn Tư đà hàm A na hàm A la hán quả Bích chi Phật
đạo 。

đều được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, đạo Phật Bích-chi;

若復有人信心受持讀誦書寫般若波羅蜜功德勝彼。

nhược phục hữu nhân tín tâm thọ trì độc tụng thư tả bát nhã ba la
mật công đức thắng bỉ 。

lại nếu có người, tín tâm thọ trì, đọc tụng, biên chép Bát-nhã ba-la-mật thì công đức hơn người kia.

何以故。聲聞辟支佛法。皆從般若波羅蜜中生。

hà dĩ cố 。 thanh văn Bích chi Phật Pháp 。 giai tòng bát nhã ba la mật trung sinh 。

Vì sao? Các pháp Thanh Văn, Phật Bích-chi đều từ Bát-nhã ba-la-mật sinh;

一切菩薩摩訶薩法。皆從般若波羅蜜中生。

nhất thiết Bồ-tát Ma-Ha tát Pháp 。 giai tòng bát nhã ba la mật trung sinh 。

tất cả Bồ-tát Ma-ha-tát đều từ Bát-nhã ba-la-mật sinh.

因此般若波羅蜜故有佛出世。

nhân thử bát nhã ba la mật cố hữu Phật xuất thế 。

Vì nhờ Bát-nhã ba-la-mật này nên có Phật xuất thế.

般若波羅蜜所在之處。當知即是菩提道場轉法輪處。

bát nhã ba la mật sở tại chi xứ 。

đương tri tức thị bồ đề đạo trường chuyển Pháp luân xứ 。

Nơi có Bát-nhã ba-la-mật, nên biết đó tức là đạo tràng Bồ-đề, là nơi chuyển Pháp luân,

應念此處即我大師。

ứng niệm thử xứ tức ngã Đại sư 。

nên nhớ nơi này tức Đại sư của ta,

如來應供正遍知處在此中。何以故。一切諸佛皆從般若波羅蜜生故。

Như Lai Ứng-Cúng Chính-biến-Tri xứ tại thử trung 。

hà dĩ cố 。

nhất thiết chư Phật giai tòng bát nhã ba la mật sinh cố 。

Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri ở tại nơi này. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều từ Bát-nhã ba-la-mật sinh.

若人供養如來形像。不如供養般若波羅蜜。

nhược nhân cung dưỡng Như Lai hình tượng 。 bất như cung dưỡng bát nhã ba la mật 。

Nếu người cúng dường hình tượng Như Lai thì không bằng cúng dường Bát-nhã ba-la-mật.

何以故。三世諸佛。皆因般若波羅蜜生故。

hà dĩ cố 。 tam thế chư Phật 。 giai nhân bát nhã ba la mật sinh cố 。

Vì sao? Vì chư Phật ba đời đều do Bát-nhã ba-la-mật sinh.

231-004

勝天王般若波羅蜜經

thắng Thiên Vương bát nhã ba la mật Kinh

Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã ba-la-mật

卷第四

quyển đệ tứ

Quyển IV

平等品第六

bình đẳng phẩm đệ lục

Phẩm 6: Bình Đẳng

爾時勝天王。即從坐起偏袒右肩右膝著地。

nhĩ thời thắng Thiên Vương 。 tức tùng tọa khởi Thiên đản hữu kiên hữu tất trú địa 。

Bấy giờ, Thắng Thiên Vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải, gối phải sát đất,

向佛合掌頭面作禮而白佛言。世尊。

hướng Phật hợp chưởng đầu diện tác lễ nhi bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

chấp tay hướng Phật, đầu mặt đảnh lễ, bạch Phật: Thế Tôn,

如佛所說法性平等。何者是平等。

như Phật sở thuyết Pháp tính bình đẳng 。 hà giả thị bình đẳng 。

như Phật dạy, pháp tính bình đẳng; thế nào gọi là bình đẳng?

等何法故名為平等。佛告勝天王言。大王。

đẳng hà Pháp cố danh vi bình đẳng 。 Phật cáo thắng Thiên Vương ngôn 。

Đại Vương 。

Những pháp nào gọi là bình đẳng? Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương,

等觀諸法不生不滅。自性寂靜名為平等。一切煩惱虛妄分別。

đẳng quán chư Pháp bất sinh bất diệt 。 tự tính tịch tĩnh danh vi bình đẳng 。

nhất thiết phiền não hư vọng phân biệt 。

quán các pháp không sinh, không diệt, tự tính tịch tĩnh, gọi là bình đẳng; tất cả phiền não, hư vọng phân biệt,

不生不滅自性寂靜名為平等。

bất sinh bất diệt tự tính tịch tĩnh danh vi bình đẳng 。

không sinh, không diệt, tự tính tịch tĩnh, gọi là bình đẳng;

名相妄想不生不滅。自性寂靜名為平等。

danh tướng vọng tưởng bất sinh bất diệt 。 tự tính tịch tĩnh danh vi bình đẳng 。

danh tướng, vọng tưởng không sinh, không diệt, tự tính tịch tĩnh, gọi là bình đẳng;

滅諸顛倒不起攀緣名為平等。

diệt chư điên đảo bất khởi phàn duyên danh vi bình đẳng 。

diệt các điên đảo, không đeo bám cảnh, gọi là bình đẳng;

能緣心滅無明有愛即皆寂靜。癡愛滅故不起我我所名為平等。

năng duyên tâm diệt vô minh hữu ái tức giai tịch tĩnh 。

si ái diệt cố bất khởi ngã ngã sở danh vi bình đẳng 。

tâm đeo bám diệt thì vô minh, hữu, ái, tức đều tịch tĩnh; vì si, ái diệt nên không khởi ngã, ngã sở, gọi là bình đẳng;

我我所滅名色寂靜名為平等。

ngã ngã sở diệt danh sắc tịch tĩnh danh vi bình đẳng 。

ngã, ngã sở diệt, danh sắc tịch tĩnh, gọi là bình đẳng;

名色滅故邊見不生名為平等。滅斷常故身見寂靜名為平等。

danh sắc diệt cố biên kiến bất sinh danh vi bình đẳng 。

diệt đoạn thường cố thân kiến tịch tĩnh danh vi bình đẳng 。

vì danh sắc diệt nên biên kiến không sinh, gọi là bình đẳng; vì diệt đoạn thường nên thân kiến tịch tĩnh, gọi là bình đẳng.

大王。能取所取一切煩惱障善法者依身見生。

Đại Vương 。

năng thủ sở thủ nhất thiết phiền não chướng thiện Pháp giả y thân kiến sinh 。

Đại vương, nắm bắt và cái được nắm bắt, tất cả phiền não ngăn thiện pháp nương thân kiến sinh.

菩薩摩訶薩能滅身見。

Bồ-tát Ma-Ha tát năng diệt thân kiến 。

Bồ-tát Ma-ha-tát có thể diệt thân kiến,

一切諸使皆悉寂靜作願亦息。譬如大樹拔除根株枝條枯死。

nhất thiết chư sử giai tất tịch tĩnh tác nguyện diệt tức 。 thí như
Đại thụ bạt trừ căn chu chi điều khô tử 。

tất cả các kết sử đều tịch tĩnh, tác nguyện cũng chấm dứt. Ví như cây lớn bị bạt
gốc rễ thì cành lớn cành nhỏ đều khô, chết;

如人無首命根即絕。一切煩惱亦復如是。

như nhân vô thủ mạng căn tức tuyệt 。 nhất thiết phiền não diệt
phục như thị 。

như người không đầu thì mạng căn liền đứt. Tất cả phiền não cũng thế,

若斷身見餘使自滅。大王。若人能觀諸法無我。

nhược đoạn thân kiến dư sử tự diệt 。 Đại Vương 。 nhược nhân
năng quán chư Pháp vô ngã 。

nếu đoạn thân kiến thì các kết sử khác tự diệt. Đại vương, nếu người có thể quán
các pháp vô ngã

則取可取皆悉寂靜。勝天王白佛言。世尊。

tắc thủ khả thủ giai tất tịch tĩnh 。 thắng Thiên Vương bạch Phật ngôn
。 Thế Tôn 。

thì nắm bắt và cái được nắm bắt thảy đều tịch tĩnh. Thắng Thiên Vương bạch
Phật: Thế Tôn,

云何生我見障真實理。佛告勝天王言。大王。

vân hà sinh ngã kiến chướng chân thực lý 。 Phật cáo thắng Thiên
Vương ngôn 。 Đại Vương 。

vì sao sinh ngã kiến lại ngăn lý chân thực? Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại
vương,

於五陰身妄執有我即生我見。

ư ngũ uẩn thân vọng chấp hữu ngã tức sinh ngã kiến 。

đối với thân năm ấm, vọng chấp có ngã, tức sinh ngã kiến.

真實之法自性平等。無能所執我見相違是故為障。大王。

chân thực chi Pháp tự tính bình đẳng 。 vô năng sở chấp ngã kiến tướng vi thị cố vi chướng 。 Đại Vương 。

Pháp chân thực tự tính bình đẳng, không có nắm bắt và cái được nắm bắt; trái với ngã kiến, nên gọi là chướng. Đại vương,

如是我見不在內不在外不在內外。

như thị ngã kiến bất tại nội bất tại ngoại bất tại nội ngoại 。

như vậy ngã kiến không ở trong, không ở ngoài, không ở trong ngoài.

若無所住名為寂靜。即是平等。遠離我見通達平等。

nhược vô sở trụ danh vi tịch tĩnh 。

Nếu không nơi trụ, gọi là tịch tĩnh; tức là bình đẳng. Xa lìa ngã kiến, thông đạt bình đẳng,

名真實空觀。空無相無願自性寂靜。

danh chân thực không quán 。

gọi là quán Không chân thực. Không, Vô tướng, Vô nguyện, tự tính tịch tĩnh,

不生不滅不取不著。遠離我見名為平等。大王。

bất sinh bất diệt bất thủ bất trú 。

không sinh, không diệt, không nắm bắt, không dính mắc, xa lìa ngã kiến, gọi là bình đẳng. Đại vương,

所言我者無來無去。無有真實虛妄分別。

sở ngôn ngữ giả vô lai vô khứ 。 vô hữu chân thực hư vọng phân biệt 。

ngã được nói đó không đến, không đi, không có chân thực, hư vọng phân biệt.

法從妄有亦是虛妄。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Pháp tòng vọng hữu diệc thị hư vọng 。 Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Pháp có từ vọng cũng là hư vọng. Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

觀如是法遠離虛妄。是故名為寂靜平等。大王。

quán như thị Pháp viễn li hư vọng 。 thị cố danh vi tịch tĩnh bình đẳng 。

Đại Vương 。

quán pháp như thế, lia xa hư vọng; vì vậy gọi là vắng lặng, bình đẳng. Đại vương,

能取可取則名為燃離名寂靜。

năng thủ khả thủ tắc danh vi nhiên ly danh tịch tĩnh 。

nắm bắt và cái được nắm bắt thì gọi là lửa, xa lia gọi là vắng lặng;

惑障為燃離為寂靜。

hoặc chướng vi nhiên ly vi tịch tĩnh 。

hoặc chướng là lửa, xa lia là vắng lặng.

菩薩摩訶薩善巧方便行般若波羅蜜。能如實知諸煩惱滅。為增善法斷除煩惱。

Bồ-tát Ma-Ha tát thiện xảo phương tiện hành bát nhã ba la mật 。

năng như thực tri chư phiền não diệt 。

vi tăng thiện Pháp đoạn trừ phiền não 。

Bồ-tát Ma-ha-tát dùng phương tiện thiện xảo hành Bát-nhã ba-la-mật, có thể biết như thực các phiền não diệt. Vì thêm thiện pháp nên đoạn trừ phiền não;

不見可生不見可滅名為平等。

bất kiến khả sinh bất kiến khả diệt danh vi bình đẳng 。
không thấy cái được sinh, không thấy cái bị diệt, gọi là bình đẳng;

修波羅蜜遠離魔障。不見可修不見可離名為平等。

tu ba la mật viễn li ma chướng 。 bất kiến khả tu bất kiến khả ly
danh vi bình đẳng 。

tu Ba-la-mật, xa lia ma chướng, không thấy cái được tu, không thấy cái được xa
lia, gọi là bình đẳng.

菩薩常緣助菩提法。不起聲聞辟支佛心。

Bồ-tát thường duyên trợ bồ đề Pháp 。 bất khởi thanh văn tích chi
Phật tâm 。

Bồ-tát thường duyên pháp trợ Bồ-đề, không khởi tâm Thanh Văn, Phật Bích-chi;

於助菩提聲聞緣覺不見異相名為平等。

ư trợ bồ đề thanh văn duyên giác bất kiến dị tướng danh vi bình đẳng
。

mà đối với pháp trợ Bồ-đề, Thanh Văn, Duyên Giác, không thấy tướng khác
nhau, gọi là bình đẳng.

緣薩婆若心不休息常修空行。

duyên tát bà nhược tâm bất hưu tức thường tu không hành 。

Tâm duyên Nhất thiết trí, không có ngừng nghỉ, thường tu hạnh Không;

以大悲力不捨眾生名為平等。大王。

dĩ Đại bi lực bất xả chúng sinh danh vi bình đẳng 。

vì lực Đại bi không bỏ chúng sinh, gọi là bình đẳng. Đại vương,

菩薩摩訶薩具足方便行般若波羅蜜。即得心緣自在。心緣無相而修菩提。

Bồ-tát Ma-Ha tát cụ túc phương tiện hành bát nhã ba la mật 。

tức đắc tâm duyên tự-tại 。

Bồ-tát Ma-ha-tát đầy đủ phương tiện, hành Bát-nhã ba-la-mật, tức được tâm duyên Tự tại, tâm duyên Vô tướng mà tu Bồ-đề;

不見無相及菩提異名為平等。

bất kiến vô tướng cập bồ đề dị danh vi bình đẳng 。
không thấy Vô tướng và Bồ-đề khác nhau, gọi là bình đẳng.

心緣無願不捨三界。不見無願及三界異名為平等。

tâm duyên vô nguyện bất xả tam giới 。 bất kiến vô nguyện cập tam giới dị danh vi bình đẳng 。

Tâm duyên Vô nguyện mà không bỏ Tam giới, gọi là bình đẳng.

觀身不淨心住清淨。

quán thân bất tịnh tâm trú thanh tịnh 。

Quán thân bất tịnh, tâm trú thanh tịnh;

觀行無常心住生死而不厭離觀眾生苦住涅槃樂。

quán hành vô thường tâm trú sinh tử nhi bất yếm ly quán chúng sinh khổ trú Niết-Bàn lạc 。

quán hành vô thường, tâm trú sinh tử mà không ghét bỏ; quán chúng sinh khổ, trú lạc Niết-bàn;

觀法無我於諸眾生起大悲心。常為眾生說不淨藥不見貪病。

quán Pháp vô ngã ư chư chúng sinh khởi Đại bi tâm 。

quán pháp vô ngã, khởi tâm Đại bi đối với tất cả chúng sinh; thường vì chúng sinh thuyết thuốc Bất tịnh, không thấy bệnh tham;

常說大慈不見瞋忿。

thường thuyết Đại từ bất kiến sân phần 。

thường thuyết Đại từ, không thấy sân, phần;

常說因緣不見愚癡等集病者。說無常樂不見等病及無常異。

thường thuyết nhân duyên bất kiến ngu si đẳng tập bệnh giả 。

thuyết vô thường lạc bất kiến đẳng bệnh cập vô thường dị 。

thường thuyết Nhân duyên, mà không thấy người bệnh đẳng tập ngu si; thuyết lạc vô thường, mà không thấy bệnh và vô thường khác nhau.

如是菩薩摩訶薩。以方便力行般若波羅蜜。

như thị Bồ-tát Ma-Ha tát 。

Bồ-tát Ma-ha-tát dùng lực phương tiện hành Bát-nhã ba-la-mật như thế,

於一切法心緣自在。緣離欲法為化聲聞。

ư nhất thiết Pháp tâm duyên tự-tại 。

đối với tất cả pháp, tâm duyên Tự tại. Duyên pháp Ly dục để giáo hóa Thanh Văn;

緣離瞋法化辟支佛。緣離癡法為化菩薩。

duyên ly sân Pháp hóa Bích chi Phật 。

duyên pháp Ly sân, giáo hóa Phật Bích-chi; duyên pháp Ly si để giáo hóa Bồ-tát.

緣一切色願得佛色無所得故。

duyên nhất thiết sắc nguyện đắc Phật sắc vô sở đắc cố 。

Duyên tất cả sắc, nguyện được sắc Phật, vì không có cái để được.

心緣眾聲願得如來微妙音聲。心緣眾香願得如來清淨戒香。

tâm duyên chúng thanh nguyện đắc Như Lai vi Diệu-Âm thanh 。
tâm duyên chúng hương nguyện đắc Như Lai thanh tịnh giới hương
。

Tâm duyên các thanh, nguyện được âm thanh vi diệu của Như Lai; tâm duyên các hương, nguyện được hương giới thanh tịnh của Như Lai;

心緣諸味願得如來味中第一大丈夫相。

tâm duyên chư vị nguyện đắc Như Lai vị trung đệ nhất Đại trượng
phu tướng 。

tâm duyên các vị, nguyện được tướng Đại trượng phu đệ nhất ở trong vị của Như
Lai;

心緣諸觸願得如來柔軟手掌。

tâm duyên chư xúc nguyện đắc Như Lai nhu nhuyễn thủ chưởng
。

tâm duyên các xúc, nguyện được bàn tay mềm mại của Như Lai;

心緣諸法願得如來寂靜之心。心緣布施為得成就相好之身。

tâm duyên chư Pháp nguyện đắc Như Lai tịch tĩnh chi tâm 。

tâm duyên bố thí vi đắc thành tựu tướng hảo chi thân 。

tâm duyên các pháp, nguyện được tâm tịch tĩnh của Như Lai; tâm duyên bố thí để được thành tựu thân có tướng tốt;

心緣尸羅為得清淨佛之國土。

tâm duyên Thi-La vi đắc thanh tịnh Phật chi quốc thổ 。

tâm duyên Trì giới để được quốc độ thanh tịnh của Phật;

心緣忍辱願得如來大梵音聲淨光明身。心緣精進為度眾生。

tâm duyên nhẫn nhục nguyện đắc Như Lai Đại Phạm Âm thanh tịnh
quang-minh thân 。

tâm duyên tinh tấn vi độ chúng sinh 。

tâm duyên Nhẫn nhục, nguyện được thân tịnh, quang minh, âm thanh Đại phạm của Như Lai; tâm duyên Tinh tấn để độ chúng sinh;

心緣禪定為得成就諸大神通。

tâm duyên Thiền định vi đặc thành tựu chư Đại Thần thông。

tâm duyên Thiền định để được thành tựu các đại thần thông;

心緣般若為斷一切諸見煩惱。

tâm duyên bát nhã vi đoạn nhất thiết chư kiến phiền não。

tâm duyên Bát-nhã để đoạn tất cả các phiền não kiến;

心緣大慈平等無礙令諸眾生皆得安樂。心緣大悲為護正法。

tâm duyên Đại từ bình đẳng vô ngại lệnh chư chúng sinh giai đắc an lạc。 tâm duyên Đại bi vi hộ chính Pháp。

tâm duyên Đại từ bình đẳng vô ngại, khiến cho chúng sinh đều được an lạc; tâm duyên Đại bi để hộ trì chính pháp;

心緣大喜為得說法悅樂眾生。

tâm duyên Đại hỷ vi đắc thuyết Pháp duyệt lạc chúng sinh。

tâm duyên Đại hỷ để được thuyết pháp làm vui vẻ, an lạc chúng sinh;

心緣大捨不見眾生煩惱結使。大王。菩薩摩訶薩。

tâm duyên Đại xả bất kiến chúng sinh phiền não kết sử。 Đại Vương。 Bồ-tát Ma-Ha tát。

tâm duyên Đại xả, không thấy phiền não, kết sử của chúng sinh。 Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát

以方便力行般若波羅蜜。不見二事名平等行。

dĩ phương tiện lực hành bát nhã ba la mật。 bất kiến nhị sự danh bình đẳng hành。

dùng lực phương tiện hành Bát-nhã ba-la-mật, không thấy hai sự, gọi là hành bình đẳng.

心緣四攝為教化眾生。緣嫉妬過為捨資財。

tâm duyên tứ nhiếp vì giáo hóa chúng sinh 。 duyên tật đố quá vì xả tư tài 。

Tâm duyên bốn Nhiếp pháp để giáo hóa chúng sinh. Duyên lỗi đố kỵ để bỏ tiền của;

緣破戒失為住淨戒。緣瞋恚失為得忍辱。

duyên phá giới thất vì trụ tịnh giới 。 duyên sân khuyển thất vì đắc nhẫn nhục 。

duyên lỗi phá giới để trụ tịnh giới; duyên lỗi sân hận để được nhẫn nhục;

緣懶惰失為成佛力。緣散亂失為得如來寂靜禪定。

duyên lười nọa thất vì thành Phật lực 。 duyên tán loạn thất vì đắc Như Lai tịch tĩnh Thiền định 。

duyên lỗi biếng nhác để thành Phật lực; duyên lỗi tán loạn để được thiền định thanh tịnh của Như Lai;

緣羸智失為成如來無礙智慧。

duyên thô trí thất vì thành Như Lai vô ngại trí tuệ 。

duyên lỗi trí thô để thành trí tuệ vô ngại của Như Lai.

心緣聲聞及辟支佛為欲成就無上大乘。

tâm duyên thanh văn cập Bích chi Phật vì dục thành tựu vô thượng Đại thừa 。

Tâm duyên Thanh Văn và Phật Bích-chi vì muốn thành tựu Đại thừa vô thượng.

心緣惡趣為欲濟拔一切眾生。心緣諸天知一切法悉有敗壞。

tâm duyên ác thú vi dục tế bạt nhất thiết chúng sinh 。 tâm duyên chư Thiên tri nhất thiết Pháp tất hữu bại hoại 。

Tâm duyên đường ác vì muốn cứu độ tất cả chúng sinh. Tâm duyên chư Thiên, biết tất cả pháp đều bị hư hoại;

緣諸眾生知無堅實。

duyên chư chúng sinh tri vô kiên thực 。

duyên các chúng sinh, biết không bền chắc.

心緣念佛為得成就禪定助道。心緣念法為得通達諸祕密藏。

tâm duyên niệm Phật vi đắc thành tựu Thiền định trợ đạo 。

tâm duyên niệm Pháp vi đắc thông đạt chư bí mật tạng 。

Tâm duyên niệm Phật để được thành tựu thiền định trợ đạo. Tâm duyên niệm Pháp để được thông đạt các Tạng bí mật.

心緣念僧為得不退。心緣念捨為無愛著。

tâm duyên niệm Tăng vi đắc bất thoái 。

tâm duyên niệm xả vi vô ái trú 。

Tâm duyên niệm Tăng vì để không thoái chuyển. Tâm duyên niệm Xả để không ái trước.

心緣念戒為得淨戒。心緣念天為成佛道諸天讚歎。

tâm duyên niệm giới vi đắc tịnh giới 。

tâm duyên niệm Thiên vi thành Phật đạo chư Thiên tán thán 。

Tâm duyên niệm Giới để được tịnh giới. Tâm duyên niệm Thiên để thành Phật đạo, chư Thiên tán thán.

心緣自身為得佛身。心緣自口為得佛口。

tâm duyên tự thân vi đắc Phật thân 。

tâm duyên tự khẩu vi đắc Phật khẩu 。

Tâm duyên thân mình để được thân Phật. Tâm duyên miệng mình để được miệng Phật.

心緣自意為得如來平等之心。

tâm duyên tự ý vi đặc Như Lai bình đẳng chi tâm 。

Tâm duyên ý mình để được tâm bình đẳng của Như Lai.

心緣有為為成佛智。心緣無為為得寂靜。大王。

tâm duyên hữu vi vi thành Phật trí 。

tâm duyên vô vi vi đặc tịch tĩnh 。

Đại Vương 。

Tâm duyên Hữu vi để thành trí Phật. Tâm duyên Vô vi để được tịch tĩnh. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜無有一心一行空過不向薩婆若者。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật vô hữu nhất tâm nhất hành không quá bất hướng tát bà nhược giả 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, không để một tâm nào, một hành nào trôi qua mà không hướng đến Nhất thiết trí.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

遍緣諸法而能不著。名憂波憍舍羅。

biến duyên chư Pháp nhi năng bất trú 。

danh ưu ba kiêu xá la 。

duyên khắp các pháp mà có thể không dính mắc, gọi là phương tiện thiện xảo;

觀見諸法無不趣向菩提之者。大王。

quán kiến chư Pháp vô bất thú hướng bồ đề chi giả 。

Đại Vương 。

quán thấy các pháp, không pháp nào không hướng đến Bồ-đề. Đại vương,

譬如三千大千世界大地出生諸物人無不用。

thí như tam Thiên Đại Thiên thể giới Đại địa xuất sinh chư vật nhân vô bất dụng 。

ví như đất liền trong Tam thiên đại thiên thể giới sinh ra các vật, không vật nào con người không dùng đến.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。所緣境界無不利益趣向菩提。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

sở duyên cảnh giới vô bất lợi ích thú hưởng bồ đề 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, cảnh được duyên không có cảnh nào là không lợi ích, hướng đến Bồ-đề.

譬如眾色無有不因四大成者。

thí như chúng sắc vô hữu bất nhân tứ Đại thành giả 。

Ví như các sắc, không có sắc nào không nương bốn Đại mà thành.

如是菩薩所緣境界。無有一法不向菩提。何以故。

như thị Bồ-tát sở duyên cảnh giới 。

vô hữu nhất Pháp bất hưởng bồ đề 。

hà dĩ cố 。

Giống như thế, cảnh được duyên của Bồ-tát, không một pháp nào không hướng đến Bồ-đề. Vì sao?

菩薩摩訶薩修習諸行。皆因外緣而得成立。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu tập chư hành 。

giai nhân ngoại duyên nhi đắc thành lập 。

Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập các hành, tất cả đều nhờ ngoại duyên mà được lập thành.

如因慳嫉人成就菩薩檀波羅蜜。

như nhân khan tật nhân thành tựu Bồ-tát đàn ba la mật 。

Như nhờ người keo kiệt, ganh tị mà thành tựu Bồ thí ba-la-mật của Bồ-tát;

因不知恩人成就菩薩尸波羅蜜。

nhân bất tri ân nhân thành tựu Bồ-tát thi ba la mật 。
nhờ người không biết ơn mà thành tựu Trì giới ba-la-mật của Bồ-tát;

如因惡性瞋恚眾生成就菩薩忍波羅蜜。

như nhân ác tính sân khuể chúng sinh thành tựu Bồ-tát nhẫn ba la mật 。
như nhờ chúng sinh sân hận, tính ác mà thành tựu Nhẫn nhục ba-la-mật của Bồ-tát;

因懶惰者成就菩薩毘梨耶波羅蜜。因散亂人成就菩薩禪波羅蜜。

nhân lười nọa giả thành tựu Bồ-tát Bi-lê-Da ba la mật 。 nhân tán loạn nhân thành tựu Bồ-tát Thiền ba la mật 。
nhờ người biếng nhác mà thành tựu Tinh tấn ba-la-mật; nhờ người tán loạn mà thành tựu Thiền định ba-la-mật của Bồ-tát;

因諸癡鈍成就菩薩般若波羅蜜。若有眾生損惱菩薩。

nhân chư si độn thành tựu Bồ-tát bát nhã ba la mật 。 nhược hữu chúng sinh tổn não Bồ-tát 。
nhờ những người ngu si, chậm chạp mà thành tựu Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát.
Nếu có chúng sinh làm tổn não Bồ-tát,

菩薩因此不起瞋心。

Bồ-tát nhân thử bất khởi sân tâm 。
Bồ-tát không vì thế mà khởi tâm sân.

菩薩若見修行善法向菩提者。生己身想猶我子心。菩薩摩訶薩。

Bồ-tát nhược kiến tu hành thiện Pháp hướng bồ đề giả 。 sinh kỷ thân tưởng do ngã tử tâm 。 Bồ-tát Ma-Ha tát 。

Bồ-tát nếu thấy người tu hành thiện pháp, hướng đến Bồ-đề, tức khởi tưởng đến thân mình xem như con. Bồ-tát Ma-ha-tát,

若人讚歎不生歡喜毀不瞋恚。

nhược nhân tán thán bất sinh hoan hỷ hủy bất sân khuể 。

nếu có người tán thán, thì không sinh vui mừng, hủy báng thì không sinh giận dữ;

見苦眾生則起大悲。若見受樂則生大喜。

kiến khổ chúng sinh tắc khởi Đại bi 。

nhược kiến thọ lạc tắc sinh Đại hỷ 。

thấy chúng sinh khổ tức khởi Đại bi, nếu thấy có vui tức sinh hoan hỷ lớn.

若因難化佞戾眾生。菩薩則發奢摩他心。因信行者。

nhược nhân nan hóa 佞 lệ chúng sinh 。

Bồ-tát tắc phát xa ma tha tâm 。

nhân tín hành giả 。

Nếu vì chúng sinh ngang ngược khó giáo hóa, Bồ-tát tức phát tâm Thiền chỉ. Nhờ người tin, hành

菩薩即得知恩智慧。若見眾生外惡緣強善因弱者。

Bồ-tát tức đắc tri ân trí tuệ 。

nhược kiến chúng sinh ngoại ác duyên cường thiện nhân nhược giả 。

mà Bồ-tát được trí tuệ tri ân. Nếu thấy chúng sinh, duyên ác bên ngoài mạnh mà nhân lành yếu,

菩薩則起擁護之心。菩薩若見因力強者。

Bồ-tát tắc khởi ủng hộ chi tâm 。

Bồ-tát nhược kiến nhân lực cường giả 。

Bồ-tát tức khởi tâm ủng hộ. Bồ-tát nếu thấy lực của nhân mạnh,

種種方便令其受教。

chủng chủng phương tiện lệnh kỳ thọ giáo 。

thì dùng đủ loại phương tiện để họ được thọ giáo.

菩薩若見智慧開悟解義眾生。則為此人說甚深法。

Bồ-tát nương kiến trí tuệ khai ngộ giải nghĩa chúng sinh 。 tác vi thử nhân thuyết thậm thâm Pháp 。

Bồ-tát nếu thấy chúng sinh có trí tuệ khai ngộ, hiểu được nghĩa lý, tức vì họ thuyết pháp sâu xa.

若有智人菩薩則為次第說法。著文字者。為說句義。

nhược hữu trí nhân Bồ-tát tác vi thứ đệ thuyết Pháp 。

trú văn tự giả 。

vi thuyết cú nghĩa 。

Nếu là người có trí, Bồ-tát liền vì họ thuyết pháp theo thứ tự. Người dính mắc văn tự thì thuyết nghĩa, câu;

若已先學奢摩他者。菩薩為說毘婆舍那。

nhược dĩ tiên học xa ma tha giả 。

Bồ-tát vi thuyết tì bà xá na 。

nếu người đã học Thiền chỉ, thì Bồ-tát thuyết Thiền quán;

若有先學毘婆舍那。則應為彼說諸三昧。

nhược hữu tiên học tì bà xá na 。

tác ứng vi bỉ thuyết chư tam-muội 。

nếu người đã học Thiền quán, thì nên vì họ mà thuyết các tam-muội.

若著持戒為說地獄。持戒不著則不說之。

nhược trú trì giới vi thuyết Địa-ngục 。

trì giới bất trú tác bất thuyết chi 。

Nếu chấp trước việc trì giới thì thuyết về Địa ngục; trì giới mà không chấp trước thì không thuyết.

若著聞者為說思修。著三昧者說入般若。

nhược trú văn giả vi thuyết tư tu 。 trú tam-muội giả thuyết nhập bát nhã 。

Nếu chấp trước Văn thì thuyết Tư, Tu; chấp trước tam-muội thì thuyết về nhập Bát-nhã.

樂阿蘭若即應為說心遠離法。若有樂聞佛功德者為說聖智。

lạc a lan nhược tức ứng vi thuyết tâm viễn li Pháp 。 nhược hữu lạc văn Phật công đức giả vi thuyết Thánh trí 。

Nếu ưa thích a-lan-nhã thì thuyết tâm xa lìa pháp. Nếu có người thích nghe công đức của Phật thì thuyết về Thánh trí.

為貪欲者說不淨法。為瞋恚人說慈悲法。

vi tham dục giả thuyết bất tịnh Pháp 。 vi sân khuể nhân thuyết tử bi Pháp 。

Vì người tham dục, thuyết pháp Bất tịnh; vì người sân nhuế, thuyết pháp Từ bi;

為愚癡者說緣生法。為等集者說種種法。

vi ngu si giả thuyết duyên sinh Pháp 。 vi đẳng tập giả thuyết chủng chủng Pháp 。

vì người ngu si, thuyết pháp Duyên sinh; vì người đẳng tập, thuyết đủ loại pháp:

或說不淨。或說慈悲。或說因緣。

hoặc thuyết bất tịnh 。 hoặc thuyết tử bi 。 hoặc thuyết nhân duyên 。

hoặc thuyết Bất tịnh, hoặc thuyết Từ bi, hoặc thuyết Nhân duyên.

調化眾生為說淨戒禪定智慧。應入佛乘而受化者。

điều hóa chúng sinh vi thuyết tịnh giới Thiền định trí tuệ 。 ứng nhập Phật thừa nhi thọ hóa giả 。

Đối với chúng sinh được điều phục, chuyển hóa thì thuyết tịnh giới, thiền định, trí tuệ. Người cần vào Phật thừa để được giáo hóa,

為次第說諸波羅蜜。應以抑挫而受化者。

vi thứ đệ thuyết chư ba la mật 。 ứng dĩ ức tỏa nhi thọ hóa giả 。

thì lần lượt thuyết các Ba-la-mật. Người cần phải chế phục mới chịu giáo hóa,

先折其辭然後說法。種種語言而受化者。

tiên chiết kỳ từ nhiên hậu thuyết Pháp 。 chủng chủng ngữ ngôn nhi thọ hóa giả 。

thì trước phải bẻ gãy lý luận của họ, sau đó mới thuyết pháp. Người cần dùng đủ loại ngữ ngôn mới giáo hóa được,

即應為說因緣譬喻令其得解。應以深法而受化者。

tức ứng vi thuyết nhân duyên thí dụ lệnh kỳ đắc giải 。 ứng dĩ thâm Pháp nhi thọ hóa giả 。

thì nên thuyết về duyên, ví dụ, để làm cho họ hiểu. Người cần phải dùng đến pháp sâu xa mới giáo hóa được,

即應為說般若波羅蜜及方便力。

tức ứng vi thuyết bát nhã ba la mật cập phương tiện lực 。

thì nên thuyết Bát-nhã ba-la-mật và lực Phương tiện,

無人無我無諸法相。著見眾生為說空法。

vô nhân vô ngã vô chư Pháp tướng 。 trú kiến chúng sinh vi thuyết không Pháp 。

không người, không ta, không có pháp tướng. Chúng sinh chấp kiến, thì thuyết pháp Không.

多覺觀者為說無相。樂著有為則說無願。著陰眾生為說如幻。

đa giác quán giả vi thuyết vô tướng 。 lạc trú hữu vi tắc thuyết vô nguyện 。

Có nhiều giác quán, thì thuyết Vô tướng. Mê đắm Hữu vi, thì thuyết Vô nguyên. Chúng sinh chấp trước các Ấm, thì thuyết như huyễn.

著界眾生說無所有。著入眾生為說如夢。

trú giới chúng sinh thuyết vô sở hữu 。 trú nhập chúng sinh vi thuyết như mộng 。

Chúng sinh chấp trước cảnh giới, thì thuyết Vô sở hữu. Chúng sinh chấp trước Nhập, thì thuyết như mộng.

著欲界者為說熾然。若著色界為說行苦。

trú dục giới giả vi thuyết sí nhiên 。 nhược trú sắc giới vi thuyết hành khổ 。

Chấp trước Dục giới, thì thuyết về lửa cháy. Nếu chấp trước Sắc giới, thì thuyết Hành khổ.

著無色界說行無常。難化眾生為讚聖種。

trú vô sắc giới thuyết hành vô thường 。 nan hóa chúng sinh vi tán Thánh chủng 。

Chấp trước Vô sắc giới, thì thuyết Hành vô thường. Chúng sinh khó giáo hóa, thì vì họ mà tán thán Thánh chủng.

易化眾生說諸禪定及無量心。

dịch hóa chúng sinh thuyết chư Thiền định cập vô lượng tâm 。

Chúng sinh dễ giáo hóa, thì thuyết các thiền định và tâm Vô lượng.

若聞生天而受化者則為說樂。因聲聞法而受化者為說諸諦。

nhược văn sinh Thiên nhi thọ hóa giả tắc vi thuyết lạc 。

nhân thanh văn Pháp nhi thọ hóa giả vi thuyết chư đế 。

Nếu nghe sinh vào cõi trời mới chịu sự giáo hóa thì thuyết về lạc. Vì pháp Thanh Văn mới chịu sự giáo hóa, thì thuyết các Đế;

辟支佛法而受化者為說因緣。

Bích chi Phật Pháp nhi thọ hóa giả vi thuyết nhân duyên 。

vi pháp Phật Bích-chi mới chịu sự giáo hóa, thì thuyết Nhân duyên;

以菩薩法而受化者。為說淨心及大悲法。

dĩ ồ Tát Pháp nhi thọ hóa giả 。

vi thuyết tịnh tâm cập Đại bi Pháp 。

có pháp Bồ-tát mới chịu sự giáo hóa, thì thuyết về tâm thanh tịnh và pháp Đại bi.

修行菩薩則應為說功德智慧。阿鞞跋致諸菩薩等。

tu hành Bồ-tát tắc ứng vi thuyết công đức trí tuệ 。

a tỳ bạt trí chư Bồ-tát đẳng 。

Đối với Bồ-tát tu các Hành, thì nên thuyết về công đức trí tuệ. Đối với Bồ-tát bất thoái chuyển, vân vân,

則應為說清淨佛國。一生補處則應為說莊嚴道場。

tắc ứng vi thuyết thanh tịnh Phật quốc 。

Nhất-sinh-bổ-xứ tắc ứng vi thuyết trang nghiêm đạo trường 。

thì nên thuyết về nước Phật thanh tịnh; đối với Bồ-tát nhất sinh bổ xứ thì nên thuyết về trang nghiêm đạo trường.

應以佛說而受化者。則為相續次第而說。大王。

ứng dĩ Phật thuyết nhi thọ hóa giả 。

tắc vi tướng tục thứ đệ nhi thuyết 。

Đại Vương 。

Người phải dùng lời Phật thuyết mới chịu sự giáo hóa, thì nên theo thứ tự liên tục thuyết pháp. Đại vương,

菩薩摩訶薩行清淨般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành thanh tịnh bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

以方便力得諸自在。說法利益無有空過。

dĩ phương tiện lực đắc chư tự-tại 。 thuyết Pháp lợi ích vô hữu không quá 。

dùng lực phương tiện, được các Tự tại, thuyết pháp lợi ích, không bị uống phí.

說是菩薩自在法門時。

thuyết thị Bồ-tát tự-tại Pháp môn thời 。

Lúc thuyết về pháp Tự tại này của Bồ-tát,

眾中三萬天人發阿耨多羅三藐三菩提心。五千菩薩得無生法忍。

chúng trung tam vạn Thiên Nhơn phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

ngũ thiên Bồ-tát đắc vô sinh Pháp nhẫn 。

trong chúng có ba vạn trời người phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác; năm ngàn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn.

爾時世尊欣然微笑。諸佛法爾。若微笑時。

nhĩ thời Thế Tôn hân nhiên vi tiếu 。

chư Phật Pháp nhĩ 。

nhược vi tiếu thời 。

Bấy giờ, Thế Tôn hân nhiên mỉm cười. Chư Phật là như vậy. Nếu mỉm cười,

面門即放諸大光明。青黃赤白紫頗梨色。

diện môn tức phóng chư Đại quang-minh 。

thanh hoàng xích bạch tử pha-lê sắc 。

tức từ mặt phóng ra các loại ánh sáng lớn rực rỡ, có màu pha-lê xanh, vàng, đỏ, trắng, tím,

遍照無量無邊世界。上至阿迦尼吒還歸佛所。

biến chiếu vô lượng vô biên thế giới 。

thượng chí a ca ni trá hoàn quy Phật sở 。

chiếu khắp vô lượng vô biên thế giới, lên đến trời Sắc cứu cánh rồi về lại chỗ Phật,

右繞三匝從佛頂入。爾時大智舍利弗。

hữu nhiều tam tạp tông Phật đỉnh nhập 。 nhĩ thời Đại trí Xá lợi Phất
。

vòng ba vòng theo phía phải, rồi nhập vào danh của Phật. Bấy giờ, Đại trí Xá-lợi-phất,

即從坐起偏袒右肩右膝著地。

tức từng tọa khởi Thiên đản hữu kiên hữu tất trú địa 。

liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải, gối phải sát đất,

合掌向佛頭面作禮而白佛言。世尊。諸佛如來無大因緣。

hợp chưởng hướng Phật đầu diện tác lễ nhi bạch Phật ngôn 。

chấp tay hướng Phật, đầu mặt đảnh lễ, bạch Phật: Thế Tôn, chư Như Lai không có nhân duyên lớn

則不現此希有瑞相。世尊今者放是光明。

tắc bất hiện thữ hi hữu thụy tướng 。

thì không hiện tướng lành hiếm có này. Nay Thế Tôn phóng ánh sáng rực rỡ này,

遍照十方無量世界。為何因緣。願世尊說。

biến chiếu thập phương vô lượng thế giới 。

chiếu khắp mười phương thế giới là vì nhân duyên gì? Xin Thế Tôn nói.

爾時佛告舍利弗言。善男子。此勝天王。

nhĩ thời Phật cáo Xá lợi Phất ngôn 。

Bấy giờ, Phật bảo Xá-lợi-phất: Thiện nam tử, Thắng Thiên Vương này,

過去無量無邊阿僧祇劫於諸佛所修行眾波羅蜜。

quá khứ vô lượng vô biên a tăng kì kiếp ư chư Phật sở tu hành chúng ba la mật 。

vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp trong quá khứ, đã ở nơi chư Phật, tu hành các Ba-la-mật;

為諸菩薩護持如是般若波羅蜜。

vi chư Bồ-tát hộ trì như thị bát nhã ba la mật 。

vì các Bồ-tát mà hộ trì Bát-nhã ba-la-mật như thế.

未來之世過無量百千阿僧祇劫。成就無上菩提資糧。

vị lai chi thế quá vô lượng bách thiên a tăng kì kiếp 。

thành tựu vô thượng bồ đề tư lương 。

Trong đời vị lai, quá vô lượng trăm ngàn a-tăng-kỳ kiếp, thành tựu tư lương Bồ-đề vô thượng;

然後得阿耨多羅三藐三菩提。

nhĩen hậu đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

sau đó được Vô thượng Chính đẳng Chính giác;

佛號功德莊嚴如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈

Phật hiệu công đức trang nghiêm Như Lai Ứng-Cúng Chính-biến-Tri Minh-hạnh-Túc thiện thệ thế gian giải Vô-thượng-Sĩ điều ngự trượng

Phật hiệu Công đức Trang nghiêm Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri Minh Hạnh Túc Thiện Thệ Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng

夫天人師佛世尊。國名嚴淨。劫名清淨。

phu Thiên Nhơn Sư Phật Thế Tôn 。

quốc danh nghiêm tịnh 。

kiếp danh thanh tịnh 。

Phu Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn; nước tên Nghiêm Tịnh, kiếp tên Thanh Tịnh.

其土豐饒人民安樂。純菩薩眾。

kỳ độ phong nhiêu nhân dân an lạc 。 thuần Bồ-tát chúng 。

Cõi đó sung túc đầy đủ, nhân dân an lạc, đều là chúng Bồ-tát.

彼國悉以七寶莊嚴。所謂金銀琉璃頗梨馬瑙車磑真珠。

bỉ quốc tất dĩ thất bảo trang nghiêm 。 sở vị kim ngân lưu ly pha-lê mã-nã
xa-cử chân châu 。

Nước đó thảy đều dùng bảy loại báu để trang nghiêm; đó là kim, ngân, lưu ly,
pha-lê, mã nã, xa cừ, chân châu.

七寶間錯以成其地。平坦如掌。

thất bảo gian thác dĩ thành kỳ địa 。 bình thản như chưởng 。

Bảy báu xen lẫn nhau làm thành đất cõi đó, bằng phẳng như lòng bàn tay;

香華軟草而嚴飾之。無諸山陵堆阜荆棘。

hương hoa nhuyễn thảo nhi nghiêm sức chi 。 vô chư sơn lãng
đôi phụ kinh cức 。

hương hoa, cỏ mềm trang sức; không có núi non, gò đồi, gai góc;

幡華幢蓋種種莊嚴。城名難伏。七寶羅網彌覆其上。

phiên hoa tràng cái chủng chủng trang nghiêm 。 thành danh nan
phục 。

phướn, hoa, cờ, lọng, đủ loại trang nghiêm. Thành tên Nan Phục, có lưới bảy báu
che phủ ở trên,

角懸金鈴日夜六時諸天空中自作天樂。

giác huyền kim linh 。 nhật dạ lục thời chư Thiên không trung tự
tác Thiên nhạc 。

góc treo chuông vàng, ngày đêm sáu thời, từ trên không trung, tự thổi nhạc trời,

散眾天香及天妙華。其土人民受樂歡喜。

tán chúng Thiên hương cập Thiên diệu hoa 。 kỳ độ nhân dân thọ lạc hoan hỷ 。

rắc các hương trời và hoa trời vi diệu. Chúng sinh cõi đó, thọ lạc, hoan hỷ,

勝他化天。人天往來不相隔礙。無三惡道。

thắng tha hóa Thiên 。 nhân Thiên vắng lai bất tướng cách ngại 。 vô tam ác đạo 。

hơn cả trời Tha Hóa. Trời, người qua lại không có cách trở; không có ba đường ác.

彼土眾生唯求佛智無二乘名。

bỉ độ chúng sinh duy cầu Phật trí vô nhị thừa danh 。

Chúng sinh cõi đó chỉ cầu trí Phật, không có tên của Nhị thừa.

其佛世尊為諸高行菩薩摩訶薩說清淨法。

kỳ Phật Thế Tôn vi chư cao hành Bồ-tát Ma-Ha tát thuyết thanh tịnh Pháp 。

Phật Thế Tôn cõi đó, vì các Bồ-tát Ma-ha-tát Cao hành, nói Pháp thanh tịnh.

無量無邊菩薩眷屬。

vô lượng vô biên Bồ-tát quyến chúc 。

Có vô lượng vô biên quyến thuộc Bồ-tát;

無有破戒邪命著見盲瞎聾瘡痾背裸形諸根缺者。皆悉具足二十八相莊嚴其身。

vô hữu phá giới tà mạng trú kiến manh hạt lung 瘡 câu bối lửa hình chư căn khuyết giả 。 giai tất cụ túc nhị thập bát tướng trang nghiêm kỳ thân 。

không có người phá giới, tà mạng, chấp kiến, đui mù, câm ngọng, lưng còng, lỏa hình, thiếu các căn; tất cả đều đầy đủ hai mươi tám tướng trang nghiêm thân mình.

佛壽八小劫。人天之眾無中天者。善男子。

Phật thọ bát tiểu kiếp 。 nhân Thiên chi chúng vô trung yêu giả
。 thiện nam tử 。

Phật thọ tám tiểu kiếp. Chúng Trời, người không có chết yếu. Thiện nam tử,

彼佛世尊。有如是等無量功德。

bỉ Phật Thế Tôn 。 hữu như thị đẳng vô lượng công đức 。

Phật Thế Tôn đó, có vô lượng công đức như thế.

若欲說法先放光明照曜國土。其諸菩薩遇斯光者。

nhược dục thuyết Pháp tiên phóng quang-minh chiếu diệu quốc thổ 。

kỳ chư Bồ-tát ngộ tư quang giả 。

Nếu muốn thuyết pháp, thì trước tiên phóng ra ánh sáng rực rỡ, chiếu sáng quốc
độ. Các Bồ-tát ở đó thấy ánh sáng này

即知世尊將欲說法。我等今者宜應往聽。

tức tri Thế Tôn tương dục thuyết Pháp 。

ngã đẳng kim giả nghi ứng
vãng thính 。

tức biết Thế Tôn sắp muốn thuyết pháp; chúng ta nay nên đến nghe.

爾時諸天為彼世尊。敷師子座高百由旬。

nhĩ thời chư Thiên vì bỉ Thế Tôn 。

phu Sư-tử tọa cao bách do-tuần 。

Bấy giờ chư Thiên vì Thế Tôn kia, trải tòa sư tử cao một trăm do-tuần,

種種嚴飾無量供養。世尊坐上為眾說法。

chủng chủng nghiêm sức vô lượng cung dưỡng 。

Thế Tôn tọa thượng
vì chúng thuyết Pháp 。

đủ loại trang sức trang nghiêm, cúng dường vô lượng. Thế Tôn ngồi ở trên tòa, vì
chúng thuyết pháp.

彼諸菩薩聰明利根。一聞悟解無我我所。

bỉ chư Bồ-tát thông minh lợi căn 。 nhất văn ngộ giải vô ngã ngã sở 。

Các Bồ-tát đó, căn tính lanh lợi, thông minh, mới nghe liền hiểu rõ không có ngã, ngã sở.

飲食資糧應念即得。說是勝天王授記法門時。

ẩm thực tư lương ứng niệm tức đắc 。 thuyết thị thắng Thiên Vương thọ kí Pháp môn thời 。

Đồ ăn, thức uống, đồ dùng, chỉ nghĩ đến tức liền có. Lúc thuyết pháp môn thọ ký cho Thắng Thiên Vương này,

眾中五萬天人發阿耨多羅三藐三菩提心。

chúng trung ngũ vạn Thiên Nhơn phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

trong chúng có năm vạn Trời, người phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác;

皆願未來生彼國土。爾時勝天王聞佛世尊為其授記。

giai nguyện vị lai sinh bỉ quốc thổ 。 nhĩ thời thắng Thiên Vương văn Phật Thế Tôn vi kỳ thọ kí 。

đều nguyện đời sau sinh vào quốc độ kia. Bấy giờ, Thắng Thiên Vương nghe Phật thọ ký cho mình,

心大歡喜得未曾有。踊在虛空高七多羅樹。

tâm Đại hoan hỷ đắc vị tăng hữu 。 dưng tại hư không cao thất đa-la thụ 。

tâm đại hoan hỷ, được việc chưa từng có, liền nhảy lên không trung cao bằng bảy cây đa-la.

爾時三千大千世界六種震動。

nhĩ thời tam Thiên Đại Thiên thế giới lục chủng chấn động 。

Bấy giờ, Tam thiên đại thiên thể giới có sáu loại chấn động;

諸天伎樂不鼓自鳴。散眾天華以供養佛及勝天王。

chư Thiên kĩ nhạc bất cổ tự minh 。 tán chúng Thiên hoa dĩ cung dưỡng Phật cập thắng Thiên Vương 。

chư Thiên trỗi nhạc, không đánh tự vang; tung các hoa trời để cúng dường Phật và Thắng Thiên Vương.

時勝天王從空中下。頭面禮佛退坐一面。

thời thắng Thiên Vương tòng không trung hạ 。 đầu diện lễ Phật thối tọa nhất diện 。

Lúc đó Thắng Thiên Vương từ không trung xuống, đầu mặt lễ Phật, lui ngòi một bên.

勝天王般若波羅蜜經

thắng Thiên Vương bát nhã ba la mật Kinh

Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã ba-la-mật

現相品第七

hiện tướng phẩm đệ thất

Phẩm 7: Hiện Tướng

爾時大智舍利弗白勝天王言菩薩摩訶薩

nhĩ thời Đại trí Xá lợi Phất bạch thắng Thiên Vương ngôn Bồ-tát Ma-Ha tát

Bấy giờ, Đại Trí Xá-lợi-phất bạch Thắng Thiên Vương: Bồ-tát Ma-ha-tát

行般若波羅蜜。

hành bát nhã ba la mật 。

hành Bát-nhã ba-la-mật,

通達法性即應坐道場轉法輪。何因緣故先修苦行降伏惡魔。

thông đạt Pháp tính tức ứng tọa đạo trường chuyển Pháp luân 。
hà nhân duyên cố tiên tu khổ hạnh hàng phục ác ma 。

thông đạt Pháp tính tức nên ngồi đạo trường, chuyển Pháp luân; vì nhân duyên
gì, mà trước phải tu khổ hạnh để hàng phục Ác ma?

爾時勝天王答舍利弗言。善男子。

nhĩ thời thắng Thiên Vương đáp Xá lợi Phất ngôn 。

Bấy giờ Thắng Thiên Vương trả lời Xá-lợi-phất: Thiện nam tử,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜實無苦行。為伏外道故示現之。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật thực vô khổ hạnh 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, thực sự không có khổ hạnh; vì hàng
phục ngoại đạo nên thị hiện điều đó,

而彼天魔實不能壞。

nhĩ bỉ Thiên ma thực bất năng hoại 。

mà Thiên ma kia không thể phá hoại.

是欲界主故示降伏化諸眾生。舍利弗。外道自謂苦行第一。

thị dục giới chủ cố kì hàng phục hóa chư chúng sinh 。

Vì là chủ của Dục giới này nên mới thị hiện hàng phục, chuyển hóa chúng sinh.

Xá-lợi-phất, ngoại đạo tự cho rằng khổ hạnh là đệ nhất,

是故菩薩示現苦行能超過彼。舍利弗。

thị cố Bồ-tát thị hiện khổ hạnh năng siêu quá bỉ 。

cho nên Bồ-tát mới thị hiện khổ hạnh có thể vượt hơn họ. Xá-lợi-phất,

或有眾生但見菩薩屈一膝立。或見菩薩舉兩手立。

hoặc hữu chúng sinh dẫn kiến Bồ-tát khuất nhất tất lập 。 hoặc kiến Bồ-tát cử lượng thủ lập 。

hoặc có chúng sinh chỉ thấy Bồ-tát đứng co một chân, hoặc thấy Bồ-tát đứng đưa hai tay,

或見菩薩視日而立。或見菩薩五熱炙身。

hoặc kiến Bồ-tát thị nhật nhi lập 。 hoặc kiến Bồ-tát ngũ nhiệt chích thân 。

hoặc thấy Bồ-tát đứng nhìn mặt trời, hoặc thấy Bồ-tát năm loại nhiệt đốt thân,

或見菩薩倒身而立。或見菩薩臥棘刺床。

hoặc kiến Bồ-tát đảo thân nhi lập 。 hoặc kiến Bồ-tát ngoại cực thứ sàng 。

hoặc thấy Bồ-tát đứng đảo ngược thân, hoặc thấy Bồ-tát nằm trên bàn chông,

或臥牛糞或坐方石。或復臥地或見臥板。

hoặc ngoại ngưu phần hoặc tọa phương thạch 。 hoặc phục ngoại địa hoặc kiến ngoại bồn 。

hoặc nằm trong phân trâu, hoặc ngồi trên đá, hoặc nằm trên đất, hoặc nằm trên ván,

或臥杵上或臥塵土。或著板衣或著惹衣。

hoặc ngoại xử thượng hoặc ngoại trần độ 。 hoặc trú bốn y hoặc trú 惹 y 。

hoặc nằm trên cái chày, hoặc nằm trong bụi đất, hoặc mặc áo gỗ, hoặc mặc áo sợi cây,

或著草衣或樹皮衣。或復裸形或著茅衣。

hoặc trú thảo y hoặc thụ bì y 。 hoặc phụcỏa hình hoặc trú mao y 。

hoặc mặc áo cỏ, hoặc mặc áo vỏ cây, hoặc lại lỏa hình, hoặc mặc áo cỏ tranh,

或面向日隨日而轉。或食稗子或見食麥。

hoặc diện hướng nhật tùy nhật nhi chuyển 。 hoặc thực bại tử
hoặc kiến thực mạch 。

hoặc mặt hướng về mặt trời, xoay theo mặt trời, hoặc ăn cỏ kê, hoặc ăn lúa
mạch,

或食草根雜諸樹葉。食果食華或食薯蕷。

hoặc thực thảo căn tạp chư thụ diệp 。

hoặc thực quả thực hoa
hoặc thực thụ dự 。

hoặc ăn rễ cỏ lẫn với các loại lá cây; ăn trái, ăn hoa, hoặc ăn củ mài,

或見食芋或見食藕。或六日一食或見食豆。

hoặc kiến thực dự hoặc kiến thực ngẫu 。

hoặc lục nhật nhất
thực hoặc kiến thực đậu 。

hoặc thấy ăn khoai, hoặc thấy ăn ngó sen, hoặc sáu ngày ăn một bữa, hoặc thấy
ăn đậu,

或食大豆或食炒穀。或見食麻或見食米。

hoặc thực Đại đậu hoặc thực sao cốc 。

hoặc kiến thực ma
hoặc kiến thực mễ 。

hoặc ăn đậu lớn, hoặc ăn lúa rang, hoặc ăn cây gai, hoặc ăn gạo,

或見飲水而以度日。或見菩薩食一[泳-永+適]蘇而以度日。

hoặc kiến ẩm thủy nhi dĩ độ nhật 。

hoặc kiến Bồ-tát thực nhất
[vĩnh -vĩnh +thích]tô nhi dĩ độ nhật 。

hoặc thấy uống nước qua ngày, hoặc thấy Bồ-tát ăn một cây tía tô qua ngày,

或一[泳-永+適]蜜或一[泳-永+適]乳。或無所食或見眠熟。舍利弗。

hoặc nhất [vĩnh -vĩnh +thích]mật hoặc nhất [vĩnh -vĩnh +thích]nhũ 。 hoặc vô sở thực hoặc kiến miên thực 。 Xá lợi Phất 。

hoặc một chút mật, hoặc một chút sữa, hoặc không ăn, hoặc thấy ngủ vui. Xá-lợi-phất,

菩薩摩訶薩。示現如是種種苦行。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。 thị hiện như thị chủng chủng khổ hạnh 。

Bồ-tát Ma-ha-tát thị hiện khổ hạnh như thế

六年之中一事不虧。菩薩實無如是苦行。眾生見有。

lục niên chi trung nhất sự bất khuy 。 Bồ-tát thực vô như thị khổ hạnh 。 chúng sinh kiến hữu 。

trong sáu năm, một việc cũng không thiếu. Bồ-tát thực sự không có khổ hạnh như thế; chúng sinh thấy có,

以諸眾生應以苦行而得度脫。

dĩ chư chúng sinh ứng dĩ khổ hạnh nhi đắc độ thoát 。

vì các chúng sinh cần dùng khổ hạnh để được độ thoát.

為是等故菩薩示之。有六十那由他人安住三乘。舍利弗。

vi thị đẳng cố Bồ-tát kì chi 。 hữu lục thập na-do-tha nhân an trú tam thừa 。

Vì những điều như thế nên Bồ-tát thị hiện việc đó; có sáu mươi na-do-tha người an trú trong ba Thừa. Xá-lợi-phất,

復有天人宿世善根深樂大乘。

phục hữu Thiên Nhơn tú thể thiện căn thâm lạc Đại thừa 。

lại có Trời, người nhờ thiện căn đời trước, vui sâu Đại thừa,

則見菩薩坐七寶臺身心不動。面門喜笑入三昧定。

tắc kiến Bồ-tát tọa thất bảo đài thân tâm bất động 。 diện môn hỉ
tiếu nhập tam-muội định 。

liền thấy Bồ-tát ngồi đài bảy báu, thân tâm bất động, gương mặt vui cười, nhập
định tam-muội;

如是六年方從定起。舍利弗。復有眾生深樂大乘。

như thị lục niên phương tòng định khởi 。

Xá lợi Phất 。

phục hữu
chúng sinh thâm lạc Đại thừa 。

sáu năm như thế mới từ định khởi. Xá-lợi-phất, lại có chúng sinh vui sâu Đại
thừa,

欲聽聞者則見菩薩端坐說法。舍利弗。

dục thính văn giả tắc kiến Bồ-tát đoan tọa thuyết Pháp 。

Xá lợi Phất 。

nếu muốn nghe pháp, liền thấy Bồ-tát ngồi ngay ngắn thuyết pháp. Xá-lợi-phất,

此是菩薩摩訶薩。以方便力行般若波羅蜜。

thử thị Bồ-tát Ma-Ha tát 。

dĩ phương tiện lực hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát này, dùng lực phương tiện, hành Bát-nhã ba-la-mật,

大悲化度一切眾生。能降天魔伏諸外道。

Đại bi hóa độ nhất thiết chúng sinh 。

năng hàng Thiên ma phục
chư ngoại đạo 。

dùng Đại bi hóa độ tất cả chúng sinh, có thể hàng phục Thiên ma và các ngoại
đạo.

菩薩摩訶薩。既經六年從定而起。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。

ký Kinh lục niên tòng định nhi khởi 。

Bồ-tát Ma-ha-tát, đã qua sáu năm, từ định đứng dậy,

隨順世法詣尼連禪河。洗浴出已於河邊立。

tùy thuận thế Pháp nghệ ni liên Thiên hà 。 tẩy dục xuất dĩ ư hà biên lập 。

tùy thuận thế pháp, đến sông Ni-liên-thiên, tắm rửa xong thì đứng bên bờ sông.

有牧牛女搆百乳牛。以飲一牛。搆此牛乳。

hữu mục ngưu nữ cấu bách nhũ ngưu 。 dĩ ẩm nhất ngưu 。

Có cô gái chăn bò, vắt sữa một trăm con bò để cho một con bò uống, rồi vắt sữa con bò này,

用用作糜奉獻菩薩。復有六億天龍夜叉乾闥婆。

dụng dĩ tác mi phụng hiến Bồ-tát 。 phục hữu lục ức Thiên Long dạ xoa Càn-thát-bà 。

dùng để nấu cháo hiến cúng Bồ-tát. Lại có sáu ức Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà,

各持飲食而來奉獻。作如是言。大士受我供養。

các trì ẩm thực nhi lai phụng hiến 。

đều mang đồ ăn thức uống đến hiến cúng, nói thế này: Đại sĩ, xin thọ nhận đồ cúng dường của tôi.

正士受我供養。菩薩悉受。

chính sĩ thọ ngã cung dưỡng 。

Chính sĩ, xin thọ nhận đồ cúng dường của tôi. Bồ-tát đều thọ nhận hết.

而彼牛女天龍夜叉各不相見。一一天等各見菩薩獨受其食。舍利弗。

nhi bỉ ngưu nữ Thiên Long dạ xoa các bất tương kiến 。

Nhưng cô gái chăn bò kia và Trời, Rồng, Dạ-xoa đều không thấy nhau. Mỗi vị chỉ thấy Bồ-tát thọ nhận thức ăn của mình. Xá-lợi-phất,

是等眾生因見受供而得悟道。

thị đẳng chúng sinh nhân kiến thọ cung nhi đắc ngộ đạo 。
các chúng sinh này vì thấy đờ cúng được thọ nhận mà ngộ đạo,

是故菩薩為示現之。而此菩薩實不洗浴及受供養。舍利弗。

thị cố Bồ-tát vi thị hiện chi 。 nhi thử Bồ-tát thực bất tẩy dục cập thọ
cung dưỡng 。 Xá lợi Phát 。

cho nên Bồ-tát vì họ mà thị hiện việc đó. Xá-lợi-phất,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

以方便力示現行詣道場。時有地居天子名曰妙地。

dĩ phương tiện lực thị hiện hành nghệ đạo trường 。 thời hữu địa cư
Thiên tử danh viết diệu địa 。

dùng lực phương tiện, thị hiện đi đến đạo trường. Lúc đó có Thiên tử ở trời Địa
Cư tên là Diệu Địa,

與諸天神掃此大地散眾妙華。種種香水而用灑之。

dữ chư Thiên Thần tảo thử Đại địa tán chúng diệu hoa 。 chúng
chủng hương thủy nhi dụng sái chi 。

cùng các Thiên thần, quét sạch đại địa này, tung các diệu hoa, dùng đủ loại nước
thơm để rưới lên đó.

三千大千世界。

tam Thiên Đại Thiên thế giới 。

Tam thiên đại thiên thế giới,

須彌山下諸天之眾四天王天雨諸天華。三十三天及夜摩天。

Tu-Dì sơn hạ chư Thiên chi chúng tứ Thiên Vương Thiên vũ chư Thiên hoa 。 tam thập tam Thiên cập Dạ-Ma Thiên 。

chúng Trời dưới núi Tu-di, các cõi trời Tứ thiên vương, đều làm mưa hoa trời. Trời Tam thập tam và trời Dạ-ma,

空中讚歎作諸伎樂。兜率陀天珊兜率陀王。

không trung tán thán tác chư kỹ nhạc 。 Đâu-Xuất-Đà Thiên san Đâu-Xuất-Đà Vương 。

từ trên không trung, tán thán, ca múa. Trời Đâu-suất-đà, Vua San-đâu-suất-đà,

以七寶網彌覆世界。四角皆懸閻浮檀金鈴。

dĩ thất bảo võng di phúc thế giới 。 tứ giác giai huyền Diêm-phù-đàn kim linh 。

dùng lưới bằng bảy báu che khắp thế giới, bốn góc đều treo chuông vàng Diêm-phù-đàn,

悉雨眾寶供養菩薩。化樂諸天善化王。

tất vũ chúng bảo cung dưỡng Bồ-tát 。 hóa lạc chư Thiên thiện hóa Vương 。

thảy đều làm mưa báu, cúng dường Bồ-tát. Chư thiên ở trời Hóa Lạc, Vua Thiện Hóa,

以閻浮檀金羅網彌覆世界。

dĩ Diêm-phù-đàn kim la võng di phúc thế giới 。

dùng lưới vàng Diêm-phù-đàn che khắp thế giới,

作諸伎樂雨種種華供養菩薩他化自在諸天子。

tác chư kỹ lạc vũ chủng chủng hoa cung dưỡng Bồ-tát Tha-Hoá Tự-Tại chư Thiên tử 。

ca múa, làm mưa hoa đủ loại, cúng dường Bồ-tát. Các Thiên tử ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại

與諸天龍夜叉乾闥婆阿修羅。伽樓羅緊那羅摩睺羅伽人非人等。

dữ chư Thiên long dạ xoa Càn-thát-bà A-tu-La 。 dà lâu la khẩn na la
Ma hầu la dà nhân phi nhân đẳng 。

cùng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-
dà, người, phi nhân, vân vân,

各各施設種種供養。

các các thí thiết chủng chủng cung dưỡng 。

đều bày biện đủ loại cúng dường.

自在天子與娑婆世界主大梵天王。既見菩薩行詣道場。

Tự Tại Thiên tử dữ Sa Bà thế giới chủ Đại Phạm Thiên Vương 。

ký kiến Bồ-tát hành nghệ đạo trường 。

Thiên tử Tự Tại cùng chủ thế giới Ta-bà Đại phạm thiên vương, đã thấy Bồ-tát đi
đến đạo trường,

即告一切諸梵天言。善男子。汝等當知。

tức cáo nhất thiết chư Phạm Thiên ngôn 。

thiện nam tử 。

nhữ đẳng đương tri 。

liền bảo tất cả Phạm thiên: Thiện nam tử, các ông nên biết,

如此菩薩摩訶薩。堅固大身而自莊嚴。

như thử Bồ-tát Ma-Ha tát 。

kiên cố Đại thân nhi tự trang nghiêm 。

như Bồ-tát Ma-ha-tát này, thân lớn kiên cố mà tự trang nghiêm,

不違本誓心無厭怠。一切菩薩行悉滿足。通達教化無量眾生。

bất vi bổn thệ tâm vô yếm đãi 。

nhất thiết Bồ-tát hành tất mãn túc 。

thông đạt giáo hóa vô lượng chúng sinh 。

không trái bốn thế, tâm không chán mỏi, đầy đủ tất cả các hạnh Bồ-tát, thông đạt, giáo hóa vô lượng chúng sinh,

菩薩諸地皆得自在。

Bồ-tát chư địa giai đắc tự-tại。

đều được tự tại đối với các địa của Bồ-tát;

於諸眾生其心清淨善知根性。通達如來甚深蜜藏過諸魔事。

ư chư chúng sinh kỳ tâm thanh tịnh thiện tri căn tính 。 thông đạt Như Lai thậm thâm mật tạng quá chư ma sự 。

so các chúng sinh, tâm mình thanh tịnh, khéo biết căn tính, thông đạt mật tạng sâu xa của Như Lai, vượt quá Ma sự;

一切善根不隨外緣。無量諸佛之所擁護。

nhất thiết thiện căn bất tùy ngoại duyên 。 vô lượng chư Phật chi sở ủng hộ 。

tất cả thiện căn không theo ngoại duyên, được vô lượng chư Phật ủng hộ;

能為眾生開解脫門。大將導師摧伏諸魔。

năng vi chúng sinh khai giải thoát môn 。 Đại tướng Đạo sư tồi phục chư ma 。

có thể vì chúng sinh mở cửa giải thoát; là Đại tướng đạo sư, hàng phục chúng Ma;

大千世界獨為勇猛。善施法藥為大醫王。

Đại-Thiên thế giới độc vi dũng mãnh 。 thiện thí Pháp dược vi Đại y Vương 。

Đại thiên thế giới chỉ một mình là dũng mãnh, khéo thí pháp lạc, là bậc Đại y vương,

解脫灌頂受法王位放智慧光。

giải thoát quán đỉnh thọ Pháp Vương vị phóng trí tuệ quang 。

Giải thoát quán đỉnh, thọ Pháp vương vị, phóng ánh sáng trí tuệ;

世間八法所不能染如大蓮華。通達一切諸陀羅尼甚深如海。

thế gian bát Pháp sở bất năng nhiễm như Đại liên hoa 。

thông đạt nhất thiết chư Đà-La-Ni thậm thâm như hải 。

tám pháp thế gian không thể nhiễm, như hoa sen lớn; thông đạt tất cả các đà-la-ni, sâu rộng như biển;

安住不動如須彌山。智慧清淨無有垢穢。

an trú bất động như Tu-Di sơn 。

trí tuệ thanh tịnh vô hữu cấu uế 。

an trú bất động như núi Tu-di; trí tuệ thanh tịnh không có cấu nhiễm,

如摩尼珠於一切法而得自在清淨梵行。善男子。

như ma-ni châu ư nhất thiết Pháp nhi đắc tự-tại thanh tịnh phạm hạnh 。

thiện nam tử 。

như ngọc ma-ni; đối với tất cả pháp đều được tự tại, phạm hạnh thanh tịnh. Thiện nam tử,

菩薩摩訶薩修般若波羅蜜。以方便力行詣道場。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu bát nhã ba la mật 。

đĩ phương tiện lực hành nghệ đạo trường 。

Bồ-tát Ma-ha-tát tu Bát-nhã ba-la-mật, dùng lực phương tiện đi đến đạo tràng,

欲降惡魔坐菩提樹。

dục hàng ác ma tọa bồ đề thụ 。

muốn hàng phục Ác ma, ngồi gốc Bồ-đề,

為成就十力四無畏十八不共法。轉大法輪作師子吼。

vi thành tựu thập lực tứ vô úy thập bát bất cộng Pháp 。

chuyển Đại Pháp luân tác Sư-tử hống 。

để thành tựu mười Lục, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng, chuyển Đại Pháp luân, cất lên tiếng hống Sư tử.

以法布施令諸眾生皆悉飽滿。為欲清淨眾生法眼。

dĩ Pháp bố thí lệnh chư chúng sinh giai tất bão mãn 。 vì dục thanh tịnh chúng sinh Pháp nhãn 。

dùng pháp để bố thí, khiến các chúng sinh đều được no đủ; vì muốn làm thanh tịnh Mắt pháp chúng sinh;

無上正法降伏外道。欲示諸佛本願成就。

vô thượng chính Pháp hàng phục ngoại đạo 。 dục kì chư Phật Bản Nguyện thành tựu 。

Chính pháp vô thượng hàng phục ngoại đạo; muốn thị hiện Bản nguyện thành tựu của chư Phật;

於一切法而得自在。善男子。汝等可往供養菩薩。

ư nhất thiết Pháp nhi đắc tự-tại 。 thiện nam tử 。 nhữ đẳng khả vãng cung dưỡng Bồ-tát 。

được tự tại đối với tất cả các pháp. Thiện nam tử, các ông có thể đến cúng dường Bồ-tát.

舍利弗。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Xá lợi Phất 。 Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Xá-lợi-phất, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

以方便力示現行詣道場。足下即現千輻輪相。

dĩ phương tiện lực thị hiện hành nghê đạo trường 。 túc hạ tức hiện thiên phúc luân tướng 。

dùng lực phương tiện, thị hiện đi đến đạo tràng, dưới chân liền hiện tướng Thiên phúc luân,

微妙光明。一切地獄畜生餓鬼遇斯光明。

vi diệu quang-minh 。 nhất thiết Địa-ngục súc sinh nạ quỷ ngô tư quang-minh 。

[chiếu sáng vi diệu. Tất cả địa ngục, súc sinh, nạ quỷ gặp ánh sáng này](#)

皆悉離苦而得安樂。及照龍宮時有加梨加龍王。

giai tất ly khổ nhi đắc an lạc 。 cập chiếu long cung thời hữu gia lê gia long Vương 。

[thầy đều lìa khổ mà được an lạc; và khi chiếu đến Long cung, có Long vương Gia-lê-gia](#)

遇此光明即告諸龍。此金色光來照龍宮。

ngộ thử quang-minh tức cáo chư long 。 thử kim sắc quang lai chiếu long cung 。

[gặp được ánh sáng này liền bảo với các loài rồng: Ánh sáng sắc vàng này chiếu đến Long cung](#)

悉令汝等身心安樂。

tất lệnh nhữ đẳng thân tâm an lạc 。

[thầy đều khiến cho thân tâm các người an lạc.](#)

我於過去曾見此相有佛出興。今此光明如昔不異。

ngã ư quá khứ tăng kiến thử tướng hữu Phật xuất hưng 。 kim thử quang-minh như tích bất dị 。

[Trong quá khứ, khi ta nhìn thấy tướng này tức có Phật ra đời. Nay ánh sáng này, như xưa không khác,](#)

當知必有佛出世間。可辨種種燒香塗香末香。

đương tri tất hữu Phật xuất thế gian 。 khả biện chủng chủng thiêu hương đồ hương mạt hương 。

nên biết tất có Phật xuất hiện thế gian; có thể làm các loại hương đốt, hương thoa, hương bột,

金銀真珠車磑馬瑙珊瑚白玉。旛華幢蓋。

kim ngân châu châu xa-cử mã-nã san hô bạch ngọc 。 phan hoa tràng cái 。

vàng bạc, châu châu, xa cử, mã nã, san hô, bạch ngọc, hoa phướn, cờ, lọng,

作諸音樂往詣菩薩宮中。好物悉齎供養。

tác chư âm lạc vãng nghệ Bồ-tát cung trung 。 hảo vật tất tề cung dưỡng 。

trở các loại nhạc, đi đến cung Bồ-tát; tất cả vật tốt đều đem cúng dường.

時加梨加龍王與諸眷屬。普興大雲降注香雨。

thời gia lê gia long Vương dữ chư quyến chúc 。 phổ hưng Đại vân hàng chú hương vũ 。

Lúc đó Long vương Gia-lê-gia cùng các quyến thuộc, kéo vàng mây lớn, mưa xuống mưa hương,

往詣菩薩作諸伎樂施設供養。右繞菩薩而讚歎言。

vãng nghệ Bồ-tát tác chư kỹ lạc thí thiết cung dưỡng 。 hữu nhiều Bồ-tát nhi tán thán ngôn 。

đến chỗ Bồ-tát, ca múa, cúng dường, nhiễu quanh Bồ-tát về phía tay phải mà tán thán:

金色光明令人喜悅。決定最勝佛出無疑。

kim sắc quang-minh lệnh nhân hĩ duyệt 。 quyết định tối Thắng Phật xuất vô nghi 。

Ánh sáng sắc vàng khiến người vui sướng, nhất định có Phật tối thắng ra đời, không còn nghi ngờ gì nữa;

種種雜寶莊嚴大地。凡是因地生諸草木悉變成寶。

chúng chúng tạp bảo trang nghiêm Đại địa 。 phạm thị nhân địa sinh
chư thảo mộc tất biến thành bảo 。

đủ loại báu vật xen lẫn trang nghiêm đại địa, tất cả cây cỏ sinh ra từ đất đều biến
thành báu vật,

江河皆靜無風浪聲。推如此瑞佛出無疑。

giang hà giai tĩnh vô phong lãng thanh 。 thôi như thử thụ
Phật xuất vô nghi 。

sông lớn sông nhỏ đều tĩnh lặng, không có tiếng sóng, gió. Suy từ điềm lành như
thế tức Phật ra đời, không còn nghi ngờ gì nữa.

釋梵日月光明不現。惡趣清淨佛出無疑。

thích phạm nhật nguyệt quang-minh bất hiện 。 ác thú thanh tịnh Phật xuất
vô nghi 。

Ánh sáng Thích, Phạm, mặt trời, mặt trăng không xuất hiện; đường ác thanh tịnh,
tức Phật xuất thế, không còn nghi ngờ.

譬如有人少失父母。年既長大忽然還得心甚歡喜。

thí như hữu nhân thiếu thất phụ mẫu 。 niên ký trường Đại hốt
nhiên hoàn đắc tâm thậm hoan hỷ 。

Giống như có người từ nhỏ lạc mất cha mẹ, đến khi tuổi lớn bất ngờ gặp lại, cho
nên tâm rất hoan hỷ;

一切世間觀佛興出亦復如是。

nhất thiết thế gian đố Phật hưng xuất diệc phục như thị 。

tất cả thế gian thấy Phật xuất thế cũng thế.

我等已曾供養過去諸佛世尊。今值法王人中師子。

ngã đấng dĩ tăng cung dưỡng quá khứ chư Phật Thế Tôn 。 kim trị
Pháp Vương nhân trung Sư-tử 。

Chúng ta đã từng cúng dường chư Phật Thế Tôn trong quá khứ; nay gặp Pháp
vương, là Sư tử trong loài người,

則我受生為不空過。舍利弗。

tắc ngã thọ sinh vi ất không quá 。 Xá lợi Phất 。

thì chúng ta sinh ra cũng không uổng phí. Xá-lợi-phất,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。以方便力取草敷坐。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 dĩ phương tiện lực thủ
thảo phu tọa 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng lực phương tiện, lấy cỏ làm tòa,

於菩提樹右繞七匝正念端坐。下劣眾生見如此相。舍利弗。

ư bồ đề thụ hữu nhiều thất tạp chính niệm đon tọa 。 hạ liệt
chúng sinh kiến như thử tướng 。 Xá lợi Phất 。

dưới cây Bồ-đề, từ phải nhiều bảy vòng, chính niệm đon tọa. Chúng sinh thấp
kém thấy tướng như thế. Xá-lợi-phất,

復有高行諸大菩薩。

phục hữu cao hành chư Đại Bồ-tát 。

lại có chư Đại Bồ-tát cao hành,

見八萬四千天子敷八萬四千大師子座眾寶合成。

kiến bát vạn tứ thiên Thiên tử phu bát vạn tứ thiên Đại Sư-tử
tọa chúng bảo hợp thành 。

thấy tám vạn bốn ngàn Thiên tử, trải tám vạn bốn ngàn tòa Sư tử lớn làm bằng các báu vật,

七寶羅網彌覆其上。四角金鈴處處皆有。

thất bảo la võng di phúc kỳ thượng 。 tứ giác kim linh xú xú giai hữu 。

lưới bảy báu che khắp ở trên, bốn góc chuông vàng, khắp nơi đều có,

幡華幢蓋繪綵羅列。爾時菩薩遍此八萬四千座上一一皆坐。

phiên hoa tràng cái tăng thái la liệt 。

nhĩ thời Bồ-tát biến thủ bát vạn tứ thiên tọa thượng nhất nhất giai tọa 。

phướn, hoa, cờ, lọng, tư lụa rực rỡ, giăng bày khắp nơi. Bảy giờ, Bồ-tát hóa thân ngồi khắp tám vạn bốn ngàn chỗ ngồi,

而諸天子自不相見。

nhĩ chư Thiên tử tự bất tương kiến 。

mà các Thiên tử đều không thấy nhau.

各謂菩薩獨坐我座成阿耨多羅三藐三菩提。

các vị Bồ-tát độc tọa ngã tọa thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Mỗi người đều bảo Bồ-tát chỉ ngồi ở tòa của mình mà thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

以是因緣心生歡喜得未曾有。皆證阿鞞跋致舍利弗。

dĩ thị nhân duyên tâm sinh hoan hỷ đắc vị tăng hữu 。

giai chứng a tỳ bạt trí Xá lợi Phất 。

Vì nhân duyên này, tâm sinh hoan hỷ, được việc chưa từng có, tất cả đều chứng Bất thoái chuyển. Xá-lợi-phất,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

以方便力即放眉間白毫相光明照諸魔宮。

dĩ phương tiện lực tức phóng my gian bạch hào tướng quang minh chiếu
chư ma cung 。

dùng lực phương tiện, phóng ánh sáng từ tướng lông trắng giữa chạng mày,
chiếu sáng các cung Ma.

三千大千世界一切魔宮皆失光明。時諸魔等各作是念。

tam Thiên Đại Thiên thế giới nhất thiết ma cung giai thất quang-minh 。

Thời chư ma đẳng các tác thị niệm 。

Tất cả cung Ma trong Tam thiên đại thiên thế giới đều mất ánh sáng. Lúc đó
chúng Ma đều suy nghĩ thế này:

以何因緣我等諸宮光明不現。

dĩ hà nhân duyên ngã đẳng chư cung quang-minh bất hiện 。

Vì nhân duyên gì các cung của chúng ta không hiện ánh sáng;

詎非菩薩坐於道場證阿耨多羅三藐三菩提乎。即共觀察。

cự phi Bồ-tát tọa ư đạo trường chứng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề
hồ 。

tức cộng quan sát 。

chẳng lẽ Bồ-tát ngồi ở đạo trường chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác sao?
Liên cùng quán sát,

方見菩薩端坐道場菩提樹下。

phương kiến Bồ-tát đoan tọa đạo trường bồ đề thụ hạ 。

mới thấy Bồ-tát đoan nghiêm ngồi ở đạo trường, dưới cây Bồ-đề.

時諸惡魔於自宮殿聚集魔軍。無量千億種種諸色。種種眾形。

thời chư ác ma ư tự cung điện tụ tập ma quân 。 vô lượng thiên
ức chủng chủng chư sắc 。 chủng chủng chúng hình 。

Lúc đó các Ác ma tụ tập quân Ma ở cung điện mình; vô lượng ngàn ức các loại
màu sắc, đủ loại hình dạng,

種種相貌。種種頭面。持種種仗。種種幢幡。

chủng chủng tướng mạo 。 chủng chủng đầu diện 。 trì chủng chủng
trượng 。 chủng chủng tràng phiên 。

đủ loại tướng mạo, đủ loại đầu, mặt; cầm đủ loại gậy, đủ loại cờ, phướn,

種種音聲。若有聞者耳鼻口中並皆流血。

chủng chủng âm thanh 。 nhược hữu văn giả nhĩ tỳ khẩu trung tịnh giai
lưu huyết 。

đủ loại âm thanh. Nếu có người nghe thấy thì trong tai, mũi, miệng đều bị chảy
máu.

菩薩爾時以大悲力。令魔軍眾不得出聲。舍利弗。

Bồ-tát nhĩ thời dĩ Đại bi lực 。 lệnh ma quân chúng bất đắc xuất
thanh 。

Bấy giờ, Bồ-tát dùng lực Đại bi, khiến các quân Ma không cất tiếng được. Xá-lợi-
phất,

是名菩薩摩訶薩行般若波羅蜜方便之力。

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật phương tiện chi lực
。

đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát hành lực phương tiện Bát-nhã ba-la-mật.

舍利弗。菩薩行般若波羅蜜。以方便力。

Xá lợi Phất 。 Bồ-tát hành bát nhã ba la mật 。 dĩ phương tiện lực 。

Xá-lợi-phất, Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng lực phương tiện,

無量億劫行布施持戒忍辱精進禪定智慧。

vô lượng ức kiếp hành bố thí trì giới nhẫn nhục tinh tấn Thiền định trí tuệ 。

vô lượng ức kiếp hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ,

慈悲喜捨。念處正勤。神足根力覺道。

từ bi hỷ xả 。

từ, bi, hỷ, xả, niệm xứ, chính cần, thần túc, căn lực, giác đạo,

奢摩他毘婆舍那。三明解脫。身金色右臂。

xa ma tha ùi bà xá na 。

chỉ, quán, tam minh, giải thoát; tay phải của thân kim sắc,

從頂自摩乃至遍身。作如是言。眾生苦惱。

tòng ðính tự ma nãi chí biến thân 。

tự xoa từ ðảnh cho ðến toàn thân, nói thế này: Chúng sinh khổ não,

我欲濟拔而起大悲。爾時魔王及諸眷屬。

ngã dục tế bạt nhi khởi ðại bi 。

ta muốn cứu vớt nên khởi ðại bi. Bấy giờ vua Ma và quyến thuộc

聞菩薩言即皆倒仆。菩薩摩訶薩。

văn Bồ-tát ngôn tức giai ðảo phó 。

nghe Bồ-tát nói tức ðều té ngã. Bồ-tát Ma-ha-tát

以大悲力令諸魔眾聞空中聲言。汝等可歸依持戒力仙。

dĩ Đại bi lực lệnh chư ma chúng vẫn không trung thanh ngôn
。 nhữ đặng khả quy y trì giới lực tiên 。

dùng lực Đại bi khiến cho chúng Ma nghe được tiếng nói từ trên không: Các
người là tiên, có lực quy y, trì giới,

能施無畏救護一切眾生。魔及眷屬聞此聲已。

năng thí vô úy cứu hộ nhất thiết chúng sinh 。

ma cập quyến chúc vẫn
thử thanh dĩ 。

có thể bố thí Vô úy, cứu hộ tất cả chúng sinh. Ma và quyến thuộc nghe tiếng này
rồi,

猶伏在地作如是言。唯願正士大士救濟我命。舍利弗。

do phục tại địa tác như thị ngôn 。

duy nguyện chính sĩ Đại sĩ
cứu tế ngã mạng 。

Xá lợi Phất 。

mà vẫn còn nằm dưới đất, nói thế này: Xin nguyện Chính sĩ, Đại sĩ cứu mạng
chúng tôi. Xá-lợi-phất,

爾時菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

nhĩ thời Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

lúc bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

以方便力放大光明。其有遇者皆離怖畏。

dĩ phương tiện lực phóng Đại quang-minh 。

kỳ hữu ngộ giả giai Li Bồ
Uý úy 。

dùng lực phương tiện, phóng ánh sáng lớn, nếu ai gặp được đều lìa sợ hãi.

魔及眷屬見是神力。恐怖歡喜二事交懷。舍利弗。

ma cập quyến chúc kiến thị Thần lực 。

khủng phố hoan hỉ nhị sự
giao hoài 。

Xá lợi Phất 。

Ma và quyến thuộc thấy thần lực này, vừa lo vừa mừng, hai điều lẫn lộn. Xá-lợi-
phất,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。或有眾生見是降魔。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 hoặc hữu chúng sinh kiến thị hàng ma 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, có chúng sinh thấy được việc hàng phục ma này,

亦復有人不見此事。

diệc phục hữu nhân bất kiến thử sự 。

nhưng cũng có người không nhìn thấy việc này;

或有眾生但見菩薩敷草而坐。或見菩薩處大師子寶臺而坐。

hoặc hữu chúng sinh đãn kiến Bồ-tát phu thảo nhi tọa 。

hoặc kiến Bồ-tát xử Đại Sư-tử bảo đài nhi tọa 。

hoặc có chúng sinh chỉ thấy Bồ-tát trải cỏ để ngồi, hoặc thấy Bồ-tát ngồi trên đại bảo đài Sư tử,

或見菩薩在地而坐。

hoặc kiến Bồ-tát tại địa nhi tọa 。

hoặc thấy Bồ-tát ngồi dưới đất,

或見空中自然而有師子之座菩薩安坐。

hoặc kiến không trung tự nhiên nhi hữu Sư-tử chi tọa Bồ-tát an tọa 。

hoặc thấy trên không, tự nhiên có Bồ-tát an tọa trên tòa Sư tử,

或有眾生見阿說他樹為菩提樹。或見波利質多羅樹。

hoặc hữu chúng sinh kiến a thuyết tha thụ vi ô đề thụ 。

hoặc có chúng sinh thấy cây A-thuyết-tha là cây Bồ-đề, hoặc thấy cây Ba-lợi-chất-đa-la,

或見眾寶合成為菩提樹。或有眾生見菩提樹高七多羅樹。

hoặc kiến chúng bảo hợp thành vi ồ đề thụ 。 hoặc hữu chúng sinh kiến bồ đề thụ cao thất đa-la thụ 。

hoặc thấy các thứ châu báu hợp thành cây Bồ-đề, hoặc có chúng sinh thấy cây Bồ-đề cao bằng bảy cây Đa-la,

或有眾生見菩提樹高八萬四千由旬。

hoặc hữu chúng sinh kiến bồ đề thụ cao bát vạn tứ thiên do-tuần 。

hoặc có chúng sinh thấy cây Bồ-đề cao tám vạn bốn ngàn do-tuần,

師子之座高四萬二千由旬。

Sư-tử chi tọa cao tứ vạn nhị thiên do-tuần 。

tòa Sư tử cao bốn vạn hai ngàn do-tuần,

或有眾生遙見菩薩遊戲空中。或見菩薩坐菩提樹。舍利弗。

hoặc hữu chúng sinh dao kiến Bồ-tát du hí không trung 。 hoặc kiến Bồ-tát tọa bồ đề thụ 。

hoặc có chúng sinh, từ xa thấy Bồ-tát du hí trên không, hoặc thấy Bồ-tát ngồi nơi cây Bồ-đề. Xá-lợi-phất,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜以方便力示現如是種種神變

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật dĩ phương tiện lực thị hiện như thị chủng

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng lực phương tiện, thị hiện đủ loại thần biến như thế

化度眾生。舍利弗。

chúng Thần biến hoá độ chúng sinh 。 Xá lợi Phất 。
để hóa độ chúng sinh. Xá-lợi-phất,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。以方便力現坐道場。
Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 dĩ phương tiện lực hiện
tọa đạo trường 。
Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng lực phương tiện, thị hiện ngồi ở
đạo tràng.

十方恒河沙世界。無量無邊菩薩摩訶薩。
thập phương hằng hà sa thế giới 。 vô lượng vô biên Bồ-tát Ma-Ha tát 。
mười phương hằng hà sa thế giới, vô lượng vô biên Bồ-tát Ma-ha-tát

皆悉來集住虛空中。出是聲言。安慰菩薩安樂歡喜。
giai tất lai tập trụ hư không trung 。 xuất thị thanh ngôn 。 an úy Bồ-
tát an lạc hoan hỷ 。
thầy đều cùng đến, trụ trên hư không, nói lời như thế để an ủi Bồ-tát, an lạc,
hoan hỷ:

善哉速疾勇猛精進。大吉祥勿生怖懼。
Thiện tai tốc tật dũng mãnh tinh tấn 。 Đại cát tường vật sinh phổ
cụ 。
Lành thay! Nhanh chóng, tinh tấn, dũng mãnh, rất tốt lành, chớ sinh sợ hãi;

心如金剛遊戲神通利益眾生。一念之頃一切智現。
tâm như Kim cương du hí Thần thông lợi ích chúng sinh 。 nhất niệm chi
khoảnh nhất thiết trí hiện 。
tâm như Kim cương, thần thông du hí, lợi ích chúng sinh, chỉ trong một niệm liền
hiện Nhất thiết trí.

舍利弗。菩薩摩訶薩坐道場時。

Xá lợi Phất 。 Bồ-tát Ma-Ha tát tọa đạo trường thời 。
Xá-lợi-phất, Bồ-tát Ma-ha-tát lúc ngồi ở đạo trường,

魔來為亂亦不生瞋。一剎那心與般若波羅蜜相應。

ma lai vi loạn diệc bất sinh sân 。 nhất sát-na tâm dữ bát nhã ba
la mật tương ứng 。

Ma đến làm loạn cũng không giận dữ, một sát na tâm đều tương ứng với Bát-nhã
ba-la-mật,

所知見覺無不通達。舍利弗。

sở tri kiến giác vô bất thông đạt 。

Xá lợi Phất 。

những điều thấy biết không gì không thông đạt. Xá-lợi-phất,

時十方恒河沙世界諸佛如來。異口同聲讚言。善哉大士。

thời thập phương hằng hà sa thế giới chư Phật như lai 。

dị khẩu đồng thanh tán ngôn 。

Thiện tai Đại sĩ 。

lúc đó chư Phật Như Lai trong mười phương hằng hà sa thế giới, cùng nói lời tán
thán: Lành thay, Đại sĩ

通達自然智。無礙智。平等智。無師智。大悲莊嚴。

thông đạt tự nhiên trí 。

vô ngại trí 。

bình đẳng trí 。

vô sư trí 。

Đại bi trang nghiêm 。

thông đạt trí Tự nhiên, trí Vô ngại, trí Bình đẳng, trí Vô sư, Đại bi trang nghiêm.

舍利弗。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Xá lợi Phất 。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Xá-lợi-phất, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

以方便力能作如是種種示現。或有眾生。

dĩ phương tiện lực năng tác như thị chủng chủng thị hiện 。

hoặc hữu chúng sinh 。

dùng lực phương tiện, có thể có đủ loại thị hiện như thế. Hoặc có chúng sinh

見此菩薩今始成道。或見菩薩久遠成道。

kiến thử Bồ-tát kim thủy thành đạo 。 hoặc kiến Bồ-tát cửu viễn thành đạo 。

thấy Bồ-tát này nay mới thành đạo, hoặc thấy Bồ-tát thành đạo từ lâu,

或見一世界四天王獻鉢。

hoặc kiến nhất thế giới tứ Thiên Vương hiến bát 。

hoặc thấy Tứ thiên vương của một thế giới dâng bát,

或見十方恒河沙世界四天王獻鉢。舍利弗。菩薩爾時度眾生故即受眾鉢。

hoặc kiến thập phương hằng hà sa thế giới tứ Thiên Vương hiến bát 。

Xá lợi Phất 。

Bồ-tát nhĩ thời độ chúng sinh cố tức thọ chúng bát 。

hoặc thấy Tứ thiên vương trong mười phương hằng hà sa thế giới dâng bát. Xá-lợi-phất, lúc bấy giờ Bồ-tát vì độ chúng sinh nên thọ tất cả các bát,

重疊掌中合而為一。其諸天王各不相見。

trọng điệp chưởng trung hợp nhi vi nhất 。

kỳ chư Thiên Vương các bất tướng kiến 。

皆謂世尊獨用我鉢。舍利弗。

giai vị Thế Tôn độc dụng ngã bát 。

Xá lợi Phất 。

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。以方便力示現此事。說是法門時。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

dĩ phương tiện lực thị hiện thử sự 。

眾中三萬菩薩摩訶薩得無生法忍。

chúng trung tam vạn Bồ-tát Ma-Ha tát đặc vô sinh Pháp nhẫn 。
trong chúng có ba vạn Bồ-tát Ma-ha-tát được Vô sinh pháp nhẫn,

三萬六千菩薩皆不退轉阿耨多羅三藐三菩提。

tam vạn lục thiên Bồ-tát giai bất thoái chuyển a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

ba vạn sáu ngàn Bồ-tát đều không thoái chuyển Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

八萬人天得遠塵離垢法眼淨。

bát vạn nhân Thiên đặc viễn trần ly cấu Pháp nhãn tịnh 。

tám vạn Trời, người được Mắt pháp thanh tịnh, xa lìa trần cấu,

無量無邊眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。舍利弗。

vô lượng vô biên chúng sinh phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

Xá-lợi-Phất 。

vô lượng vô biên chúng sinh phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Xá-lợi-phất,

復有六萬天子先來獻供。過去願力若菩薩成道。

phục hữu lục vạn Thiên tử tiên lai hiến cung 。

quá khứ nguyện lực nhược Bồ-tát thành đạo 。

lại có sáu vạn Thiên tử trước đó đã đến cúng dường, nguyện rằng: Nếu Bồ-tát thành đạo,

必願先受我等供養。

tất nguyện tiên thọ ngã đẳng cung dưỡng 。

thì xin thọ nhận cúng dường của chúng con trước.

爾時菩薩摩訶薩以般若波羅蜜方便力故。示現欲轉法輪。

nhi thời Bồ-tát Ma-Ha tát đĩ át nhã ba la mật phương tiện lực cố 。 thị hiện dục chuyển Pháp luân 。

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát, do lực phương tiện Bát-nhã ba-la-mật nên thị hiện muốn chuyển Pháp luân.

娑婆世界主尸棄梵王。與六十八萬梵天。

Sa Bà thế giới chủ Thi-khí Phạm Vương 。 dữ lục thập bát vạn Phạm Thiên 。

Chủ thế giới Ta-bà Thi-khí Phạm vương cùng sáu mươi tám vạn Phạm thiên,

來世尊所頭面作禮。右繞七匝而發是言。唯願大悲。

lai thế tôn sở đầu diện tác lễ 。 hữu nhiều thất tạp nhi phát thị ngôn 。

đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt đảnh lễ, nhiều phải bảy vòng rồi nói thế này: Xin đức Đại bi

轉無上法輪。唯願大悲。轉無上法輪。

chuyển vô thượng Pháp luân 。

chuyển Pháp luân vô thượng; xin đức Đại bi chuyển Pháp luân vô thượng.

爾時即現大師子座高四萬二千由旬。

nhi thời tức hiện Đại Sư-tử tọa cao tứ vạn nhị thiên do-tuần 。

Bấy giờ liền xuất hiện tòa Sư tử lớn, cao bốn vạn hai ngàn do-tuần,

種種莊嚴堅固安隱。十方無量釋提桓因。

chủng chủng trang nghiêm kiên cố an ổn 。

đủ loại trang nghiêm, kiên cố an ổn. Mười phương vô lượng Thích-đề-hoàn-nhân,

悉為如來敷師子座亦復如是。

tất vi Như Lai phu Sư-tử tọa diệc phục như thị 。

đều vì Như Lai trải tòa Sư tử cũng giống như thế.

爾時菩薩以神通力——諸天各見菩薩坐其座上而轉法輪。

nhĩ thời Bồ-tát dĩ Thần thông lực nhất nhất chư Thiên các kiến Bồ-tát tọa kỳ tọa thượng nhi chuyển Pháp luân 。

Bấy giờ, Bồ-tát dùng lực thần thông, mỗi một chư Thiên đều thấy Bồ-tát ngồi trên tòa của mình mà chuyển Pháp luân.

菩薩摩訶薩既坐此座。十方無量無邊世界。

Bồ-tát Ma-Ha tát ký tọa thử tọa 。

thập phương vô lượng vô biên thế giới 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ngồi trên tòa xong, mười phương vô lượng vô biên thế giới,

皆悉震動放大光明。即入無邊境界三昧。

giai tất chấn động phóng Đại quang-minh 。

tức nhập vô biên cảnh giới tam-muội 。

thầy đều chấn động, phóng ánh sáng lớn, tức nhập tam-muội Vô biên cảnh giới;

十方恒河沙世界一切眾生。三惡道苦即得安樂悉離三毒。

thập phương hằng hà sa thế giới nhất thiết chúng sinh 。

tam ác đạo khổ tức đắc an lạc tất ly tam độc 。

tất cả chúng sinh trong mười phương hằng hà sa thế giới, ba ác đạo khổ tức được an lạc, xa rời ba độc,

各各相於猶如母子無復惡心。

các các tương ư do như mẫu tử vô phục ác tâm 。

đối xử với nhau giống như mẹ con, không còn tâm ác.

時此三千大千世界。靡有間隙如一毛孔。

thời thử tam Thiên Đại Thiên thế giới 。 mĩ hữu gian khích như nhất mao khổng 。

Lúc đó, Tam thiên đại thiên thế giới này không có khe hở như một lỗ chân lông.

天龍夜叉乾闥婆阿修羅伽樓羅緊那羅摩睺羅伽人非人

Thiên Long dạ xoa Càn-thát-bà A-tu-La đà lâu la khẩn na la Ma hầu la dà nhân phi nhân

Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người, phi nhân, vân vân,

等。悉滿其中。

đẳng 。 tất mãn kỳ trung 。

đều có khắp trong đó.

若有眾生應以苦法而受化者聞佛說苦。

nhược hữu chúng sinh ứng dĩ khổ Pháp nhi thọ hóa giả văn Phật thuyết khổ 。

Nếu có chúng sinh cần dùng pháp khổ mới chịu sự giáo hóa thì được nghe Phật thuyết về khổ;

應以無我空寂靜離無常皆亦如是。應以如幻法而受化者聞說如幻。

ứng dĩ vô ngã không tịch tĩnh ly vô thường giai diệc như thị 。

ứng dĩ như huyễn Pháp nhi thọ hóa giả văn thuyết như huyễn 。

應以如夢水中月如影如響皆亦如是。

ứng dĩ như mộng thủy trung nguyệt như ảnh như hưởng giai diệc như thị 。

cần dùng pháp như mộng, như trăng dưới nước, như bóng, như tiếng vang, đều cũng thế;

應以空無相無願而受化者。即聞佛說空無相無願法。

ứng dĩ không vô tướng vô nguyện nhi thọ hóa giả 。 tức văn Phật thuyết không vô tướng vô nguyện Pháp 。

cần dùng pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện mới chịu sự giáo hóa, thì được nghe Phật thuyết về Không, Vô tướng, Vô nguyện,

或聞如來說一切法從因緣生。或聞說諸陰。

hoặc văn Như Lai thuyết nhất thiết Pháp tòng nhân duyên sinh 。 hoặc văn thuyết chư uẩn 。

hoặc nghe Như Lai thuyết tất cả pháp từ nhân duyên sinh, hoặc nghe thuyết về các Ấm,

或聞說諸界。或聞說諸入。或聞說苦聲。

hoặc văn thuyết chư giới 。 hoặc văn thuyết chư nhập 。 hoặc văn thuyết khổ thanh 。

hoặc nghe thuyết về các Giới, hoặc nghe thuyết về các Nhập, hoặc nghe thuyết về Khổ thanh,

或聞說集聲。或聞說道聲。或聞說念處。

hoặc văn thuyết tập thanh 。 hoặc văn thuyết đạo thanh 。 hoặc văn thuyết niệm xứ 。

hoặc nghe thuyết về Tập thanh, hoặc nghe thuyết về Đạo thanh, hoặc nghe thuyết về Niệm xứ,

或聞說正勤。或聞說神足。或聞說根。或聞說力。

hoặc văn thuyết chính tinh cần 。 hoặc văn thuyết Thần túc 。 hoặc văn thuyết căn 。 hoặc văn thuyết lực 。

hoặc nghe thuyết về Chính cần, hoặc nghe thuyết về Thần túc, hoặc nghe thuyết về Căn, hoặc nghe thuyết về Lực,

或聞說覺。或聞說道。或聞說奢摩他。

hoặc văn thuyết giác 。 hoặc văn thuyết đạo 。 hoặc văn thuyết xa ma tha 。

hoặc nghe thuyết về Giác, hoặc nghe thuyết về Đạo, hoặc nghe thuyết về Chỉ,

或聞說毘婆舍那。或聞說辟支佛法。或聞說大乘法。

hoặc văn thuyết ùi bà xá na 。 hoặc văn thuyết Bích chi Phật Pháp 。 hoặc văn thuyết Đại thừa Pháp 。

hoặc nghe thuyết về Quán, hoặc nghe thuyết về pháp Phật Bích-chi, hoặc nghe thuyết về pháp Đại thừa.

舍利弗。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Xá lợi Phát 。 Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Xá-lợi-phất, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

以方便力示現種種轉法輪。

dĩ phương tiện lực thị hiện chủng chủng chuyển Pháp luân 。

dùng lực phương tiện, thị hiện các loại chuyển Pháp luân,

令無量眾生隨其根性歡喜利益。爾時舍利弗白勝天王言。

lệnh vô lượng chúng sinh tùy kỳ căn tính hoan hỷ lợi ích 。

nhĩ thời Xá lợi Phát bạch thắng Thiên Vương ngôn 。

khiến cho vô lượng chúng sinh, tùy căn tính của mình mà được lợi ích, hoan hỷ.

Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch Thắng Thiên Vương:

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。以方便力。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

dĩ phương tiện lực 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng lực phương tiện;

甚深境界難知難思量難入。爾時勝天王答舍利弗言。

thậm thâm cảnh giới nan tri nan tư lượng nan nhập 。 nhĩ thời thắng
Thiên Vương đáp Xá lợi Phất ngôn 。

cảnh giới sâu thẳm, khó biết, khó suy lường, khó vào. Bấy giờ, Thắng Thiên
Vương trả lời Xá-lợi-phất:

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜功德勝事。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật công đức thắng sự 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật có công đức, sự nghiệp thù thắng,

我今所說百分不及一。

ngã kim sở thuyết bách phân bất cập nhất 。

những điều ta vừa nói trăm phần không được một;

百千萬億分乃至算數譬喻亦不及一。唯有如來乃能盡說。

bách thiên vạn ức phân nãi chí toán số thí dụ diệc bất cập nhất
。 duy hữu Như Lai nãi năng tận thuyết 。

trăm ngàn vạn ức phần cho đến tính đếm, ví dụ cũng không bằng một phần. Chỉ
có Như Lai mới có thể nói hết.

我今所說其少分者。皆承如來威神之力。何以故。

ngã kim sở thuyết kỳ thiếu phân giả 。 giai thừa Như Lai uy Thần
chi lực 。

Ta nay nói được một phần nhỏ trong đó đều nhờ lực oai thần của Như Lai. Vì
sao?

諸佛境界一生補處菩薩摩訶薩尚不能盡。

chư Phật cảnh giới Nhất-sinh-bổ-xứ Bồ-tát Ma-Ha tát thượng bất năng
tận 。

Vì cảnh giới chư Phật, thì Bồ-tát Ma-ha-tát Nhất sinh bổ xứ còn không thể hiểu hết,

況餘菩薩。舍利弗。諸佛境界寂靜無說。

huống dư Bồ-tát 。 Xá lợi Phất 。 chư Phật cảnh giới tịch tĩnh vô thuyết
。

huống là các Bồ-tát khác. Xá-lợi-phất, cảnh giới chư Phật, tịch tĩnh vô thuyết,

後無分別智之所能了。舍利弗。菩薩摩訶薩。

hậu vô phân biệt trí chi sở năng liễu 。 Xá lợi Phất 。 Bồ-tát Ma-Ha
tát 。

chỉ có Hậu vô phân biệt trí mới có thể biết. Xá-lợi-phất, Bồ-tát Ma-ha-tát

欲入諸佛境界。應學般若波羅蜜。首楞嚴三昧。

dục nhập chư Phật cảnh giới 。 ứng học bát nhã ba la mật 。 Thủ
Lăng Nghiêm tam-muội 。

muốn nhập cảnh giới chư Phật nên học Bát-nhã ba-la-mật, tam-muội Thủ lăng
nghiêm, tam-muội

如幻三昧。金剛喻三昧。金剛三昧。

như huyễn tam-muội 。 Kim cương dụ tam-muội 。 Kim cương tam-muội 。

Như huyễn, tam-muội Kim cương dụ, tam-muội Kim cương, tam-muội

不動意三昧。遍通達三昧。不緣境界三昧。

bất động ý tam-muội 。 biến thông đạt tam-muội 。 bất duyên cảnh giới
tam-muội 。

Bất động ý, tam-muội Biến thông đạt, tam-muội Bất duyên cảnh giới, tam-muội

師子自在三昧。三昧王三昧。功德莊嚴三昧。

Sư-tử tự-tại tam-muội 。 tam-muội Vương tam-muội 。 công đức trang nghiêm
tam-muội 。

Sư tử tự tại, tam-muội Tam-muội vương, tam-muội Công đức trang nghiêm, tam-muội

寂靜意三昧。超出三昧。無著三昧。意莊嚴王三昧。

tịch tĩnh ý tam-muội 。 siêu xuất tam-muội 。 Vô trú tam-muội 。 ý trang nghiêm Vương tam-muội 。

Tịch tĩnh, tam-muội Siêu xuất, tam-muội Vô trước, tam-muội Ý trang nghiêm vương, tam-muội

無等等三昧。等覺三昧。正覺三昧。

vô đẳng đẳng tam-muội 。 đẳng giác tam-muội 。 chính giác tam-muội 。

Vô đẳng đẳng, tam-muội Đẳng giác, tam-muội Chính giác, tam-muội

悅意三昧。歡喜三昧。清淨三昧。火焰三昧。

duyệt ý tam-muội 。 hoan hỷ tam-muội 。 thanh tịnh tam-muội 。 hỏa diệm tam-muội 。

Duyệt ý, tam-muội Hoan hỷ, tam-muội Thanh tịnh, tam-muội Hỏa diệm, tam-muội

光明三昧。難勝三昧。常現前三昧。不相近三昧。

quang-minh tam-muội 。 nan thắng tam-muội 。 thường hiện tiền tam-muội 。

Quang minh, tam-muội Nan thắng, tam-muội Thường hiện tiền, tam-muội Bất tương cận, tam-muội

無生三昧。通達三昧。最勝三昧。

vô sinh tam-muội 。 thông đạt tam-muội 。 tối thắng tam-muội 。

Vô sinh, tam-muội Thông đạt, tam-muội Tối thắng, tam-muội

過魔界三昧。一切智意三昧。幢相三昧。大悲三昧。

quá ma giới tam-muội 。 nhất thiết trí ý tam-muội 。 tràng tướng tam-muội 。

Quá ma giới, tam-muội Nhất thiết trí ý, tam-muội Tràng tướng, tam-muội Đại bi, tam-muội

歡喜三昧。愛念三昧。不見法三昧。舍利弗。

hoan hỷ tam-muội 。 ái niệm tam-muội 。 bất kiến Pháp tam-muội 。 Xá lợi Phật 。

Hoan hỷ, tam-muội Ái niệm, tam-muội Bất kiến pháp. Xá-lợi-phất,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。以方便力。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng lực phương tiện,

通達如是等無量無邊百千億恒河沙數諸三昧已乃

thông đạt như thị đẳng vô lượng vô biên bách thiên ức hằng-hà sa-số chư tam-muội dĩ nãi

thông đạt vô lượng vô biên trăm ngàn ức hằng hà sa số các tam-muội như thế xong,

能得入諸佛境界。其心安隱恐怖悉無。

năng đắc nhập chư Phật cảnh giới 。

如師子王不畏禽狩何以故。菩薩摩訶薩。

như Sư-tử Vương bất úy cầm thú hà dĩ cố 。

giống như vua Sư tử không sợ cầm thú. Vì sao? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát,

修如是等諸三昧已。有所經遊悉無怖畏。

tu như thị đẳng chư tam-muội dĩ 。

tu các tam-muội như thế xong thì những nơi đi qua đều không sợ hãi,

不見其前有一怨敵。何以故。舍利弗。

bất kiến kỳ tiền hữu nhất oán địch 。 hà dĩ cố 。 Xá lợi Phất 。
không thấy trước mình có oán địch nào. Vì sao? Xá-lợi-phất,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。
vì Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

以方便力心無所緣亦無所住。譬如有人生無色界。

dĩ phương tiện lực tâm vô sở duyên diệc vô sở trụ 。 thí như
hữu nhân sinh vô sắc giới 。

dùng lực phương tiện, tâm không chỗ duyên cũng không chỗ trú. Ví như có người
sinh Vô sắc giới,

八萬四千劫中唯是一識。無有住處亦無所緣。

bát vạn tứ thiên kiếp trung duy thị nhất thức 。 vô hữu trụ xử
diệc vô sở duyên 。

trong tám vạn bốn ngàn kiếp duy chỉ có thức, không có chỗ trú cũng không có
chỗ duyên.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜亦復如是。心無住處亦無所緣。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。 tâm vô
trụ xử diệc vô sở duyên 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, tâm không chỗ trú
cũng không chỗ duyên.

何以故。心不行無行處。心無想無想處。

hà dĩ cố 。 tâm bất hành vô hành xứ 。 tâm vô tưởng vô tưởng xử 。

Vì sao? Vì tâm không hành, không có chỗ hành; tâm không có tưởng, không có
chỗ tưởng;

心不緣無緣處。心不著無著處。

tâm bất duyên vô duyên xử 。 tâm bất trú Vô trú xử 。

tâm không duyên, không có chỗ duyên; tâm không chấp trước, không có chỗ chấp trước;

心不亂無亂處。心無高下心不隨順。

tâm bất loạn vô loạn xử 。

tâm vô cao hạ tâm bất tùy thuận 。

tâm không loạn, không có chỗ loạn; tâm không có cao, thấp; tâm không tùy thuận,

又不違逆不喜不憂。無分別離分別。

hựu bất vi nghịch bất hỉ bất ưu 。

vô phân biệt ly phân biệt 。

cũng không trái nghịch, không vui, không buồn, không phân biệt, lìa phân biệt,

離奢摩他毘婆舍那心不隨智。心不自住亦不住他。

ly xa ma tha ti bà xá na tâm bất tùy trí 。

tâm bất tự trụ diệc bất trụ tha 。

lìa chỉ quán, tâm không tùy trí, tâm không trú ở mình cũng không trú ở cái khác;

不依眼住不依耳鼻舌身意住。

bất y nhãn trụ bất y nhĩ tỷ thiệt thân ý trụ 。

không nương vào mắt để trú; không nương tai, mũi, lưỡi, thân, ý để trú;

不依色住不依聲香味觸法住。心不在內亦不在外。心不緣法心不緣智。

bất y sắc trụ bất y thanh hương vị xúc Pháp trụ 。

tâm bất tại nội diệc bất tại ngoại 。

tâm bất duyên Pháp tâm bất duyên trí 。

không nương sắc để trú; không nương thanh, hương, vị, xúc, pháp để trú;

不住過去未來現在。舍利弗。

bất trụ quá khứ vị lai hiện tại 。

Xá lợi Phất 。

không trú quá khứ, hiện tại, vị lai. Xá-lợi-phất,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜不取一法。於一切法知見無礙。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật bất thủ nhất Pháp 。 ư nhất thiết Pháp tri kiến vô ngại 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, không nắm bắt một pháp nào; đối với tất cả pháp, thấy biết không ngại.

心行淨故見一切法。皆悉無垢不取見相。

tâm hành tịnh cố kiến nhất thiết Pháp 。 giai tất vô cấu bất thủ kiến tướng 。

Vì tâm hành thanh tịnh nên thấy tất cả pháp đều không cấu uế, không nắm bắt tướng thấy;

見不分別離諸戲論。舍利弗。

kiến bất phân biệt ly chư hí luận 。 Xá lợi Phất 。

thấy không phân biệt, rời các hý luận. Xá-lợi-phất,

菩薩摩訶薩般若波羅蜜。不與肉眼相應。不與天眼相應。

Bồ-tát Ma-Ha tát bát nhã ba la mật 。 bất dĩ nhục nhãn tương ứng 。 bất dĩ Thiên nhãn tương ứng 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, không tương ứng nhục nhãn, không tương ứng thiên nhãn;

慧眼法眼佛眼悉不相應。不與天耳相應。

tuệ nhãn Pháp nhãn Phật nhãn tất bất tương ứng 。 bất dĩ Thiên nhĩ tương ứng 。

tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn đều không tương ứng. Không cùng thiên nhĩ tương ứng,

不與他心智相應。不與宿命智相應。

bất dĩ tha tâm trí tương ứng 。 bất dĩ túc mạng trí tương ứng 。

không cùng Tha tâm trí tương ứng, không cùng Túc mạng trí tương ứng,

不與神通智相應。不與漏盡智相應。舍利弗。

bất dũ Thần thông trí tướng ứng 。 bất dũ lậu tận trí tướng ứng 。 Xá lợi Phát 。

không cùng Thần thông trí tương ứng, không cùng Lậu tận trí tương ứng. Xá-lợi-phất,

是般若波羅蜜不與一切法相應非不相應。

thị bát nhã ba la mật bất dũ nhất thiết Pháp tướng ứng phi bất tướng ứng 。

Bát-nhã ba-la-mật này không tương ứng cũng không phải không tương ứng với tất cả các pháp.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。以方便力。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng lực phương tiện,

於一切法得平等智。能觀一切眾生心行。

ư nhất thiết Pháp đắc bình đẳng trí 。

đối với tất cả pháp được trí Bình đẳng, có thể quán tâm hành của tất cả chúng sinh,

一切染淨皆如實知於十力四無畏十八不共法佛一切智咸不失念。

nhất thiết nhiễm tịnh giai như thực tri ư thập lực tứ vô úy thập bát bất cộng Pháp Phật nhất thiết trí hàm bất thất

tất cả nhiễm tịnh đều biết như thực. Đối với mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng, Phật Nhất thiết trí, đều không mất niệm.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

niệm 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

以無功用心通達一切法無心意識。常在寂靜三昧之中。

dĩ vô công dụng tâm thông đạt nhất thiết Pháp vô tâm ý thức 。
thường tại tịch tĩnh tam-muội chi trung 。

dùng tâm không công dụng thông đạt tất cả pháp, không tâm, ý, thức; thường ở
trong tam-muội Tịch tĩnh,

不捨三昧教化眾生。施作佛事無有休息。

bất xả tam-muội giáo hóa chúng sinh 。 thí tác Phật sự vô hữu hưu tức
。

không bỏ tam-muội mà giáo hóa chúng sinh, làm các Phật sự không có ngừng
nghỉ;

於諸佛法得無礙智心無染著。舍利弗。

ư chư Phật Pháp đắc vô ngại trí tâm vô nhiễm trứ 。 Xá lợi Phất 。
đối với các Phật pháp đều được trí vô ngại, tâm không nhiễm trứ. Xá-lợi-phất,

譬如化佛更化作佛。彼所化者無心意識。

thí như hóa Phật canh hóa tác Phật 。 bỉ sở hóa giả vô tâm ý
thức 。

ví như Hóa Phật lại hóa ra Phật; Phật được hóa ra đó không có tâm, ý, thức,

無身身業無口口業無心心業。

vô thân thân nghiệp vô khẩu khẩu nghiệp vô tâm tâm nghiệp 。
không có thân, không có nghiệp của thân, không có miệng, nghiệp của miệng,
không có tâm, nghiệp của tâm,

而能施作一切佛事利益眾生。何以故。佛神力故。舍利弗。

nhi năng thí tác nhất thiết Phật sự lợi ích chúng sinh 。 hà dĩ cố 。 Phật
Thần lực cố 。

nhưng có thể làm tất cả Phật sự, lợi ích tất cả chúng sinh. Vì sao? Vì thần lực của Phật. Xá-lợi-phất,

菩薩摩訶薩從般若波羅蜜所化亦復如是。

Bồ-tát Ma-Ha tát tòng bát nhã ba la mật sở hóa diệc phục như thị 。

Bồ-tát Ma-ha-tát được hóa ra từ Bát-nhã ba-la-mật cũng thế.

無身身業無口口業無意意業。

vô thân thân nghiệp vô khẩu khẩu nghiệp vô ý ý nghiệp 。

Không có thân, nghiệp của thân, không có miệng, nghiệp của miệng, không có ý, nghiệp của ý,

以無功用心常作佛事利益眾生。何以故。

dĩ vô công dụng tâm thường tác Phật sự lợi ích chúng sinh 。

dùng tâm không công dụng thường làm Phật sự, lợi ích chúng sinh. Vì sao?

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜通達一切法。猶如幻相心無分別。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật thông đạt nhất thiết Pháp 。

do như huyễn tướng tâm vô phân biệt 。

而諸眾生恒聞說法。舍利弗。菩薩摩訶薩如是智慧。

nhi chư chúng sinh hằng văn thuyết Pháp 。

Xá lợi Phất 。

不住有為不住無為。

bất trụ hữu vi bất trụ vô vi 。

không trú hữu vi, không trú vô vi,

不住諸陰不住界入不住內外。不住善法及不善法。

bất trụ chư uẩn bất trụ giới nhập bất trụ nội ngoại 。 bất trụ thiện Pháp cập bất thiện Pháp 。

không trú các ấm, không trú giới, nhập, không trú trong ngoài, không trú thiện pháp và bất thiện pháp,

不住世間及出世間。不染不淨。不住有漏不住無漏。

bất trụ thế gian cập xuất thế gian 。 bất nhiễm bất tịnh 。 bất trụ hữu lậu bất trụ vô lậu 。

không trú thế gian và xuất thế gian, không nhiễm, không tịnh, không trú hữu lậu, không trú vô lậu,

不住過去未來現在。不住數緣滅不住非數緣滅。

bất trụ quá khứ vị lai hiện tại 。 bất trụ số duyên diệt bất trụ phi số duyên diệt 。

không trú quá khứ, hiện tại, vị lai, không trú Trạch diệt, không trú Phi trạch diệt.

舍利弗。是菩薩摩訶薩。

Xá lợi Phất 。 thị Bồ-tát Ma-Ha tát 。

Xá-lợi-phất, Bồ-tát Ma-ha-tát này,

如是行般若波羅蜜心無所住。而能通達一切諸法。

như thị hành bát nhã ba la mật tâm vô sở trụ 。 nhi năng thông đạt nhất thiết chư Pháp 。

hành Bát-nhã ba-la-mật như thế, tâm không chỗ trú mà có thể thông đạt tất cả các pháp,

以無礙智無功用力為眾生說。

dĩ vô ngại trí vô công dụng lực vi chúng sinh thuyết 。

dùng lực trí vô ngại, không công dụng, vì chúng sinh thuyết pháp;

常在寂靜而教化事無有休息。舍利弗。菩薩摩訶薩宿願強故。

thường tại tịch tĩnh nhi giáo hóa sự vô hữu hưu tức 。 Xá lợi Phất 。 Bồ-tát Ma-Ha tát tú nguyện cường cố 。

thường ở trong sự tịch tĩnh nhưng việc giáo hóa vẫn không dừng nghỉ. Xá-lợi-phất, Bồ-tát Ma-ha-tát vì nguyện lực đời trước rất mạnh nên

無功用心為人說法。舍利弗。菩薩摩訶薩。

vô công dụng tâm vi nhân thuyết Pháp 。 Xá lợi Phất 。 Bồ-tát Ma-Ha tát 。

tâm không công dụng mà vẫn thuyết pháp cho người. Xá-lợi-phất, Bồ-tát Ma-ha-tát,

以般若波羅蜜方便力故無諸怖畏。何以故。

dĩ át nhã ba la mật phương tiện lực cố vô chư bố úy 。 hà dĩ cố 。

vì dùng lực phương tiện Bát-nhã ba-la-mật nên không có các sự sợ hãi. Vì sao?

執金剛神常守護故。若行若立若坐若臥恒不遠之。

chấp Kim cương Thần thường thủ hộ cố 。 nhược hành nhược lập nhược tọa nhược ngọa hằng bất viễn chi 。

Vì Chấp Kim Cương Thần thường giữ gìn, hộ trì; hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, luôn không xa rời.

舍利弗。菩薩摩訶薩。聞說深般若波羅蜜。

Xá lợi Phất 。 Bồ-tát Ma-Ha tát 。 văn thuyết thâm bát nhã ba la mật 。

Xá-lợi-phất, Bồ-tát Ma-ha-tát nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật sâu xa,

心不驚不怖不疑不悔。當知是人已得授記。

tâm bất kinh bất phố bất nghi bất hối 。 đương tri thị nhân dĩ đắc thọ kí 。

tâm không kinh, không sợ, không nghi, không hối; nên biết người này đã được thọ ký.

何以故。信受般若波羅蜜。近佛境界故。

hà dĩ cố 。 tín thọ bát nhã ba la mật 。 cận Phật cảnh giới cố 。

Vì sao? Vì tin nhận Bát-nhã ba-la-mật, gần cảnh giới của Phật.

以此一心則能通達一切佛法。

dĩ thử nhất tâm tắc năng thông đạt nhất thiết Phật Pháp 。

Dùng một tâm này tức có thể thông đạt tất cả pháp.

達佛法故利益眾生。不見眾生與佛法異。何以故。理無二故。

đạt Phật Pháp cố lợi ích chúng sinh 。 bất kiến chúng sinh dĩ Phật Pháp dị 。

hà dĩ cố 。

lý vô nhị cố 。

Vì thông đạt Phật pháp nên lợi ích chúng sinh; không thấy chúng sinh và Phật pháp khác nhau. Vì lý không hai.

231-005

勝天王般若波羅蜜經

thắng Thiên Vương bát nhã ba la mật Kinh

Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã ba-la-mật

卷第五

quyển đệ ngũ

Quyển V

無所得品第八

vô sở đắc phẩm đệ bát

Phẩm 8: Không Có Đắc

爾時眾中有一菩薩摩訶薩。名須真胝。

nhĩ thời chúng trung hữu nhất Bồ Tát Ma-Ha tát 。 danh tu chân chi
。

[Bấy giờ, Trong chúng có vị Bồ-tát Ma-ha-tát tên Tu-chân-chi,](#)

白勝天王言。如來為大王授記乎。

bach thắng Thiên Vương ngôn 。 Như Lai vì Đại Vương thọ kí hồ 。

[bach Thắng Thiên Vương: Như Lai vì Đại vương thọ ký sao?](#)

勝天王答善思惟菩薩言。善男子。我授記如夢相。又問。

thắng Thiên Vương đáp thiện tư duy Bồ Tát ngôn 。 thiện nam tử 。 ngã
thọ kí như mộng tướng 。 hữu vấn 。

[Thắng Thiên Vương đáp Bồ-tát Thiện Tư Duy: Thiện nam tử, tôi được thọ ký,
giống như tướng mộng. Lại hỏi:](#)

大王。如此授記當得何法。答曰。善男子。

Đại Vương 。 như thử thọ kí đương đắc hà Pháp 。 đáp viết 。 thiện
nam tử 。

[Đại vương, như việc thọ ký này thì sẽ được pháp gì? Đáp: Thiện nam tử,](#)

佛授我記竟無所得。又問。無所得者為是何法。

Phật thụ ngã kí cánh vô sở đắc 。 hữu vấn 。 vô sở đắc giả vi thị hà
Pháp 。

[Phật thọ ký cho tôi, cảnh không sở đắc. Lại hỏi: Pháp không sở đắc đó là pháp
gì?](#)

答曰。不得眾生壽者人養育陰界入悉無所得。

đáp viết 。 bất đắc chúng sinh thọ giả nhân dưỡng dục uẩn giới
nhập tất vô sở đắc 。

[Đáp: Không đắc chúng sinh, thọ giả, nhân, dưỡng dục; ấm, giới, nhập đều không
đắc được.](#)

若善不善。若染若淨。

nhược thiện bất thiện 。nhược nhiễm nhược tịnh 。

Hoặc thiện, bất thiện, hoặc nhiễm, hoặc tịnh,

若有漏若無漏若世間若出世間。若有為若無為。若生死若涅槃。

nhược hữu lậu nhược vô lậu nhược thế gian nhược xuất thế gian 。

nhược hữu vi nhược vô vi 。nhược sinh tử nhược Niết-Bàn 。

hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, hoặc sinh tử, hoặc Niết bàn

悉無所得。又問。若無所得用受記為。答曰。

tất vô sở đắc 。

hựu vấn 。

nhược vô sở đắc dụng thọ kí vi 。

đáp viết 。

đều không sở đắc. Lại hỏi: Nếu không sở đắc thì được thọ ký để làm gì? Đáp:

善男子。無所得故則得受記。又問若如大王。

thiện nam tử 。

vô sở đắc cố tắc đắc thọ kí 。

hựu vấn nhược như Đại Vương 。

Thiện nam tử, vì không sở đắc nên liền nhận được thọ ký. Lại hỏi: Nếu nghĩa như Đại vương nói

所說義者則有二智一無所得。二得受記。答曰。

sở thuyết nghĩa giả tắc hữu nhị trí nhất vô sở đắc 。

nhị đắc thọ kí 。

đáp viết 。

thì có hai trí, một không sở đắc; cả hai đều được thọ ký? Đáp:

若有二者則無授記。何以故。

nhược hữu nhị giả tắc vô thọ kí 。

hà dĩ cố 。

Nếu có hai thì không có thọ ký. Vì sao?

佛智無二諸佛世尊。以不二智受菩薩記。又問。

Phật trí vô nhị chư Phật Thế Tôn 。 dĩ ất nhị trí thọ Bồ Tát kí 。 hựu vấn 。

Vì trí Phật không hai; chư Phật Thế Tôn dùng trí không hai, Bồ-tát được thọ ký.

Lại hỏi:

若智不二云何而有授記得記。答曰。

nhược trí bất nhị vân hà nhi hữu thọ kí đắc kí 。 đáp viết 。

Nếu trí không hai, làm sao lại có thọ ký và được thọ ký? Đáp:

得記授記其際不二。又問。不二際者。云何有記。答曰。

đắc kí thọ kí kỳ tế bất nhị 。 hựu vấn 。

Được thọ ký và thọ ký, không có hai chỗ. Lại hỏi: Chỗ không có hai, làm sao có thọ ký? Đáp:

通達不二際即是受記。又問。大王。

thông đạt bất nhị tế tức thị thọ kí 。 hựu vấn 。

Thông đạt chỗ không hai, tức được thọ ký. Lại hỏi: Đại vương,

住何際中而得授記。答曰。住我際得授記。

trụ hà tế trung nhi đắc thọ kí 。 đáp viết 。

trú chỗ tế nào mới được thọ ký. Đáp: trú chỗ của mình được thọ ký;

住眾生際壽命際人際得授記。又問。我際當於何求。答曰。

trụ chúng sinh tế thọ mạng tế nhân tế đắc thọ kí 。 hựu vấn 。

trú chỗ chúng sinh, chỗ thọ mạng, chỗ người, được thọ ký. Lại hỏi: Chỗ của mình nên cầu ở đâu? Đáp:

當於如來解脫際求。又問。

đương ư Như Lai giải thoát tế cầu 。 hựu vấn 。

Nên cầu ở chỗ giải thoát của Như Lai. Lại hỏi:

如來解脫際復於何求。答曰。當於無明有愛際求。又問。

Như Lai giải thoát tế phục ư hà cầu 。 đáp viết 。 đương ư vô minh hữu ái tế cầu 。 hựu vấn 。

Chỗ giải thoát của Như Lai, lại cầu ở đâu? Đáp: Nên cầu ở chỗ vô minh, hữu, ái.

Lại hỏi:

無明有愛當於何求。答曰。當於畢竟不生際求。

vô minh hữu ái đương ư hà cầu 。 đáp viết 。 đương ư tất cánh bất sinh tế cầu 。

Vô minh, hữu, ái, nên cầu ở đâu? Đáp: Nên cầu ở chỗ rốt ráo không sinh.

又問。畢竟不生際當於何求。答曰。

hựu vấn 。

tất cánh bất sinh tế đương ư hà cầu 。 đáp viết 。

當於無知際求。又問。無知者為無所知。

đương ư vô tri tế cầu 。 hựu vấn 。

vô tri giả vi vô sở tri 。

云何於此際求。答曰。若有所知求不可得。

vân hà ư thử tế cầu 。 đáp viết 。

nhược hữu sở tri cầu bất khả đắc 。

以無知故於此際求。又問。此際無言云何可求。答曰。

dĩ vô tri cố ư thử tế cầu 。 hựu vấn 。

vì vô tri nên cầu ở chỗ này. Lại hỏi: Chỗ này không thể nói năng, làm sao có thể cầu? Đáp:

以言語斷是故可求。又問。云何言語斷。

dĩ ngôn ngữ đoạn thị cố khả cầu 。 hựu vấn 。 vân hà ngôn ngữ đoạn 。

Vì dứt nói năng, nên có thể cầu. Lại hỏi: Thế nào là dứt nói năng?

答曰。諸法依義不依語。又問。云何依義。答曰。

đáp viết 。 chư Pháp y nghĩa bất y ngữ 。 hựu vấn 。 vân hà y nghĩa 。 đáp viết 。

Đáp: Các pháp nương nghĩa, không nương nói năng. Lại hỏi: Thế nào là nương nghĩa? Đáp:

不見義相。又問。云何不見。答曰。

bất kiến nghĩa tướng 。 hựu vấn 。 vân hà bất kiến 。 đáp viết 。

Không thấy tướng của nghĩa. Lại hỏi: Thế nào là không thấy? Đáp:

不生分別義。是可依我為能依。無此二事故名通達。

bất sinh phân biệt nghĩa 。 thị khả y ngã vi năng y 。 vô thử nhị sự cố danh thông đạt 。

Nghĩa là không sinh phân biệt: đây là cái được nương, ngã là cái có khả năng nương. Vì không có hai cái này, nên gọi là thông đạt.

又問。若不見義此何所求。答曰。

hựu vấn 。 nhược bất kiến nghĩa thử hà sở cầu 。 đáp viết 。

Lại hỏi: Nếu không thấy nghĩa, thì cầu điều này ở đâu? Đáp:

不見不取故名為求。又問。若法可求即是有求。答曰。

bất kiến bất thủ cố danh vi cầu 。 hựu vấn 。 nhược Pháp khả cầu tức thị hữu cầu 。 đáp viết 。

Không thấy, không nắm, nên gọi là cầu. Lại hỏi: Nếu pháp có thể cầu, tức là có cầu. Đáp:

不爾。夫求法者是無所求何以故。

bất nhĩ 。 phu cầu Pháp giả thị vô sở cầu hà dĩ cố 。

Không phải thế. Cầu pháp tức là không có cầu. Vì sao?

若是可求則為非法。又問。何者是法。答曰。

nhược thị khả cầu tắc vi phi Pháp 。 hựu vấn 。 hà giả thị Pháp 。 đáp viết 。

Vì nếu có thể cầu tức không phải pháp. Lại hỏi: Thế nào là pháp? Đáp:

法無文字亦離言語。又問。離文言中何者是法。答曰。

Pháp vô văn tự diệc ly ngôn ngữ 。 hựu vấn 。 ly văn ngôn trung hà giả thị Pháp 。 đáp viết 。

Pháp không có văn tự, cũng lìa nói năng. Lại hỏi: Lìa văn tự, nói năng, cái gì là pháp? Đáp:

文言性離心行處滅。是名為法。

văn ngôn tính ly tâm hành xử diệt 。 thị danh vi Pháp 。

Lìa tính văn tự, nói năng, tâm hành xử diệt; đó gọi là pháp.

一切諸法皆不可說。其不可說亦不可說。善男子。

nhất thiết chư Pháp giai bất khả thuyết 。 kỳ bất khả thuyết diệc bất khả thuyết 。 thiện nam tử 。

Tất cả pháp đều không thể nói; cái không thể nói đó cũng không thể nói. Thiện nam tử,

若有所說即是虛妄。中無實法。又問。

nhược hữu sở thuyết tức thị hư vọng 。 trung vô thật Pháp 。 hựu vấn 。

nếu có cái được nói tức là hư vọng, trong đó không có thực pháp. Lại hỏi:

諸佛菩薩常有言說皆虛妄乎。答曰。

chư Phật Bồ Tát thường hữu ngôn thuyết giai hư vọng hồ 。 đáp viết
。

Chư Phật, Bồ-tát thường có ngôn thuyết, đều là hư vọng sao? Đáp:

諸佛菩薩從始至終不說一字。云何虛妄。又問。

chư Phật Bồ Tát tòng thủy chí chung bất thuyết nhất tự 。 vân hà hư
vọng 。 hựu vấn 。

Chư Phật, Bồ-tát từ đầu đến cuối không nói một chữ; sao lại hư vọng. Lại hỏi:

若有所說云何過咎。答曰。謂言語過。又問。言語何咎。

nhược hữu sở thuyết vân hà quá cữu 。 đáp viết 。

vị ngôn ngữ quá
。 hựu vấn 。

ngôn ngữ hà cữu 。

Nếu có nói năng thì có lỗi gì? Đáp: Đó là lỗi ngôn ngữ. Lại hỏi: Lỗi gì của ngôn ngữ?

答曰。謂思量過。又問。何法無咎。答曰。

đáp viết 。

vị tư lượng quá 。

hựu vấn 。

hà Pháp vô cữu 。

đáp viết 。

Đáp: Đó là lỗi suy lường. Lại hỏi: Pháp nào không có lỗi? Đáp:

無說所說不見二相。是則無咎。又問。過何為本。

vô thuyết sở thuyết bất kiến nhị tướng 。

thị tắc vô cữu 。

hựu vấn 。

quá hà vi bản 。

Không nói và cái được nói, không thấy hai tướng; đó là không lỗi. Lại hỏi: Gốc của lỗi là gì?

答曰。能執為本。又問。執何為本。

đáp viết 。 năng chấp vi bốn 。 hựu vấn 。 chấp hà vi bốn 。
Đáp: Thường chấp là gốc. Lại hỏi: Gốc của chấp là gì?

答曰著心為本。又問。著何為本。答曰。虛妄分別。又問。
đáp viết trú tâm vi bốn 。 hựu vấn 。 trú hà vi bốn 。 đáp viết
。 hư vọng phân biệt 。 hựu vấn 。

Đáp: Tâm dính mắc là gốc. Lại hỏi: Gốc của dính mắc là gì? Đáp: Phân biệt hư
vọng. Lại hỏi:

虛妄分別以何為本。答曰。攀緣為本。又問。
hư vọng phân biệt dĩ hà vi bốn 。 đáp viết 。 phàn duyên vi bốn 。
hựu vấn 。

Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc? Đáp: Đeo bám là gốc. Lại hỏi:

何所攀緣。答曰。緣色聲香味觸法。又問。
hà sở phàn duyên 。 đáp viết 。 duyên sắc thanh hương vị xúc
Pháp 。 hựu vấn 。

Đeo bám cái gì? Đáp: Bám sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Lại hỏi:

云何不緣。答曰。若離愛取則無所緣。
vân hà bất duyên 。 đáp viết 。 nhược ly ái thủ tác vô sở duyên 。

Thế nào là không đeo bám. Đáp: Nếu rời ưa, nắm, thì không có cái được đeo
bám.

以是義故如來常說諸法平等。說此法門時。
dĩ thị nghĩa cố Như Lai thường thuyết chư Pháp bình đẳng 。 thuyết
thử Pháp môn thời 。

Vì nghĩa này nên Như Lai thường nói các pháp bình đẳng. Lúc nói pháp môn
này,

眾中五千比丘得遠塵離垢法眼淨。

chúng trung ngũ thiên bĩ khâu đắc viễn trần ly cầu Pháp nhãn
tịnh 。

trong chúng có năm ngàn tỷ-khưu được Mắt pháp thanh tịnh, xa lìa trần cấu;

一萬二千菩薩得無生法忍。

nhất vạn nhị thiên Bồ Tát đắc vô sinh Pháp nhãn 。

một vạn hai ngàn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhãn;

無量無邊眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。爾時勝天王即從座起。

vô lượng vô biên chúng sinh phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

nhĩ thời thắng Thiên Vương tức tùng toạ khởi 。

vô lượng vô biên chúng sinh phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Bấy giờ, Thắng Thiên Vương, liền từ chỗ ngồi đứng dậy,

偏袒右肩右膝著地。合掌向佛頭面作禮。而白佛言。

Thiên đản hữu kiên hữu tất trú địa 。

hợp chưởng hướng Phật đầu diện tác lễ 。

nhĩ bạch Phật ngôn 。

trần vai bên phải, gối phải sát đất, chấp tay hướng Phật, đầu mặt đánh lễ, bạch Phật:

世尊。善男子善女人。聞是般若波羅蜜。

Thế Tôn 。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

văn thị bát nhã ba la mật 。

Thế Tôn, thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe Bát-nhã ba-la-mật này,

云何未發阿耨多羅三藐三菩提心者即能發心。

vân hà vị phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm giả tức năng phát tâm 。

làm sao để người chưa phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác có thể phát tâm,

皆悉成就得不退轉。行常勝進而無墮落。

giai tất thành tựu đắc bất thoái chuyển 。 hành thường thắng tiến nhi vô đọa lạc 。

tất cả đều thành tựu, được Bất thoái chuyển, hành thường tăng tiến mà không đọa lạc?

佛告勝天王言。大王。諦聽善思念之。

Phật cáo thắng Thiên Vương ngôn 。 Đại Vương 。 để thính thiện tư niệm chi 。

Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương, lắng nghe, khéo nghĩ, nhớ;

當為王說。善男子善女人聞般若波羅蜜。

đương vi Vương thuyết 。 thiện nam tử Thiện Nữ Nhân văn bát nhã ba la mật 。

sẽ vì Đại vương nói. Thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe Bát-nhã ba-la-mật,

行得勝進無有退墮。勝天王言善哉世尊。唯然願聞。

hành đắc thắng tiến vô hữu thoái đọa 。 thắng Thiên Vương ngôn Thiện tai Thế Tôn 。 duy nhiên nguyện văn 。

hành được tăng tiến, không có lùi rút. Thắng Thiên Vương nói: Lành thay! Thế Tôn. Xin nguyện được nghe.

佛告勝天王言。大王。若善男子善女人。

Phật cáo thắng Thiên Vương ngôn 。 Đại Vương 。 nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương, thiện nam tử, thiện nữ nhân

聞般若波羅蜜。

văn bát nhã ba la mật 。

nghe Bát-nhã ba-la-mật,

以清淨意發阿耨多羅三藐三菩提心。具足正信親近賢聖樂聞正法。

dĩ thanh tịnh ý phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。 cụ túc chính tín thân cận hiền Thánh lạc văn chính Pháp 。

dùng ý thanh tịnh, phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, đầy đủ chính tín, gần gũi hiền thánh, thích nghe Chính pháp,

遠離嫉妬無有慳慳。常修寂靜好行布施。

viễn li tật đố vô hữu khan 慳。 thường tu tịch tĩnh hảo hành bố thí 。

xa lia đố kỵ, không có keo kiệt, thường tu tịch tĩnh, thích hành bố thí,

心無隔礙恒離穢濁。正信業果心不疑感知黑白報。

tâm vô cách ngại hằng ly uế trước 。

tâm không ngăn ngại, thường rời uế trước, chính tín nghiệp quả

tâm bất nghi hoặc tri hắc bạch báo 。

biết quả báo thiện, ác;

設為身命不應作者終不為之。大王。

thiết vi thân mạng bất ứng tác giả chung bất vi chi 。

giả sử vì mạng sống, cũng không nên làm, không bao giờ làm. Đại vương,

善男子善女人。如是行般若波羅蜜。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

thiện nam tử, thiện nữ nhân hành Bát-nhã ba-la-mật như thế,

則遠離殺生不與取邪婬妄語兩舌惡口綺語貪瞋邪見。

tắc viễn li sát sinh bất dữ thủ tà dâm vọng ngữ lượng thiết ác khẩu

khỉ ngữ tham sân tà kiến 。

tức xa lia sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, tráo trở, lời ác, lời đường mật, tham, sân, tà kiến;

心常繫念此十善法。大王。

tâm thường hệ niệm thủ Thập thiện Pháp 。

Đại Vương 。

tâm thường buộc vào mười pháp lành này. Đại vương,

善男子善女人行般若波羅蜜。以方便力。若見沙門婆羅門。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân hành bát nhã ba la mật 。 dĩ phương tiện
lực 。 nhược kiến Sa Môn Bà-la-môn 。

thiện nam tử, thiện nữ nhân hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng lực phương tiện; nếu
thấy Sa-môn, Bà-la-môn

正行精進戒品清潔。多聞解義常起正念。

chính hành tinh tấn giới phẩm thanh khiết 。 đa văn giải nghĩa
thường khởi chính niệm 。

chính hạnh, tinh tấn, giới phẩm trong sạch, nghe nhiều, hiểu nghĩa, thường khởi
chính niệm,

心性調伏寂靜不散。

tâm tính điều phục tịch tĩnh bất tán 。

tâm tính điều phục, tịch tĩnh không tán,

口恒愛語遠離諸惡不善之法。修習眾善。不自矜高於他不下。

khẩu hằng ái ngữ viễn li chư ác bất thiện chi Pháp 。

miệng thường nói lời thương xót, xa lìa các pháp ác, bất thiện, tu tập các điều
lành, không tự kiêu căng, xem nhẹ người khác,

不作惡口及無義語。不捨念處其心調直。

bất tác ác khẩu cập vô nghĩa ngữ 。

không nói lời ác và lời vô nghĩa; không bỏ niệm xứ, tâm mình chính trực,

能斷有流善拔毒箭捨離重擔。超出有難已度後有。

năng đoạn hữu lưu thiện bạt độc tiền xả ly trọng đam 。 siêu xuất hữu nan dĩ độ hậu hữu 。

[có thể đoạn dòng sinh tử, khéo nhổ tận gốc, từ bỏ gánh nặng, ra khỏi hiểm nạn, qua được đời sau.](#)

大王。善男子善女人。

Đại Vương 。 thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

[Đại vương, thiện nam tử, thiện nữ nhân](#)

行般若波羅蜜若見如是菩薩摩訶薩則應親近依止。

hành bát nhã ba la mật nhược kiến như thị Bồ Tát Ma-Ha tát tắc ứng thân cận y chỉ 。

[hành Bát-nhã ba-la-mật, thấy Bồ-tát Ma-ha-tát như thế thì nên gần gũi, nương tựa;](#)

是人為善知識。菩薩摩訶薩。以方便力而為說法。

thị nhân vi thiện tri thức 。

Bồ Tát Ma-Ha tát 。

dĩ phương tiện lực nhi vi thuyết Pháp 。

[người này là thiện tri thức. Bồ-tát Ma-ha-tát dùng lực phương tiện, vì họ nói pháp:](#)

善男子。施得大富持戒生天聽法大智。又復告言。

thiện nam tử 。

thí đắc Đại phú trì giới sinh Thiên thính Pháp Đại trí 。

hựu phục cáo ngôn 。

[Thiện nam tử, bố thí được đại phú, trì giới được sinh thiên, nghe pháp được trí tuệ lớn. Lại bảo:](#)

此是布施此是施報。

thử thị bố thí thử thị thí báo 。

[Đây là bố thí, đây là quả báo bố thí;](#)

此是嫉妬是嫉妬報。此是忍辱是忍辱報。

thử thị tậ đố thị tậ đố báo 。 thử thị nhấ nhục thị nhấ nhục báo 。

đây là đố ky, là quả báo đố ky; đây là nhấ nhục, là quả báo nhấ nhục;

此是精進是精進報。此是禪定是禪定報。

thử thị tinh tấn thị tinh tấn báo 。 thử thị Thiên định thị Thiên định báo 。

đây là tinh tấn, là quả báo tinh tấn; đây là thiên định, là quả báo thiên định;

此是般若是般若報。此是愚癡是愚癡報。

thử thị bát nhã thị bát nhã báo 。 thử thị ngu si thị ngu si báo 。

đây là Bát nhã, là quả báo Bát nhã; đây là ngu si, là quả báo ngu si;

是身善業身善業報。是身惡業身惡業報。是口善業口善業報。

thị thân thiện nghiệp thân thiện nghiệp báo 。 thị thân ác nghiệp thân ác nghiệp báo 。 thị khẩu thiện nghiệp khẩu thiện nghiệp báo 。

đây là nghiệp thiện của thân, quả báo nghiệp thiện của thân; đây là nghiệp ác của thân, quả báo nghiệp ác của thân; đây là nghiệp thiện của miệng, quả báo nghiệp thiện của miệng;

是口惡業口惡業報。是意善業意善業報。

thị khẩu ác nghiệp khẩu ác nghiệp báo 。 thị ý thiện nghiệp ý thiện nghiệp báo 。

đây là nghiệp ác của miệng, quả báo nghiệp ác của miệng; đây là nghiệp thiện của ý, quả báo nghiệp thiện của ý;

是意惡業意惡業報。諸善男子善女人。

thị ý ác nghiệp ý ác nghiệp báo 。 chư thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

đây là nghiệp ác của ý, quả báo nghiệp ác của ý. Các thiện nam tử, thiện nữ nhân,

此法應作此不應作。若如是修致長夜樂。

thử Pháp ứng tác thử bất ứng tác 。 nhược như thị tu trí trường dạ lạc 。

pháp này nên làm, pháp này không nên làm; nếu tu như thế thì mãi mãi vui;

不如是作得長夜苦。大王。善男子善女人。

bất như thị tác đắc trường dạ khổ 。

Đại Vương 。

thiện nam tử

Thiện Nữ Nhân 。

không làm như thế bị khổ mãi mãi. Đại vương, thiện nam tử, thiện nữ nhân,

以方便力親近善知識。得聞如是次第說法。

dĩ phương tiện lực thân cận thiện tri thức 。

đắc văn như thị thứ đệ thuyết Pháp 。

do lực phương tiện, gần gũi thiện tri thức, được nghe nói pháp lần lượt như thế.

菩薩摩訶薩。若知彼人是法器者。

Bồ Tát Ma-Ha tát 。

nhược tri bỉ nhân thị Pháp khí giả 。

Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu biết người đó là người có khả năng thọ pháp,

則應為說甚深般若波羅蜜。所謂空無相無願無作。無生無滅。

tắc ứng vi thuyết thậm thâm bát nhã ba la mật 。

sở vị không vô tướng vô nguyện vô tác 。

vô sinh vô diệt 。

thì nên vì họ nói Bát-nhã ba-la-mật sâu xa; đó là Không, Vô tướng, Vô nguyện, Vô tác,

無我無眾生。無命無人。而說甚深因緣法。

vô ngã vô chúng sinh 。

vô mạng vô nhân 。

nhi thuyết thậm thâm nhân duyên Pháp 。

Vô ngã, Vô chúng sinh, Vô mạng, Vô nhân. Rồi nói pháp nhân duyên sâu xa:

因此法彼法生。此法滅彼法滅。

nhân tử Pháp bị Pháp sinh 。 tử Pháp diệt bị Pháp diệt
。

do pháp này, pháp kia sinh; pháp này diệt, pháp kia diệt.

所謂無明緣行。行緣識。識緣名色。名色緣六入。

sở vị vô minh duyên hành 。 hành duyên thức 。 thức duyên danh sắc
。 danh sắc duyên lục nhập 。

Đó là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc
duyên sáu nhập,

六入緣觸。觸緣受。受緣愛。愛緣取。取緣有。有緣生。

lục nhập duyên xúc 。 xúc duyên thọ 。 thọ duyên ái 。 ái
duyên thủ 。 thủ duyên hữu 。 hữu duyên sinh 。

sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu,
hữu duyên sinh,

生緣老死憂悲苦惱。無明滅則行滅。

sinh duyên lão tử ưu bi khổ não 。 vô minh diệt tắc hành diệt 。

sinh duyên lão tử, ưu, bi, khổ, não. Vô minh diệt thì hành diệt,

行滅則識滅。識滅則名色滅。名色滅則六入滅。

hành diệt tắc thức diệt 。 thức diệt tắc danh sắc diệt 。

danh sắc diệt tắc lục nhập diệt 。

hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập
diệt,

六入滅則觸滅。觸滅則受滅。受滅則愛滅。

lục nhập diệt tắc xúc diệt 。 xúc diệt tắc thọ diệt 。

thọ diệt tắc ái diệt 。

sáu nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt,

愛滅則取滅。取滅則有滅。有滅則生滅。

ái diệt tác thủ diệt 。 thủ diệt tác hữu diệt 。 hữu diệt tác sinh diệt 。

ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt,

生滅則老死憂悲苦惱滅。大王。

sinh diệt tác lão tử ưu bi khổ não diệt 。 Đại Vương 。

sinh diệt thì lão, tử, ưu, bi, khổ, não diệt. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。以方便力作如是說。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 dĩ phương tiện lực tác như thị thuyết 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng lực phương tiện nói thế này:

於真實中無有一法可生可滅。何以故。世間諸法皆因緣生。

ư chân thật trung vô hữu nhất Pháp khả sinh khả diệt 。 hà dĩ cố 。

thế gian chư Pháp giai nhân duyên sinh 。

Trong chân thực không có một pháp có thể sinh, có thể diệt. Vì sao? Vì các pháp thế gian đều sinh từ nhân duyên,

無我作者因緣和合。無一實法受生滅者。

vô ngã tác giả nhân duyên hòa hợp 。 vô nhất thật Pháp thọ sinh diệt giả 。

không ngã, không người làm, nhân duyên hòa hợp; không có một thực pháp chịu sự sinh, diệt.

虛妄分別於三界中但有假名。隨業煩惱而受果報。

hư vọng phân biệt ư tam giới trung đãn hữu giả danh 。 tùy nghiệp phiền não nhi thọ quả báo 。

Ở trong ba cõi, hư vọng phân biệt, chỉ có giả danh; tùy nghiệp phiền não mà chịu quả báo.

若以般若波羅蜜。如實觀察一切諸法。

nhược dĩ át nhã ba la mật 。 như thật quan sát nhất thiết chư Pháp 。
Nếu dùng Bát-nhã ba-la-mật, quán sát như thật tất cả các pháp,

無生無滅無作受者。若法無作是亦無行。

vô sinh vô diệt vô tác thọ giả 。 nhược Pháp vô tác thị diệt vô hành 。

không sinh, không diệt, không người làm, người chịu. Nếu pháp không tạo tác, thì cũng không hành;

則於諸法心無所著。謂不著色受想行識。不著眼色識。

tắc ư chư Pháp tâm vô sở trú 。

vị bất trú sắc thọ tưởng hành thức 。

bất trú nhãn sắc thức 。

tức tâm không đeo bám đối với các pháp. Nghĩa là không đeo bám sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không đeo bám mắt, cảnh, thức;

不著意法識。大王。菩薩摩訶薩作如是說。
bất trú ý Pháp thức 。

Đại Vương 。

Bồ Tát Ma-Ha tát tác như thị thuyết 。

không đeo bám ý, pháp, thức. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát nói thế này:

一切諸法自性空離不取不著。善男子善女人。

nhất thiết chư Pháp tự tính không ly bất thủ bất trú 。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

tất cả các pháp, tự tính là Không, Ly, không nắm bắt, không dính mắc. Thiện nam tử, thiện nữ nhân,

因如是說則無退失。大王。

nhân như thị thuyết tắc vô thối thất 。

nhờ lời như thế mà không lùi, mất. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。樂見諸佛樂聞正法。不墮卑賤。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 lạc kiến chư Phật lạc
văn chính Pháp 。 bất đọa ti tiện 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, thích thấy chư Phật, thích nghe Chính
pháp, không rơi vào chỗ thấp hèn.

在所生處不離見佛。聽受正法供養眾僧。

tại sở sinh xứ bất ly kiến Phật 。 thính thọ chính Pháp cung
dưỡng chúng tăng 。

Ở nơi sinh ra, không lìa sự thấy Phật, nghe nhận Chính pháp, cúng dường chư
Tăng,

面見諸佛勇猛精進。志求正法不著有為。

diện kiến chư Phật dũng mãnh tinh tấn 。 chí cầu chính Pháp bất
trú hữu vi 。

được gặp chư Phật, dũng mãnh tinh tấn, chí cầu Chính pháp, không dính hữu vi.

妻子僕隸生生所資。悉不貪著不染諸欲。

thê tử bộc lệ sinh sinh sở tư 。 tất bất tham trước bất nhiễm chư
dục 。

Vợ con, tôi tớ, các thứ mưu sinh, đều không tham đắm, không nhiễm các dục;

常依正教憶念諸佛。離俗出家如聞修行。

thường y chính giáo ức niệm chư Phật 。 ly tục xuất gia như văn
tu hành 。

thường nương Chính giáo, nhớ nghĩ chư Phật, lìa tục xuất gia, tu hành như pháp;

轉為他說心無求望。見聽法眾常生大慈。

chuyển vi tha thuyết tâm vô cầu vọng 。 kiến thính Pháp chúng
thường sinh Đại từ 。

nói pháp cho người, tâm không mong cầu; thấy chúng nghe pháp, thường sinh
đại từ;

一切眾生而起大悲。多聞廣學不惜身命。

nhất thiết chúng sinh nhi khởi Đại bi 。

đa văn quảng học bất tích
thân mạng 。

khởi đại bi với tất cả chúng sinh; học rộng nghe nhiều, không tiếc thân mạng;

少欲知足常樂遠離。但採義理不滯言辭。說法修行不為自身。

thiểu dục tri túc thường lạc viễn li 。

đãn thái nghĩa lý bất trệ ngôn
từ 。

thuyết Pháp tu hành bất vì tự thân 。

ít muốn biết đủ, thường xa rời lạc; chỉ chọn nghĩa lý, không kẹt ngôn từ; nói pháp,
tu hành, không vì tự thân;

唯化眾生得無上樂。所謂佛智。大王。

duy hóa chúng sinh đắc vô thượng lạc 。

sở vị Phật trí 。

Đại Vương 。

chỉ dạy chúng sinh được lạc vô thượng. Đó là trí Phật. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜如是修行。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật như thị tu hành 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tu hành như thế,

遠離放逸攝護諸根。若眼見色不著色相。

viễn li phóng dật nhiếp hộ chư căn 。

nhược nhãn kiến sắc bất trú
sắc tướng 。

xa lìa phóng túng, giữ gìn các căn. Nếu mắt thấy sắc, không dính tướng sắc;

如實觀察此色過患。耳聲鼻香舌味身觸意法亦爾。

như thật quan sát thử sắc quá hoạn 。 nhĩ thanh tỳ hương thiệt vị thân xúc ý Pháp diệt nhĩ 。

quán sát như thật, sắc là lỗi, họa. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý thấy pháp, cũng như thế.

若縱諸根名為放逸。若能攝護名不放逸。

nhược túng chư căn danh vi phóng dật 。

Nếu buông thả các căn gọi là Phóng dật. Nếu thường giữ gìn gọi là không Phóng dật.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

調伏自心將護他意名不放逸。遠離貪欲心順善法。

điều phục tự tâm tướng hộ tha ý danh bất phóng dật 。

thần phục tâm mình, bảo bọc ý người, gọi là không Phóng dật. Xa rời tham dục, tâm theo pháp lành,

覺觀瞋癡不善根本。身惡口惡及以邪念。

giác quán sân si bất thiện căn bản 。

quán biết sân, si, gốc rễ bất thiện. Thân ác, khẩu ác cho đến tà niệm;

一切不善皆悉遠離名不放逸。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

nhất thiết bất thiện giai tất viễn li danh bất phóng dật 。

tất cả bất thiện thảy đều xa rời, gọi là không Phóng dật. Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

心常正念名不放逸。大王。

tâm thường chính niệm danh bất phóng dật 。 Đại Vương 。

tâm thường chính niệm, gọi là không Phóng dật. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。一切諸法信為其首。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 nhất thiết chư Pháp tín vi kỳ thủ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tất cả các pháp, lấy tín làm đầu.

正信之人不生惡趣。心不行惡聖人所讚。大王。

chính tín chi nhân bất sinh ác thú 。 tâm bất hành ác Thánh nhân sở tán 。

Người có Chính tín không sinh đường dữ; tâm không làm ác, thánh nhân khen ngợi. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜如法修行。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật như Pháp tu hành 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tu hành như pháp,

在在生處常得值佛。

tại tại sinh xứ thường đắc trị Phật 。

mọi nơi sinh ra, thường được gặp Phật,

遠離二乘安住正道得大自在成就大事如來正智。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

viễn li nhị thừa an trú chính đạo đắc Đại tự-tại thành tựu Đại sự Như Lai chính trí 。

xa rời Nhị thừa, an trú Chính đạo, được đại Tự tại, thành tựu việc lớn, Chính trí Như Lai. Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

欲求安樂當勤隨順薩婆若路。大王。

dục cầu an lạc đương tinh cần tùy thuận tát bà nhược lộ 。 Đại Vương 。

muốn cầu an lạc hãy siêng năng tùy thuận con đường Nhất thiết trí. Đại vương,

今此大眾得聞深般若波羅蜜。已於過去無量百千萬劫。

kim thử Đại chúng đắc văn thâm bát nhã ba la mật 。 dĩ ư quá khứ vô lượng bách thiên vạn kiếp 。

nay đại chúng này được nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, tức ở quá khứ vô lượng trăm ngàn vạn kiếp,

供養諸佛修習善根。

cung dưỡng chư Phật tu tập thiện căn 。

đã cúng dường chư Phật, tu tập căn lành.

是故應當勤加精進勿令退失。大王。若天若人能制諸根不著五欲。

thị cố ứng đương tinh cần gia tinh tấn vật lệnh thối thất 。

Đại Vương 。

nhược Thiên nhược nhân năng chế chư căn bất trú ngũ dục 。

Vì thế, phải nên siêng thêm tinh tấn, đừng để lùi, mất. Đại vương, nếu Trời, người có thể chế ngự các căn, không dính năm dục,

遠離世間常修出世。

viễn li thế gian thường tu xuất thế 。

xa lìa thế gian, thường tu xuất thế,

三業清淨習助道法名不放逸。大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

tam nghiệp thanh tịnh tập trợ đạo Pháp danh bất phóng dật 。

Đại Vương 。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

ba nghiệp thanh tịnh, tập pháp trợ đạo, gọi là không Phóng dật. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

正信具足心不放逸。

chính tín cụ túc tâm bất phóng dật 。

[đầy đủ Chính tín, tâm không buông lung,](#)

勤修精進令得勝法名不放逸。大王。菩薩摩訶薩欲具正信心不放逸。

tin siêng tu tinh tấn lệnh đắc thắng Pháp danh bất phóng dật 。

Đại Vương 。

Bồ Tát Ma-Ha tát dụng cụ chính tín tâm bất phóng dật 。

[siêng tu tinh tấn, khiến được thắng pháp, gọi là không Phóng dật. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát muốn đầy đủ Chính tín, tâm không buông lung,](#)

精進正念當學般若波羅蜜。因是念智。

tinh tấn chính niệm đương học bát nhã ba la mật 。

nhân thị niệm trí 。

[tinh tấn Chính niệm, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Nhân niệm, trí này,](#)

能速成就阿耨多羅三藐三菩提法。大王。

năng tốc thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề Pháp 。

Đại Vương 。

[có thể sớm thành tựu pháp Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Đại Vương,](#)

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。具足正信心不放逸。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

cụ túc chính tín tâm bất phóng dật 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, đầy đủ chính tín, tâm không phóng dật,](#)

勤修精進即得正念。用是念智知有知無。

tin siêng tu tinh tấn tức đắc chính niệm 。

dùng thị niệm trí trí hữu trí vô 。

[siêng tu tinh tấn tức được Chính niệm. Dùng niệm, trí này, biết có, biết không.](#)

云何有無。若修正行得正解脫。是名為有。

vân hà hữu vô 。 nhược tu chính hành đắc chính giải thoát 。 thị danh vi hữu 。

Có, không là gì? Nếu tu hạnh chính, được Chính giải thoát; đó gọi là có.

若修邪行得正解脫。是名為無。眼耳鼻舌身意。

nhược tu tà hành đắc chính giải thoát 。 thị danh vi vô 。 nhãn nhĩ tỳ thiệt thân ý 。

Nếu tu hạnh tà được Chính giải thoát; đó gọi là không. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý,

世諦為有真實中無。菩薩摩訶薩。

thế đế vi hữu chân thật trung vô 。

Thế đế cho là có, trong Chân thực là không. Bồ-tát Ma-ha-tát

勤修精進能得菩提。是名為有。懶惰菩薩得菩提者。

tinh siêng tu tinh tấn năng đắc bồ đề 。

siêng tu tinh tấn có thể được Bồ-đề; đó gọi là có. Bồ-tát biếng nhác được Bồ-đề;

是名為無。若說五陰皆從虛妄顛倒而生。

thị danh vi vô 。

đó gọi là không. Nếu có nói năm Ấm đều từ hư vọng điên đảo sinh;

是名為有。若謂世法不從因緣自然生者。

thị danh vi hữu 。

đó gọi là có. Nếu nói Thế pháp không từ nhân duyên sinh mà tự nhiên sinh;

是名為無。色是無常苦敗壞法。是名為有。

thị danh vi vô 。

đó gọi là không. Sắc là vô thường, khổ, là pháp bại hoại; đó gọi là có.

若言常樂。非敗壞法。是名為無。

nhược ngôn thường lạc 。 phi bại hoại Pháp 。 thị danh vi vô 。

Nếu nói là thường, lạc, không phải pháp bại hoại; đó gọi là không.

受想行識亦復如是。無明緣行。是名為有。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。 vô minh duyên hành 。 thị danh vi hữu 。

Thọ, tưởng, hành, thức cũng thế. Vô minh duyên hành, đó gọi là có.

若離無明而行生者。是名為無。

nhược ly vô minh nhi hành sinh giả 。 thị danh vi vô 。

Nếu lìa vô minh mà hành sinh, đó gọi là không.

行緣識乃至生緣老死憂悲苦惱皆亦如是。施得大富。是名為有。

hành duyên thức nãi chí sinh duyên lão tử ưu bi khổ não giai diệc như thị 。 thí đắc Đại phú 。 thị danh vi hữu 。

Hành duyên thức, cho đến sinh duyên lão, tử, ưu, bi, khổ não cũng đều như thế.

Bố thí được đại phú, đó gọi là có.

施得貧窮。是名為無。清淨持戒得生善道。

thí đắc bần cùng 。 thị danh vi vô 。 thanh tịnh trì giới đắc sinh thiện đạo 。

Bố thí bị bần cùng, đó gọi là không. Giữ giới thanh tịnh được sinh đường lành,

是名為有。若生惡趣。是名為無。

thị danh vi hữu 。 nhược sinh ác thú 。 thị danh vi vô 。

đó gọi là có. Nếu sinh đường dữ, đó gọi là không.

乃至般若波羅蜜能得成聖。是名為有。

nãi chí bát nhã ba la mật năng đắc thành Thánh 。 thị danh vi hữu 。
Cho đến Bát-nhã ba-la-mật có thể được thành Thánh, đó gọi là có.

修行般若波羅蜜作凡夫者。是名為無。若修多聞能得大智。

tu hành bát nhã ba la mật tác phàm phu giả 。 thị danh vi vô 。 nhược
tu đa văn năng đắc Đại trí 。

Tu hành Bát-nhã ba-la-mật mà làm phàm phu, đó gọi là không. Nếu tu đa văn có thể được Đại trí,

是名為有。得愚癡者。是名為無。

thị danh vi hữu 。 đắc ngu si giả 。 thị danh vi vô 。
đó gọi là có. Nếu bị ngu si, đó gọi là không.

若修正念能得出離。是名為有。不得為無。

nhược tu chính niệm năng đắc xuất ly 。 thị danh vi hữu 。 bất đắc
vi vô 。

Nếu tu Chính niệm có thể xuất ly, đó gọi là có; không được, là không.

若行邪念不得出離。是名為有。得者為無。

nhược hành tà niệm bất đắc xuất ly 。 thị danh vi hữu 。 đắc giả vi
vô 。

Nếu tu tà niệm không được xuất ly, đó gọi là có; được, là không.

無我我所能得解脫。是名為有。有我我所而得解脫。

vô ngã ngã sở năng đắc giải thoát 。 thị danh vi hữu 。 hữu ngã ngã sở
nhi đắc giải thoát 。

Vô ngã, ngã sở có thể được giải thoát, đó gọi là có. Hữu ngã, ngã sở mà được giải thoát,

是名為無。若言虛空遍一切處。是名為有。

thị danh vi vô 。 nhược ngôn hư không biến nhất thiết xử 。 thị danh vi hữu 。

đó gọi là không. Nếu nói hư không cùng khắp mọi nơi, đó gọi là có.

五陰中我。是名為無。如實修智能得解脫。

ngũ uẩn trung ngã 。 thị danh vi vô 。 như thật tu trí năng đắc giải thoát 。

Trong năm Ấm có ngã, đó gọi là không. Tu hành như thật có thể được giải thoát,

是名為有。若著邪智而得解脫。是名為無。

thị danh vi hữu 。 nhược trừ tà trí nhi đắc giải thoát 。 thị danh vi vô 。

đó gọi là có. Nếu đeo bám tà trí mà được giải thoát, đó gọi là không.

若離我見眾生見壽者見人見能得空智。是名為有。

nhược ly ngã kiến chúng sinh kiến thọ giả kiến nhân kiến năng đắc không trí 。

Nếu lìa cái thấy ngã, chúng sinh, thọ giả, nhân có thể được trí Không, đó gọi là có.

著我眾生壽者人見能得空智。是名為無。

trụ ngã chúng sinh thọ giả nhân kiến năng đắc không trí 。

Đeo bám cái thấy ngã, chúng sinh, thọ giả, nhân, có thể được trí Không, đó gọi là không.

大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Đại Vương 。 Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật

如是知世有無能修平等。

như thị tri thể hữu vô năng tu bình đẳng。
biết có, không của thế gian như thế, có thể tu bình đẳng.

了知諸法因緣而生世諦故有不起常見。知因緣法本性自空不生斷見。
liễu tri chư Pháp nhân duyên nhi sinh thể đế cố hữu bất khởi thường
kiến。tri nhân duyên Pháp bốn tính tự không bất sinh đoạn kiến。
Biết rõ các pháp sinh từ nhân duyên, vì là thể đế, nên có; không thấy là thường.
Biết Pháp nhân duyên, bốn tính vốn Không, không thấy là đoạn;

於諸佛教如實通達。大王。
ư chư Phật giáo như thật thông đạt。Đại Vương。
đối với giáo pháp của chư Phật, thông đạt như thật. Đại vương,

諸佛如來略為菩薩說是四法。
chư Phật như lai lược vi Bồ Tát thuyết thị tứ Pháp。
chư Phật Như Lai vì Bồ-tát lược nói bốn pháp này:

世間沙門婆羅門及長壽天心皆著常。為破此執說行無常。
thế gian Sa Môn Bà-la-môn cập trường thọ Thiên tâm giai trú thường
。vi phá thử chấp thuyết hành vô thường。
Tâm của Thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn và trời Trường thọ đều đeo chấp thường.
Vi phá chấp này, thuyết Hành vô thường.

有諸天人多貪著樂。為破此計說一切苦。外道邪見著身中我。
hữu chư Thiên nhân đa tham trước lạc。vi phá thử kế thuyết nhất
thiết khổ。ngoại đạo tà kiến trú thân trung ngã。
Có các Trời, người nhiều tham đắm lạc; vì phá chấp này, thuyết tất cả là khổ.
Ngoại đạo, tà kiến chấp trong thân có ngã;

為破此執而說無我。又復為破增上慢人。

vi phá thử chấp nhi thuyết vô ngã 。 hựu phục vi phá tăng thượng mạn nhân 。

vi phá chấp này, thuyết không có ngã. Lại vì phá người tăng thượng mạn,

是故而說涅槃寂靜。

thị cố nhi thuyết Niết-Bàn tịch tĩnh 。

nên nói Niết-bàn vắng lặng;

說無常者令其志求究竟之法。為說苦者令離願求。

thuyết vô thường giả lệnh kỳ chí cầu cứu cánh chi Pháp 。

vi thuyết khổ giả lệnh ly nguyện cầu 。

nói vô thường là khiến chí họ cầu Pháp cứu cánh; nói khổ để khiến lìa nguyện cầu;

說無我者為顯空門。說寂靜者令達無相。大王。

thuyết vô ngã giả vi hiển không môn 。

thuyết tịch tĩnh giả lệnh đạt vô tướng 。

Đại Vương 。

nói không có ngã để hiển bày cửa Không; nói tịch tĩnh để khiến đạt Vô tướng. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜如是修學。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật như thị tu học 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tu học như thế,

於諸善法終無退墮。速成阿耨多羅三藐三菩提。

ư chư thiện Pháp chung vô thối đọa 。

tốc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

đối với các pháp lành, không bao giờ lui, rút, sớm thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

爾時勝天王白佛言。世尊。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

nhĩ thời thắng Thiên Vương bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。 Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

[Bấy giờ, Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,](#)

修何等行擁護正法。佛告勝天王言。大王。

tu hà đẳng hành ủng hộ chính Pháp 。 Phật cáo thắng Thiên Vương ngôn 。 Đại Vương 。

[tu những pháp gì để ủng hộ Chính pháp? Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương,](#)

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜行不違言。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật hành bất vi ngôn 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, hành không trái lời,](#)

敬重尊長隨順正法。心行調直諸根寂靜。

kính trọng tôn trưởng tùy thuận chính Pháp 。 tâm hành điều trực chư căn tịch tĩnh 。

[kính trọng tôn trưởng, tùy thuận Chính pháp, tâm hành ngay thẳng, các căn vắng lặng,](#)

遠離眾惡不善之法修習善根名護正法。大王。

viễn li chúng ác bất thiện chi Pháp tu tập thiện căn danh hộ chính Pháp 。 Đại Vương 。

[xa lìa các pháp ác, bất thiện, tu tập căn lành; gọi là ủng hộ Chính pháp. Đại vương,](#)

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。修身業慈悲。口業慈悲。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 tu thân nghiệp từ bi 。

khẩu nghiệp từ bi 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tu nghiệp thân từ bi, nghiệp miệng từ bi,

意業慈悲。不求名利持戒清白遠離諸見。

ý nghiệp từ bi 。 bất cầu danh lợi trì giới thanh bạch viễn li chư kiến 。

nghiệp ý từ bi, không cầu danh lợi, giữ giới trong sạch, xa rời các Kiến;

名護正法。大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

danh hộ chính Pháp 。

Đại Vương 。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

gọi là ủng hộ Chính pháp. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

不隨愛行。不隨瞋行。不隨癡行。不隨畏行。

bất tùy ái hành 。

bất tùy sân hành 。

bất tùy si hành 。

bất tùy úy hành 。

không hành theo ái, không hành theo sân, không hành theo si, không hành theo sợ;

名護正法。大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

danh hộ chính Pháp 。

Đại Vương 。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

gọi là ủng hộ Chính pháp. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

修習慚愧。名護正法。大王。

tu tập tâm quý 。

danh hộ chính Pháp 。

Đại Vương 。

tu tập tâm, quý, gọi là ủng hộ Chính pháp. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。說法修行悉如所聞。名護正法。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

thuyết Pháp tu hành tất như sở văn 。

danh hộ chính Pháp 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, nói pháp, tu hành, thấy như được nghe; gọi là ủng hộ Chính pháp.

大王。三世諸佛為護正法。

Đại Vương 。 tam thế chư Phật vì hộ chính Pháp 。

Đại vương, chư Phật ba đời vì hộ Chính pháp,

是故擁護天王人王令法久住。說是陀羅尼。

thị cố ủng hộ Thiên Vương nhân Vương lệnh Pháp cửu trụ 。 thuyết thị Đà-La-Ni 。

nên ủng hộ vua trời, vua người, làm cho Pháp trụ lâu dài, nói đà-la-ni này:

多姪他 阿吼羅(理我反下悉同)吼羅婆(蒲我反下悉同)底(都覆反下

đa diệt tha a hống la (lý ngã phản hạ tất đồng)hống la

bà (bồ ngã phản hạ tất đồng)để (đô phúc phản hạ

đa diệt tha a hống la hống la bà để

悉同)厚羅拏(弩假反下悉同)莎白茶(杜假反) 柘柘柘柘柘 禰

tất đồng)hậu la noa (nỗ giả phản hạ tất đồng)toa cửu trà

(đỗ giả phản) chá chá chá chá chá nĩ

hậu la noa toa cửu trà chá chá chá chá chá nĩ

(寧履反下悉同)富拏笮多(覩舸反下悉同)叉多 叉延多叉也莎

(ninh lý phản hạ tất đồng)phú noa sứu đa (đỗ khả phản

hạ tất đồng)xoa đa xoa duyên đa xoa dã toa

phú noa sứu đa xoa đa xoa diên đa xoa dã toa

摩(暮舸反下悉同) 奢摩禰柯羅甌樓甌樓婆底

ma (mộ khả phản hạ tất đồng) xa ma nĩ kha la âu lâu

âu lâu bà để

ma xà ma nĩ kha la âu lâu bà để

杞(枯履反)羅婆底金(季侵反) 阿毘(彭履反)奢底禰莎羅

kỷ (khô lý phản)la bà để kim (quý xâm phản) A-tì (bành lý phản)xa để nỉ toa la

[kỷ la bà để kim a tỳ xà để nỉ toa la](#)

禰[禾*土]闍[禾*土][禾*土]摩底 阿婆拖禰婆拖跋多

nỉ [hòa *độ]dồ [hòa *độ][hòa *độ]ma để a bà 拖 nỉ bà 拖 bậ đa

[nỉ xã xà xã xã ma để a bà di nỉ bà di bậ đa](#)

跋多耨莎履哀多耨悉蜜履底 提婆多耨

bậ đa 耨 toa lý bầu đa 耨 tất mật lý để đề bà đa 耨

[bậ đa nâu toa lý bầu đa nâu tất mật lý để đề bà đa nâu](#)

悉蜜履底

tất mật lý để

[tất mật lý để.](#)

若龍夜叉乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽。

nhược long dạ xoa Càn-thát-bà A-tu-La ca lâu la khẩn na la ma hầu

[Hoặc Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già,](#)

一切眾生皆得安隱。大王。此大神呪。

la dà 。 nhất thiết chúng sinh giai đắc an ổn 。 Đại Vương 。 thử Đại Thần chú 。

[tất cả chúng sinh đều được yên ổn. Đại vương, thần chú lớn này,](#)

三世諸佛。為護正法。擁護天王人王。

tam thế chư Phật 。 vi hộ chính Pháp 。 ủng hộ Thiên Vương nhân Vương 。

ba đời chư Phật, vì hộ Chính pháp, ủng hộ vua trời, vua người,

宜應誦持。怨賊惡難魔障正法皆悉消滅。

nghe ứng tụng trì 。 oán tặc ác nạn ma chướng chính Pháp
giai tất tiêu diệt 。

phải nên tụng trì. Oán tặc, ác nạn, Ma ngăn Chính pháp, thầy đều tiêu diệt.

諸佛如來為令正法久住世故。護天人王使其護法。

chư Phật như lai vì lệnh chính Pháp cứu trụ thế cố 。 hộ Thiên
Nhơn Vương sử kỳ hộ Pháp 。

Chư Phật Như Lai, vì để Chính pháp tồn tại lâu dài ở thế gian, nên hộ vua trời,
vua người, khiến họ hộ pháp.

說是般若波羅蜜神呪法門時。

thuyết thị bát nhã ba la mật Thần chú Pháp môn thời 。

Lúc nói pháp môn thần chú Bát-nhã ba-la-mật này,

一切天宮大地諸山大海皆悉震動。

nhất thiết Thiên cung Đại địa chư sơn Đại hải giai tất chấn động 。

tất cả cung trời, đất liền, núi non, biển lớn, thầy đều chấn động;

眾中八萬眾發阿耨多羅三藐三菩提心。爾時勝天王。

chúng trung bát vạn chúng sinh phát a nậu đa la tam miếu tam Bồ-đề
tâm 。

trong chúng có tám vạn chúng sinh phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Bấy giờ, Thắng Thiên Vương

以七寶網彌覆佛上。而白佛言。世尊。

dĩ thất bảo võng di phúc Phật thượng 。

dùng lưới bảy báu che rộng trên Phật, rồi bạch Phật: Thế Tôn,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,](#)

修何等法於阿耨多羅三藐三菩提心不移動。佛告勝天王言。大王。

tu hà đẳng Pháp ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm bất di động 。

Phật cáo thắng Thiên Vương ngôn 。

Đại Vương 。

[tu những pháp gì để tâm không lay động đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác? Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương,](#)

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,](#)

修無礙大慈無厭大悲成辦大事。勤加精進學空三昧修平等智。

tu vô ngại Đại từ vô yếm Đại bi thành bần Đại sự 。

tin cần gia
tinh tấn học không tam muội tu bình đẳng trí 。

[tu Đại từ vô ngại, Đại bi vô yếm, hoàn thành việc lớn, siêng thêm tinh tấn, học tam-muội Không, tu trí Bình đẳng,](#)

以方便力則能通達清淨大智。

dĩ phương tiện lực tắc năng thông đạt thanh tịnh Đại trí 。

[dùng lực phương tiện tức có thể thông đạt Đại trí thanh tịnh,](#)

明了如實三世平等無有障礙。履三世佛所行之道。大王。

minh liễu như thật tam thế bình đẳng vô hữu chướng ngại 。

lý tam thế
Phật sở hạnh chi đạo 。

Đại Vương 。

[hiểu rõ như thật ba đời bình đẳng không có chướng ngại, bước trên con đường ba đời chư Phật đã đi. Đại vương,](#)

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

修如是法於阿耨多羅三藐三菩提心不移動。

tu như thị Pháp ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm bất di động 。

tu pháp như thế, đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác, tâm không lay động.

勝天王白佛言。世尊。菩薩摩訶薩云何行般若波羅蜜。

thắng Thiên Vương bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

Bồ Tát Ma-Ha tát vân hà hành bát nhã ba la mật 。

Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn, làm thế nào Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

聞佛不思議事。不怖不畏不驚不悔。

văn Phật bất tư nghị sự 。

bất phố bất úy bất kinh bất hối 。

nghe việc không thể nghĩ bàn của Phật mà không khiếp, không sợ, không kinh, không hối?

佛告勝天王言。大王。菩薩宜應具足般若具足闍那。

Phật cáo thắng Thiên Vương ngôn 。

Đại Vương 。

Bồ Tát nghi ững cụ túc bát nhã cụ túc đồ na 。

Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương, Bồ-tát phải nên đầy đủ Bát-nhã, đầy đủ trí,

近善知識樂聞深法。

cận thiện tri thức lạc văn thâm Pháp 。

gần thiện tri thức, thích nghe pháp sâu,

了知諸法皆悉如幻悟世非常。心不住著猶如虛空。

liễu tri chư Pháp giai tất như huyễn ngộ thể phi thường 。 tâm bất trụ trú do như hư không 。

hiểu rõ các pháp thấy đều như huyễn, biết thể gian không phải thường, tâm không trú dính, giống như hư không,

知一切法生必有滅。大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

tri nhất thiết Pháp sinh tất hữu diệt 。

Đại Vương 。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

biết tất cả pháp, sinh tất có diệt. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

修如是法聞佛不思議事。不怖不畏不驚不悔。

tu như thị Pháp văn Phật bất tư nghị sự 。

bất phổ bất úy bất kinh bất hối 。

tu pháp như thế, nghe việc không thể nghĩ bàn của Phật, không khiếp, không sợ, không kinh, không hối.

勝天王白佛言。世尊。

thắng Thiên Vương bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn,

云何菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。於一切處而得自在。佛告勝天王言。

vân hà Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

ư nhất thiết xử nhi đắc tự-tại 。

Phật cáo thắng Thiên Vương ngôn 。

làm thế nào Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, có thể được tự tại ở tất cả mọi nơi? Phật bảo Thắng Thiên Vương:

大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。修五神通。

Đại Vương 。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

tu ngũ Thần thông 。

Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tu năm Thần thông,

具足無礙諸解脫門。四禪四無量心方便。

cụ túc vô ngại chư giải thoát môn 。 tứ Thiền tứ vô lượng tâm phương tiện
。

[đầy đủ Vô ngại, các cửa Giải thoát, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, Phương tiện](#)

般若波羅蜜於一切處而得自在。

bát nhã ba la mật ư nhất thiết xử nhi đắc tự-tại 。

[Bát-nhã ba-la-mật, được tự tại ở tất cả mọi nơi.](#)

勝天王白佛言。世尊。

thắng Thiên Vương bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

[Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn,](#)

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜得何等門。佛告勝天王言大王。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật đắc hà đẳng môn 。

Phật cáo thắng Thiên Vương ngôn Đại Vương 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, được những cửa pháp gì? Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương,](#)

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。得闍那門。能入眾生諸根利鈍。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

đắc đồ na môn 。

năng nhập chúng sinh chư căn lợi độn 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, được cửa Trí, có thể vào các căn lanh, chậm của chúng sinh;](#)

得般若門分別句義。

đắc bát nhã môn phân biệt cú nghĩa 。

[được cửa Bát nhã, phân biệt câu, nghĩa;](#)

得陀羅尼門總知一切語言音聲。得無礙門說法不盡。大王。

đắc Đà-La-Ni môn tổng tri nhất thiết ngữ ngôn âm thanh 。 đắc vô ngại môn thuyết Pháp bất tận 。 Đại Vương 。

được cửa Đà-la-ni, biết hết tất cả ngôn ngữ, âm thanh; được cửa Vô ngại, nói pháp không dứt. Đại vương,

是名菩薩摩訶薩行般若波羅蜜得是諸門。

thị danh Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật đắc thị chư môn 。

đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, được các cửa pháp như thế.

勝天王白佛言。世尊。

thắng Thiên Vương bạch Phật ngôn 。

Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜得何等力。佛告勝天王言。大王。得寂靜力。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật đắc hà đẳng lực 。

được những lực gì? Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương, được lực Tịch tĩnh

成就大悲故。得精進力。成就阿鞞跋致故。

thành tựu Đại bi cố 。

得多聞力。成就大智故。得信樂力。

đắc đa văn lực 。

成就解脫故。得修行力。成就出離故。得忍辱力。

thành tựu giải thoát cố 。

vì thành tựu Giải thoát; được lực Tu hành vì thành tựu Xuất ly; được lực Nhẫn nhục

愛護眾生故。得菩提心力。斷除我見故。

ái hộ chúng sinh cố 。 đắc bồ đề tâm lực 。 đoạn trừ ngã kiến cố
。

vì thương yêu giúp đỡ chúng sinh; được tâm Bồ-đề vì đoạn ngã kiến;

得大悲力。教化眾生故。得無生忍力。

đắc Đại bi lực 。 giáo hóa chúng sinh cố 。 đắc vô sinh nhẫn lực
。

được lực Đại từ vì giáo hóa chúng sinh; được lực Vô sinh nhẫn

成就十力故。大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

thành tựu thập lực cố 。 Đại Vương 。 Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba
la mật 。

vì thành tựu mười Lực. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

成就如是等力。說是法門時。

thành tựu như thị đẳng lực 。 thuyết thị Pháp môn thời 。

thành tựu các lực như thế. Lúc nói pháp môn này,

眾中五百菩薩得無生法忍。八千天子得阿鞞跋致。

chúng trung ngũ bách Bồ Tát đắc vô sinh Pháp nhẫn 。 bát thiên
Thiên tử đắc a tỳ bạt trí 。

trong chúng có năm ngàn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn; tám ngàn thiên tử
được Nhất thiết trí;

一萬二千天子得遠塵離垢法眼淨。

nhất vạn nhị thiên Thiên tử đắc viễn trần ly cấu Pháp nhãn tịnh
。

một vạn hai ngàn thiên tử được Mắt pháp thanh tịnh, xa rời trần cấu;

四萬人天發阿耨多羅三藐三菩提心。

tứ vạn nhân Thiên phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

bốn vạn Trời, người phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

勝天王般若波羅蜜經

thắng Thiên Vương bát nhã ba la mật Kinh

Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã ba-la-mật

證勸品第九

chứng khuyến phẩm đệ cửu

Phẩm 9: Chứng Khuyến

爾時佛告勝天王言。

nhĩ thời Phật cáo thắng Thiên Vương ngôn 。

Bấy giờ, Phật bảo Thắng Thiên Vương:

過去之世阿僧祇阿僧祇劫。不可數不可思量。此時有佛。

quá khứ chi thế a tăng kì a tăng kì kiếp 。

thử thời hữu Phật 。

Đời quá khứ, a-tăng-kỳ a-tăng-kỳ kiếp, không thể tính, không thể suy lường, thời đó có Phật

名功德寶王如來應供正遍知明行足善逝世間解無

danh công đức bảo Vương Như Lai Ứng-Cúng Chính-biến-Tri Minh-hạnh-

Túc thiện thệ thế gian giải vô

tên Công Đức Bảo Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri Minh Hạnh Túc

Thiện Thệ Thế Gian Giải Vô

上士調御丈夫天人師佛世尊。國名寶莊嚴。

thượng sĩ điều ngự trượng phu Thiên Nhơn Sư Phật Thế Tôn 。 quốc
danh bảo trang nghiêm 。

Thượng Sỹ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn, nước tên Bảo
Trang Nghiêm,

劫名善觀。時世豐樂無諸疾惱。

kiếp danh thiện quán 。 thời thế phong lạc vô chư tật não 。

kiếp tên Thiện Quán. Lúc đó, đời sống đầy đủ, vui sướng, không có các tật bệnh,
khổ não.

人天往來不相隔礙。

nhân Thiên vãng lai bất tướng cách ngại 。

Trời, người đi lại, không ngăn cách nhau.

地平如掌無有山陵堆阜荊棘生諸細草柔軟青紺如孔雀毛。長可四寸。

địa bình như chưởng vô hữu sơn lăng đồi phụ kinh 棘 sanh chư
tế thảo nhu nhuyễn thanh cảm như Khổng-tước mao 。

trường khả
tứ thốn 。

Đất phẳng như lòng bàn tay, không có núi non, gò đồi, gai gốc, sinh các cỏ nhỏ,
mềm mỏng, xanh mượt, đỏ tím như lông Khổng tước, dài đến bốn tấc,

下足則靡舉步隨昇。種種名花。

hạ túc tắc mĩ cử bộ tùy thăng 。

chủng chủng danh hoa 。

đặt chân thì không có, cất bước thì mọc lên; đủ loại hoa nổi tiếng:

須摩那花薺蔔伽花。及餘軟草皆悉周遍。

tu ma na hoa đằm bạc dà hoa 。

cập dư nhuyễn thảo giai
tất châu biến 。

hoa tu-ma-na, hoa đằm-bạc-dà và các cỏ mềm khác, đều có cùng khắp;

不寒不熱四時調和。純青琉璃以成其地。

bất hàn bất nhiệt tứ thời điều hòa 。 thuần thanh lưu ly dĩ thành kỳ địa 。

không lạnh, không nóng, bốn mùa điều hòa; đất ở đó toàn bằng lưu ly xanh.

世界眾生心性柔和。善伏三毒不隨之行。時功德寶王佛。

thế giới chúng sinh tâm tính nhu hòa 。 thiện phục tam độc bất tùy chi hành 。

Chúng sinh trên đời, tâm tính hiền hòa, khéo trị ba độc, không hành theo đó. Lúc đó, Phật Công Đức Bảo Vương

有聲聞眾一萬三千那由他人。

hữu thanh văn chúng nhất vạn tam thiên na-do-tha nhân 。

có chúng Thanh Văn một vạn ba ngàn na-do-tha người,

菩薩摩訶薩眾六十二億人。

Bồ Tát Ma-Ha tát chúng lục thập nhị ức nhân 。

chúng Bồ-tát Ma-ha-tát sáu mươi hai ức người.

時人壽命三十六億那由他歲無復中天。有一國土名無垢莊嚴。

thời nhân thọ mạng tam thập lục ức na-do-tha tuế vô phục trung yêu 。

hữu nhất quốc thổ danh vô cấu trang nghiêm 。

Thọ mạng con người lúc đó là ba mươi sáu ức na-do-tha tuổi, lại không có chết yếu. Có một quốc độ tên Trang Nghiêm Vô Cấu,

其城南北廣一百二十八由旬。東西八十由旬。

kỳ thành Nam Bắc quảng nhất bách nhị thập bát do-tuần 。

Tây bát thập do-tuần 。

Thành rộng một trăm hai mươi tám do-tuần từ Bắc xuống Nam, tám mươi do-tuần từ Đông sang Tây,

thập thiên viên uyển dĩ vi nghiêm sức 。 thập thiên tiểu quốc châu biến vây quanh 。

mười ngàn mảnh vườn trang sức, mười ngàn nước nhỏ nằm khắp chung quanh.

轉輪聖王名曰治世。七寶具足王四天下。

Chuyển luân Thánh Vương danh viết trị thế 。 thất bảo cụ túc Vương tử Thiên hạ 。

Chuyển Luân Thánh Vương tên là Trị Thế, đầy đủ bảy báu, vua bốn Đại châu,

已曾供養無量諸佛深種善根。不退阿耨多羅三藐三菩提心。

dĩ tăng cung dưỡng vô lượng chư Phật thâm chủng thiện căn 。 bất thoái a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, sâu trồng căn lành, tâm không thoái chuyển đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

有四園苑。妙花莊嚴功德悅意。

hữu tứ viên uyển 。 diệu hoa trang nghiêm công đức duyệt ý 。

Có bốn mảnh vườn, hoa quý trang nghiêm, công đức vừa ý,

孔雀遊戲四時適樂。城壁厚十六由旬。

Khổng-tước du hí tứ thời thích lạc 。 thành bích hậu thập lục do-tuần 。

Khổng tước nô đùa, bốn mùa vui thích. Tường thành dày mười sáu do-tuần,

門堞樓觀悉用七寶。有四大池皆廣半由旬。

môn điệp lâu quán tất dụng thất bảo 。 hữu tứ Đại trì giai quảng bán do-tuần 。

cửa, thành thượng, lầu, quán đều dùng bảy báu. Có bốn ao lớn đều rộng nửa do-tuần,

七寶為岸闍浮檀金以成階道底布金沙。

thất bảo vi ngạn diêm-phù-đàn kim dĩ thành giai đạo để bố kim sa 。

bảy báu làm bờ; vàng diêm-phù-đàn dùng làm lối lên, đáy bằng cát vàng.

池中之水具八功德生寶蓮華。鳧鴈鵝鶴鴛鴦猩猩遊戲其中。

trì trung chi thủy cụ bát công đức sinh bảo liên hoa 。

鳧 nhận nga hạc uyên ương tinh tinh du hí kỳ trung 。

Nước trong ao đủ tám công đức, sinh hoa sen báu; vịt trời, nhận, ngỗng, hạc, uyên ương, tinh tinh nô đùa trong đó.

岸列諸樹白檀赤檀尸梨沙等。

ngạn liệt chư thụ bạch đàn xích đàn thi lê sa đẳng 。

Bờ có các hàng cây bạch đàn, xích đàn, thi-lê-sa, vân vân;

上有鸚鵡舍利。迦鳥翔集遊戲。

thượng hữu anh vũ xá-lợi 。

ca điểu tường tập du hí 。

trên có chim anh vũ, xá-lợi, ca điểu bay lượn, tụ tập vui đùa.

王之內宮七十千人相貌端正承事實女。

Vương chi nội cung thất thập thiên nhân tướng mạo đoan chính thừa sự bảo nữ 。

Nội cung nhà vua có bảy mươi ngàn người, tướng mạo đoan chính, phục vụ bảo nữ,

咸悉發心向阿耨多羅三藐三菩提。王有千子。大力勇健能摧怨敵。

hàm tất phát tâm hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Vương hữu thiên tử 。

Đại lực dũng kiện năng tồi oán địch 。

thầy đều phát tâm hướng đến Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vua có ngàn người con, đại lực dũng mãnh, có thể đẩy lùi oán địch,

具二十八大丈夫相莊嚴其身。

cụ nhị thập bát Đại trượng phu tướng trang nghiêm kỳ thân 。
đầy đủ hai mươi tám tướng đại trượng phu trang nghiêm thân mình,

悉已發心向阿耨多羅三藐三菩提。爾時功德寶王如來。

tất dĩ phát tâm hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 nhĩ thời công đức
bảo Vương Như Lai 。

đều đã phát tâm hướng đến Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Bấy giờ, Như Lai
Công Đức Bảo Vương

與無量天龍夜叉捷鬪婆阿修羅迦樓羅緊那

dữ vô lượng Thiên Long dạ xoa kiền thát bà A-tu-La ca lâu la khẩn na
cùng vô lượng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-

羅摩睺羅伽人非人等。

la Ma hầu la dà nhân phi nhân đẳng 。

la, Ma-hầu-la già, người, phi nhân, vân vân,

前後圍繞入無垢莊嚴大城。治世聖王。

tiền hậu vây quanh nhập vô cấu trang nghiêm Đại thành 。

trước sau vây quanh, đi vào thành lớn Trang Nghiêm Vô Cấu. Thánh Vương Trị
Thế

即與七寶千子宮人奉迎世尊。施設種種微妙供養。

tức dữ thất bảo thiên tử cung nhân phụng nghênh Thế Tôn 。

thiết chủng chủng vi diệu cung dưỡng 。

tức cùng bảy báu, ngàn con, cung nữ nghênh đón Thế Tôn, bày biện đủ loại
cúng dường vi diệu.

爾時世尊及諸大眾。受供養已還歸本處。王與七寶千子內人。

nhĩ thời Thế Tôn cập chư Đại chúng 。 thọ cung dưỡng dĩ hoàn quy
bổn xứ 。 Vương dĩ thất bảo thiên tử nội nhân 。

Bấy giờ Thế Tôn và các đại chúng, nhận cúng dường xong, quay về chỗ cũ. Vua
cùng bảy báu, ngàn con và người trong cung

出城奉送亦即還宮。時治世王忽自歎曰。

xuất thành phụng tống diệc tức hoàn cung 。 thời trị thế Vương
hốt tự thân viết 。

ra khỏi thành đưa tiễn, rồi trở về cung. Lúc đó, Thánh Vương Trị Thế bỗng tự
than:

人身無常富貴如夢。

nhân thân vô thường phú quý như mộng 。

Thân người vô thường, phú quý như mộng;

諸根不缺正信甚難值佛聞法如優曇華。

chư căn bất khuyết chính tín thậm nan trị Phật văn Pháp như
ưu đàm hoa 。

đủ căn, chính tín thật khó; gặp Phật nghe pháp như hoa Ưu-đàm.

時彼千子知其父王戀仰世尊樂聞正法。

thời bỉ thiên tử tri kỳ phụ Vương luyến ngưỡng Thế Tôn lạc văn
chính Pháp 。

Lúc đó, ngàn người con kia biết vua cha mình mến phục Thế Tôn, thích nghe
Chính pháp,

即為營造牛頭栴檀七寶莊嚴妙臺。其香一兩直闍浮提。

tức vi doanh tạo ngưu đầu chiên đàn thất bảo trang nghiêm diệu đài
。 kỳ hương nhất lượng trực Diêm-phù-đề 。

liền xây đài quý trang nghiêm bảy báu, chiêm-đàn ngưu đầu, một lượng hương thơm thẳng đến Diêm-phù-đề.

此臺東西廣十由旬。南北十三由旬。四角大柱眾寶莊嚴。

thử đài Đông Tây quảng thập do-tuần 。 Nam Bắc thập tam do-tuần 。 tứ giác Đại trụ chúng bảo trang nghiêm 。

Đài rộng mười do-tuần từ Đông sang Tây, mười ba do-tuần từ Bắc xuống Nam, trụ lớn bốn góc các báu trang nghiêm.

一千寶輪。諸子將送奉獻聖王。

nhất thiên bảo luân 。 chư tử tướng tống phụng hiến Thánh Vương 。

Những người con đang lên Thánh vương một ngàn bánh xe báu.

時王受已而讚歎曰。善哉諸子。我欲詣佛聽受正法。

thời Vương thọ dĩ nhi tán tán viết 。 Thiện tai chư tử 。 ngã dục nghệ Phật thính thọ chính Pháp 。

Lúc đó, Thánh vương nhận xong liền khen rằng: Lành thay, các con. Ta muốn đến chỗ Phật, nghe nhận Chính pháp.

爾時千子於此臺中造師子座。

nhĩ thời thiên tử ư thử đài trung tạo Sư-tử tọa 。

Bấy giờ, ngàn người con làm tòa Sư tử trong đài này,

安處聖王及諸宮人。其臺四邊懸繪幡蓋。覆七寶網角垂金鈴。

an xứ Thánh Vương cập chư cung nhân 。 kỳ đài tứ biên huyền tăng phiên cái 。 phúc thất bảo võng giác thùy kim linh 。

sắp đặt chỗ cho Thánh vương và các cung nữ. Bốn phía đài treo phướn, lọng gấm, che lưới bảy báu, góc treo chuông vàng.

種種諸華。薺蔔伽華。須摩那華。

chủng chủng chư hoa 。 đằm bặc dà hoa 。 tu ma na hoa 。
Đủ các loại hoa: hoa chiêm-bạc-già, hoa tu-ma-na,

優鉢羅華。拘勿頭華。分陀利華。迦摩羅華。

Ưu bát la hoa 。 câu vật đầu hoa 。 phân đà lợi hoa 。 ca ma la hoa
。
hoa ưu-bát-la, hoa câu-vật-đầu, hoa phân-đà-lợi, hoa ca-ma-la,

而散臺上。燒無價香。泥香塗之。末香以散。

nhi tán đài thượng 。 thiêu vô giá hương 。 nê hương đồ chi 。
mạt hương dĩ tán 。

rải trên đài. Đốt hương vô giá, hương bùn để tráng, hương bột để rắc.

爾時千子共捧此臺人各一輪。

nhĩ thời thiên tử cộng phủng thử đài nhân các nhất luân 。
Bấy giờ, ngàn người con gánh đài này, mỗi người một bánh xe,

飛騰虛空猶如鵝王。往詣佛所安詳不搖。

phi đằng hư không do như nga Vương 。 vãng nghệ Phật sở an
tường bất diêu 。

bay giữa hư không, giống như con Thiên nga vương, đến chỗ của Phật, yên lành
không nghiêng,

至地徐下即到佛前。頭頂禮足。右邊世尊及諸大眾。

chí địa từ hạ tức đáo Phật tiền 。 đầu đỉnh lễ túc 。 hữu nhiều
Thế Tôn cập chư Đại chúng 。

từ từ xuống đất, tức đến trước Phật, đầu đánh lễ chân Phật, vòng quanh bên
phải Thế Tôn và các đại chúng

凡七匝已退立一面。爾時聖王及諸宮人。從寶臺下。

phàm thất tạp dĩ thối lập nhất diện 。 nhĩ thời Thánh Vương cập
chư cung nhân 。 tòng bảo đài hạ 。

xong bảy vòng, lui đứng một bên. Lúc đó, Thánh vương cùng các cung nữ, bước
xuống đài báu.

王脫寶冠各脫革屣。至世尊前頂禮佛足。

Vương thoát bảo quan các thoát cách tử 。 chí Thế Tôn tiền đỉnh
lễ Phật túc 。

Vương cất mũ báu, mọi người cởi giày, đến trước Thế Tôn, đánh lễ chân Phật,

右繞世尊及諸大眾。凡七匝已退坐一面。

hữu nhiễu Thế Tôn cập chư Đại chúng 。 phàm thất tạp dĩ thối
tọa nhất diện 。

vòng quanh bên phải Thế Tôn và các đại chúng bảy vòng, rồi lui ngồi một bên.

爾時寶莊嚴王佛。即告之言。聖王。

nhĩ thời bảo trang nghiêm Vương Phật 。 tức cáo chi ngôn 。 Thánh
Vương 。

Bấy giờ, Phật Bảo Trang Nghiêm Vương bảo: Thánh vương,

今來聽正法乎。爾時治世聖王。

kim lai thính chính Pháp hồ 。 nhĩ thời trì thế Thánh Vương 。

nay đến nghe Chính pháp sao? Bấy giờ, Thánh Vương Trị Thế

即從座起齊整衣服頭頂禮足而白佛言。世尊。所說正法何者是乎。

tức tùng tọa khởi tề chỉnh y phục đầu đỉnh lễ túc nhi bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。 sở thuyết chính Pháp hà giả thị hồ 。

liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, đầu đánh lễ chân mà bạch Phật:

Thế Tôn, Chính pháp được nói đó là gì?

爾時世尊讚治世王言。善哉善哉。

nhĩ thời Thế Tôn tán trì thế Vương ngôn 。 Thiện tai Thiện tai 。
Bấy giờ, Thế Tôn khen Thánh Vương Trị Thế: Lành thay, lành thay.

能為利益無量天人作是深問。如來應供正遍知。

năng vì lợi ích vô lượng Thiên Nhơn tác thị thâm vấn 。 Như Lai Ứng-
Cúng Chính-biến-Tri 。

Có thể vì lợi ích vô lượng Trời, người, mà hỏi sâu xa như thế. Như Lai Ứng Cúng
Chính Biến Tri

當為大王分別解說。治世聖王即白佛言。世尊。

đương vì Đại Vương phân biệt giải thuyết 。 trì thế Thánh Vương tức
bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

sẽ vì Đại vương phân biệt nói rõ. Thánh Vương Trị Thế bạch Phật: Thế Tôn,

唯然願聞。爾時佛告治世聖王言。大王。

duy nhiên nguyện văn 。 nhĩ thời Phật cáo trì thế Thánh Vương ngôn
。 Đại Vương 。

xin nguyện được nghe. Bấy giờ, Phật bảo Thánh Vương Trị Thế: Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

通達一切法名為正法。所謂四念處四正勤四如意足。

thông đạt nhất thiết Pháp danh vi chính Pháp 。

sở vị tứ niệm xử tứ
chính cần tứ như ý túc 。

thông đạt tất cả các pháp; gọi là Chính pháp. Đó là: bốn Niệm xử, bốn Chính
cần, bốn Như ý túc,

五根五力七覺分八聖道分。空無相無願。

ngũ căn ngũ lực thất giác phần bát Thánh đạo phần 。 không vô tướng vô nguyện 。

[năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo phần, Không, Vô tướng, Vô nguyện,](#)

通達平等名為正法。治世聖王白佛言。世尊。菩薩摩訶薩。

thông đạt bình đẳng danh vi chính Pháp 。 trì thể Thánh Vương bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。 Bồ Tát Ma-Ha tát 。

[thông đạt Bình đẳng; gọi là Chính pháp. Thánh Vương Trì Thể bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát](#)

云何行般若波羅蜜。

vân hà hành bát nhã ba la mật 。

[hành Bát-nhã ba-la-mật như thế nào](#)

於大乘中恒得勝進而不退墮。佛告治世聖王言。大王。

ư Đại thừa trung hằng đắc thắng tiến nhi bất thối đọa 。 Phật cáo trì thể Thánh Vương ngôn 。 Đại Vương 。

[để thường được tiến nhanh mà không lùi rút ở trong Đại thừa? Phật bảo Thánh Vương Trì Thế: Đại vương,](#)

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。因正信故而得勝進。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 nhân chính tín cố nhi đắc thắng tiến 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, nhờ Chính tín nên được tiến nhanh.](#)

何者正信。知一切法不生不滅自性寂靜。

hà giả chính tín 。 tri nhất thiết Pháp bất sinh bất diệt tự tính tịch tĩnh 。

[Chính tín là gì? Biết tất cả các pháp không sinh, không diệt, tự tính vắng lặng,](#)

常能親近正行之人。不應作法終不造作。

thường năng thân cận chính hành chi nhân 。 bất ứng tác Pháp chung bất tạo tác 。

thường có thể gần gũi người có Chính hạnh, không nên tác pháp, chẳng hề tạo tác,

心離散亂聽受正法。不見說者不見我聽。

tâm ly tán loạn thính thọ chính Pháp 。 bất kiến thuyết giả bất kiến ngã thính 。

tâm lia tán loạn, nghe nhận Chính pháp, không thấy người thuyết, không thấy mình nghe.

勤修精進令得神通。身心輕舉教化眾生。

tinh siêng tu tinh tấn lệnh đắc Thần thông 。 thân tâm khinh cử giáo hóa chúng sinh 。

siêng tu tinh tấn, để được thần thông, thân tâm nhẹ nhàng, giáo hóa chúng sinh,

不見我有神通能化眾生受化。何以故。大王。

bất kiến ngã hữu Thần thông năng hóa chúng sinh thọ hóa 。 hà dĩ cố 。

không thấy mình có thần thông giáo hóa, chúng sinh được giáo hóa. Vì sao? Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。不見我不見眾生二處平等。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 bất kiến ngã bất kiến chúng sinh nhị xứ bình đẳng 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, không thấy ngã, không thấy chúng sinh, hai xứ đều bình đẳng;

則得勝進而不退墮。大王。

tắc đắc thắng tiến nhi bất thối đọa 。

tức được tiến nhanh mà không lùi rút. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。攝護諸根不令取著。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 nhiếp hộ chư căn bất
lệnh thủ trú 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, giữ gìn các căn, không cho nắm bắt,
dính mắc.

一切資生起無常想。知法寂靜命如假借。大王。

nhất thiết tư sinh khởi vô thường tưởng 。 tri Pháp tịch tĩnh mạng
như giả tá 。 Đại Vương 。

Đối với tất cả các thứ nuôi thân đều khởi tưởng vô thường, biết pháp vắng lặng,
mạng như vay mượn. Đại vương,

菩薩摩訶薩如是行般若波羅蜜。

Bồ Tát Ma-Ha tát như thị hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật như thế,

於大乘中心不放逸。大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

ư Đại thừa trung tâm bất phóng dật 。

ở trong Đại thừa, tâm không buông thả. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-
nhã ba-la-mật,

於其夢中尚不忘失菩提之心。

ư kỳ mộng trung thượng bất vong thất bồ đề chi tâm 。

ở trong mộng cũng không quên mất tâm Bồ-đề,

教化眾生令修佛道。一切善根迴向阿耨多羅三藐三菩提。

giáo hóa chúng sinh lệnh tu Phật đạo 。 nhất thiết thiện căn hồi hướng a
nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

giáo hóa chúng sinh khiến tu Phật đạo, tất cả thiện căn hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

見佛神力歡喜讚歎。大王。菩薩摩訶薩。

kiến Phật Thần lực hoan hỉ tán thán 。 Đại Vương 。 Bồ Tát Ma-Ha tát 。
thấy thần lực Phật, vui mừng, ca ngợi. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát

如是行般若波羅蜜。

như thị hành bát nhã ba la mật 。
hành Bát-nhã ba-la-mật như thế,

則能速成阿耨多羅三藐三菩提。是故大王。當勤精進莫生放逸。

tắc năng tốc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 thị cố Đại Vương 。
đương tinh cần tinh tấn mạc sinh phóng dật 。
tức có thể sớm thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì thế, Đại vương, nên
siêng tinh tấn, chớ sinh buông lung.

菩薩摩訶薩。欲求法者勿著五欲。大王。

Bồ Tát Ma-Ha tát 。 dục cầu Pháp giả vật trú ngũ dục 。 Đại Vương
。
Bồ-tát Ma-ha-tát, muốn cầu pháp chớ đắm năm dục. Đại vương,

一切凡夫於欲無厭。得聖智者則能捨棄。

nhất thiết phàm phu ư dục vô yếm 。 đắc Thánh trí giả tắc năng
xả khí 。
tất cả phàm phu không chán đối với dục; người được Thánh trí tức có thể vứt bỏ.

人身無常壽命短促。是故大王。應離世間求出世道。

nhân thân vô thường thọ mạng đoản xúc 。 thị cố Đại Vương 。 ứng ly thế
gian cầu xuất thế đạo 。

Thân người vô thường, mạng sống ngắn ngủi. Vì vậy, Đại vương, nên lìa thế gian, cầu đạo xuất thế.

大王。今者供養如來所得善根。

Đại Vương 。 kim giả cung dưỡng Như Lai sở đắc thiện căn 。

Đại vương, nay cúng dường Như Lai có được thiện căn,

應作如是四種迴向。自在無盡。法無盡。智無盡。辯才無盡。

ứng tác như thị tứ chủng hồi hướng 。 tự-tại vô tận 。 Pháp vô tận 。 trí vô tận 。 biện tài vô tận 。

nên khởi bốn loại hồi hướng thế này: Tự tại vô tận, Pháp vô tận, Trí vô tận, Biện tài vô tận.

此四迴向與般若波羅蜜同皆悉無盡。大王。

thử tứ hồi hướng dĩ bát nhã ba la mật đồng giai tất vô tận 。

Bốn hồi hướng này đồng nhất với Bát-nhã ba-la-mật, thầy đều vô tận. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。應淨身口意戒。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, nên thanh tịnh giới thân, miệng, ý.

何以故。為聞思修故。以方便力教化眾生。

hà dĩ cố 。

Vì sao? Vì Văn, Tư, Tu. Dùng lực Phương tiện giáo hóa chúng sinh,

以般若力降伏諸魔。願力成就行不違言。

dĩ át nhã lực hàng phục chư ma 。

dùng lực Bát nhã hàng phục các ma, thành tựu nguyện lực, hành không trái lời.

爾時治世轉輪聖王。

nhĩ thời trì thể Chuyển luân Thánh Vương 。

[Bấy giờ, Chuyển Luân Thánh Vương Trì Thể](#)

聞佛所說甚深般若波羅蜜。心生歡喜得未曾有。

văn Phật sở thuyết thậm thâm bát nhã ba la mật 。

tâm sinh hoan hỉ đắc vị tăng hữu 。

[nghe Phật dạy Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, tâm sinh vui mừng, được việc chưa từng có,](#)

即取寶冠自解瓔珞供養如來。捨四天下皆以奉佛作如是願。

tức thủ bảo quan tự giải anh lạc cung dưỡng Như Lai 。

xả tứ Thiên hạ giai dĩ phụng Phật tác như thị nguyện 。

[tức cầm mũ báu, tự cởi chuỗi ngọc, cúng dường Như Lai, bỏ bốn Đại châu, đều để phụng Phật, phát nguyện thể này:](#)

常修梵行學此甚深般若波羅蜜。

thường tu phạm hành học thủ thậm thâm bát nhã ba la mật 。

[Thường tu Phạm hạnh, học Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này,](#)

以決定心趣向阿耨多羅三藐三菩提。

dĩ quyết định tâm thú hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

[dùng tâm quyết định, hướng đến Vô thượng Chính đẳng Chính giác.](#)

王宮女人聞佛說法。皆生歡喜發菩提心。

Vương cung nữ nhân văn Phật thuyết Pháp 。

giai sinh hoan hỉ phát bồ đề tâm 。

Người nữ trong cung vua nghe Phật thuyết pháp đều sinh vui mừng, phát tâm Bồ-đề;

脫上分衣及寶纓絡供養如來。治世聖王。

thoát thượng phân y cập bảo anh lạc cung dưỡng Như Lai 。 trì thế Thánh Vương 。

[cởi phần y ngoài và chuỗi ngọc báu, cúng dường Như Lai. Thánh Vương Trì Thế](#)

即捨寶臺以奉上佛而求出家。爾時功德莊嚴王佛。

tức xả bảo đài dĩ phụng thượng Phật nhi cầu xuất gia 。 nhĩ thời công đức trang nghiêm Vương Phật 。

[tức bỏ đài báu, để dâng lên Phật mà cầu xuất gia. Bảy giờ, Phật Công Đức Trang Nghiêm Vương](#)

讚治世轉輪聖王言。善哉善哉。大王。今日所行不違昔願。

tán trì thế Chuyển luân Thánh Vương ngôn 。 Thiện tai Thiện tai 。 Đại Vương 。 kim nhật sở hạnh bất vi tích nguyện 。

[khen ngợi Chuyển Luân Thánh Vương Trì Thế: Lành thay, lành thay. Đại vương, việc làm hôm nay không trái nguyện xưa.](#)

大王。善修布施持戒忍辱精進禪定智慧。

Đại Vương 。 thiện tu bố thí trì giới nhẫn nhục tinh tấn Thiền định trí tuệ 。

[Đại vương, khéo tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ.](#)

過去諸佛已修此法得成佛道。

quá khứ chư Phật dĩ tu thử Pháp đắc thành Phật đạo 。

[Chư Phật quá khứ đã tu Pháp này, được thành Phật đạo;](#)

未來諸佛亦修此法當得成佛。爾時治世聖王白佛言。世尊。

vị lai chư Phật diệt tu thử Pháp đương đắc thành Phật 。 nhĩ thời trì thể Thánh Vương bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

chư Phật vị lai cũng tu Pháp này, sẽ được thành Phật. Bấy giờ Thánh Vương Trì Thế bạch Phật: Thế Tôn,

菩薩摩訶薩修行布施。

Bồ Tát Ma-Ha tát tu hành bố thí 。

Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành bố thí

為與般若波羅蜜異不。佛告治世聖王言。大王。夫布施者。

vi dĩ bát nhã ba la mật dĩ bất 。

Phật cáo trì thể Thánh Vương ngôn 。

Đại Vương 。

phu bố thí giả 。

có khác với Bát-nhã ba-la-mật không? Phật bảo Thánh Vương Trì Thế: Đại vương, người bố thí,

若無般若波羅蜜。但名為檀非波羅蜜。

nhược vô bát nhã ba la mật 。

đãn danh vi đàn phi ba la mật 。

nếu không có Bát-nhã ba-la-mật, chỉ gọi là Bố thí, không phải là Ba-la-mật.

以般若波羅蜜故。乃得名為檀波羅蜜。

dĩ át nhã ba la mật cố 。

nãi đắc danh vi đàn ba la mật 。

Nhờ Bát-nhã ba-la-mật, mới được gọi là Bố thí ba-la-mật.

持戒忍辱精進禪定智慧亦復如是。何以故。

trì giới nhẫn nhục tinh tấn Thiền định trí tuệ diệt phục như thị 。

hà dĩ cố 。

Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng thế. Vì sao?

般若波羅蜜性平等故。功德莊嚴故。佛說是法時。

bát nhã ba la mật tính bình đẳng cố 。

công đức trang nghiêm cố 。

Phật thuyết thị Pháp thời 。

Vì tính của Bát-nhã ba-la-mật bình đẳng, vì công đức trang nghiêm. Lúc Phật nói Pháp này,

治世聖王得無生法忍。佛告勝天王言。

trì thế Thánh Vương đắc vô sinh Pháp nhẫn 。 Phật cáo thắng Thiên Vương ngôn 。

Thánh Vương Trị Thế được Vô sinh pháp nhẫn. Phật bảo Thắng Thiên Vương:

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜應如彼王。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật ứng như bĩ Vương 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, nên như vua kia.

爾時治世轉輪聖王即然燈佛是。其王千子賢劫千佛是。

nhi thời trì thế Chuyển luân Thánh Vương tức Nhiên đặng Phật thị 。

kỳ Vương thiên tử hiền kiếp thiên Phật thị 。

Bấy giờ, Chuyển Luân Thánh Vương Trị Thế chính là Phật Nhiên Đặng; ngàn người con của vua chính là ngàn Phật trong Hiền kiếp.

爾時勝天王白佛言。世尊。

nhi thời thắng Thiên Vương bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

Bấy giờ, Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn,

云何菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

vân hà Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, làm thế nào

修學速成阿耨多羅三藐三菩提道。佛告勝天王言。大王。

tu học tốc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề đạo 。

Phật cáo thắng Thiên Vương ngôn 。

Đại Vương 。

tu học sớm thành đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác? Phật bảo Thắng Thiên Vương: Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜修習大慈。於諸眾生不起惱心。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật tu tập Đại từ 。 ư chư chúng sinh bất khởi não tâm 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tu tập đại bi. Đối với tất cả chúng sinh, không khởi tâm phiền não,

具足勤行諸波羅蜜。

cụ túc tinh cần hành chư ba la mật 。

siêng hành đầy đủ các Ba-la-mật,

及以四攝四無量心助菩提法。修學神通了達優波憍舍羅。

cập dĩ tứ nhiếp tứ vô lượng tâm trợ bồ đề Pháp 。

tu học Thần thông liễu đạt ưu ba kiêu xá la 。

cho đến bốn Nhiếp pháp, bốn Tâm vô lượng, pháp trợ Bồ-đề, tu học Thần thông, liễu đạt Phương tiện thiện xảo;

一切善法無不修滿。

nhất thiết thiện Pháp vô bất tu mãn 。

tất cả thiện pháp, không pháp nào không tu đầy đủ.

如是行者則能速成阿耨多羅三藐三菩提。大王。菩提道者。所謂信心。

như thị hành giả tắc năng tốc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Đại Vương 。

bồ đề đạo giả 。

sở vị tín tâm 。

Người hành như thế tức có thể sớm thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Đại vương, đạo Bồ-đề, tức là tâm tín,

清淨心。離諂曲心。行平等心。施無畏心。

thanh tịnh tâm 。

ly siểm khúc tâm 。

hành bình đẳng tâm 。

thí vô úy tâm 。

tâm thanh tịnh, tâm lià nịnh hót quanh co, tâm hành bình đẳng, tâm thí vô úy,

令諸眾生咸悉親附。勤行布施果報不盡。

lệnh chư chúng sinh hàm tất thân phụ 。 tinh cần hành bố thí quả báo bất tận 。

làm cho các chúng sinh thầy đều gần gũi, nương nhờ. Siêng hành bố thí, quả báo không cùng tận;

堅持淨戒而無障礙。修行忍辱離諸瞋惱。

kiên trì tịnh giới nhi Vô chướng ngại 。 tu hành nhẫn nhục ly chư sân nã 。

giữ kỷ giới trong sạch không có ngăn ngại; tu hành nhẫn nhục, lìa các sân nã;

勤加精進修行則易。以有禪定不起散亂。

tinh cần gia tinh tấn tu hành tức dịch 。 dĩ hữu Thiền định bất khởi tán loạn 。

siêng tinh tấn thêm, tu hành tức dễ; vì có thiền định, không khởi tán loạn;

具足般若能善通達。有大悲故終無退轉。

cụ túc bát nhã năng thiện thông đạt 。 hữu Đại bi cố chung vô thoái chuyển 。

đầy đủ Bát-nhã nên khéo thông đạt; vì có đại bi, không bao giờ thoái chuyển;

有大喜故能悅彼心。修行大捨不起分別。

hữu Đại hỷ cố năng duyệt bỉ tâm 。 tu hành Đại xả bất khởi phân biệt 。

vì có đại hỷ, có thể làm lòng người vui; tu hành đại xả, không khởi phân biệt;

無三毒故離諸棘刺。不著色聲香味觸故滅諸戲論。

Vô tam độc cố ly chư cực thứ 。 bất trú sắc thanh hương vị xúc cố diệt chư hí luận 。

không có ba độc nên lia các gai góc; không dính hình, tiếng, mùi, vị, xúc nên diệt các hý luận;

無煩惱故遠離怨敵。捨二乘念其心廣大。

vô phiền não cố viễn li oán địch 。 xả nhị thừa niệm kỳ tâm quảng Đại
。

không có phiền não, nên xa rời oán địch; xả niệm Nhị thừa nên tâm rộng lớn;

具一切智能出眾寶。大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

cụ nhất thiết trí năng xuất chúng bảo 。 Đại Vương 。 Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

đầy đủ Nhất thiết trí, có thể sinh các vật báu. Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

如是學者速成阿耨多羅三藐三菩提。

như thị học giả tốc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

học như thế sớm thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

爾時勝天王白佛言。世尊。

nhĩ thời thắng Thiên Vương bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

Bấy giờ, Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。現何色貌教化眾生。佛告勝天王言。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

hiện hà sắc mạo giáo hóa chúng sinh 。

Phật cáo thắng Thiên Vương ngôn 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, hiện sắc mạo như thế nào để giáo hóa chúng sinh? Phật bảo Thắng Thiên Vương:

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

示現色形無有定相。何以故。隨諸眾生心之所樂。

thị hiện sắc hình vô hữu định tướng 。 hà dĩ cố 。 tùy chư chúng sinh tâm chi sở lạc 。

thị hiện sắc hình không có tướng nhất định. Vì sao? Tùy mong muốn của tâm chúng sinh

即見菩薩色貌。如是或現金色。或現銀色。

tức kiến Bồ Tát sắc mạo 。 như thị hoặc hiện kim sắc 。 hoặc hiện ngân sắc 。

mà thấy sắc mạo Bồ-tát. Như vậy, hoặc hiện sắc vàng, hoặc hiện sắc bạc,

或頗梨色或琉璃色。或馬瑙色。或車磔色。

hoặc pha-lê sắc hoặc lưu ly sắc 。 hoặc mã-nã sắc 。 hoặc xa-cừ sắc 。

hoặc sắc pha-lê, hoặc sắc lưu ly, hoặc sắc mã nã, hoặc sắc xa cừ,

或真珠色。青色黃色赤色白色。或日月色。火色。

hoặc chân châu sắc 。 thanh sắc hoàng sắc xích sắc bạch sắc 。 hoặc nhật nguyệt sắc 。 hỏa sắc 。

hoặc sắc chân châu, sắc xanh, sắc vàng, sắc đỏ, sắc trắng, hoặc sắc của mặt trời, mặt trăng, sắc lửa,

焰色。帝釋色。梵王色。霜色。雌黃色。朱色。

diệm sắc 。 đế thích sắc 。 Phạm Vương sắc 。 sương sắc 。 thư hoàng sắc 。 chu sắc 。

sắc ánh lửa, sắc Đế Thích, sắc Phạm vương, sắc sương, sắc thư hoàng, sắc chu,

蒼菴伽色。須摩那色。婆利師迦色。波頭摩色。

đảm bặc dà sắc 。 tu ma na sắc 。 bà lợi sư ca sắc 。 ba đầu ma sắc 。

[sắc đảm-bặc-dà, sắc tu-ma-na, sắc bà-lợi-sư-ca, sắc ba-đầu-ma,](#)

拘勿頭色。分陀利色。功德天色。鵝色。

câu vật đầu sắc 。 phân đà lợi sắc 。 công đức Thiên sắc 。 nga sắc 。

[sắc câu-vật-đầu, sắc phần-đà-lợi, sắc trời Công Đức, sắc Thiên nga,](#)

孔雀色。珊瑚色。如意珠色。虛空色。

Khổng-tước sắc 。 san hô sắc 。 như ý châu sắc 。 hư không sắc 。

[sắc Khổng tước, sắc san hô, sắc ngọc Như ý, sắc Hư không.](#)

天見是天人見是人。大王。十方恒河沙世界中。

Thiên kiến thị Thiên Nhơn kiến thị nhân 。

Đại Vương 。

thập phương hằng hà sa thế giới trung 。

[Trời thấy chính là Trời, người thấy chính là người. Đại vương, trong hằng hà sa thế giới mười phương,](#)

一切眾生色形相貌。菩薩摩訶薩悉現如是。何以故。

nhất thiết chúng sinh sắc hình tướng mạo 。

Bồ Tát Ma-Ha tát tất hiện như thị 。

hà dĩ cố 。

[tất cả hình sắc, tướng mạo của chúng sinh, Bồ-tát Ma-ha-tát đều hiện như thế. Vì sao?](#)

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,](#)

不捨一眾生故遍能攝取。何以故。一切眾生心各不同。

bất xả nhất chúng sinh cố biến năng nhiếp thủ 。 hà dĩ cố 。 nhất thiết chúng sinh tâm các bất đồng 。

không bỏ chúng sinh nên có thể nắm giữ tất cả. Vì sao? Tâm của tất cả chúng sinh không giống nhau.

是故菩薩種種示現。何以故。菩薩摩訶薩。

thị cố Bồ Tát chúng chúng thị hiện 。 hà dĩ cố 。 Bồ Tát Ma-Ha tát 。

Vì thế Bồ-tát thị hiện vô số. Vì sao? Bồ-tát Ma-ha-tát,

過去世中有大願力。

quá khứ thể trung hữu Đại nguyện lực 。

trong đời quá khứ, có nguyện lực lớn,

隨諸眾生心所樂見而受化者。即為示現所欲見身。大王。

tùy chư chúng sinh tâm sở lạc kiến nhi thọ hóa giả 。 tức vi thị hiện sở dục kiến thân 。

tùy tâm muốn thấy của chúng sinh mà hóa độ; tức để thị hiện thân họ muốn thấy.

Đại vương,

如淨明鏡本無影像。隨諸外色若好若醜。種種悉現。

như tịnh minh kính bản vô ảnh tượng 。

nếu tấm gương sáng, vốn không ảnh tượng, tùy sắc bên ngoài, dù đẹp dù xấu, thảy đều hiện đủ;

亦不分別我體明淨能現眾色。

diệc bất phân biệt ngã thể minh tịnh năng hiện chúng sắc 。

cũng không phân biệt thể của mình trong sáng, có thể hiện các sắc.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜亦復如是。無功用心隨眾生樂。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。 vô công dụng tâm tùy chúng sinh lạc 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, tâm không công dụng, tùy ý chúng sinh,

種種示現悉令悅彼。而不分別我能現身。

chúng chúng thị hiện tất lệnh duyệt bỉ 。 nhi bất phân biệt ngã năng hiện thân 。

thị hiện tất cả, khiến họ đều vui, mà cũng không phân biệt mình có thể thị hiện thân.

大王。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Đại Vương 。 Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Đại vương, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

於一座中隨諸聽眾。或見菩薩說法。或見佛說法。

ư nhất tọa trung tùy chư thính chúng 。

cùng trong một tòa, tùy theo người nghe, hoặc thấy Bồ-tát thuyết pháp, hoặc thấy Phật thuyết pháp,

或見辟支佛說法。或見聲聞說法。或見帝釋。

hoặc kiến Bích chi Phật thuyết Pháp 。

hoặc kiến Đế Thích 。

或見梵王。或見摩醯首羅。或見圍紐天。

hoặc kiến Phạm Vương 。

hoặc thấy Phạm vương, hoặc thấy Ma-hê-thủ-la, hoặc thấy trời Vi-nữu,

或見四天王。或見轉輪聖王。或見沙門。

hoặc kiến tứ Thiên Vương 。 hoặc kiến Chuyển luân Thánh Vương 。
hoặc kiến Sa Môn 。

hoặc thấy bốn Thiên vương, hoặc thấy Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc thấy Sa-môn,

或見婆羅門。或見剎利。或見毘舍首陀。或見居士。

hoặc kiến Bà-la-môn 。 hoặc kiến sát lợi 。 hoặc kiến Tỳ-xá thủ đà
。 hoặc kiến Cư-sĩ 。

hoặc thấy Bà-la-môn, hoặc thấy Sát-lợi, hoặc thấy Tỳ-xá-thủ-đà, hoặc thấy Cư sĩ,

或見長者。或見坐寶臺中。或見坐蓮華上。

hoặc kiến Trưởng-Giả 。 hoặc kiến tọa bảo đài trung 。 hoặc kiến
tọa liên hoa thượng 。

hoặc thấy Trưởng giả, hoặc thấy ngồi trong đài báu, hoặc thấy ngồi trên hoa sen,

或見行在地上。或見飛騰虛空。或見說法。

hoặc kiến hành tại địa thượng 。 hoặc kiến phi đằng hư không
。 hoặc kiến thuyết Pháp 。

hoặc thấy đi trên đất, hoặc thấy bay trên không, hoặc thấy thuyết pháp,

或入三昧。大王。

hoặc nhập tam muội 。 Đại Vương 。

hoặc nhập tam-muội. Đại vương,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜為度眾生。無一形相及一威儀不示現者。大王。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật vi độ chúng sinh 。 vô nhất
hình tướng cập nhất uy nghi bất thị hiện giả 。 Đại Vương 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, vì độ chúng sinh, không một hình
tướng và một oai nghi nào mà không thị hiện. Đại vương,

般若波羅蜜。無形無相。猶如虛空遍一切處。

bát nhã ba la mật 。 vô hình vô tướng 。 do như hư không biến nhất thiết xứ 。

Bát-nhã ba-la-mật không hình, không tướng, giống như hư không, cùng khắp mọi nơi.

譬如虛空無諸戲論。

thí như hư không vô chư hí luận 。

Ví như hư không không có các hí luận;

般若波羅蜜亦復如是過諸語言。又如虛空世所受用。

bát nhã ba la mật diệc phục như thị quá chư ngữ ngôn 。 hựu như hư không thể sở thọ dụng 。

Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, vượt qua các ngôn ngữ. Lại như hư không được thể gian thọ dụng;

般若波羅蜜亦復如是。一切凡聖之所受用。

bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。 nhất thiết phàm Thánh chi sở thọ dụng 。

Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, được tất cả phàm thánh thọ dụng.

又如虛空無有分別。般若波羅蜜亦復如是無分別心。

hựu như hư không vô hữu phân biệt 。 bát nhã ba la mật diệc phục như thị vô phân biệt tâm 。

Lại như hư không, không có phân biệt; Bát-nhã ba-la-mật cũng thế, không tâm phân biệt.

譬如虛空容受眾色。

thí như hư không dung thọ chúng sắc 。

Ví như hư không chứa đựng các sắc;

般若波羅蜜亦能容受一切佛法。譬如虛空能現眾色。

bát nhã ba la mật diệc năng dung thọ nhất thiết Phật Pháp 。 thí như hư không năng hiện chúng sắc 。

Bát-nhã ba-la-mật cũng thế, chứa đựng tất cả Phật pháp. Ví như hư không có thể hiện các sắc;

般若波羅蜜亦復能現一切佛法。

bát nhã ba la mật diệc phục năng hiện nhất thiết Phật Pháp 。

Bát-nhã ba-la-mật cũng có thể hiện tất cả Phật pháp.

譬如空中一切草木眾藥華果依之增長。般若波羅蜜亦復如是。

thí như không trung nhất thiết thảo mộc chúng dược hoa quả y chi tăng trường 。

Ví như không, cỏ cây, dược thảo, hoa trái, đều nương vào đó để tăng trưởng; Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế,

一切善根依之增長。

nhất thiết thiện căn y chi tăng trường 。

tất cả căn lành nương vào đó để tăng trưởng.

譬如虛空非常無常非言語法。般若波羅蜜亦復如是。

thí như hư không phi thường vô thường phi ngôn ngữ Pháp 。

Ví như hư không là pháp chẳng phải thường, vô thường, chẳng phải ngôn ngữ; Bát-nhã ba-la-mật cũng thế,

非常無常悉離言語。大王。世間沙門婆羅門。若釋若梵。

phi thường vô thường tất ly ngôn ngữ 。

chẳng phải thường, vô thường, đều lìa ngôn ngữ. Đại vương, thế gian, sa-môn, bà-la-môn,

無能思量般若波羅蜜者。大王。

vô năng tư lượng bát nhã ba la mật giả 。 Đại Vương 。

không thể suy lường Bát-nhã ba-la-mật. Đại vương,

般若波羅蜜無有一法可為譬喻。若善男子善女人。

bát nhã ba la mật vô hữu nhất Pháp khả vi thí dụ 。 nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Bát-nhã ba-la-mật, không một pháp nào có thể làm ví dụ. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân,

信受般若波羅蜜者。所獲功德不可思量。

tín thọ bát nhã ba la mật giả 。 sở hoạch công đức bất khả tư lượng 。

tin nhận Bát-nhã ba-la-mật, công đức có được, không thể suy lường.

若此功德有色形者空界不容。何以故。

nhược thử công đức hữu sắc hình giả không giới bất dung 。

Nếu công đức này có hình sắc thì không giới không chứa được. Vì sao?

般若波羅蜜出生世間及出世間一切善法。

bát nhã ba la mật xuất sinh thế gian cập xuất thế gian nhất thiết thiện Pháp 。

Vì Bát-nhã ba-la-mật sinh ra tất cả thiện pháp thế gian và xuất thế gian.

若人若天若天人王。若須陀洹向須陀洹果。

nhược nhân nhược Thiên nhược Thiên Nhơn Vương 。

Hoặc Trời, người, hoặc vua Trời, người, hoặc Tu-đà-hoàn hương, Tu-đà-hoàn quả

乃至阿羅漢向阿羅漢果。辟支佛道。菩薩十地。十波羅蜜。

nãi chí A La Hán hương A la hán quả 。 Bích chi Phật đạo 。 Bồ Tát thập địa 。 thập ba la mật 。

cho đến A-la-hán hương, A-la-hán quả, đạo Phật Bích-chi, mười địa Bồ-tát, mười Ba-la-mật,

諸佛阿耨多羅三藐三菩提。一切種智。

chư Phật a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 nhất thiết chủng trí 。

Vô thượng Chính đẳng Chính giác của chư Phật, Nhất thiết chủng trí,

十力四無畏。十八不共法。皆從般若波羅蜜生。

thập lực tứ vô úy 。 thập bát bất cộng Pháp 。 giai tòng bát nhã ba la mật sinh 。

mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng, đều từ Bát-nhã ba-la-mật sinh.

說是法門時。眾中五萬菩薩摩訶薩得不退轉。

thuyết thị Pháp môn thời 。 chúng trung ngũ vạn Bồ Tát Ma-Ha tát đắc bất thoái chuyển 。

Lúc nói pháp môn này, trong chúng có năm vạn Bồ-tát Ma-ha-tát được Bất thoái chuyển;

一萬五千天子得無生法忍。

nhất vạn ngũ thiên Thiên tử đắc vô sinh Pháp nhẫn 。

một vạn năm ngàn Thiên tử được Vô sinh pháp nhẫn;

一萬二千天人得遠塵離垢得法眼淨。

nhất vạn nhị thiên Thiên Nhơn đắc viễn trần ly cấu đắc Pháp nhãn tịnh 。

một vạn hai ngàn Trời, người được Mắt pháp thanh tịnh, xa lìa trần cấu;

恒河沙數眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。

hằng-hà sa-số chúng sinh phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

[hằng hà sa số chúng sinh phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác.](#)

諸天空中作眾伎樂不鼓自鳴。

chư Thiên không trung tác chúng kĩ nhạc bất cổ tự minh 。

[Chư Thiên trời các kĩ nhạc, không đánh tự vang,](#)

散眾天華供養如來般若波羅蜜。

tán chúng Thiên hoa cung dưỡng Như Lai bát nhã ba la mật 。

[rải các hoa trời, cúng dường Bát-nhã ba-la-mật của Như Lai.](#)

天龍夜叉乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽人非人等。散種種華及諸寶物。

Thiên Long dạ xoa Càn-thát-bà A-tu-La ca lâu la khẩn na la Ma hầu la dà nhân phi nhân đẳng 。

[Rồng, Trời, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, người, phi nhân, vân vân, rải đủ loại hoa và các vật báu,](#)

供養世尊般若波羅蜜。異口同音一時讚曰。

cung dưỡng Thế Tôn bát nhã ba la mật 。

[dị khẩu đồng âm nhất thời tán viết 。](#)
[cúng dường Bát-nhã ba-la-mật Thế Tôn. Tất cả cùng lúc tán thán:](#)

善哉善哉。世尊。快說般若波羅蜜。

Thiện tai Thiện tai 。

[Thế Tôn 。](#)
[khoái thuyết bát nhã ba la mật 。](#)
[Lành thay, Lành thay. Thế Tôn, vui nói Bát-nhã ba-la-mật.](#)

勝天王般若波羅蜜經卷第五

thắng Thiên Vương bát nhã ba la mật Kinh quyển đệ ngũ

Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã ba-la-mật quyển thứ năm.

231-006

勝天王般若波羅蜜經

thắng Thiên Vương bát nhã ba la mật Kinh

Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã ba-la-mật

卷第六

quyển đệ lục

Quyển VI

述德品第十

thuật đức phẩm đệ thập

Phẩm 10: Thuật Đức

爾時文殊師利菩薩摩訶薩。

nhĩ thời Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Ma-Ha tát 。

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Văn-thù-sư-lợi

即從座起偏袒右肩右膝著地。

tức tùng toạ khởi Thiên đản hữu kiên hữu tất trú địa 。

liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải, gối phải sát đất,

合掌向佛頭面作禮而白佛言。世尊。菩薩摩訶薩。

hợp chưởng hướng Phật đầu diện tác lễ nhi bạch Phật ngôn 。

。Bồ Tát Ma-Ha tát 。

chấp tay hướng Phật, đầu mặt đánh lễ, bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát

於幾劫數行般若波羅蜜。供養幾佛而能如是對揚如來。

ư ki kiếp số hành bát nhã ba la mật 。 cung dưỡng ki Phật nhi
năng như thị đối dưỡng Như Lai 。

hành Bát-nhã ba-la-mật trong bao nhiêu kiếp số, cúng dường bao nhiêu Phật mới
có thể đáp tạ Như Lai như thế,

說甚深般若波羅蜜如勝天王。

thuyết thậm thâm bát nhã ba la mật như thắng Thiên Vương 。

thuyết Bát-nhã ba-la-mật sâu xa giống Thắng Thiên Vương như thế?

爾時佛告文殊師利菩薩摩訶薩。善男子。如此之事不可思量。

nhi thời Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Ma-Ha tát 。

thiện nam tử 。

như
thử chi sự bất khả tư lượng 。

Bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Ma-ha-tát Văn-thù-sư-lợi: Thiện nam tử, việc thế này
không thể suy lường.

若非無數百千億劫修習眾行種善根者。

nhược phi vô số bách thiên ức kiếp tu tập chúng hành chủng căn
lành giả 。

Nếu không phải người đã tu tập các hạnh, gieo căn lành trong vô số trăm ngàn
ức kiếp

則不聞是般若波羅蜜名。善男子。

tắc bất văn thị bát nhã ba la mật danh 。

thiện nam tử 。

thì không nghe được tên Bát-nhã ba-la-mật này. Thiện nam tử,

十方恒河沙世界中。諸恒河沙數尚可知。是菩薩摩訶薩。

thập phương hằng hà sa thế giới trung 。

chư hằng-hà sa-số thượng khả tri
。 thị Bồ Tát Ma-Ha tát 。

trong mười phương hằng hà sa thế giới, số các hằng hà sa còn có thể biết; Bồ-tát
Ma-ha-tát này

幾劫行般若波羅蜜。供養幾佛數不可知。

ki kiếp hành bát nhã ba la mật 。 cung dưỡng ki Phật số bất khả tri
。

hành Bát-nhã ba-la-mật bao nhiêu kiếp, cúng dường bao nhiêu Phật, số này không thể biết.

文殊師利。過去無量無邊阿僧祇不可思議劫。

Văn Thù Sư Lợi 。 quá khứ vô lượng vô biên a tăng kì bất khả tư nghị kiếp 。

Văn-thù-sư-lợi, vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp không thể nghĩ bàn trong quá khứ,

爾時有佛。

nhĩ thời hữu Phật 。

bấy giờ có Phật

名曰多聞如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

danh viết đa văn Như Lai Ứng-Cúng Chính-biến-Tri Minh-hạnh-Túc thiện
thệ thế gian giải Vô-thượng-Sĩ điều ngự trượng phu Thiên Nhơn Sư Phật thế
tên Đa Văn Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri Minh Hạnh Túc Thiện Thệ Thế
Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhơn Sư Phật Thế Tôn,

國名日光。劫名增上。時多聞佛。

tôn 。 quốc danh nhật quang 。 kiếp danh tăng thượng 。 thời đa
văn Phật 。

nước tên Nhật Quang, kiếp tên Tăng thượng. Lúc đó, Phật Đa Văn

為諸菩薩摩訶薩說清淨法門。諸善男子。

vi chư Bồ Tát Ma-Ha tát thuyết thanh tịnh Pháp môn 。

vì chư Bồ-tát Ma-ha-tát nói pháp môn Thanh tịnh: Các thiện nam tử,

勤修精進莫顧身命。時彼會中有一菩薩摩訶薩。

tin siêng tu tinh tấn mạc cố thân mạng 。 thời bỉ hội trung hữu nhất Bồ Tát Ma-Ha tát 。

cố gắng siêng tu, đừng để ý đến thân mạng. Lúc đó, trong hội kia có một Bồ-tát Ma-ha-tát

名曰進力。即從座起偏袒右肩。右膝著地合掌向佛。

danh viết tiến lực 。 tức từng tọa khởi Thiên đản hữu kiên 。 hữu tất trú địa hợp chưởng hướng Phật 。

tên là Tiến Lực, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trồn vai bên phải, gối phải sát đất, chấ tay hướng Phật,

頭面作禮而白佛言。世尊。

đầu diện tác lễ nhi bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

đầu mặt đảnh lễ, bạch Phật: Thế Tôn

所說勤修精進莫顧身命如我解佛所說義者。菩薩摩訶薩。

sở thuyết tin siêng tu tinh tấn mạc cố thân mạng như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa giả 。

đạy cố gắng siêng tu, đừng để ý đến mạng. Như con hiểu nghĩa Phật nói, Bồ-tát Ma-ha-tát

應當懈怠爾乃速成阿耨多羅三藐三菩提。

ứng đương giải đãi nhĩ nãi tốc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

lẽ ra nên biếng nhác mới sớm thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

何以故。菩薩摩訶薩若勤精進。

hà dĩ cố 。

Vì sao? Bồ-tát Ma-ha-tát nếu siêng năng, cố gắng

是則不能久住生死。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

thị tắc bất năng cứu trụ sinh tử 。 Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

thì không thể ở lâu trong sinh tử. Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

斷伏煩惱久住生死。終無自度速證涅槃不化眾生。

đoạn phục phiền não cứu trụ sinh tử 。 chung vô tự độ tốc chứng Niết-Bàn bất hóa chúng sinh 。

cắt trừ phiền não, ở lâu trong sinh tử, mãi mãi không tự độ, sớm chứng Niết-bàn, không giáo hóa chúng sinh.

世尊。菩薩摩訶薩。處生死中用之為樂。

Thế Tôn 。

Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong sinh tử, lấy đó làm vui,

不以涅槃而為樂也。何以故。世尊。菩薩摩訶薩。

bất dĩ Niết-Bàn nhi vi lạc dã 。

không lấy Niết-bàn làm vui. Vì sao? Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát

利眾生事以之為樂。隨彼所樂即用方便。

lợi chúng sinh sự dĩ chi vi lạc 。

lấy việc lợi ích chúng sinh làm vui, tùy ý muốn của chúng sinh mà dùng phương tiện,

說種種法令得安樂。

thuyết chủng chủng Pháp lệnh đắc an lạc 。

thuyết đủ loại pháp, khiến được an lạc.

若證漏盡不能利益一切眾生。世尊。是故菩薩觀察生死起大悲心。

nhược chứng lậu tận bất năng lợi ích nhất thiết chúng sinh 。

thị cố Bồ Tát quan sát sinh tử khởi Đại bi tâm 。

Nếu chứng lậu tận, không thể lợi ích tất cả chúng sinh. Thế Tôn, vì thế Bồ-tát quán sát sinh tử, khởi tâm Đại bi,

不捨眾生成就本願。世尊。菩薩摩訶薩。

bất xả chúng sinh thành tựu Bản nguyện 。 Thế Tôn 。 Bồ Tát Ma-Ha tát 。

không bỏ chúng sinh, thành tựu nguyện cũ. Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát

具方便力久住生死。得見無量無邊諸佛。

cụ phương tiện lực cứu trụ sinh tử 。 đắc kiến vô lượng vô biên chư Phật 。

đủ lực phương tiện, ở lâu sinh tử, được thấy vô lượng vô biên chư Phật,

及聞無量無邊正法。教化無量無邊眾生。

cập văn vô lượng vô biên chính Pháp 。 giáo hóa vô lượng vô biên chúng sinh 。

và nghe vô lượng vô biên Chính pháp, giáo hóa vô lượng vô biên chúng sinh.

是故菩薩摩訶薩。不厭生死不樂涅槃。世尊。

thị cố Bồ Tát Ma-Ha tát 。 bất yếm sinh tử bất lạc Niết-Bàn 。 Thế Tôn 。

Vì thế Bồ-tát Ma-ha-tát không chán sinh tử, không thích Niết-bàn. Thế Tôn,

菩薩摩訶薩若觀生死而起驚怖則墮非道。

Bồ Tát Ma-Ha tát nhược quán sinh tử nhi khởi kinh phổ tắc đọa phi đạo 。

Bồ-tát Ma-ha-tát nếu quán sinh tử mà khởi kinh sợ tức rơi vào Phi đạo,

不能利益一切眾生。通達如來甚深境界。云何非道。

bất năng lợi ích nhất thiết chúng sinh 。 thông đạt Như Lai thậm thâm cảnh giới 。 vân hà phi đạo 。

không thể lợi ích tất cả chúng sinh, thông đạt cảnh giới sâu xa của Như Lai. Thế nào là Phi đạo?

所謂貪樂聲聞辟支佛地。

sở vị tham lạc thanh văn tích chi Phật địa 。

Đó là tham đắm địa Thanh Văn, Phật Bích-chi;

於諸眾生無大悲心。何以故聲聞辟支佛道。

ư chư chúng sinh vô Đại bi tâm 。

hà dĩ cố thanh văn Bích chi Phật đạo 。

đối với chúng sinh không có tâm Đại bi. Vì sao? Vì đạo của Thanh Văn, Phật Bích-chi

即非菩薩摩訶薩道。何以故。聲聞緣覺怖畏生死求速出離。

tức phi Bồ Tát Ma-Ha tát đạo 。

hà dĩ cố 。

thanh văn duyên giác bố úy sinh tử cầu tốc xuất ly 。

tức không phải đạo của Bồ-tát Ma-ha-tát. Vì sao? Thanh Văn, Duyên Giác sợ hãi sinh tử, mong sớm ra khỏi;

功德智慧則不具足。以是義故。非菩薩道。

công đức trí tuệ tắc bất cụ túc 。

dĩ thị nghĩa cố 。

phi Bồ Tát đạo 。

công đức, trí tuệ tức không đầy đủ. Vì nghĩa này nên không phải đạo Bồ-tát.

爾時多聞世尊讚進力菩薩摩訶薩言。

nhĩ thời đa văn Thế Tôn tán tiến lực Bồ Tát Ma-Ha tát ngôn 。

Bấy giờ, Thế Tôn Đa Văn khen Bồ-tát Ma-ha-tát Tiến Lực:

善哉善哉。善男子。如汝所說。菩薩摩訶薩。

Thiện tai Thiện tai 。

thiện nam tử 。

như nữ sở thuyết 。

Bồ Tát Ma-Ha tát 。

Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, như lời ông nói, Bồ-tát Ma-ha-tát

應修自行勿習非道。進力菩薩白佛言。世尊。

ứng tu tự hành vật tập phi đạo 。 tiến lực Bồ Tát bạch Phật
ngôn 。 Thế Tôn 。

[nên tu hạnh mình, chớ tập Phi đạo. Bồ-tát Tiến Lực bạch Phật: Thế Tôn,](#)

何者是菩薩摩訶薩自所行道。

hà giả thị Bồ Tát Ma-Ha tát tự sở hạnh đạo 。

[thế nào là Bồ-tát Ma-ha-tát tự hành đạo của mình?](#)

爾時多聞世尊告進力菩薩摩訶薩言。善男子。菩薩摩訶薩。

nhĩ thời đa văn Thế Tôn cáo tiến lực Bồ Tát Ma-Ha tát ngôn 。

thiện nam tử 。

Bồ Tát Ma-Ha tát 。

[Bấy giờ, Thế Tôn Đa Văn bảo Bồ-tát Ma-ha-tát Tiến Lực: Thiện nam tử, Bồ-tát Ma-ha-tát](#)

成就一切功德智慧。以大悲力不捨眾生。

thành tựu nhất thiết công đức trí tuệ 。

dĩ Đại bi lực bất xả chúng sinh 。

[thành tựu tất cả công đức trí tuệ, vì lực Đại bi, không bỏ chúng sinh,](#)

遠離聲聞辟支佛地。得無生智不捨三有。

viễn li thanh văn tích chi Phật địa 。

đắc vô sinh trí bất xả tam hữu 。

[xa rời địa Thanh Văn, Phật Bích-chi, được trí Vô sinh, không bỏ ba cõi,](#)

心無求望而增善根。方便修行諸波羅蜜。

tâm vô cầu vọng nhi tăng căn lành 。

phương tiện tu hành chư ba la mật 。

[tâm không mong cầu mà căn lành lớn mạnh, phương tiện tu hành các Ba-la-mật,](#)

以智慧力無分別心。生諸善根成就盡智。無量功德。

dĩ trí tuệ lực vô phân biệt tâm 。 sinh chư căn lành thành tựu tận trí
。 vô lượng công đức 。

dùng lực trí tuệ, tâm không phân biệt, sinh các căn lành, thành tựu tất cả trí, vô
lượng công đức.

無一法生方便現生。無一眾生方便教化。

vô nhất Pháp sinh phương tiện hiện sinh 。 vô nhất chúng sinh
phương tiện giáo hóa 。

Không một pháp sinh, phương tiện sinh hiện; không một chúng sinh, phương tiện
giáo hóa.

知一切法皆自性離。觀諸佛國猶如虛空。

tri nhất thiết Pháp giai tự tính ly 。 quán chư Phật quốc do như hư
không 。

Biết tất cả pháp đều lìa tự tính, quán các cõi Phật giống như hư không,

而以方便嚴淨佛土。知一切佛法身無像。

nhi dĩ phương tiện nghiêm tịnh Phật thổ 。 tri nhất thiết Phật Pháp thân
vô tượng 。

mà dùng phương tiện trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Biết thân của tất cả pháp
Phật không có hình tượng,

方便示現相好莊嚴。隨諸眾生心所須欲。即能應與。

phương tiện thị hiện tướng hảo trang nghiêm 。 tùy chư chúng sinh tâm
sở tu dục 。 tức năng ứng dữ 。

phương tiện thị hiện tướng tốt trang nghiêm; tùy theo ưa muốn của tâm chúng
sinh để mà ứng hiện.

菩薩身心常寂靜離。而為眾生種種說法。

Bồ Tát thân tâm thường tịch tĩnh ly 。 nhi vi chúng sinh chủng chủng
thuyết Pháp 。

Thân tâm Bồ-tát thường tịch tĩnh, xả ly, mà vì chúng sinh thuyết pháp đủ loại;

亦以方便遠離喧撓。修諸禪定知自性空。

diệc dĩ phương tiện viễn li huyên nạo 。 tu chư Thiền định tri tự tính không 。

lại dùng phương tiện xa lìa huyên náo, tu các thiền định, biết tự tính Không;

悉能通達甚深智慧。而以方便為他說法。

tất năng thông đạt thậm thâm trí tuệ 。 nhi dĩ phương tiện vi tha thuyết Pháp 。

tức có thể thông đạt trí tuệ sâu xa mà dùng phương tiện vì người thuyết pháp.

不證聲聞辟支佛果。求佛解脫不捨菩薩一切道行。

bất chứng thanh văn tích chi Phật quả 。 cầu Phật giải thoát bất xả Bồ Tát nhất thiết đạo hành 。

Không chứng quả Thanh Văn, Phật Bích-chi; cầu giải thoát của Phật, không bỏ mọi đạo hạnh Bồ-tát.

善男子。是名菩薩摩訶薩道。文殊師利。

thiện nam tử 。 thị danh Bồ Tát Ma-Ha tát đạo 。 Văn Thù Sư Lợi 。

Thiện nam tử, đó gọi là đạo Bồ-tát Ma-ha-tát. Văn-thù-sư-lợi,

進力菩薩從多聞世尊。

tiến lực Bồ Tát tòng đa văn Thế Tôn 。

Bồ-tát Tiến Lực, từ Thế Tôn Đa Văn,

聞說菩薩所行境界得未曾有。即白佛言。希有世尊。

văn thuyết Bồ Tát sở hạnh cảnh giới đắc vị tăng hữu 。 tức bạch Phật ngôn 。 hi hữu Thế Tôn 。

nghe nói cảnh giới tu hành của Bồ-tát, được việc chưa từng có, liền bạch Phật: Hiếm có, Thế Tôn.

如我解佛所說義者。菩薩摩訶薩具足方便。

như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa giả 。 Bồ Tát Ma-Ha tát cụ túc phương tiện 。

như con hiểu nghĩa lời Phật nói, Bồ-tát Ma-ha-tát đầy đủ phương tiện.

一切諸法無非其道。世尊。譬如虛空悉能容受一切眾色。

nhất thiết chư Pháp vô phi kỳ đạo 。 Thế Tôn 。 ví như hư không tất năng dung thọ nhất thiết chúng sắc 。

Tất cả các pháp, không pháp nào không phải đạo của mình. Ví như hư không tức có thể dung chứa tất cả các vật.

如是菩薩具足方便所行之道攝一切法。

như thị Bồ Tát cụ túc phương tiện sở hạnh chi đạo nhiếp nhất thiết Pháp 。

Bồ-tát như thế đầy đủ phương tiện, con đường tu hành bao gồm tất cả các pháp.

又如虛空樹木藥草果樹香樹因之增長。

hựu như hư không thụ mộc dược thảo quả thụ hương thụ nhân chi tăng trưởng 。

Lại như hư không làm nhân tăng trưởng cho cây cối, dược thảo, cây trái, cây thơm.

如是諸物不染虛空亦不能淨。不能令曠亦不令喜。

như thị chư vật bất nhiễm hư không diệc bất năng tịnh 。

Các vật như thế không làm bẩn hư không, cũng không thể làm sạch; không thể làm giận, cũng không làm vui.

如是菩薩摩訶薩。有方便般若波羅蜜。

như thị Bồ Tát Ma-Ha tát 。

Bồ-tát Ma-ha-tát như thế có Bát-nhã ba-la-mật phương tiện,

緣一切法皆悉是道。若凡夫法。若學人法。

duyên nhất thiết Pháp giai tất thị đạo 。 nhược phàm phu Pháp 。
nhược học nhân Pháp 。

duyên tất cả pháp thủy đều là đạo: hoặc pháp phàm phu, hoặc pháp Hữu học,

辟支佛法。若菩薩法。若如來法。何以故。

Bích chi Phật Pháp 。 nhược Bồ Tát Pháp 。 nhược Như Lai Pháp 。

hà dĩ cố 。

pháp Phật Bích-chi, hoặc pháp Bồ-tát, hoặc pháp Như Lai. Vì sao?

菩薩摩訶薩悉通達故。

Bồ Tát Ma-Ha tát tất thông đạt cố 。

Vì Bồ-tát Ma-ha-tát thông đạt tất cả.

又譬如火若遇樹木竹草必無退還。是等草木皆利益火發其光明。

hựu ví như hỏa nhược ngô thụ mộc trúc thảo tất vô thối
hoàn 。 thị đẳng thảo mộc giai lợi ích hỏa phát kỳ quang-minh 。

Lại như lửa, nếu gặp cây cối, tre, cỏ tức không thối lui; những cỏ cây đó đều giúp
cho lửa phát ra ánh sáng.

諸法亦爾。悉是菩薩摩訶薩道。譬如金剛自體堅密。

chư Pháp diệc nhĩ 。 tất thị Bồ Tát Ma-Ha tát đạo 。 ví như Kim
cương tự thể kiên mật 。

Các pháp cũng thế, đều là đạo Bồ-tát Ma-ha-tát. Ví như kim cương, tự thể bền
chắc,

刀不能斫。火不能燒。水不能爛。毒不能害。

đao bất năng chước 。 hỏa bất năng thiêu 。 thủy bất năng lạn 。

độc bất năng hại 。

dao không thể chặt, lửa không thể đốt, nước không thể rửa, độc không thể hại.

菩薩摩訶薩方便智慧。聲聞緣覺及諸外道。

Bồ Tát Ma-Ha tát phương tiện trí tuệ 。 thanh văn duyên giác cấp chư ngoại đạo 。

Trí tuệ phương tiện của Bồ-tát Ma-ha-tát không thể bị Thanh Văn, Duyên Giác và các ngoại đạo,

一切煩惱所不能壞。世尊。

nhất thiết phiền não sở bất năng hoại 。

Thế Tôn 。

tất cả phiền não hủy hoại. Thế Tôn,

如清水珠若在濁水即為之清。菩薩摩訶薩。般若波羅蜜珠。

như thanh thủy châu nhược tại trước thủy tức vi chi thanh 。

Bồ Tát Ma-Ha tát 。

bát nhã ba la mật châu 。

như ngọc lọc nước, nếu ở trong nước đục tức làm cho trong. Ngọc Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát Ma-ha-tát

能使一切眾生煩惱悉得清淨。世尊。

năng sử nhất thiết chúng sinh phiền não tất đắc thanh tịnh 。

Thế Tôn 。

có thể làm cho tất cả phiền não chúng sinh được thanh tịnh. Thế Tôn,

譬如妙藥珠寶毒不共居能消眾毒。

ví như diệu dược châu bảo độc bất-cộng cư năng tiêu chúng độc 。

ví như thuốc hay, châu báu không ở chung với độc, có thể trừ các độc;

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜方便。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật phương tiện 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành phương tiện Bát-nhã ba-la-mật,

不與一切煩惱共俱悉能斷滅。世尊。以是因緣。

bất dữ nhất thiết phiền não cộng cấu tất năng đoạn diệt。 Thế Tôn 。

dĩ thị nhân duyên 。

không cùng chung với tất cả phiền não, thầy đều có thể trừ diệt. Thế Tôn, vì nhân duyên này,

一切諸法皆是菩薩摩訶薩道。文殊師利。進力菩薩說是法門時。

nhất thiết chư Pháp giai thị Bồ Tát Ma-Ha tát đạo 。

Văn Thù Sư Lợi 。

tiến lực Bồ Tát thuyết thị Pháp môn thời 。

tất cả các pháp đều là đạo Bồ-tát Ma-ha-tát. Văn-thù-sư-lợi, lúc Bồ-tát Tiến Lực nói pháp môn này,

眾中八千菩薩發阿耨多羅三藐三菩提心。

chúng trung bát thiên Bồ Tát phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

trong chúng có tám vạn Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

二百菩薩得無生法忍。文殊師利。

nhị bách Bồ Tát đắc vô sinh Pháp nhẫn 。

Văn Thù Sư Lợi 。

hai trăm Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn. Văn-thù-sư-lợi,

過去多聞佛所進力菩薩。今勝天王是。

quá khứ đa văn Phật sở tiến lực Bồ Tát 。

kim thắng Thiên Vương thị 。

Bồ-tát Tiến Lực nơi Phật Đa Văn quá khứ, nay là Thắng Thiên Vương.

爾時文殊師利菩薩白佛言。世尊。

nhĩ thời Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế Tôn,

云何菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。得堅固力擁護正法。

vân hà Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 đặc kiên cố lực ủng hộ chính Pháp 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật như thế nào để được lực kiên cố, ủng hộ Chính pháp?

佛告文殊師利菩薩言。善男子。菩薩摩訶薩。

Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ngôn 。 thiện nam tử 。 Bồ Tát Ma-Ha tát 。

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Thiện nam tử, Bồ-tát Ma-ha-tát

寧棄身命不捨正法。於他卑恭不起憍慢。

nhìn khí thân mạng bất xả chính Pháp 。 ư tha ti cung bất khởi kiêu mạn 。

thà bỏ thân mạng, không bỏ Chính pháp, khiêm tốn cung kính người khác, không khởi kiêu mạn.

無勢力人之所恥辱其心能忍。飢渴眾生即便惠施最勝飲食。

vô thế lực nhân chi sở sỉ nhục kỳ tâm năng nhẫn 。 cơ khát chúng sinh tức tiện huệ ví tối thắng ẩm thực 。

Kẻ không có thế lực làm nhục mà lòng vẫn nhẫn; chúng sinh đói khát, tức liền ban cho đồ ăn uống ngon nhất;

在厄難者施其無畏。於諸疾病如法療治。

tại ách nạn giả ví kỳ vô úy 。 ư chư tật bệnh như Pháp liệu trị 。

người gặp ách nạn, khiến họ đừng sợ hãi; đối với các tật bệnh, trị liệu đúng pháp;

貧窮眾生命豐財寶。諸佛塔廟白灰泥塗。

bần cùng chúng sinh lệnh phong tài bảo 。 chư Phật tháp miếu bạch hôi nê đồ 。

chúng sinh nghèo nàn, cho nhiều của báu; tháp miếu chư Phật, tô quét vôi trắng;

惡事則掩光揚善事。苦惱眾生則施安樂。

ác sự tắc yếm quang dương thiện sự 。 khổ não chúng sinh tắc ví
an lạc 。

đẹp bỏ việc ác, nêu rõ việc lành; chúng sinh khổ não, làm cho an lạc.

文殊師利。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Văn Thù Sư Lợi 。 Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

修如是行得堅固力擁護正法。文殊師利菩薩白佛言。

tu như thị hành đắc kiên cố lực ủng hộ chính Pháp 。 Văn Thù Sư Lợi
Bồ Tát bạch Phật ngôn 。

tu hành như thế, được lực kiên cố, ủng hộ Chính pháp. Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

世尊。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Thế Tôn 。 Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

云何能調伏心。佛告文殊師利菩薩言。

vân hà năng điều phục tâm 。 Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ngôn 。

có thể điều phục tâm như thế nào? Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。不濫他事先思後行。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 bất lạm tha sự tiên tư
hậu hành 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, không xen việc người, nghĩ trước làm
sau,

心性調直離諂曲行。不自矜高意常柔軟。文殊師利。

tâm tính điều trực ly siểm khúc hành 。 bất tự căng cao ý thường nhu nhuyễn 。 Văn Thù Sư Lợi 。

tâm tính thẳng thắn, xa lìa siểm nịnh quanh co, không tự kiêu căng, ý thường mềm mỏng. Văn-thù-sư-lợi,

菩薩摩訶薩。如是行者能調伏心。

Bồ Tát Ma-Ha tát 。 như thị hành giả năng điều phục tâm 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành như thế, có thể điều phục tâm.

文殊師利菩薩白佛言。世尊。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

修是等行當生何道。佛告文殊師利菩薩言。

tu thị đẳng hành đương sinh hà đạo 。

Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ngôn 。

tu các hạnh này, sẽ sinh vào đường nào? Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

菩薩摩訶薩如是行般若波羅蜜者。

Bồ Tát Ma-Ha tát như thị hành bát nhã ba la mật giả 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật như thế,

或生天中。或生人中。若生天中則為帝釋值佛出世。

hoặc sinh Thiên trung 。

hoặc sinh nhân trung 。

nhược sinh Thiên trung tắc vi đế thích trị Phật xuất thế 。

hoặc sinh cõi trời, hoặc sinh cõi người. Nếu sinh cõi trời tức làm Đế Thích, gặp Phật xuất thế;

或大梵王娑婆國主值佛出世。

hoặc Đại Phạm Vương Sa Bà quốc chủ trị Phật xuất thế。
hoặc là Đại Phạm vương chủ cõi Ta-bà, gặp Phật xuất thế.

若生人中作轉輪聖王長者居士值佛出世。文殊師利。

nhược sinh nhân trung tác Chuyển luân Thánh Vương Trưởng-Giả Cư-sĩ trị Phật xuất thế。 Văn Thù Sư Lợi。

Nếu sinh cõi người thì làm Chuyển Luân Thánh Vương, Trưởng giả, Cư sĩ, gặp Phật xuất thế. Văn-thù-sư-lợi,

菩薩摩訶薩。調伏心行得如是生。

Bồ Tát Ma-Ha tát。 điều phục tâm hành đắc như thị sinh。

Bồ-tát Ma-ha-tát điều phục tâm hành, được sinh như thế.

文殊師利菩薩白佛言。世尊。正信流出何法。

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật ngôn。 Thế Tôn。 chính tín lưu xuất hà Pháp。

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế Tôn, Chính tín sinh ra pháp gì?

佛告文殊師利菩薩。正信流出得善知識。世尊。

Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát。 chính tín lưu xuất đắc thiện tri thức。 Thế Tôn。

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Chính tín sinh ra sự khéo hiểu biết. Thế Tôn,

布施流出何法。佛言。流出大富。世尊。

bố thí lưu xuất hà Pháp。 Phật ngôn。 lưu xuất Đại phú。 Thế Tôn。

Bố thí sinh ra pháp gì? Phật dạy: Sinh ra sự giàu có lớn. Thế Tôn,

多聞流出何法。佛言。流出般若波羅蜜。世尊。

đa văn lưu xuất hà Pháp。 Phật ngôn。 lưu xuất bát nhã ba la mật。 Thế Tôn。

Nghe nhiều sinh ra pháp gì? Phật dạy: Sinh ra Bát-nhã ba-la-mật. Thế Tôn,

持戒流出何法。佛言。流出一切善道。世尊。

trì giới lưu xuất hà Pháp 。 Phật ngôn 。 lưu xuất nhất thiết thiện đạo
。 Thế Tôn 。

Giữ giới sinh ra pháp gì? Phật dạy: Sinh ra tất cả đường lành. Thế Tôn,

忍辱流出何法。佛言。流出容受眾生。世尊。

nhẫn nhục lưu xuất hà Pháp 。 Phật ngôn 。 lưu xuất dung thọ
chúng sinh 。 Thế Tôn 。

Nhẫn nhục sinh ra pháp gì? Phật dạy: Sinh ra sự thu nhận chúng sinh. Thế Tôn,

精進流出何法。佛言。能成就一切佛法。世尊。

tinh tấn lưu xuất hà Pháp 。 Phật ngôn 。 năng thành tựu nhất thiết
Phật Pháp 。 Thế Tôn 。

Tinh tấn sinh ra pháp gì? Phật dạy: Có thể thành tựu tất cả pháp Phật. Thế Tôn,

思惟流出何法。佛言。流出寂靜。世尊。

tư duy lưu xuất hà Pháp 。 Phật ngôn 。 lưu xuất tịch tĩnh 。 Thế Tôn
。

Suy nghĩ sinh ra pháp gì? Phật dạy: Sinh ra tịch tĩnh. Thế Tôn,

般若流出何法。佛言。般若流出離一切煩惱。世尊。

bát nhã lưu xuất hà Pháp 。 Phật ngôn 。 bát nhã lưu xuất ly nhất
thiết phiền não 。 Thế Tôn 。

Bát-nhã sinh ra pháp gì? Phật dạy: Bát-nhã sinh ra sự xa lìa tất cả phiền não.
Thế Tôn,

聽法流出何法。佛言。流出遠離疑網。世尊。

thính Pháp lưu xuất hà Pháp 。 Phật ngôn 。 lưu xuất viễn ly nghi
võng 。 Thế Tôn 。

Nghe Pháp sinh ra pháp gì? Phật dạy: Sinh ra sự xa lìa lưới nghi. Thế Tôn,

如法問流出何法。佛言。出決定智。世尊。

như Pháp vấn lưu xuất hà Pháp 。 Phật ngôn 。 xuất quyết định trí
。 Thế Tôn 。

Hỏi đúng Pháp sinh ra pháp gì? Phật dạy: Sinh Trí quyết định. Thế Tôn,

住寂靜流出何法。佛言。流出禪定及諸神通。

trụ tịch tĩnh lưu xuất hà Pháp 。 Phật ngôn 。 lưu xuất Thiền định
cập chư Thần thông 。

Trú tịch tĩnh sinh ra pháp gì? Phật dạy: Sinh ra thiền định và các thần thông.

世尊。正修流出何法。佛言。流出厭離道。

Thế Tôn 。 chính tu lưu xuất hà Pháp 。 Phật ngôn 。 lưu xuất
yếm ly đạo 。

Thế Tôn, Chính tu sinh ra pháp gì? Phật dạy: Sinh ra đạo chán rời.

世尊。無常聲流出何法。佛言。流出無所攝護。

Thế Tôn 。 vô thường thanh lưu xuất hà Pháp 。 Phật ngôn 。 lưu
xuất vô sở nhiếp hộ 。

Thế Tôn, tiếng Vô thường sinh ra pháp gì? Phật dạy: Sinh ra sự không bị nhiếp
hộ.

世尊。苦聲流出何法。佛言。流出無生。世尊。

Thế Tôn 。 khổ thanh lưu xuất hà Pháp 。 Phật ngôn 。 lưu xuất
vô sinh 。

Thế Tôn, tiếng Khổ sinh ra pháp gì? Phật dạy: Sinh ra pháp Vô sinh. Thế Tôn,

無我聲流出何法。佛言。流出滅我我所。世尊。

vô ngã thanh lưu xuất hà Pháp 。 Phật ngôn 。 lưu xuất diệt ngã
ngã sở 。

tiếng Vô ngã sinh ra pháp gì? Phật dạy: Sinh ra pháp diệt ngã, ngã sở. Thế Tôn,

空聲流出何法。佛言。流出寂靜。世尊。

không thanh lưu xuất hà Pháp 。 Phật ngôn 。 lưu xuất tịch tĩnh 。
Thế Tôn 。

tiếng Không sinh ra pháp gì? Phật dạy: Sinh ra sự tịch tĩnh. Thế Tôn,

正念流出何法。佛言。流出聖正見。世尊。

chính niệm lưu xuất hà Pháp 。 Phật ngôn 。 lưu xuất Thánh chính
kiến 。 Thế Tôn 。

Chính niệm sinh ra pháp gì? Phật dạy: sinh ra Chính kiến thánh. Thế Tôn,

聖心離流出何法。佛言。流出三昧神通。世尊。

Thánh tâm ly lưu xuất hà Pháp 。 Phật ngôn 。 lưu xuất tam
muội Thần thông 。 Thế Tôn 。

Lìa tâm thánh sinh ra pháp gì? Phật dạy: Sinh ra Tam-muội thần thông. Thế Tôn,

聖道流出何法。佛言。流出聖果。世尊。

Thánh đạo lưu xuất hà Pháp 。 Phật ngôn 。 lưu xuất Thánh quả 。
Thế Tôn 。

Đạo Thánh sinh ra pháp gì? Phật dạy: Sinh ra quả Thánh. Thế Tôn,

信樂流出何法。佛言。流出成就諸解脫。世尊。

tín lạc lưu xuất hà Pháp 。 Phật ngôn 。 lưu xuất thành tựu chư
giải thoát 。 Thế Tôn 。

tín lạc sinh ra pháp gì? Phật dạy: Sinh ra sự thành tựu các giải thoát. Thế Tôn,

佛生流出何法。佛言。流出一切助菩提法。

Phật sinh lưu xuất hà Pháp 。 Phật ngôn 。 lưu xuất nhất thiết trợ
bồ đề Pháp 。

Phật sinh sinh ra pháp gì? Phật dạy: Sinh ra tất cả pháp Trợ bồ-đề.

爾時勝天王白佛言。世尊。云何佛生。

nhi thời thắng Thiên Vương bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。 vân hà Phật sinh 。
[Bấy giờ, Thắng Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn, Phật sinh là thế nào?](#)

佛告勝天王言。如發菩提心。世尊。云何發菩提心。佛言。

Phật cáo thắng Thiên Vương ngôn 。 như phát bồ đề tâm 。 Thế Tôn
。 vân hà phát bồ đề tâm 。 Phật ngôn 。

[Phật bảo Thắng Thiên Vương: Giống như phát tâm Bồ-đề. Thế Tôn, phát tâm Bồ-đề là thế nào? Phật dạy:](#)

大王。如生大悲。世尊。云何生大悲。佛言。

Đại Vương 。 như sinh Đại bi 。 Thế Tôn 。 vân hà sinh Đại bi 。 Phật
ngôn 。

[Đại vương, giống như sinh Đại bi. Thế Tôn, sinh Đại bi là thế nào? Phật dạy:](#)

不捨一切眾生。世尊。云何不捨一切眾生。佛言。

bất xả nhất thiết chúng sinh 。 Thế Tôn 。 vân hà bất xả nhất thiết chúng
sinh 。 Phật ngôn 。

[Không bỏ tất cả chúng sinh. Thế Tôn, thế nào là không bỏ tất cả chúng sinh?
Phật dạy:](#)

如不捨三寶。世尊。誰不捨三寶。佛言。

nư bất xả Tam Bảo 。 Thế Tôn 。 thùy bất xả Tam Bảo 。 Phật ngôn
。

[Giống như không bỏ Tam bảo. Thế Tôn, thế nào là không bỏ Tam bảo? Phật
dạy:](#)

無煩惱者。爾時勝天王白佛言。希有世尊。

vô phiền não giả 。 nhi thời thắng Thiên Vương bạch Phật ngôn 。 hi hữu Thế
Tôn 。

Là không có phiền não. Bấy giờ, Thắng Thiên Vương bạch Phật: Hiếm có, Thế Tôn.

希有修伽陀。諸佛世尊如是祕密甚深微妙。

hi hữu tu dà đà 。 chư Phật Thế Tôn như thị bí mật thậm thâm vi diệu 。

Hiếm có, Tu-dà-đà. Chư Phật Thế Tôn ẩn mật, sâu xa, vi diệu như thế;

常說一切法空無生無滅寂靜。

thường thuyết nhất thiết Pháp không vô sinh vô diệt tịch tĩnh 。

thường thuyết tất cả pháp Không, không sinh, không diệt, tịch tĩnh;

不破所修善惡果報遠離斷常。世尊。

bất phá sở tu thiện ác quả báo viễn li đoạn thường 。

không bác quả báo thiện ác được tu, xa lìa đoạn, thường. Thế Tôn,

於世界中頗有眾生聞如是法。不起正信敬重之心生毀謗不。世尊。

ư thế giới trung pha hữu chúng sinh văn như thị Pháp 。

ở trong thế giới, có chúng sinh nào nghe pháp như thế mà không khởi tâm chính tín, kính trọng, lại sinh hủy báng không? Thế Tôn,

是等眾生過去之世。因由善業得受人身。

thị đẳng chúng sinh quá khứ chi thế 。

hàng chúng sinh này, do nghiệp lành trong đời quá khứ được nhận thân người;

親近惡知識故。不信如是甚深之法。

thân cận ác tri thức cố 。

vì gần gũi ác tri thức, không tin pháp sâu xa như thế,

則為孤負過去善業。諸佛世尊恩德深重。

tắc vi cô phụ quá khứ thiện nghiệp 。 chư Phật Thế Tôn ân đức
thâm trọng 。

tức là có lỗi với nghiệp lành quá khứ. Ân đức của chư Phật Thế Tôn sâu dày.

假使自割身肉出血供養如來。亦不能報以佛恩故。

giả sử tự cắt thân nhục xuất huyết cung dưỡng Như Lai 。 diệc bất
năng báo dĩ Phật ân cố 。

Giả sử tự cắt thịt thân mình, lấy máu cúng dường Như Lai cũng không thể báo
đáp. Vì ân Phật nên

我等今日增長善根。得大法樂住大自在。世尊。

ngã đẳng kim nhật tăng trưởng căn lành 。 đắc Đại Pháp lạc trú Đại
tự-tại 。 Thế Tôn 。

chúng con ngày nay tăng trưởng căn lành, được pháp lạc lớn, trú tự tại lớn. Thế
Tôn,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。應知佛恩。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 ứng tri Phật ân 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, nên biết ân Phật,

近善知識。當學佛行令得佛果。說是法時。

cận thiện tri thức 。 đương học Phật hành lệnh đắc Phật quả 。

gần thiện tri thức, nên học hạnh Phật để được quả Phật. Lúc nói pháp này,

眾中二萬五千菩薩得無生法忍。

chúng trung nhị vạn ngũ thiên Bồ Tát đắc vô sinh Pháp nhẫn
。

trong chúng có hai vạn năm ngàn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn;

四萬五千人天發阿耨多羅三藐三菩提心。

tứ vạn ngũ thiên nhân Thiên phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

[bốn vạn năm ngàn Trời, người phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác;](#)

一萬二千天子得遠塵離垢法眼淨。

nhất vạn nhị thiên Thiên tử đắc viễn trần ly cấu Pháp nhãn tịnh 。

[một vạn hai ngàn Thiên tử được xa lìa trần cấu, mắt Pháp thanh tịnh.](#)

現化品第十一

hiện hóa phẩm đệ thập nhất

Phẩm 11: Hóa Hiện

爾時善思惟菩薩摩訶薩白勝天王言。

nhĩ thời thiện tư duy Bồ Tát Ma-Ha tát bạch thắng Thiên Vương ngôn 。

[Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thiện Tư Duy bạch Thắng Thiên Vương:](#)

如來所造化佛更能化不。

Như Lai sở tạo hóa Phật canh năng hóa bất 。

[Phật được Như Lai hóa hiện có thể hóa hiện lại không?](#)

爾時勝天王答善思惟菩薩言。今對世尊以為明證。

nhĩ thời thắng Thiên Vương đáp thiện tư duy Bồ Tát ngôn 。

kim đối Thế Tôn dĩ vi minh chứng 。

[Bấy giờ, Thắng Thiên Vương đáp Bồ-tát Thiện Tư Duy: Nay có Thế Tôn ở đây chứng minh.](#)

佛所化佛更能化作恒河沙數無量化佛種種色相。

Phật sở hóa Phật canh năng hóa tác hằng-hà sa-số vô lượng hóa
Phật chủng chủng sắc tướng 。

Phật được Phật hóa hiện cũng có thể hóa làm hằng hà sa số vô lượng hóa Phật,
đủ loại sắc tướng,

神通說法利益眾生。善男子。

Thần thông thuyết Pháp lợi ích chúng sinh 。

thần thông thuyết pháp, lợi ích chúng sinh. Thiện nam tử,

諸佛宿世願力清淨故能如是。善思惟菩薩白勝天王言。大王。

chư Phật tú thể nguyện lực thanh tịnh cố năng như thị 。

Thiện tư duy Bồ Tát bạch Thắng Thiên Vương ngôn 。

Đại Vương 。

善說甚深之法。諸佛宿世願力清淨。唯願大王。

thiện thuyết thậm thâm chi Pháp 。

chư Phật tú thể nguyện lực thanh tịnh 。

duy nguyện Đại Vương 。

khéo nói Pháp sâu xa. Nguyện lực đời trước của chư Phật thanh tịnh. Xin nguyện
Đại vương

請佛神力。

thỉnh Phật Thần lực 。

thỉnh thần lực Phật,

令此般若波羅蜜久住世間無有隱沒。勝天王答善思惟菩薩言。善男子。

lệnh thử bát nhã ba la mật cửu trụ thế gian vô hữu ẩn một 。

Thắng Thiên Vương đáp thiện tư duy Bồ Tát ngôn 。

Thiện nam tử 。

般若波羅蜜一切諸佛之所護持。何以故。

bát nhã ba la mật nhất thiết chư Phật chi sở hộ trì 。 hà dĩ cố 。

Bát-nhã ba-la-mật được tất cả chư Phật giữ gìn. Vì sao?

文字所說般若波羅蜜。

văn tự sở thuyết bát nhã ba la mật 。

Vì Bát-nhã ba-la-mật được thuyết bằng văn tự;

如是文字不生不滅無有隱沒。字所顯義亦不生不盡無有隱沒。

như thị văn tự bất sinh bất diệt vô hữu ẩn mật 。

tự sở hiển nghĩa diệt
bất sinh bất tận vô hữu ẩn mật 。

văn tự như thế không sinh, không diệt, không bị khuất mất. Nghĩa được văn tự hiển lộ cũng không sinh, không diệt, không bị khuất mất.

善男子。諸佛如來甚深般若波羅蜜亦不隱沒。

thiện nam tử 。

chư Phật như lai thậm thâm bát nhã ba la mật diệt
bất ẩn mật 。

Thiện nam tử, Bát-nhã ba-la-mật sâu xa của chư Phật Như Lai cũng không bị khuất mất.

何以故。法不生故。若法無生此則無滅。

hà dĩ cố 。

Pháp bất sinh cố 。

nhược Pháp vô sinh thử tắc vô diệt
。

Vì sao? Vì pháp không sinh. Nếu pháp không sinh, tức không diệt;

即是如來祕密之教。

tức thị Như Lai bí mật chi giáo 。

tức là giáo pháp bí mật của Như Lai.

若佛出世若佛不出性相常住。是名法界。亦曰如如。

nhược Phật xuất thế nhược Phật bất xuất tính tướng thường trụ 。 thị danh Pháp giới 。 diệc viết như như 。

Dù Phật xuất thế hoặc không xuất thế thì tính, tướng vẫn thường trú. Đó gọi là Pháp giới, cũng gọi là Như như.

名不異際隨順因緣而不違逆。是為正法。

danh bất dị tế tùy thuận nhân duyên nhi bất vi nghịch 。 thị vi chính Pháp 。

Danh không khác thực, tùy thuận nhân duyên mà không trái ngược; đó gọi là Chính pháp.

其性常住無有隱沒善思惟菩薩白勝天王言。大王。

kỳ tính thường trụ vô hữu ẩn một thiện tư duy Bồ Tát bạch thắng Thiên Vương ngôn 。

Tánh của nó thường trú, không bị khuất mắt. Bồ-tát Thiện Tư Duy bạch Thắng Thiên Vương: Đại vương,

能護正法是何等人。勝天王答善思惟菩薩言。善男子。

năng hộ chính Pháp thị hà đẳng nhân 。

thắng Thiên Vương đáp thiện tư duy Bồ Tát ngôn 。

若不違逆一切法者。名護正法。何以故。

nhược bất vi nghịch nhất thiết Pháp giả 。

danh hộ chính Pháp 。

無有諍論不違道理。名護正法。又問。

hà dĩ cố 。

Không có tranh luận, không trái lý đạo, gọi là giữ Chính pháp. Lại hỏi:

云何不違道理。答曰。若順文字不違道理無所諍論。

vân hà bất vi đạo lí 。 đáp viết 。 nhược thuận văn tự bất vi đạo lí vô sở tránh luận 。

Thế nào là không trái lý đạo? Đáp: Nếu thuận văn tự, không trái lý đạo, không có tranh cãi,

名護正法。何以故。世間凡夫皆著諸見。

danh hộ chính Pháp 。 hà dĩ cố 。 thế gian phàm phu giai trú chư kiến 。

gọi là giữ Chính pháp. Vì sao? Phàm phu thế gian đều vướng các kiến;

順道理者則常說空。是故世間而起諍論。

thuận đạo lí giả tắc thường thuyết không 。 thị cố thế gian nhi khởi tránh luận 。

người thuận lý đạo tức thường thuyết Không. Vì vậy thế gian mới khởi tranh cãi.

如是凡夫愛重有法。順道理者於此則輕。

như thị phàm phu ái trọng hữu Pháp 。 thuận đạo lí giả ư thử tắc khinh 。

Như thế, Phàm phu đắm sâu pháp Hữu, người thuận lý đạo xem nhẹ điều này.

世間說有常樂我淨。順道理者說無常苦不淨無我。

thế gian thuyết hữu thường lạc ngã tịnh 。 thuận đạo lí giả thuyết vô thường khổ bất tịnh vô ngã 。

Thế gian nói có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh; người thuận lý đạo nói Vô thường, Khổ, Bất tịnh, Vô ngã.

是故世間而生諍論。善男子。

thị cố thế gian nhi sinh tránh luận 。 thiện nam tử 。

Vì vậy thế gian mới sinh tranh cãi. Thiện nam tử,

一切凡夫順世間流。順道理者逆世間流。是故世間則生諍論。

nhất thiết phàm phu thuận thế gian lưu 。 thuận đạo lí giả nghịch thế gian lưu 。 thị cố thế gian tắc sinh tranh luận 。

tất cả Phàm phu thuận dòng thế gian; người thiện lý đạo ngược dòng thế gian. Vì vậy thế gian tức sinh tranh cãi.

一切凡夫著陰界入。

nhất thiết phàm phu trú uẩn giới nhập 。

Tất cả phàm phu vương Ấm, Giới, Nhập;

順道理者說一切法悉無所著。是故世間而起諍論。善男子。

thuận đạo lí giả thuyết nhất thiết Pháp tất vô sở trú 。

thị cố thế gian nhi khởi tranh luận 。

thiện nam tử 。

người thuận lý đạo nói tất cả pháp mà không vương mắc. Vì vậy thế gian mới khởi tranh cãi. Thiện nam tử,

隨順世者不行道理。順道理者與世相違。

tùy thuận thế giả bất hành đạo lí 。

thuận đạo lí giả dữ thế tương vi 。

người tùy thuận thế gian không hành lý đạo; người tùy thuận lý đạo trái ngược với thế gian.

善思惟菩薩白勝天王言。大王。今者取何等法。

thiện tư duy Bồ Tát bạch thắng Thiên Vương ngôn 。

Đại Vương 。

kim giả thủ hà đẳng Pháp 。

Bồ-tát Thiện Tư Duy bạch Thắng Thiên Vương: Đại vương, nay nắm những pháp nào?

勝天王答善思惟菩薩言。我不取人不取法。

thắng Thiên Vương đáp thiện tư duy Bồ Tát ngôn 。 ngã bắt thủ nhân
bắt thủ Pháp 。

Thắng Thiên Vương đáp Bồ-tát Thiện Tư Duy: Pháp không nắm Ta, không nắm
Người.

又問。云何不取。答曰。我離眾生離法離。

hựu vấn 。 vân hà bắt thủ 。 đáp viết 。 ngã ly chúng sinh ly Pháp
ly 。

Lại hỏi: Thế nào là không nắm? Đáp: Lìa ngã, lìa chúng sinh, lìa pháp;

是離悉不可得。過去未來現在離。離不可得。

thị ly tất bất khả đắc 。 quá khứ vị lai hiện tại ly 。 ly bất khả đắc 。

lìa này tức không thể đắc. Lìa quá khứ, vị lai, hiện tại; lìa không thể đắc.

諸佛離諸佛不離。佛國土離國土不離。

chư Phật ly chư Phật bất ly 。 Phật quốc thổ ly quốc thổ bất ly 。

lìa chư Phật, không lìa chư Phật; lìa quốc độ Phật, không lìa quốc độ Phật;

法離法不離。善男子。如是之行名順道理無取不取。

Pháp ly Pháp bất ly 。 thiện nam tử 。 như thị chi hành danh thuận
đạo lí vô thủ bắt thủ 。

lìa pháp, không lìa pháp. Thiện nam tử, hành như thế gọi là thuận lý đạo; không
phải nắm, không phải không nắm.

爾時善思惟菩薩讚勝天王言。善哉大士。

nhĩ thời thiện tư duy Bồ Tát tán thắng Thiên Vương ngôn 。 Thiện tai Đại
sĩ 。

Bấy giờ, Bồ-tát Thiện Tư Duy khen ngợi Thắng Thiên Vương: Lành thay, Đại sĩ.

善哉正士。能說如是甚深般若波羅蜜。

Thiện tai chính sĩ 。 năng thuyết như thị thậm thâm bát nhã ba la mật
。

Lành thay, Chính sỹ. Có thể thuyết Bát-nhã ba-la-mật sâu xa như thế.

無取無著無名無字。滅諸戲論。離能分別及所思惟。

vô thủ Vô trú vô danh vô tự 。 diệt chư hí luận 。 ly năng phân
biệt cập sở tư duy 。

Không nắm, không dính, không danh, không tự; diệt các hí luận, lia khả năng
phân biệt và cái được tư duy.

爾時眾中有一天子。名曰賢德。

nhĩ thời chúng trung hữu nhất Thiên tử 。 danh viết hiền đức 。

Bấy giờ, trong chúng có một Thiên tử tên là Hiền Đức,

即從坐起偏袒右肩右膝著地。

tức tùng tọa khởi Thiên đản hữu kiên hữu tất trú địa 。

liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải, gối phải sát đất,

合掌向佛頭面作禮而白佛言。世尊。

hợp chưởng hướng Phật đầu diện tác lễ nhi bạch Phật ngôn 。

。

chấp tay hướng Phật, đầu mặt đảnh lễ, bạch Phật: Thế Tôn,

如勝天王所說無分別者為是何法。佛告賢德天子言。無分別法即是寂靜。

như thắng Thiên Vương sở thuyết vô phân biệt giả vi thị hà Pháp 。

Phật cáo hiền đức Thiên tử ngôn 。

。

Không phân biệt, như Thắng Thiên Vương thuyết, là pháp gì? Phật bảo Thiên tử
Hiền Đức: Pháp Không phân biệt tức là Tịch tĩnh.

何以故。取可取無。離我我所。不起不息。

hà dĩ cố 。 thủ khả thủ vô 。 ly ngã ngã sở 。 bất khởi bất tức 。
Vì sao? Vì không có nắm bắt, không có cái được nắm bắt; lia ngã, ngã sở; không khởi, không dừng;

是名無分別法。善男子。菩薩摩訶薩。

thị danh vô phân biệt Pháp 。 thiện nam tử 。 Bồ Tát Ma-Ha tát 。
đó gọi là pháp Không phân biệt. Thiện nam tử, Bồ-tát Ma-ha-tát

如是觀者能護正法。不見能護及以所護。說此法時。

như thị quán giả năng hộ chính Pháp 。 bất kiến năng hộ cập dĩ sở hộ 。 thuyết thử Pháp thời 。
quán như thế, có thể giữ Chính pháp; không thấy người giữ và cái được giữ. Lúc nói pháp này,

眾中十千比丘心得解脫。

chúng trung thập thiên bī khâu tâm đắc giải thoát 。
trong chúng có mười ngàn tỷ-khưu, tâm được giải thoát;

一千天子得遠塵離垢法眼淨。爾時善思惟菩薩白勝天王言。

nhất thiên Thiên tử đắc viễn trần ly cấu Pháp nhãn tịnh 。 nhĩ thời thiện tư duy Bồ Tát bạch thắng Thiên Vương ngôn 。
một ngàn thiên tử được xa lia trần cấu, mắt Pháp thanh tịnh. Bấy giờ, Bồ-tát Thiện Tư Duy bạch Thắng Thiên Vương:

何等辯才能如是說甚深之法。

hà đẳng biện tài năng như thị thuyết thậm thâm chi Pháp 。
Những biện tài nào có thể nói Pháp sâu xa như thế?

勝天王答善思惟菩薩言。善男子。一切煩惱習性無者。

thắng Thiên Vương đáp thiện tư duy Bồ Tát ngôn 。 thiện nam tử 。 nhất thiết phiền não tập tính vô giả 。

Thắng Thiên Vương đáp Bồ-tát Thiện Tư Duy: Thiện nam tử, tất cả phiền não không có tính chất lè thối.

所得辯才能如是說。

sở đắc biện tài năng như thị thuyết 。

Biện tài đắc được có thể nói như thế.

過言語道不可名宣第一義智。如是辯才能作此說。

quá ngôn ngữ đạo bất khả danh tuyên đệ nhất nghĩa trí 。

như thị biện tài năng tác thử thuyết 。

Đạo ngoài ngôn ngữ, không thể gọi tên, tuyên thuyết Đệ nhất nghĩa trí. Biện tài như thế có thể nói điều này.

爾時善思惟菩薩問賢德天子言。善男子。

nhĩ thời thiện tư duy Bồ Tát vấn hiền đức Thiên tử ngôn 。

thiện nam tử 。

Bấy giờ, Bồ-tát Thiện Tư Duy hỏi Thiên tử Hiền Đức: Thiện nam tử,

云何無生法中以辯才說。爾時賢德天子答善思惟菩薩言。

vân hà vô sinh Pháp trung dĩ iện tài thuyết 。

nhĩ thời hiền đức Thiên tử đáp thiện tư duy Bồ Tát ngôn 。

làm sao ở trong pháp Vô sinh để biện tài thuyết? Bấy giờ, Thiên tử Hiền Đức đáp Bồ-tát Thiện Tư Duy:

菩薩摩訶薩。不住無生無滅法中。

Bồ Tát Ma-Ha tát 。

bất trụ vô sinh vô diệt Pháp trung 。

Bồ-tát Ma-ha-tát không trú trong pháp không sinh không diệt

則無辯才說甚深法。何以故。遠離戲論不見所緣不見能緣。

tắc vô biện tài thuyết thậm thâm Pháp 。

hà dĩ cố 。

viễn li hí luận bất kiến sở duyên bất kiến năng duyên 。

tức không có biện tài nói Pháp sâu xa. Vì sao? Vì xa lìa hý luận, không thấy cái được nắm bắt, không thấy khả năng nắm bắt;

心無所住是故能說。不住人法不住此彼。

tâm vô sở trụ thị cố năng thuyết 。 bất trụ nhân Pháp bất trụ thủ
bỉ 。

tâm không chỗ trú nên có thể nói. Không trú ngã, pháp; không trú này, kia;

唯住清淨第一義諦。是故能說。

duy trụ thanh tịnh đệ nhất nghĩa đế 。 thị cố năng thuyết 。

chỉ trú Đệ nhất nghĩa đế thanh tịnh, cho nên có thể nói.

爾時善思惟菩薩即白佛言。世尊。賢德天子甚為希有。

nhi thời thiện tư duy Bồ Tát tức bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。 hiền đức
Thiên tử thậm vi hi hữu 。

Bấy giờ, Bồ-tát Thiện Tư Duy liền bạch Phật: Thế Tôn, Thiên tử Hiền Đức rất là
hiếm có,

乃能通達甚深之法辯才無盡。

nãi năng thông đạt thậm thâm chi Pháp biện tài vô tận 。

mới có thể thông đạt pháp sâu xa, biện tài không cùng tận.

佛告善思惟菩薩言。善男子。此賢德天子。

Phật cáo thiện tư duy Bồ Tát ngôn 。 thiện nam tử 。 thủ hiền đức
Thiên tử 。

Phật bảo Bồ-tát Thiện Tư Duy: Thiện nam tử, Thiên tử Hiền Đức này,

從妙喜世界不動佛所。而來至此娑婆世界。

tòng diệu hỷ thế giới Bất động Phật sở 。 nhi lai chí thủ Sa Bà thế
giới 。

từ chỗ Phật Bất động ở thế giới Diệu Hỷ, đến thế giới Ta-bà này,

聽受甚深般若波羅蜜。佛復告善思惟菩薩言。賢德天子。

thính thọ thâm thâm bát nhã ba la mật 。 Phật phục cáo thiện tư duy Bồ Tát ngôn 。 hiền đức Thiên tử 。

[nghe nhận Bát-nhã ba-la-mật sâu xa. Phật lại bảo Bồ-tát Thiện Tư Duy: Thiên tử Hiền Đức,](#)

已於過去無量百千億劫。修習陀羅尼門。

dĩ ư quá khứ vô lượng bách thiên ức kiếp 。 tu tập Đà-La-Ni môn 。

[trong vô lượng trăm ngàn ức kiếp quá khứ, đã tu tập cửa Đà-la-ni;](#)

窮劫說法亦無終盡。善思惟菩薩白佛言。世尊。

cùng kiếp thuyết Pháp diệc vô chung tận 。

thiện tư duy Bồ Tát bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

[nói pháp suốt kiếp cũng không bao giờ hết. Bồ-tát Thiện Tư Duy bạch Phật: Thế Tôn,](#)

何等陀羅尼。佛言。善男子。

hà đẳng Đà-La-Ni 。

Phật ngôn 。

thiện nam tử 。

[Đà-la-ni nào? Phật dạy: Thiện nam tử,](#)

名眾法不入陀羅尼。善男子。此陀羅尼過諸文字。

danh chúng Pháp bất nhập Đà-La-Ni 。

thiện nam tử 。

thử Đà-La-Ni quá chư văn tự 。

[gọi là Đà-la-ni Chúng pháp bất nhập. Thiện nam tử, Đà-la-ni này vượt quá văn tự.](#)

言不能入心不能量。內外眾法皆不可得。善男子。

ngôn bất năng nhập tâm bất năng lượng 。

nội ngoại chúng Pháp giai bất khả đắc 。

thiện nam tử 。

[Ngôn ngữ không thể vào, tâm không thể đo lường. Các pháp trong, ngoài đều không thể đắc. Thiện nam tử,](#)

無有少法能入此者。故名眾法不入陀羅尼。

vô hữu thiếu Pháp năng nhập thử giả 。 cố danh chúng Pháp bất nhập Đà-La-Ni 。

không có pháp nào có thể vào được pháp này nên gọi là Đà-la-ni Chúng pháp bất nhập.

何以故。此法平等無有高下亦無出入。

hà dĩ cố 。 thử Pháp bình đẳng vô hữu cao hạ diệc vô xuất nhập 。

Vì sao? Vì pháp này bình đẳng, không có cao thấp, cũng không có vào ra;

無一文字從外來入。亦無一字從此法出。

vô nhất văn tự tòng ngoại lai nhập 。

không có một chữ từ ngoài vào, cũng không một chữ từ pháp này ra.

又無一字住此法中。亦無文字共相見者。

hựu vô nhất tự trụ thử Pháp trung 。

Lại không có một chữ nằm trong pháp này, cũng không thấy có tính chất chung của văn tự,

亦不分別法與非法。是諸文字說亦不減不說無增。

diệc bất phân biệt Pháp dĩ phi Pháp 。

cũng không phân biệt pháp và phi pháp. Các văn tự này, nói cũng không giảm, không nói cũng không tăng.

從本以來無起造者無壞滅者。善男子。

tòng bản dĩ lai vô khởi tạo giả vô hoại diệt giả 。

Từ xưa tới nay không có tạo khởi, không có hoại diệt. Thiện nam tử,

如文字心亦如是。如心一切法亦如是。何以故。

như văn tự tâm diệt như thị 。 như tâm nhất thiết Pháp diệt như thị 。 hà dĩ cố 。

giống như văn tự, tâm cũng như thế; giống như tâm, tất cả pháp cũng như thế. Vì sao?

法離言語亦離思量。本無生滅故無出入。

Pháp ly ngôn ngữ diệt ly tư lượng 。 bản vô sinh diệt cố vô xuất nhập 。

Pháp lia nói năng, cũng lia suy lường. Vì vốn không sinh diệt nên không có ra, vào.

是名眾法不入陀羅尼。

thị danh chúng Pháp bất nhập Đà-La-Ni 。

Đó gọi là Đà-la-ni Chư pháp bất nhập.

若能通達此法門者辯才無盡。何以故。通達不斷無盡法故。善男子。

nhược năng thông đạt thử Pháp môn giả biện tài vô tận 。

hà dĩ cố 。

thông đạt bất đoạn vô tận Pháp cố 。

thiện nam tử 。

Nếu người có thể thông đạt pháp môn này thì biện tài không cùng tận. Vì sao? Vì thông đạt Pháp không đứt đoạn, không cùng tận. Thiện nam tử,

能入虛空者則能入此陀羅尼門。善男子。

năng nhập hư không giả tắc năng nhập thử Đà-La-Ni môn 。

thiện nam tử 。

người có thể vào hư không tức có thể vào cửa đà-la-ni này. Thiện nam tử,

菩薩摩訶薩。能通達此陀羅尼門。

Bồ Tát Ma-Ha tát 。

năng thông đạt thử Đà-La-Ni môn 。

Bồ-tát Ma-ha-tát có thể thông đạt cửa Đà-la-ni này,

心得清淨身口亦爾。所行附理般若堅固。

tâm đắc thanh tịnh thân khẩu diệc nhĩ 。 sở hạnh phụ lý bát nhã kiên cố 。

tâm được thanh tịnh; thân, miệng cũng thế. Sở hành mà nương Bát-nhã thì bền chắc,

一切眾魔無有能亂。一切外道不敢視瞻。一切煩惱莫之能壞。

nhất thiết chúng ma vô hữu năng loạn 。 nhất thiết ngoại đạo bất cảm thị chiêm 。

tất cả các ma không thể làm loạn, tất cả ngoại đạo không dám nhìn đến, tất cả phiền não không thể làm hư hoại,

身力成就心離怯弱。

thân lực thành tựu tâm ly khiếp nhược 。

có được thân lực, tâm lìa khiếp nhược.

所說無盡能宣甚深一切聖諦。智慧多聞猶如大海。

sở thuyết vô tận năng tuyên thậm thâm nhất thiết Thánh đế 。

Sở thuyết không cùng tận, có thể tuyên thuyết tất cả thánh đế sâu xa; Trí tuệ, nghe nhiều, giống như biển lớn.

安住三昧喻須彌山。處眾無畏如師子王。

an trú tam muội dụ Tu-Di sơn 。

An trú tam-muội ví như núi Tu-di; sống trong chúng mà không sợ hãi như Sư tử chúa;

世法不染猶彼蓮華。利益眾生譬之大地洗諸垢穢喻如大水。

thế Pháp bất nhiễm do bỉ liên hoa 。

không nhiễm pháp thế gian như hoa sen kia; lợi ích chúng sinh ví như đất liền;
tẩy trừ cấu uế ví như nước lớn;

成熟世間以方大火。清涼平等能悅眾心。

thành thực thế gian dĩ phương Đại hỏa 。 thanh lương bình đẳng
năng duyệt chúng tâm 。

thành thực thế gian ví như lửa lớn; trong mát, bình đẳng, làm vui lòng người,

類之如月。能破諸暗譬其以日。

loại chi như nguyệt 。 năng phá chư ám ví kỳ dĩ nhật 。

giống như mặt trăng; có thể phá tan tối tăm, giống như mặt trời;

摧煩惱怨名為勇健。心性調伏猶如大龍。

tôi phiền não oán danh vi dũng kiện 。 tâm tính điều phục do như
Đại long 。

đập tan oán phiền não, gọi là mạnh mẽ; tâm tính thuần thực, giống như Rồng lớn;

能震法雷大雲為喻。普雨眾法譬之大雨。

năng chấn Pháp lôi Đại vân vi dụ 。 phổ vũ chúng Pháp ví
chi Đại vũ 。

tạo ra sấm Pháp, ví như mây lớn; rải khắp các pháp, ví như mưa lớn;

為諸眾生除煩惱病猶彼良醫。以法治世譬如國王。

vi chư chúng sinh trừ phiền não bệnh do bỉ lương y 。 dĩ Pháp trị
thế ví như Quốc Vương 。

vì các chúng sinh, trừ bệnh phiền não, chẳng khác lương y; dùng pháp trị đời, ví
như quốc vương;

能護眾生及護正法等四天王。

năng hộ chúng sinh cập hộ chính Pháp đẳng tứ Thiên Vương 。

thường giúp chúng sinh và giữ Chính pháp, như bốn Thiên vương;

於人天中財富最勝猶如帝釋。

ư nhân Thiên trung tài phú tối thắng do như đế thích 。

ở trong Trời, người, giàu có bậc nhất, giống như Đế Thích;

心得自在譬大梵王自在王領娑婆世界。身得無礙如伽婁羅鳥。

tâm đắc tự-tại ví Đại Phạm Vương tự tại Vương lĩnh Sa Bà thế giới 。

thân đắc vô ngại như đà lâu la điểu 。

tâm được tự tại, ví như Đại phạm vương, Tự tại vương, dẫn dắt thế giới Ta-bà;
thân không ngăn ngại, như chim Ca-lâu-la;

教示眾生如世間父。能出法寶類毘沙門王能出眾寶。

giáo kì chúng sinh như thế gian phụ 。

năng xuất Pháp bảo loại tì
Sa Môn Vương năng xuất chúng bảo 。

chỉ dạy chúng sinh, như người cha của thế gian; có thể ban báu pháp, giống như
Tỳ-sa-môn vương có thể ban các báu.

功德智慧之所莊嚴。眾生見者無不利益。

công đức trí tuệ chi sở trang nghiêm 。

chúng sinh kiến giả vô bất lợi ích
。 Được trang nghiêm bằng công đức, trí tuệ; chúng sinh nhìn thấy, không ai không
lợi ích.

諸佛世尊之所稱讚。一切天眾咸擁護之。善男子。

chư Phật Thế Tôn chi sở xưng tán 。

nhất thiết Thiên chúng hàm
 ủng hộ chi 。

菩薩摩訶薩。得是眾法不入陀羅尼門。

Bồ Tát Ma-Ha tát 。

đắc thị chúng Pháp bất nhập Đà-La-Ni môn 。

種種自在利益眾生。方便說法而不窮盡。

chúng chúng tự-tại lợi ích chúng sinh 。 phương tiện thuyết Pháp nhi bất cùng tận 。

đủ loại tự tại, lợi ích chúng sinh, phương tiện nói pháp mà không cùng tận,

心無疲倦不求名利。法施平等無有嫉妬。

tâm vô bì quyện bất cầu danh lợi 。

Pháp ví bình đẳng vô hữu tật đố 。

tâm không mỏi mệt, không cầu danh lợi. Bình đẳng bố thí Pháp, không có ganh tị.

持戒清淨於身口意永無愆失。忍辱清淨離諸瞋惱。

trì giới thanh tịnh ư thân khẩu ý vĩnh vô khiên thất 。

nhẫn nhục thanh tịnh ly chư sân não 。

Giữ giới thanh tịnh, nơi thân miệng ý không có lỗi lầm. Nhẫn nhục thanh tịnh, lìa các buồn giận.

精進清淨所作辦立。禪定清淨善調伏心。

tinh tấn thanh tịnh sở tác bần lập 。

Thiền định thanh tịnh thiện điều phục tâm 。

Tinh tấn thanh tịnh, việc làm hoàn bị. Thiền định thanh tịnh, khéo điều phục tâm.

般若清淨悉無疑滯。具四無量猶如梵王。

bát nhã thanh tịnh tất vô nghi trệ 。

cụ tứ vô lượng do như Phạm Vương 。

Bát-nhã thanh tịnh, đều không nghi, trệ. Đầy đủ bốn Tâm vô lượng giống như Phạm vương;

行諸三昧三摩跋提。世間最勝修無上道。

hành chư tam muội tam ma Bát đề 。 thế gian tối thắng tu vô thượng đạo 。

thực hành các tam-muội, tam-ma-bát-đề; cao nhất thế gian, tu đạo vô thượng;

具諸功德一切智慧受灌頂位。說是陀羅尼法門時。

cụ chư công đức nhất thiết trí tuệ thọ quán đỉnh vị 。

thuyết thị Đà-La-Ni Pháp môn thời 。

đủ các công đức, tất cả trí tuệ; nhận vị Quán đỉnh. Lúc nói cửa pháp đà-la-ni này,

眾中六萬四千菩薩得不退轉。

chúng trung lục vạn tứ thiên Bồ Tát đắc bất thoái chuyển 。

trong chúng có sáu vạn bốn ngàn Bồ-tát được Bất thoái chuyển;

三萬菩薩得無生法忍。二萬人天得遠塵離垢法眼淨。

tam vạn Bồ Tát đắc vô sinh Pháp nhẫn 。

nhị vạn nhân Thiên đắc viễn trần ly cấu Pháp nhãn tịnh 。

ba vạn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn; hai vạn Trời, người được Mắt pháp thanh tịnh, xa lìa trần cấu;

無量無邊人天發阿耨多羅三藐三菩提心。

vô lượng vô biên nhân Thiên phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

vô lượng vô biên Trời, người phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

勝天王般若波羅蜜經

thắng Thiên Vương bát nhã ba la mật Kinh

Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã ba-la-mật

陀羅尼品第十二

Đà-La-Ni phẩm đệ thập nhị

Phẩm 12: Đà-la-ni

爾時文殊師利菩薩摩訶薩。

nhĩ thời Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Ma-Ha tát 。

[Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Văn-thù-sư-lợi](#)

即從坐起偏袒右肩。右膝著地合掌向佛。

tức từng tọa khởi Thiên đản hữu kiên 。

hữu tất trú địa hợp chưởng
hướng Phật 。

[liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải, gối phải sát đất, chấp tay hướng Phật,](#)

頭面作禮而白佛言。希有世尊。如來所說。

đầu diện tác lễ nhi bạch Phật ngôn 。

hi hữu Thế Tôn 。

Như Lai sở thuyết 。

[đầu mặt đánh lễ, bạch Phật: Hiếm có, Thế Tôn. Như Lai thuyết pháp,](#)

菩薩摩訶薩得是眾法不入陀羅尼。所成功德無量無邊。

Bồ Tát Ma-Ha tát đắc thị chúng Pháp bất nhập Đà-La-Ni 。

sở thành công đức vô lượng vô biên 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát được Đà-la-ni Chúng pháp bất nhập này, thành tựu công đức vô lượng vô biên.](#)

爾時佛告文殊師利菩薩言。善男子。如是功德。

nhĩ thời Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ngôn 。

thiện nam tử 。

như thị công đức 。

[Bấy giờ Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Thiện nam tử, công đức như thế,](#)

假使如來百千年說亦復不盡。

giả sử Như Lai bách thiên niên thuyết diệc phục bất tận 。

giả sử Như Lai nói đến trăm ngàn năm cũng không hết.

爾時眾中有一菩薩摩訶薩名寂靜意。白文殊師利菩薩言。

nhĩ thời chúng trung hữu nhất Bồ Tát Ma-Ha tát danh tịch tĩnh ý 。
bạch Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ngôn 。

Bấy giờ, trong chúng có một Bồ-tát Ma-ha-tát tên Tịch Tĩnh Ý bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

菩薩摩訶薩。得是陀羅尼。為佛世尊之所讚嘆。

Bồ Tát Ma-Ha tát 。 đắc thị Đà-La-Ni 。 vi Phật Thế Tôn chi sở tán
thán 。

Bồ-tát Ma-ha-tát được Đà-la-ni này, được chư Phật Thế Tôn khen ngợi.

如此之人善得大利。自行化彼皆悉不空。

như thử chi nhân thiện đắc Đại lợi 。 tự hành hóa bỉ giai tất bất
không 。

Người thế này khéo được lợi lớn, tự hành, dạy người đều có kết quả.

爾時文殊師利菩薩答寂靜意菩薩摩訶薩言。

nhĩ thời Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đáp tịch tĩnh ý Bồ Tát Ma-Ha tát ngôn
。

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp Bồ-tát Ma-ha-tát Tịch Tĩnh Ý:

善男子。第一義中無法可讚無色無相。

thiện nam tử 。 đệ nhất nghĩa trung vô Pháp khả tán vô sắc vô tướng
。

Thiện nam tử, trong Đệ nhất nghĩa để không có pháp để khen, không sắc, không
tướng.

無色相者有何可讚。無可讚故於何歡喜。

vô sắc tướng giả hữu hà khả tán 。 vô khả tán cố ư hà hoan hỉ 。

Không sắc, tướng thì có gì để khen. Đã không thể khen thì có gì để vui mừng.

寂靜意菩薩白文殊師利菩薩言。

tịch tĩnh ý Bồ Tát bạch Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ngôn 。

Bồ-tát Tịch Tĩnh Ý bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

如我聞佛修多羅中說。一切法無我我所。無能令喜無能令瞋。

như ngã văn Phật tu đa-la trung thuyết 。

nhất thiết Pháp vô ngã ngã sở
。 vô năng lệnh hỷ vô năng lệnh sân 。

Như tôi nghe Phật dạy trong kinh, tất cả pháp không có ngã, ngã sở, không có cái làm vui, không có cái làm giận;

此法平等菩薩應學。譬如大地。住在水上。

thử Pháp bình đẳng Bồ Tát ứng học 。

ví như Đại địa 。

trụ tại thủy thượng 。

pháp này bình đẳng, Bồ-tát nên học. Ví như mặt đất nằm ở trên nước,

若鑿井池即得用水。其不鑿者無由致之。

nhược tạc tỉnh trì tức đắc dụng thủy 。

kỳ bất tạc giả vô do trí chi 。

nếu đào giếng, ao, tức có nước dùng; nếu không đào thì lấy đâu mà có.

如是聖智境界遍一切法。

như thị Thánh trí cảnh giới biến nhất thiết Pháp 。

Cảnh giới Thánh trí cũng vậy, cùng khắp tất cả các pháp.

若有勤修般若方便即便得之。其不修者云何能得。

nhược hữu tinh siêng tu bát nhã phương tiện tức tiện đắc chi 。

kỳ bất tu giả vân hà năng đắc 。

Nếu siêng tu phương tiện Bát-nhã thì có được; nếu không tu thì làm sao có thể có.

是故菩薩欲求菩提。不得懈怠勤修精進。

thị cố Bồ Tát dục cầu bồ đề 。 bất đắc giải đãi tinh siêng tu tinh tấn
。

Vì thế, Bồ-tát muốn cầu Bồ-đề thì không được biếng nhác. Siêng tu, cố gắng

如是之法則在現前。善男子。如生盲人不能見色。

như thị chi Pháp tác tại hiện tiền 。 thiện nam tử 。 như sinh manh
nhân bất năng kiến sắc 。

thì pháp như thế tức có trước mắt. Thiện nam tử, như người sinh ra đã mù, không
thể thấy sắc;

如是煩惱盲諸眾生不能見法。

như thị phiền não manh chư chúng sinh bất năng kiến Pháp 。

phiền não cũng thế, làm mù chúng sinh, không thể thấy pháp.

如人有眼無外光明不能見色。行人如是。

như nhân hữu nhãn vô ngoại quang-minh bất năng kiến sắc 。

hành nhân như thị 。

Giống như người có mắt mà không có ánh sáng bên ngoài nên không thấy được
sắc; người thực hành cũng như thế.

雖有智慧無善知識不能見法。如有天眼不假外明自能見色。

tuy hữu trí tuệ vô thiện tri thức bất năng kiến Pháp 。

như hữu Thiên nhãn bất giả ngoại minh tự năng kiến sắc 。

Tuy có trí tuệ mà không có thiện tri thức thì không thể thấy pháp. Giống như có
Thiên nhãn, không mượn ánh sáng bên ngoài, vẫn tự có thể thấy sắc;

菩薩摩訶薩入法流者自然勝進。

Bồ Tát Ma-Ha tát nhập Pháp lưu giả tự nhiên thắng tiến 。

Bồ-tát Ma-ha-tát đã vào dòng pháp thì tự nhiên đi lên.

如在胎者日日增長而不自見。

như tại thai giả nhật nhật tăng trưởng nhi bất tự kiến 。

Như ở trong thai, mỗi ngày lớn thêm mà không tự thấy;

菩薩摩訶薩勤行精進亦不自見眾行增長。而能成就一切佛法。

Bồ Tát Ma-Ha tát tinh cần hành tinh tấn diệt bất tự kiến chúng hành tăng trưởng 。

Bồ-tát Ma-ha-tát siêng tu, cố gắng cũng không tự thấy các hạnh tăng trưởng, nhưng vẫn có thể thành tựu tất cả pháp Phật.

譬如雪山有藥樹王不枯不析。

ví như tuyết sơn hữu dược thụ Vương bất khô bất tích 。

Ví như Tuyết sơn có Dược thụ vương không khô, không gãy;

菩薩摩訶薩勤修精進。一切眾行不退不失。譬如轉輪聖王。

Bồ Tát Ma-Ha tát tinh siêng tu tinh tấn 。

Bồ-tát Ma-ha-tát siêng tu, cố gắng thì tất cả các hạnh không lùi, không mất. ví như Chuyển Luân Thánh Vương

出現於世則具七寶。

xuất hiện ư thế tắc cụ thất bảo 。

xuất hiện ở đời tức đủ bảy báu;

菩薩摩訶薩發菩提心具七法寶。

Bồ Tát Ma-Ha tát phát bồ đề tâm cụ thất Pháp bảo 。

Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm Bồ-đề cũng đủ bảy báu Pháp.

所謂布施持戒忍辱精進禪定智慧及方便力。又如轉輪聖王遊四天下。

sở vị bố thí trì giới nhẫn nhục tinh tấn Thiền định trí tuệ cập phương tiện
lực 。 hựu như Chuyển luân Thánh Vương du tứ Thiên hạ 。
Đó là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ và lực Phương tiện.
Lại như Chuyển Luân Thánh Vương đi khắp bốn Đại châu,

於諸眾生其心平等。

ư chư chúng sinh kỳ tâm bình đẳng 。
mà tâm bình đẳng đối với các chúng sinh;

菩薩摩訶薩以四攝法利益眾生亦復如是。

Bồ Tát Ma-Ha tát dĩ tứ nhiếp Pháp lợi ích chúng sinh diệc phục như thị 。
Bồ-tát Ma-ha-tát dùng bốn Nhiếp pháp làm lợi ích chúng sinh cũng như thế.

又如轉輪聖王所在之處則無諍訟。菩薩摩訶薩如實說法亦無諍論。

hựu như Chuyển luân Thánh Vương sở tại chi xứ tắc vô tranh tụng
tụng 。 Bồ Tát Ma-Ha tát như thật thuyết Pháp diệc vô tranh luận
。

Lại như ở chỗ của Chuyển Luân Thánh Vương tức không có tranh cãi; Bồ-tát Ma-
ha-tát như thật thuyết pháp cũng không có tranh cãi.

譬如三千大千世界初成。

ví như tam Thiên Đại Thiên thế giới sơ thành 。
Ví như Tam thiên đại thiên thế giới, khi mới hình thành,

即有須彌山王及以大海。菩薩亦爾。若發阿耨多羅三藐三菩提心。

tức hữu Tu-Di sơn Vương cập dĩ Đại hải 。 Bồ Tát diệc nhĩ 。
nhược phát a nậu đa la tam miếu tam Bồ-đề tâm 。

tức có Tu-di sơn vương cho đến biển lớn; Bồ-tát cũng thế. Nếu phát tâm Vô
thượng Chính đẳng Chính giác,

即有般若及以大悲。

tức hữu bát nhã cập dĩ Đại bi 。

tức có Bát-nhã và Đại bi.

譬如日出其高山者先照光明。菩薩摩訶薩得般若炬。

ví như nhật xuất kỳ cao sơn giả tiên chiếu quang-minh 。

Bồ Tát Ma-Ha tát đắc bát nhã cụ 。

Ví như mặt trời mọc thì chiếu sáng núi cao trước; Bồ-tát Ma-ha-tát được đèn Bát-nhã,

高行菩薩善根熟者先照其光。譬如大地荷負一切。

cao hành Bồ Tát căn lành thực giả tiên chiếu kỳ quang 。

ví như Đại địa hà phụ nhất thiết 。

thì chiếu sáng Bồ-tát Cao hành, người có căn lành thuần thực trước. Ví như mặt đất gánh vác tất cả,

華果樹木草藥皆悉平等。

hoa quả thụ mộc thảo dược giai tất bình đẳng 。

hoa quả, cây cối, thảo dược thủy đều như nhau;

菩薩摩訶薩得是陀羅尼門。於諸眾生其心平等。

Bồ Tát Ma-Ha tát đắc thị Đà-La-Ni môn 。

ư chư chúng sinh kỳ tâm bình đẳng 。

Bồ-tát Ma-ha-tát được cửa Đà-la-ni này thì tâm bình đẳng đối với các chúng sinh.

爾時世尊讚寂靜意菩薩摩訶薩言。善男子。如汝所說。

nhi thời Thế Tôn tán tịch tĩnh ý Bồ Tát Ma-Ha tát ngôn 。

thiện nam tử 。

như nữ sở thuyết 。

Bấy giờ, Thế Tôn khen ngợi Bồ-tát Ma-ha-tát Tịch Tĩnh Ý: Thiện nam tử, như lời ông nói.

善男子。菩薩摩訶薩得是陀羅尼門。

thiện nam tử 。 Bồ Tát Ma-Ha tát đắc thị Đà-La-Ni môn 。

Thiện nam tử, Bồ-tát Ma-ha-tát được cửa Đà-la-ni này,

凡有所說一文一字無非佛語。善男子。

phàm hữu sở thuyết nhất văn nhất tự vô phi Phật ngữ 。

thiện nam tử 。

hễ nói một chữ, một lời, thì không gì không phải lời Phật. Thiện nam tử,

此所說法離色聲香味觸。何以故。非世法故。

thử sở thuyết Pháp ly sắc thanh hương vị xúc 。

hà dĩ cố 。

phi thể Pháp cố 。

pháp được nói này liả sắc, thanh, hương, vị, xúc. Vì sao? Vì không phải pháp thế gian,

無盡無邊能入一切身心輕利。

vô tận vô biên năng nhập nhất thiết thân tâm khinh lợi 。

vô lượng, vô biên, có thể vào tất cả thân tâm nhẹ nhàng, lanh lợi.

假使百千佛前說者亦不怯弱。何以故。此菩薩摩訶薩。

giả sử bách thiên Phật tiền thuyết giả diệc bất khiếp nhược 。

hà dĩ cố 。

thử Bồ Tát Ma-Ha tát 。

Giả sử nói trước trăm ngàn Phật cũng không khiếp sợ. Vì sao? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát này

得佛住持力故心無所著。不著我。不著眾生。不著法。

đắc Phật trú trì lực cố tâm vô sở trú 。

bất trú ngã 。

bất trú chúng sinh 。

bất trú Pháp 。

được lực trụ giữ của Phật nên tâm không bị vướng mắc, không vướng ngã, không vướng chúng sinh, không vướng pháp;

即得清淨法界。清淨如來。清淨實際。得法無盡。

tức đắc thanh tịnh Pháp giới 。 thanh tịnh Như Lai 。 thanh tịnh thật tế 。
đắc Pháp vô tận 。

tức được Pháp giới thanh tịnh, Như Lai thanh tịnh, Thực tế thanh tịnh; được pháp
vô tận,

字無盡。說無盡。即生歡喜。得般若故。

tự vô tận 。 thuyết vô tận 。 tức sinh hoan hỷ 。 đắc bát nhã cố 。

văn tự vô tận, giảng thuyết vô tận; tức sinh hoan hỷ, vì được Bát-nhã,

得闍那故。無疑網故。說是陀羅尼法門時。

đắc đồ na cố 。

vì được Xà-na, vì không còn lưới nghi. Lúc thuyết cửa pháp Đà-la-ni này,

眾中八千菩薩得此眾法不入陀羅尼。

chúng trung bát thiên Bồ Tát đắc thủ chúng Pháp bất nhập Đà-
La-Ni 。

trong chúng có tám ngàn Bồ-tát được Đà-la-ni Chúng pháp bất nhập này,

一萬二千菩薩得不退轉。五千菩薩得無生法忍。

nhất vạn nhị thiên Bồ Tát đắc bất thoái chuyển 。

một vạn hai ngàn Bồ-tát được Không thoái chuyển, năm ngàn Bồ-tát được Vô
sinh pháp nhẫn,

一萬六千天子得遠塵離垢法眼淨。

nhất vạn lục thiên Thiên tử đắc viễn trần ly cấu Pháp nhãn tịnh
một vạn sáu ngàn Thiên tử được Mắt pháp thanh tịnh, xa lìa trần cấu,

無量無邊眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。

vô lượng vô biên chúng sinh phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

vô lượng vô biên chúng sinh phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

爾時世尊告寂靜意菩薩言。此陀羅尼能伏眾魔。

nhĩ thời Thế Tôn cáo tịch tĩnh ý Bồ Tát ngôn 。 thử Đà-La-Ni năng phục chúng ma 。

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Bồ-tát Tịch Tĩnh Ý: Đà-la-ni này có thể hàng phục các Ma,

破諸外道及憎嫉法人。滅煩惱火然般若燈。

phá chư ngoại đạo cập tăng tật Pháp nhân 。 diệt phiền não hỏa nhiên bát nhã đăng 。

phá các ngoại đạo và người ganh ghét Pháp, diệt lửa phiền não, thắp đèn Bát-nhã,

擁護法師令至涅槃。調伏自心善化外眾。

ủng hộ Pháp sư lệnh chí Niết-Bàn 。 điều phục tự tâm thiện hóa ngoại chúng 。

ủng hộ Pháp sư khiến đến Niết-bàn, điều phục tâm mình, khéo dạy người ngoài,

美身威儀見者歡喜。為正行人平等說法。

mỹ thân uy nghi kiến giả hoan hỷ 。 vì chính hành nhân bình đẳng thuyết Pháp 。

thân đẹp oai nghi, người khác nhìn thấy tức hoan hỷ, bình đẳng thuyết pháp cho người chính hạnh,

如實觀察眾生根性不前不後。說是法時。

như thật quan sát chúng sinh căn tính bất tiền bất hậu 。

như thật quán sát căn tính chúng sinh không có trước, sau. Lúc nói Pháp này,

三千大千世界諸須彌山及以大海皆悉震動。諸天雨華。

tam Thiên Đại Thiên thế giới chư Tu-Di sơn cập dĩ Đại hải giai tất chấn động 。 chư Thiên vũ hoa 。

các núi Tu-di cho đến biển lớn trong Tam thiên đại thiên thế giới thảy đều chấn động, chư Thiên mưa hoa:

曼陀羅華。摩訶曼陀羅華。曼殊沙華。

Mạn-đà-la hoa 。 Ma-Ha Mặc-đà-la hoa 。 mạn thù sa hoa 。

hoa Mặc-đà-la, hoa Ma-Ha Mặc-đà-la, hoa Man-thù-sa,

摩訶曼殊沙華。優鉢羅華。拘物頭華。分陀利華。

Ma-Ha mạn thù sa hoa 。 Ưu bát la hoa 。 câu vật đầu hoa 。 phân đà lợi hoa 。

hoa Ma-ha Man-thù-sa, hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi,

迦摩羅華。諸天空中作眾音樂不鼓自鳴。

ca ma la hoa 。 chư Thiên không trung tác chúng âm lạc bất cố tự minh 。

hoa Ca-ma-la; chư Thiên trên không thổi các âm nhạc, không đánh tự vang.

爾時世尊告寂靜意菩薩言。善男子。

nhĩ thời Thế Tôn cáo tịch tĩnh ý Bồ Tát ngôn 。 thiện nam tử 。

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Bồ-tát Tịch Tĩnh Ý: Thiện nam tử,

過去之世無量無邊不可數不可數劫。

quá khứ chi thế vô lượng vô biên bất khả số bất khả số kiếp 。

ở đời quá khứ, vô lượng, vô biên, không thể đếm, không thể đếm kiếp,

有佛出世名曰寶月如來應供正遍知明行足善逝世間解無上

hữu Phật xuất thế danh viết bảo nguyệt Như Lai Ứng-Cúng Chính-biến-

Tri Minh-hạnh-Túc thiện thế thế gian giải vô thượng

có Phật ra đời tên là Bảo Nguyệt Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri Minh Hạnh
Túc Thiện Thế Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ

士調御丈夫天人師佛世尊。國名無毀。

sĩ điều ngự trượng phu Thiên Nhơn Sư Phật Thế Tôn 。 quốc danh vô
hủy 。

Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn; nước tên Vô Hủy;

劫名歡喜。聲聞弟子三十二億。

kiếp danh hoan hỷ 。 thanh văn đệ-tử tam thập nhị ức 。

kiếp tên Hoan Hỷ. Đệ tử Thanh Văn có ba mươi hai ức;

菩薩摩訶薩無復數量。是佛成道無有苦行及降天魔。

Bồ Tát Ma-Ha tát vô phục số lượng 。 thị Phật thành đạo vô hữu khổ hành
cập hàng Thiên ma 。

Bồ-tát Ma-ha-tát thì không đếm, lường được. Phật này thành đạo, không có khổ
hạnh và hàng phục Ma trời.

時彼眾中有一菩薩名寶功德。辯才巧妙種種說法。

thời bỉ chúng trung hữu nhất Bồ Tát danh bảo công đức 。 biện tài
xảo diệu chủng chủng thuyết Pháp 。

Lúc đó, trong chúng có một Bồ-tát tên Bảo Công Đức, biện tài xảo diệu, đủ loại
thuyết pháp.

爾時大眾請佛住世勿入涅槃。

nhi thời Đại chúng thỉnh Phật trụ thế vật nhập Niết-Bàn 。

Bấy giờ, đại chúng xin Phật ở lại thế gian, đừng vào Niết-bàn.

時寶功德菩薩告大眾言。如來世尊無生無滅。

thời bảo công đức Bồ Tát cáo Đại chúng ngôn 。 như lai thế tôn vô
sinh vô diệt 。

Lúc đó, Bồ-tát Bảo Công Đức bảo đại chúng: Như Lai Thế Tôn không sinh không diệt

何用勸請勿入涅槃。若虛空入涅槃如來乃入涅槃。

hà dụng khuyến thỉnh vật nhập Niết-Bàn 。 nhược hư không nhập Niết-Bàn Như Lai nãi nhập Niết-Bàn 。

thì cần gì phải can, xin đừng vào Niết-bàn?

若實際真如法界不思議界入涅槃。

nhược thật tế chân như Pháp giới bất tư nghị giới nhập Niết-Bàn 。

Nếu Pháp giới chân như thật tế, Giới Không nghĩ bàn mà vào Niết-bàn,

如來乃入涅槃。何以故。如來之法無成無壞無染無淨。

Như Lai nãi nhập Niết-Bàn 。 hà dĩ cố 。 Như Lai chi Pháp vô thành vô hoại vô nhiễm vô tịnh 。

thì Như Lai mới vào Niết-bàn. Vì sao? Pháp của Như Lai không thành, không hoại, không nhiễm, không tịnh,

非世出世有為無為非斷非常。

phi thế xuất thế hữu vi vô vi phi đoạn phi thường 。

chẳng phải thế gian, chẳng xuất thế gian, chẳng hữu vi, chẳng vô vi, chẳng đoạn, chẳng thường.

假令一口而有十舌。是一一舌復生百舌。

giả lệnh nhất khẩu nhi hữu thập thiệt 。

Giả sử, khiến một miệng mà có mười lưỡi, mỗi một lưỡi này lại sinh trăm lưỡi,

是一一舌復生千舌。亦不能說如來成壞。

thị nhất nhất thiệt phục sinh thiên thiệt 。

mỗi một lưỡi này lại sinh ngàn lưỡi, cũng không thể nói sự thành, hoại của Như Lai.

寶功德菩薩說此法時。八萬六千菩薩得不退轉。

bảo công đức Bồ Tát thuyết thử Pháp thời 。 bát vạn lục thiên Bồ Tát đắc bất thoái chuyển 。

Lúc Bồ-tát Bảo Công Đức nói Pháp này, tám vạn sáu ngàn Bồ-tát được Bất thoái chuyển;

七千菩薩得無邊功德陀羅尼。悅意陀羅尼。

thất thiên Bồ Tát đắc vô biên công đức Đà-La-Ni 。 duyệt ý Đà-La-Ni 。

bảy ngàn Bồ-tát được Đà-la-ni Vô biên công đức, Đà-la-ni Duyệt ý, Đà-la-ni

無礙陀羅尼。歡喜陀羅尼。大悲陀羅尼。

vô ngại Đà-La-Ni 。 hoan hỷ Đà-La-Ni 。 Đại bi Đà-La-Ni 。

Vô ngại, Đà-la-ni Hoan hỷ, Đà-la-ni Đại bi, Đà-la-ni

月愛陀羅尼。月光陀羅尼。日愛陀羅尼。日光陀羅尼。

nguyệt ái Đà-La-Ni 。 nguyệt quang Đà-La-Ni 。 nhật ái Đà-La-Ni 。

nhật quang Đà-La-Ni 。

Nguyệt ái, Đà-la-ni Nguyệt quang, Đà-la-ni Nhật ái, Đà-la-ni Nhật quang,

須彌山陀羅尼。大海陀羅尼。德王陀羅尼。

Tu-Di sơn Đà-La-Ni 。 Đại hải Đà-La-Ni 。 đức Vương Đà-La-Ni 。

Đà-la-ni Tu-di sơn, Đà-la-ni Đại hải, Đà-la-ni Đức vương;

三萬六千人天得遠塵離垢法眼淨。

tam vạn lục thiên nhân Thiên đắc viễn trần ly cấu Pháp nhãn tịnh 。

ba vạn sáu ngàn Trời, người được Mắt pháp thanh tịnh, xa lìa trần cấu.

佛告寂靜意菩薩言。爾時寶功德菩薩豈異人乎。

Phật cáo tịch tĩnh ý Bồ Tát ngôn 。 nhĩ thời bảo công đức Bồ Tát khởi dĩ nhân hồ 。

Phật bảo Bồ-tát Tịch Tĩnh Ý: Bấy giờ, Bồ-tát Bảo Công Đức chẳng phải ai khác,

即汝身是。以此因緣汝能說是陀羅尼門。

tức nhữ thân thị 。 dĩ thử nhân duyên nhữ năng thuyết thị Đà-La-Ni môn 。

mà là thân ông. Vì nhân duyên này, ông có thể nói cửa Đà-la-ni này.

爾時文殊師利菩薩而說偈言。

nhĩ thời Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nhi thuyết kệ ngôn 。

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền nói kệ:

總持如妙藥

能療眾惑病

tổng trì như diệu dược năng liệu chúng hoặc bệnh

Tổng trì như thuốc hay,

thường trị các bệnh mê;

猶彼天甘露

得者永不死

do bỉ Thiên cam lộ

đắc giả vĩnh bất tử

như cam lộ trời kia,

người được, mãi không chết.

爾時功德華王菩薩而說偈言。

nhĩ thời công đức hoa Vương Bồ Tát nhi thuyết kệ ngôn 。

Bấy giờ, Bồ-tát Công Đức Hoa Vương liền nói kệ:

總持無文字

文字顯總持

tổng trì vô văn tự

văn tự hiển tổng trì

Tổng trì không văn tự;

văn tự hiển tổng trì.

般若大悲力

離言文字說

bát nhã Đại bi lực

ly ngôn văn tự thuyết

Lực Đại bi Bát-nhã,

rời lời, văn, chữ, thuyết.

爾時珊兜率陀天王即從坐起偏袒右肩。

nhi thời san Đâu-Xuất-Đà Thiên Vương tức tùng tọa khởi Thiên đản hữu
kiên 。

Bấy giờ, Thiên vương San-đâu-suất-đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên
phải,

右膝著地合掌向佛。頭面作禮而白佛言。世尊。

hữu tất trú địa hợp chưởng hướng Phật 。

đầu diện tác lễ nhi bạch Phật
ngôn 。

Thế Tôn 。

gối phải sát đất, chấp tay hướng Phật, đầu mặt đánh lễ, bạch Phật: Thế Tôn,

諸佛如來不可思議。諸佛說法亦不可思議。

chư Phật như lai bất khả tư nghị 。

chư Phật thuyết Pháp diệc bất khả tư
nghị 。

chư Phật Như Lai không thể nghĩ bàn, chư Phật thuyết pháp cũng không thể nghĩ
bàn;

諸大菩薩所行所說亦不可思議。

chư Đại Bồ Tát sở hạnh sở thuyết diệc bất khả tư nghị 。

sở hành, sở thuyết của chư Đại Bồ-tát cũng không thể nghĩ bàn.

我等諸天宿世之中善根深厚。得值如來聞說是法。

ngã đẳng chư Thiên tú thể chi trung căn lành thâm hậu 。

đắc trị
Như Lai văn thuyết thị Pháp 。

Chư Thiên chúng con, có căn lành sâu dày trong đời trước, được gặp Như Lai,
nghe nói Pháp này.

即以種種天諸寶華天華天香。

tức dĩ chủng chủng Thiên chư bảo hoa Thiên hoa Thiên hương
。

Tức dùng đủ loại hoa quý cõi trời: hoa trời, hương trời,

散佛如來以為供養。爾時世尊告珊兜率陀天王言。大王。

tán Phật như lai dĩ vi cung dưỡng 。 nhĩ thời Thế Tôn cáo san Đâu-Xuất-
Đà Thiên Vương ngôn 。 Đại Vương 。

rải lên Phật Như Lai để cúng dường. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thiên vương San-
đâu-suất-đà: Đại vương,

凡欲供養佛如來者當修三法。

phàm dục cung dưỡng Phật như lai giả đương tu tam Pháp 。

thường muốn cúng dường Phật Như Lai thì nên tu ba pháp;

所謂發阿耨多羅三藐三菩提心。護持正法。如聞修行。

sở vi phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。 hộ trì chính Pháp 。

như văn tu hành 。

đó là phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, giữ gìn Chính pháp, tu hành
giống như nghe.

大王。若有修行此三法者。

Đại Vương 。

nếu có người tu hành ba pháp này,

是人名為供養如來。大王。假使如來壽命一劫住世。

thị nhân danh vi cung dưỡng Như Lai 。

Đại Vương 。

giả sử Như Lai thọ mạng nhất kiếp trụ thế 。

người đó gọi là cúng dường Như Lai. Đại vương, giả sử mạng sống Như Lai lưu
lại thế gian một kiếp,

說此供養福報不能窮盡。是故大王。

thuyết thử cung dưỡng phúc báo bất năng cùng tận 。 thị cố Đại Vương 。

nói phước báo cúng dường này cũng không cùng tận. Vì thế, Đại vương,

若欲供養佛如來者。具此三法乃名供養。大王。

nhược dục cung dưỡng Phật như lai giả 。 cụ thử tam Pháp nãi danh cung dưỡng 。

nếu người muốn cúng dường Phật Như Lai, phải đầy đủ ba pháp này mới gọi là cúng dường. Đại vương,

若有護持如來一四句偈。

nhược hữu hộ trì Như Lai nhất tứ cú kệ 。

nếu có người giữ gìn một bài kệ bốn câu của Như Lai,

是人則為擁護過去現在未來諸佛阿耨多羅三藐三菩提。何以故。

thị nhân tắc vi ủng hộ quá khứ hiện tại vị lai chư Phật a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

người này tức ủng hộ Vô thượng Chính đẳng Chính giác của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai. Vì sao?

諸佛如來皆從法生。法供養者名真供養。

chư Phật như lai giai tòng Pháp sinh 。

Chư Phật Như Lai đều từ Pháp sinh; người cúng dường pháp gọi là cúng dường đúng;

一切資財所不能及。法供養者諸供養中最为第一。

nhất thiết tư tài sở bất năng cập 。

tất cả của cải đều không thể bằng. Cúng dường Pháp là cao nhất trong các cúng dường.

爾時世尊告珊兜率陀天王言。

nhĩ thời Thế Tôn cáo san Đâu-Xuất-Đà Thiên Vương ngôn 。

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thiên vương San-đâu-suất-đà:

我念過去無量無邊阿僧祇阿僧祇劫數行菩薩道時聞虛

ngã niệm quá khứ vô lượng vô biên a tăng kì a tăng kì kiếp số hành
Bồ Tát đạo thời văn hư

Ta nhớ quá khứ, vô lượng vô biên a-tăng-kỳ a-tăng-kỳ kiếp, khi còn hành đạo Bồ-tát, nghe trong

空中諸天說偈。

không trung chư Thiên thuyết kệ 。

hư không, chư Thiên nói kệ:

天人遠離大寶藏

Thiên Nhơn viễn li Đại bảo tạng

Trời, người xa lìa kho báu lớn,

王賊水火所去失

Vương tặc thủy hỏa sở khứ thất

giặc vua, nước, lửa đã mất đi,

百千萬劫法難聞

bách thiên kiếp Pháp nan văn

trăm ngàn vạn kiếp khó nghe Pháp,

得聞不持不施等

đắc văn bất trì bất thí đẳng

được nghe không giữ, cũng không cho.

道心為本化眾生

Đạo tâm vi bản hóa chúng sinh

Tâm đạo là gốc, hóa chúng sinh;

如實修行心寂靜

như thật tu hành tâm tịch tĩnh

tu hành như thật, tâm tịch tĩnh.

自利利他平等心

tự lợi lợi tha bình đẳng tâm

如是修行供養佛

như thị tu hành cung dưỡng Phật

Lợi mình, lợi người, tâm bình đẳng. Tu hành như thế, cúng dường Phật.

大王。我於往昔初聞此偈即為他說。

Đại Vương 。 ngã ư vãng tích sơ văn thử kệ tức vi tha thuyết 。

Đại vương, khi xưa, ta mới nghe kệ này liền nói cho người khác.

有八千人發阿耨多羅三藐三菩提心。是故大王。

hữu bát thiên nhân phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

Đại Vương 。

Có tám ngàn người phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì thế, Đại vương,

以法供養最為第一。何以故。

dĩ Pháp cung dưỡng tối vi đệ nhất 。

hà dĩ cố 。

cúng dường Pháp là cao hơn hết. Vì sao?

一切諸佛從法生故。

nhất thiết chư Phật tòng Pháp sinh cố 。

Vì tất cả chư Phật đều từ Pháp sinh.

231-007

勝天王般若波羅蜜經

thắng Thiên Vương bát nhã ba la mật Kinh

Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã ba-la-mật

卷第七

quyển đệ thất

Quyển VII

勸誡品第十三

khuyến giới phẩm đệ thập tam

Phẩm 13: Khuyên Răn

爾時文殊師利菩薩即從座起偏袒右肩。

nhĩ thời Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát tức tùng toạ khởi Thiên đản hữu kiên 。

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải,

右膝著地合掌向佛。頭面作禮而白佛言。世尊。

hữu tất trú địa hợp chưởng hướng Phật 。

đầu diện tác lễ nhi bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

gối phải sát đất, chắp tay hướng Phật, đầu mặt đánh lễ, bạch Phật: Thế Tôn,

如來所說甚深般若波羅蜜。

Như Lai sở thuyết thậm thâm bát nhã ba la mật 。

Như Lai dạy Bát-nhã ba-la-mật sâu xa,

於未來世末代之中。頗有眾生能信受不。若善男子善女人。

ư vị lai thế mạng Đại chi trung 。

pha hữu chúng sinh năng tín thọ bất 。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

trong đời mạng pháp ở vị lai có chúng sinh nào có thể tin nhận không? Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân

聞是修多羅生信不謗。如此等人成何功德。

văn thị tu đa-la sinh tín bất bàng 。

như thử đẳng nhân thành hà công đức 。

nghe kinh này, sinh tin, không bỏ, thì những người này được công đức gì?

佛告文殊師利菩薩言。

Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ngôn 。

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

未來末世有善男子善女人。無量佛所修持淨戒禪定般若。

vị lai mạt thế hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, vô lượng Phật sở tu trì
tịnh giới Thiền định bát nhã。

Đời mạt ở vị lai, có thiện nam tử, thiện nữ nhân, ở nơi vô lượng Phật tu trì Tịnh
giới, Thiền định, Bát-nhã,

是佛真子。能信此修多羅。所致功德不可稱計。

thị Phật chân tử。 năng tín thử tu đa-la。 sở trí công đức bất khả
xưng kể。

là con đích thực của Phật, có thể tin kinh này, công đức có được không thể kể,
đếm.

最善勝法從般若生。淨心信受。我今為汝。

tối thiện thắng Pháp tông bát nhã sinh。 tịnh tâm tín thọ。 ngã
kim vì nhữ。

Thắng pháp tối thiện từ Bát-nhã sinh. Giữ tâm thanh tịnh, tin nhận; Ta nay vì ông,

略以譬說。文殊師利。閻浮提洲縱廣七千由旬。

lược dĩ ví thuyết。 Văn Thù Sư Lợi。 Diêm-phù-đề châu tóng quảng
thất thiên do-tuần。

lược nói ví dụ. Văn-thù-sư-lợi, châu Diêm-phù-đề cao rộng bảy ngàn do-tuần;

北廣南狹。其中人面亦似地形。

Bắc quảng Nam hẹp。 kỳ trung nhân diện diệc tự địa hình
。

phía Bắc rộng, phía Nam hẹp. Trong đó mặt người cũng giống như hình đất.

洲內遍滿須陀洹斯陀舍阿那舍阿羅漢辟支佛等。

châu nội biến mãn Tu-đà-hoàn Tư đà hàm A na hàm A La Hán Bích chi Phật đẳng 。

Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật Bích-chi, vân vân, cùng khắp trong châu,

密如竹麻甘蔗荻林。中無少空及以間缺。

mật như trúc ma cam giá địch lâm 。

trung vô thiếu không
cập dĩ gian khuyết 。

dày như rừng trúc, gai, mía, lau, không có một chút khoảng trống cho đến khoảng hở.

若有善男子善女人。四事供養畢聖人壽。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

tứ sự cung dưỡng tất Thánh
nhân thọ 。

Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, cúng dường bốn việc suốt đời Thánh giả;

或復七寶遍滿此洲積至梵天。一一聖人各施爾許畢。

hoặc phục thất bảo biến mãn thử châu tích chí Phạm Thiên 。

nhất nhất Thánh nhân các ví nhĩ hứa tất 。

hoặc có bảy báu đầy khắp châu này chất đến Phạm thiên, mỗi một Thánh giả, đều cúng dường hết như trên;

是善男子善女人壽。日夜三十牟尤多相續不斷。

thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân thọ 。

nhật dạ tam thập mưu vưu đa
tướng tục bất đoạn 。

hết đời thiện nam tử, thiện nữ nhân này, ngày đêm ba mươi mầu-vưu-đa, nối tiếp không dứt.

文殊師利。於意云何。此人以是因緣功德多不。

Văn Thù Sư Lợi 。

ư ý vân hà 。

thử nhân dĩ thị nhân duyên công đức đa
bất 。

Văn-thù-sư-lợi, ý ông thế nào? Người này, vì nhân duyên đó, công đức nhiều không?

文殊師利菩薩白佛言。甚多婆伽婆。

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật ngôn 。 thậm đa Bà-già-bà 。

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Rất nhiều, Thế Tôn.

甚多修伽陀。佛告文殊師利菩薩。

thậm đa tu dà đà 。

Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát 。

若善男子善女人不謗此修多羅功德。勝彼百分不及一。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân bất báng thử tu đa-la công đức 。

thắng bỉ bách phân bất cập nhất 。

Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân không bỏ kinh này thì công đức hơn người kia; trăm phần không bằng một,

千分百千萬分不及一。乃至算數譬喻所不能及。

thiên phân bách thiên vạn phân bất cập nhất 。

nãi chí toán số ví dụ sở bất năng cập 。

文殊師利。瞿耶尼洲縱廣八千由旬。

Văn Thù Sư Lợi 。

Cồ da ni châu tủng quảng bát thiên do-tuần 。

形如半月人面亦爾。

hình như bán nguyệt nhân diện diệc nhĩ 。

hình giống nửa mặt trăng, mặt người cũng vậy.

洲內遍滿須陀洹斯陀舍阿那舍阿羅漢辟支佛。密如竹麻甘蔗荻林。

châu nội biến mãn Tu-đà-hoàn Tư đà hàm A na hàm A La Hán Bích chi Phật 。 mật như trúc ma cam giá địch lâm 。

Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật Bích-chi cùng khắp trong châu, dày như rừng trúc, gai, mía, lau;

中無少空及以間缺。若有善男子善女人。

trung vô thiếu không cập dĩ gian khuyết 。

nhược hữu thiện nam tử
Thiện Nữ Nhân 。

trong đó không có một chút khoảng trống cho đến khoảng hở. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân,

四事供養畢聖人壽。至涅槃後舍利起塔。

tứ sự cung dưỡng tất Thánh nhân thọ 。

chí Niết-Bàn hậu Xá-lợi
khởi tháp 。

cúng dường bốn việc suốt đời Thánh giả, đến sau Niết-bàn lại xây tháp Xá-lợi;

或復七寶遍滿此洲積至梵天。一一聖人各施爾許畢。

hoặc phục thất bảo biến mãn thử châu tích chí Phạm Thiên 。

nhất
nhất Thánh nhân các ví nhĩ hứa tất 。

hoặc có bảy báu đầy khắp châu này chất đến Phạm thiên, mỗi một Thánh giả, đều cúng dường như trên;

是善男子善女人壽。

thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân thọ 。

hết đời thiện nam tử, thiện nữ nhân này,

日夜三十牟尤多相續不斷。文殊師利。於意云何。

nhật dạ tam thập mưu vưu đa tướng tục bất đoạn 。

Văn Thù Sư Lợi 。

ư
ý vân hà 。

ngày đêm ba mươi mâu-vưu-đa, nối tiếp không dứt. Văn-thù-sư-lợi, ý ông thế nào?

此人以是因緣得福多不。文殊師利菩薩白佛言。

thử nhân dĩ thị nhân duyên đắc phúc đa bất 。 Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật ngôn 。

Người này, vì nhân duyên như thế, được phước nhiều không? Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

甚多婆伽婆。甚多修伽陀。佛告文殊師利菩薩。

thậm đa Bà-già-bà 。 thậm đa tu đà đà 。 Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát 。

Rất nhiều Thế Tôn. Rất nhiều Thế Tôn. Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

若善男子善女人。信此修多羅功德。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。 tín thử tu đa-la công đức 。

Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân tin kinh này thì công đức

勝彼百分不及一。千分百千萬分不及一。

thắng bỉ bách phân bất cập nhất 。 thiên phân bách thiên vạn phân bất cập nhất 。

hơn người kia, trăm phần không bằng một, ngàn phần, trăm ngàn vạn phần không bằng một,

乃至算數譬喻所不能及。文殊師利。

nãi chí toán số ví dụ sở bất năng cập 。 Văn Thù Sư Lợi 。

cho đến tính, đếm, ví dụ cũng không thể bằng. Văn-thù-sư-lợi,

弗于逮洲縱廣九千由旬。形如滿月人面亦爾。

phất vu đăi châu túng quảng cửu thiên do-tuần 。 hình như măn nguyệt nhân diện diệc nhĩ 。

châu Phất-vu-đăi cao rộng chín ngàn do-tuần; hình giống mặt trăng, mặt người cũng thế.

洲內遍滿須陀洹斯陀含阿那含阿羅漢辟支佛。

châu nội biến măn Tu-đà-hoàn Tư đà hàm A na hàm A La Hán Bích chi Phật 。

Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật Bích-chi cùng khắp trong châu,

密如竹麻甘蔗荻林。中無少空及以間缺。

mật như trúc ma cam giá địch lâm 。

trung vô thiếu không cậ dĩ gian khuyết 。

dày như rừng trúc, gai, mía, lau; trong đó không có một chút khoảng trống cho đến khoảng hở.

若有善男子善女人。四事供養畢聖人壽。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

tứ sự cung dưỡng tất Thánh nhân thọ 。

Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, cúng dường bốn việc suốt đời Thánh giả,

或復七寶遍滿此洲積至梵天。一一聖人各施爾許畢。

hoặc phục thất bảo biến măn thử châu tích chí Phạm Thiên 。

nhất nhất Thánh nhân các ví nhĩ hứa tất 。

hoặc có bảy báu đầy khắp châu này, chất đến Phạm thiên; mỗi một Thánh giả đều cúng dường như trên,

是善男子善女人壽。日夜三十牟尤多相續不斷。

thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân thọ 。 nhật dạ tam thập mưu vuu đa
tướng tục bất đoạn 。

hết đời thiện nam tử, thiện nữ nhân này, ngày đêm ba mươi mầu-vưu, thường nối
tiếp không dứt.

文殊師利。於意云何。此人以是因緣得福多不。

Văn Thù Sư Lợi 。 ư ý vân hà 。 thử nhân dĩ thị nhân duyên đắc phúc
đa bất 。

Văn-thù-sư-lợi, ý ông thế nào? Người này, vì nhân duyên như thế, được phước
nhiều không?

文殊師利菩薩白佛言。甚多婆伽婆。

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật ngôn 。 thậm đa Bà-già-bà 。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Rất nhiều, Thế Tôn.

甚多修伽陀。文殊師利。鬱單越洲辟方十千由旬。

thậm đa tu đà đà 。 Văn Thù Sư Lợi 。 uất đan việt châu tích
phương thập thiên do-tuần 。

Rất nhiều, Thế Tôn. Văn-thù-sư-lợi, châu Uất-dan-việt vuông vức mười ngàn do-
tuần;

人面亦方。

nhân diện diệc phương 。

mặt người cũng vuông.

洲內遍滿須陀洹斯陀舍阿那舍阿羅漢辟支佛。密如竹麻甘蔗荻林。

châu nội biến mãn Tu-đà-hoàn Tư đà hàm A na hàm A La Hán Bích chi
Phật 。 mật như trúc ma cam giá địch lâm 。

Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật Bích-chi cùng khắp trong châu, dày như rừng trúc, gai, mía, lau;

中無少空及以間缺。若善男子善女人。

trung vô thiếu không cập dĩ gian khuyết 。 nhược thiện nam tử
Thiện Nữ Nhân 。

trong đó không có một chút khoảng trống cho đến khoảng hở. Nếu thiện nam tử,
thiện nữ nhân

四事供養畢聖人壽。或復七寶遍滿此洲積至梵天。

tứ sự cung dưỡng tất Thánh nhân thọ 。 hoặc phục thất bảo biến
mãn thử châu tích chí Phạm Thiên 。

cúng dường bốn việc, suốt đời thánh nhân; hoặc có bảy báu đầy khắp châu này,
chất đến trời Phạm thiên;

一一聖人各施爾許畢。是善男子善女人壽。

nhất nhất Thánh nhân các ví nhĩ hứa tất 。 thị thiện nam tử Thiện Nữ
Nhân thọ 。

mỗi một Thánh giả, đều cúng dường như trên, hết đời thiện nam tử, thiện nữ
nhân này,

日夜三十牟尤多相續不斷。文殊師利。於意云何。

nhật dạ tam thập mưu vưu đa tương tục bất đoạn 。 Văn Thù Sư Lợi 。 ư
ý vân hà 。

ngày đêm ba mươi mâu-vưu, thường nối tiếp không dứt. Văn-thù-sư-lợi, ý ông thế
nào?

此人以是因緣得福多不。

thử nhân dĩ thị nhân duyên đắc phúc đa bất 。

Người này, vì nhân duyên như thế, được phước nhiều không?

文殊師利菩薩白佛言。甚多婆伽婆。甚多修伽陀。

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật ngôn 。 thậm đa Bà-già-bà 。 thậm đa tu đà đà 。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Rất nhiều, Thế Tôn. Rất nhiều, Thế Tôn.

佛告文殊師利菩薩。若善男子善女人。

Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát 。 nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân

受持讀誦此修多羅功德。勝彼百分不及一。

thọ trì đọc tụng thử tu đa-la công đức 。 thắng bỉ bách phân bất cập nhất 。

nhận, giữ, đọc, tụng kinh này thì công đức hơn người kia, trăm phần không bằng một,

千分百千萬分不及一。乃至算數譬喻所不能及。文殊師利。

thiên phân bách thiên vạn phân bất cập nhất 。 nãi chí toán số ví dụ sở bất năng cập 。

Văn Thù Sư Lợi 。

ngàn phần, trăm ngàn vạn phần không bằng một, cho đến tính, đếm, ví dụ cũng không thể bằng. Văn-thù-sư-lợi,

娑婆世界悉為微塵。爾許聖人。若有善男子。

Sa Bà thế giới tất vi vi trần 。 nhĩ hứa Thánh nhân 。 nhược hữu thiện nam tử 。

thế giới Ta-bà đều là bụi nhỏ. Thánh giả cũng thế. Nếu thiện nam tử,

善女人。四事供養畢聖人壽。

Thiện Nữ Nhân 。 tứ sự cung dưỡng tất Thánh nhân thọ 。

thiện nữ nhân cúng dường bốn việc suốt đời Thánh giả;

爾許塵數三千大千世界滿中七寶積至阿迦尼吒天。

nhĩ hứa trần số tam Thiên Đại Thiên thế giới mãn trung thất bảo tích chí a ca ni trá Thiên 。

bảy báu đầy khắp Tam thiên đại thiên thế giới như số bụi nhỏ đó, chất đến trời A-ni-trá;

——聖人各施爾許畢。是善男子善女人壽。

nhất nhất Thánh nhân các ví nhĩ hứa tất 。

thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân thọ 。

mỗi một Thánh giả, đều cúng dường như trên, hết đời thiện nam tử, thiện nữ nhân này.

文殊師利。於意云何。功德多不。

Văn Thù Sư Lợi 。

ư ý vân hà 。

công đức đa bất 。

Văn-thù-sư-lợi, ý ông thế nào? Công đức nhiều không?

文殊師利菩薩白佛言。世尊。前之福德已不可思議。

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

tiền chi phúc đức dĩ bất khả tư nghị 。

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế Tôn, phước đức trước đã không thể nghĩ bàn,

況此功德。佛告文殊師利菩薩。若善男子善女人。

huống thử công đức 。

Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát 。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

huống công đức này. Phật bảo Văn-thù-sư-lợi bồ-tát: Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân

流通此修多羅為他宣說。功德勝彼。

lưu thông thử tu đa-la vi tha tuyên thuyết 。

công đức thắng bỉ 。

lưu thông kinh này, vì người tuyên thuyết, thì công đức hơn người kia,

百分不及一。千分百千萬分不及一。

bách phân bất cập nhất 。 thiên phân bách thiên vạn phân bất cập nhất 。

trăm phần không bằng một, ngàn phần, trăm ngàn vạn phần không bằng một,

乃至算數譬喻所不能及。文殊師利。如此功德。

nãi chí toán số ví dụ sở bất năng cập 。 Văn Thù Sư Lợi 。 như thử công đức 。

cho đến tính, đếm, ví dụ cũng không thể bằng. Văn-thù-sư-lợi, như công đức này,

若不迴向阿耨多羅三藐三菩提者。

nhược bất hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề giả 。

nếu không hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

爾許微塵數劫作他化自在天王。爾許劫數作化樂天王。

nhĩ hứa vi trần số kiếp tác Tha-Hoá Tự-Tại Thiên Vương 。 nhĩ hứa kiếp số tác hóa lạc Thiên Vương 。

thì trong vô số kiếp như thế làm Thiên vương Tha Hóa Tự Tại, trong số kiếp như thế làm Thiên vương Hóa Lạc,

爾許劫數作兜率陀天王。

nhĩ hứa kiếp số tác Đâu-Xuất-Đà Thiên Vương 。

trong số kiếp như thế làm Thiên vương Đâu-suất-đà,

爾許數劫作夜摩天王爾許數劫作天帝釋。況復轉輪聖王。

nhĩ hứa số kiếp tác Dạ-Ma Thiên Vương nhĩ hứa số kiếp tác Thiên đế thích 。

huống phục Chuyển luân Thánh Vương 。

trong số kiếp như thế làm Thiên vương Dạ-ma, trong số kiếp như thế làm Thiên Đế Thích; huống là Chuyển Luân Thánh Vương.

迴向薩婆若故。

hồi hướng tát bà nhược cố 。

Vì hồi hướng Nhất thiết trí,

能得成就般若波羅蜜阿耨多羅三藐三菩提。文殊師利。

năng đắc thành tựu bát nhã ba la mật a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Văn Thù Sư Lợi 。

có thể được thành tựu Bát-nhã ba-la-mật Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Văn-thù-sư-lợi,

閻浮提中遍滿須陀洹斯陀含阿那含阿羅漢辟支佛。

Diêm-phù-đề trung biến mãn Tu-đà-hoàn Tư-đà-hàm A-na-hàm A-La-hán Bích-chi-Phật 。

Trong Diêm-phù-đề có đầy Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật Bích-chi,

密如竹麻甘蔗荻林。若有惡人。皆悉殺害爾許賢聖。

mật như trúc ma cam giá địch lâm 。

nhược hữu ác nhân 。

giai tất sát hại nhĩ hứa hiền Thánh 。

dày như rừng trúc, gai, mía, lau. Nếu có người ác giết hại tất cả hiền thánh như thế,

文殊師利。於意云何。是人以此因緣得罪多不。

Văn Thù Sư Lợi 。

ư ý vân hà 。

thị nhân dĩ thử nhân duyên đắc tội đa bất 。

Văn-thù-sư-lợi, ý ông thế nào? Người này, vì nhân duyên như thế, mắc tội nhiều không?

文殊師利菩薩白佛言。世尊。

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

[Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế Tôn,](#)

殺一聖人尚於一劫墮阿鼻地獄。何況爾許。

sát nhất Thánh nhân thượng ư nhất kiếp đọa A-tì Địa-ngục 。 hà
huống nhĩ hứa 。

[giết hại một Thánh giả còn đọa địa ngục A-tỳ trong một kiếp; huống là số như thế.](#)

其罪甚多不可稱計。佛告文殊師利菩薩言。

kỳ tội thậm đa bất khả xưng kể 。

Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ngôn 。

[Tội người này rất nặng, không thể nêu, kể. Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:](#)

有人謗此修多羅者。其罪重彼百分不及一。

hữu nhân báng thử tu đa-la giả 。

kỳ tội trọng bỉ bách phân bất cập nhất 。

[Nếu có người b毁 kinh này, tội của người này nặng hơn người kia, trăm phần không bằng một,](#)

千分百千萬分不及其一。乃至算數譬喻亦不能及。文殊師利。

thiên phân bách thiên vạn phân bất cập kỳ nhất 。

nãi chí toán số ví dụ diệc bất năng cập 。

Văn Thù Sư Lợi 。

[ngàn phần, trăm ngàn vạn phần không bằng một, cho đến tính, đếm, ví dụ cũng không thể bằng.](#)

瞿耶尼中遍滿須陀洹斯陀舍阿那舍阿羅漢

Cồ da ni trung biến mãn Tư-đà-hoàn Tư-đà-hàm A-na-hàm A-La-Hán

[Trong châu Cù-da-ni có đầy Tư-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán,](#)

辟支佛。密如竹麻甘蔗荻林。

Bích chi Phật 。 mật như trúc ma cam giá địch lâm 。

Phật Bích-chi, dày như rừng trúc, gai, mía, lau.

若有惡人皆悉殺害。文殊師利。於意云何。

nhược hữu ác nhân giai tất sát hại 。

Văn Thù Sư Lợi 。

ư ý vân hà 。

Nếu có người ác giết hại tất cả, Văn-thù-sư-lợi, ý ông thế nào?

此人以是因緣得罪多不。文殊師利菩薩白佛言。世尊。
thử nhân dĩ thị nhân duyên đắc tội đa bất 。

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát
bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

Người này, vì nhân duyên như thế, phạm tội nhiều không? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi
bạch Phật:

此罪不可聞不可聞。是人無有出阿鼻地獄期。
thử tội bất khả văn bất khả văn 。

thị nhân vô hữu xuất A-tì Địa-ngục kỳ
。

Tội này không thể nghe, không thể nghe. Người này không có ngày ra khỏi địa
ngục A-tỳ.

佛告文殊師利菩薩言。有人不信此修多羅。
Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ngôn 。

hữu nhân bất tín thử tu đa-la
。

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Người nào không tin kinh này,
其罪重彼百分不及一。

kỳ tội trọng bỉ bách phân bất cập nhất 。

tội còn nặng hơn người kia, trăm phần không bằng một,
千分百千萬分不及一乃至算數譬喻所不能及。文殊師利。

thiên phân bách thiên vạn phân bất cập nhất nãi chí toán số ví dụ số bất năng cập 。 Văn Thù Sư Lợi 。

ngàn phần, trăm ngàn vạn phần không bằng một, cho đến tính, đếm, ví dụ cũng không thể bằng. Văn-thù-sư-lợi,

若四天下悉為微塵。爾許塵數諸佛如來。

nhược tứ Thiên hạ tất vi vi trần 。 nhĩ hứa trần số chư Phật như lai 。

nếu bốn châu đều là bụi nhỏ; chư Phật Như Lai như số bụi đó.

若有惡人皆悉殺害奪二種財。滅法財。破世財。

nhược hữu ác nhân giai tất sát hại đoạt nhị chủng tài 。

Nếu có người ác giết hại tất cả, đoạt hai loại của: của Diệt pháp, của Phá thế.

文殊師利。於意云何。是人得罪多不。

Văn Thù Sư Lợi 。

Văn-thù-sư-lợi, ý ông thế nào? Người này có tội nhiều không?

文殊師利菩薩白佛言。世尊。

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật ngôn 。

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế Tôn,

此罪不可聞不可計不可思量。佛告文殊師利菩薩。

thử tội bất khả văn bất khả kế bất khả tư lượng 。

tội này không thể nghe, không thể tính, không thể suy lường. Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

若復有人障礙此修多羅毀謗不信。其罪重彼百分不及一。

nhược phục hữu nhân chướng ngại thử tu đa-la hủy báng bất tín 。
kỳ tội trọng bỉ bách phân bất cập nhất 。

Nếu lại có người cản trở kinh này, hủy bỏ không tin, thì tội nặng hơn người kia,
trăm phần không bằng một,

千分百千萬分不及一。乃至算數譬喻所不能及。

thiên phân bách thiên vạn phân bất cập nhất 。

nãi chí toán số ví dụ sở bất năng cập 。

ngàn phần, trăm ngàn phần không bằng một, cho đến tính, đếm, ví dụ cũng không thể bằng.

假使三千大千世界一切眾生。

giả sử tam Thiên Đại Thiên thế giới nhất thiết chúng sinh 。

Giả sử tất cả chúng sinh trong Tam thiên đại thiên thế giới,

悉成阿耨多羅三藐三菩提已。

tất thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề dĩ 。

đều đã thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác;

如此惡人猶故不出阿鼻地獄。文殊師利。如是惡人。

như thử ác nhân do cố bất xuất A-tì Địa-ngục 。

Văn Thù Sư Lợi 。

như thị ác nhân 。

người ác như thế vẫn còn không ra khỏi địa ngục A-tỳ. Văn-thù-sư-lợi, người ác như thế,

無一世界阿鼻地獄不經入者。況餘地獄畜生餓鬼。何以故。

vô nhất thế giới A-tì Địa-ngục bất Kinh nhập giả 。

huống dư Địa-ngục súc sinh nạ quý 。

hà dĩ cố 。

không một địa ngục A-tỳ nào trong thế giới mà không trải qua; huống là quý đói, súc sinh, địa ngục khác. Vì sao?

毀壞三世諸佛母故。

hủy hoại tam thế chư Phật mẫu cố 。

Vì hủy bỏ Mẹ của chư Phật ba đời.

假使如前微塵數劫得離三塗。若生人中得阿薩闍病。

giả sử như tiền vi trần số kiếp đắc ly tam đồ 。

nhược sinh nhân trung đắc a tát đồ bệnh 。

Giả sử, trong vô số kiếp như trước được lìa ba đường; nếu sinh làm người thì mắc bệnh A-tát-xà.

又經爾許微塵數劫。得無舌報若無手報各經爾劫。

hựu Kinh nhĩ hứa vi trần số kiếp 。

đắc vô thiệt báo nhược vô thủ báo các Kinh nhĩ kiếp 。

Lại trải qua vô số kiếp như thế, chịu quả báo không lưỡi, hoặc quả báo không tay, đều trải qua số kiếp như thế.

文殊師利。我若住世一劫若減一劫。

Văn Thù Sư Lợi 。

ngã nhược trụ thế nhất kiếp nhược giảm nhất kiếp 。

Văn-thù-sư-lợi, nếu ta lưu lại ở đời một kiếp hoặc giảm một kiếp,

以佛神力說是惡人所得罪報不能究盡。文殊師利。

dĩ Phật Thần lực thuyết thị ác nhân sở đắc tội báo bất năng cứu tận 。

Văn Thù Sư Lợi 。

dùng thần lực Phật, nói về tội báo người ác này mắc phải, cũng không thể hết được. Văn-thù-sư-lợi,

若求現在未來世樂。勿得於此修多羅中。

nhược cầu hiện tại vị lai thế lạc 。

vật đắc ư thử tu đa-la trung 。

nếu cầu lạc ở hiện tại, vị lai thì đối với kinh này chớ có

毀謗不信作大障礙。

hủy báng bất tín tác Đại chướng ngại 。

[hủy bỏ, không tin, gây chướng ngại lớn.](#)

勝天王般若波羅蜜經

thắng Thiên Vương bát nhã ba la mật Kinh

Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã ba-la-mật

二行品第十四

nhị hành phẩm đệ thập tứ

Phẩm 14: Hai Hành

爾時佛告文殊師利菩薩言。

nhĩ thời Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ngôn 。

[Bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:](#)

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。宜應成就前後般若波羅蜜。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

nghi ứng thành tựu tiền hậu bát nhã ba la mật 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, nên thành tựu Bát-nhã ba-la-mật trước, sau.](#)

何以故。菩薩摩訶薩有二種行。

hà dĩ cố 。

Bồ Tát Ma-Ha tát hữu nhị chủng hành 。

[Vì sao? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát có hai loại hành:](#)

成就般若教化眾生。文殊師利菩薩白佛言。世尊。

thành tựu bát nhã giáo hóa chúng sinh 。

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

thành tựu Bát-nhã, giáo hóa chúng sinh. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế Tôn,

云何菩薩摩訶薩教化眾生。佛告文殊師利菩薩言。

vân hà Bồ Tát Ma-Ha tát giáo hóa chúng sinh 。 Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ngôn 。

thế nào là Bồ-tát Ma-ha-tát giáo hóa chúng sinh? Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

從初般若乃至後際。

tòng sơ bát nhã nãi chí hậu tế 。

Từ Bát-nhã đầu cho đến vị lai,

離功用心說法無盡中不間隙。為脫三有惡趣之報。

ly công dụng tâm thuyết Pháp vô tận trung bất gian khích 。

vi thoát tam hữu ác thú chi báo 。

liạ tâm công dụng, thuyết pháp vô tận, không có gián đoạn, là quả báo ra khỏi đường ác trong ba cõi.

安諸眾生令住善道得三聖果。文殊師利。

an chư chúng sinh lệnh trụ thiện đạo đắc tam Thánh quả 。

Văn Thù Sư Lợi 。

An ổn chúng sinh ở vào đường lành, được ba quả Thánh. Văn-thù-sư-lợi,

是名菩薩摩訶薩行般若波羅蜜教化眾生。文殊師利。

thị danh Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật giáo hóa chúng sinh 。

Văn Thù Sư Lợi 。

đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh. Văn-thù-sư-lợi,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。成就無邊無為。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

thành tựu vô biên vô vi 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, thành tựu vô biên Vô vi,

是名菩薩摩訶薩自行。何以故。成就一切德故。

thị danh Bồ Tát Ma-Ha tát tự hành 。 hà dĩ cố 。 thành tựu nhất thiết đức cố 。

đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát tự hành. Vì sao? Vì thành tựu tất cả công đức.

文殊師利菩薩白佛言。世尊。

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế Tôn,

何等法與菩薩摩訶薩般若波羅蜜相應。

hà đẳng Pháp dữ Bồ Tát Ma-Ha tát bát nhã ba la mật tương ứng 。

những pháp nào cùng tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát Ma-ha-tát?

佛告文殊師利菩薩言。一切種智。真實之法遠離思量。

Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ngôn 。 nhất thiết chủng trí 。

chân thật chi Pháp viễn li tư lường 。

微妙無相道理甚深。不可得見難以通達。

vi diệu vô tướng đạo lý thậm thâm 。

bất khả đắc kiến nan dĩ thông đạt 。

常住寂靜清涼遍滿。無有分別無著無礙。

thường trú tịch tĩnh thanh lương biến mãn 。

vô hữu phân biệt Vô trú vô ngại 。

隨順道理不可取執。大寂極靜。

tùy thuận đạo lí bất khả thủ chấp 。 Đại tịch cực tĩnh 。

[tùy thuận lý đạo, không thể nắm bắt, cực kỳ tịch tĩnh;](#)

一切法中最高無上無與等者。文殊師利。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

nhất thiết Pháp trung tối vi vô thượng vô dũ đẳng giả 。

Văn Thù Sư Lợi 。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

[trong tất cả pháp là vô thượng nhất, không gì ngang bằng. Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,](#)

修此等法與薩婆若相應。

tu thử đẳng Pháp dũ tát bà nhược tương ứng 。

[tu những pháp này cùng tương ứng Nhất thiết trí.](#)

文殊師利菩薩白佛言。世尊。

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật ngôn 。

[Thế Tôn 。](#)

菩薩摩訶薩於何境界行般若波羅蜜。佛告文殊師利菩薩言。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư hà cảnh giới hành bát nhã ba la mật 。

Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ngôn 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát ở cảnh giới nào hành Bát-nhã ba-la-mật? Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:](#)

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。甚深境界。廣大境界。功德境界。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

thậm thâm cảnh giới 。

quảng Đại cảnh giới 。

[công đức cảnh giới 。](#)

文殊師利。甚深境界者。體是無為。

Văn Thù Sư Lợi 。 thậm thâm cảnh giới giả 。 thể thị vô vi 。

Văn-thù-sư-lợi, cảnh giới sâu xa, thể là Vô vi,

不可相離不著二邊。脫離諸障自性清淨。

bất khả tương ly bất trú nhị biên 。 thoát ly chướng ngại tự tính thanh tịnh
không thể xa lìa, không vướng hai bên, tách rời các chướng, tự tính thanh tịnh,

不可思量不可數知。不與聲聞辟支佛共。文殊師利。

bất khả tư lượng bất khả số tri 。 bất dữ thanh văn Bích chi Phật cộng 。

Văn Thù Sư Lợi 。

không thể suy lường, không thể tính biết, không cùng chung với Thanh Văn, Phật
Bích-chi. Văn-thù-sư-lợi,

廣大境者。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。諸佛如來一切功德。

quảng Đại cảnh giả 。 Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

chư Phật như lai nhất thiết công đức 。

Cảnh giới rộng lớn: Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tất cả công đức của
chư Phật Như Lai,

般若波羅蜜摩訶迦樓那二法為體。離分別相無功用心利益眾生。

bát nhã ba la mật Ma-Ha ca lâu na nhị Pháp vi thể 。

ly phân biệt tướng vô công dụng tâm lợi ích chúng sinh 。

hai pháp Bát-nhã ba-la-mật và Đại bi là thể, lìa tướng phân biệt, tâm không công
dung, lợi ích chúng sinh,

皆稱彼意無時暫捨。文殊師利。

giai xưng bỉ ý vô thời tạm xả 。

Văn Thù Sư Lợi 。

đều hợp ý họ, không lúc nào tạm bỏ. Văn-thù-sư-lợi,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。與一切功德相應。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。 dĩ nhất thiết công đức tương ứng 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, cùng tương ứng tất cả công đức,

三十二相八十種好。佛威神力悉能示現種種相貌。

tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo 。 Phật uy Thần lực tất năng thị hiện chủng chủng tướng mạo 。

ba mươi hai tướng, mười tám chủng tử, lực oai thần Phật đều có thể thị hiện đủ loại tướng mạo,

隨諸眾生根欲性行。或昇兜率或從彼下。或現處胎。

tùy chư chúng sinh căn dục tính hành 。 hoặc thăng Đâu Suất hoặc tòng bỉ hạ 。 hoặc hiện xử thai 。

tùy căn, dục, tính, hành các chúng sinh, hoặc lên Đâu-suất, hoặc xuống từ đó, hoặc hiện ở thai,

或現初生。或現童子。或園遊戲。或現出家。

hoặc hiện sơ sinh 。 hoặc hiện Đồng tử 。 hoặc viên du hí 。 hoặc hiện xuất gia 。

hoặc hiện mới sinh, hoặc hiện con nít, hoặc chơi trong vườn, hoặc hiện xuất gia,

或現苦行。或詣菩提樹。或現成佛。

hoặc hiện khổ hạnh 。 hoặc nghệ bồ đề thụ 。 hoặc hiện thành Phật 。

hoặc hiện khổ hạnh, hoặc đến cội Bồ-đề, hoặc hiện thành Phật,

或現轉法輪。或現涅槃。如是種種為諸眾生。

hoặc hiện chuyển Pháp luân 。 hoặc hiện Niết-Bàn 。 như thị chủng chủng vi chư chúng sinh 。

hoặc hiện chuyển Pháp luân, hoặc hiện Niết-bàn. Đủ loại như thế, vì các chúng sinh,

盡竭生死。文殊師利。

tận kiệt sinh tử 。 Văn Thù Sư Lợi 。

[dứt tận sinh tử. Văn-thù-sư-lợi,](#)

是名菩薩摩訶薩行般若波羅蜜境界。文殊師利菩薩白佛言。希有世尊。

thị danh Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật cảnh giới 。 Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật ngôn 。 hi hữu Thế Tôn 。

[đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát hành cảnh giới Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Hiếm có, Thế Tôn.](#)

如此甚深般若波羅蜜。諸佛境界不可思議。

như thử thậm thâm bát nhã ba la mật 。 chư Phật cảnh giới bất khả tư nghị 。

[Như Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này, cảnh giới chư Phật không thể nghĩ bàn.](#)

佛告文殊師利菩薩言。如是如是。如汝所說。

Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ngôn 。 như thị như thị 。 như như sở thuyết 。

[Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Đúng vậy. Đúng vậy. Như lời ông nói,](#)

般若波羅蜜是不共法不可思議。何以故。

bát nhã ba la mật thị bất-cộng Pháp bất khả tư nghị 。 hà dĩ cố 。

[Bát-nhã ba-la-mật là pháp không chung, không thể nghĩ bàn. Vì sao?](#)

一切凡夫聲聞緣覺。不能通達。非其境界故。

nhất thiết phàm phu thanh văn duyên giác 。 bất năng thông đạt 。 phi kỳ cảnh giới cố 。

Vì tất cả Phạm phu, Thanh Văn, Duyên Giác không thể thông đạt, không phải cảnh giới của họ;

除佛如來更無得者。何以故。

trừ Phật như lai canh vô đắc giả 。 hà dĩ cố 。

trừ Phật Như Lai, lại không có đắc. Vì sao?

如如之理義甚深故。自在不動無漏界攝。

như như chi lý nghĩa thậm thâm cố 。

tự-tại bất động vô lậu giới nhiếp 。

Vì lý Như Như, nghĩa sâu xa, tự tại bất động, thuộc giới vô lậu,

教化眾生利益圓滿。是以名為諸佛境界。過諸語言第一義攝。

giáo hóa chúng sinh lợi ích viên mãn 。

thị dĩ danh vi chư Phật cảnh giới 。

。 quá chư ngữ ngôn đệ nhất nghĩa nhiếp 。

giáo hóa chúng sinh, lợi ích tròn đủ; vì thế gọi là cảnh giới chư Phật. Vượt người nói năng, thuộc Đệ nhất nghĩa;

無有覺觀分別思量絕諸譬類。

vô hữu giác quán phân biệt tư lượng tuyệt chư ví loại 。

không có giác quán, phân biệt suy lường; không có ví dụ, so sánh;

一切法中最高上品。不住生死不住涅槃。文殊師利。

nhất thiết Pháp trung tối vi thượng phẩm 。

bất trụ sinh tử bất trụ Niết-Bàn 。

Văn Thù Sư Lợi 。

trong tất cả pháp là phẩm cao nhất; không ở sinh tử, không ở Niết-bàn. Văn-thù-sư-lợi,

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

凡有五事不可思議。一者自性。二者方處。三者住。四者一異。

phàm hữu ngũ sự bất khả tư nghị 。 nhất giả tự tính 。 nhị giả phương xử 。 tam giả trụ 。 tứ giả nhất dị 。

thường có năm việc không thể nghĩ bàn: Một là tự tính, hai là nơi chốn, ba là trú, bốn là đồng dị,

五者利益。文殊師利。云何自性不可思議。

ngũ giả lợi ích 。 Văn Thù Sư Lợi 。 vân hà tự tính bất khả tư nghị 。

năm là lợi ích. Văn-thù-sư-lợi, tự tính không thể nghĩ bàn là thế nào?

色即是如求不可得。離色有如求不可得。

sắc tức thị như cầu bất khả đắc 。 ly sắc hữu như cầu bất khả đắc 。

Sắc tức là Như, cầu không thể được; rời sắc có Như, cầu không thể được.

受想行識亦復如是。地大即如求不可得。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。 địa Đại tức như cầu bất khả đắc 。

Thọ, tưởng, hành, thức cũng thế. Đại chủng đất tức Như, cầu không thể được;

離地求如亦不可得。水火風大一切皆爾。

ly địa cầu như diệc bất khả đắc 。 thủy hỏa phong Đại nhất thiết giai nhĩ 。

rời đất cầu Như cũng không thể được. Đại chủng nước, lửa, gió, tất cả đều vậy.

眼入即如求不可得。離眼求如亦不可得。

nhãn nhập tức như cầu bất khả đắc 。 ly nhãn cầu như diệc bất khả đắc 。

Xứ của mắt tức Như, cầu không thể được; rời mắt cầu Như cũng không thể được.

耳鼻舌身意一切皆爾。有法是如求不可得。

nhĩ tỳ thiết thân ý nhất thiết giai nhĩ 。 hữu Pháp thị như cầu bất khả đắc 。

[tai, mũi, lưỡi, thân, ý, tất cả đều vậy. Pháp Hữu là Như, cầu không thể được;](#)

無法是如亦不可得。若在欲界不可思議。

vô Pháp thị như diệc bất khả đắc 。

nhược tại dục giới bất khả tư nghị 。

[pháp Vô là Như, cũng không thể được. Nếu ở giới Dục, không thể nghĩ bàn;](#)

若離欲界亦不可思議。色無色界一切皆爾。

nhược ly dục giới diệc bất khả tư nghị 。

sắc vô sắc giới nhất thiết giai nhĩ 。

[nếu rời giới Dục cũng không thể nghĩ bàn. Giới Sắc, Vô sắc, tất cả đều thế.](#)

若在東方不可思議。若離東方不可思議。

nhược tại Đông phương bất khả tư nghị 。

nhược ly Đông phương bất khả tư nghị 。

[Nếu ở phương Đông, không thể nghĩ bàn; nếu rời phương Đông, cũng không thể nghĩ bàn.](#)

南西北方四維上下一切皆爾。安樂住不可思議。

Nam Tây Bắc phương tứ duy thượng hạ nhất thiết giai nhĩ 。

an lạc trụ bất khả tư nghị 。

[Phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng, trên, dưới, tất cả đều thế. Trú an lạc, không thể nghĩ bàn.](#)

寂靜住不可思議。有心住不可思議。無心住不可思議。

tịch tĩnh trụ bất khả tư nghị 。

hữu tâm trụ bất khả tư nghị 。

vô tâm trụ bất khả tư nghị 。

Trú tịch tĩnh, không thể nghĩ bàn. Có tâm trú, không thể nghĩ bàn. Không tâm trú, không thể nghĩ bàn.

三世如來同在一處。自性清淨無漏法界。

tam thể Như Lai đồng tại nhất xứ 。 tự tính thanh tịnh vô lậu Pháp giới 。

Ba đời Như Lai cùng ở một chỗ, tự tính thanh tịnh, pháp giới Vô lậu.

若一若異不可思議。智慧神力同一法界。

nhược nhất nhược dị bất khả tư nghị 。 trí tuệ Thần lực đồng nhất Pháp giới 。

Hoặc đồng, hoặc dị, không thể nghĩ bàn. Thần lực trí tuệ đồng nhất với Pháp giới.

般若方便二相平等。能為眾生無量利益。

bát nhã phương tiện nhị tướng bình đẳng 。 năng vì chúng sinh vô lượng lợi ích 。

Bát-nhã, Phương tiện, hai tướng bình đẳng, có thể vì chúng sinh làm vô lượng lợi ích,

不可宣說過言語境。而能隨順眾生根性。

bất khả tuyên thuyết quá ngôn ngữ cảnh 。 nhi năng tùy thuận chúng sinh căn tính 。

không thể tuyên thuyết, vượt cảnh giới nói năng, nhưng có thể tùy thuận căn, tính chúng sinh

作種種說種種示現。三十二相八十種好。

tác chủng chủng thuyết chủng chủng thị hiện 。 tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo 。

mà dùng đủ loại lời lẽ, đủ loại thị hiện, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp,

隨眾生意如是現之。文殊師利菩薩白佛言。世尊。

tùy chúng sinh ý như thị hiện chi 。 Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

tùy ý chúng sinh mà hiện ra như vậy. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế Tôn,

何等名為三十二相八十種好。

hà đẳng danh vi tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo 。

những gì gọi là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp?

佛告文殊師利菩薩言。如來相好無窮無邊說不可盡。隨順世法。

Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ngôn 。 Như Lai tướng hảo vô cùng vô biên thuyết bất khả tận 。

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Tướng tốt của Như Lai vô cùng vô biên, nói không thể hết. Dựa theo pháp thế gian,

是以略說三十二相八十種好。一足下平滿。

thị dĩ lược thuyết tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo 。

nhên nói sơ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp. Một, lòng bàn chân bằng, đầy.

二行步平正三足下輪相悉具鞞鞞千輻莊嚴。

nhị hành bộ bình chính tam túc hạ luân tướng tất cụ cốc võng thiên phúc trang

Hai, bước đi ngay thẳng. Ba, hình bánh xe ở lòng bàn chân đều có đủ trục, vành, ngàn cái tăm trang nghiêm.

四手指纖長軟直節骨不現。五身大方正。

nghiêm 。

Bốn, ngón tay nhỏ, dài, mềm, thẳng, đốt xương không lộ. Năm, thân lớn vuông vắn.

六手足指網縵合猶如鵝王。

lục thủ túc chỉ võng man hợp do như 鵝 Vương 。

Sáu, ngón tay, chân có màng da nối như Ngỗng chúa.

七手掌如紅蓮華。八踝骨不現。九咽尼鹿王膊。十身軟直。

thất thủ chưởng như hồng liên hoa 。

bát hõa cốt bất hiện 。

cửu yết ni lộc Vương bạc 。

thập thân nhuễn trực 。

Bảy, lòng bàn tay như hoa sen hồng. Tám, mắt cá chân không lộ. Chín, cẳng chân Nai chúa. Mười, thân mềm, thẳng.

十一陰馬藏。十二身分滿足如尼拘盧陀樹。

thập nhất uẩn mã tạng 。

thập nhị thân phân mãn túc như ni câu lô đà thụ 。

Mười một, bộ phận sinh dục ẩn. Mười hai, thân thể đầy đủ như cây ni-câu-lô-đà.

十三身毛右旋。

thập tam thân mao hữu toàn 。

Mười ba, lông trên người vòng về phía phải.

十四一孔一毛皮膚細滑不受塵垢。十五身金色。十六圓光一丈。

thập tứ nhất khổng nhất mao bì phu tế hoạt bất thọ trần cấu 。

thập ngũ thân kim sắc 。

thập lục Viên Quang nhất trượng 。

Mười bốn, da ở mỗi lỗ chân lông nhỏ, trơn, không dính bụi, cấu. Mười lăm, thân sắc vàng. Mười sáu, ánh sáng tròn một trượng.

十七七處滿。十八師子臆。十九兩臂平正腋下滿。

thập thất thất xử mãn 。

thập bát sư tử ức 。

thập cửu lượng tý bình chính dịch hạ mãn 。

Mười bảy, bảy chỗ đầy đủ. Mười tám, ngực Sư tử. Mười chín, hai cánh tay thẳng, nách đầy.

二十兩臂圓直如象王鼻。立垂過膝。

nhị thập lượng tý viên trực như Tượng Vương tý 。 lập thùy quá tất 。

Hai mươi, hai cánh tay tròn, thẳng, như vòi Voi chúa, khi đứng thả xuống quá gối.

二十一口四十齒齊密相連白如珂雪。

nhị thập nhất khẩu tứ thập xỉ tề mật tướng liên bạch như kha tuyết 。

Hai mươi mốt, miệng có bốn mươi chiếc răng đều, dày, khít nhau, trắng như ngọc, tuyết.

二十二上下四牙狀如初月。二十三師子額。

nhị thập nhị thượng hạ tứ nha trạng như sơ nguyệt 。

sư tử ngạch 。

Hai mươi hai, bốn cái răng trên, dưới hình như trăng non. Hai mươi ba, trán Sư tử.

二十四頭團圓。二十五咽喉具足千脈。

nhị thập tứ đầu đoàn viên 。

nhị thập ngũ yết hầu cụ túc thiên mạch 。

Hai mươi bốn, đầu tròn. Hai mươi lăm, cổ họng có đủ ngàn mạch máu.

二十六胸骨如那羅延。二十七頂骨自然踊起。

nhị thập lục hung cốt như na la duyên 。

nhị thập thất đỉnh cốt tự nhiên dũng khởi 。

Hai mươi sáu, xương ngực như na-la-diên. Hai mươi bảy, xương đỉnh đầu nhô lên tự nhiên.

二十八舌相廣長如蓮華葉。二十九音聲如梵王天鼓。

nhị thập bát thiệt tướng quảng trường như liên hoa diệp 。

nhị thập cửu âm thanh như Phạm Vương Thiên cổ 。

Hai mươi tám, tướng lưới rộng dài, như lá hoa sen. Hai mươi chín, âm thanh như trống trời Phạm vương.

三十眼目青色如優鉢羅華。

tam thập nhãn mục thanh sắc như Ưu bát la hoa 。

Ba mươi, mắt màu xanh như hoa Ưu-bát-la.

三十一眼睫紺焰猶如牛王。三十二眉間白毫。文殊師利。

tam thập nhất nhãn tiệp cảm diệm do như ngưu Vương 。

tam thập nhị my gian bạch hào 。

Văn Thù Sư Lợi 。

Ba mươi mốt, lông mi màu đỏ, giống như Ngưu vương. Ba mươi hai, sợi lông trắng giữa hai hàng lông mày. Văn-thù-sư-lợi,

是名三十二相。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。

thị danh tam thập nhị tướng 。

Bồ Tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật 。

đó gọi là ba mươi hai tướng. Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật,

悉能成就如是功德。文殊師利。

tất năng thành tựu như thị công đức 。

Văn Thù Sư Lợi 。

đều có thể thành tựu công đức như thế. Văn-thù-sư-lợi,

云何名為八十種好。一無能見頂。二頂骨堅實。三額廣平正。

vân hà danh vi bát thập chủng hảo 。

nhất vô năng kiến đỉnh 。

nhị đỉnh cốt kiên thật 。

tam ngạch quảng bình chính 。

tám mươi vẻ đẹp là những gì? Một là không thể thấy đỉnh đầu. Hai, xương đỉnh đầu cứng, chắc. Ba, trán rộng, phẳng, thẳng.

四眉高而長形如初月。紺琉璃色。

tứ my cao nhi trường hình như sơ nguyệt 。

cảm lưu ly sắc 。

Bốn, lông mày cao mà dài, hình như trăng non, màu lưu-ly xanh tím.

五目廣長。六鼻高圓直而孔不現。

ngũ mục quảng trường 。 lục tý cao viên trực nhi khổng bất hiện 。

Năm, mắt rộng dài. Sáu, mũi cao, tròn, thẳng; lỗ mũi kín.

七耳厚廣長埵輪成就八身堅實如那羅延。九身分不可壞。

thất nhĩ hậu quảng trường đoả luân thành tựu bát thân kiên thật như na la duyen 。 cửu thân phân bất khả hoại 。

Bảy, tai dày, rộng, dài, có trái. Tám, thân rắn chắc, như Na-la-diên. Chín, thân thể không thể hư hoại.

十身節堅密。十一合身迴顧猶如象王。

thập thân tiết kiên mật 。 thập nhất hợp thân hồi cố do như Tượng Vương 。

Mười, đốt thân chắc, dày. Mười một, toàn thân quay nhìn giống như Voi chúa.

十二身有光明。十三身調直。十四常少不老。

thập nhị thân hữu quang-minh 。 thập tam thân điều trực 。

thập tứ thường thiếu bất lão 。

Mười hai, thân có ánh sáng. Mười ba, thân thẳng, cân đối. Mười bốn, thường trẻ không già.

十五身恒潤澤。十六身自將衛不待他人。

thập ngũ thân hằng nhuận trạch 。

thập lục thân tự tướng vệ bất đãi tha nhân 。

Mười lăm, thân thường óng mượt. Mười sáu, thân tự giữ, không nhờ người khác.

十七身分滿足。十八識滿足。十九容儀具足。

thập thất thân phân mãn túc 。 thập bát thức mãn túc 。 thập cửu dung nghi cụ túc 。

Mười bảy, phần thân đầy đủ. Mười tám, nhận biết đầy đủ. Mười chín, đầy đủ dung nghi.

二十威德遠震。二十一一切向不背他。

nhị thập uy đức viễn chấn 。 nhị thập nhất nhất thiết hướng bất bối tha 。

Hai mươi, oai đức vang xa. Hai mươi mốt, tất cả các hướng, không quay lưng với người khác.

二十二住處安隱不危動。

nhị thập nhị trụ xử an ổn bất nguy động 。

Hai mươi hai, chỗ ở an ổn, không nguy, động.

二十三面門如量不大不長。二十四面廣而平。

nhị thập tam diện môn như lượng bất Đại bất trường 。 nhị thập tứ diện quảng nhi bình 。

Hai mươi ba, khuôn mặt cân đối, không lớn, không dài. Hai mươi bốn, mặt rộng mà phẳng.

二十五面圓淨如滿月。二十六無顛容。二十七進止如象王。

nhị thập ngũ diện viên tịnh như mãn nguyệt 。 nhị thập lục vô tụy dung 。 nhị thập thất tiến chỉ như Tượng Vương 。

Hai mươi lăm, mặt tròn sáng như trăng tròn. Hai mươi sáu, không có vẻ tiều tụy.

Hai mươi bảy, đi đứng như Voi chúa.

二十八容儀如師子王。二十九行步如鵝王。

nhị thập bát dung nghi như Sư-tử Vương 。 nhị thập cửu hành bộ như nga Vương 。

Hai mươi tám, dung nghi như Sư tử chúa. Hai mươi chín, bước đi như Ngỗng chúa.

三十頭如摩陀那果。三十一身色光悅。

tam thập đầu như ma đà na quả 。 tam thập nhất thân sắc quang duyệt 。

Ba mươi, đầu như quả Ma-đà-na. Ba mươi mốt, màu thân sáng, tươi.

三十二足趺厚三十三爪如赤銅葉。

tam thập nhị túc phu hậu tam thập tam trảo như xích đồng diệp 。

Ba mươi hai, mu bàn chân dày. Ba mươi ba, móng tay như lá đồng đỏ.

三十四行時印文現地。三十五指文莊嚴。

tam thập tứ hành thời ấn văn hiện địa 。

Ba mươi bốn, lúc đi in dấu vân trên đất. Ba mươi lăm, ngón tay có vân trang nghiêm.

三十六指文明了不暗。三十七手文明直。三十八手文長。

tam thập lục chỉ văn minh liễu bất ám 。

Ba mươi sáu, vân ngón tay rõ ràng, không mờ. Ba mươi bảy, vân cánh tay rõ, thẳng. Ba mươi tám, vân cánh tay dài.

三十九手文不斷。四十手足如意。

tam thập cửu thủ văn bất đoạn 。

Ba mươi chín, vân cánh tay không bị đứt. Bốn mươi, tay chân như ý.

四十一手足紅白色如蓮華。四十二孔門相具。

tứ thập nhất thủ túc hồng bạch sắc như liên hoa 。 tứ thập nhị
khổng môn tướng cụ 。

Bốn mươi một, tay chân màu trắng hồng như hoa sen. Bốn mươi hai, tướng các
lỗ đầy đủ.

四十三行步不減。四十四行步不過。

tứ thập tam hành bộ bất giảm 。 tứ thập tứ hành bộ bất quá 。

Bốn mươi ba, bước đi không giảm. Bốn mươi bốn, bước đi không quá.

四十五行步安平。四十六臍深厚狀如盤蛇團圓右轉。

tứ thập ngũ hành bộ an bình 。 tứ thập lục tề thâm hậu trạng như
bàn xà đoàn viên hữu chuyển 。

Bốn mươi lăm, bước đi an bình. Bốn mươi sáu, lỗ rốn sâu, dày, giống như rắn
cuộn, xoay vòng về bên phải;

四十七毛色青紅如孔雀項。四十八毛色潤淨。

tứ thập thất mao sắc thanh hồng như Khổng-tước hạng 。 tứ thập
bát mao sắc nhuận tịnh 。

Bốn mươi bảy, màu lông xanh hồng như lông gáy Khổng tước. Bốn mươi tám,
màu lông mượt, sạch.

四十九身毛右靡。五十口出無上香身毛皆爾。

tứ thập cửu thân mao hữu mĩ 。 ngũ thập khẩu xuất vô thượng hương
thân mao giai nhĩ 。

Bốn mươi chín, lông trên mình xoắn về phía phải. Năm mươi, miệng tỏa mùi
thơm vô thượng, lông trên người cũng thế.

五十一脣色赤潤如頻婆果。

ngũ thập nhất Thần sắc xích nhuận như Tần-bà quả 。

Năm mươi một, màu môi đỏ như quả tần-bà.

五十二脣潤相稱。五十三舌形薄。五十四一切樂觀。

ngũ thập nhị Thần nhuận tướng xứng 。 ngũ thập tam thiết hình bạc
。 ngũ thập tứ nhất thiết lạc quán 。

Năm mươi hai, môi bóng, cân đối. Năm mươi ba, lưỡi mỏng. Năm mươi bốn, tất cả đều thích nhìn.

五十五隨眾生意和悅與語。

ngũ thập ngũ tùy chúng sinh ý hòa duyệt dữ ngữ 。

Năm mươi lăm, tùy ý chúng sinh, nói lời hòa nhã.

五十六於一切處無非善言。五十七若見人先與語。

ngũ thập lục ư nhất thiết xử vô phi thiện ngôn 。

ngũ thập thất nhược kiến nhân tiên dữ ngữ 。

Năm mươi sáu, ở mọi nơi không nói lời chẳng lành. Năm mươi bảy, nếu gặp người thì mở lời trước.

五十八音聲不高不下隨眾樂。

ngũ thập bát âm thanh bất cao bất hạ tùy chúng sinh lạc 。

Năm mươi tám, âm thanh không cao không thấp, tùy ý thích chúng sinh.

五十九說法隨眾語言。六十說法不著。六十一等觀眾生。

ngũ thập cửu thuyết Pháp tùy chúng sinh ngữ ngôn 。

lục thập thuyết Pháp bất trú 。

lục thập nhất đẳng quán chúng sinh 。

Năm mươi chín, nói pháp tùy theo ngôn ngữ của chúng sinh. Sáu mươi, nói pháp không vướng mắc. Sáu mươi mốt, xem chúng sinh như nhau.

六十二先觀後作。六十三發一音答眾聲。

lục thập nhị tiên quán hậu tác 。

lục thập tam phát nhất âm đáp chúng thanh 。

Sáu mươi hai, xét trước, làm sau. Sáu mươi ba, phát một âm đáp nhiều lời.

六十四說法次第皆有因緣。

lục thập tứ thuyết Pháp thứ đệ giai hữu nhân duyên 。

Sáu mươi bốn, thứ tự nói pháp đều có lý do.

六十五無有眾生能見相盡。六十六觀者無厭。六十七具足一切音聲。

lục thập ngũ vô hữu chúng sinh năng kiến tướng tận 。

lục thập lục quán giả vô yếm 。

lục thập thất cụ túc nhất thiết âm thanh 。

Sáu mươi lăm, không chúng sinh nào có thể thấy hết các tướng. Sáu mươi sáu, người nhìn thấy không chán. Sáu mươi bảy, đầy đủ tất cả âm thanh.

六十八顯現善色。

lục thập bát hiển hiện thiện sắc 。

Sáu mươi tám, hiển hiện sắc thiện.

六十九剛強之人見則調伏。恐怖者見即得安隱。七十音聲明淨。

lục thập cửu cương cường chi nhân kiến tắc điều phục 。

khủng phổ giả kiến tức đắc an ổn. thất thập âm thanh minh tịnh.

Sáu mươi chín, người ngang ngạnh nhìn thấy tức tuân phục, người lo sợ nhìn thấy tức được an ổn. Bảy mươi, âm thanh trong sáng.

七十一身不傾動。七十二身分大。七十三身長。

thất thập nhất thân bất khuynh động 。

thất thập nhị thân phân Đại 。

thất thập tam thân trường 。

Bảy mươi một, thân không nghiêng, động. Bảy mươi hai, phần thân to lớn. Bảy mươi ba, thân dài.

七十四身不染。七十五光遍身各一丈。

thất thập tứ thân bất nhiễm 。

thất thập ngũ quang biến thân các nhất trượng 。

Bảy mươi bốn, thân không bị nhiễm. Bảy mươi lăm, ánh sáng quanh thân một trượng.

七十六光照身而行。七十七身清淨。

thất thập lục quang chiếu thân nhi hành 。 thất thập thất thân thanh tịnh 。

Bảy mươi sáu, ánh sáng chiếu thân mà đi. Bảy mươi bảy, thân trong sạch.

七十八光色潤澤猶如青珠。七十九手足滿。八十手足德字。

thất thập bát quang sắc nhuận trạch do như thanh châu 。

thất thập cửu thủ túc mãn 。

bát thập thủ túc đức tự 。

Bảy mươi tám, ánh sáng có màu bóng loáng giống như ngọc xanh. Bảy mươi chín, tay chân đầy đặn. Tám mươi, tay chân có hình chữ đức.

勝天王般若波羅蜜經

thắng Thiên Vương bát nhã ba la mật Kinh

Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã ba-la-mật

讚歎品第十五

tán thán phẩm đệ thập ngũ

Phẩm 15: Khen Ngợi

爾時文殊師利菩薩即從坐起偏袒右肩。

nhĩ thời Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát tức tùng tọa khởi Thiên đản hữu kiên 。

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải,

右膝著地合掌向佛。頭面作禮而白佛言。世尊。

hữu tất trú địa hợp chưởng hướng Phật 。

đầu diện tác lễ nhi bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

gối phải sát đất, chắp tay hướng Phật, đầu mặt đánh lễ, bạch Phật: Thế Tôn,

如來功德希有無等不可思議。

Như Lai công đức hy hữu vô đẳng bất khả tư nghị 。

công đức Như Lai hiếm có, không gì bằng, không thể nghĩ bàn;

三世諸佛同一無別。若見如來或聞功德。

tam thế chư Phật đồng nhất vô biệt 。 nhược kiến Như Lai hoặc văn công đức 。

ba đời chư Phật đều như nhau, không khác. Nếu thấy Như Lai hoặc nghe công đức,

此等眾生亦不可思議。我等今日重見世尊轉大法輪。

thử đẳng chúng sinh diệc bất khả tư nghị 。 ngã đẳng kim nhật trọng kiến Thế Tôn chuyển Đại Pháp luân 。

những chúng sinh này cũng không thể nghĩ bàn. Chúng con, hôm nay, lại thấy Thế Tôn chuyển bánh xe Pháp lớn,

歡喜踊躍得未曾有。爾時文殊師利菩薩。

hoan hỷ dũng dục đắc vị tăng hữu 。 nhĩ thời Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát 。

vui mừng, sung sướng, được chưa từng có. Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi

即昇虛空高七多羅樹。合掌讚曰。

tức thăng hư không cao thất đa-la thụ 。

hợp chưởng tán viết 。

liền bay lên không, cao bằng bảy cây đa-la, chắp tay khen ngợi:

一切眾生	唯佛大尊	尚無等者
nhất thiết chúng sinh	duy Phật Đại tôn	thượng vô đẳng giả
Tất cả chúng sinh,	chỉ Phật lớn nhất,	không ai bằng được,

況當有勝	人法二空	理無等等
huống đương hữu thắng	nhân Pháp nhị không	lý vô đẳng đẳng
huống là cao hơn.	Ngã, pháp hai không,	lý không gì bằng.

唯佛如來	等無等等	煩惱習氣
------	------	------

duy Phật như lai đẳng vô đẳng đẳng phiền não tập khí
Chỉ Phật Như Lai, không ai ngang bằng. Tập khí phiền não,

永盡無餘 所知之法 皆悉明了
vĩnh tận vô dư sở tri chi Pháp giai tất minh liễu
sạch hết, không còn. Các pháp biết được, đều hiểu rõ ràng.

若智若說 無及佛者 大千世界
nhược trí nhược thuyết vô cập Phật giả Đại-Thiên thế giới
Hoặc trí, hoặc thuyết, không ai bằng Phật. Thế giới Đại thiên

唯佛獨尊 十力無畏 決定不虛
duy Phật độc tôn thập lực vô úy quyết định bất hư
chỉ Phật cao nhất. Mười lực vô úy, nhất định không giả.

若釋若梵 所不能得 世尊大恩
nhược thích nhược phạm sở bất năng đắc Thế Tôn Đại ân
Phạm thiên, Đế Thích, không thể có được. Ôn lớn Thế Tôn

於諸眾生 此事難思 無能及者
ư chư chúng sinh thử sự nan tư vô năng cập giả
đối với chúng sinh, việc này khó suy, không có ai bằng.

無量善巧 種種方便 以為眾生
vô lượng thiện xảo chủng chủng phương tiện dĩ vi chúng sinh
Vô lượng thiện xảo, đủ loại phương tiện, chỉ vì chúng sinh

令得利益
lệnh đắc lợi ích
khiến được lợi ích.

爾時眾中有一天子。名蘇樓波。

Bấy giờ, trong chúng có một Thiên tử, tên Tô-lâu-ba

(陳言妙色)即從座起。偏袒右肩右膝著地。

(trần ngôn diệu sắc)tức từ toạ khởi 。 Thiên đàn hữu kiên hữu tất trừ địa 。

(đời Trần dịch là Diệu Sắc), liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải,

合掌向佛頭面作禮。說偈讚云。

hợp chưởng hướng Phật đầu diện tác lễ 。 thuyết kệ tán vân 。

chấp tay hướng Phật, đầu mặt đánh lễ, nói kệ khen ngợi:

世間或說等佛者

thế gian hoặc thuyết đẳng Phật giả
Thế gian nói có người bằng Phật,

如是之言名口過

như thị chi ngôn danh khẩu quá
nói như thế là lỗi của miệng.

若說法王最極尊

nhược thuyết Pháp Vương tối cực tôn
Nếu nói là Vua Pháp tối cao,

此非虛妄為實語

thử phi hư vọng vi thật ngữ
là lời đúng đắn, không sai lạc.

人天之儔正問難

nhân Thiên chi trù chính vấn nan
Những hạng Trời, người lúc hỏi, vặn;

無有能折我大師

vô hữu năng chiết ngã Đại sư
không ai bẻ được Đại sư ta.

善逝降魔及外道

thiện thế hàng ma cập ngoại đạo
Thiện Thế trừ Ma và ngoại đạo,

將導世間至解脫

tướng đạo thế gian chí giải thoát
dắt dẫn thế gian đến giải thoát.

清淨四辯無窮說

thanh tịnh tứ biện vô cùng thuyết

Thanh tịnh, bốn Biện, thuyết không cùng. Thuốc quý cam lộ ban chúng sinh.

甘露妙藥施眾生

cam lộ diệu dược ví chúng sinh

遍觀諸法智無礙

biến quán chư Pháp trí vô ngại
Soi hết các pháp, Trí không ngại.

一切念中不減失

nhất thiết niệm trung bất giảm thất
Trong tất cả niệm, không giảm, mất.

大悲平等視眾生

Đại bi bình đẳng thị chúng sinh
Đại bi bình đẳng nhìn chúng sinh.

清淨之心世不染

thanh tịnh chi tâm thế bất nhiễm
Tâm thanh tịnh, pháp đời không nhiễm.

善能了知根欲性

thiện năng liễu tri căn dục tính
Có thể biết rõ căn, dục, tính.

隨所樂聞而應說

tùy sở lạc văn nhi ứng thuyết
Tùy điều muốn nghe mà tuyên thuyết.

煩惱差別非一種

phiền não sai biệt phi nhất chủng
Phiền não khác biệt, chẳng như nhau;

為示無量對治門

vi kì vô lượng đối trị môn
nên bày vô lượng cửa đối trị.

巧說因緣無如佛

xảo thuyết nhân duyên vô như Phật
Khéo nói nhân duyên, ai bằng Phật?

專以利益眾生故

chuyên dĩ lợi ích chúng sinh cố
Vì chỉ làm lợi ích chúng sinh.

值佛聞法不得道

trị Phật văn Pháp bất đắc đạo
Gặp Phật, nghe pháp, không đắc đạo, những chúng sinh này thật khó độ.

是等眾生度極難

thị đẳng chúng sinh độ cực nan

如來大名應渴仰

Như Lai Đại danh ứng khát ngưỡng
Đại danh Như Lai nên khát ngưỡng;

得見世尊無限益

đắc kiến Thế Tôn vô hạn ích
được thấy Thế Tôn, lợi không cùng.

佛智能令心清淨

Phật trí năng lệnh tâm thanh tịnh

既聞正教出生死

ký văn chính giáo xuất sinh tử

Trí Phật thường khiến tâm thanh tịnh. Đã nghe Chính giáo, thoát sinh tử.

聞佛名號大吉祥

văn Phật danh hiệu Đại cát tường

Nghe danh hiệu Phật, thật tốt lành.,

憶念世尊恒喜樂

ức niệm Thế Tôn hằng thiện lạc

Nhớ nghĩ Thế Tôn, thường vui sướng.

發心詣佛生慧解

phát tâm nghê Phật sinh tuệ giải

Phát tâm gần Phật, sinh Tuệ, Giải.

如教勤修成種智

như giáo tinh siêng tu thành chủng trí

Siêng tu như giáo, thành Chủng trí.

戒品清淨故無垢

giới phẩm thanh tịnh cố vô cấu

Vì giới phẩm thanh tịnh, không cấu.

禪定第一心澄明

Thiền định đệ nhất tâm trừng minh

Thiền định đệ nhất, tâm sáng trong.

智惠最勝故難動

trí huệ tối thắng cố nan động

Trí huệ tối thắng nên khó động.

法海清淨如甘露

Pháp hải thanh tịnh như cam lộ

Biển pháp thanh tịnh như cam lộ.

一切眾生喜放逸

nhất thiết chúng sinh hỉ phóng dật

Tất cả chúng sinh vui buông thả;

諸佛如來離世間

chư Phật như lai ly thế gian

chư Phật Như Lai lìa thế gian,

等慈眾生如一子

đẳng từ chúng sinh như nhất tử

đều thương chúng sinh như con một,

恩德深厚無能報

ân đức thâm hậu vô năng báo

ân đức sâu dày, không thể báo.

先說破諸結賊法

tiên thuyết phá chư kết tặc Pháp

Trước thuyết pháp phá các giặc tặc;

久摧天魔幻化軍

cửu tồi Thiên ma huyền hóa quân

đã trừ Ma trời, quân huyền hóa.

世尊已說三有過

廣示涅槃無量德

Thế Tôn dĩ thuyết tam hữu quá quảng kì Niết-Bàn vô lượng đức
Thế Tôn đã nói lỗi ba cõi, rộng bày vô lượng đức Niết-bàn.

爾時眾中有一天子。

nhĩ thời chúng trung hữu nhất Thiên tử。

Bấy giờ, trong chúng có một Thiên tử

名蘇那摩(陳言善名)即從座起。偏袒右肩右膝著地。合掌向佛頭面作禮。

danh tô na ma (trần ngôn thiện danh)tức tùng toạ khởi 。 Thiên
đản hữu kiên hữu tất trú địa 。 hợp chưởng hướng Phật đầu diện tác
lễ 。

tên Tô-na-ma (đời Trần dịch là Thiện Danh), liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai
bên phải, gối phải sát đất chấp tay hướng Phật, đầu mặt đánh lễ,

說偈讚云。

thuyết kệ tán vân 。

nói kệ khen ngợi:

如來世尊行大悲

như lai thế tôn hành Đại bi

Như Lai Thế Tôn hành Đại bi,

設可度智與他者

thiết khả độ trí dữ tha giả

lập Trí giải thoát bày cho người,

尚令調達最前得

thượng lệnh điều đạt tối tiền đắc

còn khiến thuận thực, đạt trước tiên;

況復其餘眾生類

huống phục kỳ dư chúng sinh loại

huống là chúng sinh còn lại khác.

我今不慚為空過

ngã kim bất khiếp vi không quá

Con nay không chịu để uổng phí.

修治正行報佛恩

tu trì chính hành báo Phật ân

Tu sửa, hành đúng, trả ơn Phật.

有人已證無漏滅

是於佛恩未為報

hữu nhân dĩ chứng vô lậu diệt
Có người đã chứng Diệt Vô lậu,

thị ư Phật ân vị vi báo
vẫn chưa phải là trả ơn Phật.

若能修行佛正教

乃得名為真佛子

nhược năng tu hành Phật chính giáo
Nếu thường tu hành Chính giáo Phật,

nãi đắc danh vi chân Phật-Tử
mới được gọi là Phật tử thật.

佛久勤苦為眾生

無上大恩罕能報

Phật cứu tinh cần khổ vì chúng sinh
Phật đã cần, khổ vì chúng sinh,

vô thượng Đại ân hãn năng báo
ơn lớn vô thượng khó báo được.

大慈開顯真實法

令人修行兼化他

Đại từ khai hiển chân thật Pháp
Đại từ mở bày Pháp chân thật,

lệnh nhân tu hành kiêm hóa tha
khiến người tu hành, lại độ người.

若佛如來不出世

一切眾生受大苦

nhược Phật như lai bất xuất thế
Nếu Phật Như Lai không ra đời,

nhất thiết chúng sinh thọ Đại khổ
tất cả chúng sinh chịu khổ lớn;

無復善道唯惡趣

但聞三塗苦惱聲

vô phục thiện đạo duy ác thú
không về đường lành, chỉ đường ác,

đãn văn tam đồ khổ não thanh
chỉ nghe tiếng khổ não ba đường.

六道受苦無免脫

煩惱繫縛眾生故

lục đạo thọ khổ vô miễn thoát
Chịu khổ sáu đường không thoát khỏi,

phiền não hệ phọc chúng sinh cố
vì phiền não trói buộc chúng sinh.

世尊能解他毒結

翻為大悲之所繫

Thế Tôn năng giải tha độc kết
Thế Tôn giải độc, kết của người;

phiên vi Đại bi chi sở oanh
lại vì ràng buộc bởi Đại bi.

佛是世間大福田
Phật thị thế gian Đại phúc điền
Phật là ruộng phước lớn thế gian,

若違佛教不修行
nhược vi Phật giáo bất tu hành
Nếu trái lời Phật, chẳng tu hành,

有人於佛起惡心
hữu nhân ư Phật khởi ác tâm
Có người khởi tâm ác với Phật,

是等眾生甚可悲
thị đẳng chúng sinh thậm khả bi
chúng sinh như thế thật đáng thương,

如佛世尊自知智
như Phật Thế Tôn tự tri trí
Như Trí tự biết Phật Thế Tôn,

佛智非我所量測
Phật trí phi ngã sở lượng trắc
Trí Phật, con không thể đo lường;

無畏智力不共法
vô úy trí lực bất-cộng Pháp
Trí, lực vô úy, Pháp bất cộng,

相好莊嚴微妙音
tướng hảo trang nghiêm vi Diệu-Âm
Tướng tốt trang nghiêm, âm vi diệu,

依教正修離惡道
y giáo chính tu ly ác đạo
nương giáo, chính tu, rời đường ác.

是人永無生善趣
thị nhân vĩnh vô sinh thiện thú
vĩnh viễn không sinh vào đường thiện.

或復不樂聞深法
hoặc phục bất lạc văn thâm Pháp
hoặc lại không thích nghe Pháp sâu;

決定永當處黑暗
quyết định vĩnh đương xử hắc ám
nhất định ở mãi nơi tăm tối.

其等如來乃能了
kỳ đẳng Như Lai nãi năng liễu
ai bằng Như Lai mới hiểu được.

頭面敬禮十方尊
đầu diện kính lễ thập phương tôn
đầu, mặt kính lễ mười phương Tôn,

唯佛世尊獨圓備
duy Phật Thế Tôn độc viên bị
chỉ Phật Thế Tôn mới tròn đủ.

觀者無厭超眾色
quán giả vô yếm siêu chúng sắc
người nhìn không chán, vượt các sắc.

三種開敷不暫息

tam chủng khai phu bất tạm tức
Mở bày ba thứ, không tạm nghỉ,

清淨佛華我今禮

thanh tịnh Phật hoa ngã kim lễ
con nay lễ hoa Phật thanh tịnh.

唯佛善知無上道

duy Phật thiện tri vô thượng đạo
Chỉ Phật khéo biết đạo Vô thượng,

出離一切諸險難

xuất ly nhất thiết chư hiểm nan
ra khỏi tất cả mọi hiểm nạn.

佛為無上最第一

Phật vi vô thượng tối đệ nhất
Phật là bậc vô thượng, cao tột.

頭面敬禮兩足尊

đầu diện kính lễ lưỡng túc tôn
Đầu mặt kính lễ Lưỡng túc tôn.

佛以功德正法水

Phật dĩ công đức chính Pháp thủy
Phật dùng nước công đức Chính pháp

洗諸垢穢悉無餘

tẩy chư cấu uế tất vô dư
rửa sạch chẳng còn chút cấu uế.

世尊本來內外淨

Thế Tôn bản lai nội ngoại tịnh
Thế Tôn vốn trong ngoài thanh tịnh;

我今頂禮真淨身

ngã kim đỉnh lễ chân tịnh thân
con nay đảnh lễ Thân chân tịnh.

爾時娑婆世界主大梵天即從坐起偏袒右肩。

nhĩ thời Sa Bà thế giới chủ Đại Phạm Thiên tức tùng tọa khởi Thiên đản
hữu

Bấy giờ, chủ thế giới Ta-bà Đại Phạm thiên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai
bên phải,

右膝著地合掌向佛。頭面作禮以偈讚云。

kiên 。 hữu tất trú địa hợp chưởng hướng Phật 。 đầu diện tác lễ dĩ kệ
tán vân 。

gối phải sát đất, chắp tay hướng Phật, đầu mặt đảnh lễ, dùng kệ khen rằng:

功德智慧佛具足
công đức trí tuệ Phật cụ túc
Công đức, trí tuệ, Phật đầy đủ,

常雨甘露令眾飽
thường vũ cam lộ lệnh chúng bão
thường mưa cam lộ, khiến no đủ;

世間最勝可敬者
thế gian tối thắng khả kính giả
Người đáng kính nhất ở thế gian,

諸惡斯盡眾善備
chư ác tử tận chúng thiện
Các ác nay hết, đủ các thiện;

靡有一行不修學
mĩ hữu nhất hành bất tu học
Không một hạnh nào không tu học,

今度生死得安樂
kim độ sinh tử đắc an lạc
Nay vượt sinh tử, được an lạc;

敬禮微妙金色身
kính lễ vi diệu kim sắc thân
Kính lễ thân sắc vàng vi diệu,

敬禮清淨無垢智
kính lễ thanh tịnh vô cấu trí

利益眾生不暫休
lợi ích chúng sinh bất tạm hưu
lợi ích chúng sinh không ngừng nghỉ,

我今頂禮能利他
ngã kim đỉnh lễ năng lợi tha
con nay con đánh lễ Bậc lợi người.

此人猶故恭敬佛
thử nhân do cố cung kính Phật
người như thế vẫn cung kính Phật.

我今頂禮無等尊
bị ngã kim đỉnh lễ vô đẳng tôn
con nay đánh lễ Vô Đẳng Tôn.

為欲救拔眾生故
vi dục cứu bạt chúng sinh cố
vì muốn cứu độ hết chúng sinh;

我今頂禮救世師
ngã kim đỉnh lễ cứu thế sư
con nay đánh lễ Cứu Thế Sư.

敬禮所說甘露法
kính lễ sở thuyết cam lộ Pháp
kính lễ Pháp cam lộ được nói,

敬禮一切功德林
kính lễ nhất thiết công đức lâm

kính lễ Trí thanh tịnh vô cấu, kính lễ tất cả rừng công đức.

爾時世尊告大梵天言。善哉善哉。

nhĩ thời Thế Tôn cáo Đại Phạm Thiên ngôn 。 Thiện tai Thiện tai 。

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Đại Phạm thiên: Lành thay! Lành thay!

如大梵天所讚。世尊。此事真實。何以故。

như Đại Phạm Thiên sở tán 。 Thế Tôn 。 thữ sự chân thật 。 hà dĩ cố 。

Như Đại Phạm thiên khen ngợi Thế Tôn, việc này có thật. Vì sao?

諸佛如來於無量劫。修習種種功德智慧。

chư Phật như lai ư vô lượng kiếp 。 tu tập chủng chủng công đức trí tuệ 。

Vì chư Phật Như Lai trong vô lượng kiếp, tu tập đầy đủ công đức, trí tuệ,

是故得果無不備足。何以故。具足檀波羅蜜。尸波羅蜜。

thị cố đắc quả vô bất bị túc 。 hà dĩ cố 。 cụ túc đàn ba la mật 。 thi ba la mật 。

vì thế quả đắc được, không gì không đầy đủ. Vì sao? Vì đầy đủ Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật,

羼提波羅蜜。毘梨耶波羅蜜。禪波羅蜜。

Sạn-Đề ba la mật 。 Bì-lê-Da ba la mật 。 Thiền ba la mật 。

Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la mật,

般若波羅蜜。身清淨。口清淨。意清淨。

bát nhã ba la mật 。 thân thanh tịnh 。 khẩu thanh tịnh 。 ý thanh tịnh 。

Bát-nhã ba-la-mật; thân thanh tịnh, khẩu thanh tịnh, ý thanh tịnh.

以是清淨故能通達如如實際。

dĩ thị thanh tịnh cố năng thông đạt như như thật tế 。
Vì thanh tịnh như thế nên có thể thông đạt Thực tế Như Như.

諸佛世尊住此實際所言不虛。爾時大梵天即從坐起偏袒右肩。
chư Phật Thế Tôn trụ thủ thật tế sở ngôn bất hư 。 nhĩ thời Đại
Phạm Thiên tức tùng tọa khởi Thiên đản hữu kiên 。
Chư Phật Thế Tôn trú Thực tế này nên lời nói không giả dối. Bấy giờ, Đại Phạm
thiên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải,

右膝著地合掌向佛。頭面作禮而白佛言。
hữu tất trú địa hợp chưởng hướng Phật 。 đầu diện tác lễ nhi bạch Phật
ngôn 。
gối phải sát đất, chắp tay hướng Phật, đầu mặt đánh lễ, bạch Phật:

唯願世尊。以住持力令此般若波羅蜜久在世間。
duy nguyện Thế Tôn 。 dĩ trú trì lực lệnh thủ bát nhã ba la mật cứu
tại thế gian 。
Xin nguyện Thế Tôn dùng lực trụ giữ khiến Bát-nhã ba-la-mật này trụ lâu dài ở
thế gian.

佛告大梵天言。十方三世諸佛住持力。
Phật cáo Đại Phạm Thiên ngôn 。 thập phương tam thế chư Phật trú trì lực
。
Phật bảo Đại Phạm thiên: Lực trụ giữ của ba đời chư Phật mười phương

咸皆擁護是般若波羅蜜。
hàm giai ủng hộ thị bát nhã ba la mật 。

đều ủng hộ Bát-nhã ba-la-mật này.

世間若天若魔沙門婆羅門。無有能壞作障礙者。何以故。

thế gian nhược Thiên nhược ma Sa Môn Bà-la-môn 。 vô hữu năng hoại tác chướng ngại giả 。 hà dĩ cố 。

[Hoặc Trời hoặc Ma, Sa-môn, Bà-la-môn, không ai có thể hủy hoại, ngăn ngại. Vì sao?](#)

我念過去世。

ngã niệm quá khứ thế 。

[Ta nhớ đời quá khứ](#)

有佛名寶月如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊
hữu Phật danh bảo nguyệt Như Lai Ứng-Cúng Chính-biến-Tri Minh-hạnh-
Túc thiện thệ thế gian giải Vô-thượng-Sĩ điều ngự trượng phu Thiên Nhơn
Sư Phật thế tôn

[có Phật hiệu Bảo Nguyệt Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri Minh Hạnh Túc
Thiện Thệ Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhân Sư
Phật Thế Tôn;](#)

國名不毀劫名讚歎。是佛眾中有二比丘。

。 quốc danh bất hủy kiếp danh tán thán 。 thị Phật chúng trung
hữu nhị bỉ khâu 。

[nước tên Bất Hủy; kiếp tên Tán Thán. Trong chúng của Phật này, có hai tỷ-khưu](#)

而為法師善能說法。一名智盛。二名實與。

nhị vi Pháp sư thiện năng thuyết Pháp 。 nhất danh trí thịnh 。 nhị
danh thật dữ 。

[là Pháp sư, khéo có thể thuyết pháp; một là Trí Thịnh, hai là Thực Dữ.](#)

是二比丘隨佛轉法輪。正經一劫。

thị nhị bỉ khâu tùy Phật chuyển Pháp luân 。 chính Kinh nhất kiếp
。

[Hai tỷ-khưu này theo Phật chuyển bánh xe Pháp, qua đúng một kiếp.](#)

三千大千世界百億諸魔。悉皆受化發菩提心。

tam Thiên Đại Thiên thế giới bách ức chư ma 。 tất giai thọ hóa phát bồ đề tâm 。

Trăm ức các Ma ở Tam thiên đại thiên thế giới thấy đều nhận được sự giáo hóa, phát tâm Bồ-đề.

爾時扇多意菩薩摩訶薩即從坐起偏袒右肩。

nhĩ thời phiến đa ý Bồ Tát Ma-Ha tát tức tùng tọa khởi Thiên đản hữu kiên 。

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Phiến-đa Ý liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải,

右膝著地合掌向佛。頭面作禮而白佛言世尊。

hữu tất trú địa hợp chưởng hướng Phật 。 đầu diện tác lễ nhi bạch Phật ngôn Thế Tôn 。

gối phải sát đất, chắp tay hướng Phật, đầu mặt đánh lễ, bạch Phật: Thế Tôn,

寶月如來為猶在世已入涅槃。

bảo nguyệt Như Lai vi do tại thế dĩ nhập Niết-Bàn 。

Như Lai Bảo Nguyệt vẫn còn tại thế hay đã nhập Niết-bàn?

佛告扇多意菩薩言。善男子。東方去此過十百千億諸佛世界。

Phật cáo phiến đa ý Bồ Tát ngôn 。 thiện nam tử 。 Đông phương khứ thử quá thập bách thiên ức chư Phật thế giới 。

Phật bảo Bồ-tát Phiến-đa Ý: Thiện nam tử, ở phương Đông cách đây mười trăm ngàn ức thế giới chư Phật,

有一世界名曰不毀。佛壽十千劫。

hữu nhất thế giới danh viết bất hủy 。

Phật thọ thập thiên kiếp 。

có một thế giới tên là Bất Hủy, Phật sống mười ngàn kiếp.

彼佛國土說般若波羅蜜。

bỉ Phật quốc thổ thuyết bát nhã ba la mật 。

[Đấy nước Phật đó thuyết Bát-nhã ba-la-mật,](#)

無有天魔及諸外道能為障礙。皆悉發心向阿耨多羅三藐三菩提。

vô hữu Thiên ma cập chư ngoại đạo năng vi chướng ngại 。

giai tất phát tâm hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

[không có Thiên ma và các ngoại đạo có thể gây trở ngại; tất cả đều phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác.](#)

智盛比丘即文殊師利菩薩是。

trí thịnh bỉ khâu tức Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát thị 。

[Tỷ-khưu Trí Thịnh tức Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi;](#)

實與比丘即勝天王是。此等二人善巧方便種種擁護。

thật dữ bỉ khâu tức thắng Thiên Vương thị 。

thử đẳng nhị nhân thiện xảo phương tiện chủng chủng ủng hộ 。

[Tỷ-khưu Thực Dữ tức Thắng Thiên Vương. Hai người này khéo dùng phương tiện thiện xảo ủng hộ mọi điều,](#)

令般若波羅蜜久久住世。十方佛土說般若波羅蜜。

lệnh bát nhã ba la mật cửu cửu trụ thế 。

thập phương Phật thổ thuyết bát nhã ba la mật 。

[khiến Bát-nhã ba-la-mật trú lâu trong thế gian. Mười phương nước Phật thuyết Bát-nhã ba-la-mật,](#)

此之二人即來聽受。猶我今日放大光明。

thử chi nhị nhân tức lai thính thọ 。

do ngã kim nhật phóng Đại quang-minh 。

[hai vị này đều đến nghe, nhận. Giống như nay Ta phóng ánh sáng lớn,](#)

尋光來集。

tầm quang lai tập 。

liền theo ánh sáng đến tập hội.

勝天王般若波羅蜜經

thắng Thiên Vương bát nhã ba la mật Kinh

Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã ba-la-mật

付囑品第十六

phó chúc phẩm đệ thập lục

Phẩm 16: Giao Phó

爾時世尊告阿難言。

nhĩ thời Thế Tôn cáo A Nan ngôn 。

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

汝可受持此般若波羅蜜修多羅。爾時阿難即從坐起偏袒右肩。

nhữ khả thọ trì thử bát nhã ba la mật tu đa-la 。

nhĩ thời A Nan tức
tùng tọa khởi Thiên đản hữu kiên 。

Ông có thể nhận, giữ kinh Bát-nhã ba-la-mật này. Bấy giờ, A-nan liền từ chỗ ngồi
đứng dậy, trần vai bên phải,

右膝著地合掌向佛。頭面作禮白佛言世尊。

hữu tất trú địa hợp chưởng hướng Phật 。

đầu diện tác lễ bạch Phật ngôn
Thế Tôn 。

gối phải sát đất, chấp tay hướng Phật, đầu mặt đánh lễ, bạch Phật: Thế Tôn,

云何受持。佛告阿難言。

vân hà thọ trì 。

Phật cáo A Nan ngôn 。

nhận, giữ là thế nào? Phật bảo A-nan:

受持此修多羅有十種法。何等為十。一者書寫。二者供養。

thọ trì thử tu đa-la hữu thập chủng Pháp 。 hà đẳng vi thập 。 nhất
giả thư tả 。 nhị giả cung dưỡng 。

Nhận, giữ kinh này có mười pháp. Thế nào là mười? Một, biên chép; hai, cúng
dưỡng;

三者流傳。四者諦聽。五者自讀。六者憶持。

tam giả lưu truyện 。 tứ giả đế thính 。 ngũ giả tự độc 。 lục giả
ức trì 。

ba, lưu truyền; bốn, nghe kỹ; năm, tự đọc; sáu, nhớ, giữ;

七者廣說。八者口誦。九者思惟。十者修行。阿難。

thất giả quảng thuyết 。 bát giả khẩu tụng 。 cửu giả tư duy 。 thập
giả tu hành 。 A Nan 。

bảy, rộng nói; tám, miệng tụng; chín, suy tư; mười, tu hành. A-nan,

此十種法能受持此修多羅阿難譬如大地一切

thử thập chủng Pháp năng thọ trì thử tu đa-la A Nan ví như Đại
địa nhất thiết

mười pháp này có thể nhận, giữ kinh này. A-nan, ví như mặt đất, tất cả

樹林花藥皆依而生。

thụ lâm hoa dược giai y nhi sinh 。

cây, rừng, hoa, thuốc đều nương tựa để sinh.

一切善法皆依般若波羅蜜生。阿難。

nhất thiết thiện Pháp giai y bát nhã ba la mật sinh 。

Tất cả pháp lành đều nương Bát-nhã ba-la-mật sinh. A-nan,

譬如轉輪聖王若在世間七寶常現。般若波羅蜜亦復如是。

ví như Chuyển luân Thánh Vương nhược tại thế gian thất bảo thường hiện 。 bát nhã ba la mật diệc phục như thị 。

ví như Chuyển Luân Thánh Vương, nếu tại thế gian thì thường hiện bảy báu; Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế.

此修多羅若在世間。則三寶種常不斷絕。

thử tu đa-la nhược tại thế gian 。 tắc Tam Bảo chủng thường bất đoạn tuyệt 。

Kinh này nếu tại thế gian thì Tam bảo thường hằng, không đứt đoạn.

爾時大眾一時咸同觀如來面。異口共音俱發聲言。諸善男子。

nhĩ thời Đại chúng nhất thời hàm đồng quán Như Lai diện 。 dị khẩu cộng âm câu phát thanh ngôn 。 chư thiện nam tử 。

Bấy giờ, đại chúng cùng lúc nhìn vào khuôn mặt của Như Lai, cùng nói rằng: Sau khi Như Lai diệt độ,

如來滅後誰能荷負。世尊。如是之大重擔。

Như Lai diệt hậu thùy năng hà phụ 。 Thế Tôn 。 như thị chi Đại trọng đấm 。

ai trong các thiện nam tử có thể gánh vác? Thế Tôn, gánh nặng lớn như thế,

無量無邊阿僧祇劫。

vô lượng vô biên a tăng kì kiếp 。

vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp

所可修習阿耨多羅三藐三菩提。爾時眾中有一萬二千菩薩摩訶薩。

sở khả tu tập a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 nhĩ thời chúng trung hữu nhất vạn nhị thiên Bồ Tát Ma-Ha tát 。

mới có thể tu tập Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Bấy giờ, trong chúng có một vạn hai ngàn Bồ-tát Ma-ha-tát,

為護持法故。即從坐起偏袒右肩。

vi hộ Trì Pháp cố 。 tức tòng tọa khởi Thiên đản hữu kiên 。

vi hộ trì pháp, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải,

右膝著地合掌向佛。頭面作禮說偈讚云。

hữu tất trú địa hợp chưởng hướng Phật 。 đầu diện tác lễ thuyết kệ tán vân 。

gối phải sát đất, chắp tay hướng Phật, đầu mặt đánh lễ, nói kệ khen rằng:

我等捨身命

不求未來報

ngã đặng xả thân mạng

bất cầu vị lai báo

Chúng con bỏ thân, mạng,

không cầu báo vị lai,

護持甚深法

世尊之所說

hộ trì thâm thâm Pháp

Thế Tôn chi sở thuyết

giữ gìn Pháp sâu xa

đã được Thế Tôn dạy.

爾時眾中五百天子賢王為上首。即從坐起。

nhi thời chúng trung ngũ bách Thiên tử hiền Vương vi thượng thủ 。 tức tòng tọa khởi 。

Bấy giờ, trong chúng có năm trăm thiên tử, đứng đầu là Hiền Vương, liền từ chỗ ngồi đứng dậy,

偏袒右肩右膝著地合掌向佛頭面作禮。

Thiên đản hữu kiên hữu tất trú địa hợp chưởng hướng Phật đầu diện tác lễ 。

trần vai bên phải, gối phải sát đất, chắp tay hướng Phật, đầu mặt đánh lễ,

說偈讚云。

thuyết kệ tán vân 。

nói kệ khen rằng:

為度諸眾生 成就大悲願
vi độ chư chúng sinh thành tựu Đại bi nguyện
Vì độ các chúng sinh, thành tựu nguyện Đại bi,

護持甚深法 世尊之所說
hộ trì sâu xa Pháp Thế Tôn chi sở thuyết
giữ gìn Pháp sâu xa đã được Thế Tôn dạy.

爾時釋提桓因尸棄大梵毘沙門天王。

nhĩ thời thích đề hoàn nhân Thi-khí Đại phạm ti sa môn Thiên Vương 。
Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân, Đại Phạm Thi-khí, Thiên vương Tỳ-sa-môn

即從坐起。偏袒右肩右膝著地。

tức tùng tọa khởi 。 Thiên đàn hữu kiên hữu tất trú địa 。
liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải, gối phải sát đất,

合掌向佛頭面作禮。說偈讚云。

hợp chưởng hướng Phật đầu diện tác lễ 。 thuyết kệ tán vân 。
chắp tay hướng Phật, đầu mặt đánh lễ, nói kệ khen rằng:

般若微妙藥 能治一切病
bát nhã vi diệu dược năng trị nhất thiết bệnh
Thuốc vi diệu Bát-nhã thường trị tất cả bệnh.

我等頂戴持 世尊之所說
ngã đẳng đảnh đai trì Thế Tôn chi sở thuyết
Chúng con đội, mang, giữ lời Thế Tôn đã dạy.

爾時執金剛神即從坐起。

nhĩ thời chấp Kim cương Thần tức tùng tọa khởi 。

Bấy giờ, Thần Chấp Kim Cương liền từ chỗ ngồi đứng dậy,

偏袒右肩右膝著地。合掌向佛頭面作禮。說偈讚云。

Thiên đản hữu kiên hữu tất trú địa 。 hợp chưởng hướng Phật đầu
diện tác lễ 。 thuyết kệ tán vân 。

trần vai bên phải, gối phải sát đất, chấp tay hướng Phật, đầu mặt đánh lễ, nói kệ
khen rằng:

法本無名字

佛以名字說

Pháp bản vô danh tự

Phật dĩ danh tự thuyết

Pháp vốn không danh tự,

Phật dùng danh tự nói.

世尊大悲教

我等頂戴持

Thế Tôn Đại bi giáo

ngã đẳng đỉnh đài trì

Đại bi Thế Tôn dạy,

chúng con đội, mang, giữ.

爾時世尊告尸棄梵天言。梵天。

nhĩ thời Thế Tôn cáo Thi-khí Phạm Thiên ngôn 。 Phạm Thiên 。

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Phạm thiên Thi-khí: Phạm thiên,

佛有三事最為無上。何等為三。

Phật hữu tam sự tối vi vô thượng 。 hà đẳng vi tam 。

Phật có ba việc tối thượng. Thế nào là ba?

一者能發阿耨多羅三藐三菩提心。二者護持正法。三者如聞修行。

nhất giả năng phát a nậu đa la tam miếu tam Bồ-đề tâm 。 nhị giả hộ trì
chính Pháp 。 tam giả như văn tu hành 。

Một, có thể phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác; hai, giữ gìn Chính pháp;
ba, tu hành đúng như nghe.

梵天。如此三法最為無上。若復有人能修行者。

Phạm Thiên 。 như thử tam Pháp tối vi vô thượng 。 nhược phục hữu nhân năng tu hành giả 。

Phạm thiên, như ba pháp này là tối thượng. Nếu lại có người có thể tu hành,

此人名為供養如來。

thử nhân danh vi cung dưỡng Như Lai 。

người này gọi là cúng dường Như Lai.

佛若在世一劫若減一劫。說彼功德不能究盡。梵天。

Phật nhược tại thế nhất kiếp nhược giảm nhất kiếp 。 thuyết bỉ công đức bất năng cứu tận 。

Nếu Phật tại thế một kiếp hoặc giảm một kiếp, nói công đức người đó cũng không thể hết. Phạm thiên,

若護持如來一四句偈。

nhược hộ trì Như Lai nhất tứ cú kệ 。

nếu giữ gìn bài kệ bốn câu của Như Lai,

是人功德尚不可量況復般若波羅蜜三世佛母。何以故。梵天。

thị nhân công đức thượng bất khả lượng huống phục bát nhã ba la mật tam thế Phật mẫu 。

công đức người này còn không thể lường; huống là Bát-nhã ba-la-mật, là Mẹ của Phật ba đời. Vì sao? Phạm thiên,

諸佛如來皆從般若波羅蜜生。以法供養。

chư Phật như lai giai tòng bát nhã ba la mật sinh 。

chư Phật Như Lai đều từ Bát-nhã ba-la-mật sinh. Dùng pháp cúng dường

即是供養諸佛如來。不以賞財而為供養。

tức thị cung dưỡng chư Phật như lai 。

tức là cúng dường chư Phật Như Lai; không dùng tài sản mà cúng dường.

法供養者諸供養中最高為第一。梵天。有人護持如來正法。

Pháp cúng dường giả chư cúng dường trung tối vi đệ nhất 。 Phạm Thiên 。 hữu nhân hộ trì Như Lai chính Pháp 。

Cúng dường Pháp là cao nhất trong các sự cúng dường. Phạm thiên, có người giữ gìn Chính pháp của như lai,

當知此人二世安樂。是故梵天。

đương tri thử nhân nhị thế an lạc 。 thị cố Phạm Thiên 。

nên biết người này hai đời an lạc. Vì thế, Phạm thiên,

應須護持甚深修多羅。梵天。梵天以擁護法故。

ứng tu hộ trì thậm thâm tu đa-la 。 Phạm Thiên 。

Phạm Thiên dĩ ủng hộ Pháp cố 。

cần phải giữ gìn kinh sâu xa này. Phạm thiên, vì ủng hộ Pháp nên Phạm thiên

得見賢劫千佛悉為請主。

đắc kiến hiền kiếp thiên Phật tất vi thỉnh chủ 。

được thấy ngàn Phật trong Hiền kiếp, tất mời làm chủ.

梵天於此穢土護持正法須與之間。勝在淨土過一劫若一劫。

Phạm Thiên ư thử uế thổ hộ trì chính Pháp tu du chi gian 。

thắng tại tịnh độ quá nhất kiếp nhược nhất kiếp 。

Phạm thiên giữ gìn Chính pháp ở nơi cõi uế này, dù trong khoảnh khắc mà hơn ở tịnh độ quá một kiếp hoặc một kiếp.

是故宜應勤加精進擁護正法。

thị cố nghi ứng tinh cần gia tinh tấn ủng hộ chính Pháp 。

Vì thế nên phải siêng năng, cố gắng giữ gìn Chính pháp.

爾時世尊復告釋提桓因言。憍尸迦。

nhĩ thời Thế Tôn phục cáo thích đề hoàn nhân ngôn 。 kiêu thi ca 。

[Bấy giờ, Phật lại bảo Thích-đề-hoàn-nhân: Kiêu-thi-ca,](#)

所在之處有此般若波羅蜜修多羅。當知即是如來得菩提處。轉法輪處。

sở tại chi xử hữu thử bát nhã ba la mật tu đa-la 。 đương tri tức thị
Như Lai đắc bồ đề xử 。 chuyển Pháp luân xử 。

[chỗ hiện tại có kinh Bát-nhã ba-la-mật này, nên biết đó là chỗ Như Lai đắc Bồ-đề,](#)

示涅槃處。何以故。憍尸迦。

kì Niết-Bàn xử 。 hà dĩ cố 。 kiêu thi ca 。

[là chỗ thị hiện Niết-bàn. Vì sao? Kiêu-thi-ca,](#)

一切菩薩一切善法一切諸佛。皆從此修多羅生。憍尸迦。

nhất thiết Bồ Tát nhất thiết thiện Pháp nhất thiết chư Phật 。 giai tòng thử
tu đa-la sinh 。 kiêu thi ca 。

[tất cả Bồ-tát, tất cả pháp lành, tất cả chư Phật đều từ kinh này sinh. Kiêu-thi-ca,](#)

若有法師流通此修多羅處。

nhược hữu Pháp sư lưu thông thử tu đa-la xử 。

[nếu nơi có Pháp sư lưu thông kinh này,](#)

此地即是如來所行。於彼法師當生善知識心尊重之心。

thử địa tức thị Như Lai sở hạnh 。 ư bỉ Pháp sư đương sinh thiện tri
thức tâm tôn trọng chi tâm 。

[nơi đó chính là nơi có Như Lai đi. Đối với Pháp sư đó nên sinh tâm thiện tri thức,
tâm tôn trọng,](#)

猶如佛心。見是法師恭敬歡喜尊重讚歎。憍尸迦。

do như Phật tâm 。 kiến thị Pháp sư cung kính hoan hỷ tôn trọng tán
thán 。 kiêu thi ca 。

giống như tâm Phật. Thấy Pháp sư này, thì cung kính, vui vẻ, tôn trọng, khen
ngợi. Kiêu-thi-ca,

若我住世一劫若減一劫。

nhược ngã trụ thế nhất kiếp nhược giảm nhất kiếp 。

nếu Ta trụ thế một kiếp hoặc giảm một kiếp,

說是流通此修多羅法師功德不能究盡。憍尸迦。

thuyết thị lưu thông thử tu đa-la Pháp sư công đức bất năng cứu tận 。

kiêu thi ca 。

cũng nói không hết công đức lưu thông kinh này của Pháp sư. Kiêu-thi-ca,

若此法師所行之處。善男子善女人。

nhược thử Pháp sư sở hạnh chi xử 。

nếu thấy nơi Pháp sư đi, thiện nam tử, thiện nữ nhân

宜應刺血灑地令塵不起。如是供養未足為多。何以故。

nghi ứng thử huyết sai địa lệnh trần bất khởi 。

nên chích máu rưới đất để khởi bụi. Cúng dường như thế chưa phải là
nhiều. Vì sao?

如來法輪難受持故。爾時釋提桓因白佛言。世尊。

Như Lai Pháp luân nan thọ trì cố 。

nhĩ thời thích đề hoàn nhân bạch Phật
ngôn 。

未來世中說是修多羅處。

vị lai thế trung thuyết thị tu đa-la xử 。
ở đời vị lai, chỗ có nói kinh này,

我及眷屬擁護彼地及說法者。若見彼有修多羅處。

ngã cập quyến chúc ủng hộ bỉ địa cập thuyết Pháp giả 。 nhược kiến
bỉ hữu tu đa-la xử 。

con cùng quyến thuộc ủng hộ chỗ đó và người nói pháp. Nếu thấy chỗ có kinh đó

即生前四種處心。爾時世尊讚天帝釋言。善哉善哉。

tức sinh tiền tứ chủng xử tâm 。 nhĩ thời Thế Tôn tán Thiên đế
thích ngôn 。 Thiện tai Thiện tai 。

tức sinh bốn loại xử tâm trước. Bấy giờ, Thế Tôn khen ngợi Thiên Đế Thích: Lành
thay! Lành thay!

憍尸迦。以此修多羅付囑。憍尸迦。

kiêu thi ca 。 dĩ thử tu đa-la phó chúc 。 kiêu thi ca 。

Kiêu-thi-ca. Phó chúc kinh này cho Kiêu-thi-ca,

未來末世擁護流通。爾時釋提桓因白佛言。世尊。

vị lai mạt thế ủng hộ lưu thông 。 nhĩ thời thích đề hoàn nhân bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

ủng hộ lưu thông trong đời vị lai mạt thế. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân bạch
Phật: Thế Tôn,

我等諸天得生善道。皆悉由此修多羅故。

ngã đẳng chư Thiên đắc sinh thiện đạo 。 giai tất do thử tu đa-la cố
。

chư Thiên chúng con được sinh đường lành đều do kinh này;

求阿耨多羅三藐三菩提。亦復由此修多羅故。

cầu a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 diệc phục do thử tu đa-la cố
。

[cầu Vô thượng Chính đẳng Chính giác cũng do kinh này.](#)

我當不顧身命擁護正法。佛言。憍尸迦。

ngã đương bất cố thân mạng ủng hộ chính Pháp 。 Phật ngôn 。 kiêu
thi ca 。

[Con sẽ không tiếc thân mạng, ủng hộ Chính pháp. Phật dạy: Kiêu-thi-ca,](#)

如聞修行。善哉善哉。佛說是修多羅已。

như văn tu hành 。 Thiện tai Thiện tai 。 Phật thuyết thị tu đa-la dĩ 。

[tu hành đúng như nghe. Lành thay! Lành thay! Phật nói kinh này xong,](#)

勝天王及十方諸大菩薩眾。一切聲聞眾。

thắng Thiên Vương cập thập phương chư Đại Bồ Tát chúng 。 nhất thiết
thanh văn chúng 。

[Thắng Thiên Vương và mười phương chúng Đại Bồ-tát, tất cả chúng Thanh Văn,](#)

天龍夜叉乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽人非人等。

Thiên Long dạ xoa Càn-thát-bà A-tu-La ca lâu la khẩn na la Ma hầu la dà
nhân phi

[Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già,
người, phi nhân, vân vân,](#)

聞佛所說信受奉行。

nhân đẳng 。 văn Phật sở thuyết tín thọ phụng hành 。

[nghe lời Phật nói, vui vẻ vâng làm.](#)

勝天王般若波羅蜜經

thắng Thiên Vương bát nhã ba la mật Kinh

[Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã ba-la-mật.](#)

*

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiến Huyền Phiên Âm và
Lược Dịch Sun Apr 30 19:23:18 2006

=====